

MỤC LỤC

Những giải thích vắn tắt về các tài liệu chuyên môn dùng trong bộ giải kinh Cựu Ước này	i
Những định nghĩa vắn tắt về những dạng động từ tiếng Hê-bơ-rơ tác động đến việc giải kinh.....	iii
Những chữ viết tắt được dùng trong tập giải kinh này.....	x
Tập tài liệu giải kinh này có thể giúp ích gì cho bạn?	xii
Hướng dẫn thói quen đọc Kinh thánh hiệu quả.....	xiv
Giới thiệu sách A-môt	1
A-môt đoạn 1.....	10
A-môt đoạn 2.....	30
A-môt đoạn 3.....	46
A-môt đoạn 4.....	66
A-môt đoạn 5.....	77
A-môt đoạn 6.....	92
A-môt đoạn 7	103
A-môt đoạn 8.....	114
A-môt đoạn 9.....	123
Giới thiệu sách Ô-sê	140
Ô-sê đoạn 1	145
Ô-sê đoạn 2	153
Ô-sê đoạn 3	168
Ô-sê đoạn 4	174
Ô-sê đoạn 5	184
Ô-sê đoạn 6	193
Ô-sê đoạn 7	199
Ô-sê đoạn 8	208
Ô-sê đoạn 9	215

Ô-sê đoạn 10	224
Ô-sê đoạn 11	233
Ô-sê đoạn 12	241
Ô-sê đoạn 13	247
Ô-sê đoạn 14	253
Giới thiệu sách Giô-na	259
Giô-na đoạn 1	263
Giô-na đoạn 2	277
Giô-na đoạn 3	284
Giô-na đoạn 4	291
Giới thiệu sách Mi-chê	296
Mi-chê đoạn 1	301
Mi-chê đoạn 2	311
Mi-chê đoạn 3	321
Mi-chê đoạn 4	329
Mi-chê đoạn 5	344
Mi-chê đoạn 6	357
Mi-chê đoạn 7	369
Phụ lục một : Các biểu đồ về các đời vua và những sự kiện	380
Phụ lục hai : Lược khảo vắn tắt lịch sử của những đế quốc vùng Mê-sô-pô-ta-mi	386
Phụ lục ba : Đại cương tổng quát của Cựu Ước	395

MỤC LỤC CÁC CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT

Thơ ca tiếng Hê-bơ-rơ, A-môt 1:2	14
Các danh hiệu thần linh, A-môt 1:2	17
Sự ăn năn trong Cựu Ước, A-môt 1:3	22
Sự thờ lạy thần sinh sản trong vùng Cận Đông thời cổ đại, A-môt 1:9	27
Tập tục hỏa táng, A-môt 2:1	32
Sự công bình, A-môt 2:6	36
Sự thánh khiết, A-môt 2:7	42
Người A-mô-rít, A-môt 2:9	44
Những hệ thống dâng hiến sinh tế của vùng Cận Đông thời cổ đại, A-môt 3:14	56
Thái độ của Kinh Thánh về rượu (sự lên men) và tệ nghiện rượu, A-môt 6:6	99
Lửa, A-môt 7:7	109
Tiên tri (dựa theo những chữ Hê-bơ-rơ khác nhau), A-môt 7:12	113
Những đơn vị cân nặng và khối lượng của vùng Cận Đông thời cổ đại, A-môt 8:5	120
Người chết ở đâu?, A-môt 9:2	128
“Những đối nghịch” trích từ phần giới thiệu quan trọng của tập giải kinh sách Khải Huyền, A-môt 9:7	132
Giao ước, Ô-sê 2:18	161
Đời đời (‘Olam), Ô-sê 2:19	163
Yêu thương nhân từ (Hesed), Ô-sê 2:19	165
Tê-ra-phim, Ô-sê 3:4	171
Đời này và đời sắp đến, Ô-sê 3:5	173

Sư tử trong Cựu Ước, Ô-sê 5:14	191
Cứu chuộc/Cứu rỗi, Ô-sê 7:13	204
Trái tim/Tấm lòng, Ô-sê 10:1	226
Thuyết Tiền Định (Calvinism) đối với Ý chí tự do con người (Arminiaism), Giô-na 1:14	270
Đức tin (ở dạng danh từ, động từ và tính từ), Giô-na 3:5	287
Dân còn sót lại (theo ba nghĩa), Mi-chê 2:12	319
Những sự tiên báo tương lai trong Cựu Ước và Tân Ước, Mi-chê 4:7	335
Đức Chúa Trời Ba Ngôi, Mi-chê 5:2	349
Những thiên lệch theo quan điểm tin lành của Bob, Mi-chê 5:7	353
Phụ nữ trong Kinh Thánh, Mi-chê 6:4	360

GIẢI THÍCH VẤN TẮT VỀ CÁC TÀI LIỆU CHUYÊN MÔN ĐƯỢC DÙNG TRONG BỘ GIẢI KINH CỰU ƯỚC NÀY.

I. Từ vựng

Có vài quyển từ điển chuyên sâu về tiếng Hê-bơ-rơ cổ rất hữu ích.

- A. *Hebrew and English Lexicon of Old Testament* của Francis Brown, S. R. Driver, và Charles A. Briggs. Quyển này dựa theo quyển từ điển bằng tiếng Đức của William Gesenius và được viết tắt là BDB.
- B. *Hebrew and Aramaic Lexicon of Old Testament* của Ludwig Koehler và Walter Baumgartner, do M. E. J. Richardson dịch. Chữ viết tắt của nó là KB.
- C. *A Concise Hebrew and Aramaic Lexicon of Old Testament* của William L. Holladay dựa theo quyển từ điển bằng tiếng Đức đã đề cập ở trên.
- D. Một bộ mới năm quyển nghiên cứu từ vựng thần học được đặt tên *New International Dictionary of Old Testament Theology and Exegesis*, do Willem A. Van Gemeren biên tập. Chữ viết tắt của nó là NIDOTTE.

Những chỗ nào có khác biệt quan trọng về từ vựng thì tôi trưng ra một số bản dịch tiếng Anh (NASB, NKJV, NRSV, TEV, NJB) theo cách dịch “từng chữ” và cách dịch “trung ương trong cách dùng (chức năng)” (xem Gordon Fee & Douglas Stuart, *How to Read the Bible For All Its Worth*, trang 28-44).

II. Về ngữ pháp

Muốn hiểu được ngữ pháp thì thường dựa vào bộ *Analytical Key to Old Testament* với bốn quyển của John Joseph Owens. Tài liệu trên được đối chiếu với quyển *Analytical Hebrew and Chaldee Lexicon of Old Testament* của Benjamin Davidson.

Tài liệu hữu ích khác về những đặc điểm ngữ pháp và cú pháp được dùng trong hầu hết những tập giải kinh Cựu Ước của bộ “Bạn có thể hiểu Kinh Thánh” là bộ “Những trợ giúp cho dịch giả” của Thánh Kinh Hội Quốc Tế (United King Thánh Societies). Chúng được đặt tên là “Cẩm nang cho _____”.

III. Bản văn

Tôi công nhận sự linh cảm của bản văn phụ âm tiếng Hê-bơ-rơ (không có những dấu nguyên âm và chú thích của Masoretic). Cũng giống như mọi bản văn cổ chép tay đều có một vài đoạn văn còn trong vòng nghi vấn. Đây là điều thông thường là do những điều như sau:

- A. *hapax legomenon* (là chữ được dùng chỉ có một lần trong tiếng Hê-bơ-rơ của Cựu Ước)
- B. Những cụm từ thành ngữ (những chữ và cụm từ đã mất nghĩa đen nguyên thủy)
- C. Không có chắc chắn về lịch sử (chúng ta thiếu thông tin về thế giới cổ đại)
- D. Ngữ nghĩa của những nhóm khác trong ngôn ngữ semitic lại có trong số từ vựng giới hạn của tiếng Hê-bơ-rơ
- E. Các nan đề liên hệ tới các nhà chép kinh về sau, chép tay những bản văn tiếng Hê-bơ-rơ cổ
- F. Các nhà chép kinh Do thái được đào tạo (học) tại Ai-cập cảm thấy được phép cập nhật hóa bản văn nên khi chép họ bổ sung cho chúng được đầy đủ để người sống trong thời đại của họ có thể hiểu được (NIDOTTE trang 52-54).

Có vài tài liệu gồm từ ngữ và bản văn tiếng Hê-bơ-rơ bên ngoài Bản văn truyền

thống Masoretic.

1. Bộ Ngũ Kinh của người Sa-ma-ri
2. Các cuộn Biển Chết
3. Một vài đồng xu sau này, những lá thư, và ostraca (những mảnh vỡ của gốm chưa nung dùng để viết).

Nhưng hầu như Cựu Ước không có những dòng họ (trường phái) bản chép tay giống như trong các bản chép tay Tân Ước tiếng Hy Lạp. Để tìm một bài viết hay về tính đáng tin cậy về văn mạch của bản văn Masoretic (có khoảng năm 900 sau Chúa) xem bài viết “The Reliability of the Old Testament Text” của Bruce K. Waltke trong NIDOTTE, quyển 1, trang 51-67.

Bản văn Hê-bơ-rơ được dùng là từ *Biblia Hebraica Stuttgartensia* từ Hội Kinh Thánh Đức, 1997, được dựa trên Leningrad Codex (năm 1009 sau Chúa). Thành thạo, những phiên bản cổ xưa (Septuagint tiếng Hy Lạp, bản Targums tiếng A-ram, Syriac Peshitta, và Latin Vulgate) được tham khảo nếu tiếng Hê-bơ-rơ tối nghĩa hay là có lầm lẫn cách rõ ràng.

NHỮNG ĐỊNH NGHĨA VẮN TẮT CỦA NHỮNG DẠNG ĐỘNG TỪ TIẾNG HÊ-BƠ-RƠ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC GIẢI KINH

I. Tóm tắt lịch sử phát triển của tiếng Hê-bơ-rơ

Tiếng Hê-bơ-rơ là thành phần trong nhóm ngôn ngữ Shemitic (Semitic) ở tây nam Châu Á. Tên gọi này (do những học giả hiện đại đặt) theo tên Sem, con của Nô-ê (xem Sáng thế Ký 5:32; 6:10). Những con cháu của Sem được liệt kê trong Sáng thế Ký 10:21-31 như Ả-rập, Hê-bơ-rơ, Sy-ri, A-ram, và A-sy-ri. Trong thực tế một vài ngôn ngữ Semitic được các quốc gia thuộc dòng dõi của Cham sử dụng (xem Sáng thế Ký 10:6-14) như Ca-na-an, Phê-ni-xi, và Ê-thi-ô-pi.

Hê-bơ-rơ thuộc trong nhóm tây bắc của ngôn ngữ Semitic. Những học giả hiện đại có những mẫu tiêu biểu của nhóm ngôn ngữ cổ này từ:

- A. Dân A-mô-rít (những bảng *Mari Tablets* từ thế kỷ 18 trước Chúa trong tiếng Akkadian)
- B. Dân Ca-na-an (những bảng *Ras Shamra Tablets* từ thế kỷ 15 trong tiếng Ugaritic)
- C. Dân Ca-na-an (những lá thư *Amarna Letters* từ thế kỷ 14 trong tiếng Ca-na-an Akkadian)
- D. Dân Phê-ni-xi (tiếng Hê-bơ-rơ sử dụng mẫu tự tiếng Phê-ni-xi)
- E. Dân Mô-áp (bảng đá Mesha, năm 840 trước Chúa)
- F. Tiếng A-ram (ngôn ngữ chính thức của đế quốc Ba-tur dùng trong Sáng thế Ký 31:47 [2 chữ]; Giê-rê-mi 10:11; Đa-ni-ên 2:4-6; 7:28; Ê-xơ-ra 4:8-6:18; 7:12-26 và người Do thái trong thế kỷ thứ nhất xứ Palestine sử dụng)

Ngôn ngữ Hê-bơ-rơ được gọi là “cái môi của Ca-na-an” trong Ê-sai 19:18. Nó được gọi trước tiên là “Hê-bơ-rơ” trong phần mở đầu của sách ngụ kinh Ecclesiasticus (Sự khôn ngoan của Ben Sira) khoảng năm 180 trước Chúa (và một vài chỗ khác sớm hơn, xem *Anchor Bible Dictionary*, quyển 4, trang 205ff). Nó có liên hệ gần nhất với tiếng Mô-áp và ngôn ngữ dùng trong xứ U-ga-rít. Những dẫn chứng của tiếng Hê-bơ-rơ cổ tìm thấy bên ngoài Kinh Thánh là:

- 1. Lịch Gezer, năm 925 trước Chúa (một học sinh viết)
- 2. Bia đá Siloam, năm 705 trước Chúa (những ghi chép trong đường hầm)
- 3. Những miếng gốm tiếng Sa-ma-ri (Samaritan Ostrada), năm 770 trước Chúa (những hồ sơ thuế ghi trên những mảnh vỡ bằng gốm)
- 4. Những lá thư Lachish, năm 587 trước Chúa (truyền tin chiến cuộc)
- 5. Những đồng xu và những con dấu Maccabean
- 6. Một vài bản văn trong các Cuộn Biển Chết
- 7. Nhiều bia khắc (xem “Các ngôn ngữ [tiếng Hê-bơ-rơ],” ABD 4:203ff)

Cũng giống như tất cả các ngôn ngữ Semitic, nó có đặc điểm là chữ của nó được tạo nên do ba phụ âm (ba phụ âm gốc). Nó là một ngôn ngữ linh động (không cố định). Ba phụ âm gốc chứa đựng ý nghĩa cơ bản của từ, trong khi đó tiền tố, hậu tố, hay là những chi tiết bổ sung bên trong trình bày về chức năng cú pháp (sau đó là những nguyên

âm, xem *Linguistic Analysis of Biblical Hebrew*, của Sue Green, trang 46-49).

Từ vựng tiếng Hê-bơ-rơ biểu lộ ra sự khác biệt giữa văn xuôi và thơ. Những ý nghĩa của chữ được gắn kết với những từ nguyên trong dân gian (không có nguồn gốc ngôn ngữ học). Những cách chơi chữ và cách dùng âm rất thông dụng (*paronomasia*).

II. Những khía cạnh của vị ngữ

A. NHỮNG ĐỘNG TỪ

Thứ tự từ ngữ thông thường là ĐỘNG TỪ, ĐẠI TỪ, CHỦ NGỮ (với những chữ bổ nghĩa), BỔ NGỮ (với những chữ bổ nghĩa). ĐỘNG TỪ cơ bản không đầu là Qal, ở dạng HOÀN THÀNH (PERFECT), GIỐNG ĐỰC (MASCULINE), SỐ ÍT (SINGULAR). Đó là cách sắp xếp của những từ điển tiếng Hê-bơ-rơ và tiếng A-ram.

Những ĐỘNG TỪ (VERB) biến cách cho thấy:

1. Số—số ít, số nhiều, cả hai
2. Giống—giống đực và giống cái (không có trung tính)
3. Cách—chỉ định, câu khẩn, mệnh lệnh (mối liên hệ với hành động thực tế)
4. Thì (aspect)
 - a. HOÀN THÀNH (PERFECT), có nghĩa đã hoàn tất, theo nghĩa có khởi đầu, tiếp diễn, và kết thúc của một hành động. Dạng này thường được dùng cho hành động quá khứ, sự việc đã xảy ra. J. Wash Watts trong *A Survey of Syntax in Hebrew Old Testament* nói:

“Từng cái toàn thể được diễn tả bởi thì hoàn thành cũng được xem như chắc chắn. Thì chưa hoàn thành có thể diễn tả một tình trạng như là có thể hay là ước mong hoặc là trông chờ, còn thì hoàn thành thì xem nó như là thực sự, có thật và chắc chắn” (p. 36).

S. R. Driver trong quyển *“A Treatise on the Use of the Tenses in Hebrew”* mô tả nó như sau:

“Thì hoàn thành được sử dụng để chỉ hành động hoàn tất ở tương lai, nhưng vì được coi là phụ thuộc vào quyết định không dòi dôi của ý chí nên nó có thể được nói đến như thể việc có thật đang xảy ra: do đó một quyết nghị, lời hứa, chiếu chỉ (sắc lệnh) đặc biệt là của thần linh thường được công bố bằng thì hoàn thành” (trang 17, ví dụ về thì hoàn thành của thể loại tiên tri).

Robert B. Chisholm, Jr. trong quyển *From Exegesis to Exposition*, định nghĩa dạng động từ này như sau:

“nhìn xem một tình huống từ bên ngoài, như một toàn thể. Như vậy nó trình bày một sự việc đơn giản, cho dù đó là một hành động hoặc trạng thái (bao gồm cả tình trạng tâm trí). Khi được dùng để chỉ các hành động, nó thường xem hành động là hoàn thành từ quan điểm thuyết phục của người nói hoặc người kể (cho dù trong thực tế có hoàn thành hay không thì không phải là điều quan trọng). Thì hoàn thành có thể gắn liền với những hành động, trạng thái trong quá khứ, hiện tại hoặc trong tương lai. Như đã nói ở trên, cơ cấu thời gian ảnh hưởng đến việc một người dịch thì hoàn thành sang những ngôn ngữ chú trọng vào các thì giống như Anh ngữ và cơ cấu đó cần phải được xác định dựa vào bối cảnh” (trang 86).

b. THÌ CHƯA HOÀN THÀNH, diễn tả một hành động đang diễn tiến (chưa chấm dứt, lặp đi lặp lại, tiếp tục hoặc không chắc chắn), thường hướng tới một mục tiêu. Thông thường hình thức này được sử dụng cho một hành động trong hiện tại và tương lai.

J. Wash Watts trong quyển *A Survey of Syntax in the Hebrew Old Testament* nói “Tất cả các thì CHƯA HOÀN THÀNH diễn tả các tình trạng không hoàn tất. Chúng thường lặp đi lặp lại, tiếp tục khai triển hoặc có bất ngờ (không chắc chắn). Nói cách khác, có phần tiếp tục phát triển hoặc có phần được xác định. Trong mọi trường hợp, theo một số nghĩa thì chúng chỉ là từng thành phần, tức là vẫn chưa đầy đủ” (trang 55).

Robert B. Chisholm, Jr. trong quyển *From Exegesis to Exposition* nói “Thật là khó để tóm gọn bản chất của thì chưa hoàn thành vào một khái niệm đơn giản, vì nó gồm chứa cả thì (aspect) và cách (mood). Đôi khi thì chưa hoàn thành được sử dụng theo cách thức chỉ định và thực hiện một tuyên bố khách quan. Trong những trường hợp khác, nó nhìn xem một hành động theo cách chủ quan hơn, cũng như giả thuyết, bất ngờ, có thể và vân vân...” (trang 89).

c. Chữ “waw” được thêm vào để liên kết ĐỘNG TỪ với hành động của ĐỘNG TỪ trước đó.

d. MỆNH LỆNH, căn cứ theo ý muốn của người nói và hành động có thể thực hiện của người nghe.

e. Trong tiếng Hê-bơ-rơ cổ, chỉ có những bối cảnh tổng quát mới có thể xác định được việc định hướng thời gian theo ý định của tác giả.

B. Bảy hình thức biến cách chính và ý nghĩa cơ bản của chúng. Trong thực tế những hình thức này tạo sự kết nối lẫn nhau trong mạch văn và không thể bị tách biệt.

1. Qal (Kal) là phổ biến nhất và cơ bản của tất cả các dạng thức. Nó biểu thị một hành động đơn giản hoặc một tình trạng hiện có. Nó không nói đến liên hệ nhân quả hoặc việc xác định cho rõ.
2. Niphal, hình thức phổ biến thứ hai. Nó thường là THỤ ĐỘNG, nhưng hình thức này cũng có chức năng phản thân (reflexive) và hỗ tương với nhau (reciprocal). Nó cũng không nói đến liên hệ nhân quả hoặc việc xác định cho rõ.
3. Piel, hình thức này là chủ động và trình bày về việc tạo ra một hành động dẫn tới tình trạng hiện có. Ý nghĩa cơ bản là của gốc (stem) Qal và được phát triển hoặc mở rộng thành một tình trạng hiện có.
4. Pual, đây là dạng THỤ ĐỘNG đối ứng lại với dạng Piel. Nó thường được thể hiện bằng một ĐỘNG TÍNH TỪ.
5. Hithpael là loại (stem, gốc) phản thân hoặc hỗ tương với nhau. Nó diễn tả hành động lặp lại hay kéo dài thuộc gốc Piel. Dạng THỤ ĐỘNG hiếm gặp này được gọi là Hothpael.
6. Hiphil, hình thức chủ động của loại (stem) gây ra nguyên nhân và đối lập với Piel. Nó có thể có khía cạnh cho phép, nhưng thường đề cập đến nguyên nhân gây ra của một sự kiện. Ernst Jenni, một nhà ngữ pháp tiếng Hê-bơ-rơ, tin rằng Piel chứng tỏ một điều gì đó tiến đến tình trạng hiện có, trong khi Hiphil cho thấy nó đã xảy ra như thế

nào.

7. Hophal, dạng THỤ ĐỘNG đối ứng với Hiphil. Hai dạng từ gốc cuối cùng ít được sử dụng nhất trong bảy loại từ gốc.

Phần lớn thông tin này đến từ quyển *An Introduction to Biblical Hebrew Syntax* của Bruce K. Waltke và M. O'Connor, trang 343-452.

Biểu đồ tác động và hệ quả. Một điểm quan trọng để hiểu biết hệ thống ĐỘNG TỪ tiếng Hê-bơ-rơ là xem nó như là một mô hình của các mối liên hệ theo các THỂ (VOICE). Một số từ gốc thì đối lập với những từ gốc khác (ví dụ, Qal - Niphal; Piel - Hiphil)

Biểu đồ dưới đây cố gắng để hình dung các chức năng cơ bản của các gốc ĐỘNG TỪ theo hệ quả. (***) chú thích người dịch: vì không có chữ tiếng Việt tương đương nên không thể dịch một vài thuật ngữ/khái niệm ngữ pháp trong bản dưới đây ***)

CÁCH/THỂ hay CHỦ NGỮ	No Secondary Agency	An Active Secondary Agency	A Passive Secondary Agency
CHỦ ĐỘNG	<i>Qal</i>	<i>Hiphil</i>	<i>Piel</i>
THỤ ĐỘNG TRUNG CẤP	<i>Niphal</i>	<i>Hophal</i>	<i>Pual</i>
PHẢN THÂN/HỒ TƯƠNG	<i>Niphal</i>	<i>Hiphil</i>	<i>Hithpael</i>

Biểu đồ này được lấy từ bài phân tích xuất sắc hệ thống ĐỘNG TỪ dựa theo kết quả nghiên cứu mới về tiếng Akkadian (xem quyển *An Introduction to Biblical Hebrew Syntax* của Bruce K. Waltke, M. O'Conner, trang 354-359.

R. H. Kennett, trong quyển *A Short Account of the Hebrew Tenses*, đã cung cấp một cảnh báo cần thiết.

“Trong khi dạy học tôi thường thấy khó khăn chính của sinh viên với các động từ tiếng Hê-bơ-rơ là nắm bắt cho được những ý nghĩa mà động từ truyền tải đến tâm tư suy nghĩ của chính người Do Thái. Điều đó cho thấy là có xu hướng xem mỗi thì (tense) của tiếng Hê-bơ-rơ tương đương với một số nào đó của các dạng thức (ngữ pháp) trong tiếng Latin hoặc tiếng Anh, bởi đó mà loại thì đặc thù (particular Tense) lại được dịch theo cách thông thường. Kết quả là thất bại trong việc thấu hiểu rất nhiều những sắc thái tinh tế của ý nghĩa mà nó đã đem lại sự sống và sinh lực cho ngôn ngữ của Cựu Ước.

Khi sử dụng các động từ tiếng Hê-bơ-rơ thì điều khó khăn duy nhất là nằm trong quan điểm để từ đó người Hê-bơ-rơ xem xét một hành động vì vậy nó hoàn toàn khác với quan điểm của chúng ta. Đối với chúng ta thời điểm là điều xem xét đầu tiên được bày tỏ qua chữ tense (thời điểm căng thẳng), nhưng đối với họ (người Do Thái) đó là một việc thứ yếu. Do đó điều cần thiết là một sinh viên không được sử dụng quá nhiều các hình thức trong tiếng Latin hoặc tiếng Anh để dịch các thì trong tiếng Hê-bơ-rơ, nhưng tốt hơn là nên nắm bắt rõ ràng khía cạnh của mỗi hành động mà nó tự phô bày trong tâm trí của người Do Thái.

Chữ “thì”(tense) áp dụng cho các động từ tiếng Hê-bơ-rơ khiến hiểu nhầm. Cái gọi là “thì” trong tiếng Hê-bơ-rơ không diễn đạt thời gian nhưng chỉ là trạng thái của một hành động. Thật vậy để không bị nhầm lẫn nên nêu lên sự áp dụng thuật ngữ “trạng thái” cho cả danh từ và động từ, chữ “các trạng thái” sẽ xác định rõ hơn nhiều hơn so với chữ “các

thì.” Cần phải luôn luôn ghi nhớ rằng không thể dịch một động từ tiếng Hê-bơ-rơ sang tiếng Anh mà không cần sử dụng một giới hạn (xác định thời gian) đây là điều hoàn toàn không có trong tiếng Hê-bơ-rơ. Người Do Thái cổ đại không bao giờ nghĩ về một hành động theo (ý nghĩa) quá khứ, hiện tại hay tương lai, mà chỉ đơn giản là HOÀN THÀNH, tức là chấm dứt, hoặc KHÔNG HOÀN THÀNH, nghĩa là đang còn tiếp diễn. Khi chúng ta nói rằng một số thì trong tiếng Hê-bơ-rơ tương ứng với thì HOÀN THÀNH, QUÁ KHỨ HOÀN THÀNH hoặc TƯƠNG LAI trong tiếng Anh, chúng ta không có ý nói rằng người Do Thái nghĩ về nó như là HOÀN THÀNH, QUÁ KHỨ HOÀN THÀNH hoặc TƯƠNG LAI, nhưng chỉ đơn giản là chúng phải được dịch sang tiếng Anh như vậy. Thời gian của một hành động trong tiếng Hê-bơ-rơ không diễn đạt bằng bất kỳ một dạng thức động từ nào” (trong lời mở đầu và trang 1).

Một cảnh báo thứ hai của Sue Groom trong quyển *Linguistic Analysis of Biblical Hebrew* nhắc chúng ta rằng:

“Không có cách nào để phân biệt được giữa (1) Quá trình thiết lập lại lĩnh vực ngữ nghĩa và các liên hệ ý nghĩa của một ngôn ngữ chết cổ đại của các học giả hiện đại chỉ là sự phản ánh trực giác của chính riêng họ hoặc của ngôn ngữ mẹ đẻ của họ với (2) Các lĩnh vực đó đã hiện hữu (đúng y như) trong tiếng Hê-bơ-rơ cổ” (trang 128).

C. CÁCH (Moods, Modes)

1. Nó đã xảy ra, đang xảy ra (CHỈ ĐỊNH CÁCH), thường sử dụng thì HOÀN THÀNH hoặc ĐỘNG TÍNH TỬ (PARTICIPLE) (tất cả các ĐỘNG TÍNH TỬ đều là dạng CHỈ ĐỊNH).
2. Nó sẽ xảy ra, có thể xảy ra (BÀNG THÁI CÁCH, (subjunctive) GIẢ ĐỊNH, CẦU KHĂN)
 - a. sử dụng THÌ CHƯA HOÀN THÀNH có đánh dấu
 - (1) DẠNG KHÍCH LỆ (thêm h), THÌ CHƯA HOÀN THÀNH ngôi thứ nhất, thường bày tỏ một mong muốn, yêu cầu hoặc tự khuyến khích (hành động theo ý muốn của người nói)
 - (2) DẠNG MỆNH LỆNH (thay đổi bên trong), THÌ CHƯA HOÀN THÀNH ngôi thứ ba (có thể là ngôi thứ hai trong câu phủ định) thường trình bày một yêu cầu, sự cho phép, một lời nhắc nhở, hoặc một lời khuyên
 - b. sử dụng THÌ HOÀN THÀNH với lu hoặc lule
 Những cấu trúc này tương tự với các câu ĐIỀU KIỆN BẬC HAI trong tiếng Hy Lạp Koine. Một phát biểu sai (protasis) dẫn đến một kết luận sai (apodosis).
 - c. sử dụng THÌ CHƯA HOÀN THÀNH và lu
 Mạch văn và lu, cũng như hướng về tương lai, tạo nên cách dùng đặc biệt cách CẦU KHĂN, GIẢ ĐỊNH này. Một số ví dụ từ quyển *A Survey of Syntax in the Hebrew Old Testament* của J. Wash Watts là Sáng thế Ký 13:16; Phục truyền Luật lệ Ký 1:12; I Các vua 13:8; Thi thiên 24:3; Ê-sai 1:18 (xem trang 76-77).

D. Waw - chuyển đổi, liên tục, liên kết. Đặc tính cú pháp độc nhất này của tiếng Hê-bơ-rơ (ngôn ngữ của người vùng Ca-na-an) đã gây ra sự nhầm lẫn lớn trong những năm qua. Nó được sử dụng theo nhiều cách thường là dựa theo thể loại. Lý do của sự nhầm lẫn là các học giả đầu tiên là người Châu Âu và họ đã cố gắng giải thích theo ngôn ngữ mẹ đẻ của họ. Khi phương cách trên gặp trở ngại, thì họ đổ lỗi rằng tiếng Hê-bơ-rơ là một ngôn ngữ cổ giả định. Những ngôn ngữ Châu Âu là những ĐỘNG TỬ được căn cứ theo THÌ (tense). Một số các hàm chứa đa dạng và ngữ pháp được xác định bởi chữ WAW được

thêm vào gốc ĐỘNG TỪ ở THÌ HOÀN THÀNH VÀ CHƯA HOÀN THÀNH. Điều này làm thay đổi cách xem xét hành động.

1. Trong thể loại tường thuật truyện tích lịch sử, những ĐỘNG TỪ được liên kết với nhau trong một chuỗi theo một khuôn mẫu tiêu chuẩn.
2. Tiền tố waw cho thấy một mối quan hệ cụ thể với những ĐỘNG TỪ trước đó.
3. Mạch văn rộng hơn luôn luôn là chìa khóa để hiểu được chuỗi ĐỘNG TỪ. Các ĐỘNG TỪ của ngôn ngữ Semitic không thể phân tích cách riêng rẽ, cô lập.

J. Wash Watts trong quyển *A Survey of Syntax in the Hebrew Old Testament* có nhận xét về sự khác biệt của tiếng Hê-bơ-rơ trong cách dùng chữ waw trước THÌ HOÀN THÀNH VÀ THÌ CHƯA HOÀN THÀNH (trang 52-53). Khi ý tưởng cơ bản của THÌ HOÀN THÀNH là quá khứ mà thêm chữ waw vào thì nó đẩy ý nghĩa theo hướng thời gian trong tương lai. Cũng xảy ra y như thế với THÌ CHƯA HOÀN THÀNH có ý tưởng cơ bản là hiện tại hoặc tương lai, nhưng khi thêm chữ waw vào thì đặt ý tưởng đó vào quá khứ. Sự thay đổi thời gian lạ thường này giải thích việc thêm vào chữ waw, chứ không giải thích sự thay đổi theo ý nghĩa cơ bản của THÌ ĐỘNG TỪ. THÌ HOÀN THÀNH kèm theo chữ waw thích hợp với thể loại tiên tri, trong khi các THÌ CHƯA HOÀN THÀNH kết hợp với chữ waw thích hợp với thể loại truyện kể, tường thuật (trang 54, 68).

Watts tiếp tục định nghĩa của ông

“Về sự khác biệt giữa chữ waw liên từ và chữ waw tiếp nối, thì có những giải thích như sau:

1. Waw liên từ luôn luôn xuất hiện để chỉ ra cái tương đương, song song.
2. Waw tiếp nối luôn luôn xuất hiện để chỉ ra một trình tự. Chỉ có một hình thức duy nhất chữ waw được dùng với những THÌ CHƯA HOÀN THÀNH tiếp nối. Sự quan hệ giữa các THÌ CHƯA HOÀN THÀNH được liên kết bởi chữ waw có thể là theo trình tự thời gian, kết quả lý luận, nguyên nhân thuộc lý luận hoặc sự tương phản trong lý luận. Trong tất cả các trường hợp thì đều theo một trình tự” (trang 103).

E. NGUYÊN MẪU - Có hai loại NGUYÊN MẪU

1. NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI (INFINITIVE ABSOLUTE), là “những diễn tả mạnh mẽ, độc lập, nổi bật được sử dụng để đạt được hiệu quả ấn tượng...giống như một chủ ngữ, nó thường không có động từ, dĩ nhiên động từ 'thì,là' được hiểu ngầm, nhưng chữ đó đứng riêng rẽ một mình cách ấn tượng” J. Wash Watts, *A Survey of Syntax in the Hebrew Old Testament* (trang 92) .
2. NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP (INFINITIVE CONSTRUCT). Về mặt ngữ pháp nó “liên kết với câu phát biểu bằng những giới từ, đại từ sở hữu và mối liên hệ từ ghép” (trang 91).

J. Weingreen trong quyển *A Practical Grammar for Classical Hebrew*, mô tả cấu trúc từ ghép là:

“Khi hai chữ (hoặc nhiều hơn) kết hợp với nhau rất chặt chẽ, chúng tạo thành một ý tưởng hỗn hợp thì những chữ phụ được gọi là ở trong cấu trúc từ ghép” (trang 44).

F. NHỮNG TỪ NGHI VẤN (INTERROGATIVES)

1. Chúng luôn luôn xuất hiện đầu câu.
2. Ý nghĩa dành cho giải thích

- a. *ha* - không mong đợi một sự trả lời
- b. *halo'* - tác giả mong đợi một câu trả lời "có"

NHỮNG TỪ PHỦ ĐỊNH (NEGATIVES)

1. Chúng luôn luôn xuất hiện trước những chữ mà chúng phủ nhận.
2. Từ phủ định thông thường nhất là *lo'*.
3. Chữ *'al* có một hàm ý bất ngờ và được sử dụng với DẠNG KHÍCH LỆ (COHORTATIVE) và DẠNG MỆNH LỆNH (JUSSIVE).
4. Chữ *lebhilit*, có nghĩa là “vì đó nên...không” được sử dụng với DẠNG NGUYÊN MẪU (INFINITIVE).
5. Chữ *'en* được sử dụng với các ĐỘNG TÍNH TỪ (PARTICIPLE).

G. CÂU ĐIỀU KIỆN (CONDITIONAL SENTENCE)

1. Có bốn loại câu điều kiện về cơ bản chúng tương tự với tiếng Hy Lạp Koine.
 - a. Một cái gì đó được giả định là sắp xảy ra hoặc được nghĩ đến như thể đã hoàn tất (câu điều kiện loại một trong tiếng Hy Lạp)
 - b. Một điều gì đó trái với thực tế mà sự hoàn tất là không thể (câu điều kiện loại hai)
 - c. Một cái gì đó có thể, có lẽ đúng (câu điều kiện loại ba)
 - d. Một cái gì đó ít khi xảy ra, do đó sự hoàn thành là đáng nghi ngờ (câu điều kiện loại bốn)

2. NHỮNG GHI CHÚ VỀ NGỮ PHÁP

- a. Các giả định trở thành tình trạng đúng với sự thật, có thật thì luôn luôn sử dụng THÌ HOÀN THÀNH của CHỈ ĐỊNH CÁCH (INDICATIVE PERFECT) hoặc ĐỘNG TÍNH TỪ (PARTICIPLE) và mệnh đề điều kiện (protasis) thường được khởi đầu bằng:
 - (1) *'im*
 - (2) *ki* (hoặc *'asher*)
 - (3) *hin* hoặc *hinneh*
- b. Trường hợp trái với tình trạng có thật thì luôn luôn sử dụng một ĐỘNG TỪ (VERB) theo khía cạnh (thì) HOÀN THÀNH (PERFECT) hoặc một ĐỘNG TÍNH TỪ với các tiền tố mở đầu (introductory PARTICLES) *lu* hoặc *lule*
- c. Tình trạng có thể xảy ra nhiều hơn thì luôn luôn sử dụng ĐỘNG TỪ CHƯA HOÀN THÀNH (IMPERFECT VERB) hoặc ĐỘNG TÍNH TỪ (PARTICIPLE) trong mệnh đề điều kiện (protasis), thường là *'im* hoặc *ki* được sử dụng như là các TIỀN TỐ mở đầu (introductory PARTICLES)
- d. Tình trạng ít có khả năng xảy ra thì dùng GIÁ ĐỊNH THÌ KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT SUBJUNCTIVES) trong mệnh đề điều kiện (protasis) và luôn luôn sử dụng *'im* như là một TIỀN TỐ mở đầu (introductory PARTICLE)

NHỮNG CHỮ VIẾT TẮT DÙNG TRONG TẬP GIẢI KINH NÀY

AB	<i>Anchor Bible Commentaries</i> , ed. William Foxwell Albright and David Noel Freedman
ABD	<i>Anchor Bible Dictionary</i> (6 vols.), ed. David Noel Freedman
AKOT	<i>Analytical Key to the Old Testament</i> by John Joseph Owens
ANET	<i>Ancient Near Eastern Texts</i> , James B. Pritchard
BDB	<i>A Hebrew and English Lexicon of the Old Testament</i> by F. Brown, S. R. Driver and C. A. Briggs
IDB	<i>The Interpreter's Dictionary of the Bible</i> (4 vols.), ed. George A. Buttrick
ISBE	<i>International Standard Bible Encyclopedia</i> (5 vols.), ed. James Orr
JB	Jerusalem Bible
JPSOA	<i>The Holy Scriptures According to the Masoretic Text: A New Translation</i> (The Jewish Publication Society of America)
KB	<i>The Hebrew and Aramaic Lexicon of the Old Testament</i> by Ludwig Koehler and Walter Baumgartner
LAM	<i>The Holy Bible From Ancient Eastern Manuscripts (the Peshitta)</i> by George M. Lamsa
LXX	Septuagint (Greek-English) by Zondervan, 1970
MOF	<i>A New Translation of the Bible</i> by James Moffatt
MT	Masoretic Hebrew Text
NAB	New American Bible Text
NASB	New American Standard Bible
NEB	New English Bible
NET	NET Bible: New English Translation, Second Beta Edition

NRSV	New Revised Standard Bible
NIDOTTE	<i>New International Dictionary of Old Testament Theology and Exegesis</i> (5 vols.), ed. Willem A. VanGemeren
NIV	New International Version
NJB	New Jerusalem Bible
OTPG	<i>Old Testament Passing Guide</i> by Todd S. Beall, William A. Banks and Colin Smith
REB	Revised English Bible
RSV	Revised Standard Version
SEPT	The Septuagint (Greek-English) by Zondervan, 1970
TEV	Today's English Version from United Bible Societies
YLT	<i>Young's Literal Translation of the Holy Bible</i> by Robert Young
ZPBE	<i>Zondervan Pictorial Bible Encyclopedia</i> (5 vols.), ed. Merrill C. Tenney

LỜI CỦA TÁC GIẢ:

TẬP TÀI LIỆU GIẢI KINH NÀY CÓ THỂ GIÚP ÍCH GÌ CHO BẠN?

Sự giải nghĩa Kinh thánh là một tiến trình mang tính thuộc linh và lý trí nhằm hiểu được các trước giả ngày xưa được linh cảm với mục đích giúp chúng ta hiểu và áp dụng được sứ điệp của Đức Chúa Trời trong thời đại ngày nay.

Tiến trình mang tính thuộc linh là quan trọng nhưng khó có thể định nghĩa. Nó gồm có sự đầu phục và mở lòng ra trước mặt Chúa. Cần phải có một sự khao khát (1) chính Chúa, (2) được biết Ngài, và (3) khao khát được phục vụ Ngài. Tiến trình này cần có sự cầu nguyện, xưng tội và sự bằng lòng thay đổi lối sống của mình. Mặc dù biết rằng Đức Thánh Linh đóng vai trò quan trọng trong tiến trình giải nghĩa, nhưng thật khó hiểu là tại sao cũng là các Cơ đốc nhân chân thật, yêu mến Chúa, nhưng họ lại hiểu Kinh thánh một cách khác nhau.

Tiến trình mang tính lý trí thì dễ diễn tả hơn. Chúng ta phải nhất quán và công bằng đối với mọi bản văn và không được để cho những thành kiến cá nhân hay giáo phái chi phối mình. Chúng ta đều ít nhiều bị ảnh hưởng bởi quá khứ của mình. Không ai là người giải nghĩa Kinh thánh hoàn toàn khách quan và trung dung. Tập tài liệu giải kinh này cung cấp một tiến trình theo lý trí một cách cẩn thận gồm ba nguyên tắc giải nghĩa để giúp chúng ta vượt qua các thành kiến của mình.

Nguyên tắc thứ nhất

Nguyên tắc thứ nhất là để ý đến bối cảnh lịch sử khi sách được viết ra và các dịp tiện mang tính lịch sử đặc biệt liên quan đến tác giả. Tác giả nguyên thủy có một mục đích, một sứ điệp muốn truyền đạt. Bản văn không thể có ý nghĩa khi mà nó chưa bao giờ có đối với tác giả nguyên thủy, từ ngày xưa được thần cảm. Ý định của tác giả đó – chứ không phải nhu cầu thuộc về lịch sử, cảm xúc, văn hóa, cá nhân và giáo phái- chính là chìa khóa. Việc áp dụng là người bạn đi chung với việc giải thích, nhưng sự giải nghĩa thích hợp phải luôn luôn đi trước việc áp dụng. Cần phải nhấn mạnh đi nhấn mạnh lại rằng mỗi bản Kinh văn đều chỉ có một ý nghĩa và chỉ một mà thôi. Ý nghĩa này là ý nghĩa mà tác giả nguyên thủy đã có ý định truyền đạt cho thời đại của họ dưới sự dẫn dắt của Đức Thánh Linh. Ý nghĩa duy nhất này có thể có nhiều áp dụng khác nhau cho các văn hóa và tình huống khác nhau. Những áp dụng này phải được nối kết với lẽ thật trọng tâm theo tác giả nguyên thủy. Vì vậy, tập tài liệu này được thiết kế bằng cách cung cấp phần giới thiệu cho mỗi sách trong Kinh thánh.

Nguyên tắc thứ hai

Nguyên tắc thứ hai là xác định các đơn vị ngữ văn. Mỗi sách trong Kinh thánh là một văn bản hợp nhất. Người giải nghĩa không có quyền lấy riêng ra chỉ một khía cạnh của lẽ thật bằng cách bỏ qua các khía cạnh khác. Vì vậy, chúng ta phải cố gắng tìm hiểu mục đích của toàn sách trước khi phân tích các đơn vị ngữ văn riêng lẻ. Các đơn vị riêng lẻ- đoạn, phân đoạn, hay câu- không thể mang ý nghĩa mà tổng thể của sách đó không có. Việc giải nghĩa phải đi từ phương pháp suy diễn từ tổng thể đến phương pháp quy nạp của từng phần. Do đó, tập tài liệu hướng dẫn này được thiết kế bằng cách giúp người học phân tích cấu trúc của mỗi đơn vị ngữ văn theo từng phân đoạn. Mặc dù các phân đoạn và chia đoạn không được thần cảm nhưng nó giúp chúng ta xác định được các ý tưởng theo từng đơn vị.

Giải nghĩa theo cấp độ từng phân đoạn- không phải từng câu, từng vế, từng cụm từ, hay từng chữ- là chìa khóa để lần theo ý nghĩa mà tác giả Kinh thánh đã định. Các phân đoạn dựa vào một chủ đề hợp nhất, thường gọi là chủ đề hay câu chủ đề. Từng chữ, vế, cụm từ, và câu trong các phân đoạn này bằng

cách nào đó liên hệ với chủ đề hợp nhất này. Chúng giới hạn chủ đề bàn đến, mở rộng nó, giải thích thêm hoặc chất vấn nó. Chìa khóa thật sự để đi đến cách giải nghĩa đúng đắn là theo sát ý tưởng của tác giả nguyên thủy trên cơ sở từng phân đoạn một thông qua các đơn vị ngữ văn cấu thành nên toàn bộ sách. Tập tài liệu hướng dẫn này được thiết kế nhằm giúp người học có thể làm được điều này qua việc đối chiếu các bản dịch Anh ngữ hiện đại. Các bản dịch này được chọn ra bởi vì chúng có những lý thuyết khác nhau về cách dịch:

1. Bản Hy Lạp của Hội Kinh thánh Liên hiệp (United Bible Society) là bản hiệu đính lần thứ tư (UBS⁴). Bản dịch này được chia đoạn bởi các học giả phê bình bản văn hiện đại.
2. Bản King James mới (NKJV) là bản dịch sát nghĩa theo từng chữ dựa trên bản thảo truyền thống gọi là bản Tiêu chuẩn (the Textus Receptus). Các phân đoạn của nó dài hơn so với các bản dịch khác. Các đơn vị dài hơn này giúp người học thấy được các chủ đề mang tính hợp nhất.
3. Bản Hiệu đính Tiêu chuẩn (the New Revised Standard Version) là bản dịch theo từng chữ có bổ sung. Nó nằm ở điểm giữa so với hai bản hiện đại sẽ trình bày sau đây. Cách phân chia đoạn của nó giúp góp phần xác định được các chủ đề.
4. Bản Tiếng Anh Ngày nay (the Today's English Version) là một bản dịch tương đương và uyển chuyển được xuất bản bởi Hội Kinh thánh Liên Hiệp (the United Bible Society). Nó cố gắng dịch sao cho người đọc và nói tiếng Anh ngày nay có thể hiểu được bản văn tiếng Hy Lạp. Đặc biệt trong các sách Phúc âm, thông thường nó chia đoạn theo người nói chứ không phải theo chủ đề, cũng giống như bản NIV. Nếu dùng để giải nghĩa, nó không có lợi. Đề ý thấy thật thú vị khi cả hai bản dịch UBS⁴ và TEV đều được xuất bản bởi một cơ quan nhưng cách chia đoạn của nó lại khác nhau.
5. Bản Jerusalem Bible (JB) là một bản dịch tương đương và uyển chuyển dựa trên bản dịch tiếng Pháp của Công giáo. Nó giúp ích rất nhiều cho việc đối chiếu các cách phân đoạn từ quan điểm của Âu châu.
6. Bản in sử dụng trong tập sách này là bản NASB được cập nhật năm 1995, là một bản dịch sát theo từng chữ. Các chú giải từng câu đều theo cách chia đoạn của bản dịch này.

Nguyên tắc thứ ba

Nguyên tắc thứ ba là đọc Kinh thánh qua nhiều bản dịch khác nhau để nắm được tầm ý nghĩa rộng nhất (thuộc lĩnh vực ngữ nghĩa) mà từng chữ hoặc từng cụm từ có thể có. Thông thường một chữ hay một cụm từ tiếng Hy Lạp có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau. Các bản dịch này cho thấy được những chọn lựa này và giúp xác định và giải thích một số khác biệt trong các bản thảo tiếng Hy Lạp. Những điều này không ảnh hưởng đến tín lý nhưng nó giúp chúng ta trở về với nguyên bản viết bởi các tác giả từ xưa được thần cảm.

Tập tài liệu này cung cấp cho người học một cách tiện lợi để kiểm tra các giải nghĩa của họ. Nó không nhằm đưa ra cách giải nghĩa cuối cùng, nhưng chỉ nhằm cung cấp thông tin và gợi suy nghĩ. Thông thường, các cách giải nghĩa khác giúp chúng ta không quá địa phương cục bộ, quá giáo điều, hay theo tinh thần hệ phái quá mức. Người giải nghĩa cần có một phạm vi giải nghĩa rộng đủ để nhìn nhận sự không rõ ràng mà các bản cổ có thể có. Thật là một cú sốc khi thấy trong vòng các Cơ đốc nhân không có sự đồng ý với nhau trong khi họ đều cho rằng Kinh thánh là nguồn của Lẽ thật.

Các nguyên tắc này đã giúp tôi vượt qua được khá nhiều điều kiện lịch sử quá khứ của cá nhân tôi vì nó đã buộc tôi phải trấn trở với bản văn cổ. Tôi hy vọng nó cũng sẽ là một điều phước hạnh cho quý vị.

Bob Utley

Trường Đại học East Texas Baptist University

Ngày 27 tháng 6 năm 1996

HƯỚNG DẪN THÓI QUEN ĐỌC KINH THÁNH HIỆU QUẢ: CUỘC TÌM KIẾM LỄ THẬT KIẾM CHỨNG ĐƯỢC CỦA CÁ NHÂN

Chúng ta có thể biết lễ thật được không? Nó ở đâu? Làm thế nào để xác minh nó một cách hợp lý? Có một thẩm quyền tối hậu hay không? Có những giá trị tuyệt đối hướng dẫn đời sống chúng ta, thế giới chúng ta đang sống hay không? Có ý nghĩa cho cuộc đời này không? Tại sao chúng ta lại ở trên thế giới này? Rồi chúng ta đi đâu? Những câu hỏi này- những câu hỏi mà mọi người có lý trí đều phải suy nghĩ đến- đã ám ảnh các nhà trí thức của nhân loại ngay từ buổi ban đầu (Truyền đạo 1:13-18; 3:9-11). Tôi nhớ lại cuộc tìm kiếm của cá nhân tôi về một trung tâm kết nối tất cả mọi sự cho cuộc đời tôi. Tôi tin Chúa khi còn rất nhỏ, nhờ vào sự làm chứng của những người có vai vế trong gia đình tôi. Khi tôi lớn lên, những câu hỏi về chính tôi và thế giới xung quanh tôi cũng lớn dần. Những câu sáo ngữ xưa cũ trong văn hóa và tôn giáo không đem lại ý nghĩa gì đối với những kinh nghiệm cuộc sống tôi biết đến hoặc từng đối diện. Có lúc tôi cảm thấy rối bời, tìm kiếm, ngóng trông, và cảm thấy vô vọng trước một thế giới quá khắc khổ, lạnh nhạt mà tôi đang sống.

Nhiều người tuyên bố có câu trả lời cho những câu hỏi trên, nhưng sau khi tự nghiên cứu và suy nghĩ lại, tôi thấy những câu trả lời của họ dựa vào (1) các triết lý sống cá nhân, (2) các huyền thoại xa xưa, (3) những kinh nghiệm cá nhân, hay là (4) các ý nghĩ ảnh hưởng bởi tâm lý. Tôi cần một mức độ có thể kiểm chứng được, tôi cần bằng chứng, cần lý luận để có thể đặt lên nó toàn bộ thế giới quan của tôi, một trung tâm kết nối tất cả, một lễ sống cho cuộc đời.

Tôi tìm thấy những điều này qua việc học Kinh thánh. Tôi bắt đầu tìm kiếm những bằng chứng về sự đáng tin cậy của nó, và tôi đã tìm thấy nó trong (1) sự đáng tin cậy về lịch sử của Kinh thánh xác nhận bởi khảo cổ học, (2) sự chính xác của những lời tiên tri trong Cựu ước, (3) sự thống nhất của toàn bộ sứ điệp Thánh Kinh qua hơn 1.600 năm hình thành, và (4) những lời làm chứng cá nhân của những con người mà cuộc đời đã được thay đổi vĩnh viễn bởi tiếp xúc với Kinh thánh. Cơ đốc giáo, một hệ thống hợp nhất trong đức tin và niềm tin, có khả năng đối diện với các câu hỏi hóc búa nhất về cuộc sống của con người. Điều này không những đem lại cho tôi một bộ khung lý trí, nhưng phương diện thực nghiệm của đức tin theo Kinh thánh cũng đã đem lại cho tôi niềm vui và sự vững vàng không lay động trong cảm xúc.

Tôi nghĩ tôi đã tìm thấy được cái trung tâm kết nối mọi sự của đời tôi- Đấng Christ, như đã trình bày trong Kinh thánh. Đó là một kinh nghiệm nóng nảy, một sự giãn xả cảm xúc. Tuy vậy, tôi vẫn còn nhớ đã bị sốc và đau khi tôi bắt đầu thấy ra có quá nhiều sự giải thích cho chỉ một cuốn Kinh thánh này, có khi ngay cả trong cùng một Hội thánh hay cùng một trường phái. Việc xác minh sự thần cảm và đáng tin cậy của Kinh thánh không phải là hết, đó chỉ là sự bắt đầu. Làm thế nào để tôi xác minh hay bác bỏ những sự giải nghĩa khác nhau và kinh chống nhau về những phân đoạn khó trong Kinh thánh bởi những người tuyên bố tin vào thẩm quyền và tính đáng tin cậy của nó?

Nhiệm vụ này trở thành mục tiêu của đời tôi và cũng là hành trình đức tin của tôi. Tôi biết rằng đức tin nơi Đấng Christ đã đem lại cho tôi niềm vui và sự bình an không kể xiết. Tâm trí tôi mong tìm thấy được các giá trị tuyệt đối giữa một thế giới theo chủ thuyết tương đối và chủ nghĩa giáo điều trong các hệ thống tôn giáo kinh chống nhau cũng như những sự kiêu căng về hệ phái của mình. Khi tôi đi tìm một phương pháp thích hợp để giải nghĩa các thể loại văn chương xa xưa, tôi ngạc nhiên phát hiện ra những thành kiến của riêng tôi xuất phát từ quá khứ của mình, từ văn hóa, hệ phái và kinh nghiệm riêng của tôi. Tôi đã từng đọc Kinh thánh để củng cố quan điểm riêng của tôi. Tôi đã từng lấy nó làm cơ sở cho những giáo điều để tấn công người khác trong khi tự trấn an mình về những sự bất an và thiếu hụt của chính mình. Rất đau đớn khi tôi nhận ra những điều này!

Mặc dù tôi không bao giờ có thể hoàn toàn khách quan, nhưng tôi có thể trở nên một người đọc Kinh thánh đúng nghĩa hơn. Tôi có thể hạn chế những thành kiến của mình bằng việc xác định được chúng và công nhận sự hiện diện của chúng. Tôi chưa thể hoàn toàn dứt khỏi những điều này, nhưng tôi

đã đối diện với những khiếm khuyết của mình. Người giải nghĩa thường là kẻ thù số một trong nỗ lực đọc Kinh thánh hiệu quả!

Tôi sẽ liệt kê ra một số giả định khi tôi tiếp cận việc học Kinh thánh, để bạn, người đọc, có thể cùng kiểm điểm với tôi:

I. Các giả định

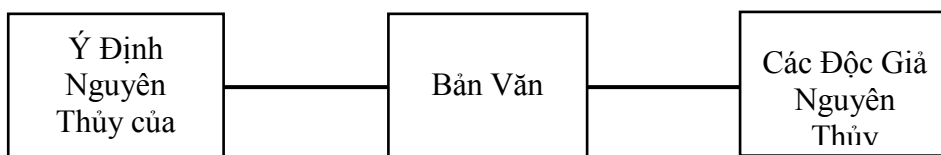
- A. Tôi tin Kinh thánh là sự tự mặc khải duy nhất từ một Đức Chúa Trời chân thật. Vì vậy, nó phải được giải nghĩa trong ánh sáng của ý định từ tác giả nguyên thủy thông qua các trước giả loài người trong bối cảnh lịch sử cụ thể.
- B. Tôi tin Kinh thánh được viết ra cho người bình dân- cho tất cả mọi người! Đức Chúa Trời đã tự hạ xuống để có thể trò chuyện với chúng ta một cách rõ ràng qua một bối cảnh lịch sử và văn hóa nhất định. Chúa không giấu giếm lẽ thật- Ngài muốn chúng ta hiểu biết lẽ thật! Vì vậy, Kinh thánh phải được giải nghĩa trong sự soi sáng của thời kỳ Kinh thánh, chứ không phải của chúng ta. Kinh thánh không nên có những ý nghĩa mà nó chưa từng bao giờ có đối với những người ngày xưa đã đọc hoặc nghe nó lần đầu tiên. Nó có thể dễ hiểu đối với một trí óc con người trung bình và nó sử dụng các loại truyền thông hoặc kỹ thuật bình thường của con người.
- C. Tôi tin Kinh thánh có một sứ điệp và mục đích thống nhất. Nó không tự mâu thuẫn, mặc dù nó có những đoạn khó hiểu hoặc nghịch lý. Vì vậy, người giải nghĩa số một của Kinh thánh là chính Kinh thánh.
- D. Tôi tin mỗi phân đoạn (ngoại trừ các lời tiên tri) có một và chỉ một ý nghĩa mà thôi dựa vào ý định của tác giả nguyên thủy được thần cảm. Mặc dù chúng ta không bao giờ chắc chắn rằng chúng ta biết được đích xác ý định của tác giả, nhưng có nhiều dấu hiệu chỉ về hướng đó:
 1. Thể loại văn chương được chọn để diễn tả sứ điệp đó
 2. Bối cảnh lịch sử và trường hợp cụ thể khiến viết lên một cuốn sách nào đó
 3. Bối cảnh ngữ văn của toàn sách cũng như từng đơn vị ngữ văn một
 4. Cách sắp xếp bản văn của những đơn vị ngữ văn khi nó cùng liên hệ đến một sứ điệp tổng thể
 5. Các đặc điểm văn phạm cụ thể dùng để chuyên tải sứ điệp
 6. Những từ ngữ dùng để trình bày sứ điệp

Việc nghiên cứu từng khía cạnh như thế này trở thành đối tượng của việc nghiên cứu từng phân đoạn của chúng ta. Trước khi tôi giải thích phương pháp đọc Kinh thánh hiệu quả, tôi xin phác họa một vài phương pháp không thích hợp đang được sử dụng ngày nay dẫn đến tính muôn màu muôn vẻ trong cách giải nghĩa, là điều rất lại cần phải tránh:

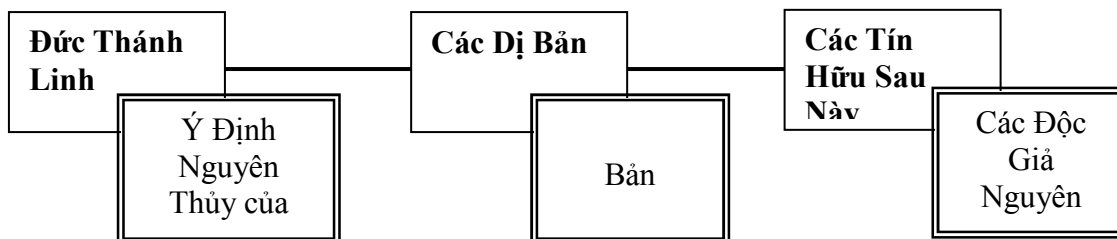
II. Các phương pháp không thích hợp

- A. Lờ đi bối cảnh ngữ văn của các sách trong Kinh thánh và sử dụng các câu, cụm từ, hoặc ngay cả từng từ ngữ riêng lẻ, và kể nó là các lời tuyên bố của lẽ thật nhưng không liên hệ đến ý định hoặc bối cảnh rộng hơn của tác giả. Cách này thường được gọi là “dò bản văn” (proof-texting).
- B. Làm ngơ bối cảnh lịch sử của các sách này bằng cách thay thế nó bằng một bối cảnh lịch sử khác không có hoặc chỉ có rất ít hậu thuẫn từ bản văn.
- C. Làm ngơ bối cảnh lịch sử của các sách này và đọc nó như một tờ báo địa phương buổi sáng viết cho các Cơ đốc nhân ngày nay.
- D. Làm ngơ bối cảnh lịch sử của sách này bằng cách ngụ ngôn hóa bản văn thành một sứ điệp thuộc về triết lý hay thần học hoàn toàn không liên hệ đến những thính giả ban đầu cũng như ý định nguyên thủy của tác giả.
- E. Làm ngơ sứ điệp nguyên thủy bằng cách thay thế nó bằng một hệ thống thần học riêng của mình, một giáo lý được ưa chuộng, hay một vấn đề đương thời không liên hệ đến mục đích và sứ điệp của tác giả nguyên thủy. Hiện tượng này thường theo sau việc lấy việc đọc Kinh thánh để thiết lập thẩm quyền cho mình. Người ta thường gọi nó là “theo phản ứng của độc giả” (lỗi giải nghĩa “bản văn có ý nghĩa gì đối với tôi”).

Ít nhất có ba yếu tố liên hệ với nhau trong bất cứ một thông tin viết tay nào của con người:



Trong quá khứ có nhiều phương pháp đọc khác nhau tập trung vào chỉ một trong các yếu tố này. Nhưng để thật sự công nhận tính thần cảm đặc biệt của Kinh thánh, biểu đồ được bổ sung sau đây có thể thích hợp hơn:



Thật sự ba yếu tố này cần phải có trong quá trình giải nghĩa. Để kiểm chứng lại tiến trình giải nghĩa này, tôi tập trung vào hai yếu tố đầu: ý định nguyên thủy của tác giả và bản văn. Tôi thật sự có phản ứng với những cách giải nghĩa kiểu lạm dụng mà tôi thường bắt gặp: (1) ngụ ngôn hóa hay thuộc linh hóa các bản văn và (2) kiểu giải nghĩa “theo phản ứng độc giả” (bản văn này có ý nghĩa gì đối với tôi). Sự lạm dụng có thể xảy ra ở cả hai chặng. Chúng ta phải kiểm tra động cơ, thành kiến, phương pháp và cách áp dụng của mình. Nhưng làm thế nào để kiểm tra nếu không có một giới hạn nào, một tiêu chuẩn nào, một đường ranh nào cho việc giải nghĩa? Ý định của tác giả và cấu trúc bản văn cung cấp cho tôi một số tiêu chuẩn để giới hạn phạm vi giải nghĩa hợp lý của bản văn.

III. Các phương pháp khả dĩ dẫn đến việc đọc Kinh thánh có hiệu quả

Tại đây tôi không bàn đến các phương pháp khác nhau để giải nghĩa từng thể loại văn chương nhưng chỉ đưa ra các nguyên tắc giải kinh tổng quát thích hợp cho tất cả các thể loại văn bản. Một cuốn sách rất tốt giúp ích cho việc tiếp cận các thể loại văn chương khác nhau là cuốn *How to Read the Bible for All Its Worth*, của Gordon Fee và Douglas Stuart, xuất bản bởi Nhà Xuất bản Zondervan.

Phương pháp của tôi tập trung đầu tiên vào người đọc, là người để cho Đức Thánh Linh soi sáng lẽ thật Kinh thánh qua bốn chu kỳ đọc cá nhân. Điều này làm cho Đức Thánh Linh, bản văn và người đọc trở nên yếu tố chính, không phải là yếu tố phụ. Điều này cũng bảo vệ người đọc khỏi những ảnh hưởng thái quá từ các nhà giải kinh. Tôi đã từng nghe nhiều người nói: “Kinh thánh làm cho tôi hiểu các sách giải kinh nhiều hơn.” Đây không phải là câu nói hạ thấp giá trị của các phương tiện trợ giúp cho việc nghiên cứu, nhưng đúng hơn là lời khấn nài sử dụng nó một cách đúng thời điểm.

Chúng ta phải có khả năng hỗ trợ những giải nghĩa của mình từ chính bản văn. Năm phương diện sau đây cung cấp ít nhất một sự kiểm chứng có giới hạn:

- (1) Bối cảnh lịch sử
- (2) Bối cảnh văn chương
- (3) Cấu trúc ngữ pháp
- (4) Cách dùng từ ngày nay
- (5) Các phân đoạn song song có liên quan
- (6) Thể loại văn chương

Chúng ta cần có khả năng đưa ra lý lẽ và lập luận ủng hộ cho cách giải thích của mình. Kinh thánh là nguồn duy nhất của chúng ta trên phương diện đức tin và thực hành. Đáng buồn thay, nhiều Cơ đốc nhân thường bắt đầu những điều Kinh thánh dạy hay xác nhận.

Bốn chu kỳ đọc Kinh thánh được thiết kế nhằm cung cấp một số ý cho việc giải nghĩa như sau :

A. Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ nhất

1. Đọc qua hết sách trong một lần đọc. Đọc lại lần nữa từ một bản dịch khác, hy vọng đây là một bản dịch theo một triết lý khác
 - a. Dịch sát từng chữ (bản NKJV, NASB, NRSV)
 - b. Dịch tương đương, uyển chuyển (TEV, JB)
 - c. Dịch theo lối diễn ý (Living Bible, Amplified Bible, Bản Diễn Ý)
2. Tìm mục đích trọng tâm của toàn bộ sách. Xác định chủ đề chính.
3. Tách (nếu có thể) các đơn vị ngữ văn ra, từng chương, từng đoạn, hay từng câu là những đơn vị phản ánh rõ ràng trọng tâm hay chủ đề chính này.
4. Xác định thể loại văn chương chủ yếu
 - a. Các sách Cựu Ước
 - (1) Văn tường thuật Hy bá lai
 - (2) Văn thơ Hy bá lai (các văn chương khôn ngoan, thi thiên)
 - (3) Lời tiên tri Hy bá lai (văn xuôi, văn vần)
 - (4) Các luật lệ
 - b. Các sách Tân Ước
 - (1) Văn tường thuật (Các sách Phúc âm, Công Vụ)
 - (2) Các ví dụ (Các sách Phúc âm)
 - (3) Thư tín
 - (4) Khải thị

B. Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ hai

1. Đọc toàn bộ sách một lần nữa, cố gắng xác định các chủ đề hay vấn đề chính
2. Lập dàn ý các chủ đề chính và ghi lại một số nội dung chính trong một câu ngắn gọn
3. Kiểm tra lại câu chủ đề và dàn ý tổng quát trong các sách nghiên cứu khác

C. Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ ba

1. Đọc toàn bộ sách một lần nữa, cố gắng xác định bối cảnh lịch sử và các dịp tiện đặc biệt làm lý do để viết sách này
2. Liệt kê ra các mục thuộc về lịch sử trong sách đang đọc
 - a. Tác giả
 - b. Thời điểm
 - c. Người nhận
 - d. Lý do cụ thể viết sách này
 - e. Các bối cảnh văn hóa liên hệ đến mục đích của việc viết sách này
 - f. Các đối chiếu trong lịch sử liên quan đến con người và các sự kiện
3. Mở rộng dàn ý bằng cách viết lại thành đoạn văn hoàn chỉnh cho phân đoạn Kinh thánh mà bạn sẽ giải nghĩa. Luôn luôn xác định và lập dàn ý cho các đơn vị ngữ văn. Nó có thể là vài chương hay vài phân đoạn. Cách này giúp bạn theo dõi được lập luận và cách trình bày văn bản của tác giả nguyên thủy.
4. Kiểm tra lại bối cảnh lịch sử từ các sách nghiên cứu khác

D. Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ tư

1. Đọc lại đơn vị ngữ văn đang nghiên cứu từ nhiều bản dịch khác
 - a. Dịch sát từng chữ (bản NKJV, NASB, NRSV)
 - b. Dịch tương đương, uyển chuyển (TEV, JB)
 - c. Dịch theo lối diễn ý (Living Bible, Amplified Bible, Bản Diễn Ý)
2. Tìm kiếm các cấu trúc ngữ pháp và văn chương
 - a. Các cụm từ lặp đi lặp lại, Êphêsô 1:6, 12, 13
 - b. Các cấu trúc ngữ pháp lặp đi lặp lại, Rôma 8:31

- c. Các khái niệm tương phản
- 3. Liệt kê những mục sau đây
 - a. Các từ ngữ quan trọng
 - b. Các từ ngữ bất thường
 - c. Các cấu trúc ngữ pháp quan trọng
 - d. Các từ ngữ, về câu, hay câu văn khó hiểu
- 4. Tìm các phân đoạn song song tương đương
 - a. Tra xem phân đoạn Kinh thánh dạy rõ ràng nhất về chủ đề bạn đang nghiên cứu
 - (1) Các sách “thần học hệ thống”
 - (2) Các Kinh thánh đối chiếu
 - (3) Kinh thánh phù dẫn
 - b. Tìm một cặp nghịch lý (paradoxical pair) trong chủ đề bạn nghiên cứu. Nhiều lẽ thật Kinh thánh được trình bày theo các cặp biện chứng (dialectical pairs); các mâu thuẫn trong các hệ phái thường đến từ cách dò bản văn (proof-texting) chỉ phân nửa vấn đề được trình bày trong Kinh thánh. Vì toàn bộ Kinh thánh đều được linh cảm, chúng ta phải tìm kiếm sự điệp trọn vẹn của nó để cung cấp một sự cân bằng về Kinh thánh trong cách giải nghĩa của mình.
 - c. Tìm xem các phân đoạn tương đương trong cùng một sách, cùng một tác giả, hay cùng một thể loại văn chương; Kinh thánh tự nó là người giải nghĩa số một bởi vì nó có một Tác giả duy nhất đó là chính Đức Thánh Linh.
- 5. Dùng sách nghiên cứu kiểm tra lại quan sát của bạn về bối cảnh lịch sử và các dịp tiện
 - a. Các Kinh thánh có phần nghiên cứu
 - b. Các tự điển bách khoa Kinh thánh, cẩm nang Kinh thánh hay tự điển Kinh thánh
 - c. Các sách nhập môn Kinh thánh
 - d. Các sách giải kinh (trong tiến trình nghiên cứu của bạn đến thời điểm này, bạn nên cho phép cộng đồng đức tin thời quá khứ và hiện tại, tham gia vào việc trợ giúp và chỉnh sửa công trình nghiên cứu cá nhân của bạn).

IV. Phần Áp Dụng Sau Khi Giải Nghĩa

Tại đây chúng ta xoay qua phần áp dụng. Bạn đã dành thì giờ để tìm hiểu bản văn trong bối cảnh nguyên thủy của nó; bây giờ bạn phải áp dụng nó trong cuộc sống của bạn, văn hóa của bạn. Tôi định nghĩa thẩm quyền của Kinh thánh là “nhận biết điều mà tác giả nguyên thủy muốn nói cho thời của ông và áp dụng lẽ thật đó cho thời chúng ta.”

Phần áp dụng phải theo sau phần giải nghĩa ý định nguyên thủy của tác giả cả xét về thời điểm lẫn cách lập luận. Chúng ta không thể áp dụng một phân đoạn Kinh thánh cho thời của chúng ta ngày nay khi chúng ta chưa hiểu nó nói gì cho thời đại của nó! Một phân đoạn Kinh thánh không thể có ý nghĩa khi mà nó chưa bao giờ có từ trước!

Dàn ý chi tiết của bạn, và phần dàn ý viết thành đoạn (chu kỳ đọc thứ ba) sẽ là người dẫn đường cho bạn. Phần áp dụng phải được rút ra từ cấp phân đoạn chứ không phải từ từng chữ riêng lẻ. Từ ngữ chỉ có nghĩa trong bối cảnh riêng của nó mà thôi. Người được linh cảm duy nhất trong tiến trình giải nghĩa là chính tác giả nguyên thủy. Chúng ta chỉ theo sự dẫn đường của người này dưới sự soi sáng của Đức Thánh Linh. Nhưng sự soi sáng không phải là linh cảm. Để có thể nói, “Đức Chúa Trời có phán như vậy,” chúng ta phải buộc mình theo ý định của tác giả nguyên thủy. Phần áp dụng phải liên hệ cụ thể đến ý tưởng chung của toàn bộ sách, của từng đơn vị ngữ văn và từng ý tưởng phát triển ở cấp phân đoạn. Đừng để các vấn đề của thời đại chúng ta xen vào giải nghĩa Kinh thánh; hãy để tự Kinh thánh nói! Điều này đòi hỏi chúng ta phải rút ra các nguyên tắc từ bản văn. Nếu bản văn hỗ trợ cho nguyên tắc đó, thì điều đó là hợp lý. Thật không hay chút nào vì nhiều khi các nguyên tắc của chúng ta chỉ là ‘của chúng ta,’ mà không phải là của Kinh thánh.

Khi áp dụng Kinh thánh, cần phải nhớ rằng một và chỉ một ý nghĩa duy nhất tương ứng với một phân đoạn Kinh thánh cụ thể (trừ các lời tiên tri). Ý nghĩa nó liên hệ đến ý định của tác giả nguyên thủy khi người này đề cập đến một vấn nạn hay một nhu cầu của thời đại ông ta. Nhiều áp dụng có thể được rút ra

từ một ý nghĩa này. Phần áp dụng sẽ dựa vào nhu cầu của người nhận nhưng phải liên hệ đến ý nghĩa của tác giả nguyên thủy.

V. Yếu Tố Thuộc Linh Của Việc Giải Nghĩa

Những phần trước cho đến giờ, tôi bàn đến tiến trình lô-gích trong việc giải nghĩa và áp dụng Kinh thánh. Bây giờ tôi sẽ đề cập ngắn gọn đến phương diện thuộc linh của việc giải nghĩa Kinh thánh. Những mục kiểm tra sau đây đã giúp ích cho tôi:

- A. Cầu xin sự giúp đỡ của Đức Thánh Linh (xem I Cô-rinh-tô 1:26-2:16).
- B. Cầu xin Chúa tha tội và tẩy rửa những tội lỗi biết được (I Giăng 1:9).
- C. Cầu xin sự khao khát biết Chúa càng hơn (Thi thiên 19:7-14; 42:1 và tiếp theo; 119: 1 và tiếp theo).
- D. Áp dụng những ý tưởng sâu sắc vào cuộc sống của bạn ngay lập tức
- E. Luôn khiêm nhường và chịu học hỏi

Khó mà giữ được sự quân bình giữa tiến trình lô-gích và sự hướng dẫn thuộc linh của Đức Thánh Linh. Những câu nói sau đây đã giúp tôi giữ được sự quân bình này:

- A. Trích từ sách *Scripture Twisting*, của James Sire, trang 17-18:
“Sự soi sáng đến với trí óc của dân sự Đức Chúa Trời- nó không chỉ đến với những người được tuyển lựa thuộc linh. Không có thành phần bậc thầy trong Cơ đốc giáo theo Kinh thánh, không có những người đặc biệt được soi sáng, không có những người mà tất cả các sự giải thích hợp lý phải thông qua họ. Và vì vậy, mặc dù Đức Thánh Linh ban các ân tứ đặc biệt về sự khôn ngoan, tri thức và phân biệt thuộc linh cho một số người, Ngài không giao cho các Cơ đốc nhân tài năng này quyền làm những người duy nhất có thẩm quyền giải nghĩa Lời của Ngài. Điều này hoàn toàn tùy thuộc vào dân sự của Ngài muốn học, muốn xem xét và phân biệt các vấn đề chiếu theo Kinh thánh là quyển sách đứng làm thẩm quyền ngay cả đối với những người Chúa cho có những khả năng đặc biệt. Tóm lại, giả định mà tôi muốn nêu ra trong toàn bộ tập sách này là Kinh thánh là mặc khải thật của Đức Chúa Trời cho toàn thể nhân loại, Kinh thánh là thẩm quyền tuyệt đối của chúng ta trên tất cả các vấn đề mà nó nói đến, và nó không phải là một điều gì đó hoàn toàn huyền bí nhưng những người bình dân ở mọi văn hóa đều có thể hiểu được.”
- B. Trích từ *Protestant Biblical Interpretation*, của Bernard Ramm, khi nói về Kierkegaard, trang 75:
Theo Kierkegaard việc nghiên cứu Kinh thánh trên phương diện ngữ pháp, từ vựng, và lịch sử là điều cần thiết nhưng đó chỉ là mở đầu cho việc thật sự đọc Kinh thánh. “Để đọc Kinh thánh *như là Lời Đức Chúa Trời* một người phải đọc nó với tấm lòng nơi cửa miệng, với sự hớn hở trông mong, trong cuộc đối thoại với Đức Chúa Trời. Đọc Kinh thánh một cách vô ý, câu thả, theo kiểu học giả hay nhà nghề thì không phải là đọc Lời Đức Chúa Trời. Khi một người đọc Lời Chúa như đọc bức thư tình, người đó đang đọc Lời Đức Chúa Trời.”
- C. Trích từ *The Relevance of the Bible*, của H.H. Rowley, trang 19:
“Không có một sự hiểu biết Kinh thánh đơn thuần theo trí thức nào, cho dù có đầy đủ đến đâu, có thể sở hữu được tất cả các châu báu của nó. Nó không khinh thường những sự hiểu biết này, vì đây là điều cần để có thể hiểu một cách hoàn chỉnh. Nhưng nó phải dẫn đến sự hiểu biết thuộc linh của các châu báu thuộc linh trong sách đó nếu nó muốn trở nên hoàn chỉnh. Và để có thể hiểu các vấn đề thuộc linh như vậy, thì điều gì đó cao hơn sự nhạy bén về tri thức là cần thiết. Các vấn đề thuộc linh được nhận biết theo cách thuộc linh, và mỗi người học Kinh thánh đều cần có thái độ đón nhận thuộc linh, một sự ham thích tìm thấy Chúa dẫn đến việc người đó tự đầu phục Ngài, nếu người đó muốn vượt qua tầm nghiên cứu theo tính chất khoa học của mình để đi đến một sự thừa hưởng giàu có hơn về điều cao quý nhất trong tất cả các sách này.”

VI. Phương Pháp Sử Dụng Trong Tập Sách Đây

Tập Hướng Dẫn Nghiên Cứu Giải Kinh được thiết kế nhằm giúp bạn trong quá trình giải nghĩa Kinh thánh qua các cách sau:

- A. Một dàn ý lịch sử ngắn được giới thiệu ở mỗi sách. Sau khi bạn đã thực hiện “chu kỳ đọc thứ ba” bạn nên kiểm tra lại thông tin này.
- B. Các nhận xét sâu sắc về bối cảnh được trình bày ở đầu mỗi chương. Điều này giúp bạn thấy các đơn vị ngữ văn nối kết nhau như thế nào.
- C. Ở đầu mỗi chương hay ở các đơn vị ngữ văn chính, các phần chia đoạn và tiêu đề được trình bày từ nhiều bản dịch khác nhau:

1. Bản United Bible Society, bản Hy Lạp, hiệu đính lần thứ tư (UBS⁴)
2. Bản New American Standard Bible, cập nhật năm 1995 (NASB)
3. Bản New King James Version (NKJV)
4. Bản New Revised Standard Version (NRSV)
5. Bản Today’s English Version (TEV)
6. Bản the New Jerusalem Bible (NJB)

Các cách chia đoạn không được linh cảm. Chúng phải được xác nhận từ bối cảnh của nó. Bằng cách đối chiếu các bản dịch hiện đại từ các lý thuyết dịch và quan điểm thần học khác nhau, chúng ta có thể phân tích được cấu trúc ý tưởng giả định là đúng từ tác giả nguyên thủy. Mỗi phân đoạn có một lẽ thật chính. Điều này còn được gọi là “câu chủ đề” hay “ý tưởng trọng tâm của bản văn.” Ý tưởng hợp nhất này là chìa khóa dẫn đến sự giải nghĩa hợp lý về mặt lịch sử và văn phạm. Không một người nào nên giải nghĩa, giảng hay dạy dựa trên một đơn vị ít hơn là một phân đoạn! Cũng nên nhớ rằng mỗi phân đoạn đều liên hệ đến các phân đoạn xung quanh nó. Điều này giải thích tại sao việc lập dàn ý ở cấp độ phân đoạn cho toàn bộ sách là quan trọng. Chúng ta phải có khả năng theo dõi được sự phát triển ý tưởng một cách lôgic về một chủ đề do tác giả nguyên thủy được sự linh cảm trình bày.

- D. Các chú thích của Bob đi theo phương pháp giải nghĩa theo từng câu. Điều này buộc chúng ta phải đi theo ý tưởng của tác giả nguyên thủy. Các chú thích này cung cấp thông tin thuộc về các lãnh vực sau:

1. Bối cảnh ngữ văn
2. Các nhận xét sâu sắc về lịch sử và văn hóa
3. Các thông tin ngữ pháp
4. Các nghiên cứu theo từ
5. Các đoạn Kinh thánh tương ứng

- E. Ở một số chỗ trong tập giải nghĩa này, phần bản văn in theo bản New American Standard Version (cập nhật năm 1995) sẽ được bổ sung bằng các bản dịch hiện đại khác:

1. Bản King James mới (NKJV) là bản dịch dựa trên bản thảo Truyền thống gọi là bản Tiêu chuẩn (the Textus Receptus).
2. Bản Hiệu đính Tiêu chuẩn (the New Revised Standard Version) là bản dịch theo từng chữ được xuất bản bởi National Council of Churches of the Revised Standard Version.
3. Bản Tiếng Anh Ngày nay (the Today’s English Version) là một bản dịch tương đương và uyển chuyển xuất bản bởi American Bible Society.
4. Bản Jerusalem Bible (JB) là một bản dịch tiếng Anh dựa trên bản dịch tiếng Pháp của Công giáo.

- F. Đối với những người không biết tiếng Hy Lạp, việc đối chiếu các bản dịch Anh ngữ giúp xác định được một số vấn đề trong bản văn:

1. Các dị bản
2. Cách sử dụng từ
3. Các bản văn và cấu trúc ngữ pháp khó
4. Các bản văn không rõ ý

- G. Ở cuối mỗi chương đều có các câu hỏi thảo luận liên quan đến vấn đề, được cung cấp để hướng đến một số vấn đề giải thích chính trong đoạn đó.

GIỚI THIỆU SÁCH A-MỐT

I. TÊN SÁCH

A. Nó được đặt theo tên của vị tiên tri.

B. Tên A-mốt có thể có nghĩa:

1. Là một gánh nặng (BDB 770, KB 846)
2. Mang gánh nặng (BDB 770, KB 846)
3. Nâng đỡ (có thể có nghĩa là “Đức Giê-hô-va đã mang vác” [KB 847]. Nó có thể là một hình thức rút gọn của chữ Amasiah, có nghĩa là “Đức Giê-hô-va lắng nghe”, xem II Sứ ký 17:16).
4. Theo một truyền thống của Do Thái Giáo cho rằng nó là một biệt danh mà những người chống đối sứ điệp của ông đã gán ghép cho ông với ngụ ý rằng ông nói không rõ hoặc là ông cà lăm.

C. Đây là lần xuất hiện duy nhất của tên này trong Cựu Ước. Tên của cha Ê-sai cũng là A-mốt (xem Ê-sai 1:1) nhưng đánh vần cách khác. Có một A-mốt được đề cập trong gia phả ở Lu-ca 3:25, nhưng không còn có chi tiết nào về ông được biết thêm nữa.

II. CÔNG NHẬN KINH ĐIỂN

A. Cuốn sách này thuộc về một phần được gọi là Các Tiên Tri sau trong Kinh Thánh Hê-bơ-rơ.

B. Nó là một trong mười hai Tiểu Tiên Tri (tức là những sách tiên tri ngắn).

C. Thứ tự của mười hai Tiểu Tiên Tri đã được các học giả liên kết theo thứ tự thời gian. Tuy nhiên, có một số vấn đề với quan điểm này:

1. Sáu sách đầu tiên thì khác nhau giữa bản MT và bản LXX

<u>MT</u>	<u>LXX</u>
Ô-suê	Ô-suê
Giô-ên	A-mốt
A-mốt	Mi-chê
Áp-đi-a	Giô-ên
Giô-na	Áp-đi-a
Mi-chê	Giô-na

2. Bằng chứng nội tại đặt A-mốt trước Ô-sê theo thứ tự thời gian.
3. Thời điểm của sách Giô-ên gây rất nhiều tranh cãi. Tôi liệt kê ông trong số tiên tri sớm sau thời kỳ lưu đày cùng với Áp-đi-a.

III. THỂ LOẠI VĂN CHƯƠNG

A. Đây là sách đầu tiên trong những sách tiên tri và định hình thể loại văn chương cho tất cả các sách tiên tri về sau.

- B. Sách này là thể loại văn chương tiên tri trong tiếng Do Thái cổ điển. Nó còn là kiểu mẫu cho hình ảnh và thơ ca trong tiếng Hê-bơ-ơ. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Thơ Ca Hê-bơ-ơ trong 1:2.
- C. Những tác phẩm của A-môt được thu thập thành một cuốn sách riêng biệt và khởi đầu cho một hình thức văn học tuyệt vời được biết đến như là các tiên tri về sau (từ Ê-sai đến Ma-la-chi).
- A-môt sử dụng các bài ai ca truy điệu người chết trong tang lễ để truyền đạt cảm xúc về sự phán xét sắp đến của Đức Chúa Trời. Hình thức, tiêu chuẩn cùng với nội dung mạnh mẽ dẫn đưa đến sự điệp phán xét.

D. Sau đây là một vài trích dẫn tiêu biểu:

1. Một bản tóm tắt đầy đủ về các tiên tri trong giai đoạn này có trong sách giải kinh *The Expositor's Bible Commentary*, quyển thứ 7, sách A-môt.
“Tuy nhiên, thế kỷ thứ tám cũng đồng thời chứng kiến sự nổi lên của một trong những phong trào đạo đức có uy lực mạnh mẽ nhất mà thế giới được biết đến là các sách tiên tri. Những con người này, từ nhiều hoàn cảnh hoàn toàn khác biệt cùng chia sẻ chung một sự tin quyết rằng Đức Chúa Trời đã kêu gọi họ. Họ có nhiều cách hành văn khác nhau, nhưng tất cả đều đã viết với thẩm quyền của Đấng Toàn Năng. Họ lên án tội lỗi của người đương thời và cùng nhìn xa vào tương lai khi họ nói về sự giải cứu cho cả người Do Thái và Dân Ngoại” (trang 269).
2. Kyle M. Yates trong quyển *Studies in Amos* viết
“A-môt không bao giờ là một tác giả có thể bị đánh giá thấp. Cho dù một ai đó có đồng ý với quan điểm của ông hay không thì ảnh hưởng từ thông điệp của vị tiên tri này vẫn kéo dài. Hai mươi bảy thế kỷ đã trôi qua vẫn không làm cho ảnh hưởng đó mất đi sự sắc bén. Bất kỳ người nào nhìn sâu vào đặc tính từ con người của Chúa này, và nghiên cứu nghiêm túc sứ điệp tiên tri, đều sẽ không thể là vẫn như cũ. Ông không thể vô trách nhiệm chấp nhận những bất công của xã hội thời đó cũng như không thể bỏ qua sự quan tâm của Đức Chúa Trời đối với tất cả các con cái của Ngài” (trang 1).
3. Theo Laetsch, trong quyển *The Minor Prophets* viết
“A-môt, Ô-sê, Ê-sai, Mi-chê, bốn ngôi sao lớn trong chòm sao tiên tri Cựu Ước. Họ là những con người thật sự cao trọng của Đức Chúa Trời và họ hoài công cố gắng để ngăn chặn cơn lũ của sự gian ác nhấn chìm dân sự của Đức Chúa Trời, cũng như sự tàn lụi không thể tránh khỏi của họ. Chưa bao giờ Luật Pháp thánh khiết của Đức Chúa Trời được công bố với mức độ thành khẩn và mạnh mẽ như khi được các tiên tri này rao giảng. Họ không phân biệt giàu hay nghèo, trẻ hay già, tên phẫn nghịch lớn lối hay kẻ giả hình miệng lưỡi. Và cũng không có một giai đoạn nào khác trong thời Cựu Ước mà Phúc Âm lại được tiên báo bằng ngôn ngữ rõ ràng và ngọt ngào hơn những vị tiên tri này đã truyền phán trong sự linh cảm của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, với tất cả nỗ lực trung tín của họ cũng như mọi lời khuyên nài nhiệt thành với đồng bào mình, họ cũng không thể ngăn lại cơn lũ phán xét của Đức Chúa Trời dâng tràn và đưa đi một dân tộc rất được quý trọng nhưng lại vô cùng gian ác và vô ơn. Tuy nhiên họ vẫn tiếp tục trong sự kêu gọi của mình về sự ăn năn và cứu rỗi cho một thế hệ cứng lòng, dù thấy kết quả không nhiều nhưng họ vẫn trung tín trong sự kêu gọi cao trọng của mình. Sứ điệp của họ vẫn thích hợp cho ngày hôm nay cũng như lúc cách đây hơn

2.500 năm. Nó là Lời của Đức Chúa Trời vững bền muôn đời!” (trang 136)

IV. QUYỀN TÁC GIẢ

A. Truyền thống của Do Thái Giáo đã luôn luôn khẳng định tác giả là A-mốt tại Thê-cô-a.

B. Thân thế:

1. Ông là một người Giu-đê ở vùng Thê-cô-a (được biết đến với những người thông thái xuất thân từ trong vùng, xem II Sa-mu-ên 14). Vùng này ở khoảng năm dặm hướng đông nam của Bết-lê-hem, tọa lạc trên ngọn đồi cao nhất trong vùng (khoảng 2.700 bộ) (xem *The International Standard Bible Encyclopaedia* quyển 1, trang 120).
2. Ông không phải là một vị tiên tri cũng không thuộc về một gia đình hay là hội đoàn tiên tri (xem 7:14). Lúc ban đầu, những tiên tri sống với nhau trong cộng đồng. Sau đó một số sống trong cung điện.
3. Ông dường như một người chăn đàn chiên nhỏ (nghĩa theo tiếng Ả Rập) (BDB 667, KB 719-720, xem 1:1, có thể là một người chăn cừu, người bán cừu, hoặc là chủ bầy cừu [xem II Các vua 3:4]). Một thuật ngữ khác và phổ biến dùng cho các người chăn cừu (BDB 133) được sử dụng cho ông trong 7:14.
4. Ông là (1) người chủ vườn cây ăn quả (2) hoặc là người trồng tía những cây vả rừng (xem 7:14). Điều này có thể có liên quan đến việc di chuyển hàng năm giữa những địa điểm khác nhau. Những cây này được gọi là những cây vả rừng. Trái giống như trái vả. Mỗi trái vả phải được xỏ riêng để chín tới. Đây là một nông sản rất quan trọng đối với người dân ở miền Cận Đông. Đa-vít thậm chí đã bổ nhiệm một người giám sát đặc biệt cho những nông sản này (xem I Sử ký 27:28). Một số lời tiên tri của A-mốt có xuất xứ từ bối cảnh nông nghiệp của ông.
 - a. 1:2
 - (1) động vật hoang dã, 3:3-8; 5:19
 - (2) đồng cỏ cần cỗi.
 - (3) hạn hán.
 - b. 2:13, xe thồ chở nặng.
 - c. 4:6-9
 - (1) thiếu bánh, câu 6
 - (2) không có mưa cho mùa màng, câu 7
 - (3) không có nước để uống, câu 8
 - (4) gió khô, câu 9
 - (5) nấm mốc, câu 9
 - (6) sâu bọ, câu 9
 - d. 5:16-17
 - (1) những người nông dân ta thán, câu 16
 - (2) những vườn nho không kết quả, câu 17
 - e. 7:1-6
 - (1) cào cào, câu 1-2
 - (2) lửa, câu 4
 - f. 8:1-2, trái cây mùa hè
 - g. 9:13-15, ngày của sự thịnh vượng nông nghiệp ám chỉ sự hiện diện và chúc phước

của Đức Giê-hô-va (xem Phục truyền Luật lệ Ký 27-29).

5. Truyền thống Do Thái nói rằng ông là một thương gia thành công. Điều này khá khác biệt với quan điểm chung ngày hôm nay cho rằng ông là một nông dân nghèo miền quê. Tuy nhiên từ những vần thơ tuyệt mỹ cũng như sự tinh tường về văn học của ông mà có lẽ truyền thống Do Thái là chính xác. Từ II Sa-mu-ên 14:02ff mà chúng ta biết rằng Thê-cô-a được biết đến vì những người dân khôn ngoan trong vùng đó. Ông là vị tiên tri đầu tiên có sứ điệp được ghi lại trong một cuốn sách riêng biệt. Lưu ý đến các đại từ ngôi thứ nhất số ít trong 5:1; 7:1-9; 8:1 và 9:1.
6. Ông rao giảng cho vương quốc Y-sơ-ra-ên phía bắc. Chúng ta biết chắc chắn rằng Bê-tên là một địa điểm rao giảng, nhưng có lẽ cũng có nhiều địa điểm giảng dạy khác.

C. Các vấn đề về quyền tác giả nảy sinh là bởi vì:

1. Cuốn sách ngụ ý ông là một người nông dân nghèo.
2. Phong cách và lời thơ lại thật xuất sắc, ngụ ý một người có học vấn.
3. Những bài giảng của ông được cho rằng chỉ đề nói mà thôi, nhưng chúng lại rất có cấu trúc hản hồi và cân đối, do đó ngụ ý chúng là những văn bản được sao chép.
4. Nhiều học giả cho rằng A-mốt đã được giúp đỡ về việc biên tập hoặc sao chép. Một bằng chứng “có thể” có một người ghi chép là trong 7:10-17 dùng ngôi thứ ba, trong khi 7:1-9; 8:1-2; 9:01 dùng ngôi thứ nhất (xem *The Expositor's Bible Commentary*, quyển 7, trang 271).
5. Giống như nhiều sách Cựu Ước, chúng ta ở thời hiện đại không biết những sách này trong Kinh Thánh được hình thành hoặc cấu tạo như thế nào. Tuy nhiên, tác giả trên hết vẫn là Thánh Linh của Đức Chúa Trời. Nội dung của chúng mới là quan trọng. Chúng là lời từ Đức Chúa Trời cho mọi lứa tuổi và văn hóa, đặc biệt là những người giàu có và quyền lực.

V. THỜI ĐIỂM

- A. Tương đối dễ dàng để xác định thời điểm của sách tiên tri này là vào khoảng năm 750 TC hoặc thêm hoặc bớt mười năm.
- B. Câu đầu tiên của A-mốt dài nhất và có thể định niên đại chính xác nhất trong bất kỳ sách nào trong Cựu Ước.
 1. Ô-xia trị vì trong khoảng 783-742 TC (Bright)
 2. Giê-rô-bô-am II trị vì trong khoảng 786-746 TC (Bright)
 3. Trận động đất cũng là một dấu mốc giúp xác định thời điểm của cuốn sách (xem 1:1; 8:8; 9:1,5; Xa-cha-ri 14:5). Josephus liên hệ sự kiện này với II Sử ký 26:16-21 khi Ô-xia dâng sinh tế. Những nghiên cứu khảo cổ tại Hazor cho rằng vào khoảng năm 760 TC (Yadin, 1964).
- C. Trong 5:8 và 8:9 có đề cập đến một kỳ nhật thực. Chi tiết này có thể là cùng một chi tiết được đề cập trong các văn bản A-si-ry xảy ra vào ngày 15 tháng 6, năm 763 TC (hồ sơ lưu trữ của A-si-ry). Tuy nhiên, cũng có một nhật thực toàn phần vào ngày 9 tháng 2, năm 784 TC.

- D. A-môt đổi mặt với A-ma-xia, vị chủ tế tại Bê-tên dưới triều đại của Giê-rô-bô-am II, cũng giúp định thời điểm của cuốn sách này (xem 7:10-17).

VI. HOÀN CẢNH LỊCH SỬ

- A. Các tài liệu tương tự trong Kinh Thánh được tìm thấy trong:

1. II Các vua 14:3-17:6
2. II Sử ký 25-28
3. Ô-sê
4. Ê-sai
5. Mi-chê

- B. Bản tóm tắt đơn giản nhất về tình trạng thờ hình tượng trong dân sự của Đức Chúa Trời có thể thấy trong Ô-sê.

1. 2:16, sẽ không còn gọi Ta là: Baali (Chủ tôi).
2. 4:12-13, "...các con gái phạm tội tà dâm..."
3. 4:17, "Ép-ra-im say mê thần tượng, hãy để mặc nó"
4. 13:2, "để mặc kẻ dưng của lễ hôn bò con"

- C. Hoàn cảnh xã hội

1. Đó là một giai đoạn của sự thịnh vượng kinh tế và bành trướng về quân sự cho cả Y-sơ-ra-ên và Giu-đa. Tuy nhiên, sự thịnh vượng này chỉ mang lại lợi ích cho tầng lớp giàu có. Các tầng lớp nghèo và trung lưu đã bị bóc lột và lợi dụng. Hình như người ta thờ thêm loại thần tượng "đồng tiền và cây sủng" (giàu có và hùng cường).
2. Sự ổn định xã hội và sự giàu có của cả Y-sơ-ra-ên và Giu-đa có liên quan đến một số nguyên nhân:
 - a. Triều đại thịnh vượng và kéo dài của Giê-rô-bô-am II (786-746 TC) ở miền bắc và Ô-xia (783-742 TC) ở miền nam.
 - b. Sự suy yếu tạm thời của Ai Cập và Lưỡng Hà.
 - c. A-si-ry đánh bại Sy-ri bởi Adad-Nirari III trong năm 805 TC.
 - d. Không có các cuộc xung đột giữa Y-sơ-ra-ên và Giu-đa.
 - e. Việc đánh thuế và khai thác các con đường thương mại từ Bắc vào Nam phải đi qua vùng đất Pa-léc-tin làm cho sự tăng trưởng kinh tế nhanh chóng, thậm chí đến mức thừa mứa cho tầng lớp giàu có.
3. Ostraca of Samaria (những mảnh đất nung tìm thấy tại Sa-ma-ri), được xác định vào khoảng triều đại của Giê-rô-bô-am II dường như ám chỉ đến một tổ chức hành chính giống như của triều đại Sa-lô-môn. Điều này dường như để khẳng định khoảng cách lớn giữa tầng lớp có tài sản và tầng lớp nghèo hèn.
4. Sự gian dối của những người giàu được A-môt mô tả rõ ràng và ông được gọi là vị tiên tri cho sự công bằng xã hội. Những sự hối lộ trong việc xét xử cùng với việc cân đong gian dối trong khi mua bán là hai ví dụ rõ ràng về sự lạm dụng rất phổ biến, dường như trong cả hai nước Y-sơ-ra-ên và Giu-đa.

- D. Hoàn cảnh tôn giáo

1. Đó là một thời gian của nhiều hoạt động tôn giáo bề ngoài nhưng rất ít đức tin chân

- thật. Các dị giáo thờ sự sinh sản của xứ Ca-na-an đã được hợp nhất thành tôn giáo của Y-sơ-ra-ên. Dân chúng là những người thờ hình tượng nhưng họ gọi nó là một thứ tôn giáo thuộc về Đức Giê-hô-va. Xu hướng liên minh chính trị của dân sự Đức Chúa Trời với nước khác khiến họ vướng vào các tập tục và sự thờ lạy ngoại giáo.
2. Sự thờ hình tượng của Y-sơ-ra-ên được kể tường tận trong II Các vua 17:7-18.
 - a. Câu 8, họ tuân theo các tập tục thờ lạy của của các dân tộc Ca-na-an.
 - (1) sự thờ lạy thần sinh sản
 - (a) những nơi cao, câu 9,10,11
 - (b) những trụ thờ (Baal), câu 10,16
 - (c) Asherim, câu 16, đây là những biểu tượng bằng gỗ của vợ thần Baal. Chúng có thể là những cây cọc cong hoặc là những cây sồng.
 - (2) bói toán, câu 17, điều này được thảo luận chi tiết trong Lê-vi Ký 19-20 và Phục truyền Luật lệ Ký 18.
 - b. Câu 16, họ tiếp tục thờ phượng hai con bò con vàng tượng trưng cho Đức Giê-hô-va, được Giê-rô-bô-am I dựng lên ở Đan và Bê-tên (I Các vua 12:28-29).
 - c. Câu 16, họ thờ lạy các vị thần sao của Ba-by-lôn: mặt trời, mặt trăng, sao, và chòm sao.
 - d. Câu 18, họ tôn thờ Mô-lóc là thần lửa sinh sản của dân Phê-ni-xi (xem Lê-vi Ký 18:21; 20:2-5).
 3. Đạo thờ thần Baal (xem quyển *Archaeology and the Religion of Israel* của W. F. Albright, trang 82ff).
 - a. Nguồn tài liệu tốt nhất cho chúng ta là “Baal Epic of Ugarit.”
 - (1) Mô tả Baal như là một thần của vụ mùa chết đi, sống lại. Vị thần này đã bị thần Mot đánh bại và bị giam giữ nơi địa ngục. Tất cả sự sống trên trái đất ngừng lại. Nhưng với sự giúp đỡ của các nữ thần, Baal vùng dậy và đánh bại thần Mot mỗi mùa xuân. Baal là một vị thần sinh sản đã được thờ phụng bằng cách bắt chước theo ma thuật.
 - (2) Vị thần này còn được biết đến là Hadad.
 - b. El là vị thần đứng đầu trong đền đa thần của dân Ca-na-an, nhưng Baal được nhiều người biết đến nên Baal giành lấy vị trí này.
 - c. Y-sơ-ra-ên đã bị ảnh hưởng đạo thờ Baal của người Ty-rơ là do Giê-sa-bêl, con gái của vua Ty-rơ. Bà ta đã được Ôm-ri chọn cho con trai mình là A-háp.
 - d. Trong Y-sơ-ra-ên, Baal được thờ tại những nơi cao. Thần này được biểu tượng bằng một hòn đá được nâng cao. Vợ của Baal là Asherah, được biểu tượng bởi một cây cọc có chạm trổ đại diện cho cây sự sống.
 4. Có một số nguồn gốc và cách thờ hình tượng được đề cập:
 - a. Những con bò con vàng tại Bê-tên và Đan được Giê-rô-bô-am I dựng lên để thờ lạy Đức Giê-hô-va
 - b. Sự thờ lạy các nam và nữ thần sinh sản của dân Ty-rơ tại các nơi cao.
 - c. Nhu cầu thờ hình tượng trong các liên minh chính trị vào thời đó.
- E. Hoàn cảnh chính trị ở miền Bắc.
1. Giê-rô-bô-am II là vị vua hùng mạnh cuối cùng tại Y-sơ-ra-ên. Ông là vị vua thứ tư trong dòng dõi của Giê-hu và người cuối cùng được tiên báo sẽ được trị vì (xem II Các vua 10:30). Ông đã có một triều đại chính trị lâu dài và thành công (786-746 TC).

2. Sau cái chết của Giê-rô-bô-am II có sáu vị vua trong khoảng thời gian hai mươi lăm năm.
 - a. Xa-cha-ri (II Các vua. 15:8-12). Ông đã bị ám sát chỉ sau sáu tháng.
 - b. Sa-lum (II Các vua. 15:13-15). Ông đã bị ám sát chỉ sau một tháng.
 - c. Mê-na-hem (II Các vua 15:16-22). Ông trị vì mười năm, nhưng phải dâng triều cống nặng nề cho vua Phun (Iglath-Pileser III).
 - d. Phê-ca-hia (II Các vua II 15:23-26). Ông trị vì hai năm và bị ám sát.
 - e. Phê-ca (II Các vua 15:27-31). Ông trị vì năm năm và bị ám sát. Ông để mất một số thành phố vào tay A-sy-ri.
 - f. Ô-sê (II Các vua 15:03; 17:1-6). Ông trị vì chín năm và bị A-sy-ri lưu đày năm 722 sau khi Sa-ma-ri thất thủ.
3. Giới thiệu tóm tắt các cuộc xâm lược của A-si-ry và Ba-by-lôn trong thế kỷ thứ tám đã ảnh hưởng đến xứ Pa-léc-tin.
 - a. Bốn vị tiên tri trong thế kỷ thứ tám đã hoạt động trong thời kỳ trỗi dậy của đế chế A-si-ry trong vùng Tigris-Euphrates. Đức Chúa Trời sẽ sử dụng đất nước độc ác này để phán xét dân sự của Ngài, đặc biệt là Y-sơ-ra-ên. Có một việc đặc biệt xảy ra là một liên minh chính trị và quân sự hình thành trong vùng Giô-đanh được gọi là Liên minh Syro-Ephramatic (735 TC). Sy-ri và Y-sơ-ra-ên đã cố gắng để ép buộc Giu-đa tham gia để cùng chống lại A-si-ry. Trái lại, A-cha vua của Giu-đa lại gửi thư đến A-sy-ri yêu cầu giúp đỡ. Vị vua đầu tiên của đế chế A-si-ri hùng mạnh, Tiglath-Pileser III (745-727 TC) phải đối phó thách thức quân sự này và xâm lược Sy-ri. Sau đó, Ô-sê tại Y-sơ-ra-ên (732-722 TC) là vị vua bù nhìn cho A-sy-ri lại nổi loạn, và cầu viện Ai Cập. Shalmaneser V (727-722 TC) đã xâm lược Y-sơ-ra-ên một lần nữa. Vị vua này chết trước khi Y-sơ-ra-ên bị chinh phục, nhưng người kế nghiệp ông là Sargon II (722-705 TC), chiếm Sa-ma-ri thủ đô của Y-sơ-ra-ên vào năm 722 TC. A-si-ry bắt lưu đày hơn 27.000 người Y-sơ-ra-ên trong lần này cũng như Tiglath-Pileser đã lưu đày hàng ngàn người trước đó vào năm 732 TC.
 - b. Sau cái chết của A-cha (735-715 TC) một liên minh quân sự khác được thành lập bởi các quốc gia trong vùng Giô-đanh và Ai Cập chống lại A-si-ry (714-711 TC). Nó được biết đến là Cuộc Nổi Dậy Ashdod. Nhiều thành phố xứ Giu-đê đã bị phá hủy khi A-si-ry xâm chiếm một lần nữa. Ban đầu Ê-xê-chia hậu thuẫn cho liên minh này, nhưng sau đó ông rút khỏi sự ủng hộ.
 - c. Tuy nhiên, một lần nữa có một liên minh khác đã cố gắng tận dụng sự qua đời của vị vua A-si-ry hùng mạnh Sargon II năm 705 TC, cùng với nhiều nơi khác nổi loạn trong khắp cả đế quốc A-sy-ri. Ê-xê-chia đã hoàn toàn tham dự vào cuộc nổi loạn này. Với sự thách thức này, Sennacherib (705-681 TC) đã xâm chiếm Pa-léc-tin vào năm 701 TC và đóng trại gần thành phố Giê-ru-sa-lem (II Các vua 18-19; Ê-sai 36-39), nhưng đội quân của ông đã bị Đức Chúa Trời tiêu diệt một cách kỳ diệu. Có một số câu hỏi đặt ra trong vòng các học giả như là Sennacherib đến xâm chiếm Pa-léc-tin bao nhiêu lần (ví dụ, John Bright cho rằng có một cuộc xâm lược năm 701 TC và có thể có một cuộc xâm lược khác vào năm 688 TC, xem trang 270). Ê-xê-chia được thoát khỏi sự xâm chiếm của A-si-ry, nhưng ông hành diện phô trương các kho báu của Giu-đa cho phái đoàn Ba-by-lôn thấy mà Ê-sai đã tiên báo sự sụp đổ của Giu-đa vào tay Ba-by-lôn (39:1-8). Giê-ru-sa-lem thất thủ trước

Nê-bu-cát-nết-sa vào năm 587-586 TC

- d. Ê-sai cũng tiên báo sự khôi phục dân sự của Đức Chúa Trời dưới triều đại Cyrus II, vua Mê-đi-Ba Tư (41:2-4; 44:28; 45:1; 56:11). Thành Ni-ni-ve thất thủ vào năm 612 TC vào tay Ba-by-lôn, nhưng thành phố Ba-by-lôn thất thủ vào năm 539 TC trước quân đội của Cyrus. Năm 538 TC Cyrus đã ban hành một chiếu chỉ cho tất cả mọi dân tộc bị lưu đày, có cả người Do thái có thể trở về quê hương. Thậm chí ông còn cung cấp tiền từ ngân quỹ của mình cho việc xây dựng lại các ngôi đền của các quốc gia.

VII. CÁC ĐƠN VỊ (PHÂN ĐOẠN) VĂN HỌC

A. Những cáo trạng chống lại các nước: 1:1-2:3 (có thể là cho đến 2:16)

1. Sy-ri (Đa-mách), 1:3-5
2. Phi-lít-tin (Ga-xa), 1:6-8
3. Phê-ni-xi (Ty-rơ), 1:9-10
4. Ê-đôm, 1:11-12
5. Am-môn, 1:13-15
6. Mô-áp, 2:1-3

B. Những cáo trạng đặc biệt đối với dân sự của Đức Chúa Trời: 2:4-6:14

1. Giu-đa, 2:4-5
2. Y-sơ-ra-ên, 2:6-6:14 (bối cảnh của sự phán xét trên Y-sơ-ra-ên cho đến 6:14)

C. Những khái tượng về sự phán xét, 7:1-9:10

1. Cào cào, 7:1-3.
2. Lửa, 7:4-6.
3. Dây chuẩn mực (dây dọi), 7:7-17
4. Trái cây mùa hè, 8:1-14
5. Sự phá hủy đền thờ, 9:1-10

D. Niềm hy vọng thuộc về Đấng Mê-ti-si-a, 9:11-15

Một số học giả đã cho rằng đây không phải là một cấu trúc theo trình tự thời gian, nhưng là một cấu trúc theo lập luận, văn học (ví dụ: sự phán xét – sự phục hồi). A-mốt đã rao giảng trong một khoảng thời gian ngắn. Nội dung sứ điệp là của A-mốt, nhưng cấu trúc trình bày có thể là từ một người biên tập ghi lại từ những những lời tiên tri của ông.

VIII. CÁC LỄ THẬT CHÍNH YẾU

A. A-mốt nối kết cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời với sự vi phạm giao ước Môi-se của dân Y-sơ-ra-ên (và các nước lân bang). Chúng ta cần nhận ra mối liên hệ giữa trách nhiệm tập thể trong Cựu Ước với đức tin cá nhân. Chúng ta có một nan đề xã hội tội lỗi giống như Y-sơ-ra-ên, tuy nhiên trong tâm trí của chúng ta thường tồn tại hai tiêu chuẩn:

1. Đức tin và đời sống cá nhân của chúng ta.
2. Đời sống công cộng, xã hội của chúng ta
Y-sơ-ra-ên chắc hẳn đã phải vui mừng khi A-mốt công bố sự đoán xét của Đức Giê-

hô-va trên những nước lân bang cũng là kẻ thù truyền thống của họ. Quốc gia của họ là một phần trong vương quốc của Đa-vít và Sa-lô-môn và họ chắc phải biết một điều gì đó về giao ước Môi-se và Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên.

Tất nhiên người Y-sơ-ra-ên rất vui mừng khi A-mốt mang sự phán xét Đức Chúa Trời đến trên nước Giu-đa là đối thủ của họ. Tuy nhiên, sự biểu lộ cảm xúc này nhanh chóng dừng lại khi A-mốt với cách thức dữ dội hơn quay sang những tội lỗi của các chi phái phía bắc.

- B. Sự tể trị của Đức Chúa Trời trên khắp cả trái đất là nền tảng cho sự phán xét của Đức Giê-hô-va đối với những quốc gia bên ngoài Giao ước của Y-sơ-ra-ên. Đây là cơ sở của sự hiểu biết của Y-sơ-ra-ên về thuyết độc thần (xem *Encyclopedia Judaica*, quyển 2, trang 889).
- Có một số đoạn kinh văn liên quan đến sự sáng tạo và kiểm soát trên thiên nhiên của Đức Giê-hô-va (xem 4:13; 5:8-9; 8:8; 9:5-6). Những đoạn kinh văn này hình thành nên những thánh ca ca ngợi. Cuốn sách này xem thiên nhiên như một sự mặc khải của Đức Chúa Trời (tức là: động đất, nhật thực, và ám chỉ đến Phục truyền Luật lệ Ký 27-29).
- C. A-mốt 2:9-12. Sự phán xét của Đức Chúa Trời chống lại dân Y-sơ-ra-ên phải được nhìn thấy theo sự bày tỏ những việc làm đầy ân huệ của Đức Chúa Trời trong lịch sử. Sự tuyển chọn và giao ước của Đức Chúa Trời đối với Y-sơ-ra-ên sắp đặt cho sự phán xét nghiêm khắc của Ngài. Cần phải nhớ rằng người được ban cho nhiều, sẽ bị đòi lại nhiều (xem Luca 12:48).
- D. Chương 5 liên kết chặt chẽ đức tin với cuộc sống. A-mốt lên án người giàu có bóc lột người nghèo.
- E. Y-sơ-ra-ên đã tin tưởng cách sai lầm dựa vào:
1. Tôn giáo của mình, 4:4-5; 5:21-23
 2. Sự thịnh vượng kinh tế của mình, 6:01 ff.
 3. Sức mạnh quân sự của mình, 2:14-16; 6:01b, 13
- F. Ngay cả giữa sự vô tín của Y-sơ-ra-ên vẫn còn có hy vọng vào giao ước của Đức Chúa Trời, vào Đấng Mết-si-a, 9:8b-15.

A-MỘT ĐOẠN 1

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI*

NKJV	NRSV	TEV	NJB
		Sự phán xét của Chúa trên những nước lân bang của Y-sơ-ra-ên (1:1-2:5)	
Giới thiệu	Chú thích đầu thư		Tựa đề
1:1-2	1:1	1:1-2	1:1
	Bản cáo trạng đối với những dân tộc xung quanh, dân Y-sơ-ra-ên và dân Giu-đa (1:2-2:16)		Giới thiệu
	1:2		1:2
Sự phán xét trên các nước (1:3-2:3)			Sự phán xét trên những quốc gia xung quanh và trên chính Y-sơ-ra-ên (1:3-2:16)
		Sy-ri	Đa-mách
1:3-5	1:3-5	1:3-5	1:3-5
		Phi-li-tin	Ga-xa và Phi-li-tin
1:6-8	1:6-8	1:6-8	1:6-8
		Ty-rơ	Ty-rơ và Phê-ni-xi
1:9-10	1:9-10	1:9-10	1:9-10
		Ê-đôm	Ê-đôm
1:11-12	1:11-12	1:11-12	1:11-12
		Am-môn	Am-môn
1:13-15	1:13-15	1:13-14	1:13-14

* Mặc dù không được linh cảm, việc phân đoạn và câu là chìa khóa để hiểu và theo dõi ý tưởng nguyên thủy của tác giả. Mỗi bản dịch hiện đại đều có phần phân đoạn và tóm tắt đoạn. Mỗi đoạn có một chủ đề, một lẽ thật, một ý tưởng trọng tâm. Mỗi bản dịch có cách chia đoạn đặc biệt riêng của nó để cô đọng lại các chủ đề này. Khi đọc một bản văn, hãy tự hỏi chính mình bản dịch nào giúp bạn nắm được chủ đề qua lối chia đoạn và câu của nó.

Ở mỗi đoạn, chúng ta phải đọc Kinh thánh trước và tìm cách xác định các chủ đề (phân đoạn) của nó, sau đó so sánh sự hiểu biết này với các bản dịch hiện đại. Chỉ khi nào chúng ta hiểu được ý định của tác giả nguyên thủy bằng cách theo dõi lý luận và cách trình bày của họ, thì chúng ta mới thật sự hiểu được Kinh thánh. Chỉ có tác giả nguyên thủy được linh cảm- người đọc không có quyền thay đổi hay bổ sung vào sứ điệp. Tuy nhiên, những người đọc Kinh thánh có trách nhiệm áp dụng những lẽ thật được linh cảm này vào cuộc sống hằng ngày của họ.

Lưu ý rằng tất cả các thuật ngữ và những chữ viết tắt đều được giải thích rõ ràng trong Phụ lục một, hai, và ba.

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phần đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

NHỮNG KIẾN GIẢI SÁU SẮC VỀ BỐI CẢNH

- A. Chương một và hai hình thành nên một đơn vị văn học bàn luận về tội lỗi của Y-sơ-ra-ên (xem 2:6-16). Hai câu đầu tiên có thể là chủ đề của toàn bộ cuốn sách. Mối liên hệ đặc biệt của Y-sơ-ra-ên (mười bộ tộc phía Bắc) với Đức Giê-hô-va cũng là nguyên nhân duy nhất khiến họ mắc tội nổi loạn (xem Lu-ca 12:48). Họ là Dân sự Giao Ước và họ có trách nhiệm theo Giao Ước.
- B. A-mốt bắt đầu bài giảng của ông với sự phán xét trên những kẻ thù của Y-sơ-ra-ên.
 1. Tất cả các quốc gia xung quanh .
 - a. Dân ngoại.
 - b. Những người có liên hệ với dân Do Thái (Ê-đôm từ Ê-sau; Am-môn, Mô-áp từ Lót)
 2. Những người bà con, dân Giu-đa.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

BẢN NASB 1:1-2

¹ Lời của A-mốt, người trong bọn chặn ở Thê-cô -a, là lời đã được soi dẫn cho người về Y-sơ-ra-ên, đang đòi Ô-xia, vua Giu-đa, và đang đòi Giê-rô-bô-am, con trai Giô-ách, vua Y-sơ-ra-ên, hai năm trước cơn động đất. ² Người nói rằng: Đức Giê-hô-va sẽ gầm thét từ Si-ôn. Ngài làm cho vang tiếng mình ra từ Giê-ru-sa-lem. Những đồng cỏ của kẻ chặn chiên sẽ thẳm sâu, chót núi Cạt-mên sẽ khô héo.

1:1 “A-môt” Các ý nghĩa của tên hiếm thấy này xem phần Giới Thiệu, I, B.

▣ **“người trong bộn chẵn”** Thuật ngữ này chỉ xuất hiện thêm một lần nữa trong Cựu Ước, “người chủ chiên” dùng cho Mê-sa, vua của Mô-áp (xem II Các vua 3:4). Nghề nghiệp của ông cũng có thể liên quan đến gia súc (BDB 133, xem 7:14). Đây là một thuật ngữ khác thường (BDB 667, KB 719-720) và có thể ám chỉ đến các quyền sở hữu về một loại chiên nhỏ đặc biệt (BDB 838, xem 7:15). Theo một truyền thống Do Thái thì A-môt (1) là một doanh nhân thành đạt (người gây giống cừu, xem *The Jewish Study Bible*, trang 1177) hoặc (2) ông là một người chăn nghèo và là một người làm công lưu động trong nghề nông.

Các phụ âm Hê-bơ-rơ với gốc *mqd* (KB 719-720) có nhiều ý nghĩa.

1. chích, đâm thủng.
2. làm sạch, tỏa sáng (trong tiếng Ả Rập có nghĩa là phóng thích hoặc là giải cứu).
3. một loại cừu không tốt.
4. tiền (*Talmud*, một đồng xu nhỏ)
5. lốm đốm (xem Sáng thế Ký 30:32)
6. người chăn, người gây giống cừu.
7. danh hiệu cho một chức vị cao cấp (Ugaritic)

Bối cảnh là tối quan trọng. Chỉ có bối cảnh xác định ý nghĩa của từ. Những chữ có chung gốc chỉ hữu ích khi từ đó là rất hiếm. Trong A-môt có nhiều từ dùng để mô tả nghề nghiệp của ông trước khi ông được Chúa kêu gọi.

1. *nqd*, 1:1
2. *bqr*, 7:14
3. *s'n*, 7:15

▣ **“Thê-cô-a”** Tên gọi này (BDB 1075) có nghĩa là dựng lều (xem Sáng thế Ký 31:25; Giê-rê-mi 6:3) hoặc là thổi kèn (xem Ê-xê-chi-ên 7:14). Thê-cô-a là một thành phố trong sa mạc Giu-đê, nhìn xuống nơi đồng vắng Giu-đê. Nó cách khoảng năm dặm về phía nam của Bết-lê-hem. Không khỏi ngạc nhiên khi nhiều người lãnh đạo của Đức Chúa Trời xuất thân từ đời sống mục đồng.

▣ **“là lời đã được soi dẫn cho”** Chữ này có nghĩa là thấy (BDB 302, KB 301, dạng HOÀN THÀNH *Qal* (*Qal* PERFECT)). Nó thường xuyên được sử dụng cho một khái niệm xuất thần (xem Dân-số Ký 24:4,16; Ê-sai 1:1; 2:1,13; Ê-xê-chi-ên 12:27; 13:16; Mi-chê 1:1; Ha-ba-cúc 1:1). Nó trở thành một trong ba chữ được sử dụng để chỉ một vị tiên tri (tiên kiến, như trong A-môt 7:12; II Sa-mu-ên 24:11; II Các vua 17:13, I Sử ký 21:9; 29:29; II Sử ký 9:29, 12:15, 19:2; 29:25,29; 33:19; 35:15; Ê-sai 29:10,25; 30:10).

Thực tế là câu 1 đề cập đến “lời” và “hiện thấy” có thể ám chỉ đến hai thể loại hình thành nên những lời tiên tri của các câu 1-6 và 7-9. Điều này là có thể, nhưng không chắc chắn.

▣ **“đang đời Ô-xia, vua Giu-đa”** Ông là một vị vua tốt cai trị Giu-đa khoảng 783-742 TC (xem Phụ Lục phân bảng giả định thời điểm). Việc tất cả các vua của Giu-đa được đề cập cho thấy xu hướng thần học của các tiên tri là hướng về Giê-ru-sa-lem. Các tiên tri luôn luôn lên án việc chia đôi các chi phái năm 922 TC (xem I Các vua 12:16-20; II Sử ký 10).

▣ **“đang đời Giê-rô-bô-am, con trai Giô-ách, vua Y-sơ-ra-ên”** Điểm này đề cập đến Giê-rô-

bô-am II (BDB 914), người trị vì trên mười chi phái phía Bắc khoảng 786-746 TC (có rất nhiều ngày tháng hơi khác nhau, xem Phụ lục). Ông là một vị vua rất thành công và có năng lực. Trong giai đoạn này cả Giu-đa và Y-sơ-ra-ên được hưởng sự thịnh vượng lớn bởi vì A-si-ry đã đánh bại kẻ thù truyền thống của họ về phía bắc là Sy-ri. Ngoài ra, A-si-ry và Ai Cập đã không chủ trương mở rộng bờ cõi trong thời gian này (xem phần Giới thiệu, VI).

▣ **“hai năm trước cơn động đất”** Chắc hẳn phải có một trận động đất rất mạnh vì nó được đề cập đến nhiều năm sau trong Xa-cha-ri 14:5. Nó có thể là ám chỉ trong 8:8 và 9:1. Josephus (trong *Antiq.* 9.225) cho chúng ta biết nó có liên quan tới tội lỗi tự dâng của lễ của Ô-xia (xem II Sử ký 26:16-21). Đây là (1) một sự tường thuật về lịch sử nhằm cố gắng thiết lập một cách chính xác ngày tháng cho lời tiên tri của A-mốt (A-mốt 1:1 là nỗ lực lớn nhất về việc xác định niên đại trong mọi cuốn sách của Cựu Ước) hoặc (2) là một cách để nhấn mạnh chủ đề phán xét từ Đức Giê-hô-va trong sứ điệp của A-mốt.

1:2 Câu này bắt đầu phần thơ đầu tiên trong A-mốt. Nó cũng là lời tóm tắt của cả sách.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: THƠ CA HÊ-BƠ-RƠ

I. GIỚI THIỆU

- A. Thể loại văn học này chiếm một phần ba của Cựu Ước. Nó đặc biệt phổ biến trong phần Các Tiên Tri (tất cả đều có phần thơ ca trừ A-ghê và Ma-la-chi) và trong phần Các Sách Văn Thơ của Kinh Thánh Hê-bơ-rơ.
- B. Nó rất khác với thơ tiếng Anh. Thơ trong tiếng Anh phát triển từ thi ca tiếng Hy Lạp và La-tinh chủ yếu dựa trên âm điệu. Thi ca Hê-bơ-rơ có nhiều điểm chung với thi ca của các dân tộc vùng Ca-na-an. Nó chủ yếu dựa vào tư tưởng nền tảng trong những dòng thơ song song, cân đối.
- C. Phát hiện khảo cổ học ở phía bắc của Israel tại Ugarit (Ras Shamra) đã giúp các học giả hiểu biết văn thơ Cựu Ước. Loại thơ ở thế kỷ 15 TC này đã có liên hệ văn chương rõ ràng với thơ văn Kinh Thánh.

II. ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA THƠ CA

- A. Nó rất súc tích.
- B. Nó cố gắng thể hiện chân lý, cảm xúc, hoặc kinh nghiệm qua hình ảnh.
- C. Chủ yếu của thơ là viết, chứ không phải là bằng lời nói. Nó được sắp xếp để có cấu trúc hẫng hoi. Cấu trúc này được thể hiện trong
 - 1. những dòng cân đối (thể song đối)
 - 2. những cách dùng chữ.
 - 3. dùng chữ đồng âm.

III. CẤU TRÚC (xem *Introduction to the Old Testament*, của R. K. Harrison trang 965-975)

- A. Giám mục Robert Lowth trong cuốn sách của ông *Lectures on the Sacred Poetry of the Hebrews* (1753) là người đầu tiên xác định thơ ca trong Kinh thánh như là những dòng tư tưởng cân đối. Hầu hết các bản dịch tiếng Anh hiện đại được sắp xếp để trình bày những dòng thơ.
 - 1. đồng nghĩa - những câu thơ bày tỏ cùng một tư tưởng trong các từ khác nhau:

- a. Thi Thiên 3:1; 49:1; 83:14; 103:13
 - b. Châm ngôn 19:5; 20:1
 - c. Ê-sai 1:3,10
 - d. A-môt 5:24; 8:10
2. phép đối lập - những dòng thơ diễn tả những tư tưởng ngược lại bằng sự tương phản hoặc nêu rõ sự tích cực và tiêu cực:
 - a. Thi Thiên 1:6; 90:6
 - b. Châm ngôn 1:29; 10:1,12; 15:1; 19:4
 3. phép tổng hợp - hai hoặc ba dòng tiếp theo khai triển tư tưởng - Thi Thiên 1:1-2; 19:7-9; 29:1-2
 4. chiasmic - một dạng thơ thể hiện sự điệp theo một tiến trình hạ xuống thấp và tiến lên cao. Điểm chính yếu ở ngay giữa trình tự.
- B. Charles A. Briggs trong cuốn sách của ông *General Introduction to the Study of Holy Scripture* (1899) phát triển giai đoạn tiếp theo của phân tích trong văn thơ Hê-bơ-rơ:
1. biểu tượng - một mệnh đề theo nghĩa đen và mệnh đề thứ hai có nghĩa bóng Thi Thiên 42:1; 103:3
 2. thay đổi hoặc là theo bậc thang - các mệnh đề bày tỏ lẽ thật theo cách tăng dần, Thi Thiên 19:7-14; 29:1-2; 103:20-22
 3. hướng nội - một loạt các mệnh đề, thông thường phải có ít nhất là bốn, được liên kết bằng cấu trúc bên trong theo kiểu dòng 1-4 và 2-3 - Thi Thiên 30:8-10a.
- C. G. B. Gray trong cuốn sách của ông *The Forms of Hebrew Poetry* (1915) phát triển thêm khái niệm về các mệnh đề cân bằng.
1. hoàn toàn cân đối - vị trí của mỗi từ trong câu một được lặp lại hoặc được cân bằng cùng vị trí bởi một từ trong câu hai - Thi Thiên 83:14 và Ê-sai 1:3
 2. cân đối không hoàn toàn khi mà các mệnh đề không cùng độ dài - Thi thiên 59:16; 75:6
- D. Ngày nay có thêm chấp nhận nữa về kiểu cấu trúc văn chương trong tiếng Do Thái được gọi là chiasm, nó thường biểu thị bởi một số dòng thơ tương tự (a, b, b, a) (a, b, c, b, a) tạo thành hình dạng một đồng hồ cát, thông thường dòng thơ chính giữa được nhấn mạnh.
- E. Loại hình thơ ca dựa theo âm thanh có trong thi ca tổng quát, nhưng không xuất hiện thường xuyên trong thơ ca phương đông.
1. dựa trên bảng chữ cái (thể thơ theo chữ đầu của bài thơ, xem Thi thiên 9,34,37,119; Châm ngôn 31:10 ff; Ca thương 1-4)
 2. dựa trên phụ âm (phép điệp âm, xem Thi thiên 6:8; 27:7; 122:6; Ê-sai 1:18-26)
 3. dựa trên nguyên âm (phép trùng âm, xem Sáng thế Ký 49:17; Xuất Ê-díp-tô Ký 14:14; Ê-xe-chi-ên 27:27)
 4. dựa trên việc lặp lại các từ có âm thanh giống nhau nhưng khác nghĩa (paronomasia).
 5. dựa vào những chữ là tên đồ vật mà khi phát âm, thì có tiếng giống như âm thanh món đồ vật đó tạo ra (onomatopoeia)
 6. có phần mở đầu và kết thúc đặc biệt (gộp chung)

- F. Có một vài thể loại thơ ca trong Cựu Ước. Một số liên hệ theo chủ đề còn một số liên hệ theo hình thức:
1. bài hát đề tặng riêng - Dân số Ký 21:17-18
 2. các bài hát lao động - (có ám chỉ đến nhưng không được ghi lại trong Các quan xét 9:27); Ê-sai 16:10; Giê-rê-mi 25:30, 48:33
 3. thể loại ballads - Dân số Ký 21:27-30; Ê-sai 23:16
 4. những bài hát lúc say - tiêu cực, Ê-sai 5:11-13; A-mốt 6:4-7 và tích cực, Ê-sai 22:13
 5. những bài thơ tình - Nhã ca, câu đố trong đám cưới - Các quan xét 14:10-18, bài hát đám cưới - Thi thiên 45
 6. ai ca, bài hát truy điệu người chết - (có ám chỉ đến nhưng không được ghi lại trong II Sa-mu-ên 1:17 và II Sử ký 35:25); II Sa-mu-ên 3:33; Thi thiên 27, 28; Giê-rê-mi 9:17-22; Ca thương; Ê-xê-chi-ên 19:1-14; 26:17-18; Na-hum 3:15-19
 7. bài hát chiến tranh - Sáng thế Ký 4:23-24; Xuất Ê-díp-tô Ký 15:1-18,20; Dân số Ký 10:35-36; 21:14-15; Giô-suê 10:13; Các quan xét 5:1-31; 11:34; I Sa-mu-ên 18:6; II Sa-mu-ên 1:18; Ê-sai 47:1-15; 37:21
 8. những lời chúc phước đặc biệt của người lãnh đạo - Sáng thế Ký 49; Dân số Ký 6:24-26; Phục truyền Luật lệ Ký 32; II Sa-mu-ên 23:1-7
 9. những bản văn ma thuật - Balaam, Dân số Ký 24:3-9
 10. những bài thơ thiêng liêng - Thi thiên
 11. những bài thơ theo chữ đầu dòng - Thi Thiên 9,34,37,119; Châm ngôn 31:10ff và Ca thương 1-4
 12. những lời rủa sả - Dân số Ký 21:22-30
 13. những bài thơ chế nhạo - Ê-sai 14:1-22; 47:1-15; Ê-xê-chi-ên 28:1-23
 14. một tập những bài thơ chiến tranh (Jashar) - Dân số Ký 21:14-15; Giô-suê 10:12-13; II Sa-mu-ên 1:18

IV. HƯỚNG DẪN GIẢI NGHĨA THƠ TIẾNG HÊ-BƠ-RÔ

- A. Tìm những lẽ thật chính trong khổ thơ (xem như là một phân đoạn trong văn xuôi.) Bản Kinh thánh RSV là bản dịch đầu tiên xác định thơ theo từng khổ thơ. So sánh các bản dịch hiện đại để tìm những điểm hữu ích.
- B. Nhận dạng các cách nói tượng hình và diễn tả nó bằng văn xuôi. Hãy nhớ rằng thể loại văn học này rất súc tích, nhiều phần được để trống để tự người đọc điền vào
- C. Những bài thơ dài hướng về nghi vấn phải được liên kết với bối cảnh văn chương (thường là cả sách) cũng như hoàn cảnh lịch sử của chúng .
- D. Các quan xét đoạn 4 & 5 rất là hữu ích để xem xét việc thơ văn diễn tả lịch sử như thế nào. Các quan xét đoạn 4 là văn xuôi còn đoạn 5 lại là thơ của cùng những sự việc đó (cũng so sánh Xuất Ê-díp-tô 14 & 15).
- E. Cố gắng xác định thể loại song đối, cho dù đó là đồng nghĩa, trái ngược, hoặc tổng hợp. Điều này là rất quan trọng.

▣ “Đức Giê-hô-va sẽ gầm thét” Chữ “gầm thét” (BDB 980, KB 1367, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal (Qal IMPERFECT)) cũng được sử dụng cho tiếng nói của Chúa như sấm sét, Gióp

37:3-5 và Giê-rê-mi 25:30. Điều này dường như để chỉ sự phán xét của Chúa (xem 3:8) căn cứ vào tội lỗi của Y-so-ra-ên vì họ có sự hiểu biết về giao ước với Đức Giê-hô-va (các quốc gia được đề cập đều đã từng thuộc về vương quốc của Đa-vít và Sa-lô-môn, do đó đều có sự hiểu biết về Đức Giê-hô-va). Điều này tương tự với Giô-ên 3:16.

Tiếng gầm thét là lúc đỉnh điểm khi sự tử giết con mồi, đó là thời điểm của sự phán xét. Nó có thể liên quan đến sự giải cứu như trong Giô-ên 3:16; Ô-sê 11:10, nhưng theo văn mạch này là sự phán xét của Đức Chúa Trời. Người Chăn (Thi thiên 23) đã trở thành kẻ tấn công hùng hổ. Thật là một sự đảo ngược vai trò bởi tội lỗi gây ra !

Đối với Chúa (Đức Giê-hô-va) xem Chủ Đề Đặc Biệt: Tên của thần linh sau đây.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TÊN CỦA THẦN LINH

A. El.

1. Ý nghĩa ban đầu của thuật ngữ chung cho các vị thần trong thời cổ đại là không rõ ràng, mặc dù nhiều học giả tin rằng nguồn gốc nó xuất phát từ dân tộc A-cát (Akkadian), có nghĩa là mạnh hoặc có quyền lực (xem Sáng thế Ký 17:01; Dân số Ký 23:19; Phục truyền Luật lệ ký 7: 21; Thi thiên 50:1).
2. El là thần tối cao trong đền đa thần của dân Ca-na-an (theo các bản văn Ras Shamra)
3. Trong Kinh Thánh, *El* không được kết hợp cách thông thường với những chữ khác. Những kết hợp sau đây là một cách để mô tả Đức Chúa Trời:
 - a. *El-Elyon* (Đức Chúa Trời Chí Cao), Sáng thế Ký 14:18-22; Phục truyền Luật lệ Ký 32:8; Ê-sai 14:14
 - b. *El-Roi* (Đức Chúa Trời xem thấy hay là Đức Chúa Trời tự bày tỏ chính Ngài), Sáng thế Ký 16:13
 - c. *El-Shaddai* (Đức Chúa Trời toàn năng hoặc là Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót hay Đức Chúa Trời của các núi), Sáng thế Ký 17:01, 35:11, 43:14, 49:25; Xuất Ê-díp-tô Ký 6:3
 - d. *El-Olam* (Đức Chúa Trời vĩnh hằng), Sáng thế Ký 21:33. Thuật ngữ này là sự liên kết thần học với lời hứa của Đức Chúa Trời cho Đa-vít, II Sa-mu-ên 7:13,16
 - e. *El-Berit* (Đức Chúa Trời của giao ước), Các quan xét 9:46
4. *El* là tương đương với.
 - a. Đức Giê-hô-va trong Thi thiên 85:8; Ê-sai 42:5
 - b. *Elohim* trong Sáng thế Ký 46:3; Gióp 5:8, “Ta là *El*, *Elohim* của cha các ngươi.”
 - c. *Shaddai* trong Sáng thế Ký 49:25
 - d. “ghen tương” trong Xuất Ê-díp-tô Ký 34:14; Phục truyền Luật lệ Ký 4:24; 5:9; 6:15
 - e. “thương xót” trong Phục truyền Luật lệ Ký 4:31; Nê-hê-mi 9:31; “thành tín” trong Phục truyền Luật lệ Ký 7:9; 32:4
 - f. “vĩ đại và đáng sợ” trong Phục truyền Luật lệ Ký 7:21; 10:17; Nê-hê-mi 1:5; 9:32; Đa-ni-ên 9:4
 - g. “hiểu biết” trong I Sa-mu-ên 2:3
 - h. “nơi trú ẩn vững bền của tôi” II Sa-mu-ên 22:33
 - i. “Đấng báo thù cho tôi” trong II Sa-mu-ên 22:48
 - j. “Đấng Thánh” trong Ê-sai 5:16
 - k. “quyền năng” trong Ê-sai 10:21
 - l. “sự giải cứu của tôi” trong Ê-sai 12:2

m. “vĩ đại và mạnh mẽ” trong Giê-rê-mi 32:18

n. “Đấng báo trả” trong Giê-rê-mi 51:56

5. Một sự kết hợp của tất cả các danh hiệu chính của Đức Chúa Trời trong Cựu Ước có trong Giô-suê 22:22 (*El, Elohim, YHWH*, được lặp đi lặp lại)

B. Elyon

1. Ý nghĩa cơ bản của nó là cao, được tôn cao, hoặc nâng lên (xem Sáng thế Ký 40:17, I Các vua 9:8; II Các vua 18:17; Nê-hê-mi 3:25; Giê-rê-mi 20:2; 36:10; Thi thiên 18:13).
2. Nó được sử dụng theo ý nghĩa song song với nhiều tên hay danh hiệu khác của Đức Chúa Trời.
 - a. *Elohim* - Thi thiên 47:1-2; 73:11; 107:11
 - b. *YHWH* - Sáng thế Ký 14:22; II Sa-mu-ên 22:14
 - c. *El-Shaddai* - Thi thiên 91:1,9
 - d. *El* - Dân số Ký 24:16
 - e. *Elah* - được sử dụng thường xuyên trong Đa-ni-ên 2-6 và Ê-xơ-ra 4-7, kết hợp với *Illair* (là tiếng A-ram chỉ Đức Chúa Trời cao cả) trong Đa-ni-ên 3:26; 4:2; 5:18,21
3. Nó thường được sử dụng bởi các dân tộc không phải là người Do thái.
 - a. Mên-chi-xê-đéc, Sáng thế Ký 14:18-22
 - b. Ba-la-am, Dân số Ký 24:16
 - c. Môi-se khi nói về các quốc gia trong Phục truyền Luật lệ Ký 32:8
 - d. Phúc âm của Lu-ca trong Tân Ước được viết cho dân ngoại cũng sử dụng chữ Hy Lạp tương đương là *Hupsistos* (xem 1:32,35,76; 6:35; 8:28; Công vụ Các sứ đồ 7:48; 16:17)

C. *Elohim* (số nhiều), *Eloah* (số ít), được sử dụng chủ yếu trong thơ.

1. Thuật ngữ này không được tìm thấy bên ngoài Cựu Ước.
2. Chữ này có thể chỉ Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên hoặc các vị thần của các quốc gia khác (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 12:12; 20:3). Gia đình của Áp-ra-ham là những người thờ đa thần (xem Giô-suê 24:2).
3. Chữ *elohim* cũng được sử dụng cho các hữu thể thần linh khác (các thiên sứ, ma quỷ) như trong Phục truyền Luật lệ Ký 32:8 (bản LXX); Thi thiên 8:5; Gióp 1:6; 38:7. Nó có thể ám chỉ đến các thẩm phán của con người (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 21:6; Thi thiên 82:6).
4. Trong Kinh Thánh, nó là danh hiệu, tên gọi đầu tiên của thần linh (xem Sáng thế Ký 1:1). Nó được sử dụng riêng theo ý nghĩa này cho đến Sáng thế Ký 2:4, từ đây nó được kết hợp với tên gọi Đức Giê-hô-va. Về cơ bản (theo phương diện thần học) chữ này đề cập đến Đức Chúa Trời là Đấng sáng tạo, Đấng bảo tồn, và Đấng cung cấp cho tất cả sự sống trên hành tinh này (xem Thi thiên 104).

Chữ này đồng nghĩa với *El* (xem Phục truyền Luật lệ Ký 32:15-19). Chữ này cũng có thể tương đương với Đức Giê-hô-va trong Thi thiên 14 (*elohim*), hoàn toàn giống y như YHWH trong Thi thiên 53, ngoại trừ có sự thay đổi về tên thần linh.
5. Mặc dù ở số nhiều và được sử dụng cho các vị thần khác nhưng thuật ngữ này thường dùng để chỉ về Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. Thông thường nó có động từ ở số ít để ám chỉ về tính độc thần.
6. Thuật ngữ này có trong ngôn ngữ của những dân tộc không phải là Do thái như là tên

gọi của thần linh.

- a. Mên-chi-xê-đéc, Sáng thế Ký 14:18-22
 - b. Ba-la-am, Dân số Ký 24:2
 - c. Môi-se khi nói về các quốc gia trong Phục truyền Luật lệ Ký 32:8
7. Thật kỳ lạ khi danh xưng thông thường của Đức Chúa Trời độc thần của Y-sơ-ra-ên lại ở số nhiều! Có một số giả thuyết mặc dù không chắc chắn:
- a. Tiếng Hê-bơ-rơ có nhiều từ số nhiều thường được dùng để nhấn mạnh. Có một tính năng ngữ pháp trong tiếng Hê-bơ-rơ về sau được gọi là dạng số nhiều của uy quyền, nó liên quan chặt chẽ với điều này vì số nhiều được sử dụng để cường điệu (làm cho quan trọng hơn) một khái niệm.
 - b. Điều này có thể ám chỉ đến hội đồng các thiên sứ đang diện kiến Chúa trên thiên đàng và chờ đợi thi thành ý chỉ của Ngài (xem I Các vua 22:19-23; Gióp 1:6; Thi thiên 82:1; 89:5,7).
 - c. Nó cũng có thể phản ánh sự mặc khải của Tân Ước về một Đức Chúa Trời trong ba thân vị. Trong Sáng thế Ký 1:1, Đức Chúa Trời sáng tạo, Sáng thế Ký 1:2 Đức Thánh Linh trưởng dưỡng, và từ Tân Ước, Đức Chúa Giê-xu là đại diện của Đức Chúa Trời trong sự sáng tạo (xem Giăng 1:3,10; Rô-ma 11:36; I Cô-rinh-tô 8:6; Cô-lô-se 1:15; Hê-bơ-rơ 1:2; 2:10).

D. YHWH (Đức Giê-hô-va)

1. Danh hiệu này bày tỏ Thần tính như: Đức Chúa Trời lập giao ước, Đức Chúa Trời là Đáng cứu rỗi, Đáng cứu chuộc. Con người vi phạm giao ước, nhưng Đức Chúa Trời vẫn trung tín với lời phán, lời hứa, giao ước của Ngài (xem Thi thiên 103).
Tên gọi này lần đầu tiên được đề cập khi kết hợp với *Elohim* trong Sáng thế Ký 2:4. Không có hai sự kiện sáng tạo trong Sáng thế Ký 1-2, nhưng có hai sự nhấn mạnh: (1) Đức Chúa Trời là Đáng sáng tạo vũ trụ (vật chất) và (2) Đức Chúa Trời là Đáng sáng tạo con người. Sáng thế Ký 2:4 bắt đầu sự mặc khải đặc biệt về đặc ân trong địa vị và mục đích của nhân loại, cũng như các vấn đề của tội lỗi và sự nổi loạn liên quan đến địa vị đặc biệt này.
2. Trong Sáng thế Ký 4:26 nói đến việc con người bắt đầu kêu cầu danh của Chúa (YHWH). Tuy nhiên, Xuất Ê-díp-tô Ký 6:3 ngụ ý rằng dân sự giao ước lúc đầu (các Tổ phụ và gia đình của họ) chỉ biết Đức Chúa Trời như là *El-Shaddai*. Tên YHWH chỉ được giải thích một lần trong Xuất Ê-díp-tô Ký 3:13-16, đặc biệt trong câu 14. Tuy nhiên, các tác phẩm của Môi-se thường giải thích ý nghĩa của các chữ bằng các cách dùng chữ phổ biến, chứ không từ từ nguyên (xem Sáng thế Ký 17:5, 27:36, 29:13-35). Đã có một số giả thuyết về ý nghĩa của tên này (lấy từ IDB, quyển 2, trang 409-11).
 - a. từ một từ gốc Ả Rập, để chỉ tình yêu nồng nhiệt.
 - b. từ một từ gốc tiếng Ả Rập có nghĩa là thổi (YHWH như là cơn bão của Đức Chúa Trời)
 - c. từ một từ gốc tiếng Ugaritic (của dân Ca-na-an) có nghĩa là nói, nói chuyện.
 - d. dựa theo một bia khắc trong tiếng Phê-nê-xi (Phoenician), dạng một ĐÔNG TÍNH TỪ NGUYÊN NHÂN, có nghĩa là Đáng bảo tồn, hay là Đáng thiết lập.
 - e. từ chữ Hê-bơ-rơ Qal chỉ một Đáng hiện hữu hay là một Đáng hiện diện tại đây, lúc này (trong tương lai Đáng đó sẽ vẫn hiện hữu)

- f. từ chữ Hê-bơ-rơ Hiphil chỉ Đấng tạo ra mọi hiện hữu (mọi thứ có mặt trong thế giới).
 - g. từ nghĩa gốc trong tiếng Hê-bơ-rơ là sống (ví dụ, Sáng thế Ký 3:20), có nghĩa là Đấng duy nhất có sự sống và sống mãi mãi.
 - h. từ bối cảnh của Xuất Ê-díp-tô Ký 3:13-16, một cách dùng chữ ở dạng CHỮA HOÀN THÀNH được dùng theo nghĩa HOÀN THÀNH, “Ta đã từng là ai, ta sẽ tiếp tục là Đấng đó” hoặc “Ta luôn luôn là Đấng nào, ta sẽ tiếp tục là Đấng đó” (xem *A Survey of Syntax in the Old Testament* của J. Wash Watts, trang 67).
- Tên đầy đủ Đức Giê-hô-va (YHWH) thường được thể hiện bằng chữ viết tắt hoặc dạng nguyên mẫu.

- (1) *Yah* (e.g., Hallelu - yah)
- (2) *Yahu* (tên, ví dụ như, Ê-sai)
- (3) *Yo* (tên, ví dụ như, Giô-ên)

3. Tên giao ước này trở nên rất thánh (tetragrammaton) trong Do Thái giáo sau này đến nỗi người Do Thái không dám nói đến tên đó để không vi phạm mạng lệnh trong Xuất Ê-díp-tô Ký 20:7; Phục truyền Luật lệ Ký 5:11; 6:13. Vì vậy họ thay thế bằng những chữ Hê-bơ-rơ khác như sở hữu chủ, người chủ, chồng, chúa là *adon* hoặc *adonai* (chúa tôi). Khi họ đọc đến chữ YHWH trong Cựu Ước thì họ phát âm chữ Chúa. Đây là lý do tại sao chữ YHWH được viết thành chữ “Lord” trong các bản dịch tiếng Anh.
4. Giống như chữ *El*, chữ YHWH thường được kết hợp với các từ khác để nhấn mạnh một số đặc tính của Đức Chúa Trời Giao Ước của Y-sơ-ra-ên. Trong khi có thể có nhiều sự kết hợp từ ngữ, sau đây chỉ là một số tượng trưng:
 - a. *YHWH - Yireh* (YHWH sẽ cung cấp), Sáng thế Ký 22:14
 - b. *YHWH - Rophekha* (YHWH là Đấng chữa lành), Xuất Ê-díp-tô Ký 15:26
 - c. *YHWH - Nissi* (YHWH là cờ xí của tôi), Xuất Ê-díp-tô Ký 17:15
 - d. *YHWH - Meqaddishkem* (YHWH là Đấng khiến nên thánh), Xuất Ê-díp-tô Ký 31:13
 - e. *YHWH - Shalom* (YHWH là Bình An), Jdgs. 06:24
 - f. *YHWH - Sabaoth* (YHWH vạn quân), I Sa-mu-ên 1:3,11; 4:4; 15:2; thường xuất hiện trong các sách Tiên tri)
 - g. *YHWH - Roi* (YHWH là Đấng chăn giữ tôi), Thi thiên 23:1
 - h. *YHWH - Sidqenu* (YHWH là Sự công bình của tôi), Giê-rê-mi 23:6
 - i. *YHWH - Shammah* (YHWH ở nơi đó), Ê-xê-chi-ên 48:35

▣ **“Si-ôn...Giê-ru-sa-lem”** Hai tên này là đồng nghĩa có liên hệ song đối với nhau, (xem Chủ đề Đặc biệt: Thơ ca Hê-bơ-rơ trong 1:2). Người Do Thái hình dung cách biểu tượng về Chúa ngự giữa hai cánh cửa Chê-ru-bim trên Hòm Giao Ước trong nơi Chí Thánh của đền thờ trên núi Mô-ri-a tại Giê-ru-sa-lem (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 25:22).

Giê-ru-sa-lem được xây dựng trên bảy ngọn đồi.

1. Núi Si-ôn là ngọn đồi mà trên đó có các thành của dân Giê-bu-sít, không bị chiếm đóng cho đến thời của Đa-vít (xem Giô-suê 15:63; II Sa-mu-ên 5:6-10).
2. Núi Mô-ri-a là ngọn đồi mà trên đó đền thờ được xây dựng (xem Sáng thế Ký 22:2, I

Sử ký 21:1-22; II Sử ký 3:1).

Việc đề cập đến Giê-ru-sa-lem là nơi mà từ đó Đức Chúa Trời “găm thét” là một cách khôn khéo để bác bỏ những con bò con vàng mà Giê-rô-bô-am I đã thiết lập (tại Bê-tên và Đan) trong nước Y-sơ-ra-ên. Đức Chúa Trời ngự trong đền thờ của Giu-đa (xem 9:11) chứ không phải trong đền thờ của Y-sơ-ra-ên (xem 4:4; 5:5; 8:14)!

Ý nghĩa nguyên thủy của cả Si-ôn (BDB 851) và Giê-ru-sa-lem (BDB 436) là không rõ ràng.

▣ **“đồng cỏ của kẻ chăn chiên sẽ thảm sầu, chót núi Cạt-mên sẽ khô héo”** Sự phán xét của Đức Chúa Trời trên tội lỗi của con người ảnh hưởng đến thiên nhiên (xem Sáng thế Ký 3; Phục truyền Luật lệ Ký 27-28; Rô-ma 8:18-25; các ân và bát thành nộ trong Khải Huyền). Đức Chúa Trời sử dụng thiên nhiên để khiến nhân loại chú ý (ví dụ, câu 1c; 4:6-13; Thi thiên 19:1-6).

▣ **“Cạt-mên”** Cạt-mên là một dãy núi ở miền bắc Y-sơ-ra-ên chạy về hướng biển Địa Trung Hải. Tên của nó có nghĩa là vườn nho của Chúa (BDB 501). Nó là tục ngữ được dùng có ý chỉ những cây cỏ tươi tốt tại nơi này (BDB 502).

BẢN NASB 1:3-5

³ Đức Giê-hô-va phán như vậy: Bởi có tội ác của Đa-mách đến gấp ba gấp bốn lần, nên ta không xây bỏ án phạt khỏi nó, vì chúng nó đã lấy đồ đập lúa bằng sắt mà đập Ga-la-át. ⁴ Ta sẽ sai lửa đến trong nhà Ha-xa-ên, đặng thiêu nuốt đền đài của Bên-Ha-đát. ⁵ Ta sẽ bẻ gãy then cửa Đa-mách; ta sẽ dứt dân cư khỏi trũng A-ven, và kẻ cầm cây trượng khỏi nhà Ê-đen; còn dân sự Sy-ri sẽ bị dày qua Ki-rơ làm phu tù, Đức Giê-hô-va phán vậy.

1:3-2:3 Đây là một đơn vị văn học phục vụ cho một chủ đích thần học.

1. Đức Giê-hô-va (YHWH) là Đức Chúa Trời của cả trái đất.
2. Tất cả những người phạm tội phải đối diện với cơn thịnh nộ của Ngài.
3. Dân sự của Ngài đã phạm tội và càng nghiêm trọng hơn nữa vì họ là dân sự giao ước (xem Lu-ca 12:48).

Đoạn văn này phải được đọc hoặc lắng nghe với niềm hân hoan giống như Y-sơ-ra-ên sẵn sàng hoan nghênh sự phán quyết của Chúa trên các quốc gia láng giềng và cả Giu-đa nữa, đúng vậy! (xem 2:4-5). Nhưng thật bất ngờ và đầy ngạc nhiên vì A-môt chuyển qua thái độ dữ dội (cực điểm) đối với tội lỗi của Y-sơ-ra-ên (xem 2:6-6:14). Sự thịnh vượng của họ, sức mạnh quân sự, cùng với sự mở rộng đất đai không phải là một dấu hiệu ban phước của Chúa (xem Phục truyền Luật lệ Ký 27-29). A-môt, người giữ vững Giao ước Môi-se đòi hỏi phải có sự tự suy xét. Ngày của Chúa sẽ không phải là một phước lành, nhưng một sự rửa sả (xem 5:18-20)!

1:3 “Đức Giê-hô-va phán như vậy” Đây là khuôn mẫu của lời tiên tri, theo cách này nó cho thấy sứ điệp không phải là ý kiến cá nhân của nhà tiên tri, nhưng chính là lời của Chúa. Không rõ có bao nhiêu phần trong sứ điệp (các từ vựng cụ thể, hình thức văn học) là từ nhà tiên tri. Không thể biết rõ về tâm trạng hay cách thức được linh cảm dù rằng có thể có các sự khác biệt, nhưng lẽ thật quan trọng: nó là một sứ điệp từ Đức Chúa Trời. Mặc dù được trình bày trong một ngôn ngữ, hoàn cảnh lịch sử và văn hóa nhất định, nhưng sứ điệp này có liên quan đến tất cả các nền văn

hóa và thời đại. Trong phương diện giải kinh, mỗi đoạn có một ý nghĩa mà tác giả nguyên thủy được linh cảm trình bày nhưng có nhiều ứng dụng hoặc là ý nghĩa quan trọng liên quan đến các người đọc hoặc nghe tùy theo từng hoàn cảnh lịch sử và văn hóa. Tuy nhiên, sự áp dụng phải trực tiếp liên hệ với sứ điệp hay là chủ đích của tác giả nguyên thủy.

Cụm từ trong bối cảnh này công bố sự phán xét của Đức Giê-hô-va trên các quốc gia và các dân tộc (xem Giê-rê-mi 47:2; 48:1; Ê-xê-chi-ên 25:3; 30:2; A-môt 1:3; 2:1).

▣ **“Bối cố tội ác của Đa-mách đến gấp ba gấp bốn lần”** Đây là một cụm từ tiêu chuẩn giới thiệu trong A-môt (xem 1:3,6,9,11,13; 2:1,4,6). Nó cũng được tìm thấy trong các nền văn học Cận Đông khác. Nó có nghĩa là họ đã phạm tội hết lần này đến lần khác.

Thuật ngữ “bốn” được sử dụng thường xuyên trong thế giới Cận Đông cổ đại.

1. bốn giai đoạn của mặt trăng.
2. bốn mùa trong năm (NIDOTTE, quyển 1, trang 495)

Trong Cựu Ước nó tượng trưng:

1. hướng theo la bàn (chỉ người hướng mặt về phía đông)
2. hướng gió (ví dụ, Đa-ni-ên 7:2; 8:8)
3. các góc của trái đất (ví dụ, Ê-sai 11:12)

Do những điều này mà dẫn đến ý nghĩa ám chỉ sự trọn vẹn hoặc là đầy đủ. Ngoài ra các con số ba và bốn cộng lại thì bằng bảy, đó là một cách khác trong Cựu Ước để diễn tả sự trọn vẹn. Tội lỗi của những quốc gia này đã đầy đủ.

Thuật ngữ phạm tội (BDB 833) là một trong vài chữ tiếng Hê-bơ-ơ được sử dụng để mô tả tội lỗi và sự nổi loạn. Trong A-môt thuật ngữ này mang một ý nghĩa về tội lỗi của cả xã hội (xem NIDOTTE, quyển 3, trang 708). Các quốc gia phản loạn bằng cách tấn công những nước láng giềng và họ hàng. Những hành động của họ cho thấy rằng họ không biết Đức Giê-hô-va. Những quốc gia này là một phần của đế chế Đa-vít và đã được cho biết về Đức Giê-hô-va. Các quốc gia sẽ là một phần trong sự phục hồi của vương quốc Đa-vít (xem 9:11-15)!

Các nhà tiên tri thường nói về sự phán xét của Đức Giê-hô-va trên các quốc gia (xem Ê-sai 13-23; Giê-rê-mi 46-51; Ê-xê-chi-ên 25-32). Quốc gia Sy-ri còn được biết đến với tên A-ram với Đa-mách là thủ đô. Thủ đô đại diện cho cả quốc gia.

▣

NASB, NRSV

“Ta sẽ không hủy bỏ hình phạt của nó.”

NKJV

“Ta sẽ không quay lưng lại hình phạt của nó.”

TEV

“Ta chắc chắn sẽ trừng phạt chúng.”

NJB

“Ta đã quyết định án phạt và sẽ không thay đổi.”

Các ĐỘNG TỪ PHỦ QUYẾT (BDB 996, KB 1427, Hiphil dạng KHÔNG HOÀN THÀNH (*Hiphil IMPERFECT*)) là động từ thường gặp trong các lời tiên tri mô tả sự ăn năn. Trong văn mạch này động từ liên quan với Chúa (chủ từ). Những từ vựng có sẵn mà chúng ta dùng để mô tả Chúa đều có liên quan với con người. Đức Chúa Trời là Thần Linh vĩnh hằng. Chúng ta sử dụng các từ ngữ của con người để mô tả Chúa (anthropomorphisms), nhưng Ngài là vượt trội hơn khả năng mô tả của chúng ta.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ ẪN NẪN TRONG CỰU ƯỚC

Khái niệm này rất quan trọng nhưng khó định nghĩa. Hầu hết trong chúng ta đều có một định nghĩa xuất phát từ giáo phái của mình. Tuy nhiên, thường là một định nghĩa thần học bị

áp đặt theo một vài chữ Hê-bơ-ơ hoặc là Hy-lạp trong Tân Ước mà không nói rõ ràng về định nghĩa đó. Các thuật ngữ tiếng Hê-bơ-ơ chủ yếu là hai chữ:

1. *nhm* (BDB 636, KB 688)
2. *swb* (BDB 996, KB 1427)

Chữ thứ nhất “*nhm*” dường như nguyên thủy có ý nghĩa là hít một hơi (thở) sâu, nó lại thường được sử dụng theo một vài ý nghĩa như:

1. nghỉ ngơi hoặc là an ủi (ví dụ Sáng thế Ký 5:29, 24:67, 27:42, 37:35, 38:12, 50:12; thường được dùng trong các tên gọi, xem II Các vua 15:14, I Sử ký 4:19; Nê-hê-mi 1:1, 7:7, Na-hum 1:1)
2. đau lòng (ví dụ, Sáng thế Ký 6:6,7)
3. đối ý (ví dụ, Xuất Ê-díp-tô 13:17; 32:12,14; Dân số Ký 23:19)
4. sự thương xót (ví dụ, Phục truyền Luật lệ Ký 32:36)

Nên lưu ý là tất cả những điều này đều liên quan đến cảm xúc sâu đậm. Đây là ý then chốt: cảm xúc sâu đậm dẫn đến hành động. Sự thay đổi hành động này là thường hướng đến người khác, mà cũng còn là hướng về Chúa. Chính sự thay đổi thái độ và hành động này đối với Chúa truyền tải vào thuật ngữ có ý nghĩa thần học quan trọng. Nhưng phải áp dụng thận trọng chỗ này. Đức Chúa Trời được nói là ăn năn (xem Sáng thế Ký 6:6,7; Xuất Ê-díp-tô 32:14; Các quan xét 2:18, I Sa-mu-ên 15:11,35; Thi thiên 106:45) nhưng điều này không phải từ sự phiền muộn vì tội lỗi hay sai phạm, nhưng là một cách diễn đạt văn học về sự thương xót và quan tâm của Đức Chúa Trời (xem Dân số Ký 23:19; I Sa-mu-ên 15:29; Thi thiên 110:4; Giê-rê-mi 4:27-28; Ê-xê-chi-ên 24:14). Hình phạt của tội lỗi và sự phản loạn sẽ được tha nếu người tội nhân thật sự xoay khỏi tội lỗi của mình và hướng mình đến Chúa. Nghĩa của thuật ngữ này có phạm vi rộng. Bối cảnh rất là quan trọng trong việc xác định ý nghĩa của nó.

Thuật ngữ thứ hai, *swb*, có nghĩa là xoay (xoay khỏi, quay về, quay qua). Nếu thật sự có hai điều kiện của giao ước là sự hối cải và đức tin (ví dụ, Ma-thi-ơ 3:2; 4:17; Mác 1:4,15; 2:17; Lu-ca 3:3,8; 5:32; 13:3,5; 15:7; 17:3), thì chữ *nhm* đề cập đến cảm xúc mãnh liệt của một người thừa nhận tội lỗi của mình xoay bỏ khỏi nó, trong khi đó chữ *swb* sẽ ám chỉ đến sự xoay khỏi tội lỗi và hướng về Chúa (một ví dụ của hai hành động thuộc linh này là trong A-mốt 4:6-11, các người không trở lại với Ta [năm lần] và trong A-mốt 5:4,6,14, tìm kiếm Ta... tìm kiếm Chúa... tìm kiếm sự thiện lành chứ không phải gian ác).

Ví dụ tuyệt vời đầu tiên về sức mạnh của sự ăn năn là tội lỗi của Đa-vít với Bát-sê-ba (xem II Sa-mu-ên 12; Thi thiên 32, 51). Có những hậu quả truyền lại trên Đa-vít, gia đình ông, và Y-sơ-ra-ên, nhưng Đa-vít đã được phục hồi lại trong mối tương giao với Chúa. Thậm chí đến vua Ma-na-se gian ác còn có thể ăn năn và được tha thứ (xem II Sử ký 33:12-13).

Cả hai thuật ngữ này được sử dụng song song trong Thi thiên 90:13. Phải có một sự thừa nhận tội lỗi và có chủ đích cá nhân xoay khỏi nó, cũng như sự khao khát tìm kiếm Chúa và sự công bình của Ngài (xem Ê-sai 1:16-20). Sự ăn năn có một khía cạnh nhận thức, một khía cạnh cá nhân, và một khía cạnh đạo đức. Cả ba đều phải có để bắt đầu lại một mối liên hệ mới với Chúa và để duy trì mối quan hệ mới đó. Những cảm xúc sâu sa của sự hối lỗi quay sang lòng tôn kính trung thành vì Chúa và cho Chúa.

1:3 “chúng nó đã lấy đồ đập lúa bằng sắt mà đập Ga-la-át”. “Chúng nó” chỗ này để chỉ

người Sy-ri. ĐÔNG TỬ (BDB 190, KB 218, dạng SỞ HỮU CÁCH NGUYÊN MẪU Qal (Qal INFINITIVE CONSTRUCT)) đề cập đến một quy trình nông nghiệp tách hạt khỏi vỏ trấu (xem Phục truyền Luật lệ Ký 25:4). Nó có thể được dùng theo nghĩa bóng như trong II Các vua 13:7; Ê-sai 21:10; Giê-rê-mi 50:11; và Ô-sê 10:11 bày tỏ. Nó được dùng chỉ sự phán xét của Đức Chúa Trời (ví dụ, Mi-chê 4:13 và Ha-ba-cúc 3:12).

Ở đây nó cũng có thể được dùng theo nghĩa bóng, nhưng bởi vì cách dịch II Sa-mu-ên 12:31 trong bản Septuagint mà nó có thể là theo nghĩa đen. Cho dù là nghĩa bóng hay là theo nghĩa đen, nó nói lên sự ngược đãi của người Sy-ri đối với dân Y-sơ-ra-ên (có thể liên quan đến II Các vua 13:1-9).

▣ **“Ga-la-át”** Tên này (BDB 166) dùng để chỉ khu vực phía Bắc ở bên kia sông Giô-đanh giữa Ạt-nôn và rạch Gia-bốch đã được ban cho các con của Gia-cốp là Ru-bên và Gát. Các sự tàn bạo của người Sy-ri (A-ram) có thể liên quan đến II Các vua 8:28-29 hoặc 10:32-33.

1:4 “Ta sẽ sai lửa” ĐÔNG TỬ (BDB 1018, KB 1511) ở dạng Piel HOÀN THÀNH và tương tự như tiêu hủy, phá vỡ, và cắt bỏ. Chúa sẽ phá hủy các thành lũy và triều đại của nhà Ha-xa-ên (Sy-ri, A-ram). Lửa là một biểu tượng cho sự phán xét của Đức Chúa Trời trên sự gian ác (ví dụ, Ê-sai 30:27; Giê-rê-mi 21:14; Ê-xê-chi-ên 20:47-48; Sô-phô-ni 1:18; 3:8; Ma-la-chi 4:1). Xem chủ đề đặc biệt: Lửa trong 7:4.

▣ **“Ha-xa-ên”** Đây là người cướp ngôi vua Sy-ri (BDB 303, xem II Các vua 8:7-15). Ông trị vì vào khoảng 842-796 TC (?). Ông là một đối thủ quân sự hùng mạnh đối đầu với sự bành trướng về phía tây của A-si-ry. Sy-ri đã nhiều lần bị xâm chiếm nhưng Đa-mách không bị chiếm giữ (vào năm 841, 837, và có thể là vào năm 836 TC).

Một khi áp lực từ A-si-ry giảm bớt, Ha-xa-ên tấn công quốc gia láng giềng phía nam của mình là:

1. vùng bên kia sông Giô-đanh, II Các vua 10:32-33
2. Phi-li-tin, II Các vua 12:17
3. Giu-đa, II Các vua 12:17-18

▣ **“đền đài”** Thuật ngữ này (BDB 74) được dịch nhiều cách khác nhau:

1. đồn lũy.
2. trạm gác của cung điện hay đền thờ.
3. pháo đài.

Chữ *b'rh*, vay mượn từ trong tiếng Akkadian được sử dụng như một chữ tương đương trong văn chương sau thời kỳ lưu đày (xem chữ các pháo đài trong II Sử ký 17:12; 27:4 và ngôi đền trong I Sử ký 29:1; Nê-hê-mi 2:8).

▣ **“Bên-Ha-đát”** Tên này (BDB 122, xem II Các vua 13:3,24-25) là con trai của Ha-xa-ên (797-775 TC (?)). Có lẽ cha ông đã đặt cho ông tên này (trong lịch sử là Ben Hadad III) bởi vì nó đã trở thành tên gọi chung (danh hiệu của vương triều) của nhiều vị vua Sy-ri, giống như Pha-ra-ôn ở Ai Cập hoặc Sê-sa ở Rô-ma.

Cũng có thể là nó nói lên việc thờ thần bão, Hadad (Ba al hoặc Rimmon, xem II Các vua 5:18). Trong trường hợp này nó bị kết án về sự thờ hình tượng.

1:5 “then cửa của Đa-mách” Trong nghĩa đen cụm từ này đề cập đến khóa trên cổng chính là một thanh gỗ lớn (hoặc đôi khi là một thanh kim loại, xem I Các vua 4:13), được đặt theo chiều ngang trên hai cánh cửa gỗ. Theo nghĩa bóng nó đề cập đến sự tàn phá đất nước Sy-ri và bắt họ lưu đày (A-ram) (xem bản TEV).

NASB, NKJV,

NJB	“các cư dân”
NRSV, TEV	“các cư dân”
NIV	“vua”
NET	“người cai trị”
JB	“người trên ngôi”

Đây là dạng ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG SỐ ÍT GIỐNG ĐỰC Qal (Qal ACTIVE PARTICIPLE MASCULINE SINGULAR) (BDB 442, KB 444). Rõ ràng có một sự song song giữa các thuật ngữ này và:

1. 5c, người nắm giữ vương trượng.
2. 8b, người nắm giữ vương trượng.

Bản Kinh Thánh *Rotherham's Emphasized Bible* có phần phụ chú “người được ngồi” có nghĩa là cai trị (trang 873).

▣ **“trùng A-ven”** Chữ Aven (BDB 19) có thể có ý nghĩa.

1. bôi rôi.
2. phiền muộn.
3. gian ác.
4. thờ hình tượng.

Nó được sử dụng theo nhiều cách trong các sách A-môt đến Ô-sê.

1. một nơi thờ hình tượng (tại đây)
2. ám chỉ về Bê-tên bằng một cách dùng chữ trong tiếng Do Thái (xem Ô-se 4:15; 5:8; 10:5,8)
3. cách ám chỉ về sự gian ác (xem Ô-sê 6:8, 10:8, 12:11)
4. không còn gì (thờ thần tượng là việc phù phiếm, vô ích, xem A-môt 5:5).

Ở đây nó đề cập đến một nơi nào đó trong xứ Sy-ri. Bộ giải kinh *Expositor's Bible Commentary*, quyển 7, trang 284, chú thích rằng từ này là một cách dùng chữ Hê-bơ-rơ cho thành Baalbek, còn được gọi là Heliopolis trong thời Hy Lạp. McComiskey cũng khẳng định rằng vì sự liên hệ giữa Sy-ri và Ai Cập mà thành phố này có thể lấy một tên của một thành phố Ai Cập, là thành On (xem bản Bảy mươi).

Vị trí địa lý không được xác định rõ, nhưng nhiều người tin rằng nó ám chỉ đến thung lũng Bukaa (xem bản Bảy mươi).

▣ **“kẻ cầm cây trượng”** Lúc ban đầu, thuật ngữ “cây quyền trượng” (BDB 986) ám chỉ đến một khí cụ chiến tranh bằng gỗ. Những người lãnh đạo là những người đã giỏi chiến đấu. Cái vũ khí bằng gỗ của họ trở thành một biểu tượng của uy quyền, cai trị hay quyền lực. Nó được sử dụng cho các vị vua của các quốc gia ngoại giáo trong Ê-sai 14:5; A-môt 1:5,8; Xa-cha-ri 10:11, nhưng được dùng cho quyền năng của Chúa trong Ê-sai 10:05 và quyền năng của Đấng Mết-si-a trong Ê-sai 11:4.

▣ **“nhà Ê-đen”** Tên này có nghĩa là nhà của niềm vui (dạng SỔ HỮU CÁCH BDB 108 và 112). Không biết rõ vị trí địa lý của nó, nhưng có thể là một vương quốc phía bắc (1) của A-ram trên bờ của sông Euphrates (trong triều đại của Shalmaneser Assurnasirpal II và Shalmaneser III) hoặc là (2) Baalbek tại thung lũng Bukaa (dưới triều đại của Tiglath-Pileser III).

▣ **“còn dân sự Sy-ri sẽ bị đày qua Ki-rơ làm phu tù”** Chúng ta biết được điều này từ 9:7 rằng đây là quê hương của họ, họ sẽ bị lưu đày đến nơi họ bắt đầu ra đi (BDB 885, xem II Các vua 16:9). Tuy nhiên, không rõ địa điểm của nơi này (xem Ê-sai 22:6). Hầu hết xác nhận nó như là một địa điểm trong xứ Elam.

BẢN NASB 1:6-8

⁶ Đức Giê-hô-va phán như vậy: Bởi có tội ác của Ga-xa đến gấp ba gấp bốn lần, nên ta không xây bỏ án phạt khỏi nó; vì chúng nó đã đem hết dân sự đi làm phu tù mà nộp cho Ê-đôm. ⁷ Ta sẽ sai lửa đến trên vách thành Ga-xa, nó sẽ thiêu nuốt những đền đài nó.

⁸ Ta sẽ dứt dân cư khỏi Ách-đốt và kẻ cầm cây trượng khỏi Ách-ca-lôn. Ta sẽ trở tay ta nghịch cùng Êc-rôn; và phần sót lại của người Phi-li-tin sẽ chết, Chúa Giê-hô-va phán vậy.

1:6 “Ga-xa” Thành phố này (BDB 738) được nhắc tới như là một cách nói đến cả quốc gia Phi-li-tin. Họ là dân vùng biển của quần đảo trong biển Aegean đã cố gắng để xâm lược Ai Cập, nhưng bị đánh bại và phải định cư trên bờ biển tây nam của xứ Pa-léc-tin khoảng năm 1.200 TC. Họ mang theo với họ công nghệ thời kỳ đồ sắt và thiết lập sự kiểm soát trên một vùng đất duyên hải rộng lớn. Trong các câu 6-8 có bốn trong số năm thành bang lớn của họ được đề cập: Ách-đốt, Ách-ca-lôn, Êc-rôn, và Ga-xa.

▣ **“vì chúng nó đã đem hết dân sự đi làm phu tù”** Có vẻ như hậu duệ của Ê-sau đã tích cực tham dự vào việc mua bán nô lệ Do Thái bị người Phi-li-tin bắt. Toàn bộ các cộng đồng (hoặc là các cộng đồng trong hiệp ước) bị bắt và bị bán (xem Giô-ên 3:3-8).

▣ **“Ê-đôm”** Ê-đôm, Mô-áp, và dân Am-môn đều là bà con của người Do Thái. Họ sống trong vùng phía nam của sông Giô-đanh.

1:7 “kẻ cầm cây trượng” Trong quyển *Joel and Amos* của David Allan Hubbard (trong bộ giải kinh *Tyndale Old Testament Commentaries*, trang 133 và 136), làm rõ sự chính xác về lịch sử mà A-môt đang đề cập:

1. Các thành phố của người Phi-li-tin là những thành bang hoàng gia và bao quanh nó là nhiều thành phố khác được cai trị bởi những người giữ cây vương trượng của vị vua thành-bang đó (câu 7)
2. các dân Am-môn có một vị vua cùng với các quan lại (xem câu 15; Ô-sê 7:3,5,7,16; 8:4)

1:8 “phần sót lại của người Phi-li-tin sẽ chết” Các dân Phi-li-tin (BDB 814) là một kẻ thù truyền thống của dân Giu-đa từ thời Giô-suê đến thời Đa-vít. Cả quốc gia và dân tộc của họ sẽ bị hoàn toàn tiêu diệt.

▣ **“Chúa Giê-hô-va”** Trong nghĩa đen đây là chữ *Adon* YHWH. Bởi vì cả hai đều là dịch Chúa, khi chúng xuất hiện cùng nhau YHWH được phiên dịch là ĐỨC CHÚA TRỜI viết toàn bằng chữ in. Xem chủ đề đặc biệt: Tên của thần linh trong 1:2.

BẢN NASB 1:9-10

⁹ Đức Giê-hô-va phán như vậy: Bởi có tội ác của Ty-rơ đến gấp ba gấp bốn lần, nên ta không xây bỏ án phạt khỏi nó; vì chúng nó đã nộp hết dân sự cho Ê-đôm, chẳng hề nhớ đến sự giao ước anh em. ¹⁰ Ta sẽ sai lửa đến trên vách thành Ty-rơ, nó sẽ thiêu nuốt những đền đài nó.

1:9 “Ty-rơ” Chữ này (BDB 862) đề cập đến đất nước Phê-nê-xi có lẽ đã được thành lập từ chủng tộc dân Ca-na-an và các sắc dân vùng biển (biển Aegean). Đất nước này trở thành nơi phát sinh sự thờ lạy thần sinh sản Ba-anh và A-sê-ra và lan tràn trong mười chi phái phía Bắc do ảnh hưởng của Giê-sa-bên (xem I Các vua 16:31-33; 18:19,21).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ THỜ THẦN SINH SẢN TRONG VÙNG CẬN ĐÔNG CỔ ĐẠI

I. Lý do của nguồn gốc

- A. Con người cổ đại khởi đầu là săn bắn-hái lượm, nhưng cuộc sống từ du canh du cư tiến tới định cư đã tạo ra nhu cầu về cây trồng và gia súc.
- B. Các dân cư trong vùng Cận Đông thời cổ đại không thể tự bảo vệ trước sức mạnh thiên nhiên.
- C. Khi các nền văn minh phát triển xung quanh các nguồn nước ngọt thì họ phải lệ thuộc vào chu kỳ đều đặn của các mùa. Các sức mạnh thiên nhiên trở thành các vị thần cần phải cầu khẩn và chế ngự.

II. Ở đâu và Tại sao

- A. Các tôn giáo thờ việc sinh sản phát triển ở:
 - 1. Ai-cập (sông Nile)
 - 2. Mê-sô-bô-ta-mi (sông Tigris và Euphrates)
 - 3. Ca-na-an (sông Giô-đanh)
- B. Có một sự giống nhau căn bản giữa các tôn giáo thờ thần sinh sản, mùa màng trong vùng Cận Đông cổ đại.
- C. Các mùa và thời tiết thường thay đổi và không thể đoán trước đã tạo điều kiện để phát triển những huyền thoại. Những huyền thoại này dùng sự tương tự giữa con người và thần linh như là nền tảng cho sự sống trong cõi linh thiêng cũng như trên đất.

III. Thờ Ai và thờ như thế nào.

- A. Thờ Ai? (các vị nam thần và nữ thần)
 - 1. Ai Cập.
 - a. Isis (nữ thần)
 - b. Osiris (nam thần)
 - 2. Mê-sô-pô-ta-mi
 - a. Ishtar / Inanna (nữ thần)
 - b. Tammuz / Dumuzi (nam thần)

3. Ca-na-an.
 - a. Ba-anh (nam thần)
 - b. Asherah, Astarte, Anath (nữ thần)
 - B. Mỗi cặp được thần thoại hóa theo những cách tương tự.
 1. một thần chết đi.
 2. thần kia phục hồi.
 3. hình thức chung của các thần chết đi và sống lại là mô phỏng các chu kỳ trong thiên nhiên.
 - C. Ma thuật xem sự kết hợp tính dục của con người (cũng như hôn nhân của các vị thần) như một cách để bảo đảm khả năng sinh sản của cây trồng, gia súc, và con người.
- IV. Người Y-sơ-ra-ên.
- A. Dân sự của Đức Giê-hô-va đã được cảnh báo (ví dụ, Lê-vi Ký và Phục truyền Luật lệ Ký) tránh xa các tôn giáo thờ sinh sản (đặc biệt là của dân Ca-na-an).
 - B. Việc thờ phượng này rất phổ biến bởi vì những mê tín dị đoan của con người cộng thêm với sự thúc đẩy của hành vi tính dục.
 - C. Sự thờ hình tượng liên quan đến việc tìm các phước lành của đời sống qua các cách cúng bái và lễ nghi thay cho một đức tin cá nhân và sự tin cậy vào Đức Giê-hô-va.
- V. Tài liệu tham khảo thêm
- A. W. F. Albright, *Archaeology and the Religion of Israel*.
 - B. J. H. Breasted, *Development of Religion and Thought in Ancient Egypt*.
 - C. James G. Frazer.
 1. *Adonis, Attis, Osiris*.
 2. *Folklore in the Old Testament*.
 3. *The Worship of Nature*.
 - D. C. H. Gordon, *Before the Bible*.
 - E. S. N. Kramer, *Mythologies of the Ancient World*.

▣ **“vì chúng nó đã nộp hết dân sự cho Ê-đôm”** Homer đề cập đến việc buôn bán nô lệ của Ty-ơ trong tác phẩm *Odyssey* của ông 4:288 ff; 15:473ff.

▣ **“chẳng hề nhớ đến sự giao ước anh em”** Chi tiết này đề cập đến một số kiểu hiệp ước, có thể là những tiền lệ đã được áp dụng trước khi có hiệp ước được thực hiện với Sa-lô-môn (xem II Sa-mu-ên 5:11; I Các vua 5:1-18; 9:11-14). Điều này cũng có thể là hành vi trái tự nhiên của một người khi bán người hàng xóm của mình làm nô lệ. Tất cả các tội lỗi được đề cập trong phần này liên quan đến sự vô nhân đạo của con người đối với đồng loại.

1:10 “Ta sẽ sai lửa đến trên vách thành Ty-ơ, nó sẽ thiêu nuốt những đền đài nó.” Ty-ơ (thủ đô của Phê-ni-xi) là một pháo đài trên một hòn đảo gần như bất khả xâm phạm. Tuy nhiên trong chuyến hành quân của Alexander Đại đế ngang qua xứ Pa-léc-tin năm 332 TC, thành phố đã sụp đổ sau một cuộc bao vây kéo dài bảy tháng khi quân địch xây được một cầu nổi từ tàn tích của phần thành phố trên đất liền đã bị phá hủy. Chúng ta biết được từ các tài liệu lịch sử có 6.000 người bị giết, 2.000 bị đóng đinh hoặc đóng xiên cọc và 30.000 người bị bán làm nô lệ.

BẢN NASB 1:11-12

¹¹ Đức Giê-hô-va phán như vậy: Bởi cớ tội ác của Ê-đôm đến gấp ba gấp bốn lần, nên ta không xây bỏ án phạt khỏi nó; vì nó đã dùng gươm đuổi theo anh em mình, bỏ cả lòng thương xót, và con giận nó cứ cắn xé không thôi, nuôi sự thịnh nộ đời đời. ¹² Ta sẽ sai lửa đến trên Thê-man, nó sẽ thiêu nuốt những đền đài của Bốt-ra.

1:11 “Ê-đôm” Chữ này (BDB 10) đề cập đến những bà con gần của dân Do thái từ Ê-sau, Sáng thế Ký 25:19-26; 36:1-19. Dân Ê-đôm và dân Do thái luôn luôn kinh chống nhau. Ê-đôm trở thành một biểu tượng của sự liên kết gia đình và các giao ước bị phá vỡ. Dân tộc này thường bị lên án trong các lời tiên tri (xem Ê-sai 34:5-17; 63:1-6; Giê-rê-mi 49:7-22; Ca thương 4:21-22; Ê-xê-chi-ên 25:12-14; 35:1-15; Ma-la-chi 1:2-4).

Petra là thủ đô của nước này (xem Thi thiên 137:7; Ê-xê-chi-ên 25:12-14; Áp-đi-a 10-15; Ma-la-chi 1:2-4). Nó nằm ở phía đông của Giu-đa trong vùng Jordanie hiện nay.



NASB “lòng thương xót”

NKJV, NRSV, NJB “thương hại”

TEV “lòng nhân từ”

Thuật ngữ này (BDB 933) cũng có thể ám chỉ đến nhóm người tham gia trong hiệp ước (tức là đồng minh, xem phần ghi chú trong bản Kinh Thánh NIV và NET).

▣ **“con giận nó cứ cắn xé không thôi, nuôi sự thịnh nộ đời đời”** Hai dòng thơ này là song đối. “Sự giận dữ của Ngài” là để ám chỉ đến sự giận dữ đã định liên tục trên dân Ê-đôm vì họ nghịch lại dân Do thái (xem bản NEB). Sự phán xét của Chúa lại xảy đến vì tội thù nghịch chống lại những người mà trong trường hợp này là bà con với họ.

1:12 “Thê-man” Đây (BDB 412) là một tỉnh phía bắc của Ê-đôm (xem Giê-rê-mi 49:7,20; Áp-đi-a 9) có thủ phủ là Bốt-ra.

▣ **“Bốt-ra”** Chữ này (BDB 131) nhắc đến một trong những thành phố lớn phía bắc của Ê-đôm tại một ốc đảo lớn trên Quốc lộ Nhà vua (con đường thương mại ở bên kia sông Giô-đanh khởi đi từ phía bắc vịnh Aqaba tới Sy-ri). Đó là một thành phố lớn cổ xưa (xem Sáng thế Ký 36:33, I Sứ ký 1:44).

BẢN NASB 1:13-15

¹³ Đức Giê-hô-va phán như vậy: Bởi cớ tội ác của con cái Am-môn đến gấp ba gấp bốn lần, nên ta không xây bỏ án phạt khỏi nó, vì chúng nó đã mổ bụng dờn bà chữa của Ga-la-át đặng mở rộng bờ cõi mình. ¹⁴ Ta sẽ thấp lửa trong vách thành Ráp-ba, nó sẽ thiêu nuốt những đền đài nó giữa tiếng kêu giặc giã trong ngày chiến trận, giữa cơn gió lốc trong ngày bão táp. ¹⁵ Vua chúng nó cùng các quan trưởng sẽ đi làm phu tù cùng nhau, Đức Giê-hô-va phán vậy.

1:13 “Am-môn” Đây (BDB 769) cũng là dòng dõi của Lót và bà con với dân Do thái (xem Sáng thế Ký 19:30-38). Người Do Thái đã không đối đầu với họ trên hành trình vào đất hứa vì họ là bà

con (xem Phục truyền Luật lệ Ký 2:19). Am-môn nằm trong khu vực bên kia sông Giô-đanh giữa Ạc-nôn và rạch Gia-bốc.

▣ **“vì chúng nó đã mổ bụng đòn bà chữa của Ga-la-át”** Ga-la-át (BDB 166) nằm ở khu vực phía Bắc của sông Giô-đanh. Không có dẫn chứng lịch sử cho hành động đặc biệt này, nhưng cách làm này thì đã được biết đến nhiều (xem II Các vua 8:12; 15:16; Ô-sê 13:16). Dầu vậy thì sự phán xét của Đức Chúa Trời vẫn đến trên mọi quốc gia bởi sự tàn bạo trong các cuộc chiến mà họ gây ra.

▣ **“đặng mở rộng bờ cõi mình”** Việc tàn sát những phụ nữ và trẻ em vô tội này không liên quan đến thánh chiến giống như trường hợp dân Do thái tấn công vào Giê-ri-cô (xem Giô-suê 6), nhưng chỉ đơn giản bị thúc đẩy bởi lòng tham lam muốn chiếm thêm lãnh thổ.

1:14 “Ráp-ba” Chữ này có nghĩa là lớn, vĩ đại (BDB 913). Danh hiệu này được dùng cho một thành phố của dân Am-môn, nằm ở thượng nguồn của rạch Gia-bốc (xem Phục truyền Luật lệ Ký 3:11; II Sa-mu-ên 12:26; 17:27).

NASB, NJB “tiếng la chiến trận”

NKJV, NRSV,

TEV “la”

Thuật ngữ này (BDB 929) có một ý nghĩa rộng

1. cất tiếng la.
 - a. để tấn công.
 - b. vì đắc thắng.
 - c. để thờ phượng.
 - d. để phá huỷ.
2. tạo âm thanh lớn

Thường thì tiếng la trong trận đánh đi liền với tiếng kèn thổi, như trong Giô-suê 6:5,10,16,20. Mỗi dân tộc có cách reo hò riêng trong chiến trận (xem 2:2; I Sa-mu-ên 17:20,52, cũng tham khảo thêm Roland deVaux, *Ancient Israel*, quyển 1, trang 9,254). Tiếng reo hò của dân Do thái liên kết với Đức Giê-hô-va (xem Các quan xét 7:20-21).

A-MỘT ĐOẠN 2

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự phán xét trên các nước (1:3-2:3)	Bản cáo trạng những dân tộc xung quanh; dân Y-sơ-ra-ên và Giu-đa (1:2-2:16)	Sự phán xét của Đức Chúa Trời trên những nước lân bang của Y-sơ-ra-ên (1:1-2:5) Mô-áp	Sự phán xét những quốc gia xung quanh và trên Y-sơ-ra-ên (1:3-2:16) Mô-áp
2:1-3	2:1-3	2:1-3	2:1-3
Sự phán xét trên Giu-đa		Giu-đa	Giu-đa
2:4-5	2:4-5	2:4-5	2:4-5
Sự phán xét trên Y-sơ-ra-ên		Sự phán xét của Chúa trên Y-sơ-ra-ên	Y-sơ-ra-ên
2:6-8	2:6-8	2:6-8	2:6-8
2:9-12	2:9-11 2:12	2:9-3:2	2:9-11 2:12-16
2:13-16	2:13-16		

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phần đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phần đoạn 1
2. Phần đoạn 2
3. Phần đoạn 3
4. Vân vân...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

BẢN NASB 2:1-3

¹ Đức Giê-hô-va phán như vậy: Bởi có tội ác của Mô-áp đến gấp ba gấp bốn lần, nên ta không xây bỏ án phạt khỏi nó; vì nó đã đốt hài cốt của vua Ê-đôm dựng làm ra vôi. ² Ta sẽ sai lửa đến trên Mô-áp, nó sẽ thiêu nuốt đền đài của Kê-ri-giốt. Mô-áp sẽ chết trong sự ồn ào, giữa tiếng kêu, khi tiếng kèn thổi. ³ Ta sẽ dứt quan xét khỏi giữa nó, và giết hết thấy các quan trưởng nó với nó, Đức Giê-hô-va phán vậy.

2:1 Kiểu thức văn chương loại phán xét của chương một tiếp tục qua chương hai (xem 1:3).

▣ **“Mô-áp”** Đây cũng là dòng dõi của Lót và bà con với Y-sơ-ra-ên (xem Sáng thế Ký 19:30-38). Đất nước này nằm ở khu vực bên kia (phía Đông) sông Giô-đanh phía bắc của Ê-đôm giữa Ạc-nôn và sông Giê-rét.

▣ **“vì nó đã đốt hài cốt của vua Ê-đôm dựng làm ra vôi”** Những hành động này: 1) mở cửa mộ; 2) di dời hài cốt; 3) đốt hài cốt; 4) trộn chúng để làm vữa [cho các tòa nhà] hay hồ tô tường [làm trắng các bức tường] được xem như là cách để nhục mạ và ảnh hưởng xấu đến nơi hay là chỗ an nghỉ của một người trong đời sau. Sự xâm phạm có chủ đích vào những điều được xem là thiêng liêng và cấm kỵ theo phương diện văn hóa cho thấy mức độ của sự thù địch. Điều này không ám chỉ đến hỏa táng như một cách để xử lý xác chết, nhưng là một cách sỉ nhục người đã chết. Tuy nhiên, nó cho tôi một cơ hội để phân tích mối quan tâm hiện thời về việc hỏa táng.

Hỏa táng là một cách thức kinh tởm đối với tất cả mọi người ở vùng Cận Đông. Nó chỉ được đề cập đến trong Kinh Thánh khi có liên quan đến những trọng tội (xem Sáng thế Ký 28:24; Lê-vi Ký 20:14; 21:9; Giô-suê 7:15,25). Đường như vì sự hận thù mà Mô-áp thiêu đốt xương của vua Ê-đôm và trộn chúng với vữa để xây dựng các tòa nhà hoặc với vôi để sơn trắng tường nhà (theo Targums). Vôi sống (BDB 966, xem Ê-sai 33:12) là một thành phần của vữa và hồ tô tường.

Có thể hành động này có nghĩa bóng để chỉ sự tiêu hủy hoàn toàn (theo bản Vulgate). Rất khó để giải thích động từ có cách sử dụng theo nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Điều này rất đúng đối với những dòng thơ tại đây cũng như trong cả sách A-môt.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: HỎA TÁNG

I. Cự ước

A. Hỏa táng là một trong bốn cách để thi hành hình phạt nặng trong Lê-vi Ký (xem 20:14; 21:9, các ví dụ, Sáng thế Ký 28:24 và Giô-suê 7:15,25).

B. Những người thân thiện với Sau-lơ đã cướp xác ông cùng với ba người con trai của ông từ Phi-li-tin rồi đốt chúng trước khi chôn trong vùng đất của chi phái Bên-gia-min (xem I Sa-mu-ên 31:12-13, chi tiết này đã bị lược bỏ trong phân đoạn tương đương I Sử ký 10:12).

Có một số bàn cãi giữa các học giả về cách đọc chữ đốt với chữ xúc dầu. Đường như trong phần bản văn này cho thấy sự hỏa táng có ý nghĩa tích cực duy nhất trong cả Cự Ước (xem *Encyclopedia Judaica*, quyển 5, trang 1074). Nó cũng có thể ám chỉ đến đốt các hương liệu (xem II Sử ký 16:14; 21:19; Giê-rê-mi 34:5).

C. Sau này có một vị tiên tri người Giu-đê tiên đoán việc đốt các thầy tế tại Bê-tên ngay

trên bàn thờ sinh tế (xem I Các vua 13:2).

- D. Vấn đề hỏa táng đôi khi bị liên kết sai lạc với cách dùng nghĩa bóng trong Cựu Ước khi lửa được dùng để chỉ sự phán xét (xem Ê-sai 30:33). Nghĩa bóng của hỏa thiêu (như giàn thiêu) được sử dụng làm nổi bật sự phán xét trong đời sau.
- E. Tất cả các nước Cận Đông cổ đại áp dụng tập tục chôn cất (xem Roland deVaux, *Ancient Israel*, quyển 1, trang 57). Hỏa táng bị xem là một sự sỉ nhục (xem A-môt 2:1).

II. HY LẠP VÀ RÔ-MA

- A. Cả hai nền văn minh này đều thực hiện việc hỏa táng.
 - 1. Hy Lạp làm thường xuyên (Sophocles, *Electra*, 1136-1139)
 - 2. Đối với Rô-ma thì tùy theo việc lựa chọn khác nhau chớ không phổ biến (Cicero, *Deleg* 2,22,56)
- B. Các nền văn hóa của vùng Địa Trung Hải đã có một thái độ đối với hỏa táng khác hơn so với các nền văn hóa Cận Đông cổ đại. Tacitus kể lại rằng người Do Thái chôn, không thiêu (His. 5.5)

III. DO THÁI GIÁO THEO CÁC RA-BI

- A. Từ rất sớm hầu hết các tu sĩ Do thái giáo khẳng định rằng chôn cất là đúng theo mạng lệnh trong Phục truyền Luật lệ Ký 21:23.
- B. Hỏa táng bị cấm trong Talmud (*Sanh.* 7:2,24 b) và *Mishna* (*Abodiah Zarah* 1.3).
- C. Do Thái giáo hiện đại cho phép người đã đem hỏa táng được đặt trong nghĩa trang của người Do Thái (xem *Encyclopedia Judaica*, quyển 5, trang 1074).

IV. TÂN ƯỚC

Không có thảo luận hay đề cập gì đến chủ đề này trong Tân Ước. Thân thể vật chất được xem như là một nơi trú ẩn tạm thời (xem II Cô-rinh-tô 5). Một hình thức nào đó của thân thể cũ sẽ hội hiệp với các tín hữu khi Chúa Giê-xu trở lại, nhưng không có các giải thích chi tiết (xem I Tê-sa-lô-ni-ca 4:13-18). Rất đơn giản, vì điều này không phải là việc quan trọng cho đức tin và lối sống của các Cơ đốc nhân. Giống như người Do Thái của Cựu Ước, những tín hữu trong Tân Ước khẳng định về một sự sống lại của thân thể. Có hình dạng thân thể vào lúc tận thế, nhưng không được giải bày rõ như thế nào hay tại sao như vậy. Di hài của tín hữu như thế nào và ở đâu cũng không ảnh hưởng đến sự sum họp của họ với Chúa Giê-xu. Đức tin trong Đấng Christ mới điều quyết định, chứ không phải là di hài người chết.

2:2 “Ta sẽ sai lửa” Cụm từ này đề cập đến.

- 1. Sự phán xét của Đức Giê-hô-va.
- 2. Việc đốt cháy các thành phố (theo nghĩa đen).

Nó là một cụm từ lặp lại trong A-môt 1:4,7,10,12,14; 2:2,5 và Ô-sê 8:14. Lửa được sai đi thường được xem như là một tác nhân thanh tẩy và là một biểu tượng cho sự hiện diện của Chúa! Xem Chủ đề đặc biệt: Lửa trong 7:4.

▣ **“dền dài”** Xem ghi chú trong 1:4.

▣ **“Kê-ri-giôt”** Đây là tên của một vùng hoặc của một thành phố. Bản Kinh Thánh NEB, dựa theo bản LXX, dịch chữ này là những thị trấn (do MAO TỬ XÁC ĐỊNH (DEFINITIVE

ARTICLE), xem Giê-rê-mi 48:41), nhưng bản hiệu đính từ bản NEB là bản REB, giữ danh từ riêng trong bản dịch (nghĩa là các cung điện của Kerioth). Thành phố này cũng được đề cập trong Giê-rê-mi 48:24,41. Thành phố này (có thể là *Kir*, xem Ê-sai 15:1) có một ngôi đền lớn cho *Chemosh* là thần sinh sản của dân Mô-áp (xem *The Mesha Stone* L.12; I Các vua 11:33).

▣ **“giữa tiếng kêu”** Xem ghi chú trong 1:14. Tiếng reo hò cùng với tiếng kèn thường được dùng như là các hiệu lệnh trong trận chiến. Cụm từ này trong một số bối cảnh đề cập đến tiếng hỗn loạn và sự sợ hãi trong trận chiến.

▣ **“tiếng kèn thổi”** Những cây kèn được dùng để chỉ huy quân lính trên trận địa. Xem ghi chú trong 1:14.

2:3 “quan xét” Chữ này được sử dụng trong ý nghĩa chỉ một vị vua. Nhà vua đã hành động như thẩm phán (xem Mi-chê 5:2), như là đại diện của Chúa (xem Sáng thế Ký 18:25; Các quan xét 11:27; Thi thiên 50:6; 75:7; 94:2; Ê-sai 33:22). Cụm từ tương đương “tất cả các hoàng tử”, đề cập đến hoàng gia. Cả nước Mô-áp sẽ bị tiêu diệt hoàn toàn (xem Ma-la-chi 1:2-5).

BẢN NASB 2:4-5

⁴ Đức Giê-hô-va phán như vậy: Bởi cớ tội ác của Giu-đa đến gấp ba gấp bốn lần, nên ta không xây bỏ án phạt khỏi nó; vì chúng nó đã bỏ luật pháp của Đức Giê-hô-va và không vâng theo lệ luật Ngài, những sự giả dối mà tổ phụ chúng nó đã theo, làm lầm lạc chúng nó. ⁵ Ta sẽ sai lửa đến trên Giu-đa, nó sẽ thiêu nuốt những đền đài của Giê-ru-sa-lem.

2:4 “Giu-đa” Các cáo trạng chống nghịch với Giu-đa thuộc về thần học (chối bỏ giao ước với Đức Giê-hô-va, là luật pháp Môi-se) chứ không thuộc về phương diện xã hội. Những cáo trạng này sẽ bị Giu-đa chối bỏ, nhưng có vẻ như những tội lỗi Y-sơ-ra-ên phạm với Đức Giê-hô-va cũng là những tội lỗi của Giu-đa (xem Giê-rê-mi 3:6-10; Ê-xê-chi-ên 23:1-49).

▣ **“vì chúng nó đã bỏ luật pháp của Đức Giê-hô-va”** Động từ “khuước từ” (BDB 549, KB 540, dạng SỞ HỮU CÁCH NGUYÊN MẪU Qal (Qal INFINITIVE CONSTRUCT)) được sử dụng theo hai ý nghĩa dường như đối nghịch nhau:

1. Từ bỏ hoặc từ chối một ai đó hay là một điều gì đó (ở đây là luật pháp của Chúa)
2. Chúa không bằng lòng để từ bỏ dân sự của Ngài. Họ từ bỏ Ngài, từ bỏ tiên tri, sự thờ phượng và giao ước của Ngài. Nhưng Ngài là Đức Chúa Trời của giao ước chỉ trừng phạt họ, nhưng không hoàn toàn từ bỏ họ.

Nghịch lý này được thấy rõ trong một loạt các đoạn văn từ Giê-rê-mi 6:30; 7:29; 14:19 và 31:37. Trong A-mốt (xem 2:4; 5:21) và Ô-sê (xem 4:6 [hai lần]; 9:17) Đức Giê-hô-va từ bỏ một thể hệ dân sự Ngài bởi vì họ có ý định từ bỏ Chúa và luật pháp của Chúa (xem Ô-sê 4:6; 8:1,12)! Tất cả các con cháu của Y-sơ-ra-ên không bao giờ xứng đáng với Đức Chúa Trời, ngoại trừ những người thực hiện đức tin, sự ăn năn, và sự vâng lời.

▣ **“những sự giả dối...làm lầm lạc chúng nó”** Chữ “sự dối trá” này (BDB 469) có nghĩa là nói dối, không đúng với sự thật, hoặc điều dối trá. NIDOTTE (quyển 2, trang 619) mô tả chữ này rõ ràng, nó nhấn mạnh ý nghĩa vào một hành động hoặc một chữ sai, một lời nói dối, bởi vì theo

cách nào đó nó xúc phạm thánh đức, lời phán, mạng lệnh của Chúa được chính Ngài bày tỏ qua các tiên tri hay là tạo vật của Ngài. Thi thiên 40:5 và bản NIV diễn tả khái niệm này. Sự giả dối ám chỉ đến sự giảng dạy sai lạc và sự thờ phượng những thần tượng hư không (xem Ha-ba-cúc 2:18). Khái niệm này cũng được mang vào Tân Ước. Trong I Giăng, sự giả dối ám chỉ đến sự không tin nơi Đức Chúa Giê-xu, là tội lỗi lớn nhất và nghịch lại tính chất giao ước.

▣ **“mà tổ phụ chúng nó đã theo”** Đây là cách dùng thành ngữ để khẳng định rằng thế hệ này, cũng như các thế hệ trước đó miệt mài trong việc tôn thờ các vị thần sinh sản của Ca-na-an (tức là, Ba-anh và A-sê-ra/Át-tạt-tê).

2:5 Điều này ám chỉ đến sự lưu đày ở Ba-by-lôn sẽ đến trên Giu-đa trong những ngày sắp tới (tức là, 586-539 TC).

BẢN NASB 2:6-8

⁶ Đức Giê-hô-va phán như vậy: Bởi có tội ác của Y-sơ-ra-ên đến gấp ba gấp bốn lần, nên ta không xây bỏ án phạt khỏi nó; vì chúng nó đã bán người công bình lấy bạc, bán kẻ nghèo lấy một đôi dép. ⁷ Chúng nó cũng tham cả đến bụi đất trên đầu người nghèo khó, và làm cong đường của kẻ nhu mì. Con và cha cùng đến chung một đũa gái, như vậy làm cho ô danh thánh ta. ⁸ Chúng nó nằm gần mỗi bàn thờ, trên những áo xống đã nhận làm của tin, và uống rượu của kẻ phải phạt trong miếu thần chúng nó.

2:6 “Y-sơ-ra-ên” A-mốt thu hút sự chú ý của khán giả theo cách: Trước tiên công bố sự đoán xét chống lại những kẻ thù xung quanh, tiếp theo là tuyên bố sự phán xét người anh em của Y-sơ-ra-ên (Giu-đa), nhưng bây giờ ông khiến họ bị sốc bằng cách chuyển sự phán xét của Đức Chúa Trời đến trên họ.

▣ **“vì chúng nó đã bán người công bình lấy bạc”** Do có liên hệ đến chế độ nô lệ của Ê-đôm, các dân Phi-li-tin (xem 1:6), và Phê-ni-xi (xem 1:9) nên việc này có lẽ là một ám chỉ đến việc họ bán người đồng hương làm nô-lệ. Chữ “bán” (BDB 569, KB 581, ở dạng SỞ HỮU CÁCH NGUYÊN MẪU Qal (Qal INFINITIVE CONSTRUCT)) được sử dụng trong hai nghĩa: (1) người bị bắt cóc để bán làm nô lệ hoặc (2) để tự bán mình cho chủ nợ trong một khoảng thời gian. Chắc chắn đây là sự ám chỉ chống lại những người giàu có, những người ngược đãi những người nghèo hay những người bị xã hội ruồng bỏ (xem 14:31; 17:5).

Chữ người công bình được sử dụng ở đây tương đương với người nghèo khó (câu 6), người bị xã hội ruồng bỏ (câu 7), và người thấp hèn (câu 7). Vì vậy, trong bối cảnh này (và cần nhớ ngữ cảnh xác định ý nghĩa của thuật ngữ) thì chữ này không có hướng về thần học, nhưng là hướng vào xã hội. Người công bình có liên quan với Đức Giê-hô-va và luật pháp của Ngài và do đó đối xử với những người có phần trong giao ước của họ một cách thích hợp. Sự công bình trong A-mốt có khía cạnh chiều dọc và chiều ngang. Trong Ô-sê thuật ngữ này theo chiều hướng về ý nghĩa tôn giáo hơn (khía cạnh thần học hay là chiều dọc) (xem Ô-sê 2:19; 10:12; 14:9). Trong bối cảnh đó, nó thường liên quan chữ *hesed* (nghĩa là sự thành tín trong giao ước).

Bởi vì bối cảnh này có tính cách luật pháp, xét xử nên thuật ngữ này có lẽ ám chỉ đến một bị cáo bị xét xử nhưng lại không có khả năng hồi lộ quan tòa.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ CÔNG BÌNH

“Sự công bình” là một chủ đề hết sức quan trọng mà mỗi người học Kinh thánh phải đích thân nghiên cứu sâu rộng khái niệm này.

Trong Cựu ước bản tính của Đức Chúa Trời được mô tả là “công minh” hay “công bình.”

Từ ngữ từ tiếng Mê-sô-bô-ta-mi này bắt nguồn từ một cây sậy dọc theo sông được dùng như một công cụ trong xây dựng để định đường thẳng theo chiều ngang của các bức tường hoặc các hàng rào. Chúa dùng từ ngữ này để chỉ cách hình bóng về bản tính của Ngài. Ngài là cây thước thẳng mà tất cả mọi sự đều phải căn cứ vào đó để đo. Khái niệm này khẳng định sự công bình của Đức Chúa Trời cũng như quyền đoán xét của Ngài.

Con người được dựng nên theo ảnh tượng của Đức Chúa Trời (Sáng thế ký 1:26-27; 5:1, 3; 9:6). Con người được dựng nên để thông công với Đức Chúa Trời. Tất cả mọi tạo vật chỉ như là cảnh nền cho mối tương giao giữa con người và Đức Chúa Trời. Ngài muốn tạo vật cao trọng nhất của Ngài là con người biết Ngài, yêu mến Ngài, phục vụ Ngài và trở nên giống như Ngài! Sự trung thành của con người đã được thử nghiệm (Sáng thế ký 3) và cặp vợ chồng đầu tiên đã thất bại tại cuộc thử nghiệm này. Kết quả là mối liên hệ giữa Đức Chúa Trời và con người đã bị gián đoạn (Sáng 3; Rô-ma 5:12-21).

Đức Chúa Trời hứa sẽ hàn gắn và phục hồi lại mối liên hệ này (Sáng 3:15). Ngài thực hiện điều này bằng chính ý định của Ngài và qua chính Con của Ngài. Con người không thể phục hồi lại sự rạn nứt này (Rô-ma 1:18-3:20).

Sau sự sa ngã của loài người, thì bước đầu tiên mà Đức Chúa Trời hướng đến sự phục hồi mối liên hệ là khái niệm giao ước dựa trên sự mời gọi của Ngài và sự đáp ứng bằng sự ăn năn, tin cậy, và vâng lời của con người. Bởi sự sa ngã, con người không có khả năng làm được điều đúng (Rô-ma 3:21-31; Ga-la-ti 3). Chính Chúa đã phải đích thân khởi xướng việc phục hồi những con người vốn đã không giữ được giao ước. Ngài làm điều này bằng cách:

1. Tuyên bố con người tội lỗi là công bình qua công tác của Đấng Christ (sự công bình theo pháp lý)
2. Ban tặng không sự công bình cho con người qua công tác của Đấng Christ (sự công bình được ban cho)
3. Ban Đức Thánh Linh ngự vào con người để tạo nên sự công bình (công bình về mặt đạo đức) nơi con người.
4. Phục hồi mối liên hệ ở vườn Ê-đen bằng cách phục hồi ảnh tượng của Đức Chúa Trời trong những tín nhân (Sáng-thế-ký 1:26-27) (sự công bình trong mối liên hệ).

Tuy vậy, Chúa đòi hỏi một sự đáp ứng theo giao ước. Chúa ban (cho không) và cung cấp, nhưng con người phải đáp ứng và liên tục đáp ứng qua:

1. Sự ăn năn
2. Đức tin
3. Lối sống vâng phục
4. Sự bền đỗ

Vì vậy, sự công bình là một hành động hỗ tương trong giao ước giữa Chúa và tạo vật cao quý nhất của Ngài. Nó dựa vào bản tính của Đức Chúa Trời, công tác cứu chuộc của Đấng Christ, và sự vừa giúp của Đức Thánh Linh, mà mỗi cá nhân phải đích thân và liên tục đáp ứng lại một cách thích đáng. Khái niệm này được gọi là “xung công bình bằng đức tin.”

Khái niệm này được bày tỏ trong các sách Phúc âm, nhưng những chữ này không có trong các sách Phúc âm. Phao lô là người đầu tiên định nghĩa từ ngữ này và sử dụng tiếng Hy Lạp

“sự công bình” trong nhiều dạng khác nhau hơn 100 lần.

Phao lô, vốn là một Ra-bi Do thái, sử dụng chữ Hy Lạp *dikaiousune* theo ý nghĩa của chữ Hê-bơ-rơ *SDQ* lấy từ bản Bảy Mươi, chứ không phải từ văn chương Hy Lạp. Trong các tác phẩm Hy Lạp, chữ này chỉ một ai đó làm theo mong đợi của các Thần thánh hay của xã hội. Trong ý nghĩa tiếng Hê-bơ-rơ nó luôn được dùng trong các từ ngữ thuộc về giao ước. Đức Giê-hô-va là một Đức Chúa Trời công bình và thánh thiện. Ngài muốn dân của Ngài bày tỏ các đức tính của Ngài. Những con người được mua chuộc là những tạo vật mới. Sự mới mẻ này phải có kết quả là một cách sống thánh thiện (khía cạnh của sự xưng công bình mà Công giáo La-mã chú trọng). Vì Y-sơ-ra-ên theo chế độ thần quyền nên không có ấn định ranh giới rõ ràng giữa thế tục (các tiêu chuẩn xã hội) và thánh khiết (ý chỉ Đức Chúa Trời). Tiếng Hê-bơ-rơ và tiếng Hy-lạp diễn đạt được sự phân biệt này trong tiếng Anh thì phân định là “công minh” (justice) (liên hệ đến xã hội) và “công bình” (righteousness) (liên hệ đến tôn giáo).

Phúc âm (Tin lành) của Chúa Jê-sus là: Con người sa ngã đã được phục hồi mỗi tương giao với Đức Chúa Trời. Quan điểm có vẻ nghịch lý của Phao lô là: Qua Đấng Christ, Đức Chúa Trời tha bổng cho người có tội. Điều này được hoàn tất qua tình yêu thương, sự thương xót, và ân điển của Đức Chúa Trời; qua đời sống của Đức Chúa Con, sự chết và sống lại của Ngài; và sự thuyết phục, đưa dẫn con người đến với Phúc âm của Đức Thánh Linh. Sự xưng công bình là một hành động ban cho như không của Đức Chúa Trời, nhưng nó phải đem lại sự tin kính (lập trường của Augustine bao gồm quan điểm của những nhà Cải chánh chú trọng vào sự ban cho nhưng không và sự nhấn mạnh vào một đời sống yêu thương và trung tín được thay đổi của Công giáo La-mã). Đối với người Cải chánh, từ ngữ “sự công bình của Đức Chúa Trời” là một SỞ HỮU CÁCH KHÁCH QUAN (OBJECTIVE GENITIVE) (tức là hành động làm cho con người tội lỗi được Chúa chấp nhận [sự nên thánh theo địa vị]), trong khi đối với người Công giáo nó là một SỞ HỮU CÁCH CHỦ QUAN (SUBJECTIVE GENITIVE), tức là nói đến tiến trình trở nên càng giống Chúa hơn (sự nên thánh theo kinh nghiệm tiệm tiến). Trong thực tế, nó là cả hai.

Theo tôi, cả Kinh thánh từ Sáng thế ký 4 đến Khải huyền 20, kỹ thuật về việc Đức Chúa Trời phục hồi lại mối liên hệ tại Ê-đen. Kinh thánh bắt đầu bằng mối tương giao giữa Đức Chúa Trời và con người trên đất này (Sáng thế ký 1-2) và kết thúc cũng với bối cảnh đó (Khải huyền 21-22). Ảnh tượng và mục đích của Đức Chúa Trời sẽ được phục hồi!

Để dẫn chứng tài liệu về đề tài mới vừa đề cập, xin lưu ý đến những phân đoạn Kinh thánh Tân ước được chọn lọc sau đây minh họa nhóm từ tiếng Hy Lạp.

1. Đức Chúa Trời công bình (thường cập theo Đức Chúa Trời là Quan án)
 - a. Rô-ma 3:26
 - b. II Tê-sa-lô-ni-ca 1:5-6
 - c. II Ti-mô-thê 4:8
 - d. Khải huyền 16:5
2. Đức Chúa Jê-sus công bình
 - a. Công-vụ 3:14; 7:52; 22:14 (danh hiệu Mết-si-a)
 - b. Ma-thi-ơ 27:19
 - c. I Giăng 2:1, 29; 3:7
3. Ý chỉ của Đức Chúa Trời cho tạo vật của Ngài là công bình
 - a. Lê-vi-ký 19:2
 - b. Ma-thi-ơ 5:48 (5:17-20)

4. Cách Chúa cung ứng và chu cấp sự công bình
 - a. Rô-ma 3:21-31
 - b. Rô-ma 4
 - c. Rô-ma 5:6-11
 - d. Ga-la-ti 3:6-14
 - e. Được Chúa ban cho
 - i. Rô-ma 3:24; 6:23
 - ii. I Cô-rinh-tô 1:30
 - iii. Ê-phê-sô 2:8-9
 - f. Nhận bởi đức tin
 - i. Rô-ma 1:17; 3:22,26; 4:3,5,13; 9:30;10:4,6,10
 - ii. I Cô-rinh-tô 5:21
 - g. Qua công tác của Đức Chúa Con
 - i. Rô-ma 5:21-31
 - ii. II Cô-rinh-tô 5:21
 - iii. Phi-líp 2:6-11
5. Ý chỉ của Chúa là những người theo Ngài phải trở nên công bình
 - a. Ma-thi-ơ 5:3-48; 7:24-27
 - b. Rô-ma 2:13; 5:1-5; 6:1-23
 - c. II Cô-rinh-tô 6:14
 - d. I Ti-mô-thê 6:11
 - e. II Ti-mô-thê 2:22; 3:16
 - f. I Giăng 3:7
 - g. I Phi-e-rơ 2:24
6. Đức Chúa Trời sẽ phán xét thế gian bằng sự công bình
 - a. Công-vụ 17:31
 - b. II Ti-mô-thê 4:8

Sự công bình là đặc tính của Đức Chúa Trời, ban cho nhưng không cho con người tội lỗi qua Đấng Christ. Nó là:

1. Một sắc lệnh (pháp lệnh)
2. Một quà tặng từ Đức Chúa Trời
3. Một hành động của Đấng Christ

Nhưng nó cũng là một tiến trình trở nên công bình, một điều phải được theo đuổi cách mãnh liệt và đều đặn; nó sẽ đi đến tột đỉnh ở lần đến thứ hai của Chúa. Mỗi tương giao với Chúa được phục hồi ở sự cứu rỗi, nhưng cứ phát triển càng hơn cho đến khi mặt gặp mặt với Chúa nơi Thiên đàng hoặc khi qua đời!

Đây là một trích dẫn tốt từ tự điển *Dictionary of Paul and His Letters* của nhà xuất bản IVP: “Đi xa hơn Luther, Calvin nhấn mạnh đến phương diện tương giao của sự công bình Đức Chúa Trời. Quan điểm của Luther về sự công bình Đức Chúa Trời dường như chứa đựng phương diện tha bổng. Calvin nhấn mạnh đến bản chất kỳ diệu của sự tương thông hay truyền đạt sự công bình Đức Chúa Trời cho chúng ta” (trang 834).

Đối với tôi, mỗi tương giao của một tín nhân đối với Đức Chúa Trời có ba phương diện:

1. Tin lành là một con người (Đông Giáo hội và trọng điểm của Calvin)

2. Tin lành là lẽ thật (trọng điểm của Luther và Augustine)

3. Tin lành là một đời sống được thay đổi (trọng điểm của Công giáo)

Tất cả những điều này đều đúng và phải được cân nhắc chung với nhau để có được một Cơ đốc giáo lành mạnh, đúng đắn, và đúng Kinh thánh. Nếu một ai đó nhấn mạnh quá mức hay chê bai tất cả, thì sẽ có vấn đề.

Chúng ta phải mời Chúa Jêsus vào lòng!

Chúng ta phải tin Tin lành!

Chúng ta phải theo đuổi sự trở nên giống với Đấng Christ!

▣ **“bán kẻ nghèo lấy một đôi dép”** Cụm từ này có thể được giải nghĩa theo nghĩa đen là (1) người ta dùng một vật kém giá trị mà mua và bán được thứ tốt (xem 8:6), hoặc (2) một loại thủ tục tòa án (giống như trao đổi giày, xem Ru-tơ 4:7, tham khảo quyển *Ancient Israel* của Roland deVaux, quyển 1, trang 169) lại cung cấp tính cách hợp pháp cho việc người giàu bắt người nghèo làm nô lệ đầy tai tiếng.

Bộ NIDOTTE, quyển 1, trang 228, có một phát biểu quan trọng liên quan đến khái niệm xã hội về người túng thiếu, người nghèo, và sự nghèo khổ.

“Trong khi tư tưởng phương Tây nhấn mạnh đến khía cạnh kinh tế của sự đói nghèo thì vùng Cận Đông thời cổ đại hiểu đói nghèo trong bối cảnh của xấu hổ và danh dự. Vì vậy, sở hữu đất đai, quyền lực, ổn định kinh tế, và các địa vị xã hội làm cho một người trở thành giàu có và khi thiếu các yếu tố này sẽ làm cho một người trở thành nghèo hèn.”

2:7

NASB, NKJV

“thèm muốn”

NRSV, TEV

“chà đạp lên”

NJB

“nghiền nát”

Có nhiều thảo luận về cách dịch của thuật ngữ này (BDB 983, KB 1375, dạng ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG Qal (Qal ACTIVE PARTICIPLE)) trong câu 7: (1) bản NASB và NKJV ngụ ý rằng người giàu ghen tị, tức tối (nghĩa là, hóp hơi trong KB 1375 hay là thèm muốn trong BDB 983 I, ví dụ như, Gióp 7:2; Thi thiên 119:131; Truyền đạo 1:5) một chút bụi mà người nghèo rải trên đầu khi họ than khóc (phép thậm xưng) hoặc (2) bản NRSV, dựa theo bản Bảy mươi, và bản Vulgate dịch thuật ngữ này là chà đạp lên (BDB 983 II, ví dụ như, 8:4; Thi thiên 56:2; Ê-xê-chi-ên 36:3), mà dường như ngụ ý đến cách người giàu hạ nhục và thống trị người nghèo. Trong bối cảnh này, người công chính, người nghèo, người cô thế, và người hèn mọn không ám chỉ đến người nghèo lâu nay, nhưng là những nông dân, thương gia thuộc tầng lớp trung lưu vừa mới bị bóc lột. Họ đã bị ép buộc phải vay tiền và từ đó bị mất vùng đất theo chi phái của họ, mất thu nhập, mất niềm tự hào, và vị trí xã hội. Để tham khảo một thảo luận đầy đủ về người giàu và người nghèo trong Cựu Ước nên xem quyển *Ancient Israel* của Roland deVaux, quyển 1, trang 72-74. Bởi có việc sử dụng thuật ngữ trong 8:4 vì vậy chọn cách dịch thứ hai có vẻ như thích hợp nhất.

▣

NASB “bể cong đường của người hèn mọn”

NKJV “làm sai lạc đường của người khiêm nhường”

NRSV “xua đuổi người bị nạn”

TEV “đẩy người nghèo ra đường”

NJB “lấn ép các quyền lợi của người bị áp bức về một phía”

Động từ trong câu này (BDB 639, KB692, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Hiphil (Hiphil IMPERFECT)) được sử dụng nhiều lần trong A-môt.

1. Trong 2:7 và 5:12 chữ này đề cập đến việc lạm dụng các hệ thống pháp luật bằng cách người giàu hối lộ các thẩm phán (ví dụ, Xuất Ê-díp-tô Ký 23:6; Phục truyền Luật lệ Ký 16:19, 24:17, 27:19, I Sa-mu-ên 8:3; Châm-ngôn 17:23; Ê-sai 10:2; Ca thương 3:35).
2. Trong 2:8 nó đề cập đến các người giàu ngã mình nằm dài trên các quần áo của những người nghèo là của cầm để vay nợ mà họ lấy được.

Ý nghĩa cơ bản của thuật ngữ này là căng ra, hay làm lan ra. Trong ví dụ đầu tiên ở trên thì các thẩm phán đưa tay ra nhận hối lộ. Trong ví dụ thứ hai, quần áo của người nghèo được trải rộng ra để người giàu có thể ngồi lên hoặc nằm lên trên, chi tiết này có thể ám chỉ đến sự hành dâm trong lúc thờ cúng của ngoại giáo.

▣ **“Con và cha cùng đến chung một đũa gái”** Thuật ngữ “cô gái” (BDB 655) ở đây không phải là chữ thông thường chỉ gái hành dâm lúc thờ cúng của ngoại giáo, mặc dù nó có thể ám chỉ đến điều đó (xem Phục truyền Luật lệ Ký 23:18; về bối cảnh lịch sử xem Ô-sê 4:12-14). Nó cũng có thể ám chỉ đến việc bán một cô gái trẻ nghèo để rồi sau đó cô bị bắt làm hầu thiếp cho tất cả mọi người đàn ông trong gia đình (xem TEV). Điều này sẽ vi phạm (1) Lê vi Ký 18:8, 20:11; Phục truyền Luật lệ Ký 22:30, 27:20 và (2) Xuất Ê-díp-tô Ký 21:7-11. Bối cảnh ở đây là sự lạm dụng người nghèo và cô thế, do đó ý nghĩa thứ hai thích hợp nhất.

Cũng đã có nhiều giải thích khác. Và cũng không một ai có thể biết rõ ràng về bản chất của những sự vi phạm này, nhưng ý nghĩa của bối cảnh chung thì rất rõ ràng. Con người dù là dân sự của giao ước cũng vẫn phạm tội và vi phạm pháp luật của Chúa. Đức Chúa Trời không xem nhẹ tội lỗi và kẻ phạm tội, đặc biệt là những người lẽ ra là phải biết Ngài (Giu-đa và Y-sơ-ra-ên). Chúng ta gạt những gì chúng ta gieo đúng theo mức độ sự soi sáng (và năng lực) mà chúng ta có.

▣ **“như vậy làm cho ô danh thánh ta”** Những việc làm được phô trương trong các đền miếu (những con bò con vàng của Giê-rô-bô-am II) tại Bê-tên và Đan (xem câu 8). Ở bề ngoài thì chúng được xem như là hợp pháp, về mặt tôn giáo thì chúng được tán đồng, nhưng tất cả mọi người biết những gì đã xảy ra!

Động từ này (BDB 320 III, KB 319, dạng SỞ HỮU CÁCH NGUYÊN MẪU Piel (Piel INFINITIVE CONSTRUCT)) được sử dụng theo một vài ý nghĩa trong dạng Piel:

1. ô ướ tình dục, Lê vi Ký 19:29; 21:9,15
2. ô ướ theo phương diện nghi lễ, Lê vi Ký 19:8; 21:12,23; 22:9,15
3. làm ô ướ danh Chúa, Lê vi Ký 18:21, 19:12, 20:3, 21:6; 22:2,32; Giê-rê-mi 34:16; Ê-xê-chi-ên 20:39; 36:20-23; A-môt 2:7

Các việc làm theo ngoại giáo của dân Do thái làm ô ướ, xúc phạm đến chính Đức Chúa Trời mà họ thờ phượng và hầu việc. Họ trắng trợn xem thường luật pháp Môi-se vì lợi ích và lạc thú cá nhân.

Rõ ràng là A-môt (giống như tất cả các tiên tri) phán xét những việc làm theo luật pháp Môi-se.

1. 2:4 sử dụng thuật ngữ “luật pháp của Chúa và các điều luật của Ngài” để ám chỉ đến luật pháp Môi-se.
2. 2:7 liên hệ đến Lê-vi Ký 18:8,15; 20:11-12
3. 2:8 liên quan đến Phục truyền Luật lệ Ký 24:12-13
4. 2:9-11 liên hệ đến Sáng thế Ký 15:12-21
5. 2:11-12 liên quan đến Dân số Ký 6

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ THÁNH KHIẾT

I. Cách dùng trong Cựu ước

- A. Nguồn gốc của chữ này (*kadosh*) không rõ lắm, có thể là thuộc ngôn ngữ Ca-na-an. Có thể một phần của gốc từ này (*kd*) có nghĩa là “chia ra.” Đây là nguồn gốc của định nghĩa phổ thông “được biệt riêng ra (từ văn hóa Ca-na-an, Phục truyền 7:6; 14:2, 21; 26:19) để Chúa sử dụng”
- B. Nó liên hệ đến sự tôn thờ các sự vật, nơi chốn, thời điểm, và con người. Nó không được sử dụng trong Sáng-thế-ký, nhưng trở nên phổ biến trong Xuất-Ê-díp-tô ký, Lê-vi-ký, và Dân-số-ký.
- C. Trong các sách tiên tri (đặc biệt là Ê-sai và Ô-sê), khía cạnh cá nhân trình bày trước đó, nhưng không được nhấn mạnh, đã được đưa ra phía trước. Nó trở thành cách mô tả bản chất của Đức Chúa Trời (Ê-sai 6:3). Đức Chúa Trời thánh khiết. Danh hiệu thánh khiết đại diện cho bản chất của Ngài. Dân của Ngài, những người sẽ bày tỏ bản tính của Ngài cho một thế giới đang cần Ngài, là một dân thánh (nếu họ vâng theo giao ước trong đức tin).
- D. Lòng thương xót và tình yêu của Đức Chúa Trời không thể tách rời khỏi quan điểm thần học về sự giao ước, công bình, và các bản tính quan trọng. Tại đây có sự giằng co trong Đức Chúa Trời đối với con người bất khiết, sa ngã và chống nghịch. Có một bài viết thú vị về mối liên hệ giữa một Đức Chúa Trời “đầy thương xót” và một Đức Chúa Trời “thánh khiết” của Robert B. Girdlestone, *Synonyms of the Old Testament*, trang 112-113.

II. Cách dùng trong Tân ước

- A. Các trước giả trong Tân ước là những tư tưởng gia Hê-bơ-rơ (ngoại trừ Lu-ca), nhưng bị ảnh hưởng bởi lối văn thông dụng của Hy-lạp Koine (bản LXX). Chính bản dịch Hy-lạp của Cựu ước chi phối từ ngữ của họ, chứ không phải văn chương cổ điển, tư tưởng hay tôn giáo Hy-lạp.
- B. Chúa Jê-sus thánh khiết vì Ngài từ Đức Chúa Trời, giống Đức Chúa Trời, và là Đức Chúa Trời (Lu-ca 1:35; 4:34; Công-vụ 3:14; 4:27,30). Ngài là Đấng công bình và thánh khiết (Công-vụ 3:14; 22:14). Chúa Jê-sus thánh khiết vì Ngài không có tội (Giăng 8:46; II Cô-rinh-tô 5:21; Hê-bơ-rơ 4:15; 7:26; I Phi-e-rơ 1:19; 2:22; I Giăng 3:5).
- C. Bởi vì Đức Chúa Trời thánh khiết, con cái Ngài cũng phải thánh khiết (Lê-vi-ký 11:44-45; 19:2; 20:7, 26; Ma-thi-ơ 5:48; I Phi-e-rơ 1:16). Bởi vì Chúa Jê-sus thánh khiết, những người theo Ngài cũng phải thánh khiết (Rô-ma 8:28-29; II Cô-rinh-tô 3:18; Ga-la-ti 4:19; Ê-phê-sô 1:4; I Tê-sa-lô-ni-ca 3:13; 4:3; I Phi-e-rơ 1:15). Cơ đốc nhân được cứu để phục vụ giống Đấng Christ.

2:8 “Chúng nó nằm gần mỗi bàn thờ, trên những áo xống đã nhận làm của tin” Các người giàu đã lấy và giữ (mặc dù bị cấm trong Xuất Ê-díp-tô Ký 22:26-27; Phục truyền Luật lệ Ký 24:12-13) những áo khoát ngoài của người nghèo như của thể chấp cho các món vay nợ (xem *Ancient Israel* của Roland deVaux, quyển 1, trang 171, xem Xuất Ê-díp-tô Ký 21:7,26-28; Lê-vi Ký 25:39-40; Phục truyền Luật lệ Ký 24:10-13,17; Châm ngôn 20:16; 27:13). Điều này có thể liên quan đến hình thức hành dâm của ngoại giáo được đề cập đến trong câu 7 hoặc bữa tiệc thờ cúng của ngoại giáo liên kết với sự thờ phượng các vị thần sinh sản.

Cụm từ “mỗi bàn thờ” cho thấy bản chất sùng bái thờ lạy nam thần Ba-anh và nữ thần A-sê-ra, là các vị thần sinh sản của địa phương mà trong mọi cộng đồng đều có bàn thờ. Đức Giê-hô-va chỉ có một bàn thờ chính thức (tức là, núi Mô-ri-a). Giê-rô-bô-am I đã thành lập hai địa điểm khác tại Bê-tên và Đan để ngăn chặn dân sự của mình (tức là mười chi phái phía Bắc) trở về Giê-ru-sa-lem trong các kỳ lễ.

☐ **“và uống rượu của kẻ phải phạt trong miếu thần chúng nó”** Có thể có hai cách giải thích: (1) Trong các trung tâm thờ lạy ngoại giáo tại Đan và Bê-tên người giàu đang trở nên say đắm trên lợi tức bất hợp pháp mà họ bòn rút được từ những người nghèo hoặc (2) Các loại thuế đền thờ đang được sử dụng đưa đến say sưa và hành vi tình dục.

Một số bản dịch dịch chữ *Elohim* là các vị thần của họ hay thần của họ (NJB, NAB, NIV), nhưng vẫn mạch lại ám chỉ đến Đức Giê-hô-va (bản NASB, NRSV, TEV, JPSOA, NET). Xem chủ đề đặc biệt: Tên của thần linh trong 1:2.

BẢN NASB 2:9-16

⁹ Dầu vậy, chính ta đã tuyệt diệt người A-mô-rít trước mặt chúng nó, là thứ người cao bằng cây bách và mạnh như cây dẻ bộp. Ta đã diệt những trái nó ở trên và những rễ nó ở dưới. ¹⁰ Ta cũng đã đem các người lên khỏi đất Ê-díp-tô, và dất các người trong đồng vắng trải bốn mươi năm, hầu cho các người được đất của người A-mô-rít làm sản nghiệp. ¹¹ Ta đã dấy mấy kẻ tiên tri lên trong vòng con trai các người, và dấy mấy người Na-xi-rê lên trong vòng bọn trai trẻ các người. Đức Giê-hô-va phán: Hỡi con cái Y-sơ-ra-ên, chẳng phải vậy sao? ¹² Nhưng các người đã cho các người Na-xi-rê uống rượu, và cấm các kẻ tiên tri rằng: Chớ nói tiên tri! ¹³ Nay, ta sẽ chặn ép các người trong nơi các người cũng như cái xe đầy những lúa bó chặn ép. ¹⁴ Người lệ làng sẽ không thể trốn được; người mạnh mẽ sẽ không bỏ sức cho mình nữa, và người bạo dạn sẽ chẳng cứu được mạng sống mình. ¹⁵ Kẻ giương cung sẽ chẳng đứng vững được; kẻ có chơn lệ làng sẽ chẳng lánh khỏi được; người cỡi ngựa sẽ không thể cứu mình; ¹⁶ và kẻ bạo gan trong những người mạnh mẽ sẽ ở trần mà trốn trong ngày đó, Đức Giê-hô-va phán vậy.

2:9-12 Đây là một phân tái hiện lại lịch sử của những việc làm đầy ân sủng của Đức Chúa Trời và cũng đồng thời chuẩn bị cho sự phán xét trên Y-sơ-ra-ên. Dân sự của Chúa vi phạm giao ước của Ngài không phải là điều gì mới lạ, nhưng cứ luôn tái diễn (xem Nê-hê-mi 9; Công vụ Các sứ đồ 7).

2:9 “chính ta đã tuyệt diệt người A-mô-rít trước mặt chúng nó” Đây là thuật ngữ “thánh chiến” ám chỉ đến Đức Giê-hô-va đánh trận cho dân sự của Ngài (lưu ý ĐẠI TỬ SỐ ÍT NGÔI THỨ NHẤT (FIRST PERSON SINGULAR PRONOUN) trong các câu 9,10,13). Chiến thắng thuộc về Ngài (ví dụ, ong lỗ, Xuất Ê-díp-tô Ký 23:28; Phục truyền Luật lệ Ký 7:20; Giô-suê

24:12; mưa đá, Giăng 10:11).

CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: DÂN A-MÔ-RÍT

Chữ A-mô-rít được sử dụng theo ba nghĩa:

1. Một trong những bộ tộc bản địa trong vùng Ca-na-an (ví dụ, Sáng thế Ký 10:16; 15:18-21; Xuất Ê-díp-tô Ký 3:17; Giô-suê 24:11; E-xơ-ra 9:1; Nê-hê-mi 9:8 [các bộ tộc du mục theo bản văn tiếng Akkadian])
2. Một tên chung cho những người ở về phía tây của vùng Mê-sô-bô-ta-mi (xem câu 10; Sáng thế Ký 15:16; Các quan xét 6:10; II Các vua 21:11; Ê-xê-chi-ên 16:3, cũng như theo các văn bản của người A-sy-ri và Ba-by-lon)
3. Những dân cư sống trên cao nguyên, trái lại người Ca-na-an chỉ sống tại các vùng đất thấp (xem Phục truyền Luật lệ Ký 1:7,19,20; 3:2)
4. Cả hai chữ người Ca-na-an và người A-mô-rít đều được dùng cho tất cả các dân tộc bản địa của xứ Pa-léc-tin, Ca-na-an.

☐ **“là thứ người cao bằng cây bách”** Chi tiết này có thể đơn giản nói theo nghĩa bóng để chỉ quyền lực (BDB 147) bằng cách sử dụng hình ảnh cây cối (cây tùng có thể phát triển lên đến chiều cao khoảng 100 bộ) hoặc có thể theo nghĩa đen nói đến chiều cao của một số người A-mô-rít như Og ở vùng Bashan và Anakim của vùng Hêp-rôn (xem Dân số Ký 13: 28, 33; Phục truyền Luật lệ Ký 1:28; 9:2; Giô-suê 11:21-22).

☐ **“Ta đã diệt những trái nó ở trên và những rễ nó ở dưới.”** Đây là một thành ngữ hay tục ngữ nói lên sự diệt hoàn toàn, tại đây nó được dùng để chỉ người A-mô-rít. Câu 9-10 ám chỉ đến sự kiện ra khỏi xứ Ai-cập và sự chinh phục Đất Hứa.

2:10 “Ta cũng đã đem các ngươi lên khỏi đất Ê-díp-tô” Sự giải cứu đã được tiên báo cho Áp-ra-ham (xem Sáng thế Ký 15:12-21). Đây là mối liên hệ giao ước đặc biệt với con cháu của các Tổ phụ được xác nhận bởi các quốc gia trong Xuất Ê-díp-tô Ký 19-20. Nhưng nói chung họ đã ngoảnh mặt đi và chối bỏ giao ước của Đức Giê-hô-va (xem Ô-sê 13:4-6). Y-sơ-ra-ên phải chịu nhiều trách nhiệm hơn vì đã được nhận nhiều sự soi sáng tâm linh (xem Lu-ca 12:48).

☐ **“dắt các ngươi trong đồng vắng trái bốn mươi năm”** Điều này nhắc lại thời kỳ lang thang trong đồng vắng. Số bốn mươi là một con số được làm tròn trong Cựu Ước. Ở đây nó nói đến hành trình 38 năm đi từ Kadesh-Barnea đến Đất Hứa (bằng con đường ngang qua vùng sông Giô-đanh).

☐ **“hầu cho các ngươi được đất của người A-mô-rít làm sản nghiệp”** Điều này đề cập đến lời hứa của Đức Chúa Trời dành cho Áp-ra-ham trong Sáng thế Ký 15:12-21. Lưu ý chữ A-mô-rít ám chỉ đến tất cả dân Ca-na-an trong câu 16 và một trong số nhiều dân tộc bản địa trong câu 21. Xem chú thích trong câu 9.

2:11-12 “Ta đã dấy mấy kẻ tiên tri lên trong vòng con trai các ngươi...mấy người Na-xi-rê” Việc Chúa lựa chọn đặc biệt các nhà lãnh đạo thuộc linh này bày tỏ sự chăm sóc đặc biệt của Ngài cho Y-sơ-ra-ên. Nhưng Y-sơ-ra-ên đã xui khiến những người này (và có thể có cả phụ nữ

nữa, xem Dân số Ký 6:2) phạm tội (xem câu 12). Họ là những món quà của Đức Chúa Trời, nhưng dân sự của Ngài đã làm hư hoại ân tứ của họ.

Những người Na-xi-rê được mô tả trong Dân số Ký đoạn 6. Họ có thể là nam hay nữ (xem câu 2). Có một vài nguyên tắc đặc biệt để duy trì sự kêu gọi của họ:

1. không được ăn bất kỳ sản phẩm nào từ cây nho, câu 3-4
2. không được cắt tóc của mình, câu 5
3. không được đụng đến xác chết (tức là không được dự đám tang của những người thân), câu 6-7

Lời hứa nguyện đặc biệt này (tạm thời [ví dụ, Dân số Ký 6:13-20; Công vụ Các sứ đồ 18:18; 21:23] hay là trọn đời [Các quan xét 13: 7; I Sa-mu-ên 1:1; Lu-ca 7:33]) là một cách dành cho những người không phải là thầy tế lễ hoặc người Lê-vi dâng hiến chính mình cho Đức Giê-hô-va theo một ý nghĩa đặc biệt. Nó cũng là việc rất có ý nghĩa khi mà một nền văn hóa trọng nam giới như dân Y-sơ-ra-ên cổ đại lại cho phép có những người nữ Na-xi-rê (cũng như các nữ tiên tri).

Để có được một phân tích ngắn và đầy đủ nên xem quyển *Ancient Israel* của Roland deVaux, quyển 2, trang 466-467.

2:11 “...chẳng phải vậy sao?” Đức Chúa Trời thách thức họ nhằm khẳng định những lời lên án của Ngài là đáng tin cậy. Nhưng đây cũng chỉ là một sứ điệp riêng tư, buồn bã từ Đức Chúa Trời của họ. Cụm từ các con trai của Y-sơ-ra-ên có sự ám chỉ đến giao ước Áp-ra-ham. Chúa vẫn yêu thương và quan tâm đến dân sự của Ngài (dân sự của Ngài thì lẽ ra phải phản ánh đức tính của Ngài!).

▣ **“Đức Giê-hô-va phán”** Đây là một cụm từ đặc biệt chỉ sự bày tỏ của Đức Chúa Trời (xem 2:11, 16; 3:10,13,15; 4:1,5-6, 8-11; 6:6, 14; 9:7-8,12,13).

2:13 Có hai cách để hiểu câu này.

1. Nó đề cập đến Đức Giê-hô-va bị đè nặng (như là một xe thồ quá tải) bởi tội lỗi của dân sự Ngài (từ chữ gốc trong tiếng Ả Rập, xem Ê-sai 43:24; và các bản dịch NASB, NKJV, NET, NIV, REB).
2. Nó đề cập đến Đức Giê-hô-va ép xuống (tức là, xét xử) dân sự của Ngài (từ chữ gốc trong tiếng Ả Rập, xem Ê-sai 28:27-28; và các bản dịch NRSV, TEV, NJB, JPSOA).

Sự khác biệt liên quan đến gốc mà động từ xuất phát (BDB 734, KB 802, Hiphil dạng HOÀN THÀNH và Hiphil KHÔNG HOÀN THÀNH). Trong trường hợp này hoàn toàn không thể khẳng định chắc chắn.

Trong quyển *A Translator's Handbook on the Book of Amos* của UBS gợi ý một cách dịch theo ý thứ hai: Dân Y-sơ-ra-ên rên rỉ dưới sự phán xét của Đức Chúa Trời như một xe thồ quá tải, trang 55-56.

2:14-16 Điều này mô tả sự rút lui trong hoảng loạn của quân đội Y-sơ-ra-ên trước quân A-sy-ri. Đức Giê-hô-va đã ở với họ khi ra khỏi xứ Ai-cập và trong cuộc chinh phục Đất Hứa, nhưng giờ đây sự hiện diện của Ngài là để phán xét chứ không phải giải cứu. Ngài khiến lòng của những chiến sĩ bạo dạn nhất của Y-sơ-ra-ên đầy sợ hãi và rối loạn. Đây là một sự đảo ngược hoàn toàn của thánh chiến (Chúa đánh trận cho dân sự của Ngài).

2:16 “kẻ bạo gan trong những người mạnh mẽ sẽ ở trần mà trốn” Chi tiết này ám chỉ việc lột

bỏ tất cả những áo giáp cùng với những đồ mặc không cần thiết để những người lính có thể thoát chạy nhanh hơn.

▣ **“trong ngày đó”** Cụm từ “trong ngày đó” là một cách để các nhà tiên tri trong thế kỷ thứ tám nói đến sự thăm viếng (hiện diện) của Chúa trong cả sự phán xét lẫn phục hồi.

Ô-sê		A-mốt		Mi-chê	
<u>Tích cực</u>	<u>Tiêu cực</u>	<u>Tích cực</u>	<u>Tiêu cực</u>	<u>Tích cực</u>	<u>Tiêu cực</u>
1:11	1:5		1:14(2)		2:4
	2:3		2:16		3:6
2:15			3:14	4:6	
2:16			3:18(2)		5:10
2:21			3:20		7:4
	5:9		6:3	7:11(2)	
	7:5		8:3	7:12	
	9:5		8:9(2)		
	10:14		8:10		
		9:11	8:13		

Đây là khuôn mẫu điển hình của các tiên tri. Đức Chúa Trời sẽ hành động chống lại tội lỗi đúng lúc, nhưng Ngài cũng ban cho một thời điểm cho sự ăn năn và tha thứ đối với những người thay đổi tâm lòng và việc làm của họ. Mục đích cứu chuộc và phục hồi của Chúa sẽ được hoàn thành. Đức Chúa Trời sẽ có một dân sự phản ảnh đức tính của Ngài. Mục đích của sự sáng tạo (mối tương giao giữa Chúa và nhân loại) sẽ được hoàn tất trọn vẹn.

▣

NASB “Chúa phán”
NKJV, NRSV “Chúa phán”
TEV “Chúa đã phán”
NJB “Đức Giê-hô-va tuyên bố”

Phân đoạn ngữ văn này (1:3-2:16) lặp đi lặp lại chữ “nói” (BDB 55, KB 65, Qal dạng HOÀN THÀNH), cho thấy rằng những sự đoán phạt này là đến từ Đức Giê-hô-va, chứ không phải từ A-mốt.

<u>Mở đầu</u>	<u>Kết luận</u>
1:3	1:5
1:6	1:8
1:9	
1:11	
1:13	1:15
2:1	2:3
2:4	
2:6	

Một thể song đôi (BDB 610 và 217 dạng SỞ HỮU CÁCH) trong 2:11 và 2:16 (ví dụ,

3:13, 4:3; 6:8,14; 8:3,9,11). A-một tin rằng chính Đức Giê-hô-va đã phán một sứ điệp rõ ràng cho ông và ông đã truyền nó lại một cách trung thực.

A-MỘT ĐOẠN 3

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Thâm quyền trong sứ điệp của nhà tiên tri	Tội lỗi của Y-sơ-ra-ên và sự trừng phạt của Đức Chúa Trời (3:1-6-14)	Sự phán xét của Đức Chúa Trời trên Y-sơ-ra-ên (2:6-3:2)	Y-sơ-ra-ên bị cảnh báo và đe dọa (3:1-6:14)
	Đặc quyền của việc được lựa chọn tạo nên trách nhiệm lớn hơn		Sự chọn lựa và trừng phạt
3:1-8	3:1-2		3:1-2
		Công việc của tiên tri	Việc kêu gọi làm tiên tri không thể bị ngăn cản
	3:3-8	3:3-8	3:3-6 3:7-8
Sự trừng phạt tội lỗi của Y-sơ-ra-ên (3:9-4:5)		Sự sụp đổ của Sa-ma-ri	Sa-ma-ri bị diệt vong vì sự bại hoại của nó
3:9-10	3:9-11	3:9-10 3:10-11	3:9-11
3:11-15			
	3:12-15	3:12-4:3	3:12 Đập phá Bê-tên và nhà cửa xa hoa 3:13-15

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1

2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

NHỮNG KIẾN GIẢI SÁU SẮC VỀ BỐI CẢNH

- A. Dân Y-sơ-ra-ên chắc hẳn phải mạnh mẽ đồng ý lời lên án của A-mốt trong các chương 1-2, nhưng bị bất ngờ vì cáo trạng của ông tiếp tục lan rộng đến xã hội của họ, 2:6-6:14, hoặc cũng có thể 2:6-9:6.
- B. Bối cảnh văn học cho chương này là Nghi lễ Tái Lập Giao Ước trong Phục truyền Luật lệ Ký 27-29. Điều này có thể thấy rõ trong cấu trúc của 4:6-11. Chỗ này có năm lời rửa sả đến trên Y-sơ-ra-ên mỗi khi cụm từ “vậy mà các ngươi vẫn không trở lại cùng ta” được sử dụng trong 4:6, 8, 9, 10 và 11.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

BẢN NASB 3:1-8

¹ Hỡi con cái Y-sơ-ra-ên, hãy nghe lời này, là lời Đức Giê-hô-va phán nghịch cùng các ngươi, tức là nghịch cùng cả họ hàng mà ta đã đem lên khỏi đất Ê-díp-tô. ² Ta đã biết chỉ một mình các ngươi trong mọi họ hàng trên đất; vậy nên ta sẽ thăm phạt các ngươi vì mọi sự gian ác các ngươi. ³ Nếu hai người không đồng ý với nhau, thì há cùng đi chung được sao? ⁴ Nếu sư tử không bắt được mồi, thì há có gầm thét trong rừng sao? Sư tử con nếu không bắt được gì, thì há có làm vang những tiếng kêu từ nơi sâu của hang nó sao? ⁵ Con chim, nếu chẳng có bẫy gài để bắt nó, thì nó há sa vào trong lưới giăng ra trên đất sao? Bằng chẳng bắt được gì thì lưới há có dựng lên khỏi đất? ⁶ Kèn thổi trong thành thì dân sự há chẳng sợ sao? Sự tai vạ há có xảy ra cho một thành kia nếu mà Đức Giê-hô-va chẳng làm? ⁷ Cũng vậy, Chúa Giê-hô-va chẳng có làm một việc gì mà Ngài chưa tỏ sự kín nhiệm Ngài ra trước cho tôi tớ Ngài, là các Đấng tiên tri. ⁸ Khi sư tử gầm thét, thì ai mà chẳng sợ? Khi Chúa Giê-hô-va đã phán dạy, thì ai mà chẳng nói tiên tri?

3:1-15 Lưu ý cấu trúc của chương ba.

1. A-mốt đề cập đến quốc gia Y-sơ-ra-ên trong câu 1
2. Đức Giê-hô-va nói với đất nước này trong câu 2
3. A-mốt nêu lên những câu hỏi để thuyết phục rồi dẫn đến kết luận, câu 3-8
4. Đức Giê-hô-va phán, câu 9-10, 11-15

Trong quyển *A Translator's Handbook on the Book of Amos* của UBS cho rằng 3:1-2 là một câu tóm tắt kết luận chương 1-2 (trang 55). Tuy nhiên, không có bản dịch tiếng Anh hiện đại nào dùng cấu trúc này.

3:1 “Nghe” Đây là ĐỘNG TỪ *Shema* trong tiếng Hê-bơ-rơ (BDB 1033, KB 1570, dạng MỆNH LỆNH Qal (Qal IMPERATIVE)) có nghĩa là nghe để thi hành (ví dụ, Phục truyền Luật lệ Ký 5:1,

6:4, 9:1). Sự hiểu biết về Đức Chúa Trời luôn luôn gắn liền với vâng lời (xem câu 1,13; 4:1; 5:1; 8:4). Giao ước gồm có những quyền lợi và những ràng buộc.

▣ **“là lời Đức Giê-hô-va phán nghịch cùng các ngươi, tức là nghịch cùng cả họ hàng”** A-mốt đã chuẩn bị cho sự tố cáo dân Y-sơ-ra-ên này bằng cách lên án trước tiên những quốc gia lân bang có luôn cả Giu-đa.

▣

NASB “các con trai của Y-sơ-ra-ên”

NKJV “Ôi các con cái Y-sơ-ra-ên”

NRSV “Ôi dân Y-sơ-ra-ên”

TEV “cả nước”

NJB “những người Y-sơ-ra-ên”

Chủ đích của cụm từ này không được rõ ràng. Theo một nghĩa thì nó đề cập đến tất cả các chi phái của Y-sơ-ra-ên, nhưng trong một ý nghĩa khác thì nó nói đến mười chi phái phía bắc đã tách ra dưới thời của Giê-rô-bô-am I năm 922 TC. Câu 2 rõ ràng bao gồm tất cả hậu duệ của Gia-cốp.

▣ **“nghịch cùng cả họ hàng”** Lý do khiến người phương Tây hiện đại hiểu sai Cựu Ước là vì Cựu Ước chú trọng vào tính cộng đồng, tập thể, trong khi hầu hết người phương Tây chú trọng vào các quyền cá nhân. Những người cổ đại sống hoặc chết chung với nhau. Họ sống vì lợi ích chung của đoàn thể.

Thật khó để những người thời hiện đại thấu hiểu ý nghĩa tập thể, cộng đồng này. Nó liên quan đến tội lỗi và sự sai phạm của cả tập thể, nhưng lại không liên quan sự công bình của cộng đồng. Sự công bình là một việc cá nhân của đức tin, sự ăn năn, vâng lời, và thờ phượng. Sự phán xét của Chúa trên dân sự Ngài tác động đến cả người phạm tội lẫn người không vi phạm.

Nếu khái niệm này được áp dụng cho thời nay thì bắt buộc phải hiểu theo nghĩa: con người chịu trách nhiệm về mối quan hệ cá nhân của họ với Chúa nhưng cũng phải chia sẻ phần nào về tội lỗi chung của xã hội họ. Tội lỗi gồm cả sự vi phạm và sự sơ sót. Nó cũng ngụ ý có những sự đoán phạt tạm thời cho cả quốc gia được sắp đặt (xem Phục truyền Luật lệ Ký 27-29) để khiến tội nhân quay trở lại cùng Chúa.

▣ **“mà ta đã đem lên khỏi đất Ê-díp-tô”** Động từ tại đây (BDB 748, KB 828) là dạng HOÀN THÀNH Hiphil (Hiphil PERFECT). Trải nghiệm ra khỏi Ai cập là biến cố đầu tiên của dân tộc Do Thái (xem 2:10; 9:7). Đức Chúa Trời là thành tín, nhưng đáp lại điều này là sự bất trung liên tục của hậu duệ các Tổ phụ (cả Y-sơ-ra-ên và Giu-đa, tức là toàn bộ gia đình, xem Nê-hê-mi 9; Công vụ Các sứ đồ 7).

3:2 “Ta đã biết chỉ một mình các ngươi trong mọi họ hàng trên đất” Điều này nhấn mạnh vào sự lựa chọn duy nhất của Đức Chúa Trời với con cháu của Áp-ra-ham cho một chức vụ đặc biệt (xem Sáng thế Ký 12:1-3; 18:18; Xuất Ê-díp-tô Ký 19:5-6; Phục truyền Luật lệ Ký 7:6-8; 14:02; Ô-sê 2:20) gồm có sự truyền giáo cho mọi dân tộc. Nếu tất cả con người được dựng nên theo hình ảnh của Đức Chúa Trời (Sáng thế Ký 1:26-27) và nếu Sáng thế Ký 3:15 là một lời hứa cứu chuộc thì sự kêu gọi của Áp-ra-ham là một sự kêu gọi để mang tất cả con người trở lại với Chúa (xem Sáng thế Ký 12:3).

Thuật ngữ được chọn có nghĩa đen là được biết (BDB 393, KB 390, dạng HOÀN THÀNH

Qal (Qal PERFECT)) và có hàm ý về một mối liên hệ cá nhân (ví dụ, Sáng thế Ký 4:1; 29:5; Xuất Ê-díp-tô Ký 1:8; Phục truyền Luật lệ Ký 11:28, I Các vua 8:39; Thi thiên 139:4; Ô-sê 5:3). Chính sự quen biết mật thiết với Chúa và Lời Ngài (Phục truyền Luật lệ Ký 34:10) càng cho thấy tội lỗi của họ quá ghê tởm. Đức Giê-hô-va đã chọn họ để làm một kênh truyền dẫn về sự hiểu biết, ơn phước và sự cứu rỗi đến cho tất cả con cháu của A-đam. Nhưng thay vì Y-sơ-ra-ên biết tận dụng việc họ được kêu gọi đặc biệt, mối liên hệ, sự hiểu biết để tạo ảnh hưởng lên các quốc gia khác thì họ lại để các quốc gia khác ảnh hưởng mình.

▣ **“vậy nên ta sẽ thăm phạt các ngươi vì mọi sự gian ác các ngươi”** Chữ dùng để chỉ gian ác (tội lỗi) này (BDB 730) chỉ được sử dụng ở đây trong sách A-môt, nhưng nó được sử dụng thường xuyên trong Ô-sê (xem 4:8; 5:5; 7:1; 8:13; 9:7,9; 10:10; 12:8; 13:12; 14:1,2) và hai lần trong Mi-chê (xem 7:18,19). Nó có nghĩa là việc làm gian ác, phạm tội, hay là sự trừng phạt tội lỗi. Trong chương một và hai là một chữ tội lỗi khác được sử dụng (chữ sự vi phạm BDB 833), trong đó tập trung vào bản chất sa ngã của con người. Trong chương ba thì hậu quả của tội ác (hình phạt của sự gian ác) được nhấn mạnh. Ân điển là cho không, nhưng nó mang trách nhiệm lớn. Người Do Thái đã được chọn, nhưng không phải để được nuông chiều và hưởng đặc quyền đặc lợi nhưng là để làm người phục vụ và thầy tế lễ cho cả thế giới (ví dụ, Sáng thế Ký 12:03; Xuất Ê-díp-tô Ký 19:4-6; Giăng 3:16, I Giăng 2:2; 4:14). Các hậu quả của giao ước trong Phục truyền Luật lệ Ký 27-29 là điều có thật xảy đến. Sự lựa chọn của Chúa và những hậu quả từ sự lựa chọn của chúng ta đều là hai quan điểm đúng trong thần học. Để theo đúng Kinh thánh, chúng ta phải xác nhận cả hai chứ không thể chỉ chọn một.

Động từ trong câu này (BDB 823, KB 955, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal (Qal IMPERFECT)) có nghĩa là trừng phạt (xem Ô-sê 1:4, 2:15, 08:13, 9:9) hoặc thăm viếng. Có thể người Y-sơ-ra-ên trông chờ Đức Giê-hô-va sẽ đến thăm viếng họ với những ơn phước theo giao ước, nhưng ngược lại Ngài đến để trừng phạt họ vì họ tráng trợn vi phạm giao ước (xem 5:18-20). Vi phạm giao ước chỉ đem lại những lời rửa sả nặng nề (xem Phục truyền Luật lệ Ký 27-29).

Nên phải nhớ rằng gia đình có lẽ là thí dụ tốt nhất để giúp con người hiểu được Đức Chúa Trời. Tình yêu của Đức Chúa Trời giống như người cha khiến Ngài không cho phép tội lỗi hủy diệt hoàn toàn mối liên hệ của Ngài với những đứa con xa cách Ngài. Kỷ luật (tức là sự phán xét) cũng là một hành động của tình yêu và lòng nhân từ. Mục tiêu không bao giờ là sự an ổn hay là sung túc trong giai đoạn ngắn, nhưng là mối liên hệ lâu dài và thân mật.

3:3-8 Những câu này cho thấy không có điều gì vô cơ xảy ra, nhưng có một kế hoạch, một ý định với những hệ quả theo sau. Mạch văn liên kết điều này với mối liên hệ theo giao ước của Chúa với Y-sơ-ra-ên hay là lời phán của Chúa qua những tiên tri. Một loạt những câu hỏi này cho thấy có mối liên hệ nhân quả. Giao ước của Chúa đối với dân Y-sơ-ra-ên cũng như thế (xem Phục truyền Luật lệ Ký 27-29).

3:3 “đồng ý” Chữ Hê-bơ-rơ này (BDB 416, KB 419, ở dạng HOÀN THÀNH Niphal (Niphal PERFECT)) có ý nghĩa chính là một cuộc hẹn được xếp đặt trước (ví dụ, Giô-suê 11:5; Nê-hê-mi 6:10; Gióp 2:11). Có người thắc mắc trong mạch văn này hai người đại diện có phải là cho (1) Chúa và các đấng tiên tri (xem câu 7), (2) Chúa và Y-sơ-ra-ên (xem câu 2, nếu như vậy thì thuật ngữ này mang ẩn ý đối đầu, tham khảo NIDOTTE, quyển 2, trang 484); hay là (3) một câu tục ngữ phổ biến từ cuộc sống hàng ngày.

3:5 Để tham khảo một thảo luận thú vị về các loại bẫy thú nên xem quyển *Manners and Customs of the Bible* của James M. Freeman, trang 228.

3:6 “Kèn thổi trong thành” Việc này tương tự như một loại tín hiệu cảnh báo hiện nay (xem Ê-xê-chi-ên 33:2-5).

▣ **“thì dân sự há chẳng sợ sao?”** Động từ này (BDB 353, KB 350, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal (Qal IMPERFECT)) có nghĩa là run rẩy trong sợ hãi. Nó được sử dụng trong một số ngữ cảnh khác nhau.

1. Sự hiện diện của Đức Giê-hô-va (ví dụ, Xuất Ê-díp-tô Ký 9:16,18)

2. Đức Giê-hô-va đến trong sự phán xét (ví dụ, Ê-sai 10:29, 19:16, 32:11, 41:5)

3. Tin tức xấu tác động đến con người (ví dụ như, Sáng thế Ký 27:33, 42:28, I Các vua 1:49)

Trong A-môt ý nghĩa thứ 3 phù hợp nhất với bối cảnh, nhưng ý nghĩa thứ nhất và thứ hai chắc chắn cũng có trong suy nghĩ.

▣ **“Sự tai vạ há có xảy ra cho một thành kia nếu mà Đức Giê-hô-va chẳng làm?”** Đây là một ví dụ về những hậu quả trong giao ước (xem Phục truyền Luật lệ Ký 27-29) có thể thấy trong 4:6-11. Cựu Ước khẳng định sự tể trị hoàn toàn của Chúa trên tất cả mọi biến cố (nguyên nhân của mọi sự trong vũ trụ, ví dụ, II Sử ký 20:6; Truyền đạo 7:14; Ê-sai 14:24-27; 43:13; 45:7; 54:16; Giê-rê-mi 18:11; Ca thương 3:33-38). Có một bàn luận cận kề đề tài Đức Chúa Trời và tội ác trong quyển *Hard Sayings of the Bible*, trang 305-306.

3:7-8 Đây là những câu vô cùng quan trọng vì nó nhấn mạnh sự cảnh báo trước của Chúa cho con dân Ngài qua các tiên tri. Dân sự chịu trách nhiệm vì họ biết ý chỉ và lời của Chúa (xem 4:13), nhưng họ vẫn từ chối (xem 2:12; Ô-sê 11:1-4).

Khái niệm về sự tiên báo trong lời tiên tri là cách có sức thuyết phục nhất để cho con người hiện đại thấy sự độc đáo và linh cảm của Kinh Thánh. Không có cuốn sách tôn giáo nào khác trên thế giới có sự tiên báo qua lời tiên tri. Có nhiều loại lời tiên tri khác nhau, chẳng hạn như ứng nghiệm nhiều lần, theo thể loại hình thức, tận thế, nhưng ở đây tôi đang nói về lời tiên báo lịch sử trực tiếp, cụ thể như trong Mi-chê 5:2. Tiên báo trong lời tiên tri là một tặng phẩm của Chúa cho dân sự Ngài để xác quyết với họ quyền kiểm soát của Ngài trên mọi sự (quốc tế, quốc gia và cá nhân). Đây là một bằng chứng mạnh mẽ cho mẫu người hiện đại chú trọng chứng cứ trong việc tìm kiếm một Đấng để tin cậy.

Lời tiên tri cho thấy rằng Chúa đã khởi đầu cho diễn tiến của không gian và thời gian rồi Ngài cũng sẽ làm cho nó chấm dứt vào một lúc thích hợp. Đối với những người có niềm tin trong thời Cựu Ước thì sự khởi đầu và kết thúc gắn kết với nhau không thể tách rời (sự khác biệt giữa quan điểm xem dòng thời gian theo đường thẳng trái với quan điểm xem thời gian theo chu kỳ lặp lại).

3:8a Đây là lẽ thật vượt trội của toàn bộ loạt câu hỏi này. Nó đề cập đến sự khởi đầu của lời tiên tri (xem 1:2). Đức Chúa Trời tích cực can dự (can thiệp) vào các công việc của con người. Ngài đã chọn Y-sơ-ra-ên cho một mục đích (hiểu biết và cứu chuộc), nhưng họ đã phá rối mục đích của Ngài. Do đó, sự phán xét là việc làm do lòng nhân từ của Ngài với mục đích phục hồi họ lại theo chủ đích thuần khiết của giao ước (xem 9:7-15).

Câu hỏi về thần học của A-môt là ai sẽ bị đoán xét?

1. Tất cả Y-sơ-ra-ên (xem 9:8)

2. Những tội nhân trong Y-sơ-ra-ên (xem 9:10)

3. Cả Y-sơ-ra-ên và Giu-đa (xem 3:1)

Nhà của Đa-vít sẽ được khôi phục (xem 9:11), ngụ ý rằng mục đích của giao ước vẫn được duy trì.

3:8b Đây là sự thấu hiểu riêng tư của A-môt. Cụm từ nổi tiếng này mô tả mọi cảm xúc của con người khi họ được Chúa gọi để nói chuyện với Ngài. Ê-sai đã la lên, “Khốn nạn cho tôi, xong đời tôi rồi” (xem 6:5). Giê-rê-mi gọi nó như là lửa đốt trong xương của ông (xem 20:9).

BẢN NASB 3:9-10

⁹ **Hãy rao truyền ra trong các đền đài Ách-đốt và trong các đền đài của đất Ê-díp-tô, và nói rằng: Các người khá nhóm lại trên các núi của Sa-ma-ri; hãy xem nhiều sự rối loạn lớn lao ở đó, và những sự bạo ngược giữa nó.** ¹⁰ **Đức Giê-hô-va phán: Chúng nó không biết làm sự ngay thẳng; chúng nó chất chứa của hung dữ và cướp giết ở trong các đền đài mình.**

3:9 Có một loạt các MỆNH LỆNH trong câu này.

1. công bố (BDB 1033, KB 1570), dạng MỆNH LỆNH Hiphil
2. nói (BDB 55, KB 65), dạng MỆNH LỆNH Qal
3. nhóm họp (BDB 62, KB 74), dạng MỆNH LỆNH Niphal
4. thấy (BDB 906, KB 1157), dạng MỆNH LỆNH Qal

Các quốc gia ngoại giáo (Phi-li-tin, Ai Cập) được gọi đến để làm nhân chứng và phán xét tội lỗi của Y-sơ-ra-ên (tức là Sa-ma-ri thủ đô của nó). Các tội lỗi này là tỏ tường trước Chúa và con người.

▣ **“Ách-đốt”** “Ách-đốt” là chữ tìm thấy trong các bản văn Masoretic, Targums (tiếng A-ram) và Vulgate (tiếng La-tin) (xem các bản dịch NASB, NRSV, REB, NIV). Nó là một trong năm thành-bang của Phi-li-tin. Nó nói đến toàn bộ quốc gia Phi-li-tin. Các bản Bảy mươi, RSV, và NJB có thêm chữ “A-sy-ri”, vì (người dịch) các bản này cho rằng điều này tạo ra sự tương đồng lịch sử với Ai-cập (ví dụ, Ô-sê 7:11) cũng được đề cập trong câu 9.

Ách-đốt và Ai Cập được đề cập như là hai nhân chứng được Chúa gọi để làm chứng tội lỗi của Sa-ma-ri và sau đó để xác nhận lời tuyên cáo của Chúa nghịch với dân sự của Ngài (xem Phục truyền Luật lệ Ký 19:15). Chúng ta thấy điều này rõ ràng ở trong câu 13 là một sự kiện cáo theo luật giao ước.

▣ **“các núi của Sa-ma-ri”** Cụm từ số ít này được sử dụng trong 4:6 và 6:1. Địa điểm này là thủ đô của mười chi phái phía Bắc kể từ triều đại của Ôm-ri. Có thể chỗ này được dùng theo nghĩa bóng để nói đến đời sống chính trị của đất nước, trong khi Bê-tên 3:14 đề cập đến đời sống tâm linh.

Nó cũng có thể là người Phi-li-tin và Ai Cập đang được mời tụ tập trên các núi của Y-sơ-ra-ên để xem sự phán xét tội lỗi của Y-sơ-ra-ên. Y-sơ-ra-ên đã cướp bóc (nước khác) rồi tích trữ, giờ đây nó sẽ bị cướp theo cùng một cách giống như vậy (xem 2:6-8; 3:10b).

▣ **“nhiều sự rối loạn lớn lao”** Thuật ngữ này (BDB 223) được sử dụng trong Phục truyền Luật lệ Ký 7:23 để chỉ sự hỗn loạn mà Đức Giê-hô-va sẽ giáng trên các kẻ thù của dân sự Ngài (ví dụ,

Xuất Ê-díp-tô Ký 23:27). Tuy nhiên, trong những đoạn Kinh Thánh nói về sự rửa sả và phước lành (Phục truyền Luật lệ Ký 27-29) thuật ngữ này là một trong những lời rửa sả mà Đức Giê-hô-va sẽ giáng trên dân sự không vâng phục của Ngài (xem 28:20).

3:10 “Chúng nó không biết làm sự ngay thẳng” Chữ “đúng” theo nghĩa đen có nghĩa là thẳng. Đây là cách dùng nghĩa bóng của cây sậy làm thước đo trong tiếng Hê-bơ-rơ. Đây là một công cụ trong xây dựng của vùng Mê-sô-bô-ta-mi được dùng để đo các bức tường hoặc hàng rào. Nó được dùng theo nghĩa bóng để chỉ mỹ đức của Chúa. Vì vậy, tất cả các từ chỉ về tội lỗi có nghĩa sự sai lệch khỏi tiêu chuẩn này. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Công Bình trong 2:6. Thảm kịch trong phần kinh văn này là dân sự của giao ước không biết (tức là sự nhận biết gần gũi, xem Sáng thế Ký 4:1; không có mối liên hệ cá nhân) những trách nhiệm trong giao ước của Đức Chúa Trời (xem Ô-sê 4:6)!

BẢN NASB 3:11-15

¹¹ Vậy nên Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Này, kẻ nghịch sẽ đến vây bọc đất này; nó cắt mất sức mạnh người, và những đền đài người sẽ bị cướp phá. ¹² Đức Giê-hô-va phán như vậy: Như kẻ chặn chiên chỉ gỡ được hai giò hay một tai ra khỏi họng sư tử, thì những con cái Y-sơ-ra-ên, là những kẻ ngồi tại Sa-ma-ri nơi góc giường và trên thảm của Đa-mách, cũng sẽ được cứu cách như vậy. ¹³ Chúa Giê-hô-va, Đức Chúa Trời vạn quân phán rằng: Hãy nghe, và làm chứng nghịch cùng nhà Gia-cốp. ¹⁴ Đến ngày mà ta sẽ thăm phạt Y-sơ-ra-ên về tội lỗi nó, ta cũng sẽ thăm phạt các bàn thờ của Bê-tên; những sừng của bàn thờ sẽ bị chặt và rơi xuống đất. ¹⁵ Bấy giờ ta sẽ đánh nhà mùa đông và nhà mùa hạ; những nhà bằng ngà voi sẽ bị phá, và những nhà lớn sẽ bị hủy diệt, Đức Giê-hô-va phán vậy.

3:11 “Vậy nên Chúa Giê-hô-va phán như vậy” Đây là cụm từ điển hình biểu thị cho sự mặc khải (ví dụ, 3:11,12) được sử dụng thường xuyên trong chương 1 và 2. Cũng cần chú ý rằng những phân đoạn kết thúc với cụm từ “Chúa phán” (xem 3:13,15) là theo khuôn mẫu của 2:11,16.

Cụm từ “Chúa Giê-hô-va” nói đến hai chữ chỉ thần linh trong tiếng Hê-bơ-rơ: (1) Adon và (2) YHWH. Xem chủ đề đặc biệt: Tên của thần linh trong 1:2.

▣ **“Một kẻ thù”** Điểm này đề cập đến quốc gia A-sy-ri (không bao giờ được kể tên trong A-mốt, nhưng được nhắc đến nhiều lần trong Ô-sê [7:11, 8:9, 9:3, 10:6, 11:11]) đã đánh chiếm mười chi phái phía Bắc vào năm 722 TC (xem 6:7,14). Sa-ma-ri là thủ đô của Y-sơ-ra-ên thất thủ sau một thời gian dài bị bao vây (xem câu 11d).

▣ **“cắt mất sức mạnh người”** Thuật ngữ Hê-bơ-rơ này (BDB 74) có thể ám chỉ đến (1) sức mạnh thể chất hoặc (2) một pháo đài chắc chắn (các đồn lũy).

▣

NASB “các đồn lũy của người sẽ bị cướp phá”

NKJV “các cung điện của người sẽ bị cướp”

NRSV “điểm đồn lũy của người sẽ bị cướp”

TEV “cướp bóc các lâu đài của chúng”

NJB “những cung điện của người sẽ bị cướp phá”

Để biết thêm thông tin về các đôn lũy xin xem ghi chú trong 1:4.

Động từ sẽ bị cướp phá (BDB 102, KB 117, dạng HOÀN THÀNH Niphal (Niphal PERFECT)) đề cập đến chiến lợi phẩm của một kẻ thù bị đánh bại được phân phối cho các binh sĩ thắng trận. Những chiến lợi phẩm này bao gồm con người, gia súc, quần áo, đồ vật có giá trị, v. v, tất cả các tài sản của dân bị chinh phục.

Chú ý rằng ở trong câu 10 chính những người Do thái chất chứa của hung dữ và cướp giựt ở trong các đôn lũy của họ. Bây giờ các chiến lợi phẩm họ thu được cách bất chính sẽ bị cất đi khỏi họ. Họ gặt những gì họ gieo. Đây là một nguyên tắc Kinh Thánh (xem Gióp 34:11; Thi thiên 28:4; 62:12; Châm ngôn 24:12; Truyền đạo 12:14; Giê-rê-mi 17:10; 32:19; Ma-thi-ơ 16:27; 25:31-46; Rô-ma 2:6; 14:12; I Cô-rinh-tô 3:8; II Cô-rinh-tô 5:10; Ga-la-ti 6:7; II Ti-mô-thê 4:14; I Phi-e-rơ 1:17; Khải huyền 2:23, 20:12, 22:12).

3:12 câu này có thể đứng riêng một mình. Bản dịch NRSV đặt nó trong phần văn xuôi trong khi tất cả các câu xung quanh lại là thơ. Bản REB và NJB đặt nó thành một khổ thơ văn riêng biệt.

Câu châm biếm này ám chỉ đến sự tiêu diệt gần như hoàn toàn mười chi phái phía Bắc (Y-sơ-ra-ên). Cả một quốc gia chỉ có một nhóm nhỏ người bị thương được chừa lại (xem 5:15; 9:8). Mặt khác, điều này có thể là một ám chỉ đến Xuất Ê-díp-tô Ký 22:1-13. Nếu đúng như vậy, thì đây không phải để áp dụng cho sự trở về của phần dân sự còn lại, nhưng có ý nói về sự tận diệt hoàn toàn. Có đề cập đến một người chăn thì có ý muốn nói lên nghĩa thứ 1.

Đây chỉ là sự suy đoán của tôi, nhưng thật thú vị là chữ chỉ về cái chân (BDB 502) cũng được sử dụng cho các tín đồ cúi xuống thờ lạy trước một vị thần. Có thể có trường hợp hiểu theo hai nghĩa liên quan đến sự thờ hình tượng (những con bò con bằng vàng) của Y-sơ-ra-ên trong danh của Đức Giê-hô-va.

Hình thức nghĩa đôi này cũng được mở rộng thêm trong cặp từ “giựt lấy...đã giựt” (BDB 664, KB 717, chữ thứ nhất là dạng HOÀN THÀNH Niphal (Niphal PERFECT) còn chữ thứ hai là dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Hiphil (Hiphil IMPERFECT)). Thuật ngữ này thường được sử dụng theo ý nghĩa chỉ sự giải cứu (ví dụ, Mi-chê 4:10). Do đó, ẩn ý của sự cứu rỗi tại đây được dùng theo cách châm biếm để chỉ sự phán xét của Y-sơ-ra-ên. Chính những cách chơi chữ và thể song đối này làm cho sách A-mốt trở thành những vần thơ mạnh mẽ.

▣ **“trên thảm”** Đây là một cụm từ tiếng Hê-bơ-rơ rất khó dịch. Có một số giả thuyết.

1. Các văn bản Masoretic có thêm cụm từ “ở Đa-mách” dựa theo các bản LXX, Peshitta, và sau đó được tiếp tục trong các bản dịch KJV và NIV. Các phụ âm trong tiếng Hê-bơ-rơ của cụm từ “ở Đa-mách” cũng có thể được phát âm như “một phần của chân”.
2. Nó có thể ám chỉ đến một loại vải đặc biệt nhập khẩu từ Đa-mách, được các bản ASV và NASB dịch là “lụa và gối trên giường”.
3. “Một phần của giường” (xem bản dịch RSV, NRSV) cũng như cách dịch tương tự của bản NEB “một phần của chân giường” dựa theo Rashi và Kimchi là các nhà giải kinh người Do Thái thời Trung cổ.

Rõ ràng rằng điều này đề cập đến một món đồ nội thất rất quý phái (để minh họa cho sự sang trọng của Sa-ma-ri, xem bản TEV và NIDOTTE, quyển 2, trang 495, mục số 5) mà bây giờ chỉ còn là một mảnh vỡ vô dụng.

Dường như sự so sánh là nếu một phần nhỏ của con cừu được giải thoát khỏi con sư tử được dùng như là một bằng chứng hợp lý để trình lại cho chủ bầy cừu thể nào thì một phần nhỏ của Y-sơ-

ra-ên cũng sẽ còn lại như thế ấy. Sự phán xét của Chúa là một bằng chứng hợp pháp cho tính xác thực trong lời phán của Ngài (xem Phục truyền Luật lệ Ký 27-29). Lời phán của Đức Chúa Trời về sự cứu rỗi cũng như về sự bội nghịch giao ước cùng với hậu quả khốc liệt của nó đều là đáng tin cậy.

3:13 “Hãy nghe, và làm chứng nghịch cùng nhà Gia-cốp” Những động từ này (BDB 1033 và 729) đều ở dạng MỆNH LỆNH. Cụm từ này tương đương với 3:9. Đây là thuật ngữ tiêu biểu trong việc kiện tụng. Hai quốc gia ngoại đạo Phi-li-tin (Ách-đốt) và Ai Cập (câu 9) sẽ chứng kiến sự phán xét dân sự của Chúa như là hai nhân chứng đứng theo qui định (xem Phục truyền Luật lệ Ký 17:6; 19:15).

Lại có một câu hỏi ở đây: “Nhà của Gia-cốp” chỉ về ai? Liệu nó có nghĩa là (1) chỉ mười chi phái phía Bắc hay (2) tất cả các hậu duệ của Gia-cốp (Y-sơ-ra-ên và Giu-đa)?

Giống như ở trong câu 12 A-môt sử dụng một từ có nhiều nghĩa. “Làm chứng” (BDB 729, KB 795, Hiphil dạng MỆNH LỆNH (Hiphil IMPERATIVE)) có thể có nghĩa là: (theo NIDOTTE, quyển 3, trang 335-336):

1. “cảnh báo”, “xác nhận sự bảo đảm” (xem Sáng thế Ký 43:3; Xuất Ê-díp-tô Ký 21:29; I Các vua 2:42; Nê-hê-mi 13:15,21)
2. “ra lệnh”, “ngăn cấm”, liên kết với giao ước của Đức Giê-hô-va (ví dụ, Xuất Ê-díp-tô Ký 19:23; Phục truyền Luật lệ Ký 32:46)
3. ở đây nó dùng để chỉ hai người làm chứng chống lại Y-sơ-ra-ên (xem I Các vua 21:10,13; II Sử ký 24:19). Qua A-môt, Đức Giê-hô-va cáo buộc Y-sơ-ra-ên vi phạm giao ước (cả xã hội và tôn giáo).

Một lần nữa, chính cách dùng từ ngẫu hứng (bất chợt) này làm cho thơ của A-môt mạnh mẽ (đầy năng lực).

☐ **“Chúa Giê-hô-va, Đức Chúa Trời vạn quân”** Đây là nơi duy nhất trong Cựu Ước mà ba danh hiệu chính của Chúa đi chung với nhau.

1. chữ “Chúa” - từ chữ Adon
2. chữ “Đức Giê-hô-va” là danh hiệu giao ước của Chúa
3. chữ “Đức Chúa Trời” dịch từ chữ Elohim là danh hiệu thông thường chỉ về Chúa
4. chữ “vạn quân” - chỉ Đấng đứng đầu của các đạo binh trên trời hay người lãnh đạo của tòa án trên trời (xem 3:13; 5:14-16; 6:8, 14).

Xem chủ đề đặc biệt: Tên của thần linh trong 1:2.

3:14 “đến ngày” Điều này đề cập đến Ngày Phán Xét. Xem chú thích đầy đủ trong 2:16.

☐ **“các bàn thờ của Bê-tên”** Bê-tên là địa điểm thờ con bò con vàng do Giê-rô-bô-am I dựng lên ở phía nam (xem I Các vua 12:26-33). Nó cách Giê-ru-sa-lem khoảng 10 dặm về phía bắc và là một địa điểm linh thiêng từ xa xưa đối với đất nước Hê-bơ-rơ vì có liên hệ đến Gia-cốp (xem Sáng thế Ký 28:10-22).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁC HỆ THỐNG TẾ LỄ TRONG VÙNG CẬN ĐÔNG CỔ ĐẠI (Những ghi chú là một phần từ tập sách Lược khảo Cựu Ước của tôi)

I. Các luật lệ về lễ nghi ở vùng Mê-sô-bô-ta-mi

- A. Cốt yếu của việc tế lễ là một bữa ăn dâng lên cho thần linh. Bàn thờ là một cái bàn dành cho thần mà bữa ăn đã được đặt lên trên. Bên cạnh bàn thờ là lư hương dùng để thu hút sự chú ý của các vị thần. Không có ám chỉ nào trong nghi lễ liên quan đến máu. Người mang gươm cắt cổ họng của con thú. Thức ăn được chia sẻ giữa các vị

thần, vị vua cũng là chủ tế và những người tham dự. Người dâng của lễ không nhận điều gì.

- B. Không có tế lễ để đền tội.
 - C. Bệnh tật hoặc sự đau đớn là do các vị thần sự trừng phạt. Con thú được đem đến và bị giết; điều này như là một sự thế chỗ cho người dâng hiến.
 - D. Nghi lễ của dân Y-sơ-ra-ên thì khác biệt và độc nhất. Nó dường như có nguồn gốc từ việc một người dâng lại cho Chúa một phần công sức lao động làm ra thực phẩm cần thiết của mình (xem Sáng thế Ký 4:1-4; 8:20-22).
- II. Các tập tục nghi lễ trong xứ Ca-na-an (rất giống với dân Y-sơ-ra-ên)
- A. Các nguồn tài liệu
 - 1. Các chi tiết được thuật lại trong Kinh Thánh
 - 2. Văn chương của dân Phê-ni-xi
 - 3. Các bảng đất nung Ras Shamra trong tiếng Ugarit liên quan đến các vị thần và thần thoại của dân Ca-na-an từ khoảng năm 1400 TC
 - B. Các tế lễ của dân Y-sơ-ra-ên và Ca-na-an rất giống nhau. Tuy nhiên, máu của con vật hiến tế trong các tế lễ của dân Ca-na-an không được cho là quan trọng.
- III. Các tập tục nghi lễ ở Ai Cập
- A. Có việc dâng tế lễ nhưng không được chú trọng.
 - B. Tế lễ không quan trọng bằng thái độ của người dâng tế lễ.
 - C. Tế lễ được dâng lên để ngăn chặn cơn thịnh nộ của các vị thần.
 - D. Người dâng tế lễ mong được giải thoát hay tha thứ.
- IV. Hệ thống nghi thức tế lễ của dân Y-sơ-ra-ên. Những tế lễ của dân Y-sơ-ra-ên giống với cách thức của dân Ca-na-an mặc dù không hề có liên hệ gì với chúng.
- A. Các cụm từ mô tả
 - 1. Tế lễ là một biểu hiện tự phát từ nhu cầu con người đối với Chúa.
 - 2. Luật Cựu Ước lập ra quy định về sự tế lễ nhưng nó không phải khởi đầu cho việc tế lễ (xem Sáng thế Ký 7:8; 8:20).
 - 3. Tế lễ là một sự dâng hiến (gia cầm hoặc là hoa quả).
 - 4. Nó phải là một của dâng toàn vẹn hoặc là đã được chia cắt ra từng phần trên bàn thờ trong sự tôn kính Chúa.
 - 5. Bàn thờ là nơi dâng sinh tế và là biểu tượng cho sự hiện diện của Thần.
 - 6. Tế lễ là một hành động thờ phượng bày tỏ ra bên ngoài (một lời cầu nguyện được bày tỏ ra).
 - 7. Định nghĩa của sự tế lễ là sự cầu nguyện bằng hành động hoặc là sự cầu nguyện bằng nghi lễ. Ý nghĩa của nghi lễ và thành kiến văn hóa của chúng ta chống lại nghi lễ được trình bày trong sách giải kinh Dân số Ký (trong bộ giải kinh Tyndale) của Gordon J. Wenham trang 25-39. Cả Lê-vi Ký và Dân số Ký đều có số lượng lớn tư liệu thuộc loại này chứng tỏ tầm quan trọng của chúng đối với Môi-se và Y-sơ-ra-ên.
 - B. Tế lễ liên quan đến:
 - 1. Những của lễ dâng cho Chúa
 - a. Liên quan đến việc thừa nhận rằng tất cả trái đất đều là thuộc về Chúa
 - b. Tất cả những gì mà một người có đều là nhận từ Chúa

- c. Do đó, rất là phải lễ khi con người dâng của lễ cho Chúa
 - d. Nó là một của lễ dâng lên hay vật dâng hiến thuộc loại đặc biệt. Nó là một điều gì đó mà con người cần để duy trì sự tồn tại của chính mình. Nó có ý nghĩa cao hơn là việc dâng một cái gì, nó là một điều gì đó mà con người cần. Nó là dâng một phần của chính mình cho Chúa.
 - e. Bởi việc thiêu của lễ thì nó không thể đòi lại
 - f. Một của lễ thiêu trở nên vô hình và đi lên nơi ngự của Chúa
 - g. Những bàn thờ lúc ban đầu được dựng lên ở những nơi Chúa hiện ra. Các bàn thờ được coi như là một nơi thánh, do đó của lễ được đem đến đó.
2. Bày tỏ sự hiến dâng trọn đời người cho Chúa.
 - a. Của lễ thiêu là một trong ba của lễ dâng tự nguyện.
 - b. Cả con sinh được thiêu để bày tỏ với Đức Chúa Trời tấm lòng tôn kính sâu đậm của chúng ta.
 - c. Đây là một của lễ dâng rất có ý nghĩa cho Chúa.
 3. Thông công với Chúa
 - a. Khía cạnh thông công trong của lễ
 - b. Có một ví dụ tiêu biểu: của lễ cầu an là biểu tượng cho Chúa và con người ở trong sự thông công
 - c. Của lễ được dâng để đạt được hoặc là tái lập mối thông công này
 4. Sự chuộc tội
 - a. Khi con người phạm tội thì họ phải cầu xin Chúa phục hồi lại mối liên hệ (giao ước) mà con người đã làm gãy đổ.
 - b. Không có bữa ăn thông công kèm theo của lễ chuộc tội bởi vì mối quan hệ đã bị phá vỡ
 - c. Tấm quan trọng của máu:
 - (1) được đặt trên bàn thờ dùng để cho người
 - (2) được rảy chỗ tấm màn che cho thầy tế lễ
 - (3) được rảy lên nắp thi ân cho thầy tế lễ thượng phẩm và cả quốc gia (Lê vi Ký 16)
 - d. Có hai loại của lễ chuộc tội. Loại của lễ thứ hai được gọi là của lễ chuộc sự mắc lỗi và vi phạm. Trong đó người vi phạm bồi hoàn lại cho người đồng hương Y-sơ-ra-ên đồ vật hay con vật bị tổn hại hoặc bị lấy đi cùng với con sinh để dâng tế lễ.
 - e. Không có dâng tế lễ dành cho tội có chủ tâm từ trước hay cố ý, 4:1, 22, 27; 5:15-18; 22:14
- V. Cách thức tế lễ trong Lê vi Ký cho những của lễ khác nhau
- A. Lê vi Ký đoạn 1
 1. Cách thức dẫn nhập “Chúa phán với Môi-se”, 1:1-2; 4:1; 5:14; 6:1,19; 7:22, 28
 - a. Từ trong bày hoặc đàn
 - b. “Khi nào” trong câu 2, cho thấy rằng điều này không phải là bắt buộc nhưng tự nguyện
 2. Của lễ thiêu, câu 3-17 (6:8-13)
 - a. Bàn thờ
 - (1) Bàn thờ bằng đồng cũng được gọi là bàn thờ của lễ thiêu đặt tại cửa đền

- tạm, còn được gọi là bàn thờ bằng gỗ si-tim bọc bằng đồng (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 27)
- (2) Điểm này phân biệt nó với bàn thờ lu hương (bàn thờ bằng vàng) trong Nơi Thánh (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 30)
 - (3) Than từ bàn thờ bằng đồng được đem đến bàn thờ lu hương
 - (4) Bàn thờ bằng đồng được đặt chính giữa lối vào Đền Tạm
 - (5) Bàn thờ có những sừng là phần thánh nhất của bàn thờ. Máu này xúc lên cho các sừng (xem Xuất Ê-díp-tô 30:10).
 - (6) Những cái sừng có thể là cho:
 - (a) Biểu tượng cho bàn tay dâng lên của lễ
 - (b) Biểu tượng của sức mạnh hay quyền lực vượt trội (Phục truyền Luật lệ Ký 33:17; II Sa-me-ên 22:3)
 - (c) Về sau, bất cứ ai nắm lấy các sừng của bàn thờ được an toàn cho đến khi trường hợp của họ được quyết định bởi tòa án (I Các vua 1:50-51; 2:28)
- b. Cửa lễ
- (1) Một con bò không tì vết được đề cập trước tiên bởi vì tầm quan trọng và giá trị của nó, câu 3
 - (2) Dê hoặc cừ đực, câu 10
 - (3) Chim cu đất hoặc là bồ câu non, câu 14 (điều khoản dành cho người nghèo)
- c. Nơi dâng của lễ thiêu là tại cửa Hội Mạc
- d. Đặt tay lên - chỉ cho bò, chứ không cho dê, cừu hay chim, câu 4
- (1) Chính người dâng thực hiện (chứ không phải thầy tế lễ)
 - (2) Nhiều người cho rằng đó là một hành động tượng trưng của việc chuyển giao tội lỗi
 - (3) Một số tin rằng nó có nghĩa là:
 - (a) Con sinh này là thuộc về một người riêng biệt (người dâng tế lễ)
 - (b) Sự tế lễ được tiến hành với tên của người dâng
 - (c) Kết quả của sự tế lễ này dành cho người đặt tay trên con sinh
- e. Giết và mổ con sinh
- (1) Con bò – được dâng “trước mặt Chúa” do người dâng. Người dâng tế lễ phải giết, lột da, và xẻ thịt con sinh. Vai trò của thầy tế lễ (trừ trường hợp của tế lễ chung của dân sự) chỉ bắt đầu khi người dâng tế lễ đem con sinh đến bàn thờ.
 - (2) Cừu hoặc dê, câu 11 - “ở về phía bắc của bàn thờ trước mặt Chúa.” Điều này được ấn định để dành riêng cho những con thú nhỏ hơn.
 - (3) Chim - thầy tế lễ giết và dâng của tế lễ này. Người dâng hiến phải rút bỏ bầu điều của con chim.
- f. Cách xử lý máu
- (1) Các con sinh
 - (a) Thầy tế lễ đổ máu lên bàn thờ, và vẩy máu quanh bàn thờ.
 - (b) Sự sống của các con sinh là ở trong máu (xem Sáng thế Ký 9:4; Lê vi Ký 17:11). Sự sống đã thuộc về Chúa, do đó máu không được hiến

diện trong bất cứ phần của lễ nào của con người.

(c) Máu của con chim được đổ bên cạnh bàn thờ không thiêu trong lửa.

g. Xử lý xác con sinh

(1) Bò, câu 6

(a) Người dâng của lễ lột da con sinh. Thầy tế lễ có thể giữ lại bộ da (xem 7:8)

(b) Người dâng của lễ xẻ thịt thành từng miếng

(c) Thầy tế lễ đặt của lễ trên bàn thờ sắp xếp như khi nó còn sống

(d) Các chân và bộ lòng được rửa với nước trong chậu rửa.

(e) Thầy tế lễ thiêu của con sinh trên bàn thờ

3. Những dịp tiện dâng Của Lễ Thiêu

a. Lễ Đền Tạm, Lễ Lều Trại

b. Lễ Chuộc Tội

c. Lễ Các Tuần, Lễ Hoa Quả Đầu Mùa, Lễ Ngũ Tuần

d. Lễ Thối Kèn

e. Lễ Dâng Bó Lúa (Lê vi Ký 23)

f. Lễ Bánh Không Men, Lễ Vượt Qua

g. Ngày đầu mỗi tháng, mùa trăng mới

h. Ngày Sa-bát

4. Ý nghĩa từ của lễ thiêu

a. Một món quà dâng lên Chúa

b. Được xem là loại của lễ có giá trị nhất

c. Nó có vẻ như để giải quyết khái niệm tội lỗi thông thường hoặc là sự tạ ơn

d. Là cách diễn tả hoàn hảo nhất về ý niệm tế lễ

e. Tượng trưng cho sự dâng hiến đời sống của một người

f. Bày tỏ cho sự dâng hiến hoàn toàn đời sống của một cá nhân cho sự phục vụ Đức Chúa Trời

g. Thứ tự giá trị của lễ dâng

(1) bò

(2) cừu - dê

(3) các loài chim

h. Điều này cho thấy bất cứ ai có ý thức về nhu cầu tâm linh đều có thể đến với Chúa. Chúa có cung ứng cho tất cả mọi người.

5. Hướng dẫn đặc biệt cho thầy tế lễ, 6:8-12

a. Của lễ thiêu giữ trọn đêm trên đồng lửa nơi bàn thờ

b. Lửa được giữ cháy liên tục bên dưới của lễ thiêu

c. Những hướng dẫn liên quan đến trang phục của thầy tế lễ

d. Những hướng dẫn liên quan đến việc đồ tro

B. Lê vi Ký 2:1-16 (6:14-23)

1. Giới thiệu

a. Chương này liên hệ đến của lễ chay

b. Của lễ chay đến từ nghĩa gốc là quà tặng. Nó trở thành một thuật ngữ cho của lễ là thực vật chứ không phải động vật.

- c. Cửa lễ chay có sau thời kỳ lưu đày như là một cửa lễ bổ sung cho cửa lễ thiêu và cửa lễ cầu an. Các thầy Ra-bi nói rằng những người rất nghèo có thể chỉ dâng cửa lễ này mà thôi.
 - d. Giao ước bằng muối cũng được đề cập trong Dân số Ký 18:19 và II Sứ ký 13:5. Muối là đối nghịch lại với men. Nó được sử dụng như là một biểu tượng cho giao ước của Chúa bởi vì nó đã không hư hoại và tồn tại lâu dài.
2. Cửa lễ chay liên hệ với việc dâng công sức lao động của một người lên cho Chúa.
- a. Nó là một cửa lễ dâng lên Chúa từ thức ăn hàng ngày của dân sự.
 - b. Nó thường là cửa lễ bổ sung đi với cửa lễ thiêu và cửa lễ cầu an (đặc biệt là trong thời kỳ sau lưu đày).
 - c. Đồ vật dâng tế lễ là phần ban cho của Đức Chúa Trời dành cho thầy tế lễ. Chỉ một phần nhỏ được thiêu như là sự kỷ niệm.
 - d. Chữ “kỷ niệm” chỉ về phần được dâng lên, hoặc là chỉ về cả con sinh được dâng lên cho Chúa.
 - e. Khái niệm Tiệc Thánh trong Tân Ước như là một sự kỷ niệm điển đạt ý niệm này của Cựu Ước.
 - f. Sự khác biệt giữa các chữ “thánh” và “chí thánh” là:
 - (1) Cửa lễ thánh - Thầy tế lễ và gia đình có thể ăn cửa lễ này trong bất cứ nơi nào sạch
 - (2) Cửa lễ chí thánh - Chỉ dành cho các thầy tế lễ ăn trong Hội Mạc
3. Các loại cửa lễ
- a. Bột chưa nướng (đối với người giàu), 2:1-3
 - b. Những ổ hoặc là lát bánh nướng, 2:4-11
 - c. Hạt bắp hoặc lúa mì còn xanh (cho người nghèo), 2:12-16
 - (1) Bột chưa nướng là cửa lễ quý trọng nhất. Nó là thứ bột lúa mì tốt nhất.
 - (2) Bánh nướng
 - (a) Dầu là một nguyên liệu
 - (b) Được nướng trong lò, câu 4.
 - (c) Trên vỉ nướng bằng sắt, câu 5.
 - (d) Trong một bếp nung bằng sành, câu 7.
 - (3) Những hạt bắp hoặc lúa mì còn xanh
 - (a) Cần phải rang
 - (b) Nghiền thành hạt thô.
 - (c) Bày biện như một bữa ăn tiếp đãi khách.
4. Các nguyên liệu
- a. Bột mịn tương ứng với một con sinh không tì vết
 - b. Dầu là một biểu tượng của sự thịnh vượng và do đó là một biểu tượng cho sự hiện diện của Chúa
 - (1) Được sử dụng cho thực phẩm, cửa lễ, thuốc, và xức dầu
 - (2) Có thể việc sử dụng dầu để thay thế cho việc dâng hiến dầu
 - c. Nhũ hương từ Ấn Độ hoặc xứ Ả-rập
 - (1) Được xem như một đồ vật tinh khiết có mùi rất thơm
 - (2) Tượng trưng cho lời cầu nguyện và ngợi khen

- d. Muối
 - (1) Ban cho sự sống cũng như bảo tồn sự sống
 - (2) Có thể có ý nghĩa về thông công trong bữa ăn hơn là việc bảo tồn
- e. Các nguyên liệu bị cấm
 - (1) Men bị loại bỏ, câu 11
 - (a) Có thể do việc lên men
 - (b) Men liên hệ với sự hư hoại
 - (c) Có thể được dâng với hoa quả đầu mùa cho thầy tế lễ
 - (2) Mật ong bị loại bỏ
 - (a) Mật ngọt là từ trái cây chứ không phải từ loài ong
 - (b) Có thể vì nó được sử dụng trong các nghi lễ của dân Ca-na-an
- 5. Nghi thức dâng hiến
 - a. Cửa lễ được đem đến cho thầy tế lễ. Thầy tế lễ sẽ thi hành toàn bộ nghi lễ (2:2, 9, 16).
 - b. Một phần của lễ sẽ được thầy tế lễ ăn trong đền thờ. Nó là của lễ chí thánh.
- 6. Ý nghĩa quan trọng
 - a. Dâng tặng phải từ người thấp hèn lên Đấng cao trọng.
 - b. Thiêu một phần của lễ bày tỏ sự dâng hiến một phần công sức của một người lên cho Chúa
 - c. Ý nghĩa bề ngoài
 - (1) Cửa lễ thiêu - Sự dâng hiến cả đời sống của một người
 - (2) Cửa lễ làm thức ăn - Sự hiến tặng công khó lao động hằng ngày của một người
- 7. Hướng dẫn đặc biệt về của lễ chay, 6:14-23
 - a. Dâng lên trước bàn thờ
 - b. Bởi công khó lao động dâng của lễ lên cho Chúa, nhưng trong thực tế thì nó chu cấp cho thầy tế lễ
- C. Lê vi Ký 3:1-17 (7:13-34), Cửa lễ Cầu (Bình) An
 - 1. Giới thiệu
 - a. Tại sao?
 - (1) Cửa lễ thông công
 - (2) Tế lễ theo giao ước
 - (3) Cửa lễ chung
 - (4) Cửa tế lễ cho lúc kết thúc
 - b. Nó thể hiện lòng biết ơn Chúa vì sự thông công với Chúa, gia đình và bạn bè.
 - c. Đó là thường là việc làm cuối cùng trong một loạt các sự dâng hiến mà trong đó hòa giải đã được tái lập.
 - d. Cửa lễ thiêu bày tỏ cái giá của việc vâng phục, trong khi đó của lễ cầu an bày tỏ niềm vui và hạnh phúc trong mối tương giao với Chúa.
 - e. Cửa lễ có thể là con đực hoặc con cái, nhưng đều phải không có tí vết
 - f. Sự đa dạng của sinh tế
 - (1) Từ bầy đàn gia súc; con đực hoặc cái
 - (2) Sự phân biệt giữa cừu và dê là vì có mỡ ở phần đuôi của con cừu

- (a) Bầy cừu - đực hoặc cái
 - (b) Bầy dê - đực hoặc cái
2. Nghi thức
- a. Trình của lễ
 - (1) Đặt tay trên của lễ
 - (2) Giết nó tại cửa Hội Mạc
 - (3) Cửa lễ là một loại y như là của lễ thiêu
 - (4) Vẩy máu xung quanh bàn thờ
 - (5) Thiêu những phần được chọn trên bàn thờ cho Chúa
 - (a) Mỡ (mỡ ở đuôi cừu) tượng trưng cho sự sung túc, thịnh vượng
 - (b) Thận, thùy của gan biểu tượng cho nơi của ý chí và cảm xúc
 - (c) Các phần mỡ được đặt trên của lễ thiêu của người dâng hoặc là trên con chiên dâng của lễ thiêu vào buổi sáng
 - b. Cửa lễ Tạ Ôn bao gồm (7:11-14)
 - (1) Bánh nướng không men trộn với dầu
 - (2) Bánh tráng không men thoa dầu
 - (3) Bột mịn trộn với dầu
3. Phần của thầy tế lễ, 7:28-34
- a. Ước thuộc về thầy tế lễ như là một của lễ được đưa qua đưa lại
 - b. Việc đưa qua đưa lại liên quan đến việc đặt của lễ trên tay người dâng rồi trên tay thầy tế lễ. Nó bày tỏ của lễ được người dâng dâng lên cho Chúa, và sau đó thầy tế lễ tiếp nhận lại.
 - c. Đùi phải thuộc về thầy tế lễ cử hành nghi thức hiến tế
 - d. Của lễ dâng lên được dâng lên cho Chúa và thầy tế lễ tiếp nhận lại.
4. Phần của người dâng, 7:15-18
- a. Một của lễ Tạ Ôn phải được ăn trong ngày dâng hiến, câu 15
 - b. Một việc hứa nguyện (votive) hoặc của lễ tình nguyện phải được ăn trong ngày hoặc là ngày hôm sau, câu 16
 - c. Đây là phần duy nhất không dâng cho Chúa hay là dâng lên Chúa rồi trao lại cho thầy tế lễ
 - d. Hiểu theo cách biểu tượng là Chúa ăn chung của lễ này với người dâng, gia đình và bạn hữu của người dâng
 - e. Cửa lễ này nhấn mạnh vào mối quan hệ tương giao đã được phục hồi
- D. Lê vi Ký 4:1-5:13 CỬA LỄ CHUỘC TỘI (6:24-30)
1. Giới thiệu
- a. Đây là của lễ đầu tiên mà trong đó sự chuộc tội là yếu tố chính.
 - b. Cửa lễ này tái lập lại giao ước giữa con người với Đức Chúa Trời. Nó phục hồi lại sự tương giao.
 - c. Cửa lễ này bao gồm:
 - (1) Những tội không biết
 - (2) Những tội phạm vô tình
 - (3) Những tội loại đam mê
 - (4) Những tội vì sơ ý

(5) Nó không chuộc những tội phạm cách cố ý trong thái độ kiêu căng chống nghịch lại với Chúa. Không có của lễ cho tội phạm cách cố ý đã tính toán trước, (xem Dân số Ký 15:27-31).

2. Ý nghĩa

- a. Của lễ này đền bù lại (chuộc lại) cho việc phạm tội và sự trừng phạt tội lỗi.
- b. Điều này liên quan đến ân điển từ Đức Chúa Trời và đức tin từ phía con người.
- c. Không có của lễ nào đạt được một điều gì đó mà chỉ bằng nghi thức tế lễ. Phải do đức tin của người dâng tế lễ ở phía sau hành động dâng tế lễ.
- d. Tuy nhiên, của lễ có ý nghĩa nhiều hơn chỉ là sự biểu lộ của người dâng hiến. Nó còn làm điều gì đó cho người dâng. Nó tái lập mối quan hệ với Chúa.
- e. Nghi lễ là một phương tiện đền bù được Đức Chúa Trời ban cho, chứ không phải là một sự thay thế cho đức tin cá nhân.
- f. Đức Chúa Trời ghét bất kỳ hành động tôn giáo nào mà không có đức tin đi kèm theo Ê-sai 1:10-20; A-mốt 5:21-24; Mi-chê 6:6-8.

3. Nghi lễ

- a. Đối với thầy tế lễ cả, câu 3-12
 - (1) Thầy tế lễ cả - Thầy tế lễ được xúc dầu
 - (a) Phạm tội khi dẫn dắt dân sự sai trật
 - (b) Phạm tội trong bản tính cá nhân
 - (c) Thầy tế lễ cả được xem là đại diện tâm linh cho cả cộng đồng. Nếu ông phạm tội thì tất cả cùng phạm tội chung với ông. Đây là cách hiểu hữu hình (cụ thể) của người Do Thái (xem Giô-suê 7; Rô-ma 5:12ff).
 - (2) Nghi thức tiến hành
 - (a) Thầy tế lễ cả dẫn một con bò tơ không tì vết đến bàn thờ
 - (b) Ông đặt tay trên đầu nó
 - (c) Thầy tế lễ cả giết con bò
 - (d) Thầy tế lễ cả vẩy máu trước màn che 7 lần
 - i. Việc làm này thanh tẩy Đền Tạm
 - ii. Tượng trưng cho việc mở đường đến với Chúa
 - iii. Máu được thoa lên sừng của bàn thờ dâng hương
 - iv. Máu còn lại được đổ ra tại chân của bàn thờ của lễ thiêu
 - (e) Ông đặt tất cả mỡ trên bàn thờ để thiêu
 - (f) Tất cả phần còn lại của con sinh sẽ được đem ra ngoài trại quân đến một nơi tinh sạch (câu 12), là chỗ để đổ tro bàn thờ. Tại đó phần còn lại của con sinh bị thiêu.
- b. Đối với quốc gia, câu 13-21
 - (1) Họ đã phạm tội khi mạng lệnh của pháp luật không được đáp ứng, câu 13-21.
 - (2) Nghi thức tiến hành
 - (a) Các trưởng lão dẫn đến bàn thờ một con bò tơ không tì vết.
 - (b) Các trưởng lão đặt tay trên đầu con bò
 - (c) Các trưởng lão giết con bò

- (d) Thầy tế lễ cả vẩy máu trước màn che 7 lần
 - i. Việc làm này thanh tẩy Đền Tạm
 - ii. Tượng trưng cho việc mở đường đến với Chúa
 - iii. Máu được thoa lên sừng của bàn thờ dâng hương
 - iv. Phần còn lại được đổ ra tại chân của bàn thờ của lễ thiêu
- (e) Tất cả được dâng trên bàn thờ
- (f) Tất cả phần còn lại của con sinh sẽ được đem ra ngoài trại quân đến một nơi tinh sạch (câu 12), là chỗ để đổ tro bàn thờ. Tại đó đó phần còn lại của con sinh bị thiêu.
- c. Đối với người lãnh đạo, câu 22-26
 - (1) Người lãnh đạo (cai trị) câu 22-26
 - (a) Quan trưởng của chi phái
 - (b) Người chịu trách nhiệm trong cộng đồng
 - (c) Trưởng lão
 - (2) Nghi thức tiến hành
 - (a) Người lãnh đạo dẫn đến một con dê đực (già, lông bờm xồm) đến bàn thờ.
 - (b) Người lãnh đạo đặt tay trên đầu nó
 - (c) Người lãnh đạo giết con dê
 - (d) Thầy tế lễ cả bôi máu lên các sừng của bàn thờ của lễ thiêu. Phần máu còn lại đổ tại chân của bàn thờ.
 - (e) Tất cả mỡ thiêu trên bàn thờ.
 - (f) Các thầy tế lễ ăn phần thịt còn lại.
- d. Đối với cá nhân, câu 27-35
 - (1) Đối với cá nhân: Khi một người biết mình đã phạm tội thì người đó dâng của lễ này
 - (2) Nghi thức tiến hành
 - (a) Cá nhân dẫn đến một con dê cái hoặc một con chiên cái.
 - (b) Người đó đặt tay trên đầu nó.
 - (c) Người đó giết con sinh.
 - (d) Thầy tế lễ bôi máu lên sừng của bàn thờ. Máu còn lại đổ ra tại chân của bàn thờ.
 - (e) Tất cả mỡ đặt trên bàn thờ và thiêu.
 - (f) Các thầy tế lễ ăn phần thịt còn lại.
- e. Những trường hợp đặc biệt liên quan đến của lễ chuộc tội, 5:1-13 (Những trường hợp này dường như liên hệ với tội cố ý phạm đối với người dự phần trong giao ước)
 - (1) Nếu một nhân chứng không trình diện và làm chứng (không cung cấp thông tin), 5:1
 - (2) Chạm đến động vật ô uế, 5:2
 - (3) Chạm đến người ô uế, 5:3
 - (4) Phát biểu thiếu suy nghĩ với lời thề, 5:4
 - (5) Của lễ cho những tội trên:

- (a) Dê cái hay cừu cái
 - (b) Hai con chim bồ câu
 - (c) 1/10 ê-pha bột mịn
- f. Nghi thức của lễ chuộc tội, 6:24-30
- (1) Thầy tế lễ có thể ăn những phần còn lại.
 - (2) Nếu có máu dính trên quần áo thì phải giặt quần áo.
 - (3) Nếu máu dính trên đồ sành thì phải đập vỡ món đồ đó.
 - (4) Nếu máu dính trên đồ bằng đồng thì phải rửa.
 - (5) Nếu máu của lễ thiêu đã được đem vào Đền thánh thì thịt phải thiêu và thầy tế lễ không được ăn.
- g. Tầm quan trọng của tế lễ chuộc tội
- (1) Không có việc dâng của lễ cho tội lỗi có suy tính từ trước (chủ tâm) mà chỉ dành cho tội phạm vô ý hoặc không biết, 5:15, 18.
 - (2) Sự tha thứ liên quan đến:
 - (a) Bên phía của con người là đức tin
 - (b) Đức Chúa Trời là lòng nhân từ.
- E. Lê vi Ký 5:14-19 CỦA LỄ CHUỘC SỰ MẮC LỖI HAY VI PHẠM ĐIỀU RĂN.
1. Giới thiệu
- a. Trong khi của lễ chuộc tội giải quyết về tội đã phạm, thì của lễ chuộc sự mắc lỗi phải giải quyết sự thiệt hại đã gây ra cho người có tham dự vào giao ước cùng với mức đền bù có thể được.
 - b. Của lễ chuộc tội và của lễ vi phạm điều răn rất giống nhau.
 - c. Những quyền lợi của cá nhân được bày tỏ trong Mười Điều Răn (Xuất Ê-díp-tô Ký 20; Phục truyền luật lệ Ký 5).
 - (1) Gia đình
 - (2) Gia tăng của cải
 - (3) Đời sống
 - d. Của lễ này nhấn mạnh đến thiệt hại đã gây ra cho người anh em mình khi mình phạm tội cùng với sự bồi thường đúng theo giá trị thiệt hại và cộng thêm 1/5 của giá trị thiệt hại.
2. Những tội lỗi cần phải có của lễ
- a. Chống nghịch Chúa hay là những điều thuộc về Ngài
 - (1) Hoa quả đầu mùa
 - (2) Con đầu lòng, 14-16
 - (3) Phần mười
 - (4) Của lễ dâng không đúng cách
 - (5) Những của lễ kém giá trị
 - b. “Nếu có một người nào phạm tội và làm một trong các điều mà Đức Giê-hô-va ra lệnh không được phép làm, mặc dù không tự biết thì người đó vẫn mắc lỗi và mang lấy tội mình”
- F. Các của lễ thời cổ đại được dâng để:
- 1. Làm nguôi cơn giận của thần
 - 2. Nuôi (dâng thức ăn cho) vị thần

3. Liên lạc với một vị thần
4. Ca ngợi một vị thần
5. Nuôi dưỡng ý thức về sự tha thứ hoặc hoà giải

▣ **“những sừng của bàn thờ sẽ bị chặt”** Chi tiết này ám chỉ đến phần nhô ra ở các góc của bàn thờ. Những sừng có thể giải bày theo ý: (1) các sừng của súc vật như là một biểu tượng cho quyền lực (ví dụ, Giê-rê-mi 48:25; Đa-ni-nê 8:7; Xa-cha-ri 1:18-20) hoặc (2) một cách tượng trưng cho của tế lễ được dâng lên Chúa. Một phần máu của con sinh được bôi trên những sừng này (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 29:12; Lê-vi Ký 8:15). Nghi thức tế lễ này cho thấy tội lỗi phải trả giá bằng mạng sống. Máu tượng trưng cho sự sống (xem Lê-vi Ký 17:11,14). Vì vậy các sừng là phần thánh nhất của bàn thờ tế lễ. Do đó cụm từ này có thể có nghĩa là (1) của lễ của họ không hiệu nghiệm hoặc (2) bởi vì những sừng này còn có chức năng như là nơi trú ẩn (ám chỉ đến Xuất Ê-díp-tô Ký 21:14; và cụ thể là trong I Các vua 1:50; 2:28) nên hiện giờ không còn có chỗ an toàn nữa.

3:15 “nhà mùa đông...nhà mùa hạ; những nhà bằng ngà voi...những nhà lớn” Những cụm từ này đề cập đến (1) những nơi trú ngụ của những kẻ giàu đam mê lạc thú (ví dụ, hai cung điện của A-háp, xem I Các vua 21:1,18; bản NJB dịch là nhiều biệt thự) hoặc (2) những ngôi nhà hai tầng, tầng dưới được sử dụng trong mùa đông và tầng trên cho mùa hè (bản TEC dịch là mỗi ngôi nhà lớn). Nhiều hình chạm khắc trên ngà voi này (các họa tiết, xem I Các vua 10:18, 22:39) là các vị thần của người A-si-ry hay là của người Ai Cập. Y-sơ-ra-ên đã tự đánh mất chính mình trong sự tôn thờ (1) chủ nghĩa vật chất (2) và hình tượng.

▣ **“những nhà lớn sẽ bị hủy diệt”** Bản Bảy mươi dịch “và nhiều nhà khác cũng vậy”. Chữ Hê-bơ-rơ (BDB 912 I) có thể có nghĩa là (1) lớn hoặc (2) nhiều. Cụm từ này có vẻ là một câu tổng kết chứ không có ý chỉ một loại nhà ở nào khác.

▣ **“Đức Giê-hô-va phán vậy”** Xem ghi chú trong câu 11. Trong suốt phần này của A-mốt thăm quyền thiêng liêng của sứ điệp đã được chứng nhận bằng cụm từ này hoặc là các cụm từ tương tự (xem 3:1,5,6,8,9,10,11,12,13,15; 2:1,3,4,6,16; 4:3,5,6,8,10,11; 5:17).

A-MỘT ĐOẠN 4

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự trừng phạt tội lỗi của Y-sơ-ra-ên (3:9-4:5)	Tội lỗi của Y-sơ-ra-ên và sự trừng phạt của Đức Chúa Trời (3:1-6:14)	Sự sụp đổ của Sa-ma-ri (3:9-4:3)	Y-sơ-ra-ên bị cảnh cáo và đe dọa (3:1-6:14)
	Sự xa xỉ thái quá và lòng mộ đạo vô ích của Y-sơ-ra-ên	3:12-4:3	Chống nghịch lại những người phụ nữ tại Sa-ma-ri
4:1-3	4:1-3		4:1-3
		Y-sơ-ra-ên thất bại trong việc học biết	Sự tự lừa dối, ngoan cố và trừng phạt của Y-sơ-ra-ên
4:4-5	4:4-5	4:4-5	4:4-5
Y-sơ-ra-ên không chấp nhận sự sửa phạt			
4:6-11	4:6	4:6-8	4:6
	4:7-8		4:7-8
	4:9	4:9	4:9
	4:10	4:10	4:10
	4:11	4:11-12	4:11
4:12-13	4:12		4:12
			Lời chúc tụng
		4:13	4:13

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3

4. Vân vân...

BẢN NASB 4:1-13

¹ Hỡi những bò cái của Ba-san hãy nghe, bay ở trên núi của Sa-ma-ri; hiệp đáp kẻ nghèo nàn, hành hạ kẻ thiếu thốn, nói cùng chúa chúng nó rằng: Hãy đem đến, chúng ta cùng uống! ² Chúa Giê-hô-va đã dùng sự thánh khiết Ngài mà thề rằng: Nay, những ngày sẽ đến trên các ngươi, người ta sẽ dùng móc bắt lấy các ngươi, dân sót lại của các ngươi sẽ bị bắt lấy bởi những lưỡi câu. ³ Các ngươi sẽ đi ra bởi những nơi sút mẻ, mỗi người đi thẳng trước mặt mình, và các ngươi sẽ ném mình vào Ha-môn, Đức Giê-hô-va phán vậy.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

4:1-13 Lưu ý cấu trúc của chương này.

1. A-môt đề cập đến những người phụ nữ giàu có của Y-sơ-ra-ên (tất cả các thành phần bóc lột trong xã hội Y-sơ-ra-ên), câu 1-3
2. Sự trả lời cách châm biếm của Đức Giê-hô-va về lòng mộ đạo của họ, câu 4-5
3. Đức Giê-hô-va đem đến sự rửa sạch theo giao ước trong Phục truyền Luật lệ Ký 27-29, nhưng họ vẫn không hối cải câu 6-11
4. Lời đe dọa về việc thăm phạt riêng của Đức Giê-hô-va, câu 12
5. Lời của A-môt ca ngợi Đức Chúa Trời là Đấng Tạo hóa, vì vậy Ngài xứng đáng là Đấng phán xét, câu 13

Tóm lược ngắn gọn này cho thấy cái khó khăn khi phải phân tích sứ điệp ở dạng thơ ca của một vị tiên tri. Rất khó để nói khi nào vị tiên tri phát biểu lời bình luận của ông và khi nào thì ông trích dẫn sứ điệp mà Đức Giê-hô-va truyền phán. Sự mặc khải ảnh hưởng mạnh mẽ đến nỗi khiến những lời của vị tiên tri hòa trộn vào những lời trực tiếp từ Đức Giê-hô-va. Tóm lược sứ điệp không quan trọng bằng cứ để nguyên cả sứ điệp tác động lên tâm trí (ý thức) của người đọc.

4:1 “hãy nghe” Động từ này (BDB 1033, KB 1570) là dạng MỆNH LỆNH Qal (xem ghi chú trong 3:1). ĐỘNG TỪ cũng được dụng trong 5:1). Cách thức lời tiên tri này được thấy nhiều lần trong A-môt (ví dụ, 3:1, 4:1; 5:1). Đây là sứ điệp của Chúa cho dân sự của Ngài. Vi phạm giao ước dẫn đến sự phán xét theo cách trong giao ước(xem Phục truyền luật lệ Ký 27-29).

▣ **“những bò cái của Ba-san”** Đây là sự diễn tả theo cách dân dã của A-môt để chỉ các quý bà sang trọng là những người lợi dụng người nghèo để họ có được sự xa hoa. Ba-san là một khu vực phía tây bắc của biển Ga-li-lê, khoảng từ các ngọn núi Hết-môn đến sông Gia-mút. Nó được nổi tiếng nhờ có các gia súc béo tốt (được ví sánh với các bà vợ của những người giàu có). Điều này có thể không phải là một nhận định tiêu cực, nhưng là một cách ví dụ để chỉ những gia súc được chăm nom, chiều chuộng, cho ăn dư thừa. Được nuông chiều quá mức lại càng muốn lấy cho được tiền thu nhập của người nghèo (BDB 195). Mặt khác, nó có thể ám chỉ đến những gia súc được vỗ béo, sẵn sàng để làm thịt. A-môt dùng nhiều hình ảnh miền thôn quê làm ví dụ từ kinh nghiệm cá nhân của mình đã từng là một người chăn cừu.

Ngoài ra còn có thể có một ý khác: những điều này liên quan đến những gái hành dâm trong

lúc thờ phượng của ngoại giáo

1. Không được gọi là vợ
2. Được cho biết là ở trên núi Sa-ma-ri (có thể ám chỉ đến bàn thờ được lập tại Bê-tên)
3. Họ không gọi những người đàn ông của mình là chồng, nhưng là chủ (câu 1c)
4. Những con bò được coi là vị thần sinh sản và sức mạnh ở Ai Cập và trong Y-sơ-ra-ên ở giai đoạn đầu (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 32). Chúng cũng trở thành biểu tượng cho Ba-anh (những con bê vàng của Giê-rô-bô-am I tại Đan và Bê-tên).
5. Các hành vi thờ phượng có tính dục của ngoại giáo có thể được ám chỉ trong 2:7-8. Bởi sự thánh khiết của Đức Chúa Trời mà Ngài thề, nên có thể ám chỉ đến 2:7d.

▣ **“ở trên núi của Sa-ma-ri”** Điem này đề cập đến kinh thành của Y-sơ-ra-ên được xây dựng vững chắc, mà Ôm-ri đã xây trên một chóp núi bằng phẳng. Nó có những vách đá dựng đứng và chỉ có một lối vào.

▣ **“hiếp đáp kẻ nghèo nàn, hành hạ kẻ thiếu thốn”** Hai ĐỘNG TÍNH TỪ Qal (Qal PARTICIPLES) (BDB 798, KB 897 và BDB 954, KB 1285) này cùng đi song song và mô tả các hành động của người phụ nữ giàu có. Đức Giê-hô-va hoàn toàn khác biệt (so với các văn bản luật lệ cổ đại ở vùng Cận Đông) vì quan tâm đến hoàn cảnh khó khăn của những người này (đặc biệt là trong sách Phục truyền Luật lệ Ký, những đứa trẻ mồ côi và các bà góa...những người khách kiều ngụ, xem 10:18, 14:29, 16:11 ; 24:14,17,19; 26:12,13; 27:19). Nên điều này cũng là một sự ám chỉ về Giao ước Môi-se. Các tiên tri đã không tạo ra hoặc giới thiệu một hệ thống đạo đức mới, nhưng nhấn mạnh lại các đòi hỏi của giao ước Môi-se (xem Giê-rê-mi 7:6) với các phước lành và sự rửa sả (tức là, Phục truyền Luật lệ Ký 27-29)!

▣ **“nói cùng chúa chúng nó rằng”** Đây không phải là chữ thông thường để chỉ người chồng. Nó là một dạng từ cổ hiếm gặp có nghĩa là “chủ” (BDB 10), ở đây được sử dụng trong ý nghĩa là “chồng” (ví dụ, Sáng thế Ký 18:12; Các quan xét 19:26-27). Chỗ này được diễn tả theo ý mỉa mai, các ông “chủ” đang bị ra lệnh.

▣ **“Hãy đem đến, chúng ta cùng uống”** Cụm từ này có hai động từ mệnh lệnh (BDB 97, KB 112, dạng MỆNH LỆNH Hiphal và BDB 1059, KB 1667, dạng KHÍCH LỆ Qal). Những phụ nữ này đã đắm mình trong xa xỉ đến mức bị nghiện rượu và tham lam cũng là thói quen trong cách sống hằng ngày. Tôn chỉ của họ là: “thỏa mãn càng nhiều càng tốt bằng bất cứ mọi giá”

4:2 “Chúa Giê-hô-va đã dùng sự thánh khiết Ngài mà thề rằng” Động từ tại đây (BDB 989, KB 1396) là dạng HOÀN THÀNH Niphal. Đây là một lời tuyên bố nghiêm túc và rất hiếm thấy, có nói đến việc Chúa chỉ chính mình mà thề (xem 6:08; Thi Thiên 89:35). Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời có phẩm chất đạo đức. Ngài đòi hỏi sự yêu thương và mối liên hệ đúng đắn không chỉ với Ngài mà còn đối với những người có dự phần trong giao ước. Đức tin đúng đắn theo Kinh Thánh phải có cả chiều dọc với Chúa và chiều ngang với những người khác.

▣ **“những ngày sẽ đến”** Chỗ này nói đến ngày phán xét. Xem chú thích đầy đủ trong 2:16. Nó có ý nói đến (1) “trong ngày đó”, 2:16, 8:3, 9, 13; 9:11 và (2) “ngày của Chúa” trong 5:18 và 20. Đây là chủ đề chung cho các tiên tri sau này. Dân Y-sơ-ra-ên xem sự thăm viếng của Đức Giê-hô-va như là một ngày ban phước lành của Chúa, nhưng A-mốt lại giải bày nó chỉ là ngày

của con thịnh nộ và đoán phạt.



NASB	“thịt dính móc câu...lưỡi câu cá”
NKJV	“móc câu...lưỡi câu”
NRSV	“móc...lưỡi câu”
TEV	“móc...một con cá dính vào lưỡi câu”
NJB, Young’s Lit.	“móc câu...lưỡi câu”
JPSOA	“trong giỏ...trong giỏ cá”

Chữ đầu tiên (BDB 856 I, KB 1036) để chỉ “móc câu” chỉ tìm thấy ở đây trong suốt cả Cựu Ước. Nó có vẻ liên quan đến từ gốc trong tiếng Hê-bơ-rơ chỉ “cái gai”, “mũi nhọn” hoặc “mũi giáo.” Dường như những người phụ nữ mê tham này cùng với con cái họ sẽ bị những binh lính A-sy-ri xỏ một móc câu vào môi dưới và họ sẽ bị lôi ra khỏi thành, bị trần truồng và đi theo một hàng, người này tiếp theo người kia giống như một đoàn gia súc chưa được thuần hóa (theo bản LXX).

Chữ thứ hai (BDB 186, KB 215) có liên quan đến một số loại ngư cụ. Bởi vì đây là thể song đối nên “móc câu” có lẽ là thích hợp nhất. Giê-rê-mi (xem 16:16) dùng hình ảnh đánh bắt cá theo nghĩa bóng để chỉ sự phán xét. Vấn đề được đặt ra cho câu này là theo nghĩa bóng hay là nghĩa đen? Quân A-sy-ri đã sử dụng vòng khoen hoặc móc câu móc vào môi dưới để buộc những người đi đày lại với nhau khi giải họ đi là cách để hãm dọa (xem II Sử ký 33:11 về dân A-sy-ri và Haba-cúc 1:15 về dân Ba-by-lôn).

Bản Kinh Thánh REB dịch cả hai chữ này theo cách khác. Chữ đầu tiên được dịch là thuận, tương tự như cách dịch của các phiên bản cổ.

1. LXX - vũ khí
2. Peshitta - vũ khí

Chữ thứ hai được dịch là rô cá (xem bản Kinh Thánh NET). Bản LXX dùng chữ các chảo đang sôi. Bởi vì các từ gốc Hê-bơ-rơ rất hiếm, không rõ nghĩa. Các từ cùng gốc, tương tự lại được sử dụng theo cách gán nghĩa để cho phù hợp với bối cảnh của lịch sử và câu văn. Điểm chính trong sự lưu đày là tàn bạo và nhục nhã.

Đối với tôi, vì bối cảnh đề cập đến “những con bò cái Ba-san” và A-mốt xuất thân từ thôn quê nên các từ ngữ có lẽ liên quan đến chăn nuôi gia súc. Có thể là A-mốt thay đổi ý nghĩa các ẩn dụ. Bởi vì các từ ngữ Hê-bơ-rơ thì không được nhiều nên cây trượng và cây gậy để điều khiển và dẫn gia súc có vẻ là thích hợp nhất.

▣ **“dân sót lại của các người”** Chữ “sót lại” (BDB 31) có thể ám chỉ đến

1. mỗi một người còn sót lại (xem 1:8; 8:10; 9:1)
2. một phần nhỏ còn lại
3. con cháu hoặc dòng dõi

Bối cảnh này ám chỉ đến nghĩa 1.

4:3 “đi thẳng trước mặt” Cụm từ “thẳng” này là một phép ẩn dụ chỉ sự phá hủy hoàn toàn các bức tường bảo vệ thành phố. Dân chúng bị xiềng chung với nhau và bị lưu đày đến một địa điểm xa về phía đông.



NASB	“ném vào Ha-môn”
NKJV	“ném vào Ha-môn”
NRSV	“quăng vào Ha-môn”
TEV	“ném ra” (chữ bị lược bỏ)
NJB	“lùa đi về hướng Hết-môn”
NAB	“quăng vào vũng bùn”
JPSOA	“ném vào đồng rác”
REB	“ném trên một đồng phân”

Động từ này (BDB 1020, KB 1527, dạng HOÀN THÀNH Hiphil) thông thường có nghĩa nói đến việc Chúa quăng một tội nhân ra khỏi sự hiện diện của Ngài (xem II Các vua 17:20, 24:20, Thi Thiên 51:11; 71:9; 102:10; Giê-rê-mi 7:15). Tuy nhiên cách dùng của nó cho một lời hứa tích cực của giao ước được thấy trong II Các vua 13:23. Mặc dù mạch văn trực tiếp của A-mốt nói đến việc bị lưu đày bởi người A-sy-ri, nhưng chính từ ngữ này còn có hàm ý về cơn thịnh nộ của thần linh. A-sy-ri lưu đày Y-sơ-ra-ên vì tội lỗi của họ và vì sự phán xét của Đức Giê-hô-va chứ không phải do sự hùng cường của A-sy-ri.

Đã có một số quan điểm về ý nghĩa, cách dùng từ của cụm từ này.

1. Nó là một tên địa điểm không rõ vị trí. Bản Kinh Thánh LXX gọi nó là núi Rimmon hoặc là núi Romman.
2. Đó là một lỗi chính tả của chữ núi Hết-môn (xem bản NJB và quyển *Translator's Handbook* của UBS, trang 234) do đó nó đi song song với cụm từ sau đó “xa hơn Đa-mách” 5:27, có nghĩa là trên đường lưu đày trong xứ A-sy-ri.
3. Bản JPSOA và REB có sửa lỗi bản văn tiếng Hê-bơ-rơ bằng một chữ giống như chữ “đồng phân” trong tiếng Hê-bơ-rơ (BDB 199) (xem Ê-sai 25:10), mà trong bối cảnh này chỉ nơi vứt bỏ các xác chết (khi đó các móc dùng để lôi các xác chết đi). Các bản dịch này chuyển ngữ là “và quăng trên các đồng rác.”
4. Một bản Targum trong tiếng A-ram và một số bản dịch tiếng Sy-ri sau đó dịch là “xa hơn những núi trong xứ A-c-mê-ni” thì cũng tương tự với 5:27.
5. Có thể chia bản văn tiếng Hê-bơ-rơ theo cách khác và dịch “đuổi đi những núi của sự áp bức” (xem NIV STUDY BIBLE, phần phụ chú trang 1352).

☐ **“Đức Giê-hô-va phán vậy”** Cụm từ này được lặp lại thường xuyên (1:5,8,15; 2:3,11,16; 3:10,13,14; 4:3,5,6,8,10,11 và 5:17) cho thấy uy quyền, quyền năng và uy tín đằng sau các lời tuyên bố này là của ai.

BẢN NASB 4:4-5

⁴ Hãy đi đến Bê-tên, và phạm tội; hãy đi đến Ghinh-ganh, và phạm tội thêm! Mỗi buổi sáng hãy đem của lễ mình đến, và cứ ba ngày thì dâng các phần mười của các người! ⁵ Hãy đốt của lễ thù ân có men; hãy rao ra những của lễ lạc hiến; hãy làm cho thiên hạ biết; hỡi con cái Y-sơ-ra-ên, vì các người ưa thích điều đó, Chúa Giê-hô-va phán vậy.

4:4 “đi đến” Đây là một MỆNH LỆNH Qal (BDB 97, KB 112). Câu 4 và 5 có một loạt các mệnh lệnh (3 MỆNH LỆNH Qal, 3 MỆNH LỆNH Hiphil).

☐ **“Bê-tên...Ghinh-ganh”** Đây là các trung tâm thờ phượng ngoại giáo có từ rất sớm (Bê-tên, Sáng thế Ký 12:8; 28:10-22 và Ghinh-ganh, Giô-suê 4). Chúng là các địa điểm thờ lạy phổ biến

trong thế kỷ thứ tám trước Chúa (xem Ô-sê 4:15; 9:15 và 12:11). Câu 4 và 5 rất là mỉa mai (xem 5:5-6).

Có thể các câu châm biếm mỉa mai của Đức Giê-hô-va trong các câu 4-5 là do

1. Dân Y-sơ-ra-ên yêu thích lễ nghi thờ phượng hình thức bề ngoài nhưng lại có lối sống tội lỗi.
2. Họ bị lên án qua các lời tiên tri, bởi vì Đức Chúa Trời đã chọn Giê-ru-sa-lem là nơi thờ phượng chính (ví dụ, Phục truyền Luật lệ Ký 12:5,11,13,14,18,26; 14:23,24,25; 16:2,6,7,16).

Trong bối cảnh tại đây thì nghĩa 1 là thích hợp nhất. Thật khó để xác định địa điểm Ghinh-ganh nào đang được ám chỉ tại đây. Có thể có bốn địa điểm Ghinh-ganh khác nhau (chữ Ghinh-ganh có nghĩa là vòng tròn các hòn đá, xem *The Anchor Bible Dictionary*, tập 2, trang 1022-1023). Quyển *Hard Sayings of the Bible* khẳng định rằng địa điểm này gần Bê-tên (*Anchor Dictionary #2*), không phải là địa điểm được đề cập trong Giô-suê đoạn 4 (trang 330).

☐ **“Mỗi buổi sáng hãy đem của lễ mình đến, và cứ ba ngày thì dâng các phần mười của các người”** Có ba giả thuyết về câu này: (1) Nó cho thấy lòng mộ đạo thái quá của họ, (2) nó cho thấy thờ lạy thông thường của khách hành hương khi họ đến các nơi thờ phượng này (nghĩa là một ngày đến, dâng của lễ ngày thứ hai, và dâng thuế phần mười vào ngày thứ ba, xem bản REB); hoặc (3) các phần mười đề cập đến thuế phần mười vào năm thứ ba giúp cho người nghèo trong vùng (một ám chỉ đến các giao ước Mô-i-se, xem Phục truyền Luật lệ Ký 14:28, 26:12, “những ngày” là ám chỉ đến “những năm”).

4:5 “Hãy đốt của lễ thù ân có men” Có hai giả thuyết liên quan đến cụm từ này: (1) men bị cấm, và từ đó cho thấy sự sai lạc của họ (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 23:18, 34:15; Lê-vi Ký 2: 11; 6:17) hoặc (2) nó có thể hiểu là bánh dâng hiến (xem bản Kinh Thánh NRSV, TEV) là điều không yêu cầu, nhưng được dùng bày tỏ sự tôn thờ quá mức. Lê-vi Ký 7:13 cho phép có men trong của lễ thông công. Nó không phải luôn luôn tượng trưng cho điều ác.

☐ **“hãy rao ra những của lễ lạc hiến; hãy làm cho thiên hạ biết”** Các động từ tại đây là một MỆNH LỆNH Qal (BDB 894, KB 1128) và một MỆNH LỆNH Hiphil (BDB 1033, KB 1570). Những hành động thờ phượng của họ là những sự phô trương nơi công cộng để bày tỏ lòng mộ đạo (xem Ma-thi-ơ 6:2).

☐ **“hỡi con cái Y-sơ-ra-ên, vì các người ưa thích điều đó”** Các lễ nghi hấp dẫn này được lặp đi lặp lại đã trở thành bản chất của niềm tin họ, chứ không phải là sự công bằng xã hội có nền tảng từ đức tin cá nhân của họ vào Đức Giê-hô-va. Họ muốn phô trương cho nhau lòng mộ đạo của mình. Một niềm tin đã cắt đứt khỏi nếp sống hằng ngày.

☐ **“Chúa Giê-hô-va phán vậy”** Xem ghi chú trong 3:1.

BẢN NASB 4:6-13

⁶ Còn như ta, ta đã làm cho rằng các người nên sạch trong mọi thành các người, và làm cho thiếu bánh trong mọi nơi các người ở. Đức Giê-hô-va phán: Dầu vậy các người cũng không trở lại cùng ta! ⁷ Ta cũng đã không xuống mưa cho các người trong ba tháng trước mùa gặt; ta đã mưa trên thành này và không mưa trên thành khác. Ruộng này đã

được mưa, còn ruộng kia không được nhuận tưới thì khô héo.⁸ Đường ấy, người trong hai hoặc ba thành đi đến một thành đựng uống nước, mà không tìm được cho đỡ khát. Nhưng các người không trở về cùng ta, Đức Giê-hô-va phán vậy.⁹ Ta đã dùng gió nóng và sấm lửa mà đánh các người. Có nhiều vườn rau, vườn nho, cây vả, cây ô-li-ve của các người đã bị sấm keo cắn phá. Nhưng các người chẳng trở về cùng ta, Đức Giê-hô-va phán vậy.¹⁰ Ta đã khiến ôn dịch đến trong các người, cũng như trong Ê-díp-tô. Ta đã dùng gươm giết chết những kẻ trai trẻ của các người, và những ngựa của các người đã bị đem đi. Ta đã làm cho mùi hôi hám từ trong trại quân các người bay lên lỗ mũi các người. Nhưng các người chẳng trở về cùng ta, Đức Giê-hô-va phán vậy.¹¹ Ta đã lật đổ giữa các người, như Đức Chúa Trời đã lật đổ Sô-đôm và Gô-mô-rơ, và các người đã như cái que rút ra khỏi lửa. Nhưng các người chẳng trở về cùng ta, Giê-hô-va phán vậy.¹² Hỡi Y-sơ-ra-ên, vậy nên ta sẽ đả người đường ấy; hỡi Y-sơ-ra-ên, vì ta sẽ đả người đường ấy, nên người khá sửa soạn mà gặp Đức Chúa Trời người.¹³ Thật, ấy là Ngài đã làm nên các núi và dựng nên gió. Ấy là Ngài làm cho người ta biết ý tưởng riêng của mình, đổi ban mai ra tối tăm, và bước đi trên những chỗ cao trên đất. Danh Ngài là Giê-hô-va, Đức Chúa Trời vạn quân.

4:6-11 Những câu này mô tả một loạt các thiên tai (sự rửa sấm) sẽ xảy đến trên Y-sơ-ra-ên bởi vì họ từ bỏ giao ước của Đức Chúa Trời (xem Phục truyền Luật lệ Ký 27-29). Những sự phán xét của Chúa bao gồm:

1. Không có thức ăn, câu 6 (xem Phục truyền Luật lệ Ký 28:16-17)
2. Không có mưa, câu 7-8 (xem Phục truyền Luật lệ Ký 28:23-24)
3. Gió nóng, câu 9
4. Khô héo, câu 9 (xem Phục truyền Luật lệ Ký 28:22)
5. Côn trùng, câu 9 (xem Phục truyền Luật lệ Ký 28:21,38-39)
6. Bệnh dịch, câu 10
7. Chiến tranh, câu 10 (xem Phục truyền Luật lệ Ký 28:22,49-52)

4:6 Hai dòng đầu tiên của thơ theo thể song đối. Răng sạch không phải là việc liên quan đến nha khoa, nhưng là kết quả của việc không có thực phẩm để ăn

Đại từ “Ta” được nhấn mạnh. Chính Đức Giê-hô-va đem đến (BDB 678, KB 733, dạng HOÀN THÀNH Qal) những sự rửa sấm này theo giao ước (xem Phục truyền Luật lệ Ký 27-29).

☐ **“ta đã làm”** Chữ “Ta” được nhấn mạnh. Chúa đã đem các thiên tai này đến để đưa dân sự Ngài trở lại với giao ước.

☐ **“Dầu vậy các người cũng không trở lại cùng ta”** Mục đích của các thiên tai này là để giải cứu (xem câu 6,8,9,19,11) chứ không phải trừng phạt. Cốt lõi của sự hối cải (ăn năn) gồm có sự thay đổi của tâm trí (theo tiếng Hy Lạp) và tiếp theo là sự thay đổi của hành động (theo tiếng Hê-bơ-rơ, ví dụ Giê-rê-mi 3:22-4:2). Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Ăn Năn trong 1:3.

4:7 “Ta cũng đã không xuống mưa” Hai dòng đầu tiên đề cập đến những cơn mưa cuối mùa

ngay trước khi các loại trái cây “chín” trong tháng ba và tháng tư. Mùa màng tốt tươi là do Đức Giê-hô-va làm, chứ không phải Ba-anh.

▣ Dòng 3-6 là một cách xác định thần học về sự điều khiển của Chúa trên thiên nhiên (xem câu 8). Ngài có thể sai khiến những sự rửa sả (xem Lê-vi Ký 26:19; Phục truyền Luật lệ Ký 28:12,23-24) đến trên các thành phố hoặc địa phương nhất định. Điều này tương tự như các tai vạ trên xứ Ai Cập. Chín tai vạ đầu tiên xảy đến trên đất Ai Cập, nhưng không xảy ra trong Gô-sen là nơi người Do Thái sinh sống.

4:8 Câu này tiếp tục sự nhấn mạnh của câu 7. Thành phố được nhân cách hóa thành những người đang tìm kiếm nước, nhưng chúng không thể tìm thấy đủ để duy trì sự sống.

Thuật ngữ “lão đảo” (BDB 631, KB 681, dạng HOÀN THÀNH Qal) theo nghĩa rộng để chỉ sự lão đảo hoặc lang thang như là hậu quả từ sự phán xét của Chúa (xem 8:12; Sáng thế Ký 4:12,14; Dân số Ký 32:13; Giê-rê-mi 14:10; Ca-thương 4:15).

▣ **“Dầu vậy các ngươi cũng không trở lại cùng ta”** Đây là sự lặp lại lời kêu gọi ăn năn (xem câu 6,8,9,10,11).

Lưu ý đến sự nhấn mạnh cá nhân: họ phải trở về với Chúa, Đức Chúa Trời của họ. Ngài đã lập một giao ước đặc biệt với họ (xem câu 2). Phần của họ là lòng tôn kính và sự vâng lời. Mục đích của sự sáng tạo là để cho sự thông công. Chúa muốn mỗi một cá nhân giống như Ngài (xem Sáng thế Ký 1:26-27) để có một mối thông công với Ngài. Mối liên hệ, thông công này phải phù hợp với bản tính và mỹ đức (đặc tính) của Chúa. Sự gãy đổ của sự thông công thân mật này là cốt yếu của sự sa ngã (xem Sáng thế Ký 3) và mục tiêu của sự cứu chuộc (sự khôi phục lại hình ảnh Chúa đã bị hư hoại trong sự nổi loạn của con người).

4:9

NASB “gió nóng”

NKJV, NRSV,

NJB “tàn lụi”

TEV “gió nóng”

BDB (995) định nghĩa chữ này là bệnh khô đen trên lá cây trồng và trung dẫn Phục truyền Luật lệ Ký 28:22, I Các vua 8:37; II Sử ký 6:28 và A-ghê 2:17 để làm ví dụ. Tuy nhiên, quyển *Lexicon* của Holladay (361) định nghĩa nó là “cháy xém lá cây” và cũng dùng các ví dụ tương tự. Các bản dịch NASB và TEV hiểu chữ này như là đề cập đến những cơn gió nóng sa mạc được gọi là Sirocco (ví dụ, Sáng thế Ký 41:6,23,27).

▣ **“sâu lúa”** Chữ này (BDB 439) được ghép nối với các từ ở trên trong tất cả các ví dụ. BDB dịch nó là héo úa. Thuật ngữ này cũng có nghĩa là vẻ nhợt nhạt (xem Giê-rê-mi 30:6). Đây không phải là nấm mốc gây ra bởi có quá nhiều độ ẩm, nhưng là các loại bột màu trắng gây ra do thiếu độ ẩm.

▣ **“sâu bướm”** Sự phá hoại của côn trùng (tức là, cào cào [BDB 160], xem Giô-ên 1:4; 2:25) như là một sự phán xét của Đức Giê-hô-va do có sự vi phạm giao ước có thể được thấy trong Phục truyền Luật lệ Ký 28:38-40,42. Sự phá hoại có thể là (1) chính là các con cào cào hoặc (2) ấu trùng của chúng.

4:10 “Ta đã khiến ôn dịch đến trong các ngươi, cũng như trong Ê-díp-tô” Chữ “tai vạ” (BDB 184) được dùng cho:

1. Một trong những tai vạ trên xứ Ai Cập trong Xuất Ê-díp-tô Ký 9:3,15
2. Một sự đe dọa phán xét của Đức Chúa Trời trên dân sự của Ngài trong Xuất Ê-díp-tô Ký 5:3; Lê-vi Ký 26:23-25; Dân số Ký 14:12; Phục truyền Luật lệ Ký 28:21.

Điều thú vị là các phụ âm chữ “tai vạ” trong tiếng Hê-bơ-rơ giống với phụ âm của chữ “Lời Chúa”. Có thể có chủ ý chơi chữ. Người Do Thái bỏ qua (không quan tâm) lời Chúa và từ đó gạt lầy những tai vạ của Ngài. Một khi trở về với Chúa và lời của Ngài thì sẽ được phục hồi đầy đủ và càng thêm dư dật bội phần.

▣ **“những ngựa của các ngươi đã bị đem đi”** Chỗ này đề cập đến công cụ của quân sự, nhưng nó có thể được hiểu theo hai cách: (1) họ nghĩ đến chiến thắng và bắt giữ được những ngựa và xe nên trở nên mạnh mẽ hơn, nhưng Đức Chúa Trời lấy đi tất cả (bản dịch NEB) hoặc (2) kẻ thù bắt giữ ngựa của họ và bỏ họ lại mà chẳng còn sức mạnh quân sự (xem bản dịch NRSV, TEV, NJB). Hầu hết các bản dịch tiếng Anh sử dụng cách dịch thứ 2.

▣ **“mùi hôi hám từ trong trại quân các ngươi”** Điều này đề cập đến các xác chết của những người thanh niên Y-sơ-ra-ên, những người đã chết trong chiến trận nhưng không được chôn (xem Ê-sai 34:3). Sáng thế Ký

▣ **“bay lên lỗ mũi các ngươi”** Chi tiết này có thể là một sự mô tả dễ hiểu về những xác chết thối rữa hoặc có thể nó là một ám chỉ khác đến các giao ước Môi-se. Một hình ảnh được dùng theo nghĩa bóng là: YHWH tiếp nhận mùi thơm từ của lễ dâng lên (xem Sáng thế Ký 8:21, Xuất Ê-díp-tô Ký 29:18,25,41; và nhiều lần trong Lê-vi Ký và Dân số Ký). Cũng có một ví dụ về cách dùng theo ý tiêu cực là trong Xuất Ê-díp-tô Ký 5:21.

4:11 “Ta đã lật đổ giữa các ngươi, như Đức Chúa Trời đã lật đổ Sô-đôm và Gô-mô-rơ” Động từ tại đây (BDB 245, KB 253, dạng HOÀN THÀNH Qal) được dùng để chỉ sự phán xét của Chúa trong hiện tại (xem Sáng thế Ký 19:25; II Các vua 21:13; Giê-rê-mi 20:16) cũng như lúc tận thế (xem A-ghê 2:21-22). Chỗ này nói đến sự hủy diệt hoàn toàn hai thành phố theo cách tự nhiên hoặc siêu nhiên. Khi mô tả Y-sơ-ra-ên giống như những thành phố vô đạo đức này trong vùng đồng bằng sẽ xúc phạm và gây sốc cho dân tộc của giao ước. Nó cũng là một ám chỉ nữa đến Phục truyền Luật lệ Ký 27-29 (xem 29:23).

▣ **“và các ngươi đã như cái que rút ra khỏi lửa”** Theo mạch văn thì cách dịch của bản TEV có vẻ chính xác khi thấy điều này như một sứ điệp bổ sung gửi đến số ít người sống sót sau sự phán xét “này lửa” của Chúa (xem Xa-cha-ri 3:2). Dù đã có xảy đến tất cả những sự rửa sả này theo giao ước (xem Phục truyền Luật lệ Ký 27-29.) nhưng họ vẫn không trở lại (ăn năn) với Chúa. Qua những tai vạ, Chúa đã cố gắng nhiều lần đến gần họ, nhưng họ vẫn không trở lại với Ngài. Giờ đây hoàn toàn chỉ còn lại sự phán xét. Câu này cũng giống như câu 3:12 nói đến sự hủy diệt hoàn toàn. Chỉ trong 9:8-15 là có một hy vọng cho tương lai.

▣ **“cái que”** Từ gốc (BDB 15) có ý nghĩa nguyên thủy là bị uốn cong hoặc là cong queo. Nó được sử dụng cho một que để khêu lửa (xem Ê-sai 7:4; Xa-cha-ri 3:2).

▣ “**Nhưng các người chẳng trở về cùng ta, Giê-hô-va phán vậy**” Xem ghi chú trong 4:6.

4:12 “Hỡi Y-sơ-ra-ên...nên người khá sửa soạn mà gặp Đức Chúa Trời người” Động từ tại đây (BDB 465, KB 464) là một dạng MỆNH LỆNH Niphal kèm theo SỞ HỮU CÁCH NGUYÊN THỂ Qal. Nó thường được sử dụng cho sự chuẩn bị tâm linh để gặp Chúa (x. I Sa-mu-ên 7:3; II Sử ký 12:14; 27:6; Ê-xơ-ra 7:10). Cuộc gặp này đáng lẽ là tích cực (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 19:11-17), nhưng tội lỗi của họ đã biến sự thăm viếng của Chúa thành sự phán xét theo giao ước (xem 5:18-20).

Cũng nên lưu ý đến một cách hiểu khác về câu này mà theo đó chữ *Elohim* được cho là không phải đề cập đến danh hiệu giao ước của Đức Giê-hô-va hay là hiểu *Elohim* trong Sáng thế Ký đoạn 1 như là tên của Đức Chúa Trời Sáng Tạo, nhưng là nói đến các thần linh (các thần sinh sản giả dối) của Y-sơ-ra-ên (xem 5:26; 8:14; cũng như I Các vua 12:28). Chữ *Elohim* không được sử dụng để chỉ về Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên trong A-mốt và chỉ có danh hiệu kết hợp Chúa Giê-hô-va (xem Sáng thế Ký 2:4) được sử dụng. Trong quyển *Joel and Amos* (Tyndale Old Testament Commentaries) của David Allan Hubbard trang 162 có đề cập đến một cách dịch khác có thể được mà không thay đổi các phụ âm tiếng Hê-bơ-rơ (tức là: chuẩn bị để kêu các vị thần của người, hỡi Y-sơ-ra-ên, tham khảo G.W. Ramsey, JBL, 89, trang 187-191).

Nếu vậy thì các lời ngợi khen (doxology) của câu 13 là trái ngược với những tuyên bố của các vị thần giả dối mà Y-sơ-ra-ên đang thờ lạy trong danh của Đức Giê-hô-va (xem các đối tượng của ngoại giáo trong câu 1-3, cùng với 5:26; 8:14, và sách Ô-suê).

4:13 Câu này có vẻ là lời thơ đề thờ phượng, ngợi khen, hoặc bài thánh ca rất xưa về Chúa là Đấng Tạo Hóa, và cũng là Đấng Phán xét. A-mốt đã có một số bài chúc tụng ca ngợi hùng hồn (xem 5:8; 9:5-6).

▣ “**làm nên**” Động từ này (BDB 427, KB 428, dạng ĐỘNG TÍNH TỪ Qal) được dùng theo ý niệm về một người thợ gốm nắn đất sét (ví dụ, Sáng thế Ký 2:7,19; Ê-sai 29:19; 45:15; Giê-rê-mi 33:2).

▣ “**núi**” Những ngọn núi là một biểu tượng của sức mạnh và bền vững.

▣ “**dựng nên**” Động từ này (BDB 135, KB 153, dạng ĐỘNG TÍNH TỪ Qal) tương đương với động từ “làm nên”. Động từ này chỉ được sử dụng riêng cho công tác sáng tạo của Đức Chúa Trời. Ý nghĩa cơ bản của nó là làm cho có được hình thể hoặc cắt gọt cho ra hình dạng.

▣ “**gió**” Chữ Hê-bơ-rơ này (BDB 924) có thể có nghĩa là gió, hơi thở, hoặc tâm linh. Mạch văn tại đây nói đến sự tương phản giữa lãnh vực vật chất và tâm linh (núi đối lập với tâm linh).

▣ “**Ấy là Ngài làm cho người ta biết ý tưởng riêng của mình**” “Ý nghĩ của Ngài” trong tiếng Hê-bơ-rơ là số ít, nó liên quan đến ý chỉ của Chúa. Điều này dường như ám chỉ đến:

1. Mỗi liên hệ theo giao ước đặc biệt của Chúa với các tổ phụ và con cháu của họ (xem 3:2)
2. Chúa mong ước giao tiếp với loài người là tạo vật cao trọng nhất của Ngài (xem Sáng thế Ký 1:26,27; 12:3).
3. Có thể đại từ sở hữu ở đây để dùng cho loài người (ý tưởng của người ta). Một số bản văn Cựu Ước nói Chúa biết ý tưởng của loài người (ví dụ, Gióp 34:21-23; Thi Thiên 94:11; [I

Sử ký 3:20]; Giê-rê-mi 11:20; 17:10).

Ngay cả khi loài người nổi loạn, sa ngã có thể biết không thấu đáo về Chúa, nhưng cũng vừa đủ để có mối liên hệ. Tội lỗi phá hủy lòng khao khát về Chúa (tức là sự độc lập của con người). Chúa không chỉ là Đấng sáng tạo nhưng Ngài còn là người bạn và người đồng hành.

▣ **“đổi ban mai ra tối tăm”** Chi tiết này có thể được hiểu theo nhiều cách:

1. Một ám chỉ nữa đến Sáng thế Ký 1-2 (tức là (1) Chúa như là Đấng sáng tạo [xem LXX] hoặc (2) diễn tiến có thứ tự của thiên nhiên, xem 5:9)
2. Có liên quan theo mạch văn với câu thơ trước đó nên nó đề cập đến sự mặc khải của Chúa. Lễ thật tâm linh không phải là một khám phá của con người, nhưng là sự mặc khải của Chúa.
3. Một cách để khẳng định sự phán xét của Chúa trên Y-sơ-ra-ên (xem 5:8,20; Giê-rê-mi 13:16; Giô-ên 2:2)
4. Nó là câu song đối với 5:8 (một lời chúc tụng khác cho Đức Giê-hô-va như là Đấng sáng tạo) nên nó chỉ đến quyền năng Chúa trên tạo vật của Ngài.

▣ **“bước đi trên những chỗ cao trên đất”** Chi tiết này cũng có thể là một sự liên kết với sách Phục truyền Luật lệ Ký (giao ước Mô-i-se, xem Phục truyền Luật lệ Ký 32:13). Đây là hình ảnh theo cách ẩn dụ để khẳng định Chúa là Đấng sáng tạo (xem Gióp 9:8). Trong Ê-sai 58:4 và Haba-cúc 3:19 thì nó là cách thức để nói đến phước hạnh của Chúa dành cho dân sự của Ngài.

Chữ *bamah* này liên hệ với việc thờ phượng Ba-anh (xem 2:7-8) trên đỉnh các ngọn đồi (ví dụ Ô-sê 4:13; tham khảo quyển *Ancient Israel*, tập 1, trang 284-288 của Roland deVaux). Đây có thể là một cách khác để từ chối thờ phượng các vị thần sinh sản của dân Ca-na-an và khẳng định sự chăm sóc và chu cấp của Đức Giê-hô-va.

▣ **“Danh Ngài là Giê-hô-va Đức Chúa Trời vạn quân”** Chỗ này tương tự như 3:13. A-mốt đã nói đến Đức Chúa Trời sáng tạo, làm cho đầy đầy, và phán xét dựa theo giao ước. Bây giờ ông nói cụ thể và rõ ràng ai thật sự là Thần: chính là Đức Giê-hô-va của Y-sơ-ra-ên (xem 5:8b). Xem chủ đề đặc biệt: Tên của thần linh trong 1:2.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. A-mốt 3:2-8 nhấn mạnh điều gì?
2. Tại sao các vị tiên đả phá việc thờ hình tượng tại Bê-tên và Ghinh-ganh?
3. Tại sao sự mộ đạo bị lên án trong A-mốt 4:4-5?
4. Mục đích của Chúa đem những tai vạ đến trên dân sự của Ngài là gì?

A-MỐT ĐOẠN 5

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
	Tội lỗi của Y-sơ-ra-ên và sự phán xét của Đức Chúa Trời (3:1-6:14)		Y-sơ-ra-ên bị cảnh cáo và đe dọa (3:1-6:14)
Sự than khóc cho Y-sơ-ra-ên	Sự kinh hoàng và kết cuộc của sự phán xét thích đáng cho Y-sơ-ra-ên (5:1-6:14)	Lời kêu gọi ăn năn	Sự than khóc cho Y-sơ-ra-ên
5:1-3	5:1-2 5:3	5:1-2 5:3	5:1-2 5:3
Lời kêu gọi ăn năn			Không thể có sự giải cứu trong khi không chịu ăn năn
5:4-9	5:4-5 5:6-7 5:8-9	5:4-5 5:6-7 5:8-9	5:4-7 Lời chúc tụng 5:8-9 Những sự đe dọa
5:10-13	5:10-13	5:10-13	5:10-13 Lời khuyến khích
5:14-15	5:14-15	5:14-15	5:14-15
Ngày của Chúa			Sự phán xét đang chờ đợi
5:16-17	5:16-17	5:16-17	5:16-17
5:18-20	5:18-20	5:18-20	Ngày của Đức Giê-hô-va 5:18-20 Chống lại sự hình thức trong tôn giáo
5:21-24	5:21-24	5:21-24	5:21-27
5:25-27	5:25-27	5:25-27	

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa

để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

BẢN NASB 5:1-3

¹ Hỡi nhà Y-sơ-ra-ên, hãy nghe lời này, là bài ca thương mà ta sẽ làm về các ngươi! ² Gái đồng trinh của Y-sơ-ra-ên đã ngã xuống, sẽ không dậy nữa; nó đã bị ném bỏ trên đất nó, mà không ai đỡ dậy. ³ Vì Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Thành nào ra một ngàn quân, chỉ còn có một trăm; thành nào đẩy lên một trăm người, chỉ còn có mười người trong nhà Y-sơ-ra-ên sót lại.

5:1 “Nghe” Xem ghi chú trong 3:1.

▣ **“bài ca thương”** Đây là một thể thơ ca đặc biệt được tìm thấy trong câu 2-6 và 16-17. Chữ này trong tiếng Hê-bơ-rơ (BDB 884) đề cập đến một loại thơ đặc biệt có tiết tấu, nhịp điệu 3-2, 3-2 (ví dụ: II Sa-mu-ên 1:19-27; 3:33-34). Nó được sử dụng khá rộng rãi trong sách Ca-thương. Hình thức này tạo đặc trưng cho lời ai ca, bài hát trong tang lễ (xem câu 16-17, 18-20). Những bài hát này là một phần phải có trong nghi thức tang lễ.

▣ **“Hỡi nhà Y-sơ-ra-ên”** Chữ “nhà” (BDB 108) được sử dụng trong ý nghĩa của gia đình, hậu duệ (xem 1:4,5; 7:9). Cụm từ “nhà của Y-sơ-ra-ên” được A-môt sử dụng nhiều lần (xem 5:1,3,4,25; 6:1,14; 7:10,16; 9:9) để chỉ mười chi phái phía Bắc tách ra khỏi Giu-đa vào năm 922 TC trong triều đại của Rê-hô-bô-am. Những bộ tộc này đã lấy tên người cha của các chi phái Hê-bơ-rơ là Y-sơ-ra-ên (Gia-cốp) làm tên chung cho họ.

Cụm từ nhà của Gia-cốp được sử dụng hai lần trong A-môt (xem 3:13; 9:8). Thật khó để biết A-môt chỉ nói đến mười chi phái phía Bắc hay là ông đang đề cập đến tất cả các hậu duệ của Gia-cốp, Y-sơ-ra-ên.

5:2 “đã ngã xuống” Cụm từ này (BDB 656, KB 709, dạng HOÀN THÀNH Qal (*Qal* PERFECT)) là thể loại HOÀN THÀNH theo cách tiên tri nhằm mô tả cái gì đó sẽ xảy ra trong tương lai như thể nó đã xảy ra rồi. Thuật ngữ này được sử dụng để chỉ sự chết trong trận chiến (ví dụ, Giê-rê-mi 9:22; 46:12; Ca-thương 2:21; Ô-sê 7:7).

▣ **“sẽ không dậy nữa”** Có hai động từ: (1) không còn nữa (BDB 414, KB 418 là dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Hiphil) và (2) đẩy lên (BDB 877, KB 1086, dạng SỞ HỮU CÁCH NGUYÊN THỂ Qal (*Qal* INFINITIVE CONSTRUCT)). Sự phán xét của Đức Giê-hô-va trên tôn giáo “tạp

nhập” của Y-sơ-ra-ên là sự phán xét toàn bộ, trọn vẹn, một lần đủ cả (xem 7:9).

Tuy nhiên động từ này lại được sử dụng trong 9:11 (hai lần) để hứa hẹn về sự phục hồi dòng dõi hoàng tộc của Giu-đa (nhà tạm đồ nát của Đa-vít). Vì vậy mà có vấn đề thần học là:

1. Sự điệp của Đức Chúa Trời được trình bày trong những sự thật có tính đối nghịch nhau như trắng với đen (các nghịch lý biện chứng)
2. chương 9 chỉ đề cập đến Giu-đa chứ không đề cập đến Y-sơ-ra-ên.

☐ **“Gái đồng trinh của Y-sơ-ra-ên”** Cụm từ này là tương đương với “nhà Y-sơ-ra-ên.” Chúa đã chăm sóc và dành sự bảo vệ đặc biệt cho họ, giống như một con gái chưa lập gia đình hoặc cô dâu sắp cưới (xem Giê-rê-mi 18:13; 31:4,21). Điều này cho thấy hình ảnh của ẩn dụ hôn nhân mà Chúa như là chồng và dân sự giao ước của Ngài là vợ (ví dụ, Ê-sai 54:5; Ô-suê 2:19; Ê-phê-sô 5:22-33). Các giáo sĩ Do Thái sau này xem thời kỳ lang thang trong đồng vắng như là tuần trăng mật (xem Giê-rê-mi 2:2-3; Ô-suê 2:16). Nhưng trong bối cảnh lúc này là sự hăm hiếp và sự chết chóc của Y-sơ-ra-ên do sự xâm lược của A-sy-ri gây ra.

☐ **“nó đã bị ném bỏ trên đất nó”** Động từ tại đây (BDB 643, KB 695) có nghĩa là bị bỏ rơi, phó mặc để bị cướp bóc. Đất hứa giờ đây trở thành nơi của sự phán xét.

Có một bài viết rất thú vị trong bộ NIDOTTE (quyển 1, trang 522-524) theo phương diện thần học về đất đai như là món quà của Đức Giê-hô-va cho các con cháu của Áp-ra-ham (xem Sáng thế Ký 12:3). Nhiều điều trong luật pháp Mô-i-se được dựa trên khái niệm này. Đây là lý do tại sao lừa gạt những người anh em có phần trong giao ước để lấy sản nghiệp của gia đình, chi phái là xúc phạm đến Đức Chúa Trời. Sự quan tâm của Chúa đối với đất đai có thể được thấy qua các quy định về năm Sa-bát và năm Hân Hi. Những người giàu có chiếm đoạt đất đã hoàn toàn coi thường hoặc cố tình bác bỏ nguyên tắc cơ bản thần học về quyền sở hữu của Đức Giê-hô-va cùng với sự phân chia Đất Hứa của Ngài.

☐ **“mà không ai đỡ dậy”** Động từ ở đây cũng là động từ (BDB 877, KB 1086) đã được sử dụng trước đó trong câu. Chỗ này nó là một ĐỘNG TÍNH TỪ Hiphil. Có vẻ giống như một sự châm biếm để ám chỉ đến sự bất lực của các vị thần của dân Ca-na-an (mà Y-sơ-ra-ên thờ lạy) trong việc giải cứu họ khỏi sự phán xét của Đức Giê-hô-va (xem 5:6). Các vị thần bất lực, không hiện hữu của người Ca-na-an bị chế nhạo.

5:3 Đây là một trong những sự rửa sả theo giao ước (hàng ngàn [BDB 48] và hàng trăm [BDB 547] là những đơn vị của quân đội, xem Phục truyền Luật lệ Ký 28:62). Sự nhấn mạnh trong câu này không phải là trên phần còn lại trở về (xem Ê-sai 6:13), nhưng về sự tàn phá tột cùng do quân đội sẽ xảy ra. Quốc gia Y-sơ-ra-ên sẽ vĩnh viễn không còn tồn tại.

BẢN NASB 5:4-7

⁴ Đức Giê-hô-va phán cùng nhà Y-sơ-ra-ên như vậy: Hãy tìm kiếm ta, thì các ngươi sẽ sống! ⁵ Chớ tìm kiếm Bê-tên, chớ vào trong Ghinh-ganh, đừng đi đến Bê-e-Sê-ba. Vì Ghinh-ganh sẽ bị đầy, Bê-tên sẽ trở nên một nơi đổ nát. ⁶ Hãy tìm kiếm Đức Giê-hô-va, thì các ngươi sẽ sống; bằng chẳng vậy, Ngài sẽ như một ngọn lửa thiêu đốt hừng lên trong nhà Giô-sép, ở Bê-tên không ai có thể tắt được. ⁷ Các ngươi đổ sự ngay thẳng ra ngoài cứu, và ném sự công bình xuống đất!

5:4 “Hãy tìm kiếm ta” Động từ tiếng Hê-bơ-rơ tại đây (BDB 205, KB 233) là dạng MỆNH LỆNH Qal (*Qal IMPERATIVE*) (xem câu 6,14-15). Nghĩa rộng của cụm từ tiếng Hê-bơ-rơ “tìm kiếm” liên hệ đến việc đi đến một nơi tôn nghiêm, tuy nhiên theo ngữ cảnh của câu 5 đòi hỏi chúng ta phải tìm kiếm Chúa một cách cá nhân, cũng như tập thể (xem Phục truyền Luật lệ Ký 4:29-30; 30:1-3,10) chứ không chỉ trong các nghi lễ tôn giáo. Thái độ, động cơ, và nếp sống đức tin của chúng ta là chính yếu. Về cơ bản đây là một lời kêu gọi ăn năn cho những người biết Đức Giê-hô-va (theo phương diện giao ước). Mỗi thông công với Đức Giê-hô-va đòi hỏi phải có một đời sống đạo đức.

Trong câu 4 A-môt nói: “tìm kiếm Chúa”. Cùng một động từ này cũng được tìm thấy trong câu 14 “tìm điều lành và đừng tìm điều dữ”. Ba điểm này dường như đi song song. Đức Giê-hô-va được nói đến là thiện lành nhiều lần (ví dụ, Thi Thiên 86:5; 100:5, 106:1, 107:1; 118:1,29). Vì vậy, tìm kiếm Ta và tìm kiếm điều lành có thể là ám chỉ đến Đức Giê-hô-va (chú ý dòng thứ hai của câu 14). Cũng theo cách biểu tượng này có thể tìm thấy trong Ô-sê 8:2-3.

Thuật ngữ “tìm kiếm” trong tiếng Hê-bơ-rơ có nhiều ý nghĩa:

1. Tìm hiểu
2. Tìm kiếm thần linh trong lời cầu nguyện và thờ phượng
3. Nghiên cứu để thấu hiểu (để biết tấm lòng)
4. Yêu cầu hoặc đòi hỏi

Theo mạch văn này thì nghĩa thứ 2 là thích hợp nhất (xem Phục truyền Luật lệ Ký 4:29; Ô-sê 10:12; Ê-sai 9:13; 31:1; 55:6; 65:10).



NASB	“để các ngươi có thể sống”
NKJV, NRSV	“sống”
TEV	“và các ngươi sẽ sống”
NJB	“và các ngươi sẽ tồn tại”

Bản NKJV và NRSV dịch theo nghĩa đen. Động từ tại đây (BDB 310, KB 309) là dạng MỆNH LỆNH Qal (*Qal IMPERATIVE*) đi song song với “tìm kiếm.” Ý nghĩa theo cách dùng MỆNH LỆNH được thấy trong các bản dịch NASB, TEV, và NJB. Sự tồn tại của Y-sơ-ra-ên như một quốc gia theo giao ước mới là điều chính yếu. Đức Giê-hô-va là Đấng nhân từ. Nếu họ quay lại với Ngài, Ngài sẽ tha thứ, phục hồi, và bảo vệ họ (theo ý nghĩa từ chữ Thánh Chiến).

Tuôn trào ra từ lòng thương xót này là một lời van nài từ tấm lòng Chúa, vì Ngài không muốn tiêu diệt dân sự giao ước của Ngài (xem Ô-sê 11:8-11).

5:5 “Bê-tên...Ghinh-ganh...Bê-e-Sê-ba” Đây là các trung tâm thờ phượng ở địa phương. Hai địa điểm đầu tiên ở trong Y-sơ-ra-ên còn địa điểm thứ ba ở trong xứ Giu-đa ở miền Nam (xem II Các vua 23:8; Sáng thế Ký 21:14, 31; 26:25,33; 46:1).

▣ **“Bê-e-Sê-ba”** Đây là một địa điểm thiêng liêng từ xưa có liên quan với các Tổ phụ (Áp-ra-ham, Sáng thế Ký 21:33, Y-sác, Sáng thế Ký 26:23-25; Gia-cốp, Sáng thế Ký 28:10; 46:1-7) nằm ở miền nam Giu-đa.

▣ **“Vì Ghinh-ganh sẽ bị đầy”** A-môt là một nhà thơ tài hoa. Ở đây, ông sử dụng một phép đồng âm giữa chữ “Ghinh-ganh” và chữ “đi lưu đầy” (BDB 162, KB 191, là các dạng NGUYÊN THỂ Qal và dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal của cùng một chữ). Thơ ca trong tiếng Hê-bơ-rơ có đặc điểm là dùng thể song đối trong tư tưởng, dùng từ nhiều nghĩa, và dùng các đồng âm.

▣ **“Bê-tên sẽ trở nên một nơi đổ nát”** Chi tiết này có vẻ là một sự tương phản giữa tên Bê-tên (có nghĩa là nhà của Chúa) và cái chỗ mà nó đã trở nên (nhà thờ thần tượng, xem Ô-sê 4:15; 5:8; 10:5,8). Một trong những ý nghĩa của chữ “khổ nạn, rối loạn” (BDB 19) có thể là sự thờ hình tượng (nghĩa là, “hư vô” theo Ê-sai 41:29; 66:3).

5:6 “Hãy tìm kiếm Đức Giê-hô-va, thì các ngươi sẽ sống” Ý này là song song với câu 4.

▣ **“Ngài sẽ như một ngọn lửa thiêu đốt”** Chi tiết này có thể là một ám chỉ đến sách Phục truyền Luật lệ Ký (xem 4:24). Lửa là hình ảnh ẩn dụ cho quyền năng thanh tẩy của Đức Chúa Trời hay nói cách khác chính là sự thánh khiết của Ngài. Xem Chủ đề đặc biệt: Lửa trong 7:4.

▣ **“nhà Giô-sép”** Y-sơ-ra-ên được gọi là nhà của Giô-sép là việc khác thường (xem 6:6). Nó thường được gọi là nhà của Gia-cốp (hoặc nhà của Y-sơ-ra-ên, ví dụ trong câu 1). Tuy nhiên, Ép-ra-im và Ma-na-se là hai con của Giô-sép lại chiếm giữ diện tích đất đai lớn nhất và cũng là các chi phái đông dân nhất của vương quốc phía Bắc.

5:7 “Các ngươi đối sự ngay thẳng ra ngài cứu” Tại đây sự công bình tương đương với sự ngay thẳng. Hai thuật ngữ thường xuất hiện cùng nhau trong bối cảnh tương tự trong Cựu Ước (xem II Sa-mu-ên 8:15; I Các vua 10:9; I Sử ký 18:14; II Sử ký 9:8; Thi thiên 99:4; Ê-sai 1:21, 5:7, 9:7, 28:17; 32:1,16; 33:5; 59:14; Giê-rê-mi 4:2; 9:24; 22:3,15; 23:05; 33:15; Ê-xê-chi-ên 18:5,19,21,27; 33:14,16,19; 45:9; A-môt 5:7,24). Đây không phải là sự xưng công bình bởi đức tin (được kể là công chính theo Giao ước mới) nhưng là các đòi hỏi theo Cựu Ước, Đức Giê-hô-va muốn một dân sự bày tỏ đầy đủ đức tính của Ngài (xem Ma-thi-ơ 5:19-20,48). Tuy nhiên, nhân loại sa ngã trong tội lỗi kể cả dân sự của giao ước cũng không thể sống để bày tỏ sự thánh thiện của Chúa.

Tại đây khi Y-sơ-ra-ên là chủ ngữ thì dạng ĐỘNG TÍNH TỪ (BDB 245, KB 253, ĐỘNG TÍNH TỪ Qal) được dùng theo nghĩa tiêu cực (xem 5:7; 6:12; Giê-rê-mi 2:21). A-môt nhắc đến Sô-dôm và Gô-mô-rơ bị lật đổ trong 4:11 cũng dùng chữ có cùng một gốc nhưng với chủ ngữ là Đức Giê-hô-va.

“Ngài cứu” (BDB 542) ám chỉ đến bất kỳ loại thực vật nào có vị đắng (xem quyển *Fauna and Flora of the Bible* của UBS trang 198). Người giàu đã ngăn cản công lý. Hệ thống pháp luật là một điều cay đắng cho người nghèo chứ không còn là nơi bảo vệ an toàn (xem câu 12; 6:12). Đây có thể là một ám chỉ đến thờ thần tượng trong Phục truyền Luật lệ Ký (xem 29:18; Giê-rê-mi 9:14; 23:15). Các từ cùng gốc trong tiếng Ả Rập có nghĩa là lời rửa sả.

▣

NASB	“bỏ sự công bình xuống đất”
NKJV	“đặt sự công chính xuống đất”
NRSV	“mang sự công bình xuống đất”
TEV	“lừa người dân khỏi quyền của họ”
NJB	“ném sự ngay thẳng xuống đất”

Ý tưởng ở đây là ném xuống (ném bỏ) (BDB 245, KB 253, dạng ĐỘNG TÍNH TỪ *Qal* (*Qal* PARTICIPLE)) theo ý để chà đạp dưới chân (xem Ê-sai 28:2-3). Các quan xét cũng giống như các vị vua phải trình diện trước Đức Giê-hô-va.

Ở đây cần đề ý đến sự công bình và sự ngay thẳng được đặt song song (xem câu 24; 6:12). Có một phương diện thực hành đạo đức cho đức tin theo Kinh Thánh.

BẢN NASB 5:8-9

⁸ Hãy tìm Đấng đã dựng nên những sao Rua và sao Cày; đổi bóng tối tăm ra ban mai, đổi ban ngày ra đêm thắm, gọi nước biển mà đổ nó ra trên mặt đất: danh Ngài là Giê-hô-va. ⁹ Ấy chính Ngài làm cho kẻ mạnh thành linh bị diệt vong, đến nỗi sự hủy hoại đến trên đồn lũy.

5:8-9 Đây là một vãn thơ chúc tụng Chúa là Đấng Tạo Hóa, và cũng là Đấng Phán Xét. Có ba lời thơ chúc tụng loại này trong A-môt (xem 4:4; 5:8-9; 9:5-6).

5:8 “sao Rua” Chữ này có nghĩa đen là “đồng” hoặc “bầy, đàn” (BDB 465, xem Gióp 9:9, 38:31). Đây là một trong những chùm sao sáng nhất (Hesiod gọi đây là bầy chị em) trong chòm sao Kim Ngưu. Trong quyển *Translator's Handbook* của UBS, trang 105, 242, cho biết rằng ở vùng Pa-lét-tin khi vị trí của ngôi sao này nằm dưới đường chân trời thì báo hiệu cho mùa đông. Chi tiết này khiến cho những dòng thơ không những ám chỉ đến Đức Chúa Trời như là Đấng Tạo Hóa mà còn là Đấng Cai Trị đang điều khiển trật tự thiên nhiên.

☐ **“sao Cày”** Chữ này có nghĩa đen là điên khùng (ngu dại) (BDB 493) trong ý hiệu chiến. Nó được sử dụng để chỉ một kẻ nổi loạn. Người xưa đồng nhất (coi như) chòm sao này với Nim-rốt (các chiến binh, xem Sáng thế Ký 10:8-9). Nó có thể được thấy rõ vào mùa hè. Đức Chúa Trời điều khiển các mùa (trật tự và quy luật của thế giới tự nhiên). Hiển nhiên sự sáng tạo và điều khiển của Đức Chúa Trời trên các ngôi sao (xem Sáng thế Ký 1:14-19) là một tuyên bố thần học cần thiết đối chọi lại với việc tôn thờ các tinh tú (xem câu 26).

☐ **“đổi bóng tối tăm ra ban mai”** Theo văn mạch, chỗ này nói về sự kiểm soát của Đức Chúa Trời trên các thiên thể (xem Thi thiên 19:24). Cụm từ này có thể có ý tưởng song đối với 4:13c.

☐ **“gọi nước biển”** Có một số quan điểm về ý nghĩa của cụm từ này: (1) nó đề cập đến ranh giới của các đại dương (xem Sáng thế Ký 1:9-10), (2) nó đề cập đến Chúa, chứ không phải Ba-anh, như là nguồn làm ra mưa (như một phước lành để hỗ trợ sự tăng trưởng (cây cỏ), hoặc (3) nó có thể là một ám chỉ đến lũ lụt (một hình thức về sự phán xét, xem Sáng thế Ký 6). Chúa điều khiển nước trong sự sáng tạo giống như Ngài đã làm với các vì sao. Nước là điều duy nhất trong Sáng thế Ký 1 không được nói đến rằng bởi lời phán của Đức Chúa Trời mà nó được hiện hữu (xem Sáng thế Ký 1:2).

▣ **“danh Ngài là Giê-hô-va”** Tên trong tiếng Hê-bơ-rơ rất là quan trọng trong việc mô tả tính cách của một cá nhân. Danh hiệu Giê-hô-va của Đức Chúa Trời là từ Xuất Ê-díp-tô Ký 3:14 xuất phát từ động từ “thì, là” trong tiếng Hê-bơ-rơ. Xem chủ đề đặc biệt: Tên của thần linh trong 1:2.

5:9

NASB “Ngài là Đáng lòa sáng ra”

NKJV “Ngài làm mưa”

NRSV “tuôn trào ra”

TEV, NJB “dem đến”

Ý nghĩa của chữ Hê-bơ-rơ này (BDB 114, KB 132, dạng ĐÔNG TÍNH TỪ Hiphil) còn trong nghi vấn. Cách nó sử dụng trong sách Gióp và Thi thiên ngụ ý một sự vui tươi hoặc vui mừng (ý nghĩa của từ gốc Ả Rập). Tuy nhiên, ý nghĩa đó không hề phù hợp với A-mốt, trừ khi A-mốt đang nói cách mỉa mai rằng Đức Giê-hô-va cười nhạo trên sự sụp đổ của đất nước Y-sơ-ra-ên thờ hình tượng cùng với những pháo đài quân sự của nó. Bản NASB dịch theo nghĩa có thể có của dạng ngữ pháp Hiphil, “hãy để một cái gì đó bùng lên” (xem NIDOTTE, tập 1, trang 660).

▣ **“kẻ mạnh”** Điểm này có thể ám chỉ đến sức mạnh kinh tế và chính trị (xem các câu 10-13; 2:14). Những kẻ đối nghịch với “người nghèo” cũng chính là những người lợi dụng họ. Tuy nhiên, bởi vì chữ này ở vị trí song đối với pháo đài nên nó có thể ám chỉ đến quân đội Y-sơ-ra-ên.

BẢN NASB 5:10-13

¹⁰ Chúng nó ghét người trách móc nơi cửa thành, và góm ghiếc kẻ nói ngay thẳng. ¹¹ Vì các người hiệp đáp kẻ nghèo và đòi họ nộp thuế lúa mì, vậy nên những nhà bằng đá vuông này mà các người đã xây nên, các người sẽ không ở được. Các người đã trồng những vườn nho ngon ngọt, nhưng sẽ không uống rượu nó. ¹² Vì ta biết tội ác các người nhiều là bao nhiêu, tội lỗi các người lớn là bao nhiêu, các người là kẻ hiệp đáp người công bình, nhận lấy của hối lộ, ở nơi cửa thành làm cong lẽ thẳng của những kẻ nghèo. ¹³ Bởi đó cho nên, trong thời như thế, người khôn ngoan sẽ làm thinh; vì là thời khốn nạn.

5:10 “Chúng nó ghét người trách móc nơi cửa thành” Những người này (các thẩm phán trung thực, các nhân chứng) đã cố gắng đứng lên để bảo vệ người nghèo nhưng bất lực (từ này đề cập cụ thể đến ai thì không chắc chắn, có thể là một số người biện hộ), họ đã bị tấn công dữ dội bởi giới lãnh đạo đương thời (xem Ê-sai 59:14-15). Đây là một ám chỉ đến phần các phước lành và rửa sả trong sách Phục truyền Luật lệ Ký (Phục truyền Luật lệ Ký 27:25).

Các cửa thành là nơi thi hành công lý ở vùng Cận Đông cổ đại (xem Phục truyền Luật lệ Ký 25:1-3; Ru-tơ 4:1-12). Đó là nơi các trưởng lão trong các cộng đồng ngôi (xem Phục truyền Luật lệ Ký 19:12; 21:3,8,19; 22:15; 25:7-8). Những trưởng lão này được A-mốt nhắc đến.

▣ **“góm ghiếc”** Chữ này (BDB 1073, KB 1765, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Piel) là một động từ mạnh, thường dùng để chỉ thái độ của Đức Chúa Trời cự tuyệt sự thờ thần tượng. Nó tương đương với ghét trong văn mạch tại đây.



NASB “chính trực”
NKJV “ngay thẳng”
NRSV, NJB “sự thật”
TEV “toàn bộ sự thật”

Ý nghĩa cơ bản của chữ này (BDB 1071) là để được chính xác hoặc là thẳng. Nghĩa bóng về sự ngay thẳng đạo đức này có nguồn gốc từ một chữ dùng chỉ cây cọ. Lưu ý cách sử dụng của nó:

1. Nô-ê, Sáng thế Ký 6:9
2. Áp-ra-ham, Sáng thế Ký 17:1
3. Cửa lễ bình an, Lê-vi Ký 22:21
4. Những người Y-sơ-ra-ên tin kính, Phục truyền Luật lệ Ký 18:13; Châm ngôn 2:7, 10:9
5. Đức Chúa Trời, Phục truyền Luật lệ Ký 32:4; II Sa-mu-ên 22:31,33; Thi thiên 18:30,32
6. Gióp, Gióp 1:1,8; 2:3
7. Lời của Đức Chúa Trời, Thi thiên 19:7

5:11a-b Hai dòng thơ đầu tiên của câu này ghi lại một số sự ngược đãi người nghèo:

1. Giá cho thuê quá nặng (lấy từ ý nghĩa từ gốc trong tiếng Akkadian) hoặc dẫm lên (lấy từ ý nghĩa trong từ gốc tiếng Hê-bơ-rơ chà đạp [BDB 143, KB 165, dạng SỞ HỮU CÁCH NGUYỄN MẪU Poel (Poel INFINITIVE CONSTRUCT), tham khảo các bản dịch NKJV, NRSV, NJB).
2. Một loại thuế trên thực phẩm
3. Hối lộ tại các cửa thành (xem câu 12)

Chữ người nghèo (xem ghi ý trong 2:7) có thể ám chỉ đến những người nông dân (xem ghi chú trong NIDOTTE, tập 1, trang 951).

5:11c-e Đây cũng là lời rửa sả do có vi phạm giao ước Môi-se (xem Phục truyền Luật lệ Ký 28:30,39). Người giàu đã xây dựng nhà cửa sang trọng (bằng đá đẽo gọt bằng phẳng) bằng cách bóc lột người nghèo (xem câu 11-12). Nhưng Đức Chúa Trời sẽ không để cho họ sống bằng những món lợi kiếm được từ sự gian ác (xem Mi-chê 6:15). Đây là một ám chỉ đến sự lưu đày qua A-sy-ri.

5:12 Câu này, giống như câu 10-11, liệt kê các tội lỗi của tầng lớp giàu có đối với người nghèo (có thể là những nông dân có ít đất ruộng) và tầng lớp những người bị thua thiệt. Đây lại chính là những người mà Đức Chúa Trời nhân đức quan tâm bởi vì tình trạng dễ bị tổn thương và không được giúp đỡ của họ (xem Phục truyền Luật lệ Ký 10:18; 14:29, 16:11, 24:17-22, 26:12-13, 27:19). Đây cũng là nhấn mạnh đến Phục truyền Luật lệ Ký. Các tiên tri luôn luôn nhìn về Giao ước Môi-se.

Chữ được dịch là hối lộ (BDB 497, xem Xuất Ê-díp-tô Ký 23:8; Phục truyền Luật lệ Ký 16:19; 27:25; I Sa-mu-ên 12:3; Châm ngôn 6:35) cũng là chữ được dùng để mô tả sự bao phủ và chuộc tội của Đức Chúa Trời. Thuật ngữ thần học quan trọng này được sử dụng tại đây rút từ ý nghĩa che tay, che mắt của một ai đó. Nó là cách dùng gây sốc của một thuật ngữ thần học sâu nhiệm.

5:13 Đây là một câu rất khó vì nó có vẻ đi ngược lại tất cả những gì mà vị tiên tri ủng hộ và hành

động. Điều này một lần nữa có thể cách chơi chữ trên các nghĩa của ĐÔNG TÍNH TỪ “người thận trọng” (BDB 968, KB 1328, dạng ĐÔNG TÍNH TỪ Hiphil (Hiphil PARTICIPLE)).

Dạng Hiphil có thể có nghĩa

1. nhìn vào (để khiến một người khôn ngoan, xem Sáng thế Ký 3:6)
2. chú ý đến (ví dụ, Phục truyền Luật lệ Ký 32:29)
3. có sự thông hiểu (ví dụ, Đa-ni-ên 1:4; 9:25)
4. ban cho sự thông sáng, dạy dỗ (ví dụ, Đa-ni-ên 9:22; 11:33,35)
5. hành động thận trọng (ví dụ, A-môt 5:13)
6. thịnh vượng (ví dụ, Ê-sai 52:13; Giê-rê-mi 10:21)
7. khiến trở nên thịnh vượng (ví dụ, Phục truyền Luật lệ Ký 29:9)

Một ví dụ điển hình về việc làm cách nào mà thuật ngữ này có thể có nghĩa 5, 6 hoặc 7, nên xem Giê-rê-mi 23:5. Nếu được dùng theo như vậy thì có thể chỗ này là một ám chỉ nữa đến Phục truyền Luật lệ Ký 29:9. Họ đã được nói trở nên thịnh vượng do sự chúc phước của Chúa (xem Phục truyền Luật lệ Ký 27-29), nhưng họ trở nên thịnh vượng vì đã vi phạm Giao ước Môi-se qua cách họ đối xử với những người yếu thế trong xã hội.

Theo quyển Handbook của UBS, trang 106-109 cũng có thể xem điểm mấu chốt trong cấu trúc liên hệ với hai nhận vật được đề cập trong câu 10.

1. “họ ghét...họ gớm ghiếc”, nhóm người này được đề cập trong câu 11-12
2. “người quở trách...người nói với sự chánh trực” những người này đã được đề cập trong câu 13

BẢN NASB 5:14-15

¹⁴ Hãy tìm điều lành và đừng tìm điều dữ, hầu cho các ngươi được sống, thì Giê-hô-va Đức Chúa Trời vạn quân sẽ ở cùng ngươi, như các ngươi nói vậy. ¹⁵ Hãy ghét điều dữ mà ưa điều lành; hãy lập sự công bình nơi cửa thành. Có lẽ Giê-hô-va Đức Chúa Trời vạn quân sẽ ra ơn cho những kẻ còn sót lại của Giô-sép!

5:14 “Hãy tìm điều lành và đừng tìm điều dữ” Lưu ý đến sự tương phản sâu sắc do vị tiên tri diễn tả (xem câu 15). Có một sự lựa chọn mà quyết định có những hệ quả đời đời. Chữ tìm kiếm là một dạng MỆNH LỆNH (BDB 205, KB 233, dạng MỆNH LỆNH Qal (Qal IMPERATIVE)). Nên để ý đến sự liên quan của dạng MỆNH LỆNH này với những dạng MỆNH LỆNH trong câu 4 & 6 nhấn mạnh đến lối sống đạo đức. Cần phải nhớ rằng đức tin theo Kinh Thánh có hai trọng điểm: mối quan hệ cá nhân và việc làm của tình thương (xem Ê-phê-sô 2:8-10 và I Giăng 3:23). A-môt khuyên nhủ Y-sơ-ra-ên tìm kiếm điều lành. Ê-sai sử dụng cùng một động từ để khuyên nhủ dân sự của Đức Chúa Trời tìm kiếm sự công bình (xem Ê-sai 1:17). Chúng ta phải quan tâm, cố gắng, tìm kiếm điều gì? Câu trả lời cho chúng ta biết chúng ta là ai và chúng ta phục vụ ai, điều gì.

☐ **“Giê-hô-va Đức Chúa Trời vạn quân sẽ ở cùng ngươi”** Đây là lời hứa lớn nhất mà Chúa thực hiện (xem Thi thiên 23). Danh hiệu Chúa Đức Chúa Trời Vạn Quân có hai ý nghĩa liên hệ trong Cựu Ước: (1) Đức Giê-hô-va là chỉ huy của đạo quân thiên binh và (2) Đức Giê-hô-va là Đấng điều khiển các thiên thể đại diện cho các quyền lực thiên thần (các thần tượng của người Ba-by-lôn). Xem chủ đề đặc biệt: Tên của thần linh trong 1:2.

☐ **“như các ngươi nói vậy”** A-môt có thể ám chỉ đến:

1. Sự giảng dạy thông thường của các thầy tế lễ, người Lê-vi
2. Nghi thức thờ phượng hoặc Thi thiên thường được sử dụng
3. Lời tuyên bố lập đi lập lại: Y-sơ-ra-ên là dân sự được chọn và có giao ước (xem Xuất Ê-díp-tô 19:5-6; Phục truyền Luật lệ Ký 7:6; 14:2)

5:15 “Hãy ghét điều dữ mà ưa điều lành; hãy lập sự công bình nơi cửa thành” Đây là ba MỆNH LỆNH trong tiếng Hê-bơ-rơ:

1. Ghét (BDB 971, KB 1338, dạng MỆNH LỆNH Qal (Qal IMPERATIVE))
2. Yêu thương (BDB 12, KB 17, dạng MỆNH LỆNH Qal (Qal IMPERATIVE))
3. Thiết lập (BDB 426, KB 427, dạng MỆNH LỆNH Hiphil (Hiphil IMPERATIVE))

Những điều này nói đến giao ước Môi-se. Cần chú ý điều này: Theo A-mốt thì không có sự phân biệt giữa thế tục và thánh, giữa tấm lòng và bàn tay (xem Mi-chê 6:8). Dân sự của Chúa phải thể hiện đức tính của Đức Chúa Trời qua đời sống.

Chữ “thiết lập” có nghĩa rộng để chỉ một hành động cụ thể có chủ đích (ví dụ, Ô-sê 2:3). Người trung tín với Chúa phải xác định trong tấm lòng và tâm trí của mình rằng công lý, ngay thẳng, và chính trực sẽ thắng thế trong khi thi hành quyền hạn của họ.

▣ **“Có lẽ Giê-hô-va Đức Chúa Trời vạn quân sẽ ra ơn cho những kẻ còn sót lại của Giô-sép”** Nhà tiên tri đang nói đến một niềm hy vọng giới hạn (ví dụ, có lẽ BDB 19) cho một số ít người Do Thái sẽ hồi cải và sống bày tỏ ra đức tin của họ (tìm kiếm Ta, câu 4; tìm kiếm Chúa, câu 6).

BẢN NASB 5:16-17

¹⁶ Vậ y nên, Chúa Giê-hô-va, Đức Chúa Trời vạn quân, phán như vậy: Trong mọi nơi phố chợ, người ta sẽ than khóc; trong mọi đường phố, người ta sẽ kêu la rằng: Hỡi ôi! Hỡi ôi! Người ta sẽ mời kẻ cày ruộng đến thăm sầu, và những kẻ giỏi than van đến kêu khóc. ¹⁷ Trong các vườn nho vang tiếng khóc than, vì ta sẽ qua giữa người, Đức Giê-hô-va phán vậy

5:16 “Vậ y nên” Điểm này liên quan đến câu 10-13. Nó không liên quan đến các lời khuyên ăn năn lập đi lập lại, bắt đầu từ câu 4-6 (từ chính yếu tại đây là tìm kiếm).

▣ **“Trong mọi nơi phố chợ, người ta sẽ than khóc...Hỡi ôi! Hỡi ôi!”** Vị tiên tri đã bắt đầu bài ai ca tang lễ trong 5:1 và giờ đây sự phán xét đã đến và tất cả mọi người than khóc. Quảng trường có thể có nghĩa tương đương với cửa thành hoặc chợ. Ngay cả chữ những con đường (BDB 299) cũng có thể có nghĩa là quảng trường hoặc chợ (ví dụ, I Các vua 20:34).

▣ **“kẻ cày ruộng”** Tôi tin rằng người chữ “người cày ruộng” là ám chỉ đến người nghèo. Nó không phải là những người nghèo như trong các nền văn hóa phương Tây hiện đại, nhưng là các nông dân trồng trọt trên mảnh đất nhỏ của tô tiên để lại (do Đức Giê-hô-va ban cho), chính họ là những người bị bóc lột. Những quy định trong luật Môi-se về năm Sa-bát và năm Hân Hi đã bị bỏ qua và đất bị chiếm đoạt vĩnh viễn.

▣ **“những kẻ giỏi than van”** Người Cận Đông tỏ ra xúc động nhiều trong các nghi thức than

khóc. Có những người được huấn luyện sẵn sàng để hỗ trợ cho quá trình đau thương này (khóc mướn) (xem II Sử ký 35:25; Giê-rê-mi 9:17). Xem quyển *Manners and Customs of the Bible* của James M. Freeman, trang 283-284.

5:17 “vì ta sẽ qua giữa người” Cụm từ này đã được sử dụng trong Xuất Ê-díp-tô Ký 12:12 để chỉ Thiên sứ gây chết chóc đi qua nước Ai Cập để phán xét trong đêm lễ Vượt Qua. Sự hiện đến của Chúa có thể là phước lành cũng có thể là sự phán xét (xem câu 18). Y-sơ-ra-ên đã xem nó chắc chắn phải là một phước lành, nhưng A-môt tiết lộ rằng nó sẽ là sự phán xét. Thật là một sự đảo ngược mỉa mai bi thảm (xem câu 18-20). Tất cả con người được tạo dựng theo hình ảnh của Chúa đều cảm nhận họ có nhu cầu hướng đến Ngài (xem câu 14b). Ngài muốn ở với chúng ta, nhưng hành động của chúng ta chỉ đem đến sự phán xét, chứ không phải là sự thông công.

BẢN NASB 5:18-20

¹⁸ **Khốn thay cho các người là kẻ trông mong ngày của Đức Giê-hô-va! Các người trông mong ngày của Đức Giê-hô-va làm gì? Ấy là ngày tối tăm, không phải là ngày ánh sáng.**
¹⁹ **Ví như một người tránh khỏi sự tử, lại gặp con gấu; hay là như kẻ vào trong nhà, dựa tay trên vách, bị rắn cắn nhằm.** ²⁰ **Ngày của Đức Giê-hô-va há chẳng phải tối tăm, không sáng láng, và mù mịt, không chói lói hay sao?**

5:18 “Khốn thay” Chữ này có nghĩa đen là lời than khốn khổ (BDB 222). Đây là một tán thán từ chỉ sự đau buồn và than khóc về người quá cố (xem câu 16; Giê-rê-mi 22:18; 34:5).

☐ **“các người là kẻ trông mong ngày của Đức Giê-hô-va”** ĐỘNG TỪ này (BDB 16, KB 20, dạng ĐỘNG TÍNH TỪ Hiphil (Hiphil PARTICIPLE)) có nghĩa là thêm muốn cho chính mình. Những người này nghĩ rằng sự hiện đến của Chúa (tức là ngày của Chúa) sẽ mang lại phước lành và giải thoát bởi vì họ là dân sự của giao ước (xem 3:2). Nhưng bởi vì chính lý do này mà sự phán xét sẽ đến. Bởi vì sự mù lòa trong tâm lòng của họ mà Chúa đã đến với họ như là Thẩm phán (xem 3:14; 5:18; 8:3,9,11,13) chứ không phải Đấng Giải Cứu (xem 9:11,13). Tôn giáo của họ dẫn đến kết quả là một sự rửa sả (xem Phục truyền Luật lệ Ký 27-29).

A-môt là một trong những sách tiên tri đầu tiên và cũng là lần đầu tiên nơi đây đã dùng cụm từ “ngày của Chúa” (xem ghi chú trong 2:16). Nó có thể dùng theo nghĩa bóng của những “ngày trong lúc Thánh Chiến” (xem, Giô-suê và Các quan xét). Trong những ngày đó Đức Giê-hô-va luôn luôn hiện diện, lo liệu và bảo vệ cho dân sự giao ước của Ngài, trong lúc chiến đấu Ngài bày tỏ rõ ràng những cách kỳ diệu để giải cứu dân sự của Ngài ra khỏi hiểm nguy. Tuy nhiên, Y-sơ-ra-ên đã vi phạm nặng nề giao ước đến nỗi mà đặc quyền của họ đổi ra sự từ bỏ và sự phán xét dành cho họ (xem Giô-ên 2).

☐ **“Ấy là ngày tối tăm, không phải là ngày ánh sáng”** Chỗ này vẫn còn sự tương phản trong những chữ được dùng ở đây. (xem 4:13c; 5:8c,20).

5:19 Hoàn toàn không có nơi để chạy trốn khỏi sự phán xét của Chúa.

5:20 Thật là một sự trớ trêu. Thật là một bi kịch.

☐ “tối tăm, không sáng láng” Chữ sự sáng (BDB 618) có thể là một ám chỉ đến vinh quang của Chúa.

BẢN NASB 5:21-24

²¹ Ta ghét; ta khinh dể những kỳ lễ của các người; ta không đẹp lòng về những hội trọng thể của các người đâu. ²² Dầu các người dâng những của lễ thiêu và của lễ chay cho ta, ta sẽ không nhận lấy; ta chẳng đoái xem những con thú mập về của lễ thù ân các người. ²³ Hãy làm cho tiếng của các bài hát các người xa khỏi ta! Ta không khứng nghe tiếng đàn cầm của các người. ²⁴ Thà hãy làm cho sự chánh trực chảy xuống như nước, và sự công bình như sông lớn cuộn cuộn.

5:21-24 Những câu này cho thấy Chúa từ chối hệ thống tế lễ được ban ra trong Lê-vi Ký 1-7? Có nhiều đoạn văn mạnh mẽ trong các sách Tiên Tri cho thấy sự không hài lòng của Chúa đối với cách thi hành hệ thống tế lễ của dân sự Ngài (xem Ê-sai 1:11-17; Giê-rê-mi 6:20; 7:21-23; Ô-sê 6:6; A-mốt 5:21-27; Mi-chê 6:8). Hệ thống tế lễ là cách thức của Đức Giê-hô-va giải quyết tội lỗi của con người để thiết lập và duy trì mối liên hệ cá nhân, yêu thương, tin cậy với tạo vật cao quý của Ngài. Tuy nhiên, Y-sơ-ra-ên đã không những biến nó thành nghi lễ và hình thức, nhưng còn kết hợp nó với những thói tục của ngoại giáo. Đức Giê-hô-va mong muốn sự tương giao, thông công. Đức Giê-hô-va muốn một dân sự phản ảnh mỹ đức của Ngài. Đức Giê-hô-va muốn tiếp cận đến cả mọi người qua sự làm chứng của một nhóm người được chọn (xem Sáng thế Ký 12:3; Xuất Ê-díp-tô Ký 19:5-6).

5:21 “Ta ghét; ta khinh dể những kỳ lễ của các người; ta không đẹp lòng về những hội trọng thể của các người đâu.” Đây là những từ ngữ mạnh mẽ. Họ rất sùng đạo nhưng thái độ và tâm hồn của họ xa cách Chúa. Sự mộ đạo của họ là điều ghê tởm đối với Chúa (xem Ê-sai 29:13). Hai động từ đầu tiên, “ta ghét” (BDB 971, KB 1338) và “ta từ chối” (BDB 549, KB 540) là những dạng HOÀN THÀNH Qal (Qal PERFECT) nói lên một thái độ dứt khoát, hoàn toàn.

Chữ “các lễ hội” (BDB 290) thường được sử dụng để nói đến ba lễ chính hàng năm (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 23:15-16; Lê-vi Ký 23). Đây là những kỳ lễ bắt buộc đối với tất cả nam giới.

Chữ “vui thích” (BDB 926, KB 1280, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH (Hiphil IMPERFECT)) nghĩa đen là có mùi thơm, ám chỉ đến cụm từ hương thơm nhẹ nhàng trong luật pháp Môi-se, có nghĩa sự chấp nhận của Đức Giê-hô-va về của tế lễ (xem Sáng thế Ký 8:21; Xuất Ê-díp-tô Ký 29:18,25; Lê-vi Ký 26:31; I Sa-mu-ên 26:19).

5:22 Sự mộ đạo mà không có mối quan hệ (với Chúa) là một điều ghê tởm (xem Ê-sai 1:10-20; Giê-rê-mi 7). Đức Giê-hô-va không từ bỏ hệ thống của lễ, nhưng Ngài từ chối cách sử dụng nó không phù hợp (chỉ có nghi lễ mà không có đức tin ăn năn, chỉ có hình thức mà không có thái độ thích hợp).

☐ “ta chẳng đoái xem” “Đoái xem” (BDB 613, KB 661, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Hiphil (Hiphil IMPERFECT)) được dùng theo nghĩa chấp nhận hoặc công nhận.

☐ “những con thú mập” Chữ này (BDB 597) ám chỉ đến sự chăm sóc đặc biệt trong lúc nuôi những con thú còn nhỏ rồi sẽ lớn lên để dâng tế lễ.

5:23 “Hãy làm cho tiếng của các bài hát các người xa khỏi ta” Chữ này (BDB 693, KB 747)

là dạng MỆNH LỆNH GIỐNG ĐỨC SỐ ÍT Hiphil (Hiphil IMPERATIVE MASCULINE SINGULAR)). Ngay cả với âm nhạc thánh, tuyệt diệu mà không có động cơ đúng thì là một trò hề, đạo đức giả, và là sự ghê tởm đối với Chúa. Chúa mong muốn cơ động thật, chứ không phải chỉ là hình thức.

Câu này không cho thấy các chi phái phía bắc dung nạp các hình thức thờ phượng (âm nhạc được phát triển bởi các hội đoàn tiên tri, xem I Sa-mu-ên 10:5) của đền thờ ở Giê-ru-sa-lem (được phát triển bởi Đa-vít, xem II Sa-mu-ên 6:5,15). Các nhà lãnh đạo (Giê-rê-bô-am I) muốn các bàn thờ phía bắc (tại Đan và Bê-tên) bắt chước y hệt các chi tiết thờ phượng để dân thường sẽ không nhận thấy có sự khác biệt.

Thật đáng ngạc nhiên là động từ ở đây số ít. Có thể câu 23 này A-môt đang nói với thầy tế lễ cả tại Bê-tên.



NASB, NRSV,

TEV, NIV “đàn hạc”

NKJV, NET “đàn dây”

NJB “đàn lia”

REV, JPSOA “đàn luyt”

Nhiều bản dịch Anh ngữ cho thấy con người hiện nay không biết loại nhạc cụ có dây nào được đề cập tại đây. Lưu ý đến một số các loại nhạc cụ khác cũng thường được thêm vào để sử dụng (xem II Sa-mu-ên 6:5 và Thi thiên 92:3). Có thể là các hình ảnh trên các bức tường của người A-sy-ri miêu tả nhạc cụ này gồm có những dây với một thùng đàn để tạo âm thanh giống như đàn công-tơ-bát của chúng ta thời nay. Xem quyển *Manners and Customs of the Bible* của James M. Freeman, trang 221-222.

5:24 Đây là một trong những câu thơ nổi tiếng nhất trong sách A-môt. Chúa muốn dân sự của Ngài chú tâm vào “Ngài là ai” mỗi ngày chứ không phải chỉ vào những ngày lễ thờ phượng. Đức tin chân thật bày tỏ ra chúng ta là ai (thuộc loại người nào) chứ không phải điều gì chúng ta làm. Nhưng chúng ta là thuộc loại người nào sẽ được thấy rõ trong những việc chúng ta làm, cách chúng ta làm, và tại sao chúng ta làm điều đó (xem Ma-thi-ơ 7).

Công bình và sự ngay thẳng (chánh trực) thường đi song song giống như trong câu 7. Trong bối cảnh này, chúng đề cập đến sự vâng phục của con người theo giao ước Môi-se được biểu lộ qua cách sống có mối quan hệ đúng đắn giữa Chúa (Đấng được thờ phượng) và người thờ phượng. Động từ “chảy xuống” (BDB 146, KB 193) là một MỆNH LỆNH dạng Niphal (Niphal JUSSIVE) nói lên ý khẩn thiết, cấp bách.

▣ “**sông lớn cuộn cuộn**” Chữ này (BDB 450) dùng để chỉ một dòng nước không bao giờ khô cạn (tức là không theo mùa). Nó được dùng theo nghĩa bóng để chỉ một đời sống có đức tin hành động (xem Giê-rê-mi 22:3; Ê-xê-chi-ên 45:9; Mi-chê 6:8).

BẢN NASB 5:25-27

²⁵ Hỡi nhà Y-sơ-ra-ên, các người há chẳng từng dâng hi sinh và của lễ chay cho ta trong bốn mươi năm nơi đồng vắng sao? ²⁶ Trái lại, các người đã khiêng nhà tạm của vua mình, khám của thần tượng mình, và ngôi sao của thần các người mà các người đã làm cho mình. ²⁷ Vậy nên, ta sẽ làm cho các người bị đầy qua làm phu tù bên kia Đa-mách, Đức Giê-hô-va phán vậy, danh Ngài là Đức Chúa Trời vạn quân.

5:25 Đây là một câu rất khó để giải nghĩa. Nó có thể là một câu hỏi (tiếp tục từ câu 25) hoặc là một câu xác nhận (liên kết nó với câu 27, xem bản dịch TEV). Đã có hai cách giải thích: (1) A-mốt đang khẳng định rằng các con cháu của Y-sơ-ra-ên đã không dâng sinh tế trong đồng vắng (xem Giê-rê-mi 7:21-22 và bản dịch NJB) hoặc (2) mặc dù họ có dâng sinh tế theo cách thức bị giới hạn (bản dịch JB) và đối tượng họ dâng tế lễ không phải là Đức Giê-hô-va, nhưng là các vị thần của người A-sy-ri dẫn họ đi lưu đầy (cách mĩa mai).

5:26 Có nhiều thảo luận về các yếu tố thời gian của câu này. Có phải câu này nói đến bốn mươi năm lang thang trong đồng vắng theo câu 25 hay là nó nói đến sự lang thang trong tương lai từ khi bị lưu đầy do người A-sy-ri? Bởi vì các thần tượng được đề cập là Thần sao của người A-sy-ri nên câu này dường như là đề cập đến thời gian sống lưu đầy trong hiện tại hoặc tương lai. Trong khi đó thì câu 25 dùng để chỉ đến giai đoạn lang thang trong đồng vắng sau khi ra khỏi xứ Ai Cập.

Vẫn còn khả năng khác là Y-sơ-ra-ên đã đưa hệ thống tế lễ lên tột cùng nhưng trong thực tế thì nhiều năm sau khi họ rời khỏi xứ Ai Cập họ đã không thể thực hiện sự tế lễ bởi vì không có đền tạm. Trong những năm đó sự tin cậy cá nhân vào sự chăm sóc, sự hiện diện, và cung cấp của Chúa là trọng tâm của đức tin họ, chứ không phải là của lễ. Điều này không làm giảm giá trị hệ thống hiến tế. Chắc chắn nó là ý muốn của Chúa, nhưng hướng đến chính Chúa mới là chủ đích, chứ không phải là các nghi lễ và sự thờ phượng. Động cơ và thái độ là điều chính yếu.

Đây chỉ là một ghi chú về trích dẫn A-mốt 5:25-27 của Ê-tiên trong sách Công vụ 7:42-43. Hầu hết người Do Thái trong thế kỷ đầu tiên sau Chúa sử dụng bản dịch Cựu Ước Septuagint. Ở một số chỗ, nó dựa theo một bản văn khác hơn bản văn Masoretic. Đây là một vấn đề. Tuy nhiên, Cả hai truyền thống bản văn này đều có xuất hiện trong bộ Các Cuộn Biển Chết. Không có câu nào trong những câu này ảnh hưởng đến lẽ thật hay sự đáng tin cậy của giáo lý hay là việc áp dụng giáo lý. Chúng ta phải quả quyết rằng Cơ Đốc Giáo không phải tồn tại hay là sụp đổ là tùy thuộc vào sự khác biệt giữa bản Kinh Thánh Cựu Ước tiếng Hê-bơ-rơ với các phiên bản cổ của nó hay là tùy thuộc vào sự khác biệt giữa các bản chép tay Tân Ước. Xem một thảo luận về điều này trong quyển *Encyclopedia of Bible Difficulties* của Gleason Archer, trang 381-382.

☐ **“Sikkuth vua mình”** Bản LXX có thêm cụm từ “lều của”, tuy nhiên thuật ngữ này được tìm thấy trong các bản văn tiếng A-sy-ri để chỉ đến một thần chiến tranh tên là A-dar-Melek-Saturn (hay là Ninurta trong tiếng Ugaritic). Nên lưu ý: một vị thần được gọi là vua cho thấy theo bối cảnh văn hóa này có ý nói Đức Giê-hô-va là vua.

☐

NASB “Kiyyun”
NKJV “Chiun”
NRSV, TEV,
NJB “Kaiwan”

NIV, REB “bệ”

Ở đây cũng đề cập đến một thần sao của người A-sy-ri và được xác định là sao Thổ (BDB 475). Bản dịch NASB phản ánh cách đánh vần trong tiếng Hê-bơ-rơ. Cách này là một sự phối hợp của các phụ âm của tên của thần sao, nhưng các nguyên âm của chữ “góm ghiếc” trong tiếng Hê-bơ-rơ (BDB 1055). Đây là một cách thông thường của các nhà chép kinh Hê-bơ-rơ để chế giễu tên của các thần, các vua, và các quốc gia (ví dụ, Sikkuth). Cách đánh vần chữ Kaiwan là từ tiếng người A-cát hoặc tiếng Ả Rập.

Việc dịch chữ này là “cái bệ” giả định rằng chữ này xuất phát từ gốc là kwn, có nghĩa là để vững vàng.

5:27 “ta sẽ làm cho các người bị đầy qua làm phu tù bên kia Đa-mách” Chi tiết này đề cập đến sự lưu đầy do người A-sy-ri, xảy ra vào năm 722 TC sau một cuộc bao vây Sa-ma-ri kéo dài ba năm (tham khảo có thể là 4:3; và Ô-sê 9:3; 10:6; 11:5). Điều này lại là một ám chỉ đến phần các phước lành và rửa sả trong Phục truyền Luật lệ Ký 27-29.

▣ **“Đức Giê-hô-va phán vậy, danh Ngài là Đức Chúa Trời vạn quân”** Một trong những tên cho Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên là Đức Giê-hô-va Vạn Quân hay là Đức Giê-hô-va Sabaoth (xem I Sa-mu-ên 1:3). Trong đoạn văn này danh hiệu Đức Giê-hô-va được thay thế bằng chữ Ê-lô-him. Danh hiệu ở đây được kết nối với Chúa như là Đấng điều khiển đạo thiên binh (theo ý văn tại đây là, các ngôi sao). Đức Giê-hô-va mới là niềm hy vọng của Y-sơ-ra-ên, chớ không phải là thần sao (như các thần sao của người A-sy-ri).

Việc thờ phượng của các nguồn sáng trên trời bị lên án trong nhiều đoạn kinh văn (xem Phục truyền Luật lệ Ký 4:19; 8:02; 17:2-5; II Các vua 23:4-5,11; Giê-rê-mi 8:2; 19:13; 32:29; Xa-cha-ri 1:5). Cự Ước khẳng định nhiều lần rằng Chúa đã dựng nên và điều khiển các nguồn sáng trên trời (xem Sáng thế Ký 1:14-19; Thi thiên 19:1-6; Nê-hê-mi 9:6). Chính trong sự kết nối với các đoạn kinh văn này mà danh hiệu “Đức Chúa Trời vạn quân” là một sự lên án sự thờ thần tượng (thờ các thần, các thiên thần, các linh của các nguồn sáng trên trời, xem Phục truyền Luật lệ Ký 32:8 trong bản LXX).

A-MỘT ĐOẠN 6

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
	Tội lỗi của Y-so-ra-ên và sự phán xét của Đức Chúa Trời (3:1-6:14)		Y-so-ra-ên đã bị cảnh cáo và ngăm đe (3:2-6:14)
Cảnh báo cho Si-ôn và Sa-ma-ri 6:1-2 6:3-7	6:1-3 6:4-7	Sự tàn phá Y-so-ra-ên 6:1-7	Chống lại thái độ hưởng thụ và cảm nhận sai trật về bình an của họ 6:1-7
6:8-11	6:8 6:9-10 6:11-14	6:8 6:9-10 6:11-12	Sự phán xét: tai vạ, động đất, bị xâm lược 6:8-11
6:12-14		6:13 6:14	6:12-14

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

BẢN NASB 6:1-3

¹ Khôn thay cho những kẻ ăn ở nề trong Si-ôn, và cho những kẻ tưởng mình an ổn trên núi Sa-ma-ri! Khôn thay cho những kẻ sang trọng của các nước làm đầu, là những kẻ mà nhà Y-sơ-ra-ên về cùng! ² Vậy hãy qua Ca-ne, và hãy xem; hãy đi từ đó đến thành Ha-mát lớn, đoạn xuống thành Gát của người Phi-li-tin. những thành ấy há tốt hơn những nước này sao? Bờ cõi chúng nó há lớn hơn bờ cõi các ngươi sao? ³ Các ngươi làm cho ngày hoạn nạn xa ra, và làm cho ngôi bạo ngược gần lại!

6:1 “Khôn” Cách phát âm của từ này nghe giống như bày tỏ cảm giác bức tức hay là đau buồn. Chữ này (BDB 222) là đặc trưng của sách Ca thương (xem 5:24). Các sách tiên tri thường sử dụng hình thức văn học (theo nhịp 3-2) của một bài ai ca trong tang lễ để bày tỏ sự phản đối của Chúa và sự phán xét sắp tới của Ngài. Thuật ngữ này được lặp lại thường xuyên trong Ê-sai (xem theo nghĩa tiêu cực trong 1:4,24; 5:8,11,18,20,21,22; 10:1, 17:12, 18:1, 28:1; 29:1, 15; 30:1; 31:1; 33:1; 45:9,10; trung tín trong 10:5; và tích cực trong 55:1) và Giê-rê-mi (xem 22:13,18; 23:1, 30:7; 34:5; 47:6; 48:1; 50:27).

TÁN THÁN TỪ (INTERJECTION) này được nối tiếp bởi một loạt các ĐỘNG TÍNH TỪ (PARTICIPLES) đều chứa đựng “nỗi đau đớn” trong mỗi ĐỘNG TÍNH TỪ (các câu 1-7).

▣ **“những kẻ ăn ở nề trong Si-ôn”** Trong mệnh đề này không có động từ. Cụm từ này được sử dụng như là một danh từ (SUBSTANTIVE). Nó có nghĩa theo cách dùng của tiên tri để chỉ sự không suy nghĩ, phóng đảng, ngạo mạn (BDB 983, xem Ê-sai 32:9,11; Xa-cha-ri 1:15; và Thi thiên 123:4). Vấn đề không phải bởi vì sự tiêu khiển, của cải và địa vị trong xã hội của họ, nhưng vì họ tin cậy vào những điều này thay vì tin cậy vào Chúa.

Nhóm này được mô tả bằng nhiều cách trong các câu tiếp theo:

1. Những người cảm thấy an toàn, câu 1b
2. Người làm cho ngày hoạn nạn xa ra, câu 3
3. Những người nằm trên giường bằng ngà, câu 4
4. Những người bày vẽ ra những bài hát vu vơ (vô nghĩa), câu 5
5. Những người uống rượu từ các chén dùng để tế lễ, câu 6

Tất cả những cụm từ có MAO TỪ XÁC ĐỊNH (DEFINITE ARTICLE) kèm theo với một ĐỘNG TÍNH TỪ (PARTICIPLE).

▣ **“tại Si-ôn”** Chi tiết này dường như đi song song với ý “trên núi của Sa-ma-ri” (thủ đô của mười chi phái phía Bắc). Tuy nhiên, Si-ôn lại là một trong bảy ngọn đồi của Giê-ru-sa-lem. Do đó, điều này có thể có nghĩa là:

1. Toàn bộ dân sự giao ước, 3:1, 6:8
2. Cả Giu-đa và Y-sơ-ra-ên đều tội lỗi và phạm tội
3. Một thể song đối trong văn chương, nhưng không có ý định để phân biệt

▣ **“những kẻ sang trọng (ưu tú)”** Chữ này là nghĩa đen người được thấu suốt (BDB 666; KB 718, dạng ĐỘNG TÍNH TỪ Qal (Qal PARTICIPLE)). Nghĩa gốc tiếng Ả Rập là người xem xét kỹ lưỡng (các nhà lãnh đạo). Chữ này dường như ám chỉ đến (1) các nhà lãnh đạo trước đây của người Y-sơ-ra-ên đã cố gắng tạo các thỏa thuận an ninh để bảo vệ chính họ khỏi sự phán xét của Chúa (cuộc lưu đày bởi người A-sy-ri) hoặc (2) các nhà lãnh đạo giàu có chỉ suy tưởng về chính

mình (xem câu 13; bản Kinh Thánh NET; bộ giải kinh Tyndale).

6:2 Tùy thuộc vào cách giải thích câu 1, câu này có thể là:

1. Những lời của A-mốt nói về giới lãnh đạo kiêu ngạo của dân sự giao ước (Giu-đa và Y-sơ-ra-ên) tương tự như 9:7. Tuy nhiên, điều này liên quan đến một số sự sửa lỗi trong bản văn (xem quyển Handbook của UBS, mục số #31, trang 289).
2. Các nhà lãnh đạo có ý kiến với người dân (xem bản Kinh Thánh NET, bộ giải kinh Tyndale).

▣ **“Ca-ne”** Đây là một thành phố pháo đài trong xứ Sy-ri (xem Ê-sai 10:6), bị phá hủy bởi Tiglath-Pileser III trong năm 738 TC. Nó trở thành một câu tục ngữ cho sự lưu đày sắp đến của Y-sơ-ra-ên. Đó cũng là từ lúc này Ma-na-hem, vua của Y-sơ-ra-ên bắt đầu dâng triều cống cho A-sy-ri.

▣ **“Ha-mát”** Trong quyển *The Anchor Bible Dictionary*, quyển 3, trang 33, có một nhận định súc tích.

“Một thành phố ở Sy-ri mà phần lãnh địa phía nam thường trở thành một phần cho phần biên giới “lý tưởng” hướng bắc của Y-sơ-ra-ên (xem I Các vua 8:65; I Sử ký 13:5). Thành phố là mục tiêu cho các cuộc chinh phục của quân A-sy-ri (Ê-sai 36:19), và một số cư dân của nó bị đi đày và định cư trong Y-sơ-ra-ên (II Các vua 17:24).”

Nó nằm khoảng 150 dặm về phía bắc của thành phố Đan trên sông Orantes.

▣ **“Gát”** Dân Phi-li-tin thành lập năm thành-bang ở phía tây nam của xứ Giu-đa trong vùng đồng bằng ven biển. Bốn trong số những thành phố được đề cập trước đó trong A-mốt 1:6-8 (Gaxa, Ách-đốt, Ách-kê-lôn, và Êc-rôn). Gát cũng được đề cập trong Mi-chê 1:10. Sau này nó bị phá hủy bởi dân A-sy-ri.

6:3 Các nhà lãnh đạo giàu có đã cố gắng “trì hoãn” (BDB 622, KB 672, dạng ĐỘNG TÍNH TỪ Piel (Piel PARTICIPLE), động từ này chỉ xuất hiện ở đây theo hình thức này và hai lần khác trong Cựu Ước, xem Ê-sai 66:5) ngày Đức Chúa Trời thăm viếng bằng cách (1) dùng bói toán hoặc (2) chẳng để ý đến (xem bản Kinh Thánh TEV) những hệ quả theo giao ước trong Phục truyền Luật lệ Ký 27-29. Điều trở trêu là chính hành động của họ càng đem ngày phán xét đến sớm hơn.

▣ **“ngôi bạo ngược”** Chi tiết này có thể ám chỉ đến (1) các nhà lãnh đạo của Y-sơ-ra-ên hoặc (2) cuộc xâm lược sắp đến của A-sy-ri. “Ngôi” được hiểu theo nghĩa bóng để chỉ sự cai trị.

BẢN NASB 6:4-7

⁴ Các người nằm ngủ trên giường ngà và duỗi dài trên ghế dài mình; ăn những chiên con chọn ra trong bầy và những bò con mập trong chuồng. ⁵ Thật, các người hát bài bầy bạ họa theo đờn cầm, bày vẽ ra những đồ nhạc khí cho mình như vua Đa-vít. ⁶ Các người uống rượu trong những chén lớn, dùng dầu rất quý xức cho thơm mình, mà không lo đến tai nạn của Giô-sép! ⁷ Vậy nên chúng nó sẽ bị bắt làm phu tù đầu nhứt trong những kẻ bị bắt, và bấy giờ sẽ dứt tiếng reo vui của những kẻ buông tuồng ấy!

6:4-6 Đoạn này mô tả các tiệc tùng linh đình say sưa của những kẻ giàu đắm mình trong lạc thú.

6:4 “đuối dài” Thuật ngữ này (BDB 710, KB 756) được sử dụng lại trong câu 7. Nó mang một ý nghĩa tiêu cực. Nó có nghĩa tương đương với “ngả dài” (BDB 1011, KB 1486), có thể là một cách ăn (nằm mà ăn) dị thường vào thời kỳ này ở xứ Pa-léc-tin. Nếu đúng vậy thì cả hai đều nói đến những hành động mới mẻ, ngoại lai, không có trong truyền thống (các ảnh hưởng của ngoại giáo trên các nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên).

6:5 “các người hát bài bậy bạ họa theo đờn cầm...như vua Đa-vít” Đây là một ám chỉ đến nền tảng âm nhạc từ Đa-vít.

1. Chính Đa-vít đã
 - a. Chơi nhạc cho Sau-lơ, I Sa-mu-ên 16:16,23; 18:10; 19:9
 - b. Bổ nhiệm những người Lê-vi hát xướng, I Sử ký 6:31, 15:1-16:43; 25:1-31; II Sử ký 29:25-30
2. Những tác phẩm âm nhạc của Đa-vít:
 - a. II Sa-mu-ên 22
 - b. Phần lớn của hai sách Thi thiên đầu tiên (xem 72:72)
 - (1). Bản văn MT cho rằng Đa-vít sáng tác 73 Thi thiên
 - (2). Bản dịch LXX cho rằng Đa-vít sáng tác 84 Thi thiên
 - (3). Bản dịch Vulgate cho rằng Đa-vít sáng tác 53 Thi thiên
 - c. Được gọi là tác giả sáng tác những Thi thiên ngọt ngào nhất của Y-sơ-ra-ên (xem II Sa-mu-ên 23:1)

ĐỘNG TỪ “sáng tác nhạc tại chỗ” này (BDB 827, KB 967, dạng ĐỘNG TÍNH TỪ Qal (Qal PARTICIPLE)) không rõ nghĩa. Nó chỉ xuất hiện ở đây trong Cựu Ước. Trong tiếng Hê-bơ-rơ về sau này nó có nghĩa là bẻ rời ra hoặc tách ra (ví dụ, trái cây rơi xuống khỏi cây hay bụi cây). Cách dịch theo ý “sáng tác” hay “ứng tác” là dựa theo từ gốc trong tiếng Ả-rập.

Có thể theo văn mạch tại đây thì “những tay ăn chơi” này đang làm cho những thứ sau đây trở nên phạm tục là:

1. Những giai điệu, vãn thơ của Đa-vít
2. Các nhạc cụ dùng trong đền thờ

6:6

NASB	“chén tế lễ”
NKJV, NRSV	“chén”
TEV, NJB	“bởi chén đầy”

Chi tiết này mô tả sự say sưa của họ (“chén, không phải ly”; bản REB dịch, “các người uống chén rượu đầy”) hơn là nói đến việc sử dụng những đồ dùng thánh (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 24:6-8; Dân số Ký 7:13) cách trái lẽ (xem Đa-ni-ên 5:2). Một số người xem đây là hành động ma thuật dựa theo Ê-sai 65:11.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁI NHÌN CỦA KINH THÁNH ĐỐI VỚI RƯỢU (CHẤT CÓ MEN) VÀ SỰ SAY RƯỢU (SỰ NGHIỆN NGẬP)

I. Các từ ngữ trong Kinh thánh

A. Cừ ước

1. *Yayin*- Đây là từ ngữ tổng quát chỉ rượu, được dùng 141 lần. Từ nguyên của chữ này không rõ bởi vì nó không phải xuất phát từ gốc tiếng Hê-bơ-rơ. Nó có nghĩa là các loại trái cây lên men, thường là nho. Các đoạn Kinh thánh điển hình gồm có Sáng thế ký 9:21; Xuất Ê-díp-tô ký 29:40; Dân số ký 15:5, 10.
2. *Tirosh*- Đây là “rượu mới.” Bởi vì điều kiện khí hậu ở vùng Cận đông, quá trình lên men có thể xảy ra sớm nhất là 6 giờ đồng hồ sau khi ép lấy nước trái cây. Từ này chỉ rượu đang trong giai đoạn lên men. Các đoạn Kinh thánh điển hình gồm có Phục truyền luật lệ ký 12:17; 18:4; Ê-sai 62:8-9; Ô-sê 4:11
3. *Asis*- Đây rõ ràng là các thức uống có cồn (Giô-ên 1:5; Ê-sai 49:26).
4. *Sekar*- Chữ này có nghĩa “đồ uống mạnh.” Có gốc từ tiếng Hê-bơ-rơ là “say” hay “người say.” Nó được cho thêm vào một thứ gì khác để làm cho say hơn. Nó tương đương với từ *yayin* (Châm-ngôn 20:1; 31:6; Ê-sai 28:7).

B. Tân ước

1. *Oinos*- trong tiếng Hy-lạp tương đương với chữ *yayin*.
2. *Neos oinos* (rượu mới)- trong tiếng Hy-lạp tương đương với chữ *tirosh* (Mác 2:22)
3. *Gleuchos vinos* (rượu ngọt, asis)- rượu trong thời kỳ đầu của giai đoạn lên men (Công vụ 2:13).

II. Các cách dùng trong Kinh thánh

A. Cừ ước:

1. Rượu là một món quà từ Chúa (Sáng thế ký 27:28; Thi-thiên 104:14-15; Truyền đạo 9:7; Ô-sê 2:8-9; Giô-ên 2:19,24; A-mốt 9:13; Xa-cha-ri 10:7).
2. Rượu là một phần trong của dâng tế lễ (Xuất Ê-díp-tô ký 29:40; Lê-vi-ký 23:13; Dân số ký 15:7,10; 28:14; Phục truyền luật lệ ký 14:26; Các quan xét 9:13).
3. Rượu được dùng như thuốc (II Sa-mu-ên 16:2; Châm-ngôn 31:6-7).
4. Rượu có thể trở thành một vấn đề nghiêm trọng (Nô-ê- trong Sáng thế ký 9:21; Lót- trong Sáng thế ký 19:33, 35; Sam-sôn- trong Các quan xét 16:19; Na-banh- trong I Sa-mu-ên 25:36; U-ri- II Sa-mu-ên 11:13; Am-môn- II Sa-mu-ên 13:28; Ê-la- I Các Vua 16:9; Bên-ha-đát- I Các Vua 20:12; Những người cầm quyền- A-mốt 6:6; và Những người phụ nữ- A-mốt 4).
5. Rượu có thể bị lạm dụng (Châm-ngôn 20:1; 23:29-35; 31:4-5; Ê-sai 5:11, 22; 19:14; 28:7-8; Ô-sê 4:11).
6. Rượu bị cấm đối với một vài nhóm người (Thầy tế lễ đang làm nhiệm vụ, Lê-vi-ký 10:9; Ê-xê-chi-ên 44:21; Na-xi-rê, Dân số ký 6; và những người cai trị, Châm-ngôn 31:4-5; Ê-sai 56:11-12; Ô-sê 7:5).
7. Rượu được dùng trong bối cảnh ngày cuối cùng (A-mốt 9:13; Giô-ên 3:18; Xa-cha-ri 9:17).

B. Thời kỳ giữa Cựu Ước và Tân Ước (Interbiblical)

1. Rượu dùng có chừng mực rất có ích lợi (sách Ecclesiasticus 31:27-30)
2. Các thầy ra-bi nói rằng, “Rượu là thứ thuốc tốt nhất, chỗ nào thiếu rượu thì mới cần đến thuốc.” (BB 58b).

C. Tân ước:

1. Chúa Jêsus biến một khối lượng lớn nước thành rượu (Giăng 2:1-11).
2. Chúa Jêsus uống rượu (Ma-thi-ơ 11:18-19; Lu-ca 7:33-34; 22:17 và tiếp sau).
3. Phi-e-rơ bị cho là say ‘rượu mới’ trong ngày lễ Ngũ Tuần (Công vụ 2:13).
4. Rượu được dùng làm thuốc (Mác 15:23; Lu-ca 10:34; I Ti-mô-thê 5:23).
5. Người lãnh đạo không được lạm dụng rượu. Điều này không có nghĩa là hoàn toàn kiêng cử rượu (I Ti-mô-thê 3:3, 8; Tít 1:7; 2:3; I Phi-e-rơ 4:3).
6. Rượu dùng trong bối cảnh ngày cuối cùng (Ma-thi-ơ 22:1 và tiếp sau; Khải huyền 19:9).
7. Say rượu đáng bị quở trách (Ma-thi-ơ 24:49; Lu-ca 11:45; 21:34; I Cô-rinh-tô 5:11-13; 6:10; Ga-la-ti 5:21; I Phi-e-rơ 4:3; Rô-ma 13:13-14).

III. Các kiến giải thần học:

A. Sự căng thẳng biện chứng:

1. Rượu là một món quà Chúa ban
2. Sự say rượu là một vấn đề nghiêm trọng
3. Người tin Chúa ở trong một số nền văn hóa phải tự giới hạn sự tự do của mình vì Phúc âm (Ma-thi-ơ 15:1-20; Mác 7:1-23; I Cô-rinh-tô 8-10; Rô-ma 14:1-15; 13).

B. Khuynh hướng đi ra khỏi giới hạn cho phép:

1. Đức Chúa Trời là nguồn gốc của mọi điều tốt lành (tạo vật “rất tốt lành,” Sáng thế ký 1:31).
2. Con người sa ngã đã lạm dụng những điều Chúa ban cho bằng cách vượt khỏi giới hạn cho phép.

C. Sự lạm dụng do chính chúng ta, chứ không phải do đồ vật. Không có điều gì là ác, là xấu trong các tạo vật hữu hình này (Mác 7:18-23; Rô-ma 14:14,20; I Cô-rinh-tô 10:25-26; I Ti-mô-thê 4:4; Tít 1:15).

IV. Văn hóa Do thái thế kỷ thứ nhất và sự lên men rượu:

- A. Sự lên men xảy ra rất sớm, khoảng 6 giờ sau khi nho được ép ra, đặc biệt là trong loại khí hậu nóng và điều kiện vệ sinh thấp
- B. Truyền thống Do thái nói rằng khi một miếng bột nhỏ xuất hiện trên bề mặt (dấu hiệu lên men), nó phải dành một phần mười để dâng (sách *Ma aseroth* 1:7). Nó được gọi là ‘rượu mới’ hay là “rượu ngọt.”
- C. Sự lên men mạnh mẽ nhất hoàn tất sau một tuần.
- D. Quá trình lên men lần thứ hai mất khoảng 40 ngày. Đến lúc này, nó được xem là “rượu đúng tuổi” và có thể được đem dâng trên bàn thờ (sách *Edhuyoth* 6:1).
- E. Rượu để ở nơi khuất (rượu lâu năm) được kể là rượu tốt, nhưng phải lọc thật kỹ trước khi dùng.
- F. Rượu được xem là đến đúng tuổi sau khoảng một năm để lên men. Thời gian cất giữ rượu lâu nhất là 3 năm. Nó gọi là “rượu cũ” và phải pha với nước.
- G. Chỉ trong vòng 100 năm trở lại đây, quá trình lên men bị kéo dài do ở trong môi trường tiệt trùng và các hóa chất phụ gia. Thời xưa không thể làm ngưng quá trình

lên men tự nhiên.

V. Lời kết:

- A. Nên cẩn thận để kinh nghiệm của bạn, quan điểm thần học và sự giải thích Kinh thánh của bạn không hạ giá Chúa Giê-xu và văn hóa Do thái hoặc văn hóa Cơ đốc. Rõ ràng họ không phải là những người hoàn toàn kiêng cữ rượu.
- B. Tôi không ủng hộ cho việc dùng rượu để xã giao. Tuy nhiên, nhiều người đã phóng đại thái quá quan điểm Kinh thánh về đề tài này và đòi hỏi có sự công bình ở đẳng cấp cao hơn mà chỉ dựa vào các thiên kiến của hệ phái và văn hóa.
- C. Đối với tôi, Rô-ma 14:1-15:13 và I Cô-rinh-tô 8-10 đã giúp cho việc thấu hiểu và hướng dẫn dựa trên tình yêu thương và sự tôn trọng các anh em cùng niềm tin và sự truyền bá Phúc âm trong mọi nền văn hóa, chứ không phải nhấn mạnh đến tự do cá nhân hay là công kích với tinh thần phán xét. Nếu Kinh thánh là nguồn tài liệu duy nhất để hướng dẫn niềm tin và thực hành, thì có lẽ chúng ta phải suy nghĩ lại vấn đề này.
- D. Nếu chúng ta cố áp đặt sự kiêng cữ rượu hoàn toàn là ý chỉ của Chúa, thì chúng ta đã có ý nói gì về chính Chúa Giê-xu, cũng như các văn hóa ngày nay thường dùng rượu (ví dụ như Âu châu, Y-sơ-ra-ên, Ác-hen-ti-na)?

▣ **“dùng dầu rất quý xức cho thơm mình”** Xức dầu trên mặt và cánh tay là một dấu hiệu của sự vui mừng. Những hành động của họ trái ngược với dòng thơ tiếp theo. Lẽ ra họ phải đau buồn về sự điêu tàn trên đất nước của họ.

▣ **“tai nạn của Giô-sép”** Giô-sép kết hôn một người Ai Cập. Họ có hai đứa con mà sau đó được Gia-cốp (Y-sơ-ra-ên) nhận làm con (xem Sáng thế Ký 48:8-22). Mặc dù dòng dõi Mết-si-a đến từ dòng dõi của Giu-đa, Giô-sép được nhận phần gia sản thừa kế gấp đôi của người con trưởng. Hai con trai của Giô-sép trở thành hai chi phái lớn nhất, Ép-ra-im và Ma-na-se. Họ là thành phần của mười chi phái phía bắc đã tách ra khỏi con trai của Sô-lô-môn (Rê-hô-bô-am) vào năm 922 TC và thiết lập một quốc gia mới dưới triều đại Giê-rô-bô-am I. Quốc gia mới này được biết đến với một số danh hiệu:

1. Y-sơ-ra-ên (tên mới của Gia-cốp)
2. Sa-ma-ri (thủ đô)
3. Ép-ra-im (chi phái lớn nhất)

6:7 Chi tiết này đề cập đến sự phán xét của Chúa trên những người chỉ quan tâm cho mình, nhưng xưng nhận là biết Đức Chúa Trời. Sự phán xét dành cho họ là sự đảo lộn hoàn toàn lối sống của họ. Đứng đầu trong sự xa xỉ và ăn chơi thì cũng bị lưu đày trước tiên.

▣ **“tiếng reo vui”** Chữ này (BDB 931, KB 634) được thấy chỉ có hai lần trong Cựu Ước (ở đây và trong Giê-rê-mi 16:5). Bản văn Giê-rê-mi (và một bản văn tiếng Ugaritic) liên kết chữ này với một bữa tiệc say sưa cho người chết. Nếu đúng vậy, thì sự châm biếm trong lời tuyên bố của A-mốt thật rõ ràng.

BẢN NASB 6:8-11

⁸ Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời vạn quân phán rằng: Chúa Giê-hô-va đã chỉ mình mà thề rằng: Ta góm ghiếc sự kiêu ngạo của Gia-cốp, và ghét cung đèn nó; vậy nên ta sẽ phó thành này cùng những vật chứa ở trong. ⁹ Nếu trong một nhà còn lại mười người, thì chúng nó cũng sẽ chết hết. ¹⁰ Một người bà con gần là kẻ phải đốt xác chết, sẽ cất người lên để đem xương ra khỏi nhà; người ấy sẽ hỏi kẻ ở nhà trong rằng: Còn có ai ở với người không? Kẻ ấy đáp rằng: Không có ai hết! Bấy giờ người bà con nói rằng: Hãy im đi! chớ nói đến danh Đức Giê-hô-va! ¹¹ Vì, Đức Giê-hô-va truyền lệnh, này, nhà lớn sẽ bị ngã xuống mà đổ nát, nhà nhỏ sẽ bị tan ra từng mảnh.

6:6-11 Trong quyển *Handbook for Translators* của UBS, trang 131, chỉ ra một chi tiết hay đó là những câu này song song 5:21-24. Sự phán xét của Chúa đi theo sự thịnh nộ của Ngài (xem câu 8; 5:24).

6:8 Chúa Giê-hô-va chỉ chính mình mà thề. Xem ghi chú trong 4:2. Động từ “thề” (BDB 989, KB 1396) được sử dụng vài lần trong A-môt nói đến Đức Giê-hô-va thề.

1. bởi sự thánh khiết của Ngài, 4:2
2. bởi chính Ngài, 6:8
3. bởi sự tự cao của Gia-cốp, 8:7 (ý mỉa mai, châm biếm, hay hối tiếc)

☐ **“Đức Chúa Trời vạn quân”** Xem chủ đề đặc biệt: Tên của thần linh trong 1:2. Việc lập lại một lần nữa danh hiệu Đức Giê-hô-va làm cho điều này trở thành lời tuyên bố mạnh mẽ.

☐ **“Ta góm ghiếc sự kiêu ngạo của Gia-cốp”** ĐỘNG TỪ này (BDB 1060 II, KB 1672, dạng ĐỘNG TÍNH TỪ Piel (Piel PARTICIPLE)) hiếm thấy (chỉ có ở đây trong Cựu Ước) nhưng diễn tả sự từ chối mạnh mẽ (tham khảo tất cả các bản dịch). Bản BDB dịch rằng “đã ghê tởm”, bản KB dịch “làm cho thành kinh tởm, trở nên phàm tục.” Nó tương đương với ghét (BDB 971, KB 1338, xem 5:21).

Chữ “kiêu ngạo” (BDB 144) có nghĩa là sự tăng bốc, ra vẻ oai vệ, hoặc là nổi bật. Nó được sử dụng trong một ý nghĩa tích cực đối với Y-sơ-ra-ên trong Thi thiên 47:4. Trong bối cảnh này nó liên hệ đến câu 4-6. Xem châm biếm tương tự trong 8:7. Sự kiêu hãnh không đúng đắn của Y-sơ-ra-ên nhận lãnh sự phán xét của Chúa (xem Ô-sê 5:5; 7:10)!

6:9-10 Đây là dạng văn xuôi chứ không phải thơ.

6:9 “mười người” Con số này là rất quan trọng đối với người Do Thái vì nó là số lượng tối thiểu cần thiết cho việc thờ phượng và các sự kiện xã hội khác, có thể ngay cả những nhóm lính (tiểu đội). Bởi do dùng số mười nên lời phán xét này có thể liên quan đến 5:3.

6:10 Câu này dường như để mô tả cuộc bao vây Sa-ma-ri, thủ đô của Y-sơ-ra-ên. Sẽ có rất nhiều người chết và các bệnh dịch lan tràn đến nỗi các xác chết phải được thiêu đốt vội vàng (xem 8:3).

☐ **“Một người bà con gần là kẻ phải đốt xác chết”** Có nhiều thắc mắc về cụm từ này.

1. Đây là hai người hay là một người?

2. Chữ này có nghĩa gì khi bản NASB dịch là “người chôn cất” (undertaker) (BDB 976) nhưng lại có nghĩa đen “người đốt”?

Đối với câu hỏi số 1 cụm từ dùng để chỉ hai người khác nhau, họ nói với nhau trong phần còn lại của câu (như vậy không có người sống sót trong gia đình).

Đối với câu hỏi số 2 đã có nhiều giả thuyết:

1. Là người đốt xác người chết
2. Ướp hoặc xúc cho xác chết với các loại hương liệu
3. Người đốt hương cho người chết
4. Người dâng tế lễ thay cho người chết
5. Một thuật ngữ tương đương với chữ người bà con gần. Chữ đầu tiên có nghĩa là một người họ hàng gần bên mẹ và chữ thứ hai là người họ hàng gần bên cha.

Đối với tôi quan điểm 1 và 5 có vẻ thích hợp nhất.

Nhưng quan điểm 4 có thể được liên kết đến các bữa tiệc cho người chết ở câu 6.

▣ **“Hãy im đi! chớ nói đến danh Đức Giê-hô-va!”** Đây là một sự xác định thần học cho thấy Ai (Đấng nào) để cho cuộc xâm lược này xảy ra. Hệ quả của sự phán xét tạo nên một sự tôn kính cho Đức Giê-hô-va mà từ lâu không còn thấy trong Y-sơ-ra-ên. Cụm từ “giữ im lặng” (BDB 245, là một tán thán từ trong tiếng Hê-bơ-rơ (Hebrew INTERJECTION)) được sử dụng trong các ngữ cảnh chỉ sự hiện diện của Đức Giê-hô-va (xem Ha-ba-cúc 2:20; Sô-phô-ni 1:7; Xa-cha-ri 2:13) cũng như sự phán xét của Ngài (xem 8:3).

6:11 Đây là điểm kết thúc của các câu 8-11. Sự phán xét (do một nước ngoài là A-sy-ri) sẽ đến trên mọi kẻ lớn và nhỏ (tất cả dân sự). Sẽ không một ai thoát khỏi. (xem 5:18-20).

▣ **“sẽ bị ngã xuống mà đổ nát...sẽ bị tan ra từng mảnh”** Ý nghĩa của chữ đầu tiên (KB 1249) không rõ ràng:

1. Sử dụng các giọt mưa (Nhã ca 5:2)
2. Cắt nhỏ thực phẩm
3. Đập vỡ hoặc nghiền

Chữ thứ hai (KB 149) có nghĩa là phá vỡ (xem Thi thiên 141:7) như một bức tường (xem Ê-sai 22:09). Dạng ĐỘNG TỪ (Piel) ngụ ý xé thành nhiều mảnh. David Allan Hubbard trong quyển *Joel and Amos* thuộc bộ *Tyndale OT Commentaries*, quả quyết rằng hai thuật ngữ này thích hợp với một trận động đất hơn là một cuộc xâm lược. Ông cũng liệt kê các nơi khác trong A-mốt mà ông cho rằng ý nghĩa văn bản phù hợp với một trận động đất (xem 1:1; 2:13; 8:8; 9:1-6), xem trang 198.

BẢN NASB 6:12-14

¹² Người ta há cho ngựa chạy trên vàng đá sao! Người ta há đem bò cày tại đó? Nhưng các người đã đối sự chánh trực làm cay đắng, và đối trái công bình ra ngải cứu. ¹³ Các người ưa thích sự hư không, và nói rằng: Há chẳng phải nhờ sức mạnh chúng ta mà chúng ta đã được sừng sao? ¹⁴ Giê-hô-va Đức Chúa Trời vạn quân phán: Này, hỡi nhà Y-sơ-ra-ên, ta sẽ đẩy lên một nước nghịch cùng các người, nó sẽ hà hiếp các người, từ lối vào Ha-mát cho đến khe A-ra-ba.

6:12 Hai câu hỏi đầu tiên là hơi khó hiểu trong tiếng Hê-bơ-rơ, nhưng rõ ràng chúng nói đến hành vi không bình thường. Tất cả những câu hỏi có tính thuyết phục này mong đợi một câu trả lời phủ định. Cũng dị thường (kỳ quặc) cho dân sự của Chúa khi đối công lý thành chất độc!

▣ **“há cho ngựa chạy trên vàng đá sao”** “Đá” (BDB 700) đề cập đến những tảng đá lớn hoặc có thể để ngựa chạy lên vách đá. Câu trả lời rõ ràng là không.

▣ **“há đem bò cày tại đó?”** Có thể thay đổi các nguyên âm của bản văn MT để đọc thành “cày trong biển” (xem bản dịch NRSV, TEV, NJB). Việc này thực hiện bằng cách tách phần hậu tố (phần đuôi) ở số nhiều của chữ “các con bò” thành một chữ riêng biệt có nghĩa là “biển.” Cách dịch này thích hợp với mạch văn hơn. Như trong câu 12a, nó được hiểu là một hành động không thể. Tất cả bốn câu hỏi mong đợi một câu trả lời phủ định.

▣ **“chánh trực...trái công bình”** Xem ghi chú trong 5:12.

6:13 “Các người ưa thích” Cụm từ tiếng Hê-bơ-rơ này có nghĩa kiêu ngạo và hãnh diện về hai chiến thắng quân sự. Y-sơ-ra-ên đã hãnh diện và tự tin nơi quân đội của mình, nhưng Đức Chúa Trời sẽ tiêu diệt Y-sơ-ra-ên bằng một sức mạnh quân sự lớn hơn (xem câu 14, các người A-sy-ri). Những người A-sy-ri sẽ đến từ hướng bắc tương tự như hai thành phố này đã đề cập.

▣ **“Lodebar”** Đây là một thành phố ở phía đông của sông Giô-đanh trong vùng Ga-la-át. Chữ này (BDB 520) có nghĩa là không có gì.

▣ **“Há chẳng phải nhờ sức mạnh mà chúng ta đã chiếm được Karnaim sao?”** Dường như đây là một thành phố khác trong vùng sông Giô-đanh. Từ này (BDB 902) có nghĩa là một cặp sừng, biểu thị sức mạnh của nó. Các thành phố này đã bị Giê-rô-bô-am II chiếm giữ (782-753 TC).

Ý nghĩa thần học của cụm từ này là Y-sơ-ra-ên bằng sức mạnh quân sự của riêng mình đã chiếm giữ thành phố này, do đó đi ngược lại khái niệm của cuộc thánh chiến. Quyền năng và sức mạnh của Đức Giê-hô-va (ví dụ, Xuất Ê-díp-tô Ký 13:3,14,16) mới có thể làm cho dân sự của Ngài giành chiến thắng trong trận chiến. Tuyên bố này là một dấu hiệu nữa cho thấy sự không hiểu biết giao ước và sự kiêu ngạo của Y-sơ-ra-ên.

6:14 “ta sẽ đẩy lên một nước nghịch cùng các người” Chi tiết này đề cập đến A-sy-ri.

▣ **“từ lối vào Ha-mát cho đến khe A-ra-ba”** Đây là ranh giới đã có từ xưa của vùng đất hứa (xem Dân-số Ký 34:7-8; Giô-suê 13:5; Các quan xét 3:3; I Các vua 8:65; II Các vua 14:25). Giu-đa cũng sẽ bị ảnh hưởng.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Tại sao Chúa từ chối những của lễ của các chi phái phía Bắc?
2. Tại sao hành động sáng tạo của Đức Chúa Trời được nhấn mạnh? (các câu 8-9)
3. Tại sao phân đoạn A-môt 5:25-26 lại khó giải thích?
4. A-môt lên án sự giàu có và hệ thống tế lễ hay là một điều gì khác? Đó là điều gì?

A-MỘT ĐOẠN 7

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Khải tượng về châu châu	Năm khải tượng về sự phán xét của Chúa và lời tiên tri về sự phục hồi (7:1-9:15)	Khải tượng về châu châu	Các khải tượng (7:1-9:10) Khải tượng đầu tiên: Châu châu
7:1-3	7:1-3	7:1-3	7:1-3
Những khải tượng về lửa		Khải tượng về lửa	Khải tượng thứ hai: con hạn hán
7:4-6	7:4-6	7:4-6	7:4-6
Những khải tượng về dây chuẩn mực		Khải tượng về dây chuẩn mực	Khải tượng thứ ba: dây chuẩn mực (dây dọi của thợ hồ)
7:7-9	7:7-9	7:7-9	7:7-9
Sự phán nân của A-ma-xia	A-một và A-ma-xia	A-một và A-ma-xia	A-ma-xia thách thức thẩm quyền tiên tri của A-một
7:10-13	7:10-17	7:10-11 7:12-13	7:10-17
7:14-17		7:14-17	

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phần đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

NHỮNG KIẾN GIẢI SÁU SẮC VỀ BỐI CẢNH

- A. Chương 7-9 tạo thành đơn vị văn học cuối cùng. Sách A-môt có thể được chia thành ba phần: (1) Sự phán xét chống lại các quốc gia; (2) sự phán xét chống lại Giu-đa và Y-sơ-ra-ên, và (3) các khái tượng của A-môt.
1. Các khái tượng của A-môt có thể lập dàn ý như sau:
 - a. Chương 7, ba khái tượng
 - b. Chương 8, một khái tượng
 - c. Chương 9, một khái tượng.
 2. Những khái tượng về sự phán xét
 - a. Châu chấu, 7:1-3
 - b. Lửa (có thể là nạn đói, xem 4:6-8; 8:11-13), 7:4-6
 - c. Dây chuẩn mực (dây dọi của thợ hồ) (có thể chỉ các công sự yếu kém), 7:7-9
 - d. Trái cây mùa hè, 8:1-3
 - e. Động đất, 9:1-2 (cũng có thể 8:7-10)
 3. Cũng có thể những khái tượng này là cách thức Chúa kêu gọi A-môt xuất thân là người chăn chiên để trở thành nhà tiên tri. Nhà tiên tri kêu gọi lòng nhân từ (khái tượng 1 & 2), nhưng thực tế có sự nổi loạn, thờ thần tượng, và không ăn năn nên bắt buộc phải có sự phán xét. Y-sơ-ra-ên cần phải được phán dạy để họ biết rằng không phải Đức Giê-hô-va thiếu lòng thương xót hay là yếu đuối, nhưng chính vì tội lỗi của họ đã đem những điều này đến trên họ (cũng là một cảnh báo cho Giu-đa).
- B. A-môt 7:10-17 thật đặc biệt bởi vì:
1. Nó cung cấp thông tin tiêu sử về A-môt (nhiều khái tượng liên quan đến nông nghiệp)
 2. Nó được viết ở ngôi thứ ba trong khi các phần khác của cuốn sách được viết ở ngôi thứ nhất

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

BẢN NASB 7:1-3

¹ **Này là điều mà Chúa Giê-hô-va khiến ta xem thấy: Này, Ngài làm nên những cào cào trong lúc cỏ bắt đầu mọc lại; ấy là cỏ mọc lại sau các kỳ cắt cỏ của vua. ² Khi cào cào đã cắn nuốt cỏ trong đất rồi, ta nói rằng: Hỡi Chúa Giê-hô-va, tôi cầu xin Ngài hãy tha thứ! Gia-cóp há có thể đứng được sao? Vì nó là nhỏ. ³ Đức Giê-hô-va bèn ăn năn về việc này. Đức Giê-hô-va phán rằng: Điều đó sẽ không xảy ra đâu.**

7:1 “Này là điều mà Chúa Giê-hô-va khiến ta xem thấy” Phần giới thiệu này cho thấy sự liên kết của những khái tượng (xem 7:1,4,7; 8:1, nhưng không có trong 9:1-10).

▣ **“Ngài làm nên”** Những khái tượng và sự phán xét này đến từ Chúa (BDB 427, KB 428, dạng ĐỘNG TÍNH TỪ Qal, SỐ ÍT, GIỐNG ĐỰC (Qal PARTICIPLE, MASCULINE SINGULAR)).

▣ **“cào cào”** Loại tai vạ này được nói đến trong Xuất Ê-díp-tô Ký 10:12ff. Nó là một sự rửa sả được đề cập cụ thể trong Phục truyền Luật lệ Ký 28:38-42, nếu dân sự của Đức Chúa Trời không vâng giữ mạng lệnh của Ngài. Có hơn mười hai chữ khác nhau trong tiếng Hê-bơ-ơ dịch là cào cào, cho thấy nỗi sợ hãi và thường xảy ra của loại tai vạ này. Không rõ những từ này đề cập đến

nhiều loại châu chấu hay là những giai đoạn tăng trưởng khác nhau của chúng (xem Giô-ên 1:4; 2:25).

☐ **“trong lúc cỏ bắt đầu mọc lại”** Cụm từ này có nghĩa đen là “sự tăng trưởng cuối mùa” (BDB 545). Không rõ là nó ám chỉ đến cỏ hay là ngũ cốc. Cũng không rõ là nó nói đến chu kỳ tăng trưởng thứ hai hay là việc gieo giống lại. Việc này chắc hẳn xảy ra sau tháng tư. Mưa cuối mùa cần phải có để hạt giống nảy mầm. Nếu năm nay bị thất mùa thì sẽ không có vụ mùa nào cho đến năm sau.

☐ **“sau các kỳ cắt cỏ của vua”** Cụm từ này có nghĩa đen là xén lông cừu (BDB 159). Cụm từ này không có ý để dạy rằng nhà vua được nhận phần lông cừu được xén đầu tiên như là loại thuế đất. Phần dành riêng cho nhà vua này chỉ được nói đến một lần tại đây trong Cựu Ước. Câu này được hiểu như là cách thức để xác định ngày cho sự kiện này vào mùa xuân.

7:2 “chấm dứt” Động từ này (BDB 477, KB 476, dạng HOÀN THÀNH Piel (Piel PERFECT)) có nghĩa là “hoàn thành hoặc là phá hủy” (NIDOTTE, quyển 2, trang 641). Ở đây nó mang cả hai nghĩa.

☐ **“ta nói rằng”** Các tiên tri thường là những người trung gian (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 32:11; Giê-rê-mi 15:1; 18:20; Ê-xê-chi-ên 9:8; Đa-ni-nê 9:15-19), mặc dù họ thường đại diện cho Chúa để truyền phán với dân sự của giao ước.

☐ **“Chúa Giê-hô-va”** Đây là chữ ghép Adon với Giê-hô-va (xem Giê-rê-mi 14:7,20,21; Ê-xê-chi-ên 9:8; 11:13). Xem chủ đề đặc biệt: Tên của thần linh trong 1:2.

☐ **“cầu xin Ngài hãy tha thứ”** Cụm từ này (BDB 669, KB 757) là dạng MỆNH LỆNH Qal (Qal IMPERATIVE). Từ này luôn được sử dụng chỉ sự tha thứ của Chúa cho con người (xem quyển *Synonyms of the Old Testament* của Robert B. Girdlestone, trang 135-136).

A-môt, vị tiên tri của công bằng xã hội giờ đây đã trở thành người cổ vũ cho lòng thương xót. Tính chất dữ dội trong sứ điệp phán xét giờ đây được giảm bớt ở chỗ hậu quả của phán xét.

Đáng chú ý là chính A-môt xin Chúa tha thứ. Có người thắc mắc điều này có nghĩa là (1) bỏ qua sự phán xét, (2) tha thứ cho tội lỗi của họ để không cần thiết phải có sự phán xét nữa. A-môt nêu lên sự thỉnh cầu này trong hai khái tượng đầu tiên. Tuy nhiên tại đây A-môt có ý thỉnh cầu để Đức Giê-hô-va chấp thuận theo nghĩa 1 (thứ nhất). Khi khái tượng thứ ba và thứ tư đến thì không có sự thương xót, bởi vì đã không có sự ăn năn. Thời gian tri hoãn đã không ích gì cho việc đổi mới tâm linh, nhưng lại làm cho nổi loạn thêm. Sự kiên nhẫn và lòng thương xót đã đổi ra con thịnh nộ (xem 7:8,9; 8:7,10,11)!

7:2,5 “Gia-cốp...vì nó là nhỏ” Chú ý đến sự kêu nài của vị tiên tri là vì “nhu cầu” của quốc gia chứ không phải vì mối liên hệ giao ước của họ. Chúa đã hứa rằng dòng dõi của Áp-ra-ham sẽ như (1) sao trên trời (xem Sáng thế Ký 15:5); (2) cát nơi bờ biển (xem Sáng thế Ký 22:17), và (3) bụi trên đất (xem Sáng thế Ký 13:16), nhưng giờ đây số người quá ít.

7:3

NASB, TEV

Chúa thay đổi ý định của Ngài về việc này

NKJV, NRSV,

NJB Chúa đổi ý về việc này

Gốc của chữ này từ tiếng Ả Rập có nghĩa là thờ nặng (đau lòng) (BDB 636, KB 688, dạng HOÀN THÀNH Niphal (Niphal PERFECT)). Đây là cách sử dụng theo cách thức của con người để diễn tả ý chính (nghĩa bóng). Gốc của từ này thể hiện tình cảm sâu đậm (cảm thấy nặng nề trong lòng) (xem quyển *Synonyms of the Old Testament* của Robert B. Girdlestone, trang 87-88). Chữ này cũng ở trong tên của tiên tri Na-hum. Chúa thường được nói đến trong Kinh Thánh là Ngài thay đổi ý định hoặc động lòng thương xót (xem câu 6; Sáng thế Ký 18:22-32; Dân số Ký 14:11-20; Giô-suê 7:6-13; II Các vua 22:19-20; Thi Thiên 106:45; Giê-rê-mi 18:1-16; 26:3,13,19; Giô-na 3:10). Chúa cảm động bởi (1) những lời cầu nguyện của chúng ta và (2) đức tính thương xót, yêu thương của Ngài (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 3:7; Các quan xét 2:18; Ô-sê 11:8-9; Giô-ên 2:13-14; A-mốt 5:15). Tuy nhiên, không nên hiểu điều này theo nghĩa là bản tính của Chúa là do dự hoặc có ý định không dứt khoát. Ý định không thay đổi (xem Dân số Ký 23:19, 1 Sa-mu-ên 15:29; Ma-la-chi 3:6; Hê-bơ-rơ 13:8; Gia-cơ 1:17).

BẢN NASB 7:4-6

⁴ Chúa Giê-hô-va cho ta xem thấy như sau này: **Này, Chúa Giê-hô-va khiến lấy lửa mà chống trả. Lửa ấy thiêu nuốt vực lớn, đoạn hầu ăn nuốt đất.** ⁵ **Bấy giờ ta nói rằng: Hỡi Chúa Giê-hô-va, tôi cầu xin Ngài hãy thôi đi! Gia-cốp há có thể đứng được sao? Vì nó là nhỏ.** ⁶ **Đức Giê-hô-va bèn ăn năn việc này. Chúa Giê-hô-va phán rằng: Điều đó cũng sẽ không xảy đến.**

7:4

NASB	tranh chấp
NKJV	xung đột
NRSV (chú thích)	sự phân xử
TEV	chuẩn bị để trừng phạt
NJB	triệu tập

Thuật ngữ này (BDB 936) trong bối cảnh tại đây đề cập đến một vụ kiện pháp lý chống lại Y-sơ-ra-ên (xem Ô-sê 4:1; 12:2; Mi-chê 6:1-2).

☐ **“lấy lửa”** Lửa thường được sử dụng như là một biểu tượng của sự phán xét (xem 2:5). Trong bối cảnh nông nghiệp tại đây, lửa có thể ám chỉ đến sức nóng thiêu đốt của mặt trời hoặc là các cây trồng đang bị châu chấu ăn trụi lá. Nếu đúng vậy, vực sâu lớn có thể là một ám chỉ đến nguồn nước có sẵn (như suối, sông, mưa, vv, xem 1:2; 4:6-8).

CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: LỬA

Lửa có hàm ý cả tích cực và tiêu cực trong Kinh thánh.

A. Tích cực

1. Suối ấm (xem Ê-sai 44:15; Giăng 18:18)
2. Soi sáng (xem Ê-sai 50:11; Ma-thi-ơ 25:1-13)
3. Nấu nướng (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 12:8; Ê-sai 44:15-16; Giăng 21:9)
4. Thanh tẩy (xem Dân-số Ký 31:22-23; Châm-ngôn 17:3; Ê-sai 1:25; 6:6-8; Giê-rê-

- mi 6:29; Ma-la-chi 3:2-3)
5. Thánh khiết (xem Sáng-thế Ký 15:17; Xuất Ê-díp-tô Ký 3:2; 19:18; Ê-xê-chi-ên 1:27; Hê-bơ-rơ 12:29)
 6. Sự lãnh đạo của Đức Chúa Trời (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 12:21; Dân-số Ký 14:14; I Các Vua 18:24)
 7. Sự thêm sức của Đức Chúa Trời (xem Công-vụ 2:3)
 8. Sự bảo vệ (xem Xa-cha-ri 2:5)
- B. Tiêu cực
1. Thiêu đốt (xem Giô-suê 6:24; 8:8; 11:11; Ma-thi-ơ 22:7)
 2. Hủy diệt (xem Sáng-thế Ký 19:24; Lê-vi Ký 10:1-2)
 3. Tức giận (xem Dân-số Ký 21:28; Ê-sai 10:16; Xa-cha-ri 12:6)
 4. Sự trừng phạt (xem Sáng-thế Ký 38:24; Lê-vi Ký 20:14; 21:9; Giô-suê 7:15)
 5. Dầu lạ giả trong thời tận thế (xem Khải-huyền 13:13)
- C. Con giận của Đức Chúa Trời chống nghịch tội lỗi được bày tỏ qua những nghĩa bóng về lửa
1. Con giận của Ngài thiêu đốt (xem Ô-sê 8:5; Sô-phô-ni 3:8)
 2. Ngài đổ ra lửa (xem Na-hum 1:6)
 3. Lửa đời đời (xem Giê-rê-mi 15:14; 17:4)
 4. Sự phán xét tận thế (xem Ma-thi-ơ 3:10; 13:40; Giăng 15:6; II Tê-sa-lô-ni-ca 1:7; II Phi-e-rơ 3:7-10; Khải-huyền 8:7; 13:13; 16:8)
- D. Cũng giống như những hình bóng khác được dùng trong Kinh thánh (như men, sự tử v.v) lửa có thể là sự chúc phúc hay là nguyên rủa tùy thuộc vào văn mạch.

▣ **“các vực lớn”** Chi tiết này đề cập đến các nguồn nước ngầm dưới đất của các con sông (xem Sáng thế Ký 1:2; 7:11, 49:15; Thi thiên 36:6; Ê-sai 51:10). Đây là một thuật ngữ trong thần thoại từ các quốc gia được biết đến sớm nhất thuộc vùng Mê-sô-pô-ta-mi là Sumer và Ba-ly-lôn, nhưng trong Cựu Ước nó đã bị tước bỏ hoàn toàn ý nghĩa thần thoại .

Theo mạch văn này nó đề cập đến việc Chúa cho phép những kẻ xâm lược nước ngoài đến để tiêu diệt Y-sơ-ra-ên.

7:5 “hãy thôi đi” Chữ này (BDB 292, KB 292) là dạng MỆNH LỆNH Qal (Qal IMPERATIVE). Tuy nhiên, nên chú ý lần này vị tiên tri đã không van nài cho sự tha thứ, nhưng cho chấm dứt sự phán xét. Đức Giê-hô-va giàu lòng xót thương, nhưng sự kiên nhẫn của Ngài đến lúc chấm dứt. (xem v. 8; 8:1).

BẢN NASB 7:7-9

⁷ Ngài bèn cho ta xem thấy như sau này: **Này, Chúa đứng trên một bức tường thẳng nẩy mực, và tay Ngài cầm một dây chuẩn mực.** ⁸ Đức Giê-hô-va phán cùng ta rằng: **A-môt, người thấy gì? Ta thưa rằng: Một dây chuẩn mực. Chúa bèn phán: Này, ta sẽ đặt dây chuẩn mực giữa dân Y-sơ-ra-ên ta; ta sẽ không còn đi qua nó nữa.** ⁹ Các nơi cao của Y-sác sẽ bị hoang vu, các nơi thánh của Y-sơ-ra-ên sẽ bị hủy phá, và ta sẽ đẩy lên dùi gươm đánh nhà Giê-rô-bô-am.

7:6 Xem ghi chú trong 7:3.

7:7 “Chúa đứng trên một bức tường thẳng nẩy mực” Chi tiết này có vẻ như ám chỉ đến một bức tường làm bằng những tảng đá rời rạc lấy từ trong đồng ruộng. Theo thời gian những tảng đá này dịch chuyển vị trí của chúng và trở nên không còn vững chắc và an toàn.

▣ **“dây chuẩn mực”** Đây là cách sử dụng duy nhất của thuật ngữ này trong Cựu Ước (BDB 59, KB 71). Nó là một công cụ xây dựng (sợi dây với quả cân bằng kim loại ở cuối đầu dây) được sử dụng để xem (thử) lại chiều thẳng đứng của những tòa nhà hoặc bức tường. Ở đây nó được sử dụng theo nghĩa bóng để ám chỉ sự phán xét, bởi vì nhân loại đã đi lệch khỏi các tiêu chuẩn của Chúa (xem II Các vua 21:13; Ê-sai 28:17; 34:11; Ca-thương 2:8).

Mặc dù hầu hết các bản dịch tiếng Anh chấp nhận “dây chuẩn mực” như là ý nghĩa dựa theo ngữ cảnh, nhưng cách dịch khác là “thiếc” vay mượn từ chữ có gốc tiếng Akkadian vẫn có thể chấp nhận được. Nếu vậy thì hình ảnh tại đây sẽ là một bức tường bằng thiếc được dùng theo nghĩa bóng là sự bảo vệ bên ngoài (một bức tường bằng thiếc là một thứ kim loại yếu). Có một vài tiên tri đã sử dụng hình ảnh kim loại (xem Giê-rê-mi 15:20; Ê-xê-chi-ên 4:3).

Cho dù nó là gì, thì đây là một khái tượng về sự phán xét. Y-sơ-ra-ên nghĩ rằng họ được an ninh về mặt quân sự, chính thống trong phương diện tâm linh, nhưng thật ra thì không phải như vậy.

7:8 “ta sẽ không còn đi qua nó nữa” Theo nghĩa đen là Ta sẽ không bao giờ (BDB 414, KB 418, dạng Hiphil KHÔNG HOÀN THÀNH (Hiphil IMPERFECT)) đi ngang qua họ một lần nữa (BDB 716, KB 778, dạng NGUYÊN MẪU Qal (Qal INFINITIVE)). A-mốt nhận ra được nguyên nhân sâu xa trong sự nổi loạn của Y-sơ-ra-ên và ngưng cầu thay cho họ.

7:9 “những nơi cao...những đền thờ” Những nơi cao (BDB 119) ám chỉ đến những nơi thờ thần sinh sản của địa phương (sẽ bị bỏ hoang, BDB 1030, KB 1053, dạng HOÀN THÀNH (Niphal PERFECT)) Trong khi chữ “các nơi linh thiêng” (BDB 874) ám chỉ đến các đền thờ quốc gia (sẽ bị bỏ hoang, BDB 351, KB 349, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal (Qal IMPERFECT)) tại các thành phố Đan và Bê-tên, do Giê-rô-bô-am I khởi xướng (922 TC).

▣ **“nhà Giê-rô-bô-am”** Chi tiết này đề cập đến Giê-rô-bô-am I, người đã lãnh đạo cuộc nổi dậy của mười chi phái phía Bắc năm 922 TC chống lại Rê-hô-bô-am, con trai của Sô-lô-môn, về vấn đề lao dịch và thuế. Vấn đề thực sự là sự áp bức của nhà vua đòi hỏi dân sự phải phục dịch, xây dựng cung điện phương Đông sang trọng cho mình (xem I Các vua 11).

▣ **“grom”** Thanh kiếm (chỉ về chiến tranh) thì được đặt song hành với tai vạ nghiêm trọng của bảy châu chấu trong câu 1 và lửa thiêu đốt của câu 4.

BẢN NASB 7:10-13

¹⁰ Bấy giờ, A-ma-xia, thầy tế lễ của Bê-tên, khiến nói cùng Giê-rô-bô-am là vua Y-sơ-ra-ên rằng: A-môt tập lập nghịch cùng vua, ở giữa nhà Y-sơ-ra-ên; đất chẳng chịu nổi mọi lời của nó. ¹¹ Thật vậy, này, A-môt nói rằng: Giê-rô-bô-am sẽ chết bởi gươm, và Y-sơ-ra-ên chắc sẽ bị đày đi làm phu tù khỏi đất mình! ¹² A-ma-xia nói cùng A-môt rằng: Hỡi kẻ tiên kiến, khá đi khỏi đây. Hãy trốn trong đất Giu-đa, tại đó ăn bánh và nói tiên tri.

¹³ Nhưng chớ cứ nói tiên tri tại Bê-tên nữa; vì ấy là một nơi thánh của vua, và ấy là nhà vua.

7:10-17 Đây là tường thuật về một cuộc gặp gỡ giữa vị tiên tri là người phát ngôn của Chúa với người lãnh đạo của đền thờ tại Bê-tên được chia thành nhiều sự phán xét dựa theo bối cảnh:

1. Cào cào, 7:1-3
2. Lửa hay nạn đói, 7:4-6 (xem 8:11-13)
3. Dây chuẩn mực, 7:7-17
4. Trái cây mùa hè, 8:1-3
5. Động đất, 9:1-2 (có thể 8:7-10)

7:10 “A-ma-xia, thầy tế lễ” Đây là vị chủ tế (theo bản Targums) của đền thờ quốc gia thờ bò con vàng tại Bê-tên. Ở đây chúng ta thấy sự tiến thoái lưỡng nan của dân sự khi phải đối mặt với hai người xung là đại diện của Chúa. Vị chủ tế và vị tiên tri cả hai đều xưng mình truyền phán cho Chúa, cả hai đều xưng được nhận thẩm quyền từ Ngài.

▣ **“Giê-rô-bô-am”** Chi tiết này đề cập đến Giê-rô-bô-am II (xem 1:1), vị vua hiện thời của Y-sơ-ra-ên. Việc xác định chính xác năm nào cho triều đại của vị vua này có khác biệt nhau tùy theo học giả:

1. John Bright, 786-746 TC
2. Young, 783-743 TC
3. Harrison, 782/81-753 TC

Có một số vấn đề liên quan với việc định niên đại cho các sự kiện trong Cựu Ước:

1. Sự liên kết rõ ràng duy nhất giữa lịch sử đời thường và Cựu Ước là trận chiến Charchemish năm 605 TC
2. Triều đại của các vị vua chồng lấn lên nhau (cùng cai trị đồng thời)
3. Cách người Ba-by-lôn và người Pa-léc-tin xác định triều đại các vị vua của họ khác nhau (tính hoặc là không tính năm cai trị đầu tiên (không được trọn năm)).

▣ **“A-môt tập lập nghịch cùng vua”** A-ma-xia cáo buộc A-môt tội phản quốc (chữ “muru toan”, BDB 905, KB 1153, dạng HOÀN THÀNH Qal (Qal PERFECT), những ví dụ về việc sử dụng thuật ngữ này xem II Sa-mu-ên 15:12; II Các vua 11:14; 15:15). Các vua trong vùng Cận Đông thường để ý đến những lời phán của các tiên tri, được hâm mộ trong dân chúng và họ sợ những dự báo tiêu cực.

▣ **“đất chẳng chịu nổi mọi lời của nó”** A-môt đang nói đến Bê-tên. Tất cả những phương hướng theo địa lý trong sách đều bắt đầu từ vị trí của Bê-tên. Tuy nhiên, câu này ám chỉ rằng A-môt nói nhiều địa điểm ở phía bắc, chứ không phải chỉ tại Bê-tên.

Động từ “chịu đựng” (BDB 465, KB 463, dạng SỐ HỮU CÁCH NGUYÊN MẪU Hiphil (Hiphil INFINITIVE CONSTRUCT)) được dùng để chỉ chịu đựng cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va (xem Giô-ên 2:11; Giê-rê-mi 10:10). Người Do Thái đang lắng nghe A-môt.

7:11 “A-môt nói rằng: Giê-rô-bô-am sẽ chết bởi gươm” Chi tiết này đề cập đến Giê-rô-bô-am II. A-ma-xia trích dẫn A-môt hơi sai biệt, nhưng thật ra đó là nội dung trong sứ điệp của ông.

▣ **“Y-so-ra-ên chắc sẽ bị đầy đi làm phu tù khỏi đất mình”** Đây là sự công bố phán xét khủng khiếp. Đất Hứa không còn được Đức Giê-hô-va che chở. Nhưng hoàn toàn ngược lại, nó đang bị chính Đức Giê-hô-va đánh phá. Y-so-ra-ên đã tán đồng việc chiếm lấy đất đai đã được chia cho những nông dân (bởi những người giàu, có quyền và thế lực) và bây giờ Đức Giê-hô-va thu hồi lại lời hứa của Ngài.

Việc bị lưu đầy của Y-so-ra-ên được A-môt đề cập nhiều lần (xem 4:2-3; 5:5,27; 6:7; 7:17; 9:4,14).

7:12 “đi khỏi đây” Cả hai đều thuộc dạng MỆNH LỆNH Qal (Qal IMPERATIVE) (chữ “đi” là BDB 229, KB 246; chữ “chạy trốn” là BDB 137, KB 156). Sau đó có một MỆNH LỆNH Qal (Qal IMPERATIVE) thứ ba trong câu này là chữ “ăn” (BDB 37, KB 46). A-ma-xia muốn A-môt ra khỏi đền thờ, thành phố và đất nước.

▣ **“kẻ tiên kiến”** A-ma-xia gọi là A-môt là một nhà tiên kiến có thể do việc công bố công khai những khái tượng của ông. Đó là một từ đồng nghĩa với tiên tri.

CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁC CHỮ HÊ-BƠ-RƠ KHÁC NHAU CÓ NGHĨA TIÊN TRI

Các thuật ngữ Kinh Thánh

1. ro'eh = tiên kiến (BDB 906), I Sa-mu-ên 9:9. Sự trích dẫn này cho thấy việc chuyển đổi sang chữ Nabi, có nghĩa là vị tiên tri và xuất phát do từ gốc có nghĩa là “gọi”. Ro'eh là từ chữ “nhìn xem” thông thường trong tiếng Hê-bơ-rơ. Người này hiểu phương cách và kế hoạch của Đức Chúa Trời và được tham vấn để tìm biết ý Ngài về những việc quan trọng.
2. hozeh = tiên kiến (BDB 302), II Sa-mu-ên 24:11; A-môt 7:12. Về cơ bản nó là một từ đồng nghĩa của chữ ro'eh. Nó xuất phát từ một chữ hiếm thấy trong tiếng Hê-bơ-rơ và có nghĩa là “thấy trong khái tượng.” Dạng ĐỘNG TÍNH TỪ được sử dụng thường xuyên nhất để chỉ các vị tiên tri.
3. Nabi = tiên tri (BDB 611), cùng nguồn gốc của động từ nabu trong tiếng Akkadian = “gọi” và chữ naba'a trong tiếng Ả Rập = “thông báo”. Đây là thuật ngữ thông dụng nhất trong Cựu Ước để chỉ rõ một vị tiên tri. Nó được sử dụng trên 300 lần. Không rõ chính xác từ nguyên, nhưng trong thi hiện tại thì nghĩa “gọi” dường như lựa chọn thích hợp nhất. Để có thể hiểu đúng phải theo cái hình thức (cách) mà Đức Giê-hô-va diễn tả là nhờ A-rôn để Môi-se trao đổi (nói chuyện) với Pha-ra-ôn (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 4:10-16; 7:1; Phục truyền Luật lệ Ký 5:5). Tiên tri là người thay mặt cho Chúa để truyền phán với dân sự Ngài (xem A-môt 3:8; Giê-rê-mi 1:7,17; Ê-xê-chi-ên 3:4).

4. Tất cả ba thuật ngữ này được sử dụng cho chức vụ tiên tri trong I Sứ ký 29:29; Sa-mu-ên – Ro’eh; Na-than - Nabi; và Gát - Hozeh.
5. Cụm từ ish ha – Elohim (người của Chúa) có nghĩa rộng hơn cũng chỉ về người phát ngôn cho Chúa. Nó được dùng 76 lần trong Cựu Ước có nghĩa là vị tiên tri.
6. Chữ tiên tri trong Tân Ước có nguồn gốc từ trong tiếng Hy Lạp. Nó gồm có chữ (1) pro, có nghĩa là “trước” hoặc là “dành cho” và (2) phemi, có nghĩa là nói.

▣ **“trón trong đất Giu-đa”** Có thể A-ma-xia đã cáo buộc A-môt là người nước ngoài can thiệp vào nội tình Y-sơ-ra-ên hoặc là đã có thành kiến chống lại Y-sơ-ra-ên.

▣ **“tại đó ăn bánh và nói tiên tri”** Có vẻ như, một số tiên tri đã được hỗ trợ bởi nhà nước, trong khi những người khác sống bằng sự đóng góp tùy ý của những người nghe họ rao giảng. A-ma-xia đã tố cáo A-môt rao giảng vì đồng tiền. A-môt dường như trả lời trong câu 14 rằng ông đã có một nguồn thu nhập.

7:13 “vì ấy là một nơi thánh của vua, và ấy là nhà của vua” Rõ ràng tại đây A-ma-xia đang trình bày sự thật nhưng thật trớ trêu khi ông quả quyết rằng đây không phải là đền thờ của Chúa nhưng là nhà của vua. Dĩ nhiên chỗ này nói đến một trong các đền thờ quốc gia được thành lập bởi Giê-rô-bô-am I đã trở thành địa điểm cho quốc giáo chính thức của mười chi phái phía Bắc. Về sau nó trở nên bại hoại bởi A-háp và Giê-sa-bên (xem I Các vua 18-21) trong việc thờ cúng các vị thần sinh sản của Ca-na-an.

BẢN NASB 7:14-17

¹⁴ A-môt trả lời cho A-ma-xia rằng: Ta không phải là đáng tiên tri, cũng không phải con đáng tiên tri; nhưng ta là một kẻ chăn, sửa soạn những cây vả rừng. ¹⁵ Đức Giê-hô-va đã bắt lấy ta từ sau bầy, và Đức Giê-hô-va phán cùng ta rằng: Hãy đi nói tiên tri cho dân Y-sơ-ra-ên ta. ¹⁶ Vả, hãy nghe lời của Đức Giê-hô-va: người nói rằng chớ nói tiên tri nghịch cùng Y-sơ-ra-ên, và đừng nhờ lời xuông nghịch cùng nhà Y-sác. ¹⁷ Cho nên Đức Giê-hô-va phán như vậy: Vợ người sẽ buông dâm trong thành; con trai và con gái người sẽ ngã bởi gươm; đất người sẽ bị chia bởi dây, còn người, người sẽ chết trong một đất ô uế, và Y-sơ-ra-ên chắc sẽ bị dày đi làm phu tù khỏi đất mình.

7:14 “Ta không phải là đáng tiên tri, cũng không phải con đáng tiên tri” A-môt khẳng định rằng sự kêu gọi của Chúa để truyền phán không phải là một nghề nghiệp (xem câu 15), cần phải bổ sung thêm một động từ vào câu này (khi dịch trực tiếp từ nguyên ngữ). Thi hiện tại phù hợp với mạch văn này, nhưng không thích hợp với câu 15. Nó có thể dịch tôi “đã” không phải là một vị tiên tri, có ý nói nhưng “hiện tại” tôi là một tiên tri.

Lời tuyên bố này của A-môt dường như để đưa ra sự khác biệt giữa tiên tri với con trai của một tiên tri. Nếu vậy, sự phân biệt sẽ là giữa một người được kêu gọi truyền phán cho Chúa như là một cá nhân, khác biệt với một người được Chúa kêu gọi để làm một thành viên của đoàn tiên tri (Sa-mu-ên, I Sa-mu-ên 10:5,6,10; 19:20; I Các vua 20:35; II Các vua 2:3-7; 4:38, 6:1). Trong trường hợp thứ hai, chữ con liên hệ đến một thành viên thuộc đoàn tiên tri, chứ không phải thuộc về gia đình.

▣ **“nhưng ta là một kẻ chẵn, sửa soạn những cây vả rừng”** Xem ghi chú đầy đủ trong phần Giới thiệu. Mạch văn này cũng là cách để cho thấy sự giàu có hay nghề nghiệp của A-môt. Ông không cần phải nói tiên tri để kiếm ăn.

7:15 “Đức Giê-hô-va đã bắt lấy ta từ sau bầy” Động từ này (BDB 542, KB 534, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH (Qal IMPERFECT)) có một ý nghĩa thần học rõ ràng để chỉ về hành động và quyền tối thượng trong việc lựa chọn của Chúa (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 6:7; Phục truyền Luật lệ Ký 4:20,34; II Sa-mu-ên 7:8; I Các vua 11:37; Giê-rê-mi 43:10). Chúa đã gọi A-môt để thay mặt Chúa truyền phán.

Đây là cách dùng từ “người chẵn chiên”, được dùng theo nghĩa bóng để chỉ (1) chính Chúa; (2) các nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên, và (3) bằng cách ngụ ý, chỉ đến quốc gia. Trọn cả Y-sơ-ra-ên và Giu-đa là chiên của Chúa.

▣ **“Hãy đi nói tiên tri cho dân Y-sơ-ra-ên ta”** Có một số dạng MỆNH LỆNH trong văn mạch này.

1. Đi (BDB 229, KB 246), dạng MỆNH LỆNH Qal
2. Nói tiên tri, BDB 612, KB 659, dạng MỆNH LỆNH Niphal
3. Nghe, câu 16, BDB 1033, KB 1570, dạng MỆNH LỆNH Qal

▣ **“dân Y-sơ-ra-ên ta”** Đây là một cụm từ theo giao ước (xem 7:8,15; 8:2) sử dụng tên mới của Gia-cốp (xem Sáng thế Ký 32:28).

7:16 Tại đây A-môt mô tả đặc điểm của lời nói của A-ma-xia là đối nghịch với lời phán của Đức Giê-hô-va.

▣ **“chống lại nhà Y-sác”** Cụm từ này chỉ được dùng một lần duy nhất trong Cựu Ước. Nó có thể tương đương với nhà của Gia-cốp (xem 3:13) hoặc nhà của Y-sơ-ra-ên (xem 5:1,3,4,25; 6:1). Đây là sự chỉ trích chê bai của A-ma-xia về sự rao giảng của A-môt ở miền bắc.

7:17 A-môt nói rằng vợ của vị trưởng tế này sẽ bị cưỡng hiếp công khai (và trở thành một gái mại dâm), con sẽ bị giết, tài sản sẽ bị phân chia cho những người khác, và ông sẽ bị lưu đày suốt đời trong xứ A-sy-ri. Ông sẽ là gương điển hình về những việc sẽ xảy ra với tất cả các nhà lãnh đạo của Y-sơ-ra-ên.

Theo đúng nghĩa thì sự phán xét trên A-ma-xia có nghĩa là ông cũng như dòng dõi của ông sẽ không được làm thầy tế lễ nữa.

1. Vợ ông sẽ không còn xứng hợp để kết hôn với một thầy tế lễ (xem Phục truyền Luật lệ Ký 22:23-24).
2. Ông không có con nối dõi.
3. Ông chết trong đất ngoại bang nên không thể truyền lại chức vụ tế lễ của mình.

(Xem quyển *Joel and Amos* trong bộ giải kinh *Tyndale Old Testament* của David A. Hubbard, trang 217).

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Đức Chúa Trời có thay đổi ý định của Ngài không? (Nếu có) Như thế nào?
2. Sự ăn năn có liên quan như thế nào đến sự tha thứ?
3. Làm thế nào để bạn biết ai (tiên tri, thầy tế lễ hay nhà hiền triết) thực sự truyền phán cho Chúa?
4. Sự phán xét của Chúa là tạm thời hay là đời đời?

A-MỘT ĐOẠN 8

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
	Năm khái tượng về sự phán xét của Chúa và lời tiên tri về sự phục hồi (7:1-9:15)		Những khái tượng (7:1-9:10)
Khái tượng về trái cây mùa hè 8:1-3	Khái tượng thứ tư 8:1-3	Khái tượng về gió trái cây 8:1-2a 8:2b-3	Khái tượng thứ tư: gió trái cây chín 8:1-3
8:4-10	Bản cáo trạng dành cho Y-sơ-ra-ên 8:4-6 8:7-8	Sự sụp đổ của Y-sơ-ra-ên 8:4-6 8:7-10	Chống lại những kẻ lừa đảo và bóc lột 8:4-7 8:8
	8:9-10		Tiên báo về sự sửa phạt: sự tối tăm và than khóc 8:9-10
8:11-14	8:11-12 8:13-14	8:11-14	Đói khát và khô hạn Lời Chúa 8:11-12 Sự tiên báo về sự sửa phạt 8:13-14

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3

4. Vân vân...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

BẢN NASB 8:1-3

¹ **Này là điều mà Chúa Giê-hô-va cho ta xem thấy: Này, có một giỏ trái mùa hạ.** ² **Bấy giờ Ngài phán rằng: A-mốt, người thấy gì? Ta thưa rằng: Một giỏ trái mùa hạ. Đức Giê-hô-va lại phán cùng ta rằng: Sự cuối cùng đã đến trên dân Y-sơ-ra-ên ta; ta sẽ không vượt qua nó nữa.** ³ **Trong ngày đó, những bài hát trong cung đền sẽ là tiếng khóc than, Chúa Giê-hô-va phán vậy. Sẽ có nhiều xác chết mà người ta làm thình quăng ra mọi nơi.**

8:1 “Này là điều mà Chúa Giê-hô-va cho ta xem thấy” Cụm từ này được sử dụng để giới thiệu ba khái tượng đầu tiên trong đoạn 7. Bởi vì sự sử dụng thường xuyên của cụm từ này cho thấy những khái tượng này liên quan với nhau (xem 7:1,4,7; 8:1).

☐ **“một giỏ trái cây mùa hè”** Có sự chơi chữ trong bản văn tiếng Hê-bơ-rơ giữa từ “trái cây” và chữ “chấm dứt” (tham khảo Đa-ni-ên 8:17,19; 11:40; 12:4,6) trong câu 2. Hai từ này có thể đã được phát âm giống nhau (xem NIDOTTE, quyển 3, trang 920). Trái cây mùa hè (BDB 884) là trái cây cuối mùa dễ bị “quá chín” rất nhanh vì nhiệt độ nên thích hợp cho nghĩa bóng để chỉ sự bại hoại tâm linh của đất nước Y-sơ-ra-ên. Họ đã quá xứng đáng cho sự phán xét.

8:2 “Sự cuối cùng đã đến trên dân Y-sơ-ra-ên ta” Động từ này (BDB 97, KB 112, dạng HOÀN THÀNH (Qal PERFECT)) có nghĩa là giao ước giữa Đức Giê-hô-va và con cháu của Áp-ra-ham sẽ bị bãi bỏ đối với các chi phái phía Bắc.

Nỗi đau của Đức Giê-hô-va có thể được cảm nhận trong cụm từ giao ước, “Dân Y-sơ-ra-ên của ta” (xem Ô-sê 11:1-4,8), nhưng giao ước sẽ không hoàn toàn bị bãi bỏ. Vẫn còn có hy vọng (xem 9:7-15; Ô-sê 11:9-11).

Để cho giao ước vẫn được còn tiếp tục sẽ là độc ác. Sự phán xét của Đức Giê-hô-va dù đau đớn nhưng lại là một hành động bởi tình yêu với một triển vọng thực sự cho sự phục hồi.

☐ **“ta sẽ không vượt qua nó nữa”** Cụm từ này càng nhấn mạnh thêm. Nó có nghĩa đen là “Ta sẽ không bao giờ (BDB 414, KB 418, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Hiphil (Hiphil IMPERFECT)) đi qua họ một lần nữa” (BDB 716, KB 778, dạng SỞ HỮU CÁCH NGUYÊN MẪU Qal (Qal INFINITIVE CONSTRUCT)).

Giao ước đã bị phá vỡ (xem 7:8). Dân sự Chúa đã từ bỏ Ngài bằng cách gia nhập vào sự thờ lạy những thần sinh sản của các dân tộc trong xứ Ca-na-an. Trong Sáng thế Ký 15:16 dân A-mô-rít trong vùng đất hứa đã bị từ bỏ vì họ có lối sống không tôn thờ Chúa. Bấy giờ chính dân sự của Đức Chúa Trời cũng đang bị loại bỏ bởi vì lối sống không tôn thờ Chúa giống như dân đó. Sự kiên nhẫn của Chúa đến lúc chấm dứt giống như trong Giê-rê-mi 15:5-9 và Ê-xê-chi-ên 7:2-9.

8:3 “những bài hát trong cung đền” Chữ những bài hát (BDB 1010) ở dạng SỐ NHIỀU GIỐNG CÁI (FEMININE PLURAL), có thể diễn tả cách mỉa mai là các nữ ca sĩ trong cung điện sẽ trở thành những người khóc mướn. Nhưng, có rất nhiều xác chết mà âm thanh duy nhất là sự

im lặng. (tham khảo một bình luận ngắn gọn về những nghi thức than khóc trong quyển *Ancient Israel* của Roland deVaux, tập 1, trang 56-61.)

Có thể có hai cách dịch: (1) cung điện (TEV, NJB, xem 6:5) hoặc (2) đền thờ (NKJV, NRSV, NET, NIV, xem 5:23). Bởi vì câu 10 (xem 5:23) nên lựa chọn cách dịch thứ 2 có vẻ thích hợp nhất.

▣ **“sẽ là tiếng khóc than”** Động từ này (BDB 410, KB 413, dạng HOÀN THÀNH Hiphil (Hiphil PERFECT)) xuất hiện nhiều lần trong những phân đoạn Giê-rê-mi trình bày về sự phán xét trên những quốc gia lân cận (xem Giê-rê-mi 47:2; 48:20,31,39; 49:3; 51:8). Ông dường như theo cách sử dụng của Ê-sai (xem Ê-sai 13:6; 14:31; 15:2,3; 16:7[hai lần]; 23:1,6,14). Một cách dịch chính xác lời thét lên về cái chết và sự hủy diệt này là “than khóc,” “rên rỉ,” “gào thét.”

Các tiêu tiên tri trong thế kỷ thứ tám sử dụng nó nhiều lần khi liên quan với sự phán xét sắp đến của Đức Giê-hô-va.

1. Ô-sê 7:14
2. Giô-ên 1:5,11,13
3. A-mốt 8:3
4. Mi-chê 1:8

▣ **“trong ngày đó”** Cụm từ này được quy định dùng theo nghĩa bóng chỉ sự phán xét được các tiên tri thế kỷ thứ tám sử dụng thường xuyên. Đức Giê-hô-va sẽ đến viếng thăm dân sự của Ngài để chúc phước (xem A-mốt 9:11,13) hoặc để rửa sạch (xem A-mốt 1:14, 2:16, 3:14, 4:2; 5:8,18,20; 6:3; 8:3,9,10,11,13). Xem ghi chú đầy đủ trong 2:16.

▣ **“người ta làm thình quăng ra”** Chi tiết này đề cập đến cách thức chôn cất bất thường (không có người khóc mướn hay than khóc gì cả) bởi vì đang chiến tranh và bị bao vây. Cụm từ này liên hệ đến 6:10 (cùng sử dụng một tán thán từ (INTERJECTION), BDB 245, im lặng).

BẢN NASB 8:4-6

⁴ Các người là người nuốt những kẻ nghèo nàn, làm hao mòn những kẻ khốn cùng trong đất, hãy nghe điều này. ⁵ Các người nói rằng: Khi nào trăng mới sẽ qua, cho chúng ta có thể bán lúa miễn, và ngày sa-bát qua, đừng chúng ta mở kho lúa mì, mà bớt ê-pha, thêm nặng siếc-lơ, và dùng cân dối giả đừng phỉnh gạt; ⁶ đừng chúng ta lấy bạc mua kẻ khốn nạn, lấy một đôi dép mua kẻ nghèo nàn, và bán cho đến lép lửng của lúa mì?

8:4 “Nghe” Đây là chữ *Shema* trong tiếng Hê-bơ-rơ (BDB 1033, KB 1570, dạng MỆNH LỆNH Qal (Qal IMPERATIVE)). Có nghĩa là nghe để thi hành. Nó là chữ chính yếu trong lời cầu nguyện quan trọng trong Phục truyền Luật lệ Ký 6:4-6 (xem A-mốt 3:1,13; 4:1; 5:1).

▣ Câu 4 đề cập đến việc trán lột (chà đạp hoặc đè bẹp BDB 983, KB 1375, dạng ĐỘNG TÍNH TỪ (Qal PARTICIPLE)) người nghèo (người túng thiếu tương đương với người hèn hạ trong xứ và người bị bỏ rơi...túng thiếu, xem câu 6) bởi những người giàu có và có quyền thế chính trị (xem 2:7; 5:11,12).

8:5 Các người giàu có, có quyền hành và thế lực không thể chờ đợi các hội họp tôn giáo (kỳ trăng

mới, xem Dân số Ký 28:11; II Các vua 4:23 và ngày Sa-bát, xem Xuất Ê-díp-tô Ký 31:13-17) qua đi để họ có thể âm mưu thực hiện những kế hoạch bất hợp pháp của họ, sai trật, và bất công đối với người nghèo: (1) làm ra loại thúng đong lúa nhỏ hơn, (2) tăng trọng lượng quả cân (siếc-lơ), (3) sử dụng cân dối trá; và (4) bán vỏ của lúa mì (những hạt lúa rơi xuống bụi bặm, BDB 655, hoặc những hạt lúa lép rơi khỏi cái sàng, xem 9:9) chung với lúa mì. Tất cả những điều này ám chỉ đến việc lừa gạt người nghèo khi họ mua thực phẩm (xem Lê-vi Ký 19:35-36; Phục truyền Luật lệ Ký 25:13-16; Châm ngôn 20:10).

Động từ bán (BDB 991, KB 1404) và mở (BDB 834, KB 986) đều là dạng CỒ VỮ, KHÍCH LỆ (COHORTATIVE). Sự tham muốn bóc lột của những thương gia này rất mạnh mẽ đến nỗi những hành động đó điều khiển tâm lòng của họ.

CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐO TRỌNG LƯỢNG VÀ DUNG TÍCH Ở VÙNG CẬN ĐÔNG

Việc đong đo (lường) trong thương mại rất quan trọng trong nền kinh tế nông nghiệp cổ xưa. Kinh Thánh kêu gọi người Do Thái ngay thẳng trong các giao dịch của họ với nhau (xem Lê vi Ký 19:35-36; Phục truyền Luật lệ Ký 25:13-16; Châm ngôn 11:1; 16:11, 20:1). Vấn đề thực sự không chỉ là sự trung thực, nhưng còn do các đơn vị và hệ thống được sử dụng tại xứ Pa-léc-tin không được tiêu chuẩn hóa. Có vẻ như có hai bộ quả cân: một loại nhẹ, một loại nặng cho mỗi trường hợp tính trọng lượng (xem quyển *The Interpreter's Dictionary of the Bible*, quyển 4, trang 831). Ngoài ra, hệ thống thập phân (ơ số 10) của Ai Cập đã được kết hợp với hệ lục phân (ơ số 6) của vùng Mê-sô-bô-ta-mi.

Nhiều đơn vị về kích thước và số lượng được dựa theo các bộ phận cơ thể con người, tải trọng của súc vật, và các đồ chứa ngũ cốc của nông dân, không có một thứ nào được tiêu chuẩn hóa. Do đó, các bảng đối chiếu giá trị được dùng để ước tính và dự đoán. Cách dễ nhất để biết được việc đo lường là dựa trên một biểu đồ có liên quan giữa các đơn vị.

I. Các từ ngữ thuộc dung tích thường được sử dụng

A. Các đơn vị đo lường cho loại khô

1. Hô-me (BDB 330, có thể là sức chở của một con lừa, BDB 331), xem Lê-vi Ký 27:16; Ô-sê 3:2
2. Letekh (hoặc letech, BDB 547), xem Ô-sê 3:2 (một hô-me rươi).
3. Ê-pha (BDB 35), xem Xuất Ê-díp-tô Ký 16:36; Lê-vi Ký 19:36; Ê-xê-chi-ên 45:10-11,13,24
4. Se'ah (bản tiếng Việt dịch là “đầu”) (BDB 684), xem Sáng thế Ký 18:6, I Sa-mu-ên 25:18, I Các vua 18:32
5. Ô-me (BDB 771 II, có thể là một bó: [một hàng cây ngũ cốc đã ngã], BDB 771 I), xem Xuất Ê-díp-tô Ký 16:16,22,36; Lê-vi Ký 23:10-15
6. Issaron (BDB 798, một phần mười), xem Xuất Ê-díp-tô Ký 29:40; Lê-vi Ký 14:21
7. Qav (bản tiếng Việt dịch là “một gốc tư ô”) (hoặc kab, BDB 866), xem II Các vua 6:25

B. Các đơn vị đo lường chất lỏng

1. Cô-rơ (BDB 499), xem I Các vua 5:2,25; Ê-xê-chi-ên 45:14
2. Bát (BDB 330, bằng với một Ô-me), xem II Sử ký 2:10; Ê-xê-chi-ên 45:10-11,14
3. Hin (BDB 228), xem Xuất Ê-díp-tô Ký 29:40; Lê-vi Ký 19:36; Ê-xê-chi-ên 45:24
4. Lót (BDB 528), xem Lê-vi Ký 14:10,12,15,21,24

C. Biểu đồ (lấy từ quyển *Ancient Israel* của Roland deVaux, tập 1, trang 201 và quyển *Encyclopedia Judaica*, tập 16, trang 379).

Hô-me (khô) = cô-rơ (chất lỏng)	1					
Ê-pha (khô) = bát (chất lỏng)	10	1				
Se'ah (khô)	30	3	1			
Hin (chất lỏng)	60	6	2	1		
Ô-me / issaron (khô)	100	10	-	-	1	
Qav / kab (khô)	180	18	6	3	-	1
Lót (chất lỏng)	720	72	24	12	-	4 1

(1 hô-me = 10 ê-pha = 30 se'ah = 60 hin = 100 ô-me = 180 qav = 720 lót).

II. Những đơn vị trọng lượng được sử dụng thường xuyên nhất

A. Ba đơn vị trọng lượng thông dụng nhất là ta-lâng, siéc-lơ, và ghê-ra.

- Đơn vị trọng lượng lớn nhất trong Cựu Ước là ta-lâng. Theo Xuất Ê-díp-tô Ký 38:25-26 mà chúng ta biết rằng một ta-lâng tương đương với 3.000 siéc-lơ (trọng lượng làm tròn số, BDB 503).
- Chữ siéc-lơ (BDB 1053, trọng lượng) được sử dụng rất thường xuyên đến nỗi nó được thừa nhận mà không được kê ra trong bản văn. Có một số giá trị của siéc-lơ được nêu trong Cựu Ước.
 - Tiêu chuẩn thương mại (xem Sáng thế Ký 23:16 trong bản NASB)
 - Siéc-lơ của đền thờ (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 30:13 bản NASB)
 - Theo cân của nhà vua (II Sa-mu-ên 14:26 bản NASB), còn gọi là cân của hoàng gia trong bản giấy cói Elephantine Papyri.
- Ghê-ra (BDB 176 II) có giá trị 1/20 của siéc-lơ (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 30:13). Những tỷ lệ này khác biệt giữa Mê-sô-bô-ta-mi và Ai Cập. Y-sơ-ra-ên dựa theo cách định giá thông dụng nhất trong xứ Ca-na-an (Ugarit).
- Mi-na (BDB 584) có giá trị là 50 hoặc 60 siéc-lơ. Đơn vị này được tìm thấy trong các sách phần sau của Cựu Ước (xem Ê-xê-chi-ên 45:12; Ê-xơ-ra 2:69; Nê-hê-mi 7:70-71). Ê-xê-chi-ên sử dụng tỷ lệ 60-1, trong khi trong xứ Ca-na-an sử dụng tỷ lệ 50-1.
- Beka (BDB 132, nửa siéc-lơ, xem Sáng thế Ký 24:22) được sử dụng chỉ có hai lần trong Cựu Ước (xem Sáng thế Ký 24:22; Xuất Ê-díp-tô Ký 38:26) và có giá trị nửa siéc-lơ. Tên của nó có nghĩa là phân chia.

B. Biểu đồ

1. Dựa theo Xuất Ê-díp-tô Ký

Ta-lâng	1		
Mi-na	60	1	
Siéc-lơ	3.000	50	1
Beka	6.000 *	100	1

(Ghê-ra cũng là 6.000 theo Xuất Ê-díp-tô Ký 30:13; Lê-vi Ký 27:25; Dân số Ký 3:47; 18:16; Ê-xê-chi-ên 45:12).

(1 ta-lâng = 60 mi-na = 3000 siéc-lơ = 6000 beka).

2. Dựa theo Ê-xê-chi-ên

Ta-lâng 1

Mi-na 60 1

Siéc-lơ 3.600 60 1

Beka 7.200 120 2 1

Ghê-ra 72.000 1.200 20 10 1

(1 ta-lâng = 60 mi-na = 3.600 siéc-lơ = 7.200 beka = 72.000 ghê-ra).

▣ **“trăng mới”** Chi tiết này đề cập đến phong tục cổ xưa giữ ngày lễ tôn giáo vào ngày đầu tháng (xem Dân số Ký 28:11; II Các vua 4:23). Nên nhớ là những người Do Thái sử dụng âm lịch.

▣ **“cân đối giá”** Dạng SỞ HỮU CÁCH này (BDB 24, 941) cho thấy sự không ngay thẳng và đối trá của các doanh nghiệp thương mại, đặc biệt là đối với người nghèo (xem Mi-chê 6:10-11). Đức Chúa Trời ghét sự đối trá này (xem Châm-ngôn 11:1). Không bao giờ có việc “đây chỉ là chuyện làm ăn” nên chẳng liên quan gì với Đức Chúa Trời hay là dân sự của Ngài. Sự bóc lột bày tỏ một tấm lòng ích kỷ, tham lam, và sa đọa.

8:6 Câu này đưa ra ví dụ vì sao mà những người nghèo không thể mua thức ăn nên buộc phải bán mình hoặc gia đình của họ làm nô lệ chỉ vì một số tiền nhỏ nhoi (một đôi dép, xem 2:6).

Những thương gia giàu có xấu xa đến nỗi bán ngũ cốc trộn với trấu, đất, sỏi, v.v. . . Với lợi nhuận có được từ những việc mua bán gian lận này mà họ càng mua thêm nhiều nô lệ. Vì vậy, chính người nghèo phải trả giá cho việc bóc lột người nghèo.

BẢN NASB 8:7-10

⁷ Đức Giê-hô-va lấy sự vinh hiển của Gia-cốp mà phán lời thề này: Ta chắc sẽ chẳng hề quên những việc làm của chúng nó! ⁸ Đất há chẳng rung động về việc đó, hết thảy dân cư nó há chẳng than khóc sao? Trọn cả đất sẽ dậy lên như Sông cái, nó sẽ lung lay và lún xuống như Sông của Ê-díp-tô vậy. ⁹ Chúa Giê-hô-va phán: Sẽ xảy ra trong ngày đó, ta sẽ khiến mặt trời lặn đi trong lúc giữa trưa, và khiến đất tối tăm trong giữa ban ngày. ¹⁰ Ta sẽ đổi ngày lễ các ngươi ra sầu thảm, và hết thảy bài ca tụng các ngươi ra ca thương. Ta sẽ thắt bao gai trên mọi lưng, và làm cho mọi đầu đều sỏi. Ta sẽ đặt đất này trong sự sầu thảm, như là mất con trai một, và sự cuối cùng nó sẽ như ngày đắng cay.

8:7 “Đức Giê-hô-va lấy sự vinh hiển của Gia-cốp mà phán lời thề” Trong A-môt, Đức Giê-hô-va thề nhiều lần như một cách để chứng minh rằng những lời của Ngài là xác thật:

1. Chúa đã thề bởi sự thánh khiết của Ngài, 4:2
2. Chúa đã thề bởi chính Ngài, 6:8
3. Chúa đã thề bởi sự tự hào của Gia-cốp, 8:7

Cụm từ này có thể có vài nghĩa: (1) Sự vinh quang của Chúa trên dòng dõi của Gia-cốp (xem I Sa-mu-ên 15:29). Bản TEV dịch là “Chúa, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, đã thề”; (2) vì không có chỗ khác mà Đức Chúa Trời thề bởi một người nào khác, điều này có thể có nghĩa,

“Chúa, mà Y-sơ-ra-ên tự hào, đã thề” (quyển *Handbook* của UBS, trang 165), hoặc (3) dân sự của Gia-cốp đã trở nên luôn luôn độc ác và Chúa có thể thề bởi tình trạng không thay đổi của họ (xem 6:8).

☐ **“Ta chắc sẽ chẳng hề quên những việc làm của chúng nó”** Đây là một lời tuyên bố rất mạnh mẽ.

1. ĐỘNG TÍNH TỪ GIẢ ĐỊNH (HYPOTHETICAL PARTICLE), (וּאִם)
2. Dạng ĐỘNG TỪ KHÔNG HOÀN THÀNH Qal (Qal IMPERFECT VERB) “quên” (BDB 1013, KB 1489)
3. DANH TỪ “vĩnh viễn,” “liên tục” (BDB 664)

Những thương gia bóc lột này sẽ phải trả lời về những tội ác chống lại cả anh chị em của giao ước và giao ước của Chúa.

8:8 Đây là một câu hỏi dẫn đến sự trả lời xác nhận. Câu này dường như sử dụng hình ảnh của (1) một trận động đất đã đề cập trong 1:1 hay (2) sự phá hủy do lũ lụt hàng năm của sông Nile ở Ai Cập (xem 9:5; Giê-rê-mi 46:7-8). Bởi vì ĐỘNG TỪ này (BDB 176, KB 204, dạng HOÀN THÀNH Niphal (Niphal PERFECT)) được dùng để mô tả Giô-na bị đưa đi ra khỏi sự hiện diện của Đức Giê-hô-va (xem Giô-na 2:4), nên nó có thể có nghĩa bóng để chỉ sự lưu đày khỏi đất hứa (xem 9:1-4,5). Cũng chữ này được dùng để chỉ Đức Giê-hô-va đuổi các dân Ca-na-an ra khỏi đất hứa, nhưng giờ đây thì Y-sơ-ra-ên đang bị đuổi đi bởi vì tội lỗi và sự thờ hình tượng của họ.

8:9 Câu này đã được hiểu theo nhiều cách: (1) ngôn ngữ về tận thế như trong Ê-sai 13:10; Giô-ên 2:2; 3:15; Mi-chê 3:6; (2) ám chỉ đến các tai vạ trong xứ Ai Cập là những điểm chính yếu của sự rửa sả trong Phục truyền Luật lệ Ký 27-29; hoặc (3) diễn tả theo nghĩa đen về sự nhật thực (xem 5:18-20).

Theo một nghĩa nào đó thì sự hỗn loạn cả vũ trụ của công trình sáng tạo đang tiếp tục xảy ra. Bối cảnh hoàn hảo dành cho sự thông công giữa Đức Giê-hô-va với nhân loại đã một lần nữa bị phá hoại. Thiên nhiên được biết là đang ở trong sự hỗn loạn (xem Rô-ma 8:19-22).

Điều trớ trêu là nước có thể là sự hủy diệt (tức là, lũ lụt) hoặc là một biểu tượng cho sự chúc phước của Chúa (xem 5:24). Nhân loại sẽ kinh nghiệm được điều này hoặc là điều kia. Có một cuộc thảo luận lý thú về chữ “biển” xem NIDOTTE, quyển 2, trang 461-466.

☐ **“khiến đất tối tăm trong giữa ban ngày”** ĐỘNG TỪ này (BDB 364, KB 361, dạng HOÀN THÀNH (Hiphil PERFECT)) dùng để chỉ hành động của Chúa. Nó có thể nhắc đến tai vạ tối tăm trong xứ Ai Cập (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 10:21-22; Thi thiên 105:28). Ở đây nó dùng để chỉ Chúa đem bóng tối đến, cả theo nghĩa đen (xem 5:8) và nghĩa bóng (xem các câu 11-12). Sự sáng của Y-sơ-ra-ên chỉ là tối tăm (xem Giê-rê-mi 13:16).

8:10 Đây là một loạt các nghi thức than khóc (các bài hát tang lễ, đồ tang, sự cạo đầu) về sự phán xét của Chúa đối với sự thờ phượng của Y-sơ-ra-ên. Sự thờ phượng của họ sẽ đổi thành sự than khóc đắng cay, giống như cái chết của con mọt (xem Giê-rê-mi 6:26; Xa-cha-ri 12:10).

☐ **“mọi đầu đều sói”** Bởi vì Y-sơ-ra-ên có gắn kết với những việc thờ thần sinh sản của dân Ca-na-an nên chữ này có thể ám chỉ đến “cạo” (tóc, râu) (xem Mô-áp, Ê-sai 15:2; Giê-rê-mi 48:37; Phi-li-tin, Giê-rê-mi 47:5; và Phi-nê-xi, Ê-xê-chi-ên 27:31), tất cả đều có ý nói đến sự thờ lạy

ngoại giáo (xem Lê-vi Ký 21:5).

Nhưng nó cũng có thể ám chỉ đến sự bứt tóc trên đầu như là một dấu hiệu của sự than khóc (xem Mi-chê 1:16; Ê-xê-chi-ên 7:18).

▣ **“một ngày cay đắng”** Chữ này (BDB 600) được dùng cho sự đau buồn về cái chết (xem 5:16-17). Họ đang trông chờ điều ngược lại (xem 5:18-20). Đây là một cách úp mở để nói về ngày đó, ngày của Chúa. Xem ghi chú trong 2:16.

BẢN NASB 8:11-14

¹¹ Chúa Giê-hô-va phán: **Này, những ngày sẽ đến, là khi ta khiến sự đói kém đến trong đất, chẳng phải là đói về bánh, cũng chẳng phải khát về nước, bèn là về nghe lời của Đức Giê-hô-va.** ¹² **Bấy giờ chúng nó sẽ đi đông dài từ biển này đến biển khác, từ phương bắc đến phương đông; chạy đi đây đi đó để tìm lời Đức Giê-hô-va mà không tìm được.** ¹³ **Trong ngày đó, những gái đồng trinh đẹp đẽ và những trai trẻ sẽ mòn mỏi vì khát.** ¹⁴ **Hết thấy những kẻ chỉ tội lỗi của Sa-ma-ri mà thề rằng: Hỡi Đan, thật như thần ngời sống! Thật như đường của Bê-e-Sê-ba sống! Hết thấy những kẻ ấy sẽ ngã xuống, và không dậy được nữa.**

8:11 Có thể chỗ này trong Cựu Ước đã khởi nguồn cho một phần trong bài giảng các phước lành của Chúa Giê-xu (xem Ma-thi-ơ 5:6) và cũng có thể liên quan đến Ma-thi-ơ 4:4, nơi đây Chúa Giê-xu trích dẫn Phục truyền Luật lệ Ký 8:3. Y-sơ-ra-ên đã nghĩ rằng họ có tất cả những gì họ cần, nhưng thật ra điều mà thực sự tất cả chúng ta cần là sự tương giao với Chúa.

8:12 Chi tiết này cho thấy sự tìm kiếm Chúa cuốn cuồng nhưng vô ích. Đây thật là cách dùng ẩn dụ để gây sốc. Đức Chúa Trời bởi tình yêu đã tìm kiếm con người, nhưng sẽ đến một ngày họ sẽ không thể tìm thấy Ngài. Con người được tạo dựng cần phải có mối thông công với Chúa (xem Sáng thế Ký 1:26-27). Địa ngục là loại bỏ mọi khả năng được ở (hiện hữu, sống) với Ngài.

▣ **“từ biển này đến biển khác”** Đối với một người ở xứ Pa-léc-tin thì điều này có ý nói từ Địa Trung Hải đến Biển Chết. Trên thực tế nó không phải là rất xa, nhưng có nghĩa là từ đầu này đến đầu kia của đất nước.

8:13 Ngay cả những người trai trẻ và mạnh mẽ cũng không thể tìm được Chúa. Kẻ trai trẻ kiệt sức là một hình ảnh ẩn dụ để chỉ sự đoán xét của Đức Giê-hô-va (xem Ê-sai 51:20).

8:14 “tội lỗi của Sa-ma-ri” Chi tiết này nói đến các bò con vàng (xem I Các vua 12:28; Ô-sê 8:5-6; 10:5) được dựng lên tại các thành phố Đan và Bê-tên bởi Giê-rô-bô-am I (922 TC). Chúng có mục đích cạnh tranh với đền thờ Giê-ru-sa-lem là nơi thờ phượng Đức Giê-hô-va. Vì có những đền thờ này mà tất cả các vị vua của các chi phái phía bắc đều bị các tiên tri lên án.

Có thể có một cách hiểu khác về bản văn này dựa theo bản văn Masoretic. Nó có cụm từ, Ashima của Sa-ma-ri (xem II Các vua 17:30). Nếu đúng vậy, thì điều này sẽ nói đến nữ thần sinh sản của Ca-na-an. Cho dù dẫn chứng nào là chính xác thì nó vẫn phản ánh sự thờ phượng sai bậy của mười chi phái phía Bắc là Y-sơ-ra-ên.

▣ **“Thật như đường của Bê-e-Sê-ba sống”** Đây là một đề cập khác thường. Bê-ê-shê-ba là một thành phố nằm ở miền nam Giu-đa. Nó đã được nói đến trước đó trong 5:5. Có thể là cuộc hành trình hoặc con đường này có những hiệp hội thờ thần tượng. Có thể chữ “đường” là đặc ngữ theo nghĩa đường lối (cách thức) giảng dạy hay lễ nghi. Chính xác như thế nào hay điều gì có liên hệ với sự thờ thần tượng này thì không rõ.

Cũng có thể nó nhấn mạnh vào vị trí địa lý để cho cái gì được đề cập ở đây (ví dụ như từ Đan đến Bê-ê-sê-ba, xem Các quan xét 20:1; I Sa-mu-ên 3:20) cùng đi song song với câu 12. Dân sự giao ước này đã phạm tội thờ thần tượng trong cả đất hứa, nhưng giờ đây họ lại cuốn cuồng tìm kiếm Đức Giê-hô-va khắp nơi trong cả nước, nhưng họ sẽ không tìm thấy Ngài.

A-MỘT ĐOẠN 9

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
	Năm khái tượng về sự phán xét của Chúa và lời tiên tri về sự phục hồi (7:1-9:15)		Những khái tượng (7:1-9:10)
Sự tàn phá Y-sơ-ra-ên	Khái tượng thứ năm	Sự phán xét của Chúa	Khái tượng thứ năm: Sự sụp đổ của đền thờ
9:1-4	9:1-4	9:1-4	9:1-4
	Lời tụng ngợi thứ ba		Lời chúc tụng
9:5-6	9:5-6	9:5-6	9:5-6
	Y-sơ-ra-ên không có đặc quyền về phương diện đạo đức		Những tội nhân sẽ hư mất
9:7-10	9:7-8	9:7-8	9:7-10
	9:9-10	9:9-10	
Y-sơ-ra-ên sẽ được phục hồi	Lời tiên tri về sự phục hồi triều đại Đa-vít	Sự phục hồi trong tương lai của Y-sơ-ra-ên	Những phương diện của sự phục hồi cùng với sự sung túc vùng nông thôn
9:11-12	9:11-12	9:11-12	9:11-15
	Lời tiên tri về thời đại vàng son sẽ đến		
9:13-15	9:13-15	9:13-15	

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

5. Phân đoạn 1

6. Phân đoạn 2

7. Phân đoạn 3

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

BẢN NASB 9:1-4

¹ Ta thấy Chúa đứng gần bàn thờ và phán rằng: **Hãy đánh các đầu cột, hầu cho những ngạch cửa bị rúng động; hãy đập bể ra trên đầu hết thảy chúng nó! Kẻ nào sót lại trong chúng nó thì ta sẽ giết bằng gươm, không một người nào trốn được, không một người nào lánh khỏi.** ² Dầu chúng nó đào đến âm phủ, tay ta cũng sẽ móc chúng nó ra; dầu chúng nó trèo lên trên trời, ta cũng sẽ làm cho chúng nó từ đó xuống. ³ Dầu chúng nó ẩn mình nơi chót núi Cạt-mên, ta cũng sẽ đi tìmặng kéo chúng nó ra; dầu chúng nó lánh khuất mắt ta nơi đáy biển, ta cũng sẽ sai rắn cắn chúng nó tại đó. ⁴ Ví bằng chúng nó đi làm phu tù trước mặt kẻ thù nghịch mình, ở đó ta cũng sẽ sai gươm giết chúng nó đi. **Thật, ta để mắt trên chúng nó đặng làm họa, chẳng phải để làm phúc cho.**

9:1 Chi tiết này đề cập đến sự hủy phá một địa điểm thờ phượng linh thiêng (bàn thờ), gây ra bởi trận động đất (xem 1:1; 8:7-10; 9:1,9). Người Do Thái tin tưởng nơi mối quan hệ giao ước của họ với Đức Giê-hô-va, nhưng Đức Chúa Trời đã từ bỏ họ bởi sự thờ phượng tôn giáo hỗn tạp của họ (xem 5:21-24; 8:10).

▣ **“đánh các đầu cột”** Động từ này (BDB 645, KB 697) là dạng MỆNH LỆNH Qal (Qal IMPERATIVE). Câu này có hai MỆNH LỆNH và một thì KHÔNG HOÀN THÀNH Qal (Qal IMPERFECT) được sử dụng như một ƯỚC MUỐN (JUSSIVE) (tức là, trận động đất BDB 950, KB 1271).

Chữ “đầu cột” (BDB 499) ám chỉ đến đỉnh đầu được chạm trổ trang trí của hàng trụ đỡ.

▣ **“các ngạch cửa”** Ngạch cửa (BDB 706) đề cập đến các khung cửa đền thờ (xem Ê-sai 6:4).

▣ **“đập bể ra trên đầu hết thảy chúng nó”** Đây là ám chỉ đến sự hủy diệt các kẻ thờ phượng (ngoại giáo) bởi các hiện tượng siêu nhiên, tương tự như Sam-sôn phá hủy đền thờ của dân Phi-li-tin trong Các Quan Xét 16:23-30. Ở đây cách thức dường như là một trận động đất có sự linh ứng về thời gian và địa điểm.

▣ Ba dòng cuối của câu 1 khẳng định rằng không có người Do Thái nào sẽ hoàn toàn thoát khỏi sự phán xét của Đức Chúa Trời (xem câu 2-3). Nó tương tự như ý nghĩa trong 5:19.

Thể loại văn chương tiên tri được đặc trưng bởi những phân đoạn của sự phán xét được đặt bên cạnh những phân đoạn của sự cứu rỗi. Chương này là một ví dụ điển hình.

1. câu 1-10, sự phán xét

2. câu 11-15, sự cứu rỗi

Cả hai đều đúng, nhưng có những điều kiện/trường hợp tùy theo lòng thương xót của Đức Chúa Trời cũng như đức tin/sự ăn năn của con người. Sẽ có một phần còn lại của người Do Thái tồn tại để hoàn thành kế hoạch cứu chuộc của Đức Chúa Trời!

9:2-3 Những câu này miêu tả sự vô ích của việc cố gắng thoát khỏi sự phán xét của Đức Chúa

Trời (xem Gióp 34:22; Giê-rê-mi 23:24; Ê-sai 29:15). Các phép ẩn dụ được sử dụng tương tự như trong Thi thiên 139:8, 9-12 (cũng tham khảo Châm ngôn 15:11).

9:2 “Dầu chúng nó đào đến âm phủ” “Âm phủ” (Sheol) (BDB 982, trong Ê-sai 5:14; 14:9; 28:15,18; 38:10) ám chỉ đến nơi giữ người chết. Nó được mô tả như là trong lòng đất (phải “đào đến”). Điều này tương tự như khi người ta cố gắng trốn trong các hang động trong Ê-sai 2:10,19-21; Lu-ca 23:30; và Khải huyền 6:15-16.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NGƯỜI CHẾT Ở ĐÂU?

I. Cự Uớc

A. Cả nhân loại đến *She'ol* (không rõ từ nguyên), là một cách đề cập đến cái chết hay là phần mộ thường xuất hiện trong thể loại văn chương khôn ngoan và sách Ê-sai. Theo Cự Uớc, nó là sự hiện hữu không cảm xúc, mờ ảo nhưng có nhận thức (xem Gióp 10:21-22; 38:17; Thi-thiên 107:10,14).

B. Đặc tính của *She'ol*

1. liên hệ với sự phán xét (bằng lửa) của Đức Chúa Trời, Phục-truyền Luật-lệ Ký 32:22
2. gắn liền với hình phạt trước Ngày Đoán Xét, Thi-thiên 18:4-5
3. liên kết với chữ *Abaddon* (sự huỷ diệt), nhưng cũng mở rộng chỉ về Đức Chúa Trời, xem Gióp 26:6; Thi-thiên 139:8; A-môt 9:2
4. liên hệ với khái niệm “hố” (mồ mã), Thi-thiên 16:10; Ê-sai 14:15; Ê-xê-chi-ên 31:15-17
5. kẻ ác xuống thẳng đến *She'ol* đang khi còn sống, Dân-số Ký 16:30,33; Thi-thiên 55:15
6. thường được mô tả như là một con thú có mõm lớn, Dân-số Ký 16:30; Ê-sai 5:14; 14:9; Ha-ba-cúc 2:5
7. người ở nơi đó gọi là *Shades*, Ê-sai 14:9-11

II. Tân Ước

A. Chữ *She'ol* trong tiếng Do thái được dịch sang tiếng Hy Lạp là *Hades* (thế giới vô hình)

B. Đặc tính của *Hades*

1. đề cập đến cái chết, Ma-thi-ơ 16:18
2. liên kết với sự chết, Khải-huyền 1:18; 6:8; 20:13-14
3. thường trình bày tương tự như nơi của sự hình phạt đời đời (*Gehenna*), Ma-thi-ơ 11:23 (trích dẫn Cự Uớc); Lu-ca 10:15; 16:23-24
4. thường trình bày tương tự như phần mộ, Lu-ca 16:23

C. Sự phân biệt khả dĩ theo các tu sĩ Do-Thái-Giáo

1. Nơi dành cho người công chính gọi là thiên đàng (thật ra là một tên gọi khác chỉ thiên đàng, xem II Cô-rinh-tô 12:4; Khải-huyền 2:7), Lu-ca 23:43
2. Phần dành cho người độc ác gọi là *Tartarus*, II Phi-e-rơ 2:4, là nơi giam giữ những ác thần (xem Sáng-thế Ký 6; I Hê-nóc)

D. *Gehenna*

1. Phản ảnh cụm từ trong Cự Uớc “thung lũng của các con trai Hinnom,” (phía nam

của Giê-ru-sa-lem). Đó là nơi các trẻ em bị cúng tế cho thần lửa của người Phoenician, *Molech* (xem II Các Vua 16:3; 21:6; II Sử ký 28:3; 33:6), tập tục này bị nghiêm cấm trong Lê-vi Ký 18:21; 20:2-5

2. Giê-rê-mi đổi địa điểm này từ nơi thờ phượng ngoại giáo thành nơi cho sự phán xét của Đức Giê-hô-va (xem Giê-rê-mi 7:32; 19:6-7). Nó trở thành nơi của sự phán xét đời đời trong I Hê-nóc 90:26-27 và Sib. 1:103.
3. Người Do thái trong thời của Đức Chúa Giê-xu kinh hãi bởi tập tục dâng hiến trẻ em để thờ phượng thần ngoại bang của tổ phụ họ đã biến nơi đây thành bãi rác cho Giê-ru-sa-lem. Nhiều hình ảnh ẩn dụ về sự phán xét đời đời của Đức Chúa Giê-xu xuất phát từ bãi rác này (lửa, khói, sâu bọ, mùi hôi, xem Mác 9:44,46). Chữ *Gehenna* chỉ được dùng bởi Đức Chúa Giê-xu (ngoại trừ trong Gia-cơ 3:6).
4. Cách sử dụng chữ *Gehenna* của Đức Chúa Giê-xu
 - a. lửa, Ma-thi-ơ 5:22; 18:9; Mác 9:43
 - b. vĩnh viễn, Mác 9:48 (Ma-thi-ơ 25:46)
 - c. nơi huỷ diệt (cả linh hồn và thể xác), Ma-thi-ơ 10:28
 - d. tương đương với *She'ol*, Ma-thi-ơ 5:29-30; 18:9
 - e. đặc tính của kẻ ác là “con địa ngục” Ma-thi-ơ 23:15
 - f. kết án, Ma-thi-ơ 23:33; Lu-ca 12:5
 - g. khái niệm *Gehenna* tương đương với sự chết thứ hai (xem Khải-huyền 2:11; 20:6,14) hoặc là hồ lửa (xem Ma-thi-ơ 13:42,50; Khải-huyền 19:20; 20:10,14-15; 21:8). Có thể rằng hồ lửa là nơi giam giữ đời đời cho con người (theo chữ *She'ol*) và các ác thần (theo chữ *Tartarus*, II Phi-e-rơ 2:4; Giu-đe 6 hay là địa ngục, xem Lu-ca 8:31; Khải-huyền 9:1-10; 20:1,3).
 - h. Nơi này không dành cho con người nhưng cho Sa-tan và những quỷ sứ của nó, Ma-thi-ơ 25:41

E. Bởi sự chông chéo ý nghĩa của ba chữ *She'ol*, *Hades*, và *Gehenna* có lẽ

1. trong nguyên thủy cả nhân loại sẽ đến *She'ol/Hades*
2. trải nghiệm của họ nơi đó (tốt hay xấu) càng tăng thêm sau ngày phán xét, nhưng chỗ dành cho kẻ ác vẫn là một (đây là lý do bản Kinh thánh KJV dịch chữ *hades* (phần mộ) giống như chữ *gehenna* (địa ngục).
3. chỉ trong bản văn Tân Ước mới nhắc đến sự đau đớn trước ngày phán xét trong Lu-ca 16:19-31 (câu chuyện La-xa-rơ và người giàu có). *She'ol* được mô tả là nơi của sự hình phạt ngay hiện tại (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 32:22; Thi-thiên 18:1-5). Tuy nhiên, chúng ta không thể xây dựng giáo lý chỉ dựa vào câu chuyện này.

III. Nơi ở trung chuyển giữa cái chết và sự phục sinh

- A. Tân Ước không dạy về “sự bất diệt của linh hồn”, là một trong vài quan điểm cổ xưa về đời sau.
 1. linh hồn con người đã hiện hữu trước đời sống thể chất của họ
 2. linh hồn con người tồn tại trước và sau cái chết thuộc thể
 3. thông thường thân thể bị xem như ngục tù giam giữ linh hồn và cái chết được xem như là sự phóng thích linh hồn trở về trạng thái trước đó.
- B. Tân Ước gợi ý cách gián tiếp về giai đoạn lia khỏi thân xác giữa cái chết và sự phục sinh

1. Đức Chúa Giê-xu nói về sự phân chia giữa thân xác và linh hồn, Ma-thi-ơ 10:28
2. Áp-ra-ham có thể có thân thể hiện thời, Mác 12:26-27; Lu-ca 16:23
3. Môi-se and Ê-li có thân thể trong Sự Hóa Hình, Ma-thi-ơ 17
4. Phao-lô quả quyết rằng trong sự đến lần thứ hai, các linh hồn ở với Đấng Christ sẽ được nhận lấy một thân thể mới trước nhất, II Tê-sa-lô-ni-ca 4:13-18
5. Phao-lô khẳng định rằng những tín hữu sẽ nhận lãnh thân thể thiêng liêng mới trong Ngày Phục Sinh, I Cô-rinh-tô 15:23,52
6. Phao-lô khẳng định rằng những tín hữu sẽ không đến *Hades*, nhưng khi chết ở với Đức Chúa Giê-xu, II Cô-rinh-tô 5:6,8; Phi-líp 1:23. Đức Chúa Giê-xu đã đắc thắng sự chết và đem những người công chính lên thiên đàng với Ngài, I Phi-e-rơ 3:18-22.

IV. Thiên đàng

A. Chữ này được sử dụng trong Kinh thánh với ba ý nghĩa.

1. khoảng không phía trên trái đất, Sáng-thế Ký 1:1,8; Ê-sai 42:5; 45:18
2. các tầng trời, Sáng-thế Ký 1:14; Phục-truyền Luật-lệ Ký 10:14; Thi-thiên 148:4; Hê-bơ-rơ 4:14; 7:26
3. ngôi của Đức Chúa Trời, Phục-truyền Luật-lệ Ký 10:14; I Các Vua 8:27; Thi-thiên 148:4; Ê-phê-sô 4:10; Hê-bơ-rơ 9:24 (tầng trời thứ ba, II Cô-rinh-tô 12:2)

B. Kinh thánh không tiết lộ nhiều đời sau. Có lẽ bởi vì nhân loại đã sa ngã không thể nào hay không có khả năng để hiểu (xem I Cô-rinh-tô 2:9).

C. Thiên đàng là khái niệm cả về nơi chôn (xem Giăng 14:2-3) và là thân vị (xem II Cô-rinh-tô 5:6,8). Thiên đàng có thể là Vườn Ê-đen được phục hồi (Sáng-thế Ký 1-2; Khải-huyền 21-22). Trái đất sẽ được tẩy sạch và phục hồi (xem Công-vụ 3:21; Rô-ma 8:21; II Phi-e-rơ 3:10). Hình ảnh của Đức Chúa Trời (Sáng-thế Ký 1:26-27) đã được khôi phục trong Đấng Christ. Giờ đây, mỗi tương giao gần gũi trong vườn Ê-đen có thể tái lập.

Tuy nhiên, đây có thể là hình ảnh ẩn dụ (thiên đàng như là thành phố lớn theo hình khối vĩ đại theo Khải-huyền 21:9-27). I Cô-rinh-tô 15 mô tả sự khác biệt giữa hình thể vật chất và thể chất tâm linh giống như là so sánh giữa hạt giống với cây lớn đã trưởng thành. Một lần nữa I Cô-rinh-tô 2:9 (một trích dẫn từ Ê-sai 64:4 và 65:17) là nguồn hy vọng và lời hứa to lớn. Tôi biết rằng khi chúng ta xem thấy Ngài thì chúng ta được giống như Ngài (xem I Giăng 3:2).

V. Những nguồn tài liệu hữu ích

- A. William Hendriksen, *The Bible On the Life Hereafter*
- B. Maurice Rawlings, *Beyond Death's Door*

☐ **“dầu chúng nó trào lên trên trời”** Đây là nơi chôn đối nghịch về không gian với *Sheol*.

Ngôn ngữ của những câu này (câu 1-4) gợi nhớ lại Thi thiên 139:8. Không có nơi nào trốn khỏi Đức Chúa Trời!

Trong câu này “trời” có thể ám chỉ đến khoảng không bên trên trái đất (xem Sáng thế Ký 1:1,14-19,20) chứ không phải là “ngai của Đức Chúa Trời” (mặc dù trong Ê-sai 14:12-14 dường như kết hợp các khái niệm tầng trời thứ nhất và tầng trời thứ ba của người Do Thái).

9:3 “nơi chót núi Cạt-mên” Đây có thể là một phép ẩn dụ kép: (1) địa điểm này có thăm thực

vật rất dày (BDB 502 II) với nhiều hang động, hoặc (2) theo truyền thống đây là một địa điểm thờ tự (xem I Các vua 18).

▣ **“dầu chúng nó lánh khuất mắt ta nơi đáy biển”** Đây rõ ràng là ẩn dụ chỉ những cố gắng của con người tội lỗi trốn tránh khỏi Đức Chúa Trời (xem Gióp 34:21-22; Thi thiên 139:9-12; Giê-rê-mi 16:16-17).

Người Do Thái là một dân tộc sa mạc. Họ đã sợ những vùng nước sâu, rộng lớn. Nơi chôn cuối cùng mà họ nghĩ đến để ẩn náu là vực sâu!

▣ **“ta cũng sẽ rấn cắn chúng nó tại đó”** Đây là một ám chỉ đến các quái vật biển thần thoại, Lê-vi-a-than (xem Gióp 3:8; 41:1 Thi thiên 74:13-14; 104:26; Ê-sai 27:1) còn gọi là Ra-háp (xem Gióp 9:13; 26:12; Thi thiên 89:10; Ê-sai 51:9). Lưu ý Chúa truyền lệnh (BDB 845, KB 1010, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH (Piel IMPERFECT)) cho con quái vật.

9:4 Đây là một câu gây sốc. Con giận và sự phán xét của Chúa sẽ theo đuổi họ ngay cả trong sự lưu đày. Họ sẽ bị lừa đi như gia súc vào một quốc gia ngoại quốc, nhưng thậm chí ở nơi đó cái chết cũng sẽ chờ đợi họ! Đức Chúa Trời sẽ không bày tỏ lòng thương xót (xem Ô-sê 1:6; 2:4) bởi vì họ không còn là dân sự giao ước của Ngài (xem Ô-sê 1:9; 2:23). Câu này phản ánh những hậu quả từ việc vi phạm giao ước của Chúa (xem Lê-vi Ký 26, đặc biệt là câu 33).

▣ **“ta để mắt trên chúng nó dựng làm họa cho, chẳng phải để làm phước cho”** Đây hoàn toàn là sự đối lập với những lời hứa theo giao ước! Cùng một phép ẩn dụ và thuật ngữ này xuất hiện nhiều lần trong Giê-rê-mi (xem 21:10; 39:16; 44:11,27). Nó phản ánh phần rửa sả và chúc phước của Lê-vi Ký 26 và đặc biệt là Phục truyền Luật lệ Ký 27-29.

Chú ý rằng Chúa có thẩm quyền ra lệnh cho những hành động xảy ra bên ngoài vùng đất hứa trong các quốc gia được cho là ở dưới sự kiểm soát bởi các vị thần khác. Các vị thần khác thì bất lực nhưng phải tuân theo. Chúng (các vị thần ngoại giáo) không có thật và không thể làm dừng lại con giận của Đức Giê-hô-va!

BẢN NASB 9:5-6

⁵ Vì Chúa, Đức Giê-hô-va vạn quân, là Đấng rờ đến đất thì đất liền tan chảy, hết thảy dân cư nó khóc than; trọn cả đất dậy lên như Sông cái và lún xuống như Sông của Ê-díp-tô. ⁶ Chúa đã xây dựng cung đền Ngài trong các tầng trời, đã lập vòng khung Ngài trên đất. Ngài kêu gọi nước biển và đổ ra trên mặt đất. Danh Ngài là Đức Giê-hô-va.

9:5-6 Đây là bài cuối trong số ba bài tụng ngợi, thánh ca, bài thơ ca ngợi Đức Giê-hô-va như là Đấng Sáng Tạo (xem 4:13 và 5:8-9).

9:5 Điềm này có thể là một ám chỉ đến trận động đất, 1:1; 8:8-9; 9:1 (nghĩa là, đất trở nên giống như sông Nile, dâng cao và hạ thấp).

▣ **“Chúa, Đức Giê-hô-va vạn quân”** Danh hiệu này có trong 3:13; 4:13; 5:14,16,27; 6:8,14. Xem chủ đề đặc biệt: Tên của thần linh trong 1:2 và ghi chú văn tắt trong 5:14.

9:6 Đây là những ẩn dụ về sự sáng tạo khó dịch. Chúng nói về Đức Chúa Trời như là Đấng sáng

tạo trời đất (xem Sáng thế Ký 1, Thi thiên 104). Ngài là Đấng điều khiển các thiên thể trên trời cùng với mọi nguồn nước (cả nước mặn và nước ngọt) tức là, mọi hình thức sức mạnh trong thiên nhiên.

Tại đây có thể dịch là “kho mái vòm” (BDB 8) có nghĩa chỉ nhà kho. Nếu dịch như vậy thì câu 6a ám chỉ đến nơi ngụ của Chúa còn câu 6b dùng để chỉ nơi ở của con người, cả hai đều được tạo ra bởi Đức Giê-hô-va (xem câu 5a, 6d).

☐ “**Danh Ngài là Đức Giê-hô-va**” Xem chủ đề đặc biệt: Tên của thần linh trong 1:2.

BẢN NASB 9:7-10

⁷ Đức Giê-hô-va có phán: **Hỡi con cái Y-sơ-ra-ên, ta há chẳng coi các ngươi như con cái của Ê-thi-ô-bi sao? Ta há chẳng từng đem Y-sơ-ra-ên ra khỏi đất Ê-díp-tô, người Phi-lit-tin khỏi Cáp-tô, và người Sy-ri khỏi Ki-rơ, hay sao?** ⁸ **Này, con mắt Chúa Giê-hô-va để trên nước có tội này, và ta sẽ hủy phá nó khỏi mặt đất; nhưng ta sẽ không diệt sạch nhà Gia-cóp, Đức Giê-hô-va phán vậy.** ⁹ **Vì vậy, ta sẽ truyền lệnh, và sẽ rải tan nhà Y-sơ-ra-ên ra giữa mọi dân, như lúa mì bị rải tan trong cái sàng, mà không có một hạt nào rơi xuống đất.** ¹⁰ **Phải, phàm những kẻ có tội trong dân ta, phàm những kẻ nói rằng: Hoạn nạn sẽ không gần chúng ta, cũng không kịp đến chúng ta, thì chúng nó sẽ chết bởi gươm.**

9:7-8 Quyển *A Translator's Handbook on the Book of Amos* của UBS có một điểm quan sát lý thú về mối liên hệ giữa câu 7 và 8. Câu 7 trình bày rất nhấn mạnh rằng Y-sơ-ra-ên không phải đặc biệt, độc đáo, hoặc đặc quyền, nhưng câu 8 lại cho thấy sự chăm sóc đặc biệt theo giao ước của Chúa cho dân tộc này (xem trang 181). Sự đối nghịch này cũng tồn tại trong Tân Ước.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHỮNG SỰ ĐỐI NGHỊCH (Trích từ phần Giới Thiệu Trọng Yếu trong Quyển 12, Tập Giải Kinh Sách Khải Huyền của tôi)

SỰ ĐỐI NGHỊCH ĐẦU TIÊN (Các khái niệm chủng tộc, quốc gia, và địa lý của Cựu Ước so với tất cả các tín hữu trên thế giới)

Các tiên tri Cựu ước tiên báo một sự phục hồi vương quốc Do thái ở xứ Pa-lét-tin có trung tâm là Giê-ru-sa-lem, nơi mà mọi nước trên đất họp lại để tôn vinh và phục vụ một nhân vật cầm quyền từ ngôi Đa-vít, nhưng Chúa Giê-su cũng như các sứ đồ trong Tân ước không bao giờ tập trung vào ý định này. Có phải Cựu ước cũng được thần cảm (Ma-thi-ơ 5:17-19)? Có phải các tác giả Tân ước đã bỏ qua những sự kiện quan trọng trong thời kỳ cuối cùng?

Các nguồn thông tin về thời kỳ cuối cùng của thế giới gồm có:

1. Các tiên tri Cựu Ước (Ê-sai, Mi-chê, Ma-la-chi)
2. Các tác giả thể loại văn chương tận thế trong Cựu Ước (xem Ê-xê-chi-ên 37-39; Đa-ni-ên 7-12; Xa-cha-ri)
3. Các tác giả Do thái thể loại văn chương tận thế thời kỳ giữa hai giao ước (intertestament), không được kinh điển (non-canonical) như là sách I Hê-nóc được

nhắc đến trong sách Giu-đe

4. Chính Chúa Jê-sus (Ma-thi-ơ 24; Mác 13; Lu-ca 21)
5. Các thư tín của Phao-lô (xem I Cô-rinh-tô 15; II Cô-rinh-tô 5; I Tê-sa-lô-ni-ca 4-5; II Tê-sa-lô-ni-ca 2)
6. Các sách của Giăng (sách I Giăng và Khải huyền)

Có phải tất cả các tài liệu này đều dạy về thời kỳ cuối cùng (các sự kiện liên quan, mốc thời gian, các nhân vật)? Nếu không, tại sao không? Có phải tất cả đều được linh cảm (ngoại trừ các sách viết ở thời kỳ giữa hai giao ước của người Do thái)?

Thánh Linh bày tỏ lẽ thật cho các tác giả Cựu ước bằng các từ ngữ và thể loại mà họ có thể hiểu được. Tuy vậy, qua sự mặc khải liên tiếp, Thánh Linh đã mở rộng các khái niệm lai thế học trong Cựu ước trong một mức độ phổ quát hơn (mà trong Ê-phê-sô 2:11-3:13 gọi là “sự huyền nhiệm trong Đấng Christ”). Sau đây là các ví dụ có liên quan:

1. Thành Giê-ru-sa-lem trong Cựu Ước được dùng làm biểu tượng cho dân sự của Đức Chúa Trời (thành Si-ôn) nhưng được phóng chiếu vào trong Tân Ước như một thuật ngữ chỉ việc Đức Chúa Trời đón nhận tất cả những người ăn năn, tin nhận Ngài (thành Giê-ru-sa-lem mới trong Khải huyền 20-22). Sự mở rộng thần học từ một cái thành thuộc vật chất, theo nghĩa đen trở nên một dân của Đức Chúa Trời (gồm cả người ngoại và những tín hữu Do Thái) ám chỉ lời hứa của Đức Chúa Trời muốn cứu nhân loại sa ngã trong Sáng thế ký 3:15, ngay cả trước khi có một người Do thái hay một thành đô nào của người Do thái. Ngay đến sự kêu gọi Áp-ra-ham cũng bao gồm dân ngoại trong đó (Sáng thế ký 12:3).
2. Trong Cựu ước, các kẻ thù của dân sự Đức Chúa Trời là các nước lân bang Cận đông, nhưng trong Tân ước, nó được mở rộng ra để chỉ tất cả những người vô tín, chống cự Đức Chúa Trời, và bị Sa-tan xui khiến. Cuộc chiến đã chuyển từ một sự xung đột trong khu vực theo địa lý đến một sự xung đột mang tầm vóc vũ trụ (xem sách Cô-lô-se).
3. Lời hứa về một vùng đất, là điều gắn chặt trong Cựu ước (lời hứa cho Các tổ phụ trong Sáng thế Ký 12:7; 13:15; 15:7-15; 17:8) giờ đây đã trở thành lời hứa cho cả trái đất. Giê-ru-sa-lem mới trở thành một trái đất được tái tạo, không phải chỉ là vùng Cận đông hay riêng cho vùng Cận đông (Khải huyền 20-22).
4. Một số ví dụ khác về khái niệm tiên tri trong Cựu Ước được mở rộng là (1) dòng dõi của Áp-ra-ham giờ đây được cắt bì trong tâm linh (xem Rô-ma 2:28-29); (2) dân sự giao ước hiện nay bao gồm cả dân ngoại (xem Ô-sê 1:10; 2:23, trích dẫn trong Rô-ma 9:24-26; cũng như Lê-vi Ký 26:12; Xuất Ê-díp-tô Ký 29:45, trích dẫn trong II Cô-rinh-tô 6:16-18 và Xuất Ê-díp-tô Ký 19:5; Phục truyền Luật lệ Ký 14:2, trích dẫn trong Tít 2:14); (3) đền thờ bây giờ là Chúa Giê-su và qua Ngài hội thánh địa phương (xem I Cô-rinh-tô 3:16) hoặc cá nhân tín hữu (xem I Cô-rinh-tô 6:19) và (4) ngay cả Y-sơ-ra-ên và các cụm từ Cựu Ước mô tả các đặc tính của nó giờ đây cũng để chỉ toàn thể dân sự của Đức Chúa Trời (Y-sơ-ra-ên, xem Rô-ma 9:6; Ga-la-ti 6:16; vương quốc của thầy tế lễ xem I Phi-e-rơ 2:5, 9-10; Khải huyền 1:6).

Mô hình tiên tri đã được ứng nghiệm, mở rộng và giờ đây bao gồm nhiều hơn. Chúa Giê-su và các sứ đồ viết Kinh thánh không trình bày thời kỳ cuối cùng như cách các tiên tri Cựu ước đã làm (xem sách của Martin Wyngaarden, *The*

Future of the Kingdom in Prophecy and Fulfillment). Khi tìm cách giải nghĩa mô hình Cựu ước theo nghĩa đen hay khép nó vào một tiêu chuẩn, một số nhà giải kinh hiện đại đã làm méo mó sách Khải huyền, khiến nó trở nên một quyển sách rất Do thái và gượng ép ý nghĩa trong một số câu nói mơ hồ, phân tán của Phao-lô và Chúa Giê-sus. Các tác giả Tân ước không phủ nhận các tiên tri Cựu ước, nhưng cho thấy hàm ý phổ quát cuối cùng của nó. Không có một hệ thống sắp xếp hợp lý về quan điểm tận thế của Chúa Giê-su và Phao-lô. Chủ đích chính của cả hai hoặc là cứu rỗi hay là mục vụ.

Tuy nhiên, ngay cả trong Tân Ước vẫn có sự đối nghịch. Không có sự hệ thống hóa rõ ràng về những sự kiện lai thế. Trong nhiều cách đáng ngạc nhiên Khải huyền sử dụng những ám chỉ từ Cựu Ước thay vì những lời dạy của Chúa Giê-su bày tỏ về sự tận thế (xem Ma-thi-ơ 24; Mác 13)! Nó theo một thể loại văn học bắt đầu từ Ê-xê-chi-ên, Đa-ni-ên, và Xa-cha-ri, nhưng phát triển trong thời kỳ giữa hai giao ước (thể loại văn học Khải thị của người Do Thái). Điều này có thể là cách của Giăng để liên kết Giao Ước cũ và mới. Nó cho thấy khuôn mẫu lâu đời giữa sự nổi loạn của con người và công tác cứu chuộc của Đức Chúa Trời. Nhưng cần phải lưu ý rằng mặc dù Khải huyền sử dụng ngôn ngữ, nhân vật và sự kiện từ Cựu Ước, nhưng nó giải thích lại theo khung cảnh là đế quốc Rô-ma trong thế kỷ thứ nhất.

SỰ ĐỐI NGHỊCH THỨ HAI (thuyết độc thần với một tuyến dân)

Sự nhân mạng trong kinh thánh là trên một Đức Chúa Trời thần linh, có thân vị là sáng tạo và cứu chuộc (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 8:10; Ê-sai 44:24; 45:5-7,14,18,21-22; 46:9; Giê-rê-mi 10:6-7). Sự độc đáo của Cựu Ước trong thời diêm của nó là thuyết độc thần. Tất cả các quốc gia lân cận đều là đa thần. Tính độc nhất của Đức Chúa Trời là tâm điểm của sự mặc khải trong Cựu Ước (xem Phục truyền Luật lệ Ký 6:4). Sự sáng tạo là một giai đoạn với mục đích hình thành sự tương giao giữa Đức Chúa Trời và nhân loại, được dựng nên theo ảnh tượng của Đức Chúa Trời (xem Sáng thế Ký 1:26-27). Tuy nhiên, con người nổi loạn, phạm tội chống lại tình thương, chủ đích và quyền lãnh đạo của Đức Chúa Trời (xem Sáng thế Ký 3). Tình thương và chủ đích của Đức Chúa Trời dành cho con người thật mạnh mẽ và vững bền khiến Ngài hứa cứu chuộc con người sa ngã (xem Sáng thế Ký 3:15).

Sự căng thẳng nảy sinh khi Chúa chọn để sử dụng một người, một gia đình, một quốc gia để tiếp cận với phần còn lại của nhân loại. Việc Chúa chọn lựa Áp-ra-ham và dân Do Thái như một vương quốc của các thầy tế lễ (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 19:4-6) tạo nên sự kiêu ngạo, thay vì sự phục vụ, loại trừ thay vì tiếp nhận. Sự kêu gọi Áp-ra-ham của Chúa có cả chủ định chúc phước cho cả nhân loại (xem Sáng thế Ký 12:3). Cần phải nhớ và nhấn mạnh rằng sự chọn lựa trong Cựu Ước là cho sự phục vụ chứ không phải cho sự cứu rỗi. Tất cả dân Y-sơ-ra-ên chưa bao giờ được xứng đáng trước Chúa, không bao giờ được cứu chỉ dựa vào quyền thừa kế của mình (xem Giăng 8:31-59; Ma-thi-ơ 3:9), nhưng bởi đức tin cá nhân và sự vâng lời (xem Sáng thế Ký 15:6, được trích dẫn trong Rô-ma 4). Y-sơ-ra-ên đã để vuột mất sự mạng của mình, biến sự ủy nhiệm thành đặc quyền, sự phục vụ thành một địa vị đặc biệt! Đức Chúa Trời đã chọn một người để lựa chọn tất cả mọi người!

SỰ ĐỐI NGHỊCH THỨ BA (giao ước thông thường với giao ước không điều kiện)

Có một sự căng thẳng thần học hay nghịch lý giữa giao ước có điều kiện và giao ước không điều kiện. Điều chắc chắn đúng đó là chương trình và chủ đích cứu rỗi của Đức Chúa Trời là vô điều kiện (xem Sáng thế Ký 15:12-21). Tuy nhiên, phản ứng của con người đã được uỷ quyền luôn luôn có điều kiện!

Khuôn mẫu “nếu...thì” xuất hiện trong cả Cựu Ước và Tân Ước. Đức Chúa Trời là thành tín, nhân loại là thất tín. Sự đối nghịch này đã gây ra nhiều nhầm lẫn. Các nhà giải kinh có xu hướng chỉ tập trung vào một phương diện của sự đối nghịch này, sự thành tín của Đức Chúa Trời hay cố gắng của con người, hoặc quyền tể trị của Chúa hay ý chí tự do của con người. Cả hai phương diện đều là cần thiết và dựa từ Kinh Thánh.

Điều này liên quan đến thuyết lai thế, về lời hứa của Đức Chúa Trời trong Cựu Ước với Y-sơ-ra-ên. Nếu Chúa đã hứa thì điều đó là chắc chắn, đúng không? Chúa thì chắc chắn thi hành lời hứa của Ngài; vì có liên quan đến danh của Ngài (xem Ê-xê-chi-ên 36:22-38). Các giao ước có điều kiện và vô điều kiện được đáp ứng trong Đấng Christ (xem Ê-sai 53), chứ không phải trong Y-sơ-ra-ên. Sự thành tín tuyệt đối của Đức Chúa Trời ở chỗ sự cứu chuộc là cho tất cả những người sẽ ăn năn và tin cậy, chứ không phải cha/mẹ của bạn là ai! Đấng Christ, chứ không phải Y-sơ-ra-ên, là chìa khóa cho tất cả các giao ước và những lời hứa của Chúa. Nếu có một dấu mở ngoặc về phương diện thần học trong Kinh Thánh, thì đó không phải là Giáo Hội, nhưng là Y-sơ-ra-ên (xem Công vụ 7 và Ga-la-ti 3).

Sứ vụ công bố phúc âm khắp toàn cầu đã truyền lại cho Hội Thánh (xem Ma-thi-ơ 28:19-20; Lu-ca 24:47; Công vụ 1:8). Nhưng nó vẫn là một giao ước có điều kiện! Điều này không có nghĩa là Chúa đã hoàn toàn từ bỏ người Do Thái (xem Rô-ma 9-11). Có thể có một vị trí và mục đích cho cho dân Y-sơ-ra-ên tin đạo lúc tận thế (xem Xa-cha-ri 12:10).

SỰ ĐỐI NGHỊCH THỨ TƯ (khuôn mẫu văn học vùng Cận Đông và khuôn mẫu văn học Tây Phương)

Thể loại là một yếu tố quan trọng trong việc giải thích chính xác Kinh Thánh. Hội thánh được hình thành trong một môi trường văn hóa phương Tây (Hy Lạp). Văn học Đông phương thì có nhiều tính biểu tượng, ẩn dụ, và tượng trưng hơn so với mô hình văn học, văn hóa hiện đại Tây phương. Nó tập trung vào con người, những cuộc gặp gỡ, và sự kiện hơn là gợi ý những sự thật có tính xã hội. Các Cơ đốc Nhân thường sai phạm khi sử dụng lịch sử và các mô hình văn học của họ để giải thích các lời tiên tri trong Kinh Thánh (cả Cựu Ước và Tân Ước). Mỗi một thể hệ và thực thể vùng (theo phương diện địa lý) đã sử dụng văn hóa, lịch sử của nó, và sự suy đoán theo nghĩa đen để giải nghĩa Khải Huyền. Tất cả đều đã sai lầm. Thật là kiêu ngạo khi nghĩ rằng văn hóa phương Tây hiện đại là trọng tâm của lời tiên tri trong Kinh Thánh!

Thể loại trong nguyên tác mà tác giả được linh cảm chọn để viết là một quy ước văn học với người đọc. Sách Khải Huyền không phải là câu chuyện lịch sử. Nó là sự kết hợp của các lá thư (chương 1-3), lời tiên tri, và chủ yếu là thể loại văn chương khái thị. Thật là sai khi khiến cho Kinh Thánh nói nhiều hơn hay ít hơn những gì tác giả ban đầu dự định. Sự kiêu ngạo và chủ nghĩa giáo điều của các nhà giải kinh càng không thích hợp cho một cuốn sách như sách Khải Huyền.

Hội thánh chưa bao giờ đồng ý về một giải nghĩa hợp lý. Mỗi quan tâm của tôi là để lắng nghe và đối diện với toàn bộ Kinh Thánh, không phải một số phần được chọn lọc. Lỗi suy nghĩ Đông phương của Kinh Thánh trình bày sự thật trong những cặp đôi đầy đối nghịch.

Xu hướng (suy nghĩ theo Tây phương) của chúng ta hướng về gợi ý sự thật không phải là không hợp lệ, nhưng là không quân bằng! Tôi nghĩ rằng có thể loại bỏ ít nhất là một số bé tấc trong việc giải nghĩa Khải Huyền bằng cách ghi nhận sự thay đổi chủ đích của các thể hệ tín hữu kế tiếp nhau. Thật là hiển nhiên đối với hầu hết các nhà giải kinh rằng sách Khải Huyền phải được giải thích theo sự bày tỏ trong thời điểm và thể loại riêng của nó. Tiếp cận sách Khải Huyền theo phương diện lịch sử cần phải lý giải những gì độc giả đầu tiên hiểu và có thể hiểu. Trong nhiều phương diện, các nhà giải kinh hiện đại đã bị đánh mất ý nghĩa của nhiều biểu tượng trong cuốn sách. Sự thúc đẩy chính ban đầu của sách Khải Huyền là để khích lệ các tín hữu bị bắt bớ. Nó cho thấy sự kiểm soát của Đức Chúa Trời trên lịch sử (cũng như đối với các vị tiên tri Cựu Ước), nó khẳng định rằng lịch sử đang hướng tới một thời điểm chung kết của sự phán xét hay là sự ban phước lành (cũng giống như các vị tiên tri Cựu Ước). Nó khẳng định bằng những thuật ngữ của thể loại văn chương Khải thị của người Do Thái trong thế kỷ đầu tiên về tình yêu thương, sự hiện diện, quyền lực, và sự tể trị của Đức Chúa Trời.

Nó giữ chức năng (theo phương diện thần học) này đối với mọi thể hệ tín hữu. Nó mô tả sự tranh chiến trong vũ trụ giữa thiện và ác. Dù cho nhiều chi tiết trong thế kỷ đầu tiên có thể đã bị thất lạc đối với chúng ta, nhưng các lẽ thật quyền năng, an ủi thì vẫn còn. Khi các nhà giải kinh phương tây hiện đại cố gắng ép buộc các chi tiết của sách Khải Huyền thích hợp với lịch sử đương đại của mình, thì khuôn mẫu cho những giải thích sai lầm lại tiếp tục!

Vẫn có thể là các chi tiết của sách sẽ trở nên ứng nghiệm cách nổi bật theo nghĩa đen một lần nữa (giống như khi Cựu Ước nói đến sự ra đời, cuộc sống và cái chết của Đấng Christ) cho thể hệ các tín hữu cuối cùng khi họ phải đối mặt với sự tấn công của từ văn hóa và từ một nhà lãnh đạo chống nghịch với Chúa (xem II Tê-sa-lô-ni-ca 2). Không ai có thể biết những sự ứng nghiệm theo nghĩa đen của Khải Huyền cho đến khi những lời của Chúa Giêsu (xem Ma-thi-ơ 24; Mác 13; và Lu-ca 21) cũng như Phao-lô (xem I Cô-rinh-tô 5, I Tê-sa-lô-ni-ca 4-5; và II Tê-sa-lô-ni-ca 2) trở thành những chứng cứ lịch sử. Suy đoán và chủ nghĩa giáo điều thì đều không phù hợp. Văn chương Khải thị cho phép có sự linh hoạt này. Tạ ơn Chúa giữ cho những hình ảnh và biểu tượng vượt trội trên các truyện tích lịch sử! Đức Chúa Trời đang kiểm soát; Ngài cai trị, Ngài sẽ đến!

Hầu hết các sách giải kinh hiện đại lạc mất trọng điểm của thể loại này! Các nhà giải kinh phương Tây hiện đại thường tìm kiếm một hệ thống thần học, rõ ràng, hợp lý hơn là công bằng với tính mơ hồ tượng trưng, có tính kịch nghệ trong thể loại văn chương Khải thị của người Do Thái.

Lẽ thật này được bày tỏ rõ ràng bởi Ralph P. Martin trong bài viết của mình, *Approaches to New Testament Exegesis*, trong quyển *New Testament Interpretation* do I. Howard Marshall biên tập:

“Trừ khi chúng ta thừa nhận phẩm tính đầy ấn tượng sâu sắc của tác phẩm này và thay đổi lối suy nghĩ mà trong đó ngôn ngữ được sử dụng như một phương tiện để bày tỏ lẽ thật tôn giáo, chúng ta sẽ sai lầm trầm trọng trong sự hiểu biết về sách Khải Huyền, và nhằm lẫn trong cố gắng để giải thích những Khải tượng của nó như thể đó là một cuốn sách văn xuôi theo nghĩa đen và có liên quan đến việc mô tả các sự kiện của lịch sử thực nghiệm có thể xác định niên đại. Cố gắng theo tiến trình thứ hai là khiến mình rơi vào mọi nan đề của việc giải kinh. Nghiêm trọng hơn nó dẫn đến một

sự méo mó về ý nghĩa chính yếu của sự tận thế và để vuột mất giá trị tuyệt vời trong phần này của Tân Ước như là một sự khẳng định mạnh mẽ theo trong ngôn ngữ văn chương thần thoại về sự tể trị của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ và sự đối nghịch trong các quy tắc của Ngài hòa trộn giữa quyền năng và tình yêu (xem 5:5-6; Sự tử chính lại là Chiên con)” (trang 235).

Randolph Tate trong quyển *Biblical Interpretations* của mình nói rằng:

“Không có thể loại văn chương nào khác của Kinh Thánh đã được đọc cách nhiệt thành dù có kết cuộc bi thảm như thể loại văn chương khai thị, đặc biệt là sách Đa-ni-nê và sách Khải Huyền. Thể loại này đã phải chịu đựng một lịch sử thảm khốc từ việc giải nghĩa sai do sự hiểu lầm cơ bản về hình thức, cấu trúc và chủ đích văn học của nó. Bởi vì chính lời tuyên bố của thể loại này “để bày tỏ những gì sắp xảy ra...”, thể loại văn chương khai thị đã bị xem như là một bản đồ, một bản chương trình chi tiết cho tương lai. Sự sai lầm bi thảm của quan điểm này là giả định cho rằng khuôn mẫu những ẩn dụ trong sách là cho thời kỳ đương đại của độc giả chứ không phải là thời đại của tác giả. Cách tiếp cận sai lầm về ngày tận thế này (đặc biệt là đối với Khải Huyền) xem tác phẩm như thể nó là một mật mã mà qua đó các sự kiện đương đại có thể được dùng để giải thích các biểu tượng trong bản văn.

...Trước tiên, người giải kinh phải thừa nhận rằng thể loại văn chương khai thị truyền đạt những sứ điệp của nó thông qua các biểu tượng. Giải thích một biểu tượng theo nghĩa đen trong khi nó mang nghĩa ẩn dụ thì chính là giải nghĩa sai. Vấn đề không phải là liệu các sự kiện trong văn chương khai thị là có phải là các sự kiện lịch sử hay không. Những sự kiện đó có thể là sự kiện lịch sử, chúng có thể đã thực sự xảy ra, hoặc có thể xảy ra, nhưng tác giả trình bày các sự kiện và truyền đạt ý nghĩa thông qua các hình ảnh và theo quy ước” (trang 137).

Theo quyển *Dictionary of Biblical Imagery*, do Ryken, Wilhost, và Longman III biên tập:

“Độc giả ngày nay thường bị bối rối và thất vọng bởi thể loại này. Các hình ảnh bất ngờ cùng với những trải nghiệm không thuộc về thế giới này có vẻ kỳ lạ và không đồng bộ với đa phần của Kinh Thánh. Chấp nhận thể loại văn chương này theo giá trị thực khiến nhiều độc giả tự làm xáo trộn mọi thứ để xác định những gì sẽ xảy ra và xảy ra khi nào, do đó đánh mất đi chủ đích của sứ điệp khai thị” (trang 35).

SỰ ĐỐI NGHỊCH THỨ NĂM (Nước Chúa hiện giờ với Nước Chúa sẽ đến trong tương lai)

Vương quốc của Chúa vừa là hiện tại, vừa sẽ đến trong tương lai. Nghịch lý thần học này trở thành tâm điểm của sự lai thế. Nếu có ai trông mong sự làm thành tất cả các lời tiên tri Cựu Ước về Y-sơ-ra-ên theo nghĩa đen thì khái niệm nước Trời hầu như trở thành sự phục hồi Y-sơ-ra-ên theo phương diện địa lý và nó trở nên là sự ưu tiên thần học. Điều này sẽ dẫn tới việc Hội thánh phải được bí mật cất lên trong chương 5 và các chương sau đó liên quan với Y-sơ-ra-ên.

Tuy nhiên, nếu sự chú tâm là nơi vương quốc được khởi đầu bởi lời hứa về Đấng Mết-si-a trong Cựu Ước, thì vương quốc đó hiện ra cùng với sự đến lần thứ nhất của Đấng Christ, rồi sau đó sự tập trung đó hướng vào sự nhập thể, cuộc sống, sự giảng dạy, cái chết, và sự sống lại của Đấng Christ. Sự nhấn mạnh thần học là nơi sự cứu rỗi hiện thời. Vương quốc đã đến, Cựu Ước được hoàn thành trong sự ban ơn cứu rỗi của Đấng Christ cho mọi

người, điều đó không có nghĩa là sự cai trị ngàn năm của Ngài đã kết thúc đối với một số người.

Hoàn toàn chắc chắn là Kinh Thánh nói về cả hai lần hiện đến của Đấng Christ, nhưng sự nhấn mạnh là ở lần nào? Có vẻ như với tôi thì đa số lời tiên tri Cựu Ước tập trung vào sự đến lần thứ nhất sự thành lập vương quốc Mết-si-a (xem Đa-ni-ên 2). Trong nhiều cách thì điểm này tương tự như sự trị vì đời đời của Chúa (xem Đa-ni-ên 7). Trong Cựu Ước sự tập trung là hướng vào sự cai trị đời đời của Đức Chúa Trời, tuy vậy sự cai trị đó được bày tỏ ra qua cơ cấu là chức vụ của Đấng Mết-si-a (xem I Cô-rinh-tô 15:26-27). Câu hỏi đặt ra không phải điểm nào là đúng, vì cả hai đều đúng, nhưng đâu là điểm nhấn mạnh? Phải nói rằng một số nhà giải kinh đã trở nên quá tập trung vào sự cai trị một ngàn năm của Đấng Mết-si-a (xem Khải Huyền 20) đến nỗi họ đã để lạc mất điểm tập trung của Kinh Thánh là về sự trị vì đời đời của Đức Chúa Cha. Sự cai trị của Đấng Christ là một sự kiện mở đầu. Cũng như hai lần hiện đến của Đấng Christ không được bày tỏ rõ ràng trong Cựu Ước thì sự cai trị tạm thời của Đấng Mết-si-a cũng không được bày tỏ rõ ràng.

Điểm chính trong sự rao giảng và dạy dỗ của Chúa Giê-su là Nước Trời. Nó vừa là cả hiện tại (trong ơn cứu rỗi và phục vụ) và tương lai (trong sự phổ biến rộng rãi và quyền năng). Sách Khải Huyền, nếu nó có tập trung vào một triều đại ngàn năm của Đấng Mết-si-a (xem Khải Huyền 20), thì đó là khởi đầu, chứ không phải là cuối cùng (xem Khải 21-22). Từ trong Cựu Ước thì sự cai trị tạm thời không hẳn là điều phải diễn ra, thực tế là triều đại của Đấng Mết-si-a trong Đa-ni-ên 7 là đời đời, chứ không phải chỉ là một ngàn năm.

SỰ ĐỐI NGHỊCH THỨ SÁU (sự trở lại ngay lập tức của Đấng Christ với sự hiện đến của Đấng Christ bị dời lại)

Đa số các tín hữu đã được dạy rằng Đức Chúa Giê-xu sẽ sớm trở lại thành linh và không ngờ (xem Ma-thi-ơ 10:23; 24:27,34,44; Mác 9:1; 13:30). Nhưng từ trước đến nay mọi thế hệ tín hữu đều sai. Đặc điểm sắp đến (ngay lập tức) trong sự đến lần thứ hai của Đức Chúa Giê-xu là niềm hy vọng mãnh liệt cho mọi thế hệ tín hữu, và đặc biệt trở nên gần như là hiện thực đối với tín hữu bị bắt bớ. Những tín hữu cần phải sống như là Ngài sẽ đến vào ngày mai, nhưng lập kế hoạch và thực hiện Đại Mạng Lệnh (xem Ma-thi-ơ 28:19-20) như là Chúa đến chậm trễ.

Một số phân đoạn trong các sách Phúc âm (xem Mác 13:10; Lu-ca 17:2; 18:8) và Tê-sa-lô-ni-ca I và II đề cập đến ý sự đến lần thứ hai bị trì hoãn (Parousia). Phải có những sự kiện lịch sử xảy đến trước:

1. Truyền giảng Phúc Âm khắp cả thế giới (xem Ma-thi-ơ 24:15; Mác 13:10)
2. Sự xuất hiện “Người của tội lỗi” (xem Ma-thi-ơ 24:15; II Tê-sa-lô-ni-ca 2; Khải Huyền 13)
3. Sự bắt bớ lớn (xem Ma-thi-ơ 24:21,24; Khải Huyền 13)

Tại đây có sự mơ hồ với chủ đích (Ma-thi-ơ 24:42-51 và Mác 13:32-36). Sống mỗi ngày giống như là ngày cuối cùng, nhưng lập kế hoạch và huấn luyện mục vụ cho tương lai (vẫn còn xa).

9:7 Cả hai câu hỏi của câu 7 có ngầm ý tán đồng. Về cơ bản Đức Chúa Trời đang làm mất dần đi tính độc nhất theo giao ước của Y-sơ-ra-ên. Đức Chúa Trời có một và duy nhất đã dẫn mọi quốc gia đến địa điểm địa lý hiện thời của mình (xem Phục truyền Luật lệ Ký 32:8; và có thể ám chỉ

đến 29:26). Chắc hẳn Y-sơ-ra-ên phải đau đớn khi bị so sánh với Ê-thi-ô-pi, Phi-li-tin, và Sy-ri. Điều này trái ngược hoàn toàn với thần học của sự tuyển chọn trong 3:2! Y-sơ-ra-ên, giống như tất cả các quốc gia, sẽ trả lời cho tội lỗi của họ!

▣ **“Y-sơ-ra-ên ra khỏi đất Ê-díp-tô”** Đây là một ám chỉ đến việc ra khỏi xứ Ai-cập cũng là sự khởi đầu như một quốc gia của Y-sơ-ra-ên.

▣ **“Caphtor”** Điềm này đề cập đến đảo Co-rét, có thể là quê quán của tổ tiên dân Phi-li-tin (ngư dân vùng biển Aegean).

▣ **“Ki-ro”** Điềm này có thể ám chỉ đến (1) một phần của xứ Mê-sô-bô-ta-mi gần Ê-lam (xem Ê-sai 22:6); (2) một từ có nghĩa là các bức tường và thay cho chữ Ni-ni-ve, (3) một con sông ở miền bắc Ác-mê-ni; hoặc (4) một dãy núi tạo thành ranh giới phía bắc của xứ Sy-ri (xem *Anchor Bible Dictionary*, quyển 4, trang 83).

9:8 Y-sơ-ra-ên sẽ bị đối xử như tất cả các quốc gia khác phạm tội, trừ khi Đức Giê-hô-va sẽ không hoàn toàn tiêu diệt dân sự theo lời hứa của Ngài (xem 5:4-7,14-15; 9:11-15). Một phần còn lại công chính của nhà Gia-cốp sẽ được tha! Chủ đề này thường được lặp đi lặp lại trong Giê-rê-mi.

1. Giu-đa sẽ tồn tại, Giê-rê-mi 4:27; 5:10,18; 33:16
2. Y-sơ-ra-ên sẽ tồn tại, Giê-rê-mi 30:11; 31:35-36

Chương trình cứu chuộc đời đời của Đức Chúa Trời (nghĩa là Đấng Mết-si-a) phụ thuộc vào điều đó!

▣ **“con mắt Chúa Giê-hô-va để trên nước có tội này”** Thành ngữ này, “mắt của Chúa”, ám chỉ đến sự chăm sóc nhẹ nhàng của Chúa trên dân sự giao ước của Ngài (xem Phục truyền Luật lệ Ký 11:12). Tuy nhiên, việc bỏ sung cụm từ, quốc gia tội lỗi, cho thấy vấn đề nan giải. Có lẽ cách chính xác nhất để bày tỏ điều này như là nỗi đau của cha mẹ trước những lựa chọn cuộc sống không khôn ngoan của con cái (xem Ô-sê 11). Một bậc cha mẹ thực sự yêu thương phải để cho những hậu quả của sự lựa chọn thiếu khôn ngoan xảy ra tác động đối với sức khỏe lâu dài, hạnh phúc, và sự trưởng thành của đứa con, nhưng đó là một sự rất đau đớn cho cả hai.

▣ **“hủy phá”** Chữ này (BDB 1029, KB 1552) được dùng ba lần trong câu này. Nó có nghĩa là hủy diệt, phá hủy, tiêu diệt. Đây là một sự tương phản hoàn toàn với việc sử dụng thuật ngữ này trong Phục truyền Luật lệ Ký 33:26-29, nơi mà nó đề cập đến việc Đức Chúa Trời tiêu diệt kẻ thù của dân sự Ngài.

Ở đây họ lại chính là kẻ thù ở dạng HOÀN THÀNH Hiphil (Hiphil PERFECT). Tuy nhiên, ngay cả ở đây vẫn có một tia hy vọng, hai cụm từ “Ta sẽ không hoàn toàn tiêu diệt nhà Gia-cốp” thì một ở dạng NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI Hiphil (Hiphil INFINITIVE ABSOLUTE), và một ở dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Hiphil (Hiphil IMPERFECT). Vì câu 11 này có thể ám chỉ đến Giu-đa!

9:9-10 Bản văn tiếng Do Thái không rõ nghĩa. Rõ ràng điềm này đề cập đến một dạng sàng sảy hoặc để loại bỏ (loại bỏ sỏi) hoặc là để giữ lại (hạt gạo). Bối cảnh ám chỉ phần còn lại công chính sẽ được chừa lại và không một ai trong số họ bị mất (xem câu 9d). Nhưng đối với những kẻ ác,

Đức Chúa Trời sẽ phán xét Y-sơ-ra-ên giống như tất cả các quốc gia thờ hình tượng khác (xem câu 10).

Động từ “lắc” (BDB 631, KB 681, dạng HOÀN THÀNH Hiphil (Hiphil PERFECT) ám chỉ đến hạt gạo bị sàng xẩy qua một cái sàng để loại bỏ sạn hoặc đất có thể bị trộn lẫn với hạt gạo. Chữ được dịch là “hạt gạo” (theo bản dịch NASB, NJB, trong khi bản NKJ dịch là “hạt gạo nhỏ nhất”) cũng có nghĩa là “viên sỏi” (xem II Sa-mu-ên 17:13, KB 459; bản NRSV). Chữ này (BDB 865) thường được dịch “bó,” “gói,” “bao,” hoặc là “túi.” Ở đây nó đề cập đến một thứ gì đó bị gộp chung khi gặt và cột lúa thành bó trong đồng ruộng.

Cụm từ “giữa mọi dân” có thể liên hệ đến câu 4, nơi mà Đức Giê-hô-va đem sự phán xét đến trên những người Do Thái tội lỗi đã bị dẫn đi lưu đày. Ngay cả trong các quốc gia khác thì sự phán xét của Chúa cũng sẽ tiêu diệt dân sự theo giao ước của Ngài nhưng lại vô tín (xem câu 10b). Không có chỗ nào để trốn khỏi cơn thịnh nộ của Chúa (xem 5:19).

BẢN NASB 9:11-12

¹¹ Trong ngày đó, ta sẽ dựng lại nhà tạm của Đa-vít, là nhà đã đổ, và tu bổ lại những chỗ rách nát của nó. Ta sẽ dựng lại những nơi đổ nát và xây nó lại như ngày xưa; ¹² đến nỗi chúng nó sẽ thâu được những dân sót của Ê-đôm và hết thấy các nước được xưng bởi danh ta, Đức Giê-hô-va là Đấng làm trọn mọi điều ấy phán vậy.

9:11-15 Việc chia đoạn tại đây không rõ ràng, chắc chắn (tất cả các cách chia đoạn đều là những ý tưởng riêng có về sau chứ không được linh cảm). Bối cảnh thay đổi bất ngờ từ sự phán xét sang sự phục hồi (và chuyển từ Sa-ma-ri sang Giê-ru-sa-lem). Tuy nhiên, sứ điệp của sự hy vọng thật là rõ ràng!

9:11 “Trong ngày đó” Cụm từ này xuất hiện nhiều lần (xem 2:16; 8:3,9,18). Xem ghi chú trong 2:16. Y-sơ-ra-ên cho rằng ngày Đức Chúa Trời thăm viếng sẽ là một phước lành, nhưng A-mốt đã tiên tri nó sẽ là một sự phán xét (ví dụ, 5:18-20). Giờ đây A-mốt đảo ngược lời tiên tri. Đối với phần còn sót lại công chính thì “ngày đó” sẽ là một sự phục hồi của những lời hứa theo giao ước với Đa-vít (xem II Sa-mu-ên 7). Trong câu 13-14 những lời hứa của Chúa cho Môi-se, đặc biệt là trong Phục truyền Luật lệ Ký 28:1-14, được nhấn mạnh.

Điều quan trọng là chúng ta cần thấy rằng các vị tiên tri Cựu Ước luôn luôn ám chỉ đến các điều luật trong giao ước Môi-se. Môi-se biết rằng dòng dõi của các Tổ phụ không thể giữ giao ước (xem Phục truyền Luật lệ Ký 28:58-63; 29:25-28), cũng như Giô-suê (xem Giô-suê 24:19). Tuy nhiên, Phục truyền Luật lệ Ký cũng bày tỏ hy vọng về một ngày của sự tha thứ và phục hồi từ Đức Giê-hô-va đến trong tương lai (xem Phục truyền Luật lệ Ký 30:5) qua Đấng Mết-si-a (xem Phục truyền Luật lệ Ký 18:18). Chính từ niềm hy vọng này mà các tiên tri đã chọn và khai triển thành viễn cảnh về một ngày tận thế của sự đắc thắng và ơn ban dư dật, chứ không phải từ sự phán xét!

▣ **“nhà tạm của Đa-vít, là nhà đã đổ”** Thành ngữ này đề cập đến vương quốc của Đa-vít được biểu tượng với hình ảnh Giê-ru-sa-lem vừa là thủ đô và vừa là trung tâm tâm linh. Thời hoàng kim của nền quân chủ hợp nhất (tức là, thời kỳ của một vị vua tin kính đại diện cho Đức Giê-hô-va), với an ninh, thịnh vượng, và trung tín trong tôn giáo được phục hồi.

Sự tiên đoán về một đấng Mết-si-a hiện đến luôn nói về xứ Giu-đa (xem II Sa-mu-ên 7; Ê-sai 7:14; 9:6-7; 11:1-9; Giê-rê-mi 33:15,17; Mi-chê 4:1-5; 5:2-5a).

▣ “**những chỗ rách nát của nó**” Câu 11 là một ám chỉ theo nghĩa đen về các bức tường của Giê-ru-sa-lem. Nó ở dạng GIỐNG CÁI SỐ NHIỀU (FEMININE PLURAL), có thể là một cách tinh tế đề cập đến sự thống nhất đất nước giữa Y-sơ-ra-ên và Giu-đa (một thủ đô và một trung tâm thờ phượng).

9:12 Câu này mô tả việc phục hồi quân sự tại các biên giới của vùng đất hứa dưới triều đại của Đa-vít và Sa-lô-môn. Lời hứa tận thế này chuyển thành sự ứng nghiệm toàn cầu trong Công vụ 15:16-17, hàm ý nói về A-đam (tức là, nhân loại) dù rằng nguyên thủy trong bản Bảy mươi thì nói về dân Ê-đôm, là ý được Gia-cơ trích dẫn sau đó (cũng lưu ý cách Phao-lô trích dẫn Ô-sê 1:10; 2:23 trong Rô-ma 9:24-26). Chủ đề phổ quát này cũng được phản ánh trong A-môt 9:5-6,7 (xem Sáng thế Ký 3:15; 12:3; Xuất Ê-díp-tô Ký 19:5-6; Ê-sai 42:1,4,6,10-11; 49:6; 51:4).

Sự phục hồi lại đất hứa này (xem Sáng thế Ký 12:1-3; 13:14-17; 15:7) là trái ngược hoàn toàn với câu 1-4, 9-10. Mỗi liên hệ của Đức Chúa Trời với Áp-ra-ham và dòng dõi của ông là dựa trên sự vâng giữ giao ước. Nếu họ không vâng giữ:

1. họ sẽ bị phá hủy, Phục truyền Luật lệ Ký 4:26; 6:15; Giô-suê 23:15, I Các vua 13:34; A-môt 9:8
2. họ sẽ bị nhổ ra khỏi đất, Phục truyền Luật lệ Ký 28:63
3. họ sẽ bị nhổ bật rễ, Phục truyền Luật lệ Ký 29:28, I Các vua 14:15; II Sử ký 7:20
4. họ sẽ bị hư mất, Giô-suê 23:13,16
5. họ sẽ bị cắt bỏ, I Các vua 9:7
6. họ sẽ bị dẫn đi, II Các vua 17:6,23; 18:9-11; 25:21 (cũng như 23:27)

Nhưng nếu họ tuân theo, thì họ sẽ được ở lại trong đất, II Các vua 18:12, 21:8; II Sử ký 33:8 (xem II Sa-mu-ên 7:10).

Rất thường xuyên trong các Sách Tiên Tri, việc dân sự của Chúa trở về đất của mình được nhấn mạnh (xem Ê-sai 14:1-2; Giê-rê-mi 16:15; Ê-xê-chi-ên 11:17; 34:13,17; 36:24; 37:12,14,21; A-môt 9:15).

BẢN NASB 9:13-15

¹³ Đức Giê-hô-va phán: **Này, những ngày đến, kẻ cày sẽ theo kịp kẻ gặt, kẻ đập nho theo kịp kẻ gieo giống. Các núi sẽ nhỏ rượu ngọt ra và mọi đồi sẽ tan chảy.** ¹⁴ Ta sẽ đem phu tù của dân Y-sơ-ra-ên ta trở về; chúng nó sẽ lập lại các thành bị phá, và ở đó. Chúng nó sẽ trồng vườn nho và uống rượu nó, sẽ cày cấy vườn mình và ăn trái nó. ¹⁵ Ta sẽ lại trồng chúng nó trên đất chúng nó, và chúng nó sẽ không hề bị nhổ khỏi đất mình mà ta đã ban cho, Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời người phán vậy.

9:13-15 Yếu tố thời gian trong câu này phải là sự tận thế, vì Y-sơ-ra-ên sẽ bị chinh phục hết lần này đến lần khác trong lịch sử. Lời hứa này (an bình về chính trị và dư dật nông sản, xem Phục truyền Luật lệ Ký 27-29, cũng như một đoạn kinh văn lai thế khác trong Giô-ên 3:18) vẫn có điều kiện vâng giữ giao ước. Đây là điều chắc chắn có ngụ ý nhưng không có trình bày cụ thể.

9:13 “rượu ngọt” Xem Chủ đề Đặc Biệt: Quan điểm của Kinh Thánh đối với rượu (các chất có men) và tệ nghiện rượu trong 6:6.

NASB

“mọi đồi sẽ tan chảy”

NKJV, NRSV,

TEV, NJB “mọi đòì sẽ tuôn chảy”

Động từ (BDB 556, KB 555, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Hithpolel (Hithpolel IMPERFECT) có nghĩa là làm tan chảy (tức là sự phán xét của Chúa, xem Mi-chê 1:4; Na-hum 1:5), nhưng ở đây nó là một phép cường điệu chỉ các dòng chảy của nước ép nho, một biểu tượng của sự sung túc nông nghiệp.

9:14 Sự phục hồi này là một sự đảo ngược của Phục truyền Luật lệ Ký 28:38-40; A-mốt 5:11; Mi-chê 6:15; Sô-phô-ni 1:13. Dân sự của Đức Chúa Trời sẽ lại trồng vườn nho trong đất của Ngài và vui hưởng bông trái của họ (một phép ẩn dụ chỉ sự an ổn và trường tồn trong vùng đất xem Giê-rê-mi 31:5; Ê-xê-chi-ên 28:26).

9:15 Ngay cả lời hứa dường như vô điều kiện này cũng phải được thẩm định trong ánh sáng từ lịch sử của dân Do Thái. Rõ ràng nó có cả khía cạnh lai thế (xem II Sa-mu-ên 7:10; Giê-rê-mi 24:6; 32:41, 42:10) và khía cạnh lịch sử.

▣ **“Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời người”** Tại đây là sự đảo ngược tình thế một cách hoàng tráng (giao ước - phán xét - giao ước), họ lại một lần nữa là dân sự giao ước (xem Ô-sê 2:21-23).

GIỚI THIỆU SÁCH Ô-SÊ

I. TÊN SÁCH

- A. Nó được đặt tên theo diễn giả chính, Ô-sê.
- B. Tên của ông có nghĩa là “sự cứu rỗi” (BDB 448). Lúc ban đầu nó là tên của Giô-suê (xem Dân số Ký 13:16). Nó cũng là tên vua Ô-sê (II Các vua 17:1).

II. QUÁ TRÌNH KINH ĐIỂN

- A. Quyển sách này là một phần của bộ “các tiên tri sau” theo sách ngụ kinh Ecclesiasticus 49:10.
- B. Đây là sách đầu tiên trong bộ Mười Hai Tiểu Tiên Tri (*Baba Bathra* 14b).
 - 1. Giống như những sách Ê-sai, Giê-rê-mi và Ê-xê-chi-ên, mười hai tập sách nhỏ này vừa đủ trong một cuộn sách da.
 - 2. Thứ tự của những sách này nói lên quan điểm truyền thống về niên đại của từng cuốn sách.
- C. Thứ tự của mười hai Tiểu Tiên Tri đã được các học giả kết nối với nhau theo diễn tiến thời gian. Tuy nhiên có một số vấn đề với quan điểm này:
 - 1. Sáu sách đầu tiên thì khác nhau giữa bản MT (bản văn tiếng Hê-bơ-rơ) và bản LXX (bản văn tiếng Hy-lạp)

<u>MT</u>	<u>LXX</u>
Ô-suê	Ô-suê
Giô-ên	A-môt
A-môt	Mi-chê
Áp-đi-a	Giô-ên
Giô-na	Áp-đi-a
Mi-chê	Giô-na

- 2. Theo bằng chứng nội tại nên để A-môt trước Ô-sê dựa theo thứ tự thời gian.
 - 3. Nhưng Ô-sê có thể được liệt kê đầu tiên vì độ dài của sách và bối cảnh thuộc thể kỷ thứ tám của nó.
- D. Lời văn của sách Ô-sê có lẽ là khó đọc nhất trong bất kỳ cuốn sách nào của Cựu Ước (xem mục IX).
 - 1. Một phần của điều này là do tính chất thơ ca cảm động của cuốn sách.
 - 2. Phần khác là do quá trình sao chép của các nhà chép kinh. Có sự khác nhau giữa bản văn MT và LXX.
 - 3. Một phần nữa là do sự khác biệt trong văn nói tiếng Hê-bơ-rơ giữa nước Y-sơ-ra-ên và nước Giu-đa.

III. THỂ LOẠI

- A. Cuốn sách này là một sự hòa trộn giữa văn xuôi và thơ (chủ yếu là thơ).

- B. Các chương 1 và 3 là những tường thuật lịch sử về cuộc đời và thời đại của Ô-sê, trong khi chương 2 là thơ.
- C. Cuộc sống và hôn nhân của Ô-sê đã được dùng theo cách biểu tượng để bày tỏ sự bướng bỉnh, ương ngạnh của Y-sơ-ra-ên cũng như tình thương mật thiết, vững bền của Đức Giê-hô-va.
1. Đức Giê-hô-va như là người yêu chung thủy thuở thanh xuân (đoạn 1-3)
 2. Đức Giê-hô-va như bậc cha mẹ trìu mến (đoạn 11)
 3. Những phép ẩn dụ được dựa trên sự nhầm lẫn của Y-sơ-ra-ên, khi họ xem thần Ba-anh là “chồng” và “chủ” thay vì Đức Giê-hô-va.
- D. Nó được viết bằng lời thơ đẹp, mạnh mẽ, và cảm động, nhưng những phần nhỏ không liên kết với nhau (đoạn 4-14). Những tác phẩm và lời tiên tri của Ô-sê có lẽ đã được sưu tập và chỉnh sửa sau khi ông qua đời.
- E. David A. Hubbard trong quyển Ô-sê (thuộc bộ giải kinh Cựu Ước của Tyndale) mô tả thể loại này khi ông tuyên bố:
- “Nó là thể văn thống thiết tuôn trào về phía Y-sơ-ra-ên trong từng lời phán này nối tiếp với lời phán khác, sự chầm biếm tiếp theo chầm biếm, ẩn dụ đi liền ẩn dụ, câu hỏi theo sau câu hỏi, đem đến cho quyển sách ‘chất lửa’ của nó” (trang 20).
- F. Có một số quan điểm về hôn nhân của Tiên Tri Ô-sê.
1. Giả thuyết (ngụ ngôn)
 2. Ngoại tình tâm linh (mô phỏng sự sùng bái thần tượng của Y-sơ-ra-ên)
 3. Hôn nhân thật sự với một phụ nữ không còn trinh trắng (do nghi lễ thờ cúng thần sinh sản)
 4. Hôn nhân thực sự với một người vợ mà về sau có dính líu với sự thờ cúng thần sinh sản (theo nghĩa đen)

IV. QUYỀN TÁC GIẢ

- A. Ô-sê luôn luôn được công nhận là tác giả, mặc dù chúng ta biết rất ít về ông.
- B. Thân thế:
1. Con trai của Bê-ê-ri (1:1)
 2. Công dân của Y-sơ-ra-ên (7:5), nhưng xuất thân từ thành nào thì không biết
 3. Cũng giống như A-mốt nói đến việc phải có một xã hội công bằng, Ô-sê nói về sự cần thiết phải vâng giữ giao ước
 4. Ông đã được gọi là:
 - a. “Tiên tri Giê-rê-mi của Y-sơ-ra-ên”
 - b. “Sứ đồ Giảng của Cựu Ước”
 5. “Nhà truyền giáo đầu tiên của Y-sơ-ra-ên”
- C. *Baba Bathra* 15a cho biết những người của Nhà Hội Lớn (Great Synagogue) đã viết “bộ Mười Hai (tiểu tiên tri).” Chi tiết này có nghĩa là được biên soạn hoặc là chỉnh sửa.

- D. Một số người đã đặt câu hỏi về thẩm quyền tác giả vì
1. Có các ám chỉ đến Giu-đa, 1:1,7,11; 4:15; 5:5,10,12-14; 6:4,11; 8:14; 10:11; 11:12; 12:2
 2. Có những phân đoạn chỉ về sự thịnh vượng và giải thoát trong tương lai
 3. Cuộc hôn nhân của Ô-sê được mô tả bằng ngôi thứ ba trong đoạn một và hai, nhưng lại dùng ngôi thứ hai ở đoạn ba
- E. Câu trả lời cho những nghi vấn.
1. Tất cả các vị tiên tri xem sự chia rẽ giữa Y-sơ-ra-ên và Giu-đa là sai trái. Giu-đa luôn luôn được xem là người thừa kế hợp pháp của những lời hứa theo giao ước cho Áp-ra-ham và Đa-vít.
 2. Nhà tiên tri thường xen lẫn lời phán về lời hứa với phán xét. Chúng đi cùng nhau như một sứ điệp thiêng liêng.
 3. Sách Ô-se có thể là một bộ sưu tập các bài giảng và các bài thơ của nhà tiên tri.

V. THỜI ĐIỂM

- A. Ô-sê là một vị tiên tri vào thế kỷ thứ tám trước Chúa
1. Ê-sai và Mi-chê nói tiên tri trong xứ Giu-đa
 2. Giô-na, A-mốt, và Ô-sê đã nói tiên tri trong Y-sơ-ra-ên
- B. Ô-sê cùng đồng thời và tiếp theo chức vụ của A-mốt
- C. Thời điểm ông rao giảng có lẽ là trong vương triều của những vị vua được đề cập trong 1:1 (xem biểu đồ của các vị vua trong giai đoạn chế độ quân chủ chia đôi trong phần Phụ lục).
1. Ô-xia (vua Giu-đa)
 2. Giô-tham (vua Giu-đa)
 3. A-cha (vua Giu-đa)
 4. Ê-xê-chia (vua Giu-đa)
 5. Giê-rê-bô-am II (vua Y-sơ-ra-ên)
- D. Có một số gợi ý từ các học giả (sự khác biệt là do 30 năm trị vì của Phê-ca, xem II Các vua 15:27). Để có câu trả lời ngắn gọn, súc tích nên xem quyển *Encyclopedia of Bible Difficulties* của Gleason Archer, trang 209-211):
1. Keil, 790-725 trước Chúa
 - a. 1:4, bắt đầu trước khi sụp đổ của triều đại Jehu
 - b. 10:14, có mặt lúc cuộc xâm lược của vua Shalmaneser V
 2. Francisco, 750-735 trước Chúa
 - a. Trẻ hơn một chút so với tiên tri A-mốt
 - b. Những ngày cuối của Giê-rô-bô-am II
 - c. Không trẻ hơn năm 735 trước Chúa bởi vì A-sy-ri đã lấy chiếm vùng Ga-la-át
 3. Harrison, từ năm 753 đến trước năm 722 trước Chúa
 - a. Giê-rô-bô-am II qua đời năm 753 trước Chúa
 - b. Triều công của vua Ma-na-hem dâng cho vua Tiglath-Pileser III trong 8:9 xảy ra vào khoảng năm 739 trước Chúa

- c. Các sự kiện của cuộc chiến Syro-Ephramatic trong các năm 735-734 trước Chúa được đề cập trong 5:8-6:6 (cũng như trong Ê-sai 7-14).
- d. Thời điểm của Ô-sê giải thích các ám chỉ đến Ai Cập trong 7:11; 9:6, và 12:2.
- 4. La Sor, Hubbard, và Bush, từ năm 753 trước Chúa cho đến sau năm 722 trước Chúa
 - a. Bắt đầu trước khi cái chết của Giê-rô-bô-am II năm 753 trước Chúa
 - b. Kéo dài đến triều đại của vua Ê-xê-chia
 - c. Đồng nghiệp chính từ năm 728 trước Chúa
 - d. Làm vua từ năm 715 trước Chúa
 - e. Rao giảng trong suốt triều đại của Tiglath-Pileser III, 745-727 trước Chúa

VI. BỐI CẢNH LỊCH SỬ - Xem phần Giới thiệu sách A-mốt, mục VI.

VII. CÁC ĐƠN VỊ VĂN HỌC

A. (Trích từ quyển Giới thiệu Cựu Ước của Clyde Francisco, trang 150-163)

- 1. Giới thiệu, 1:1
- 2. Khủng hoảng trong đời sống gia đình của Ô-sê, 1:2-3:5
- 3. Sự tranh luận của Chúa với Y-sơ-ra-ên, 4:1-10:15
- 4. Người cha và đứa con bú sữa binh, 11:1-12
- 5. Bản tính thể hiện qua tên gọi (Gia-cốp so với Y-sơ-ra-ên) 12:1-15
- 6. Sự hủy diệt của một quốc gia, 13:1-16
- 7. Thay thế cho án phạt 14:1-9

B. (Trích từ quyển Giới thiệu Cựu Ước của E. J. Young, trang 252-254)

- 1. Liên hệ của Đức Chúa Trời với dân sự của Ngài, 1:1-3:5
- 2. Các bài giảng của vị tiên tri, 4:1-14:9
 - a. Những tội lỗi của các chi phái phía Bắc, 4-8
 - b. Sự trừng phạt các chi phái phía Bắc, 9:1-11:11
 - c. Các phước lành tương lai cho một dân hồi cải, 11:12-14:9

VIII. CÁC LỄ THẬT CHÍNH YẾU

- A. Đức Giê-hô-va là một Đức Chúa Trời có thân vị. Tội lỗi không chỉ là một vi phạm những điều luật giao ước (A-mốt) nhưng còn là chống nghịch lại một Đức Chúa Trời yêu thương (Ô-sê).
- B. Đức tin dựa theo Kinh Thánh được trình bày rõ ràng nhất trong các ẩn dụ về liên hệ gia đình với nhau:
 - 1. Chồng (Đức Chúa Trời) - vợ (Y-sơ-ra-ên)
 - 2. Cha mẹ (Đức Chúa Trời) - con cái (Y-sơ-ra-ên)
- C. Đức Giê-hô-va đã chọn đối xử với nhân loại sa ngã thông qua các lời hứa, sự hy sinh, và giao ước. Những điều này có liên quan với sự tin cậy cá nhân và sự vâng giữ giao ước của con người.
- D. Sự bất tuân giao ước dẫn đến sự phán xét. Sự phán xét luôn luôn là nhằm mục đích phục

hồi (xem 1:10-2:1; 2:14-23; 3:1-5; 11:8-11; 14:1-7). Kỷ luật là một việc làm từ tình thương của cha mẹ (Hê-bơ-rơ 12:5ff). Các phước lành trong tương lai của Y-sơ-ra-ên được qui định theo sự vâng lời trong hiện tại.

IX. BẢN VĂN TRONG TIẾNG HÊ-BƠ-RƠ CỦA Ô-SÊ

Bản văn của sách Ô-sê bị tranh cãi nhiều nhất trong Cựu Ước. Tôi không phải là một học giả tiếng Hê-bơ-rơ, nhưng tôi đem đến cách hiểu khác vào tiến trình giải nghĩa.

Hình thái của bản văn tiếng Hê-bơ-rơ một phần có tính xúc cảm trong các tác phẩm của Ô-sê và phần kia là thể loại thơ ca. Các phép ẩn dụ của ông mới mẻ và đa dạng. Điều này đã gây ra vấn đề cho người đọc, người chép kinh, cả thời xưa và nay. Mặc dù tính chất thơ ca có gây khó khăn trong việc giải nghĩa từ vựng, nhưng lại khiến cho đặc tính song đối trở thành một phương cách để tìm hiểu những dòng thơ ngay cả khi bản văn nguyên thủy hay hình thức từ vựng đã bị thất lạc. Không có lẽ thật chính yếu nào bị thất lạc đến mức không thể phục hồi nhờ cấu trúc song đối và khuôn mẫu thường xuyên lặp lại các lẽ thật.

Sự tu chính văn bản là hữu ích (và cần thiết), nhưng luôn luôn vẫn là suy diễn. Chỗ này cho thấy sự khác nhau của các phiên bản cổ lại hữu ích để biết các nhà giải nghĩa khác vào thời xưa đã hiểu như thế nào về những dòng thơ bị tranh cãi này.

Ô-SÊ ĐOẠN 1

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI*

NKJV	NRSV	TEV	NJB
	Lời mở đầu		Tựa đề
1:1	1:1	1:1	1:1
Gia cảnh của Ô-sê	Ô-sê cưới cô gái điếm Gô-me và đặt tên có ý nghĩa tiên tri cho những đứa con	Vợ và con của Ô-sê	Hôn nhân của Ô-sê với ba đứa con
1:2-3	1:2-3	1:2	1:2a 1:2b
		1:3-5	1:3-5
1:4-5	1:4-5		
1:6-7	1:6-7	1:6-7	1:6-7
1:8-9	1:8-9	1:8-9	1:8-9
Sự phục hồi của Y-sơ-ra-ên	Sự hình phạt Y-sơ-ra-ên chưa phải là chung cuộc	Y-sơ-ra-ên sẽ được phục hồi	Hy vọng cho tương lai
1:10-2:1	1:10-2:1	1:10-2:1	2:1-3

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

* Mặc dù không được linh cảm, việc phân đoạn và câu là chìa khóa để hiểu và theo dõi ý tưởng nguyên thủy của tác giả. Mỗi bản dịch hiện đại đều có phần phân đoạn và tóm tắt đoạn. Mỗi đoạn có một chủ đề, một lẽ thật, một ý tưởng trọng tâm. Mỗi bản dịch có cách chia đoạn đặc biệt riêng của nó để cô đọng lại các chủ đề này. Khi đọc một bản văn, hãy tự hỏi chính mình bản dịch nào giúp bạn nắm được chủ đề qua lối chia đoạn và câu của nó.

Ở mỗi đoạn, chúng ta phải đọc Kinh thánh trước và tìm cách xác định các chủ đề (phân đoạn) của nó, sau đó so sánh sự hiểu biết này với các bản dịch hiện đại. Chỉ khi nào chúng ta hiểu được ý định của tác giả nguyên thủy bằng cách theo dõi lý luận và cách trình bày của họ, thì chúng ta mới thật sự hiểu được Kinh thánh. Chỉ có tác giả nguyên thủy được linh cảm- người đọc không có quyền thay đổi hay bổ sung vào sứ điệp. Tuy nhiên, những người đọc Kinh thánh có trách nhiệm áp dụng những lẽ thật được linh cảm này vào cuộc sống hằng ngày của họ.

Lưu ý rằng tất cả các thuật ngữ và những chữ viết tắt đều được giải thích rõ ràng trong Phụ lục một, hai, và ba.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

NHỮNG KIẾN GIẢI SÁU SẮC VỀ BỐI CẢNH

- A. Chương 1-3 tạo thành một đơn vị văn học khởi đầu mô tả:
1. Ô-sê cưới Gô-me theo sự chỉ dẫn của Chúa, chương 1 (được kể trong ngôi thứ ba dạng tiểu sử)
 2. Dẫn chứng bằng thơ về sự không chung thủy của Y-sơ-ra-ên đối với Đức Giê-hô-va, chương 2
 3. Ô-sê chuộc lại Gô-me rồi tái hôn với nàng theo mệnh lệnh của Đức Chúa Trời, chương 3 (được kể theo ngôi thứ hai, dạng tự truyện)
- B. Mỗi phần phụ kết thúc cho từng phần có một lời hứa phục hồi.
1. 1:10-2:1
 2. 2:16-23
 3. 3:5
- C. Sự sùng bái thần tượng của Y-sơ-ra-ên không chỉ là vi phạm luật pháp, nhưng còn là bội bạc tình yêu. Có lẽ cách loại suy hay nhất để thấu hiểu giao ước là những lời hứa nguyện trong hôn nhân

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

BẢN NASB 1:1

“Có lời Đức Giê-hô-va phán cùng Ô-sê, con trai Bê-ê-ri, về đời Ô-xia, Giô tham, A-cha, Ê-xê-chia, là các vua của Giu-đa, và về đời Giê-rô-bô-am, con trai Giô-ách, vua Y-sơ-ra-ên”.

1:1 “Lời của Đức Giê-hô-va” Đây là một cụm từ mở đầu thông dụng (được sử dụng trên 250 lần trong Cựu Ước) trong các sách tiên tri (Ô-sê, Giô-ên, Mi-chê, Sô-phô-ni, A-ghê, Xa-cha-ri, và Ma-la-chi). Nó cho thấy rằng các vị tiên tri đã không nói ra theo sự hiểu biết của mình, nhưng khởi nguồn là từ sự mặc khải của Chúa. Thuật ngữ “lời” (BDB 182) liên quan đến khái niệm trong tiếng Hê-bơ-rơ chỉ quyền năng độc lập trong lời phán (xem Sáng thế Ký 1; Ê-sai 55:11; Giăng 1:1,14; Khải huyền 19:13).

Đối với danh hiệu “Chúa” xem chủ đề đặc biệt: Tên của thần linh trong A-môt 1:2.

▣ **“Ô-sê”** Tên này có nghĩa là “sự cứu rỗi” (BDB 448). Khi ghép danh hiệu giao ước của Đức Chúa Trời là “Đức Giê-hô-va” vào gốc chữ “cứu rỗi” trong tiếng Hê-bơ-rơ thì sẽ thành tên “Giô-suê” (xem Dân số Ký 13:8,16) hay là “Giê-xu” (xem Ma-thi-ơ 1:21).

▣ **“Con trai của Bê-ê-ri”** Tên gọi này có nghĩa là “giếng nước của tôi” (BDB 92). Chúng ta biết gì về người này. Tên này xuất hiện chỉ có một lần khác là cha vợ của Ê-sau, người Hê-tít (xem Sáng thế Ký 26:34).

▣ **“Trong những ngày của Ô-xia, Giô-tham, A-cha, và Ê-xê-chia, các vua của Giu-đa”** Nó có vẻ khác thường khi một vị tiên tri từ Vương quốc miền Bắc lại liệt kê danh sách các vị vua Giu-đa rõ ràng như vậy. Các vị vua này nối tiếp nhau trong khoảng thời gian dài (xem phần phụ lục, “Các vị vua của thời nền quân chủ chia đôi”).

Danh sách các vị vua Giu-đa trùng với phần giới thiệu của Ê-sai, do đó nhiều học giả đã khẳng định rằng Ô-sê đang cố gắng để giải bày rằng ông là một vị tiên tri đồng thời với vị tiên tri từ miền Nam là Ê-sai. Ngoài ra nó có thể cho thấy: (1) Ô-sê đã chống lại sự phân chia của hai vương quốc và đã nhìn nhận Giu-đa như là hy vọng về giao ước chính đáng hoặc (2) Câu này đã được thêm vào sau bởi các nhà chép kinh người Giu-đê. Với quá nhiều giả thuyết tất nhiên làm cho người thời nay không thể biết được chính xác.

▣ **“Trong những ngày của vua Y-sơ-ra-ên, Giê-rô-bô-am con trai Giô-ách”** Thật đáng ngạc nhiên rằng không có vị vua Y-sơ-ra-ên nào khác được liệt kê (ví dụ, Xa-cha-ri, Sa-lum, Ma-na-hem, Phê-ca-hia, Phê-ca, Ô-sê). Đã có một số giả thuyết liên quan đến điều này: (1) Có sự lộn xộn về chính trị sau cái chết của Giê-rô-bô-am II và một số vị vua chỉ trị vì có một khoảng thời gian ngắn (xem Phụ lục: Các vua của nền quân chủ bị chia đôi); (2) Các vị tiên tri đã phán cho cả hai vương quốc, hoặc là (3) Giu-đa là dòng dõi Đa-vít hợp pháp (xem A-môt 9:11-15).

Đối với bối cảnh lịch sử của triều đại Giê-rô-bô-am II xem phần Giới thiệu sách A-môt, mục VI.

BẢN NASB 1:2-5

² Khi Đức Giê-hô-va bắt đầu phán cùng Ô-sê, Đức Giê-hô-va bảo người rằng: **Hãy đi, lấy một người vợ gian dâm, và con cái ngoại tình; vì đất này chỉ phạm sự tà dâm, lia bỏ Đức Giê-hô-va.** ³ Vậy Ô-sê đi cưới Gô-me, con gái của Đíp-la-im. Nàng chịu thai và sanh cho người một trai. ⁴ Bấy giờ Đức Giê-hô-va phán cùng người rằng: **Hãy đặt tên nó là Gít-rê-ên, vì còn ít lâu nữa, ta sẽ báo thù cho huyết của Gít-rê-ên nơi nhà Giê-hu, và sẽ dứt nước của nhà Y-sơ-ra-ên.** ⁵ Trong ngày đó, ta sẽ bẻ cung của Y-sơ-ra-ên trong trũng Gít-rê-ên.

1:2

NASB, NRSV,

TEV

“Khi Chúa đã phán lần đầu qua Ô-sê”

NKJV

“Khi Chúa bắt đầu phán bởi Ô-sê”

NJB

“Sự khởi đầu của những điều Đức Giê-hô-va phán qua Ô-sê”

Trong quyển sách về Ô-sê ở trang 9-11, G. Campbell Morgan nói rõ rằng bản Kinh thánh ASV dịch: “Khi Đức Giê-hô-va bắt đầu phán bởi Ô-sê” là thời điểm quan trọng để biết Ô-sê thâm định lại cuộc đời mình và viết câu 2 theo nhận thức lại đầy đủ hơn. Vì vậy, ông khẳng định rằng Gô-me là chung thủy khi Ô-sê cưới bà, nhưng rồi sau đó bà gian dâm. Bởi có sự biết trước

nên Đức Chúa Trời biết điều gì sẽ xảy ra và trong các năm về sau của cuộc đời Ô-sê cũng biết rõ thăm kịch hôn nhân của mình (xem quyển *Encyclopedia of Bible Difficulties* của Gleason Archer, trang 294-295 và *Hard Sayings of the Bible*, trang 322-324).

☐ **“Hãy đi, lấy một người vợ gian dâm”** Sứ điệp đầu tiên của Đức Giê-hô-va cho Ô-sê có hai MỆNH LỆNH (IMPERATIVES) cùng với sự ám chỉ về mệnh lệnh thứ ba.

1. “Đi” (BDB 229, KB 246, dạng MỆNH LỆNH Qal)
2. “Lấy” (BDB 542, 534 KB, dạng MỆNH LỆNH Qal)
3. “Có con” được ngụ ý theo bối cảnh

Những mệnh lệnh này liên quan đến hôn nhân và con cái ám chỉ rằng Đức Chúa Trời đã kêu gọi Ô-sê khi ông còn rất trẻ, có thể là khoảng thời gian sau khi xong nghi lễ để được trở thành người trưởng thành (13-14 tuổi).

Thuật ngữ “gian dâm” (BDB 276, KB 275) là dạng SỐ NHIỀU (PLURAL) có thể ám chỉ (1) mãnh liệt hoặc (2) liên tục, quá nhiều trong tiếng Hê-bơ-rơ. Nó có vẻ như để chỉ gái điếm ngoại giáo (xem 4:14; bản NET Bible) hoặc có thể là một người phụ nữ đặc trưng trong thời của ông, do bối cảnh văn hóa thờ thần Ba-anh, đã tham gia vào những hoạt động tính dục chung chạ bừa bãi (ít nhất là giao hợp tình dục lần đầu tiên với thầy tế để đảm bảo sự sinh sôi nảy nở), và vì vậy được xem là gái điếm (xét theo Kinh thánh). Điều này đã gây ra nhiều cuộc thảo luận giữa các nhà giải nghĩa Kinh thánh:

1. Origen nói rằng những điều gì liên quan đến Chúa nhưng lại không xứng đáng thì không nên hiểu theo nghĩa đen, nhưng phải được hiểu theo nghĩa bóng, nghĩa thuộc linh (theo như Philo).
2. Jerome và Iben Ezra (cũng như nhiều giáo sĩ Do Thái giáo) giải thích điều này là khái tượng.
3. Calvin và E. J. Young giải thích điều này như một câu chuyện ngụ ngôn.
4. Martin Luther giải thích điều này như thể Gô-me là một người vợ chung thủy và họ chỉ “diễn kịch” để chuyển tải sứ điệp.
5. Wellhausen nói rằng bà chỉ trở nên lẳng nhăng sau khi kết hôn. (KB liệt kê một trong những ý nghĩa là “có xu hướng phạm tội gian dâm”).

Chữ *znh* (BDB 275276) trong hai hình thức (ĐỘNG TỪ, DANH TỪ) được sử dụng bốn lần trong câu 2 và được phiên dịch khác nhau như:

1. NASB, NKJV - mại dâm
2. NRSV - điếm
3. TEV - không chung thủy
4. NJB - con điếm

Sự kết hợp của dạng NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI Qal (INFINITIVE ABSOLUTE) và dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal (IMPERFECT) làm mạnh ý nghĩa:

1. đã thường xuyên phạm tội dâm dục (theo thời gian)
2. phạm tội ngoại tình hay làm gái điếm là tội ghê tởm nhất (loại tội lỗi)

Không phải vi phạm điều luật, nhưng bội ước với tình yêu chung thủy trở thành sứ điệp trọng tâm của nhà tiên tri. Dạng ĐỘNG TỪ được sử dụng trong 1:2(hai lần); 2:5; 3:3; 4:10, 12, 13, 14, 15, 18(hai lần); 5:3, 9:1 và danh DANH TỪ trong 1:2 (hai lần); 2:2,4; 4:12; 5:4. Y-sơ-ra-ên không bị kết tội trước một thẩm phán công bằng, nhưng là trước một người yêu tan nát cõi lòng! Ở những nơi khác trong các sách tiên tri cũng có những đặc điểm tương tự về hôn nhân được sử dụng để mô tả mối quan hệ thẩm thiết giữa Đức Giê-hô-va và Y-sơ-ra-ên (xem Giê-rê-mi 3; Ê-xê-chi-ên 16, cũng tham khảo thêm Ê-phê-sô 5:23-33).

▣ **“con cái ngoại tình”** Ba đứa con được đặt tên có ý nghĩa tiên tri. Bởi vì sự lảng nhãng của Gô-me nên không thể xác định được hai đứa con sau là con của Ô-sê.

▣ **“vì đất này chỉ phạm sự tà dâm”** Rõ ràng là Đức Chúa Trời sử dụng một sự so sánh giữa kinh nghiệm bị bội bạc của vị tiên tri và Đức Chúa Trời bị Y-sơ-ra-ên phản bội. Tuy nhiên, mục đích thực sự là để bày tỏ tấm lòng tan vỡ và tình yêu tha thứ của Đức Giê-hô-va. Sự thật quan trọng nhất trong sách Ô-sê là tình thương vô đối, chung thủy và vĩnh viễn của Đức Chúa Trời.

Khi suy nghĩ về sự tương tự trong mối liên hệ Y-sơ-ra-ên và Đức Giê-hô-va và được minh họa qua Gô-me và Ô-sê sẽ có câu hỏi nảy sinh: có phải Gô-me là gái lăng lơ (không chung thủy) từ trước khi kết hôn? Nếu vậy thì chúng ta lý giải sự tương tự như thế nào?

1. Áp-ra-ham là một người thờ đa thần cùng với gia đình mình ở tại U-rơ trước khi Đức Chúa Trời bày tỏ chính Ngài cho ông (xem Sáng thế ký 11).
2. Y-sơ-ra-ên đã dự phần vào việc thờ hình tượng từ trước khi ra khỏi xứ Ai cập (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 32 hoặc A-mốt 5:25-27).

Sự lôi cuốn vào việc thờ hình tượng cứ lặp đi lặp lại trong Y-sơ-ra-ên bị Mô-i-se mô tả là “họ gian dâm với các vị thần của họ” (ví dụ, Xuất Ê-díp-tô Ký 34:15,16; Lê-vi Ký 17:7; 20:5,6; Dân số Ký 15:39, 25:1; Phục truyền Luật lệ Ký 31:16). Cụm từ này mang cả nghĩa đen và nghĩa bóng khi nó ám chỉ đến sự thờ lạy thần sinh sản. Bối cảnh của ẩn dụ này là Đức Giê-hô-va được ví sánh như người chồng còn Y-sơ-ra-ên là vợ (ví dụ, Ê-sai 54:5, 62:4-5; Giê-rê-mi 2:2; 3:1,6-9,14; 31:32; Ê-xê-chi-ên 16; 23; Ô-sê 2:19).

1:3 “Gô-me” Có hai người trong Cựu Ước có tên này.

1. Con trai của Gia-phết (xem Sáng thế Ký 10:2,3; I Sứ ký 1:5,6)
2. Vợ của Ô-sê

Ý nghĩa của tên này thì không rõ, nhưng cùng một phụ âm có nghĩa là “kết thúc”, “chấm dứt” (BDB 170). Có người đặt nghi vấn rằng chi tiết này có ý nghĩa biểu tượng bởi vì tên của người cha (Đíp-la-im) cũng như tên con (Gô-me) đều có ý nghĩa biểu tượng (giống như trường hợp những tên gọi trong sách Ru-tơ).

▣ **“Đíp-la-im”** Tên này có vẻ như liên hệ đến “những bánh nho khô” (BDB 84) của 3:1. Nó có thể có nghĩa là “một mớ trái sung” hay là “bánh nho khô” (BDB 179). Bánh nho khô là một phần trong nghi lễ thờ lạy thần sinh sản của dân Ca-na-an (xem Giê-rê-mi 44:19).

▣ **“Bà chịu thai và sanh cho người một trai”** Lời văn nói rõ rằng Ô-sê là cha của đứa trẻ đầu tiên, nhưng không phải cha của hai đứa sau.

1:4 “Hãy đặt tên nó là” ĐỘNG TỪ này (BDB 894, KB 1128) là một MỆNH LỆNH Qal. Chủ đích lời tiên tri có liên quan đến Y-sơ-ra-ên được thấy trong tên các đứa con của Ô-sê.

▣ **“Gít-rê-ên”** có nghĩa là “Đức Chúa Trời rải ra (làm phân tán)”, “Đức Chúa Trời gieo,” hoặc “Đức Chúa Trời làm cho kết quả.” Vì vậy, chữ này có thể ám chỉ đến (1) sự trừng phạt (xem các câu 4-5) hoặc (2) sự thịnh vượng (xem 2:22-23). Trong mạch văn này thì rõ ràng được hiểu theo ý nghĩa 1. Nó đề cập đến cả một thành phố và một thung lũng trong vùng Ga-li-lê (thung lũng A-ma-gê-đôn). Tại thành phố phía Bắc này (thủ đô thứ hai của vua Ôm-ri), Giê-hu đã tàn sát cả nhà A-háp (vợ của ông đã phổ biến rộng rãi sự thờ lạy thần sinh sản trong Y-sơ-ra-ên) (xem II Các vua 9:7-10:28), và nó đã trở thành một biểu tượng hoặc thành ngữ để chỉ sự phán xét.

Có phải Giê-hu đã bị trừng phạt vì đã làm theo lời phán dạy? Đây là câu hỏi mà quyển *Hard Sayings of the Bible*, của IVP trả lời trong trang 235-236. Giê-hu đã làm theo như Đức Chúa Trời truyền lệnh cho ông và tiêu diệt hoàn toàn cả nhà A-háp, nhưng ông đã làm dữ dội và quá mức khiến Đức Chúa Trời lên án.

▣ **“vì còn ít lâu nữa”** Cụm từ chỉ thời gian này (hai trạng từ BDB 728 cùng với 589) được sử dụng bảy lần, sáu trong số đó là ở những phân đoạn phán xét (xem Thi thiên 37:10; Ê-sai 10:25; Giê-rê-mi 51:33; Ô-sê 1:4; A-ghê 2:6). Lần sử dụng theo ý tích cực là Ê-sai 29:17.

1:5 “Ta sẽ bẻ cung của Y-sơ-ra-ên” Cây cung là một biểu tượng của sức mạnh và sự vững chắc về quân sự. Điều này xảy ra trong thời cai trị của vua A-sy-ri Shalmanesar V. Ông xâm chiếm Y-sơ-ra-ên vào năm 724 trước Chúa, nhưng kinh đô Sa-ma-ri vốn có địa thế vững chắc đã không sụp đổ cho đến tận năm 722 trước Chúa vào triều đại của vua Sargon II.

BẢN NASB 1:6-7

⁶ **Nàng lại chịu thai và sanh một gái, thì Đức Giê-hô-va phán cùng Ô-sê rằng: Hãy đặt tên nó là Lô-Ru-ha-ma; vì ta sẽ không thương xót nhà Y-sơ-ra-ên nữa, và quyết không tha thứ nó nữa.** ⁷ **Nhưng ta sẽ thương xót nhà Giu-đa; sẽ giải cứu chúng nó bởi Giê-hô-va Đức Chúa Trời của chúng nó; và ta sẽ không cứu chúng nó bởi cung, hoặc bởi gươm, hoặc bởi chiến trận, hoặc bởi ngựa, hoặc bởi người cưỡi ngựa.**

1:6 “Hãy đặt tên nó là Lô-Ru-ha-ma” Một lần nữa ĐÔNG TỪ là dạng MỆNH LỆNH Qal. Tên gọi này có nghĩa là “không thương hại” (520 BDB, xem 2:4,23). Chữ “thương hại” (hoặc “thương xót” theo ghi chú bản Kinh Thánh NKJV, “trắc ẩn” BDB) được sử dụng chỉ cảm xúc sâu đậm và dịu dàng của Đức Chúa Trời (xem Thi thiên 103:13). Nó sẽ được sử dụng theo ý nghĩa tích cực trong 2:19,23. Sự phán xét của Đức Chúa Trời không ám chỉ thiếu tình yêu nhưng trái lại là đầy tình yêu thương (xem 11:8-9; Hê-bơ-rơ 12:6-13).

▣ **“vì ta sẽ không thương xót nhà Y-sơ-ra-ên nữa”** Thật là một lời tuyên bố gây sững sốt về chủ đích, tàn nhẫn trong sự phán xét của Đức Chúa Trời (xem A-môt 8:7; 9:4). Tuy nhiên, trong các sách tiên tri thì nhận định về kết cuộc này luôn luôn được cân bằng bằng những lời tiên báo về sự cứu rỗi (xem các câu 10-11).

Về mặt ngữ pháp thì đây là dạng NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI Qal (Qal INFINITIVE ABSOLUTE) (BDB 669) theo sau là một Qal KHÔNG HOÀN THÀNH (Qal IMPERFECT) (BDB 669) nên hình thức này giống như trong câu 2c. Hình thức này nhấn mạnh ĐÔNG TỪ (“rằng ta sẽ không bao giờ tha thứ cho họ”).

1:7 “trên nhà Giu-đa” Cũng giống như A-môt, Ô-sê phán với cả hai vương quốc (xem 1:7, 11; 4:15, 5:5, 8-15; 6:4, 11; 8:14, 10:11, 11:12, 12:2). Chỗ này Đức Chúa Trời hứa sẽ tha cho Giu-đa khỏi cuộc xâm lược của A-sy-ri. Ngài đã làm điều này trong nhiều lần khác nữa. A-sy-ri xâm lược xứ Pa-léc-tin bao nhiêu lần trong giai đoạn này thì không biết chính xác.

Bởi vì câu nói này gây ra cú sốc mạnh trong một cuốn sách viết cho Y-sơ-ra-ên, nên nhiều học giả đã giả định rằng nó được viết thêm vào bởi các nhà chép kinh người Giu-đa sau này. Tuy nhiên cũng có thể đó là một cách lên án sự hình thành của mười chi phái phía Bắc trong việc phân chia đất nước năm 922 trước Chúa. Tất cả các vị tiên tri đều lên án vương quốc phía Bắc, đặc biệt là vì các địa điểm thờ lạy bò con vàng tại Bê-tên và Đan.

Nó cũng có thể là một cách để cảnh báo Giu-đa không nên đi theo con đường của Y-sơ-ra-ên, nhưng họ vẫn làm (xem Giê-rê-mi 3:6-10).

☐ **“Ta sẽ không cứu chúng nó bởi cung, hoặc bởi gươm, hoặc bởi chiến trận, hoặc bởi ngựa, hoặc bởi người cưỡi ngựa”** Đức Chúa Trời sẽ giải cứu (BDB 446, KB 448, dạng HOÀN THÀNH Hiphil (Hiphil PERFECT)) Giu-đa khỏi thế lực quân sự sắp lật đổ Y-sơ-ra-ên, không phải bằng các phương cách bình thường nhưng bằng các phương cách siêu nhiên (xem II Các vua 18:13-19:37; II Sử ký 32:1-23; Ê-sai 36-37).

BẢN NASB 1:8-9

⁸ Sau khi Lô-Ru-ha-ma thôi bú, nàng chịu thai và sanh một trai. ⁹ Đức Giê-hô-va phán rằng: **Hãy đặt tên nó là Lô-Am-mi; vì các ngươi chẳng phải là dân ta nữa, và ta sẽ không làm Đức Chúa Trời các ngươi nữa.**

1:8 “Sau khi Lô-Ru-ha-ma thôi bú, nàng chịu thai” Việc thụ thai nhanh chóng của ba đứa trẻ này có thể cho thấy những sinh hoạt tình dục tiếp tục lặp lại của Gô-me.

1:9 “Hãy đặt tên nó là Lô-Am-mi” Một lần nữa ĐỘNG TỪ là dạng MỆNH LỆNH Qal. Thuật ngữ này có nghĩa là “không phải dân của ta” (BDB 520, xem 2:23). Nó nói lên giao ước bị phá vỡ (xem Giô-suê 24:19-28; Giê-rê-mi 31:32).

☐

NASB, NRSV “Ta không phải là Đức Chúa Trời của ngươi”
NKJV “Ta sẽ không là Đức Chúa Trời của các ngươi”
TEV “Ta không phải là Đức Chúa Trời của họ”
NJB “Ta không tồn tại đối với ngươi”

Trong bản văn MT không có tên của Đức Chúa Trời (xem bản Kinh Thánh NJB). Cụm từ này tuyên bố cách mạnh mẽ về giao ước bị phá vỡ.

BẢN NASB 1:10-11

¹⁰ Dầu vậy, số con cái Y-sơ-ra-ên sẽ giống như cát bờ biển, không thể lường, không thể đếm; và chính nơi mà đã bảo chúng nó rằng: **Các ngươi chẳng phải là dân ta, sẽ lại bảo rằng: Các ngươi là con trai của Đức Chúa Trời hằng sống.** ¹¹ Con cái Giu-đa và con cái Y-sơ-ra-ên sẽ hiệp nhau lại; sẽ lập cho mình một quan trưởng chung, và sẽ trở lên từ đất này, vì ngày của Gít-rê-ên sẽ là ngày lớn.

1:10 “Y-sơ-ra-ên sẽ được như cát của biển” Trong bản văn tiếng Hê-bơ-rơ, đoạn 2 bắt đầu với câu 1:10. Điều này nói đến lời hứa của Đức Chúa Trời dành cho Áp-ra-ham (xem Sáng thế Ký 15:5, 22:17, 26:4). Câu này cho thấy vẫn còn có hy vọng ngay cả có sự bày tỏ của câu 9 (xem Giê-rê-mi 31:33; A-môt 9:8-15).

Phao-lô trích dẫn câu này trong Rô-ma 9:26 để thể hiện lòng thương xót của Đức Chúa Trời mở rộng đến cho các dân ngoại. Ông cũng trích dẫn Ô-sê 2:23 trong Rô-ma 9:25. Số dân rất đông của Đức Chúa Trời bao gồm tất cả các con cháu của A-đam.

☐ **“Các ngươi là con trai của Đức Chúa Trời hằng sống”** Điều này phản ánh nền tảng trong

Cụm Ước để chỉ Đức Giê-hô-va như là người cha. Địa vị là cha của Đức Chúa Trời không dựa trên Sáng thế Ký đoạn 1-2, nhưng dựa trên việc Chúa lựa chọn Áp-ra-ham và dòng dõi của ông. Đó là một mối liên hệ theo giao ước được thấy theo hai cách:

1. Danh hiệu “cha” hoặc là những cách sử dụng tương đương trong Phục truyền Luật lệ Ký 32:6; Thi thiên 103:13; Ê-sai 63:16; 64:8; Giê-rê-mi 3:4,19; 31:9; Ma-la-chi 1:6, 2:10, 3:17
2. Cách dùng chữ “con trai” hoặc “con” trong Xuất Ê-díp-tô Ký 4:22; Phục truyền Luật lệ Ký 14:1; 32:5,19; Ê-sai 1:2; Giê-rê-mi 3:22; 31:20; Ô-sê 1:10; 11:1

Cụm từ “Đức Chúa Trời hằng sống,” là ý nghĩa gốc của tên Đức Giê-hô-va. Đức Giê-hô-va sống động, còn thần tượng thì không. Câu này được trưng dẫn trong Tân Ước như là một lời hứa cho dân ngoại được gồm chung vào dân sự giao ước (xem Rô-ma 9:24-26 và I Phi-e-rơ 2:10). Có một bài bình luận hay về đề tài “Ai là Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên?” có trong quyển *Hard Sayings of the Bible*, trang 633-636. Bởi vì tác giả Tân Ước được linh cảm trích dẫn bản văn Cựu Ước rồi áp dụng các danh hiệu trong Cựu Ước cho những tín hữu nên dân sự của Đức Chúa Trời tùy thuộc nơi đức tin trong Đấng Christ chứ không phải do “tổ tiên mình là ai” (yếu tố chủng tộc).

1:11 “Con cái Giu-đa và con cái Y-sơ-ra-ên sẽ hiệp nhau lại” Tại đây ĐÔNG TỪ (BDB 867, KB 1062, dạng HOÀN THÀNH Niphal) được sử dụng để chỉ việc Đức Chúa Trời sẽ gom dân sự của Ngài lại lúc tận thế (ví dụ, Phục truyền Luật lệ Ký 30:1-10; Ê-sai 54:7; 56:8; Giê-rê-mi 31:10-14; Mi-chê 2:12, 4:6). Câu này nói về một sự phục hồi chế độ quân chủ thống nhất do một vị vua từ dòng dõi Đa-vít cai trị (3:5; Ê-xê-chi-ên 34:23; 37:15-28; A-mốt 9:11) khiến nó trở thành lời tiên tri về Đấng Mết-si-a. Nhiều người đã xem cụm từ này như một sự đảo ngược lời hứa của câu 4. Ý nghĩa “kết quả, thành công” của chữ Gít-rê-ên được dùng trong câu này.

▣ **“sẽ lập cho mình một quan trưởng chung”** Cần lưu ý đến phương diện của Chúa trong các câu 10 và 11a, cũng như đáp ứng của con người trong câu 11b. Hai mặt của giao ước phải được giữ chung với nhau trong sự căng thẳng của sự mặc khải (ví dụ, Phục truyền Luật lệ Ký 17:14 so với câu 15). Cả hai đều đúng, nhưng làm thế nào chuyện này có thể xảy ra là một sự huyền nhiệm. Chính sự giằng co giữa hai người ở hai phía làm cho hôn nhân của con người là ẩn dụ lý tưởng cho giao ước theo quan điểm Kinh Thánh.

“Một nhà lãnh đạo” là cực kỳ tương phản với thực tế lịch sử về quyền lãnh đạo Y-sơ-ra-ên sau cái chết của Giê-rô-bô-am II. Đó là giai đoạn truyền ngôi của các triều đại ngắn ngủi cùng với bất ổn chính trị.

Ô-SÊ ĐOẠN 2

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI*

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Dân sự của Đức Chúa Trời không trung thành 2:2-5	Y-sơ-ra-ên sẽ bị sỉ nhục công khai và khốn khổ như cô gái điếm 2:2-13	Gô-me không chung thủy – Y-sơ-ra-ên không chung thủy 2:2-5	Đức Giê-hô-va và người vợ không chung thủy của Ngài 2:4-7
2:6-8		2:6-7 2:8-13	2:8-15
2:9-13			
Sự thương xót của Đức Chúa Trời cho dân sự Ngài 2:14-20	Đức Chúa Trời sẽ lại thương mến Y-sơ-ra-ên 2:14-23	Tình thương của Đức Chúa Trời cho dân sự Ngài 2:14-17 2:18-23	Sự hòa giải 2:16-17 2:18-19 2:20-25
2:21-23			

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

NHỮNG KIẾN GIẢI SÁU SẮC VỀ BỐI CẢNH

- A. Các câu 1-15 mô tả trường hợp ly hôn của Đức Chúa Trời đối với Y-sơ-ra-ên bởi vì sự tiếp tục thờ thần tượng.
- B. Phần còn lại của đoạn này đưa ra kế hoạch trong hiện tại cũng như chương trình trong tương lai của Đức Chúa Trời (bằng cách tái diễn việc sử dụng giới từ “do đó”).
1. Những kế hoạch hiện tại
 - a. Câu 6-8, Đức Chúa Trời sẽ ngăn chặn việc chạy theo hình tượng của Y-sơ-ra-ên (“dựng rào cản trên đường đi”)
 - b. Câu 9-13, Đức Chúa Trời sẽ làm cho chấm dứt sự thờ phượng hỗn tạp của Y-sơ-ra-ên (lưu đầy họ)
 2. Những kế hoạch trong tương lai
 - a. Câu 14-20, Đức Chúa Trời sẽ đổ ngọt và tái hôn với Y-sơ-ra-ên một lần nữa
 - b. Câu 21-23, các phước lành trong giao ước của Đức Chúa Trời sẽ lại được đổ trên Y-sơ-ra-ên trong Đất Hứa

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

BẢN NASB 2:1-7

¹ Hãy xưng anh em các ngươi là Am-mi; và chị em các ngươi là Ru-ha-ma. ² Hãy kiện mẹ các ngươi, hãy kiện đi; vì nó chẳng phải là vợ ta, còn ta chẳng phải là chồng nó! Nó hãy cất bỏ sự dâm loạn khỏi trước mặt nó, và sự ngoại tình khỏi giữa vú nó đi; ³ kéo ta sẽ lột trần nó, để nó như ngày mới sanh ra, và làm cho nó ra như đồng vắng, như đất khô, khiến nó chết khát. ⁴ Ta sẽ không thương xót con cái nó, vì ấy là con cái của sự gian dâm. ⁵ Thật vậy, mẹ chúng nó làm sự gian dâm, kẻ mang thai chúng nó đã làm sự ô nhục. Vì nó rằng: Ta sẽ đi theo các tình nhân ta, là kẻ bán bánh, nước, lông chiên, vải, dầu và đồ uống cho ta. ⁶ Vậy nên, này, ta sẽ lấy gai góc lấp đường ngươi; sẽ xây một bức tường nghịch cùng nó, và nó không thể tìm lối mình được nữa. ⁷ Nó sẽ đuổi theo tình nhân mình mà không kịp, tìm mà không gặp đâu. Đoạn nó sẽ nói rằng: Ta sẽ trở về cùng chồng thứ nhất của ta; vì lúc đó ta sung sướng hơn bây giờ.

2:1 “Xưng” Từ này (BDB 55, KB 65) là dạng MỆNH LỆNH Qal, có nghĩa bóng diễn tả một hành động nào đó trong tương lai của việc khôi phục và thống nhất đất nước. Câu này nên đi với lời tiên tri về sự cứu rỗi trước đó (1:10-2:1).

☐ **“Am-mi”** Chữ này có nghĩa là “dân Ta” (BDB 766). Chỗ này nói đến giao ước cho dân sự của Đức Chúa Trời (ví dụ, Xuất Ê-díp-tô Ký 6:6-7; 19:5-6) và đảo ngược lại câu 1:9 (xem câu 23).

☐ **“Ru-ha-ma”** Từ này có nghĩa là “thương hại”, “(lòng) nhân từ dịu dàng,” hoặc “thương xót” (BDB 933). Đây là một biểu hiện của tình yêu thương vĩ đại, lòng thương xót, nhân từ của Chúa và cũng là sự đảo ngược lại câu 1:6 (xem câu 23).

2:2

NASB	“quả quyết...quả quyết”
NKJV	“cáo buộc...cáo buộc”
KRSV, TEV	“bào chữa...bào chữa”
NJB	“ra tòa...ra tòa”
JPSOA	“khiến trách...khiến trách”

Đây là một thuật ngữ pháp lý (BDB 936, KB 1224, dạng MỆNH LỆNH Qal, được sử dụng hai lần trong câu này) cho một vụ kiện (xem 4:1-3; 12:2; Giê-rê-mi 2:5-9; Mi-chê 6:1-8). Câu này tương đồng với việc Ô-sê ly dị Gô-me (xem Phục truyền Luật lệ Ký 24:1-4). Có những thể thức ly dị tương tự trong văn chương tiếng Akkadian. Ý nghĩa về cam kết trong hôn nhân mà tiên tri Ô-sê dùng cũng tương tự như là giao ước giữa Đức Chúa Trời với Y-sơ-ra-ên được tìm thấy trong Ê-sai 50:1; 54:4-8; Giê-rê-mi 3:1-20; Ê-xê-chi-ên 16 và 23; Ma-thi-ơ 9:15; Giăng 3:29; Ê-phê-sô 5:22-33; Khải huyền 19:7-9; 21:9; 22:17.

Ô-sê kêu gọi những đứa con đến khuyên nài với mẹ của mình (nước Y-sơ-ra-ên) nên chấm dứt (nghĩa đen là “bỏ đi” BDB 693, KB 747, dạng MỆNH LỆNH Hiphil (Hiphil JUSSIVE)) những hành động chỉ dẫn đến việc ly dị (tức là, thờ thần tượng).

Có người thắc mắc rằng liệu ẩn dụ về cha mẹ và con cái này có liên hệ đến lời khẳng định liên quan đến nhiều thế hệ con cháu trong Xuất Ê-díp-tô Ký 20:5; Phục truyền Luật lệ Ký 5:9-10. Tội ác và sự phản loạn có truyền lại trong gia đình (đến thế hệ thứ ba và thứ tư), nhưng có tin vui hơn là sự tha thứ cũng truyền lại qua nhiều thế hệ (đến một trăm đời, xem Phục truyền Luật lệ Ký 7:9)!

▣ **“mẹ các người”** Câu này liên quan đến những lời ly hôn nhằm buộc tội chống lại Y-sơ-ra-ên. Thông thường sự phản bội của đất nước bị qui lỗi cho người cha, nhưng ở đây và trong Ê-sai 50:1; Ê-xê-chi-ên 16 thì bị qui lỗi từ sự không chung thủy của người vợ. Giao ước bị phá vỡ bởi vì sự phản bội của họ cứ lặp đi lặp lại.

▣ **“vì nó chẳng phải là vợ ta, còn ta chẳng phải là chồng nó”** Lời tuyên bố công khai ngắn gọn này có thể là lời thông báo ly hôn chính thức trong thế giới Cận Đông cổ đại. Tuy nhiên theo bối cảnh ở đây nên hiểu rằng sự ly dị chỉ là đe dọa, bởi vì người chồng (Đức Giê-hô-va) kêu gọi người vợ của mình (Y-sơ-ra-ên) quay trở lại nếu không thì Ngài buộc phải hành động (xem câu 3).

▣ **“Nó hãy cất bỏ”** ĐÔNG TỪ này (BDB 693, KB 747, dạng MỆNH LỆNH Hiphil (Hiphil JUSSIVE)) có thể có nghĩa là “xoay khởi”, như trong Phục truyền Luật lệ Ký 7:4. Nó được sử dụng trong A-mốt để chỉ Đức Chúa Trời từ chối sự thờ phượng của Y-sơ-ra-ên (xem A-mốt 5:23). Ô-sê sử dụng động từ này thường xuyên (xem 2:2,17; 4:18, 7:14, 9:12). Bối cảnh chi phối mọi sự.

▣ **“sự ngoại tình khởi giữa vú nó”** Chi tiết này có thể ám chỉ đến (1) xác định đồ trang sức (xem Giê-rê-mi 4:30), hoặc là các dấu hiệu mà gái mại dâm ngoại giáo dùng để trang sức (xem 2:13; nghĩa đen là “thánh vật”) hoặc là tả “chân” tư thế mà người tình nam giới nằm trên cô gái mại dâm (“trên mặt”, “giữa ngực”).

2:3 “kéo ta sẽ lột trần nó” Trần truồng là một trong những hậu quả của việc bất tuân giao ước trong Phục truyền Luật lệ Ký 28:48 (xem Giê-rê-mi 16:39; 23:29). Tục lệ đuổi đi cách công khai người đàn bà bị ly dị và lột trần nàng ta (xem Ê-xê-chi-ên 16:35-42) còn được tìm thấy trong các

bản đất nung chữ hình nêm, ở Hana và Nuzi có niên đại từ khoảng năm 1500 trước Chúa. Nó là một biểu tượng cho: (1) bị ly dị và bị bán đi làm nô lệ hoặc (2) đất không sinh hoa màu (những lời nguyện của Phục truyền Luật lệ Ký 27-29) vì sự thờ hình tượng cứ tái diễn.

☐ **“làm cho nó ra như đồng vắng”** Phần còn lại của câu 3 mô tả một trong những lời rủa sả theo giao ước (xem Phục truyền Luật lệ Ký 27-30) sẽ giáng xuống trên Y-sơ-ra-ên. Không phải thần Ba-anh, nhưng chính Đức Giê-hô-va là cội nguồn của sự màu mỡ sanh nhiều trái. Một trong những cách Đức Chúa Trời dùng để thu hút các quốc gia nhận biết Ngài là lời hứa về sự trù phú. Các hậu duệ của Áp-ra-ham thiếu sự vâng lời theo giao ước đã cản trở nên khiến điều này không xảy ra. Do đó lời hứa về sự trù phú này tạm thời bị hủy bỏ, nhưng được tái khẳng định trong lai thế (xem A-môt 9:13-15; Giô-ên 3:18).

2:4 “Ta sẽ không thương xót” Đây cũng là một từ (BDB 933) nhưng ở dạng động từ (KB 1216, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH (Piel IMPERFECT) đã có trong 1:6, là tên đứa con thứ hai của Gô-me. Nó được sử dụng theo ý nghĩa tích cực trong 2:19,23.

Sự luân chuyển giữa sự phán xét và sự chúc phước dường như mô tả cho sự thay đổi tâm trạng (theo ý nghĩa nhân hình hóa) về tấm lòng của Đức Chúa Trời. Ngài muốn ban phước, nhưng phước lành có liên hệ với sự tin cậy cá nhân và sẵn sàng sống bày tỏ ra thánh đức của Ngài.

☐ **“vì (chúng) là con cái của sự gian dâm”** Việc sùng bái thần tượng của người mẹ (xem câu 5) cũng tạo ra tính cách của con cái. Người vợ tượng trưng cho quốc gia Y-sơ-ra-ên không chung thủy, trong khi những đứa con tượng trưng mỗi người Y-sơ-ra-ên (xem The Jewish Study Bible, trang 1146).

2:5 Câu này là một ví dụ điển hình của việc Y-sơ-ra-ên cho rằng Ba-anh và A-sê-ra đã chu cấp thực phẩm, quần áo, và mọi thứ xa xỉ, nhưng đúng ra luôn luôn là do từ giao ước của Chúa, Đức Giê-hô-va ở tại Si-nai (xem câu 8; những lời nguyện của Phục truyền Luật lệ Ký 27-29; Giê-rê-mi 14:22). Đức Giê-hô-va là một Đức Chúa Trời ghen tương (hiểu theo nghĩa yêu thương) (ví dụ, Xuất Ê-díp-tô Ký 20:5; 34:14; Phục truyền Luật lệ Ký 6:24; 5:9, 6:15). Các con cháu của Áp-ra-ham đã khiến Đức Giê-hô-va “ghen tương” bởi vì họ đi theo các thần khác (ví dụ, Phục truyền Luật lệ Ký 32:16,21; Thi thiên 78:58). Sau này mười chi phái phía Bắc (Y-sơ-ra-ên) (xem Ô-sê 2:8) cũng như Giu-đa (xem I Các vua 14:22, Xa-cha-ri 1:14; 8:2) đã khiến Ngài phải ghen.

Có cuộc tranh luận giữa các học giả Cựu Ước về các khía cạnh tình dục trong sự thờ phượng của dân Ca-na-an. Có rất ít bằng chứng chữ viết hoặc hình ảnh về một tôn giáo thờ lạy thần sinh sản có khuynh hướng tình dục trong xứ Ca-na-an. Hầu hết ngôn từ của Ô-sê và Giê-rê-mi là theo nghĩa bóng, chứ không phải nghĩa đen. Nếu điều này là đúng thì Y-sơ-ra-ên và Giu-đa đã làm bại hoại cả tôn giáo của người Ca-na-an.

☐ **“Vì nó nói rằng”** Chính sự lặp lại câu nói này có thể cho thấy một nghi thức thờ lạy thần Ba-anh.

2:6 “ta sẽ lấy gai góc lấp đường người” Các bờ rào (BDB 962) được sử dụng cho: (1) để giữ cho các súc vật hay con người không ra khỏi cánh đồng hoặc là (2) hàng rào vây quanh giữ các gia súc lại. Ý nghĩa thứ 2 phù hợp với bối cảnh này nhất. Có một sự lặp lại ba phần của phép ẩn dụ trong câu này.

1. Dựng rào lên (BDB 962, KB 1312, ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG Qal (Qal ACTIVE PARTICIPLE)) cản đường người bằng gai nhọn
2. Xây bít (BDB 154, KB 180, dạng HOÀN THÀNH Qal (Qal PERFECT)) tường nhà (COGNATE ACCUSATIVE (dạng CÙNG GỐC ĐỐI CÁCH))
3. Sẽ không tìm thấy lối đi (BDB 592, KB 619, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH (Qal IMPERFECT))

Chồng thật sự của Y-sơ-ra-ên không đuổi Y-sơ-ra-ên đi ngay lập tức vì là người vợ không chung thủy nhưng cố gắng dẫn nàng đến sự ăn năn bằng cách ngăn chặn việc đi thờ phượng Ba-anh (giả dụ như “người yêu” của Y-sơ-ra-ên là các vị thần sinh sản xứ Ca-na-an).

Mặt khác nếu “người yêu” của Y-sơ-ra-ên là những thế lực ngoại quốc (do đó ám chỉ đến những thỏa hiệp về nghi thức với những thần ngoại quốc) thì câu này là song đối với 5:13. Nên chú ý là Đức Giê-hô-va vẫn mong muốn sự hối cải và phục hồi (xem 5:15). Mục đích sự phán xét của Đức Giê-hô-va luôn luôn là hướng về cứu chuộc (xem 3:5; 6:1; 14:1).

2:7 “Nó sẽ đuổi theo tình nhân mình mà không kịp” Đây là hai động từ dạng HOÀN THÀNH Piel. Trong Ô-sê, chữ “những người yêu” (xem câu 5) có liên quan với việc thờ lạy thần Ba-anh. Tuy nhiên, chúng cũng có thể nói đến các liên minh chính trị (xem 5:13, xem NIDOTTE, tập 4, trang 422-426.).

▣ **“Đoạn nó sẽ rằng: Ta sẽ trở về cùng chồng thứ nhứt của ta; vì lúc đó ta sung sướng hơn bây giờ.”** Mục đích của Đức Chúa Trời trong sự phán xét tạm thời (xem Phục truyền Luật lệ Ký 27-29) là khiến Y-sơ-ra-ên quay trở về với Ngài. Sự thịnh vượng của họ (xem các câu 21-23) được dùng theo cách thu hút sự chú ý của thế giới.

BẢN NASB 2:8-13

⁸ **Thật nó chưa từng nhận biết rằng chính Ta là Đấng đã ban lúa mì, rượu mới và dầu cho nó, đã thêm nhiều bạc và vàng mà chúng nó dùng cho Ba-anh.** ⁹ **Vậy nên Ta sẽ lấy lại lúa mì Ta trong kỳ nó và rượu mới Ta trong mùa nó, Ta sẽ cướp lại nhưng và vải ta là đồ che sự trần truồng nó.** ¹⁰ **Ấy vậy, Ta sẽ tỏ sự xấu xa nó ra trước mặt tình nhân nó, và chẳng ai sẽ cứu nó được khỏi tay Ta.** ¹¹ **Ta sẽ dứt cả sự vui của nó, những ngày lễ, ngày trăng mới, ngày Sa-bát và hết thảy những ngày lễ trọng thể của nó** ¹² **Ta sẽ phá những cây nho và cây vả nó, về các cây ấy nó nói rằng: Đây là tiền công của các tình nhân ta cho ta. Ta sẽ làm cho những cây ấy nên rừng, và các thú đồng sẽ ăn đi.** ¹³ **Ta sẽ thăm phạt nó vì những ngày mà nó dâng hương cho các tượng Ba-anh, trang sức những hoa tai và đồ châu báu, nó đi theo tình nhân mình, còn Ta thì nó quên đi! Đức Giê-hô-va phán vậy.**

2:8 “Thật nó chưa từng nhận biết rằng chính ta là Đấng đã ban...” Tâm lòng của Đức Chúa Trời (đại từ “Ta” được nhân mạnh) tan nát khi người vợ của Ngài (một phần dân sự giao ước của Ngài) không nhận biết tình yêu và sự cung cấp của Ngài (xem Giê-rê-mi 14:22). Do vậy nên trong câu 9, Đức Giê-hô-va giữ lại các phước lành của Ngài dành cho các vụ mùa và các đàn gia súc (xem Phục truyền Luật lệ Ký 27-29).

▣ **“Lúa mì, rượu mới và dầu”** Ba thứ trên đại diện cho nhu cầu cơ bản của cuộc sống (xem Phục truyền Luật lệ Ký 7:13; 11:14; Giô-ên 2:19).

▣ **“bạc và vàng”** Những kim loại quý giá cũng là phước lành của Đức Chúa Trời ban cho (có được trong lúc đi khỏi Ê-díp-tô hoặc do nông sản dư dật) đã được sử dụng để làm những hình tượng (ví dụ, Xuất Ê-díp-tô Ký 29:17; Ê-sai 40:19; 46:5-7; Giê-rê-mi 10:3-10) và làm đồ trang sức (xem câu 13) để làm vinh danh Ba-anh.

▣ **“dùng cho Ba-anh”** Ba-anh là vị thần chính trong sự thờ lạy thần sinh sản của dân Ty-rơ được du nhập vào Y-sơ-ra-ên bởi Giê-sa-bên. Ba-anh có nghĩa là “chủ,” “chồng,” “chúa” và là tên thần bảo của dân Ca-na-an (đôi khi là thần chiến tranh). Trong Cựu Ước, vợ thần Ba-anh là A-sê-ra hoặc Át-tạt-tê (trong thần thoại tiếng Ugaritic là A-nát).

2:9-13 Phân đoạn này có vẻ như ám chỉ sự lưu đày (xem Ê-xê-chi-ên 16:35-43).

▣

NASB, NRSV,

TEV, NJB “Ta sẽ lấy lại”

NKJV “Ta sẽ trở lại và cất đi”

Bản dịch NKJV thì sát nghĩa hơn ở cụm từ này. Tại đây có hai động từ, “trở về” (BDB 996, KB 1427, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal (Qal IMPERFECT)) và “lấy lại” (BDB 542, KB 534, dạng HOÀN THÀNH Qal (Qal PERFECT)). ĐỘNG TỪ đầu tiên là một trong những từ chính trong tiếng Hê-bơ-rơ được dùng theo nghĩa “ăn năn.” Họ không trở lại với Đức Giê-hô-va do đó Chúa quay lại với họ và tịch thu những tặng phẩm (ngũ cốc, rượu, dầu, kim loại quý) mà Ngài đã ban cho vợ của Ngài cách nhưng không và do tình yêu thương. Chúa đã lấy lại những tặng phẩm của Ngài bởi vì Y-sơ-ra-ên đã nhầm lẫn cho rằng đó là quà của Ba-anh (xem câu 8).

▣ **“Ta cũng sẽ cất đi”** Thuật ngữ này (BDB 664, KB 717, dạng HOÀN THÀNH Hiphil (Hiphil PERFECT)) được sử dụng theo nghĩa giết lấy một con mồi khỏi mãnh thú (ví dụ, I Sa-mu-ên 17:35; Thi thiên 50:22; Ô-sê 2:9; 5:14; A-môt 3:12; Mi-chê 5:8; Ê-xê-chi-ên 34:10). Cũng thuật ngữ có ý nghĩa mạnh mẽ này được sử dụng một lần nữa trong câu 10 và được dịch là “giải cứu” (bản dịch NASB, NRSV). Các thần không hiện hữu của các đồng minh chính trị của Y-sơ-ra-ên cũng như của xứ Ca-na-an cũng không thể cứu Y-sơ-ra-ên khỏi sự trừng phạt của Đức Giê-hô-va (xem câu 10; 5:14).

2:10 “những người yêu” của Y-sơ-ra-ên (1) là những hình tượng không có sự sống hay (2) những liên minh ngoại quốc đều không thể cứu giúp.

▣

NASB, NKJV “sự dâm dăng”

NRSV “xấu hổ”

TEV -----

NJB “ô danh”

Ý nghĩa của thuật ngữ này (BDB 615, KB 664) thì không chắc chắn bởi vì từ gốc không rõ nghĩa. Các học giả đã suy đoán (KB 664):

1. sự ghê tởm
2. sự xấu hổ
3. sự ngu dại

2:11 Đời sống thờ phượng của Y-sơ-ra-ên sẽ dừng lại. Những dịp thờ phượng vui mừng, đúng

đắn được Đức Chúa Trời ban cho để nhận biết Ngài, thì giờ đây trở nên bại hoại đến nỗi chính Ngài sẽ khiến chúng ngưng lại.

2:12 “Ta sẽ phá những cây nho và cây vả nó” Các tiên tri ý thức rất rõ về giao ước trong Phục truyền Luật lệ Ký và rất nhiều những lời tiên tri của họ bàn luận về các phần chúc phước và rủa sả của Lê-vi Ký 26 và Phục truyền Luật lệ Ký 27-29.

▣ **“về các cây ấy nó nói rằng: Này là tiền công của các tình nhân ta cho ta.”** Đây là ngôn ngữ ẩn dụ liên quan đến việc Y-sơ-ra-ên tôn thờ các vị thần sinh sản của Ca-na-an. Y-sơ-ra-ên cho rằng sự trù phú đất đai của mình là do sự thờ lạy những vị thần này (xem câu 13, Ba-anh - nam thần; A-sê-ra, Át-tạt-tê - nữ thần). Bởi vì Đức Giê-hô-va là chồng thật sự của Y-sơ-ra-ên, vì vậy khi Y-sơ-ra-ên đan dứ với các vị thần khác thì bị xem là gian dâm hay phản bội hôn nhân trong phương diện tâm linh.

David A. Hubbard, trong quyển Ô-sê thuộc bộ giải kinh Cựu Ước của Tyndale, ở trang 79 đã suy đoán rằng có một sự chơi chữ giữa từ “cây vả” (BDB 1061) và “tiền công” (BDB 1071, xem 9:1).

▣ **“Ta sẽ làm cho những cây ấy nên rừng, và các thú đồng sẽ ăn đi”** Những người lớn lên tại vùng đất sa mạc này rất sợ những cánh rừng. Cụm từ này có nghĩa là vùng đất canh tác của Y-sơ-ra-ên sẽ trở về nguyên trạng chưa được khai phá của chúng. Trong môi trường này các động vật sẽ gia tăng và tấn công. Điều này có thể ám chỉ đến (1) tấn công các nông sản hoặc (2) tấn công người (xem 13:7-8). Xét về ngữ cảnh thì nghĩa số 1 là phù hợp hơn.

2:13 “những ngày của Ba-anh” Đây là những lễ hội của cuồng loạn tính dục và ma thuật (xem 4:13-14). Chữ “Ba-anh” ở dạng SỐ NHIỀU có thể đề cập đến việc Ba-anh được thờ ở các đền thờ địa phương trong mỗi thị trấn, làng mạc. Hiện vẫn còn một cuộc tranh luận giữa các học giả về khía cạnh tính dục trong việc thờ lạy Ba-anh là đặc trưng tôn giáo của các dân xứ Ca-na-an hay là do dân Y-sơ-ra-ên thêm vào.

▣
NASB “dâng tế lễ”

NKJV, NRSV,
TEV, NJB “thắp hương”

ĐỘNG TỪ (BDB 882, KB 1094, dạng HOÀN THÀNH Hiphil) có nghĩa là “tỏa khói” có thể ám chỉ đến (1) hương (xem Giê-rê-mi 11:13) hoặc (2) một của lễ sinh tế (xem Giê-rê-mi 7:9). Sự mơ hồ tương tự xảy ra ở 11:2. Trong I Các vua 11:8, chữ này cũng có hình thức tương tự (dạng HOÀN THÀNH Hiphil) được sử dụng khi kết hợp với động từ “hiến tế” (BDB 256, KB 261) dường như để diễn tả hai hành động riêng biệt: (1) dâng hương và (2) hiến tế. Nếu vậy thì lời văn tại đây có lẽ ám chỉ đến việc dâng hương.

▣ **“trang sức những hoa tai và đồ châu báu”** Bông tai có lẽ gắn kết với việc thờ thần tượng theo một cách nào đó (xem Sáng thế Ký 35:4; Xuất Ê-díp-tô Ký 32:2). Đây là một tập tục phổ biến cho việc trang phục để thờ cúng. Một số người giả định rằng từ bông tai (hoặc khoen mũi) trong tiếng A-sy-ri có nghĩa là “vật thánh” và chi tiết này ám chỉ đến sự mai dâm theo cách thờ phượng ngoại giáo. Nó được sử dụng theo ý nghĩa này trong Giê-rê-mi 4:30; Ê-xê-chi-ên 23:40-43.

☐ “**còn ta thì nó quên đi**” Cụm từ này được nhấn mạnh. Đức Giê-hô-va được miêu tả (theo cách của loài người) như là một người yêu ghen tương bị hắt hủi. Diễn tả theo cách hiểu giống như loài người thì cảm xúc của Đức Chúa Trời bị ảnh hưởng bởi những lựa chọn và hành động của con người. Điều quan trọng là mối quan hệ giữa cá nhân với nhau và được mô tả ở đây như là một giao ước hôn nhân. Đức Giê-hô-va muốn có sự tương giao với con người đã được tạo dựng theo hình ảnh của Ngài. Đây là mục đích của sự sáng tạo.

BẢN NASB 2:14-20

¹⁴ Cho nên, này, Ta sẽ dẫn dụ nó, dẫn nó vào đồng vắng, và lấy lời ngọt ngào nói cùng nó. ¹⁵ Ta lại sẽ ban vườn nho cho nó từ nơi đó, và trồng A-cô sẽ trở nên cửa trông cậy. Nó sẽ trả lời tại đó như trong ngày trẻ tuổi nó, và như trong ngày nó ra khỏi đất Ê-díp-tô. ¹⁶ Đức Giê-hô-va phán rằng: Trong ngày đó người sẽ gọi Ta là: Chồng tôi, và sẽ không gọi Ta là: Chủ tôi nữa. ¹⁷ Vì Ta sẽ cất tên của các tượng Ba-anh khỏi miệng nó; và không ai nói đến tên chúng nó nữa. ¹⁸ Trong ngày đó, Ta sẽ vì chúng nó lập ước cùng những thú đồng, những chim trời, và côn trùng trên đất. Ta sẽ bẻ gãy và làm cho biến mất khỏi đất này những cung, những gươm, và giặc giã; và sẽ khiến dân sự được nằm yên ổn. ¹⁹ Ta sẽ cưới người cho ta đời đời; Ta sẽ cưới người cho Ta trong sự công bình và chánh trực, nhân từ và thương xót. ²⁰ Phải, Ta sẽ cưới người cho Ta trong sự thành tín, và người sẽ biết Đức Giê-hô-va.

2:14-19 Câu 14 là một sự chuyển đổi ý tưởng hoàn toàn. Đức Chúa Trời của sự phán xét lại trở thành Đức Chúa Trời của tình yêu chung thủy. Đức Chúa Trời được mô tả như là một người chồng chung thủy và là người yêu say đắm. Thật là một phép ẩn dụ (giống như cách của loài người) tạo ấn tượng sâu sa về Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Trời, Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên, Đấng Tạo Hóa Vĩnh Hằng bày tỏ chính Ngài cho nhân loại qua sự tương tự (giống) như loài người mà tiêu điểm là các mối quan hệ gia đình của con người. Những mối quan hệ gia đình này giúp nhân loại sa ngã nhận biết Đức Chúa Trời và Ngài ước muốn “biết” và tương giao với chúng ta.

2:14 “ta sẽ dẫn dụ nó” ĐỘNG TỪ này (KB 984) là ĐỘNG TÍNH TỪ Piel (Piel PARTICIPLE). Ý nghĩa của từ ngữ này là không chắc chắn lắm, nhưng ý tưởng cơ bản là “thuyết phục” hay “dẫn dụ” với nghĩa(1) những người yêu còn trẻ và (2) kiên nhẫn đeo đuổi được thêm vào (KB 985). Chắc chắn đây là từ ngữ của tình yêu.

Cũng cần lưu ý rằng mối quan hệ giao ước mới có điểm đặc trưng qua cụm từ “Ta sẽ” (xem các câu 14, 15, 17, 18, 19 [hai lần], 20, 21 [hai lần], 22 [ba lần]).

☐ “**dẫn nó vào đồng vắng**” Nơi hoang dã có thể ám chỉ:

1. Giai đoạn Y-sơ-ra-ên được tách khỏi hình tượng (ví dụ, Ô-sê 3:3)
2. Thời kỳ Y-sơ-ra-ên còn lang thang trong đồng vắng (xem câu 15) và có một cuộc gặp gỡ thân mật với Đức Giê-hô-va. Sau này các giáo sĩ Do Thái cho rằng đây là thời kỳ trăng mật của Y-sơ-ra-ên với Đức Giê-hô-va (ví dụ, 11:1-2, 13:4-5; Phục truyền Luật lệ Ký 32:10-14; Giê-rê-mi 2:2-3).

☐ “**và lấy lời ngọt ngào nói cùng nó**” ĐỘNG TỪ này (BDB 180, KB 210, dạng HOÀN THÀNH Piel (Piel PERFECT)) có nghĩa cơ bản là “nói”, nhưng vẫn còn có nghĩa rộng hơn nữa. Trong bối cảnh này, nó hàm ý “thổ lộ tâm sự từ trong lòng để làm rung động tâm lòng của người

kia.”

2:15 “trưng A-cô” “A-cô” (BDB 747) có nghĩa là “quấy rối.” A-can phạm tội tại thung lũng này và quân đội Israel thua trận đầu tiên tại thành A-hi (xem Giô-suê 7). Tuy nhiên đây cũng là lúc bắt đầu tiến vào đất hứa (như là một cánh cửa hy vọng) và Đức Chúa Trời khẳng định rằng nếu họ trở lại với Ngài, Ngài bắt đầu lại mọi sự với họ (cuộc xuất hành thứ hai và tuần trăng mật thứ hai, xem 11:1-4; 13:4-5).

2:16 “Trong ngày đó” Đây là một thành ngữ lai thế (xem câu 17,18,2) dành cho thời kỳ lý tưởng trong tương lai có sự hiện diện của Đức Giê-hô-va (Đấng Mết-si-a cùng với sự vâng phục theo giao ước của con dân Ngài).

☐ **“Ishi”** Chữ này có nghĩa là “chồng” (BDB 35, ví dụ Sáng thế Ký 2:23; Giê-rê-mi 31:32). Đức Chúa Trời thường được mô tả bằng những từ ngữ thuộc về gia đình (chồng, cha). Bởi vì Ngài là một Đức Chúa Trời có thân vị và Ngài muốn có mối liên hệ mật thiết với dân sự của Ngài. Đức Chúa Trời được mô tả như người chồng do đó có thể giải thích ý nghĩa “ghen (kỵ tà)” theo nghĩa bóng. (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 20:5; 34:14; Phục truyền Luật lệ Ký 4:24; 5:9, 6:15).

☐ **“Baali”** Chữ này có nghĩa là “chủ tôi,” “chủ sở hữu của tôi,” “chúa tôi,” “chồng tôi” (BDB 127, xem Ê-sai 54:5). Có vẻ như tôn giáo thờ Đức Giê-hô-va bị pha trộn với đạo thờ thần Ba-anh (các tôn giáo thờ lạy thần sinh sản của dân Ca-na-an): (1) Khi lưu ý đến các tên của con Sau-lơ và Giô-na-than thì thấy có chữ Ba-anh được bao gồm trong đó (xem I Sử ký 9:40); (2) Các bản đất nung (Ostraca Samaritan) được viết trong thời của vua Giê-rô-bô-am II có liệt kê mười tên được tạo ra từ chữ Ba-anh và mười một tên được hình thành từ chữ Đức Giê-hô-va (xem câu 17). Sự yêu thương quan phòng của Đức Giê-hô-va lại bị gán cho là từ Ba-anh (xem câu 8). Cần phải chấm dứt điều này (xem các câu 9-13)!

2:18 “Trong ngày đó” Đức Chúa Trời đang hứa về sự phục hồi Y-sơ-ra-ên trong tương lai (xem các câu 18-23). Xem chú thích trong câu 16.

☐ **“Một giao ước cho họ”** Họ đã có một giao ước vĩnh cửu ràng buộc (xem, Sáng thế Ký 15:18; 17:2,4,7,9,10,11,13,14,19,21; Ê-sai 24:5; 55:3; 61:8). Tại sao họ lại cần một giao ước mới (xem Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:22-38)? Bởi vì cuối cùng Đức Giê-hô-va đã ly dị người vợ không chung thủy của Ngài (giao ước đầu tiên đã bị phá vỡ) và sự lưu đày đang xảy đến (bị đem đi khỏi đất hứa, giống như dân A-mô-rít, xem Sáng thế Ký 15:16).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: GIAO ƯỚC

Không dễ để định nghĩa cho được chữ *berith* (giao ước) trong tiếng Hê-bơ-rơ. Không có một ĐỘNG TỪ tương ứng trong tiếng Hê-bơ-rơ. Toàn bộ các nỗ lực nhằm truy tìm định nghĩa bằng từ nguyên của nó đều không mấy thuyết phục. Tuy nhiên, ý chính hiển nhiên của nó đã buộc các học giả phải xem xét cách sử dụng chữ này để cố gắng tìm ra ý nghĩa hiện dụng của nó.

Giao ước là phương tiện qua đó Đức Chúa Trời làm việc với tạo vật của Ngài là con người. Khái niệm giao ước, hiệp ước, hay sự thỏa thuận rất quan trọng để giúp hiểu được mặc khải của Kinh thánh. Tính căng thẳng giữa quyền tối thượng của Đức Chúa Trời và ý chí tự do của con người được thấy rõ ràng trong khái niệm giao ước. Các giao ước được lập dựa trên

bản tính, hành động và mục đích của Đức Chúa Trời.

1. Sự sáng tạo (Sáng-thế-ký 1-2)
2. Sự kêu gọi Áp-ra-ham (Sáng-thế-ký 12)
3. Giao ước với Áp-ra-ham (Sáng-thế-ký 15)
4. Sự bảo toàn và lời hứa đối với Nô-ê (Sáng-thế-ký 6-9)

Tuy nhiên, chính bản chất của giao ước đòi hỏi một sự đáp ứng

1. Bồi đức tin, A-đam phải vâng lời Đức Chúa Trời không ăn cây ở giữa vườn Ê-đen (Sáng-thế-ký 2)
2. Bồi đức tin, Áp-ra-ham phải lia gia đình theo Chúa và tin có hậu tự trong tương lai (Sáng-thế-ký 12, 15)
3. Bồi đức tin, Nô-ê đóng một chiếc tàu lớn cách xa biển và gom thú vật lại (Sáng-thế-ký 6-9)
4. Bồi đức tin, Môi-se đem dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ê-díp-tô và nhận lãnh những chỉ thị cụ thể về cách tổ chức cuộc sống xã hội và tôn giáo cùng với lời hứa lành và dữ cặp theo (Phục truyền 27-28)

Cũng sự căng thẳng này trong mối liên hệ của Đức Chúa Trời với con người được đề cập đến trong “giao ước mới.” Sự gay cấn này được thấy rõ ràng khi so sánh Ê-xê-chi-ên 18 với Ê-xê-chi-ên 36:27-37. Giao ước dựa vào hành động yêu thương của Đức Chúa Trời hay dựa vào sự đáp ứng bắt buộc từ con người? Đây là vấn đề tranh cãi bùng lên giữa Giao ước cũ và mới. Mục tiêu của cả hai giao ước này đều giống nhau: (1) Phục hồi lại mỗi thông công bị cắt đứt trong Sáng-thế-ký 3 và (2) thiết lập một dân tộc công bình phản ánh bản tính của Đức Chúa Trời.

Giao ước mới trong Giê-rê-mi 31:31-34 giải quyết tình trạng căng thẳng này bằng cách cắt đi việc làm của con người như một phương tiện để được chấp nhận. Luật pháp của Đức Chúa Trời trở thành một sự mong muốn từ bên trong chứ không phải là việc làm bên ngoài. Mục tiêu của một dân tin kính, công bình vẫn giữ nguyên, nhưng phương pháp thì thay đổi. Chính con người sa ngã đã chứng tỏ họ không đủ năng lực để phản ánh hình ảnh của Đức Chúa Trời (Rô-ma 3:9-18). Vấn đề không phải ở tại giao ước, nhưng vì tội lỗi và sự yếu đuối của con người (Rô-ma 7; Ga-la-ti 3).

Sự căng thẳng này giữa giao ước có điều kiện và không điều kiện của Cựu ước vẫn giữ nguyên trong Tân ước. Sự cứu rỗi là hoàn toàn miễn phí bởi công tác đã hoàn tất của Chúa Jêsus Christ, nhưng nó đòi hỏi sự ăn năn và đức tin (lúc ban đầu và tiếp tục sau đó). Nó vừa là sự tuyên bố theo pháp lý vừa là một sự kêu gọi sống giống với Đấng Christ, vừa là lời tuyên bố xác định được chấp nhận, vừa là mạng lệnh phải sống thánh khiết. Người tin Chúa không được cứu bởi việc làm, nhưng được cứu để sống vâng lời (Ê-phê-sô 2:8-10). Lối sống thánh khiết là bằng chứng của sự cứu rỗi, chứ không phải là phương tiện để được cứu. Sự xung khắc này được thấy rõ trong sách Hê-bơ-rơ.

▣ Giao ước mới này còn dành cho đất và các loài động vật như được thấy trong Ê-sai 11:6-9 và Rô-ma 8:16-25. Sách Ô-sê đề cập đến từ “giao ước” (BDB 136) nhiều hơn bất kỳ sách tiểu tiên tri nào khác trong thế kỷ thứ bảy hay thứ tám (xem Ô-sê 2:18; 6:7, 8:1).

▣ **“Ta sẽ bẻ gãy và làm cho biến mất khỏi đất này những cung, những gươm, và giặc giã”**
Chỉ có Đức Chúa Trời mới có thể làm cho không còn chiến tranh nữa. Nhân loại sa ngã đã phơi bày ra khuynh hướng xung đột và xâm lăng. Ngày của giao ước mới có đặc điểm là không còn

chiến tranh (ví dụ, Thi thiên 46:9; Ê-sai 2:4; Mi-chê 4:3-4; Xa-cha-ri 9:10).

▣ **“và sẽ khiến họ (chúng nó) được nằm yên ổn”** Chữ “chúng nó” không rõ nghĩa. Nó có thể ám chỉ đến (1) Y-sơ-ra-ên (xem câu 18a); (2) các loài động vật (câu 18b-d); hoặc (3) người và động vật có liên hệ với nhau như trong vườn Ê-đen (xem Sáng thế Ký 2).

2:19-20 Có bảy đặc điểm trong giao ước mới của Đức Chúa Trời.

1. bền lâu
2. là công bình
3. là ngay thẳng
4. là trung thành và chân thật (tức là, chữ “hesed” xem 4:1)
5. là thương xót
6. là thành tín (xem 4:1)
7. là mối quan hệ cá nhân (xem, “cho Ta” [hai lần] và “biết”).

Những câu này giống như lời hứa nguyện trong lễ cưới. **ĐỘNG TỬ** trong những câu này ở dạng **HOÀN THÀNH TIỀN BÁO (PROPHETIC PERFECT)** dùng để nhấn mạnh sự ứng nghiệm chắc chắn xảy đến. Cũng nên lưu ý cách dùng lặp đi lặp lại chữ “hứa hôn” (BDB 76, KB 91, dạng **HOÀN THÀNH Piel**) trong câu 19. Đức Chúa Trời khởi xướng và ấn định các điều kiện của giao ước mới dựa trên chính công tác và sự hoàn thành của Ngài (dựa trên Đấng Mết-si-a). Mục tiêu vẫn là một dân tộc công chính nhưng có sự thay đổi từ bên trong ra bên ngoài, chứ không phải tuân theo một tiêu chuẩn bên ngoài nào. Chuyển đổi trong ẩn dụ từ sự ràng buộc pháp lý thành lời hứa nguyện trong hôn nhân.

2:19 “ta sẽ cưới người cho ta” **ĐỘNG TỬ** này (BDB 76, KB 91, dạng **HOÀN THÀNH Piel**) được sử dụng ba lần trong các câu 19-20. Nó có nghĩa “mua được bằng một giá tiền” (chú rể đưa tiền cho nhà gái, xem Phục truyền Luật lệ Ký 28:30). Chỗ này nói đến món quà dành cho cô dâu (đặc tính của giao ước mới). Những gì dân sự Đức Chúa Trời không thể tự mình đạt được (vâng phục theo giao ước) thì giờ đây được ban cho như là món quà từ một người chồng đầy tình yêu thương.

▣ **“đời đời”** Chữ ‘*olam* chỉ được dùng một lần tại chỗ này trong sách Ô-sê. Xem Chủ Đề Đặc Biệt sau đây.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ‘OLAM

‘*olam* (BDB 761, KB 798) là một thuật ngữ rất phổ biến (được sử dụng trên 400 lần). Nó được sử dụng để chỉ một khoảng thời gian theo nhiều nghĩa, nhưng mỗi nghĩa cần phải được gắn kết với tính chất của sự việc mà nó có liên hệ.

- A. Thời gian trong quá khứ (chỉ liệt kê những ví dụ)
 1. “các anh hùng thời xưa,” Sáng thế Ký 6:4
 2. “những núi và đồi,” Sáng thế Ký 49:21
 3. “những đời trước,” Phục truyền Luật lệ Ký 32:7
 4. “tổ tiên,” Giô-suê 24:2
 5. “những ngày đời xưa,” Ê-sai 51:9
- B. Liên tục suốt đời (chỉ liệt kê những ví dụ)
 1. “tin cậy người luôn luôn “ (ví dụ, Môi-se), Xuất Ê-díp-tô Ký 19:9

2. “làm tôi mọi luôn luôn” Phục truyền Luật lệ Ký 15:17, I Sa-mu-ên 27:12
 3. “trọn đời người,” Phục truyền Luật lệ Ký 23:6
 4. Sa-mu-ên “ở lại đó luôn luôn” I Sa-mu-ên 1:22
 5. Vua “sống muôn năm” I Các vua 1:21; Nê-hê-mi 2:3; Thi thiên 21:4
 6. “ngợi khen Chúa muôn đời,” Thi thiên 115:18; 145:1-2
 7. “hát xướng luôn luôn,” Thi thiên 89:1; 115:18; 145:1-2
 8. “cru mang luôn luôn (nghĩa ẩn dụ),” Giê-rê-mi 20:17
 9. có thể trong Châm-ngôn 10:25
- C. Liên tục tồn tại (nhưng có những giới hạn rõ ràng)
1. Con người sống mãi mãi, Sáng thế Ký 3:22
 2. Trái đất, Thi thiên 78:69; 104:5; 148:6; Truyền Đạo 1:4 (xem II Phi-e-rơ 3:10)
 3. Chúc thầy tế lễ của A-rôn, Xuất Ê-díp-tô Ký 29:9; 40:15 (xem I Sa-mu-ên 2:30)
 4. Ngày Sa-bát, Xuất Ê-díp-tô Ký 31:16-17
 5. Những ngày lễ, Xuất Ê-díp-tô Ký 12:14,17,24; Lê-vi Ký 16:29,31,24; 23:14,21,41
 6. Phép cắt bì, Sáng thế Ký 17:13 (xem Rô-ma 2:28-29)
 7. Đất của lời hứa, Sáng thế Ký 13:15, 17:18, 48:4; Xuất Ê-díp-tô Ký 32:13 (xem chủ đề những sự lưu đày)
 8. Những thành phố bị đổ nát, Ê-sai 25:2; 32:14; 34:10
- D. Các giao ước có điều kiện
1. Áp-ra-ham, Sáng thế Ký 17:7,8,13,19
 2. Y-sơ-ra-ên, Phục truyền Luật lệ Ký 5:29; 12:28
 3. Đa-vít, II Sa-mu-ên 7:13,16,25,29; Thi thiên 89:2,4
 4. Y-sơ-ra-ên, Các Quan Xét 2:1 (tham khảo Ga-la-ti 3)
- E. Các giao ước vô điều kiện
1. Nô-ê, Sáng thế Ký 9:12,16
 2. Giao ước mới, Ê-sai 55:3; Giê-rê-mi 32:40; 50:5 (tức là, Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:22-30)
- F. Đức Chúa Trời
1. Sự hiện hữu của Ngài, Sáng thế Ký 21:33; Phục truyền Luật lệ Ký 32:40; Thi thiên 90:2; 93:2. Ê-sai 40:28; Đa-ni-ên 12:7
 2. Danh của Ngài, Xuất Ê-díp-tô Ký 3:15; Thi thiên 135:13
 3. Sự cai trị của Ngài, Xuất Ê-díp-tô Ký 15:18; Thi thiên 45:6; 66:7; Giê-rê-mi 10:10; Mi-chê 4:7
 4. Lời của Ngài, Thi thiên 119:89,160; Ê-sai 40:8; 59:21
 5. Lòng yêu thương nhân từ của Ngài, Thi thiên 25:6; 89:2; 103:17; 118:1-4,29; Giê-rê-mi 33:1
- G. Đấng Mết-si-a
1. Danh của Ngài, Thi thiên 72:17,19
 2. Được chúc tôn mãi mãi, Thi thiên 45:2,17; 89:52
 3. Trị vì, Thi thiên 89:36,37; Ê-sai 9:7
 4. Thầy tế lễ, Thi thiên 110:4
 5. Sự hiện hữu từ trước vô cùng, Mi-chê 5:2
- H. Cuộc sống trong Thời Đại Mới
1. Sự sống đời đời, Đa-ni-ên 12:2
 2. Sự sỉ nhục đời đời, Đa-ni-ên 12:2

3. Không còn nước mắt, Ê-sai 65:19 (Khải huyền 21:4)
 4. Không cần mặt trời, Ê-sai 60:19-20 (Khải huyền 21:23)
 Nên lưu ý nhiều từ trong tiếng Anh khác nhau được sử dụng để dịch chữ Hê-bơ-rơ này trong bản dịch Kinh Thánh NIV

1. mãi mãi
2. cũ, xưa
3. đời đời
4. vĩnh cửu
5. lâu bền
6. luôn luôn
7. suốt cả đời sống
8. tiếp tục
9. thường có
10. thường xuyên
11. bất cứ lúc nào
12. cổ xưa, thời cổ đại
13. vô tận
14. vĩnh viễn
15. cho đến cuối cùng
16. một thời gian dài
17. thời gian dài trước đây

▣ **“Trong sự công bình”** Từ gốc của thuật ngữ này có nghĩa là “cây sậy được dùng làm thước đo.” Đức Chúa Trời là tiêu chuẩn và tất cả mọi sự đều bị xét xử theo tiêu chuẩn đó. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Công Bình trong A-mốt 2:6.

▣ **“Trong sự nhân từ”**

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ YÊU THƯƠNG NHÂN TỪ (HESED)

Ý nghĩa của thuật ngữ này có phạm vi rộng. BDB mô tả các đặc điểm của nó theo cách sau (xem trang 338-339):

- A. Được sử dụng trong mối liên hệ của con người với nhau
 1. Nhân từ với người khác (ví dụ, I Sa-mu-ên 20:14; II Sử ký 24:22)
 2. Nhân từ đối với những người nghèo khó (ví dụ, Mi-chê 6:8)
 3. Tình yêu mến (xem Giê-rê-mi 2:2; Ô-sê 6:4)
 4. Sự bày tỏ bề ngoài (xem Ê-sai 40:6)
- B. Được sử dụng trong mối liên hệ với Đức Chúa Trời
 1. Thành tín trong giao ước và yêu thương
 - a. “cứu chuộc khỏi những kẻ thù và khốn đốn” (ví dụ, Giê-rê-mi 31:3; E-xơ-ra 27:28; 9:9)
 - b. “giữ gìn mạng sống khỏi cái chết” (ví dụ, Gióp 10:12; Thi thiên 86:13)
 - c. “phục hồi đời sống tâm linh” (ví dụ, Thi thiên 119:41,76,88,124,149,150)

- d. “cứu chuộc khỏi tội lỗi” (xem Thi thiên 25:7; 51:3)
- e. “giữ lời giao ước” (ví dụ, II Sử ký 6:14; Nê-hê-mi 1:5; 9:32)
- 2. Mô tả thần tính (ví dụ, Xuất Ê-díp-tô Ký 34:6; Mi-chê 7:20)
- 3. Sự nhân từ của Đức Chúa Trời
 - a. “đồi dào” (ví dụ, Nê-hê-mi 9:17; Thi thiên 103:8)
 - b. “lớn lao” (ví dụ, Xuất Ê-díp-tô Ký 20:6; Phục truyền Luật lệ Ký 5:10; 7:9)
 - c. “muôn đời” (ví dụ, I Sử ký 16:34,41; II Sử ký 5:13; 7:3,6; 20:21; E-xơ-ra 3:11)
- 4. Những hành động của lòng nhân từ (ví dụ, II Sử ký 6:42; Thi thiên 89:2; Ê-sai 55:3; 63:7; Ca thương 3:22)

2:20 “và người sẽ biết Đức Giê-hô-va” Chúa muốn chúng ta nhận biết (BDB 393, KB 390) Ngài không chỉ là một đối tượng (như thần tượng), nhưng trong một mối quan hệ cá nhân thân mật. Vì vậy nên vị tiên tri mới sử dụng sự tương tự có trong thỏa ước hôn nhân. Tội lỗi bị xem là nghiêm trọng vì vi phạm của tình yêu chung thủy. Đức Chúa Trời được mô tả như là một người chồng yêu thương và chung thủy và tiếp theo là một người yêu ghen tương vì bị hắt hủi. Động từ “biết” trong tiếng Do Thái không chú trọng vào nhận thức các dữ kiện, nhưng vào mối quan hệ (ví dụ, Sáng thế Ký 4:1; 19:8; Dân số Ký 31:17,35; Các Quan Xét 11:39; 21:11, I Sa-mu-ên 1:19, I Các vua 1:4; Giê-rê-mi 1:5). Đức Chúa Trời mong muốn một gia đình.

BẢN NASB 2:21-23

²¹ Đức Giê-hô-va phán: Trong ngày đó, ta sẽ trả lời, ta sẽ trả lời cho các tầng trời, các tầng trời sẽ trả lời cho đất. ²² Đất sẽ trả lời cho lúa mì, cho rượu mới, cho dầu, và ba thứ này sẽ trả lời cho Gít-rê-ên. ²³ Đoạn ta sẽ gieo nó cho ta trong đất, và sẽ làm sự thương xót cho kẻ chưa được thương xót. Ta sẽ nói cùng những kẻ chưa làm dân ta rằng: Người là dân ta, và nó sẽ trả lời rằng: Ngài là Đức Chúa Trời tôi.

2:21-22 Động từ “trả lời” (BDB 772, KB 851, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal (Qal IMPERFECT)) được sử dụng năm lần chỉ trong hai câu. Trong sự trả lời của Ngài thì không đòi hỏi và không điều kiện (ví dụ, Giô-ên 2:19). Một ngày mới có lời hứa về sự sung túc nông sản (xem Phục truyền Luật lệ Ký 27-29, có điều kiện là sự vâng lời theo giao ước) sẽ đến nhưng các điều kiện giao ước đã được thay đổi. Tấm lòng và tâm linh của nhân loại sa ngã được thay thế bằng một “tấm lòng mới” và một “tâm linh mới” (xem Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:22-38). Sự vâng phục vẫn là chủ đích.

Mục đích của sự sáng tạo từ nguyên thủy là một sự xếp đặt cho mỗi thông công với nhân loại được dựng nên theo hình ảnh của Đức Chúa Trời (xem Sáng thế Ký 1:26-27). Chủ đích đó đã bị ngăn trở trong sự nổi loạn của con người. Hậu quả của sự nổi loạn đã ảnh hưởng đến cả trái đất (xem Rô-ma 8:18-25). Sự cứu rỗi theo giao ước mới trong Đấng Christ sẽ phục hồi lại hình ảnh (của Chúa trong con người) đã bị hư hỏng và để có được sự vâng phục và mỗi thông công mật thiết với Đức Chúa Trời.

Những hình ảnh này trong Cựu Ước về thời kỳ đổi mới được diễn tả theo những từ ngữ nông nghiệp như trong thời kỳ tại vườn Ê-đen, nhưng những hình ảnh của ả dụ trong Tân Ước được mở rộng thành “trời mới, đất mới” (xem Ê-sai 55-66; Khải huyền 21-22). Không còn giới hạn trong xứ Pa-léc-tin, nhưng mở rộng ra cho toàn cả trái đất

2:21 “các tầng trời” Điều này nói đến bầu khí quyển xung quanh trái đất mà từ đó có mưa rơi xuống.

2:22 “Gít-rê-ên” Chữ “Gít-rê-ên” có nghĩa là “Đức Chúa Trời gieo,” do đó có một sự chơi chữ giữa câu 22 và 23, cũng giống như trong 1:4 và 1:11. Chữ này cũng là tên của đứa con đầu của Ô-sê, nó có thể có nghĩa tích cực hay là tiêu cực (xem 1:4).

2:23 “Ta cũng sẽ thương xót” Đây là tên Ru-ha-ma, cũng là tên của một trong những đứa con của Ô-sê (xem 1:6). Nó được dùng trong bối cảnh này ba lần, các câu 19 và 23 (hai lần). Cũng cần chú ý đến tên Lô-Am-mi (trong 1:9), là tên một đứa con khác của Ô-sê cũng được nhắc lại trong câu 23.

▣ **“Người là dân ta...Ngài là Đức Chúa Trời tôi”** Lời hứa này được trích dẫn lại trong Rô-ma 9:25 và I Phi-e-rơ 2:10 và được mở rộng ra cho tất cả mọi người, chứ không phải chỉ dành riêng cho người Do Thái (xem Ê-sai 11:9).

Chữ *goi* (BDB 156) và *'am* (BDB 766) thường được sử dụng trong một ý nghĩa giao ước riêng biệt. Chữ đầu tiên ám chỉ đến bất kỳ quốc gia, dân tộc hoặc cộng đồng nào bị tách biệt hoặc cộng đồng mà không bao gồm người đang nói ở đây (người nước ngoài, người ngoài cuộc, người không dự phần trong giao ước). Chữ thứ hai có nghĩa của sự bao gồm (ví dụ, Xuất Ê-díp-tô Ký 33:13). Chú ý cách chơi những chữ này trong Ô-sê:

1. 1:9, Y-sơ-ra-ên không phải *'am*
2. 1:10, được sử dụng trong Rô-ma 9:24-26 và I Phi-e-rơ 2:10 như là đoạn văn với nghĩa bao gồm luôn dân ngoại (*goi*) vào trong dân giao ước của Đức Chúa Trời.
3. 2:23, Y-sơ-ra-ên phạm tội đã bị loại bỏ nhưng bây giờ lại được gộp chung do lòng thương xót của Đức Chúa Trời chớ không căn cứ vào sự vâng lời hoặc lòng trung tín của họ và chỉ bởi lòng thương xót của Đức Chúa Trời mà thôi (việc lặp đi lặp lại của cụm từ “Ta sẽ” trong các câu 14-23).

CÂU HỎI THẢO LUẬN CHO ĐOẠN 1 VÀ 2

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Ô-sê có thực sự kết hôn với một gái mại dâm phải không?
2. Tại sao hôn nhân được sử dụng như là một khái niệm ví sánh với giao ước?

Ô-SÊ ĐOẠN 3

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI*

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Y-sơ-ra-ên sẽ trở về với Đức Chúa Trời	Sự phục hồi Gô-me	Ô-sê và người đàn bà không chung thủy	Tường trình thứ hai về cuộc hôn nhân của Ô-sê
3:1-5	3:1-5	3:1 3:2-5	3:1-3 Lời giải thích 3:4-5

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phần đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

BẢN NASB 3:1-5

¹ Đức Giê-hô-va bảo ta rằng: Hãy đi, lại yêu một người đàn bà tà dâm đã có bạn yêu mình, theo như Đức Giê-hô-va vẫn yêu con cái Y-sơ-ra-ên, dầu chúng nó xây về các thần khác, và ưa bánh ngọt bằng trái nho. ² Vậy ta đã mua đàn bà ấy bằng mười lăm miếng bạc và một hô-me rượu mạch nha. ³ Rồi ta bảo nó rằng: Người khá chờ đợi ta lâu ngày; đừng làm sự gian dâm và chớ làm vợ cho người nam nào, thì ta đối với người cũng sẽ làm như vậy. ⁴ Vì con cái Y-sơ-ra-ên sẽ trải qua nhiều ngày, không vua, không quan trưởng, không của lễ, không trụ tượng, không ê-phốt, và không thê-ra-phim. ⁵ Nhưng, rồi đó, con cái Y-sơ-ra-ên sẽ trở lại tìm kiếm Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, và Đa-vít vua mình. Chúng nó sẽ kính sợ mà trở về cùng Đức Giê-hô-va, và được ơn Ngài trong những ngày sau rốt.

3:1 “Hãy đi, lại yêu một người đàn bà tà dâm đã có bạn yêu mình” Nên chú ý: Đức Giê-hô-va là người truyền phán. Câu này bắt đầu với hai MỆNH LỆNH Qal.

1. Đi (BDB 229, KB 246)

2. Yêu (BDB 12, KB 17 [động từ này được sử dụng bốn lần trong câu này]).

Chúa ra lệnh cho Ô-sê một lần nữa yêu người phối ngẫu đã phản bội và bị ly hôn. Cách sử dụng lần thứ hai của chữ “yêu” là dạng SỞ HỮU CÁCH ĐỘNG TÍNH TỪ THỤ ĐỘNG Qal (Qal PASSIVE PARTICIPLE CONSTRUCT) có nói đến việc người chồng cứ tiếp tục yêu (Ô-sê là hình bóng về Đức Giê-hô-va).

Đã có nhiều thảo luận về danh tính của người phụ nữ này. Một số người tin rằng chỗ này không thể nói đến Gô-mê mà là một người vợ không chung thủy đã bị ly dị hay là một gái mại dâm ngoại giáo khác. Tuy nhiên theo tôi thì dựa vào những biểu tượng của tình yêu chung thủy của Đức Chúa Trời dành cho Y-sơ-ra-ên nên phải chấp nhận người đàn bà này chính là Gô-mê và chữ “một lần nữa” (BDB 728) chứng thực cho cách giải thích này. Việc ly hôn theo pháp lý trong 2:2 dường như đã trở thành hiện thực. Gô-mê tiếp tục không chung thủy cho đến khi bị bán đi như là một nô lệ.

Thuật ngữ “một lần nữa” (BDB 728) có thể ám chỉ rằng Chúa phán với Ô-sê lần thứ hai về Gô-mê, nhưng các dấu chấm trong bản văn MT cho thấy rằng đó đã là một phần trong lời Đức Giê-hô-va phán với Ô-sê. Mặc dù các chi tiết bổ sung của bản văn MT (trừ ra lời văn phụ âm) không được linh cảm, nhưng cũng cho thấy được truyền thống cổ xưa của Do Thái về việc đánh dấu câu (chấm hoặc phẩy trong câu văn) và cách phát âm. Vấn đề này vẫn còn để ngỏ.

▣

NASB	“yêu một người phụ nữ đã được chồng mình thương”
NKJV	“yêu một người phụ nữ được người yêu của mình thương mến” [chú thích, “người bạn hay người chồng”]
NRSV	“yêu một người phụ nữ đã có người yêu”
TEV	“bày tỏ tình yêu cho một người phụ nữ phạm tội ngoại tình với tình nhân”
NJB	“yêu một người phụ nữ đã yêu một người đàn ông khác”

Chữ này (BDB 945) có một số cách sử dụng. Dưới đây là một số ví dụ:

1. người bạn, Các Quan Xét 14:20; Mi-chê 7:5
2. bạn đồng hành, Xa-cha-ri 3:8
3. người yêu, Nhã ca 5:16
4. chồng, Giê-rê-mi 3:1,20
5. bò, bầu bạn 30:29

Dạng SỞ ÍT là bất thường đối với một gái mại dâm. Một số học giả nghĩ rằng nó đề cập đến người chủ hay là một người tình đặc biệt của cô gái điếm này. Tôi cho rằng trong bối cảnh nó nói đến đến người chồng trước của cô (Ô-sê).

▣ **“theo như Đức Giê-hô-va vẫn yêu con cái Y-sơ-ra-ên”** Chỗ này là lần sử dụng thứ ba của ĐỘNG TỪ yêu trong câu 1 ở dạng SỞ HỮU CÁCH NGUYÊN MẪU Qal (Qal INFINITIVE CONSTRUCT). Đây là sự ví sánh rất quan trọng.

▣ **“dầu chúng nó xây về các thần khác”** Cũng chữ này (BDB 815, KB 937, dạng HOÀN THÀNH Qal) mà Môi-se đã sử dụng trong lời tiên báo rằng con cháu của Gia-cốp sẽ trở thành những kẻ thờ lạy thần sinh sản của dân Ca-na-an (xem Phục truyền Luật lệ Ký 31:18,20). Chính Đức Giê-hô-va khuyên nài họ tránh khỏi sự cám dỗ này (xem Lê-vi Ký 19:4; 20:6).

▣ **“và ưa bánh ngọt bằng trái nho”** Đây là lần sử dụng thứ tư của ĐÔNG TỪ yêu (dạng HOÀN THÀNH Qal) để mô tả cách người Y-sơ-ra-ên đã chấp nhận thờ thần Ba-anh như thế nào. Những món vật nhỏ và ngon này đã được trao cho các người thờ cúng sau giờ hiến tế (xem II Sa-mu-ên 6:19). Chúng cũng được đề cập trong Ê-sai 16:7 và Giê-rê-mi 44:19 là những bánh trái để cúng cho thần sinh sản (cũng có thể trong Giê-rê-mi 48:31) (*Chú thích người dịch* hình thức này giống như đĩa trái cây để cúng trên bàn thờ của người Việt Nam).

3:2 “VẬY TA ĐÃ MUA ĐÒN BÀ ẤY” ĐÔNG TỪ “mua” (BDB 500 II, KB 497, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal) có nghĩa là “mua bằng tiền hoặc là trao đổi” (xem Phục truyền Luật lệ Ký 2:6). Tuy nhiên, bản LXX dựa theo một từ gốc Ả Rập dịch là “thuê.”

Tại đây cho thấy có vẻ như Ô-sê đã chuộc lại chính vợ mình. Giá phải trả bằng một nửa giá tiền của một nô lệ (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 21:32 và Lê-vi Ký 27:4). Đường như ông đã trả một nửa bằng bạc và một nửa bằng nông sản. Việc này chắc hẳn đã phải làm thâm hụt mọi nguồn tài chính của ông.

Ông đã phải chi trả cho ai? Lời văn quá ngắn gọn khiến không thể biết chắc chắn:

1. Cho một người tình đặc biệt
2. Cho người chủ
3. Cho bà như là một món quà cưới thứ hai

Vì tôi cho rằng cụm từ mô tả người yêu của Gô-me là ám chỉ đến Ô-sê, do đó nghĩa thứ 3 là phù hợp với bối cảnh nhất. Tuy nhiên không hề có một dẫn chứng nào khác về một món quà cưới thứ hai trong Kinh Thánh cũng như trong lịch sử.

▣ **“mười lăm miếng bạc...một hô-me”** Chủ Đề Đặc Biệt: Đo Lường Trọng Lượng Và Khối Lượng Ở Vùng Cận Đông Thời Cổ Đại trong A-môt 8:5.

▣ **“một hô-me rươi mạch nha”** Chữ “hô-me” (BDB 330) có nghĩa là “tài trọng mà một con lừa có thể chở.” Chi tiết này tương đương với khoảng năm “bushel.” Vì vậy, giá phải trả gồm có khoảng 7,5 “bushel.”

3:3 “Người khá chờ đợi ta lâu ngày” Có vẻ như đây là khoảng thời gian tẩy rửa (tội lỗi) cho người đàn bà tà dâm này. Nó cũng tương tự như thời kỳ lưu đày của dân sự Đức Chúa Trời.

3:4 Đã có nhiều thảo luận về ý nghĩa của câu này. Có ba giả thuyết chính:

1. Ba cặp đôi câu đối này bày tỏ sự tương phản giữa tôn giáo thờ Đức Giê-hô-va và đạo thờ Ba-anh
2. Những cặp đôi này liên quan đến các khía cạnh của sự thờ thần tượng đã trở thành tiêu chuẩn cho các thói quen tôn giáo của Y-sơ-ra-ên (xem 8:4-5; 10:7-8,15)
3. Những câu này ám chỉ đến thời kỳ lưu đày khi Y-sơ-ra-ên bị tách biệt khỏi Đất Hứa

▣ **“trụ tượng”** Lúc ban đầu, các trụ thờ được dựng lên như là các đài tưởng niệm

1. do Môi-se trong Xuất Ê-díp-tô Ký 24:4 như là một cách để kỷ niệm việc lập Giao ước Si-na-i (xem Giô-suê 4:3,9,20)
2. cho một số sự kiện quan trọng hoặc sự hiện ra của Đức Chúa Trời
 - a. Si-chem, (xem Giô-suê 24:26);
 - b. Bê-tên (xem Sáng thế Ký 28:18)
 - c. Ga-lét (xem Sáng thế Ký 31:45)

- d. Ghinh-ganh (xem Giô-suê 4:5)
- e. Mích-ba (xem I Sa-mu-ên 7:12)
- f. Ga-ba-ôn (xem II Sa-mu-ên 20:8)
- g. En-Rogel (xem I Các vua 9:9)

Những chỗ này trở thành nơi cầu kết với tội thờ lạy thần Ba-anh và bị lên án trong Xuất Ê-díp-tô Ký 34:13; Phục truyền Luật lệ Ký 12:3; 16:22; Mi-chê 5:13. Điều này giải thích như thế nào mà cùng có một tập tục, đồ vật hoặc là nơi chốn trong Cựu Ước có thể được chấp nhận trước đó, nhưng sau này lại bị lên án.

☐ **“ê-phốt”** Cái này lúc ban đầu đề chỉ đến loại trang phục cho thầy tế lễ (ví dụ, I Sa-mu-ên 2:18; 22:18). Một áo lễ đặc biệt để cho Thầy Tế Lễ Cả mặc (ví dụ, Xuất Ê-díp-tô Ký 25:7; 28:6-35). Urim và Thummim được giữ trong một túi đằng sau bảng đeo trước ngực, được gắn vào mặt trước của ê-phốt (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 28:30).

Ê-phốt là một dấu hiệu của các thầy tế lễ của Đức Giê-hô-va. Sau đó người ta dùng nó cho toan tính hợp thức hoá các đền miếu và các thầy tế lễ không hợp pháp (ví dụ, Các Quan Xét 8:26-27; 17:5; 18:14,17,18,20). Có thể có một bức tượng có kích cỡ như người thật được khoát lên một chiếc áo choàng lộng lẫy. Vì thế cái này ám chỉ đến cái chỗ có mặc khai thiêng liêng.

☐ **“thê-ra-phin”** Nghĩa đen chữ này là teraphim (BDB 1076). Từ nguyên và nguồn gốc của chữ này không được rõ.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TERAPHIM

Do có những phần khác nhau trong Cựu Ước nên việc mô tả tổng hợp gặp khó khăn:

1. Những bức tượng nhỏ của gia đình và dễ mang đi, Sáng thế Ký 31:19,34,35
2. Bức tượng lớn có hình dạng như một người, I Sa-mu-ên 19:13,16
3. Những bức tượng để trong nhà cũng như trong đền miếu, Các Quan Xét 17:5; 18:14,17,18
4. Những bức tượng được dùng để tìm biết tương lai hoặc ý muốn của thần linh
 - a. bị lên án như là bói toán, I Sa-mu-ên 15:23
 - b. bị lên án cùng với các đồng bóng, thầy bói và hình tượng, II Các vua 23:24
 - c. bị lên án cùng với bói toán bằng cách lắc mũi tên (cầu cơ), và xem lá gan của con cừu, Ê-xê-chi-ên 21:21
 - d. bị lên án cùng với những kẻ bói toán và các tiên tri giả, Xa-cha-ri 10:2

3:5 “Sau đó” Đây là một trạng từ thường gặp (BDB 29) được sử dụng trong một số cách. Ở đây có vẻ như để chỉ khoảng thời gian sau sự phán xét của Đức Giê-hô-va. Một thuật ngữ liên quan (BDB 31), “trong những ngày cuối cùng,” được sử dụng ở phần cuối của câu 5. Nó nói đến một sự kiện trong tương lai theo viễn cảnh mà tác giả thấy. Cấu trúc về thời gian chính xác thì không rõ. Đức Giê-hô-va sẽ phán xét dân sự của Ngài, nhưng sau đó, sau một thời gian Ngài sẽ phục hồi họ lại.

Dựa vào việc Chúa định hướng cho tương lai và đánh dấu thời điểm nên thần học mới khẳng định về sự biết trước và kiểm soát của Đức Giê-hô-va trên lịch sử. Những sự phán xét của Đức Giê-hô-va cần phải được xem xét theo toàn cảnh là để hoàn thành chủ đích tối hậu của Đức Chúa Trời trong mối liên hệ với con người. Ngay cả những sự phán xét cũng là tình thương của cha mẹ (xem Ô-sê 11).

▣ **“con cái Y-sơ-ra-ên sẽ trở lại tìm kiếm Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình”** Đây là hai trụ cột của đức tin trong Kinh Thánh, một là tiêu cực và một là tích cực (ăn năn và tin) (ví dụ, Mác 1:15; Công-vụ 3:16,19; 20:21; 26:20). Chúng ta phải “xoay khỏi,” đó là sự hối cải (ăn năn) (tức là “trở lại” BDB 996, KB 1427, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal, xem chủ đề đặc biệt trong A-môt 1:3), và chúng ta phải “hướng đến,” đó là đức tin (tức là “tìm kiếm” BDB 134, KB 152, dạng HOÀN THÀNH Piel, xem 5:6,15; 7:10; Ê-sai 45:19; 65:1; Sô-phô-ni 1:6; 2:3). Một yếu tố của sự thay đổi tâm lòng của Y-sơ-ra-ên được thấy trong câu 5 ở những từ “họ sẽ đến cách run rẩy.” Cụm từ này có vẻ liên quan đến một thái độ mới mẻ là “sợ hãi” và “tôn kính” đối với Đức Chúa Trời.

▣ **“Đa-vít vua mình”** Đa-vít là vị vua lý tưởng. Đức Giê-hô-va đã có lời hứa đòi đòi với ông và dòng dõi của ông trong II Sa-mu-ên 7. Đồng thời với Ô-sê, A-môt cũng đề cập đến một vị vua từ dòng dõi Đa-vít sẽ đến vào lúc tận thế (nghĩa là Đấng Mết-si-a, xem 1:11; A-môt 9:11-15; Giê-rê-mi 33:15,21-22,25-26; Ê-xê-chi-ên 34:23-24; 37:24-28). Việc phân chia về chính trị giữa Giu-đa và Y-sơ-ra-ên bị xem là tạm thời và tội lỗi (ví dụ, 3:4, 7:7, 10:15) bởi vì Giê-rô-bô-am I đã dựng lên những con bò vàng (xem, 8:5) tại các thành phố Bê-tên và Đan là những trung tâm thờ lạy ngoại giáo để cạnh tranh với (đền thờ) trên núi Mô-ri-a.

▣ **“Chúng nó sẽ kính sợ mà trở về cùng Đức Giê-hô-va”** ĐÔNG TỪ này (BDB 808, KB 922, dạng HOÀN THÀNH Qal) được sử dụng theo cách tương tự (và có cùng dạng) với Mi-chê (xem 7:17) là vị tiên tri vào thế kỷ thứ tám trong xứ Giu-đa đồng thời với Ô-sê. Nó được sử dụng nhiều nghĩa:

1. Theo nghĩa tích cực cho những người trung tín
 - a. Tôn trọng Lời Chúa, Thi thiên 119:16
 - b. Không có sự sợ hãi cho người tin kính, Thi thiên 78:53; Châm-ngôn 3:24; Ê-sai 12:2; 44:8
 - c. Cảm nhận niềm vui tuyệt vời khi được Đức Giê-hô-va giải cứu, Ê-sai 60:5; Giê-rê-mi 33:9
2. Theo ý tiêu cực cho những người tội lỗi, Thi thiên 119:120; Ê-sai 33:14, 44:11

▣ **“và được ơn Ngài”** DANH TỪ “lòng tốt lành” (BDB 375) đồng hành với “Đức Giê-hô-va.” Thuật ngữ này được sử dụng trong nhiều nghĩa. Nó có thể dùng để mô tả Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên và nó cũng có thể dùng để mô tả Y-sơ-ra-ên. Điều này đối nghịch lại với tội lỗi, xấu xa và tối tăm (xem A-môt 5:14-15). Vì vậy nó có thể được dịch là “thịnh vượng” hoặc “ơn phước” (ví dụ, Giê-rê-mi 31:12,14). Đức Chúa Trời muốn ban phước cho Y-sơ-ra-ên như một phần thưởng cho việc giữ giao ước và thu hút thế giới đến với Ngài. Tuy nhiên, Y-sơ-ra-ên vẫn có thể không vâng phục. Điều này dẫn đến sự phán xét (xem Phục truyền Luật lệ Ký 27-29; 30:15).

Các phước lành trong lai thế sẽ không phụ thuộc vào sự vâng giữ giao ước của con người, nhưng dựa trên việc thực hiện của Chúa được hưởng ứng bởi sự tự nguyện và năng lực mới để sống tin kính (xem Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:22-38). Câu 5 là sự đảo ngược tình trạng hiện thời của Y-sơ-ra-ên, là lời hứa của hy vọng, phục hồi và lời tiên tri về một vị vua thuộc dòng dõi Đa-vít là đấng Mết-si-a sẽ đến.

▣ **“Trong những ngày cuối cùng”** Yếu tố (ý niệm) lai thế đi xuyên suốt cả sách Ô-sê. Người Do Thái chỉ nhìn thấy hai thời kỳ: Thời hiện tại gian ác và thời đại của Đấng Mết-si-a sẽ hiện đến. Nhưng có sự mặc khải rõ ràng hơn trong Tân Ước nên chúng ta biết rằng có hai sự hiện đến

của Đấng Mết-si-a thay vì có một. Chúng ta hiện đang sống trong những ngày cuối cùng cũng là hai thời kỳ của người Do Thái chồng lấp lên nhau. “Trong những ngày cuối cùng” là khoảng thời gian từ khi Chúa Giê-xu sinh ra ở Bê-t-lê-hem cho đến lần trở lại thứ hai của Ngài.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỜI NÀY VÀ ĐỜI SẮP ĐẾN

Các tiên tri Cựu ước nhìn tương lai qua sự kéo dài của hiện tại. Đối với họ, tương lai sẽ là sự phục hồi quốc gia Y-sơ-ra-ên trên phương diện địa lý; tuy nhiên họ cũng đã thấy một ngày mới (Ê-sai 65:17; 66:22). Cùng với sự liên tục khước từ Đức Giê-hô-va một cách cố ý của con cái Áp-ra-ham (ngay cả sau thời kỳ lưu đày), thì có một khuynh hướng mới phát triển trong thể loại văn chương tận thế của người Do Thái xuất hiện trong thời kỳ giữa hai giao ước (như các sách Hê-nóc, IV E-xơ-ra, II Ba-rúc). Các tác phẩm này bắt đầu đưa ra sự khác biệt giữa hai thời kỳ: thời kỳ gian ác đời này thống trị bởi Satan, và thời kỳ công bình sắp đến điều khiển bởi Thánh Linh và được mở màn bởi đấng Mết-si-a (thường là một chiến binh dũng mãnh).

Trong khía cạnh thần học này (lai thể học), thì có một sự phát triển rõ ràng. Các nhà thần học gọi đó là “sự mặc khải tiệm tiến” (progressive revelation). Tân ước có khẳng định về thể giới mới có thật trong hai thời kỳ này (thuyết nhị nguyên thời gian) (temporal dualism):

<u>Chúa Jê-sus</u>	<u>Phao-lô</u>	<u>Thư Hê-bơ-rơ</u>
Ma-thi-ơ 12:32	Rô-ma 12:2	1:2
Ma-thi-ơ 13:22, 29	I Cô-rinh-tô 1:20; 2:6,8; 3:18	6:5
	II Cô-rinh-tô 4:4	11:3
	Ga-la-ti 1:4	
Mác 10:30	Ê-phê-sô 1:21; 2:1, 7; 6:12	
	I Ti-mô-thê 6:17	
Lu-ca 16:8	II Ti-mô-thê 4:10	
Lu-ca 18:30	Tít 2:12	
Lu-ca 20:34-35		

Trong thần học Tân ước, hai thời kỳ này của người Do Thái trùng lấp nhau bởi vì những lời tiên báo về hai lần đến của đấng Mết-si-a không được trông chờ và cũng không được chú ý đầy đủ. Sự nhập thể của Chúa Jê-sus đã làm trọn lời tiên tri trong Cựu ước về sự khởi đầu của thời kỳ mới. Tuy nhiên, Cựu ước cũng bày tỏ Ngài đến như một Quan án hay Đấng chinh phục, thế nhưng Ngài đã đến lần đầu tiên như là một người Đầy tớ Khốn khổ (Ê-sai 53), khiêm nhường và nhu mì (Xa-cha-ri 9:9). Ngài sẽ trở lại với quyền phép theo như Cựu ước đã tiên báo (Khải huyền 19). Sự hoàn thành theo hai giai đoạn này khiến Vương quốc của Ngài đã hiện diện (được đăng quang), nhưng sẽ còn đến trong tương lai (chưa hoàn toàn đầy trọn). Đây là sự giằng co của Tân ước về khái niệm đã, nhưng chưa!

Ô-SÊ ĐOẠN 4

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI*

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Cáo trạng của Đức Chúa Trời chống nghịch Y-sơ-ra-ên 4:1-10	Bởi vì phản loạn không dứt, sự phản xét của Đức Chúa Trời đến trên Y-sơ-ra-ên 4:1-3 4:4-6 4:7-14	Cáo trạng của Đức Chúa Trời chống nghịch Y-sơ-ra-ên 4:1-3 Chúa tố cáo những thầy tế lễ 4:4-6 4:7-10	Sự bại hoại hoàn toàn 4:1-4 Chống nghịch những thầy tế lễ 4:4-6 4:7-11a
Sự thờ hình tượng của Y-sơ-ra-ên 4:11-14		Chúa lên án sự thờ phượng của ngoại giáo 4:11-13a 4:13b-14	Sự thờ phượng của Y-sơ-ra-ên là thờ hình tượng và trụy lạc 4:11b-14 Lời cảnh báo Giu-đa và Y-sơ-ra-ên
4:15-19	4:15-19	4:15-19	4:15-19

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

DÀN Ý CƠ BẢN CỦA CÁC ĐOẠN TỪ 4 ĐẾN 11

- A. Đoạn 4-5 bao gồm một đơn vị văn học mô tả sự vô tín của Y-sơ-ra-ên.
 B. Đoạn 6-10 là một đơn vị văn học mô tả sự hình phạt đối với Y-sơ-ra-ên.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

BẢN NASB 4:1-3

¹ Hỡi con cái Y-sơ-ra-ên, hãy nghe lời của Đức Giê-hô-va; vì Đức Giê-hô-va có sự kiện cáo với dân đất này, bởi trong đất này chẳng có lẽ thật, chẳng có nhân từ, cũng chẳng có sự nhận biết Đức Chúa Trời. ² Ở đó chỉ thấy những sự thê gian, thất tín, giết người, ăn trộm, và tà dâm; chúng nó làm sự tàn bạo, máu chồng trên máu. ³ Vậy nên, đất ấy sẽ sấu thắm; hết thảy người ở đó sẽ hao mòn, những thú đồng và chim trời cũng vậy; những cá biển cũng sẽ bị lấy đi.

4:1

NASB “Hãy nghe lời của Chúa”
NKJV, NRSV “Hãy nghe lời của Chúa”
TEV “Lắng nghe những gì Ngài phán”
NJB “Hãy nghe những điều Đức Giê-hô-va phán”

ĐỘNG TỪ (BDB 1033, KB 1570, dạng MỆNH LỆNH Qal) có nghĩa là nghe để thực hiện. Nó được sử dụng một vài lần trong Ô-sê (xem 4:1; 5:1, 9:17) và nhiều lần nữa từ những vị tiên tri thuộc thế kỷ thứ tám.

1. A-mốt, 3:1,13; 4:1, 5:1, 7:16; 8:4,11
2. Mi-chê, 1:2; 3:1,9; 5:15, 6:1 [hai lần], 2,9; 7:7

Xem ghi chú trong A-mốt 3:1.

▣ “vì Đức Giê-hô-va có sự kiện cáo” Chữ này (BDB 936) có hai ý nghĩa chính:

1. Một vụ kiện pháp lý, Ê-sai 1:23; 41:21; Giê-rê-mi 2:9; 25:31; 50:34; Ô-sê 4:1; 12:3; Mi-chê 6:2; 7:9.
2. Một tranh chấp hay tranh cãi, Ê-sai 41:11; 58:4; Giê-rê-mi 15:10; Ô-sê 2:2

Đức Giê-hô-va vừa là nạn nhân, vừa là công tố viên, đồng thời là thẩm phán. Kiện tụng trước tòa là một trong ba thủ pháp văn học phổ biến được sử dụng bởi các tiên tri.

1. Hồ sơ pháp lý (ví dụ, kiện ly hôn)
2. Bài ai ca tang lễ (lời tiên tri phán xét)
3. Lời hứa giải cứu (lời tiên tri giải cứu)

▣ “với dân đất này” Vùng đất xứ Pa-léc-tin (Ca-na-an) có một ý nghĩa thần học đặc biệt. Khởi đầu là lời hứa của Đức Chúa Trời ban cho Áp-ra-ham một dòng dõi, một danh hiệu, một lãnh địa (xem Sáng thế Ký 12:1-2). Lời hứa này được tái xác nhận trong một sự xuất thần đặc biệt như trong Sáng thế Ký 15:12-21. Vùng đất này sẽ được tẩy sạch khỏi sự thờ lạy thần sinh sản của dân Ca-na-an (xem câu 16). Khi dân sự của Đức Chúa Trời tham dự vào việc góm ghiếc này thì họ cũng phải bị quét sạch khỏi đất của Đức Giê-hô-va.

▣

NASB, NRSV,
TEV “trung tín”
NKJV “sự thật”

NJB “trung thành”

Xem chủ đề đặc biệt trong Giô-na 3:5.



NASB “lòng tốt”

NKJV “thương xót”

NRSV “trung thành”

TEV “tình yêu”

NJB “đức tin”

Đây là chữ Hê-bơ-rơ *hesed* (BDB 338, xem 6:4). Xem chủ đề đặc biệt: Sự yêu thương nhân từ (*Hesed*) trong 2:19.

▣ “**nhận biết**” Đây là chủ đề (xem, 2:20, 4:6, 5:4; 6:6) của cả sách. Chúng ta cần phải nhận biết Đức Chúa Trời không như một đồ vật (như một bức tượng, có thể gọi bằng đại từ “nó”), nhưng là trong một mối quan hệ cá nhân thân mật (như với một người). Thuật ngữ “biết” (BDB 395) trong Cựu Ước có liên quan đến mối liên hệ cá nhân thân mật (xem Sáng thế Ký 2:20; 4:1; Giê-rê-mi 1:5). Sự kỳ diệu của lẽ thật này là không phải con người tội lỗi có thể nhận biết Đức Chúa Trời, nhưng là họ được Ngài biết đến (xem Giê-rê-mi 31:34; Hê-bơ-rơ 8:1 ff). Ngài tìm kiếm chúng ta.

4:2 Đáng lẽ có sự trung thực, tốt bụng, hiểu biết nhưng Y-sơ-ra-ên lại bị mô tả bởi các từ trong câu 2 (tất cả đều ở dạng NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI) nhằm ám chỉ đến sự vi phạm Mười điều răn (đặc biệt là điều răn thứ 2, 6, 7, và thứ 8). Mười điều răn là ý chỉ của Đức Chúa Trời dành cho con người sống trong xã hội. Chúng được ban cho không phải để hạn chế quyền tự do của loài người, nhưng đặt trọng tâm vào hạnh phúc của cả cộng đồng. Nhưng Y-sơ-ra-ên cố tình phá vỡ tất cả các ranh giới đạo đức (BDB 829, KB 971, dạng HOÀN THÀNH Qal)

4:3 “**hết thảy người ở đó sẽ hao mòn**” Từ ngữ này (BDB 51, KB 63, dạng HOÀN THÀNH PULAL) có nghĩa là trở nên yếu với nghĩa là suy yếu (gây mòn) do hạn hán (ví dụ, Giô-ên 1:10; Ê-sai 16:8; 24:4; 33:9; Giê-rê-mi 12:4). Lừa (là hạn hán) phán xét của Đức Chúa Trời trong Phục truyền Luật lệ Ký (xem Phục truyền Luật lệ Ký 27-30 và Lê-vi Ký 26) đã đến (xem A-mốt 7:4).

1. Đất than khóc
2. Dân sự mòn mỏi
3. Các loài thú vật biến mất

Tạo vật thiên nhiên (đặc biệt là đất hứa của Đức Giê-hô-va) cũng bị ảnh hưởng bởi tội lỗi của nhân loại (xem Sáng thế Ký 3:17-19; Rô-ma 8:18-25). Phân đoạn này là lời phán xét của Đức Chúa Trời thậm chí còn nghiêm trọng hơn con đại hồng thủy trong Sáng thế Ký 6-9 vì ngay cả loài cá cũng bị ảnh hưởng (xem Sô-phô-ni 1:2-3). Thật là trớ trêu khi sự phán xét về nước nhiều quá mức (lụt) lại chuyển sang không có đủ nước (hạn hán). Sự hỗn loạn đã quay trở lại.

BẢN NASB 4:4-6

⁴ Dầu vậy, chớ có ai biện luận, chớ có ai quả trách! Vì dân nguoi giống như những người cãi lầy cùng thầy tế lễ. ⁵ Nguoi sẽ vấp ngã giữa ban ngày; chính mình kẻ tiên tri cũng sẽ vấp ngã với nguoi trong ban đêm, và ta sẽ diệt mẹ nguoi. ⁶ Dân ta bị diệt vì có thiếu sự thông biết. Bởi nguoi bỏ sự thông biết thì ta cũng bỏ nguoi, đặng nguoi không làm thầy tế lễ cho ta nữa; bởi nguoi đã quên luật pháp của Đức Chúa Trời mình, thì ta cũng sẽ quên con cái nguoi.

4:4-5:7 Đơn vị văn học này đề cập đến những tội lỗi của các thầy tế lễ.

4:4 Hai động từ đầu tiên là ở dạng MỆNH LỆNH (JUSSIVES):

1. chớ để ai chỉ ra lỗi lầm, dạng MỆNH LỆNH Qal (Qal JUSSIVE)
2. chớ để ai quở trách, dạng MỆNH LỆNH Hiphil (Hiphil JUSSIVE).

Cả hai đều có ý nghĩa pháp lý (ví dụ, theo nghĩa thứ nhất Các Quan Xét 6:31-32; theo nghĩa thứ hai A-môt 5:10). Nhưng ai là người phán trong câu 4a?

1. Một người phản đối không biết tên (xem A-môt 5:10)
2. Một đại diện cho giới thầy tế (như thầy tế lễ cả)
3. Đất nước Y-sơ-ra-ên (đại diện bởi thầy tế lễ và tiên tri)
4. Chính Đức Giê-hô-va (Vị Thẩm Phán nói, xem câu 5c)



NASB, NKJV “Các ngươi là những người giống như những kẻ cãi lầy với các thầy tế”

NRSV “Vì ngươi là sự tranh chấp nghịch cùng ta, hỡi thầy tế”

TEV “sự khiêu kiện của ta là nghịch cùng ngươi, các thầy tế”

NJB “chính ngươi, thầy tế, là kẻ ta tố cáo”

JPSOA “bởi vì dân ngươi có một khiêu nại chống lại cùng ngươi, hỡi thầy tế”

Bản dịch NASB không phù hợp với bối cảnh. Một cách đọc khác cùng với việc ghép thêm một phụ âm khiến có thể dịch là “Sự tranh luận của Ta là nghịch cùng ngươi, hỡi thầy tế,” thì phù hợp với ngữ cảnh hơn (xem câu 6).

4:5 Đ ĐỘNG TỪ “vấp ngã” (BDB 505, KB 502, dạng HOÀN THÀNH Qal) được lặp lại hai lần. Vấp ngã là hình ảnh ẩn dụ đối nghịch lại “trung thành” (hiểu theo nghĩa bước đi vững chắc).



NASB, NKJV,

NRSV “Và ta sẽ tiêu diệt mẹ ngươi”

TEV “và ta sẽ tiêu diệt Y-sơ-ra-ên, mẹ của ngươi”

NJB “và ta sẽ làm cho mẹ của ngươi bị hư mất”

JPSOA “Và ta sẽ tiêu diệt họ hàng, bà con ngươi”

Bản Kinh Thánh NET (trang 1562) gợi ý việc chỉnh sửa (thay đổi hai phụ âm). “Ngươi đã tiêu diệt chính dân mình.” Nếu vậy thì câu này không phải là trích dẫn từ Đức Giê-hô-va, nhưng là lời lên án đầu tiên trong một loạt các lời tố cáo các thầy tế. Các thầy tế bị kết tội (1) không giảng dạy lẽ thật trong giao ước của Đức Chúa Trời và (2) sống theo lối sống trụy lạc của việc thờ lạy thần sinh sản.

4:6 “Dân ta bị diệt vì có thiếu sự thông biết. Bởi ngươi bỏ sự thông biết” Từ ngữ “tiêu diệt” (BDB 198, KB 225, dạng HOÀN THÀNH Niphal) có nghĩa là “cắt bỏ” và do đó không còn tồn tại. Dân sự đã phạm tội không phải vì họ không hiểu, nhưng vì họ cố tình quay đi và từ chối vâng lời Đức Chúa Trời (BDB 549, KB 540, dạng HOÀN THÀNH Qal). Điều này rất đúng cho các nhà lãnh đạo tôn giáo và chính trị.

▣ **“thì ta cũng bỏ ngươi, đặng ngươi không làm thầy tế lễ cho ta nữa”** Đất nước Y-sơ-ra-ên đã được đặt định để làm thầy tế lễ cho cả thế giới (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 19:4-6). Chỗ này cho biết các thầy tế lễ đáng lẽ phải dạy dỗ dân sự luật pháp của Đức Chúa Trời (xem Lê-vi Ký 10:11;

Phục truyền Luật lệ Ký 17:10-11; 33:10; Giê-rê-mi 18:18; Ma-la-chi 2:6-7) nhưng họ lại không làm.

▣ **“bởi người đã quên luật pháp của Đức Chúa Trời mình”** Tri thức có hai khía cạnh: (1) mối quan hệ cá nhân; và (2) những ràng buộc theo giao ước. Họ đã quên (BDB 1013, KB 1489, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal) Đức Giê-hô-va và giao ước của Ngài do đó Ngài sẽ quên (dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal) dòng dõi họ. Đây là sự đảo ngược các lời hứa theo giao ước trong Xuất Ê-díp-tô Ký 20:6 và Phục truyền Luật lệ Ký 5:10; 7:9. Các thầy tế lễ (và những người Lê-vi) lẽ ra phải là những người dạy dỗ của Y-sơ-ra-ên, nhưng họ đã trở thành những người làm bại hoại dân Y-sơ-ra-ên. Họ không còn có thể phục vụ như là người đại diện cho dân sự để dâng tế lễ.

BẢN NASB 4:7-10

⁷ Chúng nó sinh sản nhiều ra bao nhiêu, thì chúng nó lại phạm tội nghịch cùng ta bấy nhiêu: ta sẽ đổi sự vinh hiển của chúng nó ra sỉ nhục. ⁸ Chúng nó ăn tội lỗi dân ta; ham hố sự gian ác của nó. ⁹ Sẽ xảy ra dân thể nào thì thầy tế lễ cũng thể ấy: ta sẽ phạt nó vì đường lối nó và sẽ trả cho nó tùy việc nó làm. ¹⁰ Chúng nó sẽ ăn mà không được no, hành dâm mà không sanh sản thêm, vì chúng nó đã bỏ Đức Giê-hô-va không nghĩ đến Ngài nữa.

4:7 “Chúng nó sanh sản nhiều ra bao nhiêu, thì chúng nó lại phạm tội nghịch cùng ta bấy nhiêu” “Chúng nó” dường như chỉ những người đã đem những của lễ đến cho các thầy tế lễ để tiến hành các nghi thức thờ lạy của ngoại giáo (xem các câu 8-10). Đức Chúa Trời ban cho dân sự Ngài nhiều thêm thì họ lại càng xoay lưng lại với Ngài (xem một ví dụ tương tự với các tiên tri trong 11:2).

▣

NASB, NKJV “Ta sẽ đổi vinh quang của họ thành sự xấu hổ”
NRSV “họ đã đổi sự vinh hiển của mình thành sự xấu hổ”
TEV “Ta sẽ biến danh dự của người thành ô nhục”
NJB “họ đã tráo đổi vinh hiển của mình thành sự xấu hổ”

Như quý vị nhận thấy từ các bản dịch thì vấn đề của bản văn tại đây là chủ ngữ là ai, Đức Giê-hô-va (theo bản dịch NASB, TEV) hay là Y-sơ-ra-ên (như trong bản dịch NRSV, NJB). Bản văn MT có chủ ngữ là Đức Giê-hô-va (BDB 558, KB 560, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Hiphil). Truyền thống của Do Thái Giáo lại chuyển ĐỘNG TỪ thành dạng HOÀN THÀNH Hiphil. Sự chỉnh sửa này dựa theo các bản văn Targums của Do Thái Giáo (bản dịch và chú giải trong tiếng Aramaic) và bản Peshitta (bản dịch của các Cơ Đốc Nhân nói tiếng A-ram).

Thuật ngữ “xấu hổ” (BDB 885) là đối nghịch với “danh dự” (xem Thi thiên 83:16; Châm ngôn 3:35; 13:18). Trong bối cảnh này nó ám chỉ đến sự thờ thần tượng (xem câu 18). Dân sự giao ước của Chúa được dự phần vào vinh quang của Ngài, nhưng họ đã bỏ điều này mà đi thờ thờ lạy thần sinh sản để thỏa mãn tình dục cho chính mình (sự vinh hiển của thần Ba-anh).

4:8 “Chúng nó ăn tội lỗi dân ta; ham hố sự gian ác của nó” Dường như việc này liên quan đến các thầy tế tham lam phần thịt trong các của lễ chuộc tội (xem Lê-vi Ký 6:26), nhưng nó còn ám chỉ theo cách ẩn dụ là họ đã tham dự trong các nghi lễ thờ lạy thần sinh sản. Cụm từ “hướng sự tham muốn của họ về” có nghĩa đen là “đưa linh hồn lên về hướng...” Nó được sử dụng sáu

lần trong ý nghĩa này (xem Phục truyền Luật lệ Ký 24:15; Thi thiên 24:4; Châm-ngôn 19:18; Giê-rê-mi 22:27; 44:14, và ở đây).

4:9 “dân thể nào thì thầy tế lễ cũng thể ấy” Đây là một câu tục ngữ thông thường phản ánh một sự thật hiển nhiên là các thầy tế đã bị phán xét vì tội lỗi của họ và dân sự cũng bị như vậy.

▣ **“ta sẽ phạt nó vì đường lối nó”** ĐỘNG TỪ (BDB 823, KB 955, dạng HOÀN THÀNH Qal) có nghĩa chính là “đến thăm” hoặc “đổi phó, giải quyết.” Đức Giê-hô-va có thể thăm viếng để chúc phước hoặc là phán xét, căn cứ vào thái độ vâng giữ giao ước của dân sự (xem Phục truyền Luật lệ Ký 27-29; Lê-vi Ký 26).

4:10 Mặc dù họ tìm kiếm các thần tượng sinh sản nhưng họ sẽ không tìm đủ thức ăn và cũng không có con cái (xem A-ghê 1:6). Sự tăng trưởng về dân số được nói trong câu 7a giờ đây không còn nữa.

BẢN NASB 4:11-14

¹¹ Sự dâm dục, rượu cũ và rượu mới cất lấy hết trí khôn chúng nó. ¹² Dân ta hỏi tượng gỗ nó, thì gậy nó trả lời; vì lòng dâm làm lầm lạc chúng nó, và chúng nó phạm tội tà dâm mà lia bỏ Đức Chúa Trời mình. ¹³ Chúng nó dâng tế lễ trên các chót núi; đốt hương trên các đồi, dưới những cây dẻ, cây liễu, cây thông, vì bóng nó mát mẻ lắm. Vậy nên, con gái các người hành dâm, và dâu các người phạm tội ngoại tình. ¹⁴ Ta sẽ không phạt con gái các người bởi có hành dâm, cũng không phạt dâu các người bởi có ngoại tình; vì những đàn ông đi riêng với đồ điếm dĩ, và dâng của lễ với đàn bà dâm dăng. Vậy nên dân sự chẳng hiểu biết sẽ bị úp đồ.

4:11 Rõ ràng đây là một câu tục ngữ. Tội lỗi cướp mất ánh sáng đạo đức trong con người và khiến họ mò tìm trong bóng tối như kẻ say rượu, người mù lòa (xem Ê-sai 28:1-4). Xem Chủ đề Đặc Biệt: Quan điểm của Kinh Thánh đối với rượu (các chất có men) và tệ nghiện rượu trong A-mốt 6:6.

4:12 Y-sơ-ra-ên đang tìm cách để biết trước tương lai và (muôn) kiểm soát tương lai bằng những phương cách sai trật (xem Phục truyền Luật lệ Ký 18:9-13).

▣
NASB “tượng gỗ”
NKJV “các tượng gỗ”
NRSV, TEV “một miếng gỗ”
NJB “một khúc gỗ”

Chữ này (BDB 781) có nghĩa là “cây” hay “gỗ.” Có một dạng hơi khác biệt một chút được sử dụng trong 4:17; 8:4, 13:2, 14:8 cũng có nghĩa là “các thần tượng.” Vì đây là chữ song đối với cây gậy, trụ nên nó có thể ám chỉ đến một cây được cho là linh thiêng hoặc ám chỉ đến các trụ được chạm trổ để thờ A-sê-sa chứ không phải là một tượng bằng gỗ có hình người.

▣
NASB “cây đũa thần của chiêm tinh gia”
NKJV “cây gậy”

NRSV “que bóii”
TEV, NJB “khúc cây”

Thuật ngữ này (BDB 596) có nghĩa là “một cây,” “một cây gậy,” hoặc “một khúc cây.” Một số cách sử dụng của nó là:

1. Một loại vũ khí bằng gỗ (xem I Sa-mu-ên 17:40,43; Ê-xê-chi-ên 29:9)
2. Một cây gậy để đi bộ (xem Sáng thế Ký 32:20; Xuất Ê-díp-tô Ký 12:11)
3. Một cây gậy để kiểm soát gia súc (xem Dân số Ký 22:27)
4. Những cây non (ví dụ, Sáng thế Ký 30:37-39, 41; Giê-rê-mi 1:1)
5. Một cây gậy của người chăn (xem Xa-cha-ri 11:7,10,14, tham khảo NIDOTTE, tập 2, trang 1088)

▣ **“lòng dâm”** Chữ “linh (spirit)” chỗ này không có gì liên quan với quỷ, nhưng nó được sử dụng trong Cựu Ước theo nghĩa “tinh thần,” “cá tính,” hoặc “nghị lực.” Dưới đây là những cách dùng như thế nào để thể hiện đặc tính hay cảm xúc của con người :

1. Lòng cay đắng, Sáng thế Ký 26:35
2. Lòng sâu não, Xuất Ê-díp-tô Ký 6:9
3. Tinh thần bị áp bức, I Sa-mu-ên 1:15
4. Tinh thần ủ rũ, I Các vua 21:5
5. Tinh thần thiếu kiên nhẫn, Gióp 21:4; Châm-ngôn 14:29
6. Tinh thần kiêu kỳ ngược lại với lòng khiêm tốn, Châm-ngôn 16:18-19; Ê-sai 66:2
7. Lòng trung tín, Châm-ngôn 11:13
8. Tinh thần say sưa, Ê-sai 19:14
9. Lòng đau thương, Ê-sai 54:6

Điều này mô tả dự vọng của Y-sơ-ra-ên hướng về các vị thần sinh sản của xứ Ca-na-an (xem 5:4). Những vấn đề chủ giải ở đây là những hành vi tình dục trong ngoại giáo (xem các câu 3-14) hoặc nó có thể là một phép ẩn dụ của sự không chung thủy (ví dụ, Xuất Ê-díp-tô Ký 34:15-16; Lê-vi Ký 20:5; Các Quan Xét 2:17; 8: 27,33; I Sứ ký 5:25; Thi thiên 73:27; 106:39).

▣ **“liạ bỏ Đức Chúa Trời của họ”** Nghĩa đen là “tách khỏi (không còn) ở dưới Đức Chúa Trời” (BDB 1065) nhằm ám chỉ họ chối bỏ thẩm quyền của Đức Chúa Trời.

4:13 “Họ dâng tế lễ...thắp hương” Những việc này có thể liên quan đến hai công việc thờ cúng ngoại giáo riêng biệt hoặc chỉ là việc đốt hương. Không có bản thờ hiến tế nào liên kết với sự thờ lạy thần Ba-anh tại địa phương.

▣ **“Trên chót núi...trên đỉnh đồi”** Chỗ này có thể nói đến đến hai điều:(1) Chỗ cao nhất của địa hình là địa điểm của bàn thờ thần Ba-anh hoặc (2) các bàn thờ của Ba-anh, Át-tạt-tê được đắp bằng đá với một biểu tượng hình dương vật đặt tại trung tâm (cột thờ đặt trên bệ) và một cột chạm trở thờ A-sê-ra (xem Phục truyền Luật lệ Ký 12:2; Giê-rê-mi 2:20; 3:6; Ê-xê-chi-ên 6:13).

▣ **“Cây sồi, cây dương, và cây vân hương”** Cây cối đánh dấu các địa điểm thiêng liêng này bởi vì chúng cho thấy có nước ngầm dưới đất. Đây là điều cực kỳ quan trọng cho người sống tại vùng sa mạc. Không có một ghi chép nào về việc Y-sơ-ra-ên thờ lạy cây cối, mặc dù họ có xem chỗ của chúng là những địa điểm thiêng liêng (ví dụ, Sáng thế Ký 13:18; Các Quan Xét 4:5). Trong bối cảnh này thì các cây được sử dụng làm bóng mát cho các nghi thức thờ lạy thần sinh sản Ba-anh.

4:14 Có thể các lời tuyên bố này thật ra là các câu hỏi để chờ đợi câu trả lời khẳng định. Đối với Chúa không thể có hai tiêu chuẩn khác nhau. Cả nam giới lẫn phụ nữ đều bị kết tội bừa bãi về tình dục trong nghi lễ thờ lạy thần sinh sản của mình (xem Phục truyền Luật lệ Ký 23:17-18). Chỗ này liên quan đến ba nhóm phụ nữ: (1) các cô dâu mới cưới, (2) gái mai dâm trong việc thờ cúng của ngoại giáo; và (3) những người phụ nữ khác tại địa phương.

Về mặt ngữ pháp và ngữ cảnh có thể thấy các thầy tế “nhận vào (đưa vào)” các hành vi thờ lạy ngoại giáo trong câu 14. Những thầy tế lễ hiểu biết rõ hơn nhưng lại tham gia vào các hoạt động tình dục và làm gương xấu (độc hại) cho cả cộng đồng. Nếu điều này là đúng thì các phụ nữ được đề cập trong câu 13 có thể là người nhà của các thầy tế lễ.

BẢN NASB 4:15-19

¹⁵ **Hỡi Y-sơ-ra-ên, dầu người tà dâm, Giu-đa cũng không nên phạm tội! Vay chớ vào nơi Ghinh-ganh! Chớ lên nơi Bết-A-ven! Chớ có thề mà rằng: Thật như Đức Giê-hô-va hằng sống.** ¹⁶ **Vì Y-sơ-ra-ên đã bạn nghịch như con bò cái tơ bất trị, nên bây giờ Đức Giê-hô-va cho chúng nó ăn cỏ như chiên con thả trong đồng rộng.** ¹⁷ **Ép-ra-im sa mê thần tượng, hãy để mặc nó!** ¹⁸ **Đồ chúng nó uống đã chua đi; chúng nó làm sự gian dâm chẳng thôi. Các quan trưởng nó vui lòng trong sự sỉ nhục.** ¹⁹ **Gió đã lấy cánh cuốn nó, và chúng nó sẽ mang xấu hổ vì của lễ mình.**

4:15 Câu này có một loạt các MỆNH LỆNH (JUSSIVES):

1. “Đừng để cho Giu-đa phạm tội” (BDB 79, KB 95, dạng MỆNH LỆNH Qal (Qal JUSSIVE))
2. “Đừng đi đến Ghinh-ganh” (BDB 97, KB 112, dạng MỆNH LỆNH Qal (Qal JUSSIVE))
3. “Đừng đi lên đến Bết A-ven” (BDB 748, KB 828, dạng MỆNH LỆNH Qal (Qal JUSSIVE))
4. “(Đừng) thề nguyện” (BDB 989, KB 1396, dạng MỆNH LỆNH Niphal (Niphal JUSSIVE))

☐ **“Hỡi Y-sơ-ra-ên, dầu người tà dâm, Giu-đa cũng không nên phạm tội”** Lời kêu gọi này là tương đồng với Ê-xê-chi-ên 23 (xem Giê-rê-mi 3:6-18). Đáng lẽ Giu-đa nên nhận biết và kính sợ, nhưng lại không. Giu-đa thậm chí còn phải chịu trách nhiệm nhiều hơn.

☐ **“Đừng đi đến Ghinh-ganh”** Đây là chỗ cắm trại đầu tiên khi dân Do Thái tiến vào Đất Hứa (sách Giô-sê). Giờ đây nó đã trở thành một đền thờ cho thần tượng (xem ghi chú trong A-môt 4:4, 5:5). Cũng có thể nó nói đến một địa danh Ghinh-ganh khác ở phía bắc, địa điểm này có một trường học dành cho các tiên tri (xem II Các vua 2:1; 4:38), mà sau này lại trở thành một trung tâm thờ lạy Ba-anh (xem 9:15, 12:11, A-môt 5:5, tham khảo quyển *Hard Sayings of the Bible*, trang 330).

☐ **“Bết-A-ven”** Điều này nói đến Bê-tên (xem 4:15; 5:8; 10:5; A-môt 5:5) có nghĩa là “nhà của Đức Chúa Trời,” mà giờ đây bị chế nhạo vì trở thành “nhà của sự gian ác” (BDB 110). Chỗ này là một trong hai địa điểm thờ lạy “bò con vàng” do Giê-rô-bô-am I dựng lên (xem I Các vua 12:28-29). Lúc ban đầu thì tượng bò con vàng đại diện cho Đức Giê-hô-va (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 32), nhưng sau đó nhanh chóng trở nên bại hoại được dùng làm biểu tượng cho việc thờ lạy thần sinh sản.

☐ **“Chớ có thể mà rằng: Thật như Đức Giê-hô-va hằng sống”** Lời thề này nói đến tên của Đức Chúa Trời lập giao ước là Đức Giê-hô-va (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 3:14). Xem chủ đề đặc biệt: Tên của thần linh trong A-môt 1:2. Dạng phủ định trong câu 15c được ngụ ý trong 15d-e.

4:16 “Vi Y-so-ra-ên đã bạn nghịch như con bò cái tơ bất trị” Chữ “cứng đầu” (BDB 710, KB 770) được sử dụng hai lần để ví sánh Y-so-ra-ên như là gia súc cày ruộng không chịu hợp tác (không vâng lời chủ). Cách dùng chữ này thường để chỉ tinh thần nổi loạn:

1. của một người con, Phục truyền Luật lệ Ký 21:18-21
2. của một vị quan cai trị, Ê-sai 1:23 (tham khảo Ô-sê 9:15)
3. của con cái, Ê-sai 30:1
4. của một dân tộc, Ê-sai 65:1-7
5. của dân sự Đức Chúa Trời, Giê-rê-mi 6:28

“Cứng đầu” và “nổi loạn” thường đi chung với nhau (xem Phục truyền Luật lệ Ký 2:18,20; Thi thiên 78:8; Giê-rê-mi 5:23).

☐ **“nên bây giờ Đức Giê-hô-va cho chúng nó ăn cỏ”** Câu này có thể là lời tuyên bố hoặc là câu hỏi (không có đánh dấu) nhằm thuyết phục. Mạch văn ngụ ý hoàn cảnh bị phán xét (là lưu đày) chứ không phải được người chăn âu yếm chăm sóc.

☐ **“như chiên con thả trong đồng rộng”** Con chiên không thích những đồng cỏ rộng, nhưng thích những mảnh đất nhỏ có rào chung quanh.

4:17 “Ép-ra-im sa mê thần tượng” Ép-ra-im là chi phái lớn nhất ở Y-so-ra-ên nên nó đại diện cho tất cả mười chi phái phía Bắc. Vị vua đầu tiên của họ là Giê-rô-bô-am I thuộc chi phái Ép-ra-im. Từ ngữ “tham gia” có ý nghĩa chính trị để chỉ sự liên kết bền vững giữa các đồng minh (bao gồm cả tôn giáo) (BDB 287, KB 287, ĐỘNG TÍNH TỪ THỤ ĐỘNG Qal (Qal PASSIVE PARTICIPLE), xem Sáng thế Ký 14:3).

Trong quyển giải kinh Ô-sê (bộ giải kinh Cựu Ước của Tyndale), David A. Hubbard gợi ý rằng thuật ngữ “tham gia” cần được giải thích theo ý nghĩa được dùng trong các đoạn văn nói về ma thuật (tham khảo Phục truyền Luật lệ Ký 18:11; Thi thiên 58:5). Nếu đúng vậy thì Y-so-ra-ên đã bị “mê hoặc” hoặc bị “bùa êm” và có thể liên kết với 4:12, 5:4 (trang 110). Vấn đề của tôi ở đây không phải là về phương diện ngôn ngữ, nhưng là thần học. Điều ác thể hiện nơi một nhân vật nào đó cũng không được dùng để bào chữa tội lỗi của cả loài người sa ngã. Những người này phạm tội cách công khai chống lại tình yêu của Đức Chúa Trời lập giao ước với họ. Tội ác dù là bẩm sinh hay do cá nhân cũng là thành phần trong thế giới sa ngã của chúng ta, con người vẫn phải chịu trách nhiệm về việc làm của mình (xem câu 18c).

☐ **“Hãy để mặc nó”** Đây là sự phán xét khủng khiếp (BDB 628, KB 679, dạng MỆNH LỆNH Hiphil (Hiphil IMPERATIVE)). Đức Chúa Trời cho phép dân sự của Ngài có ước muốn và lựa chọn riêng của họ (và có những hậu quả) bởi vì sự mù lòa tâm linh của họ (xem 5:4; Rô-ma 1:24, 26, 28).

4:18 Ngày tháng hạnh phúc qua đi! Chữ “quan cai trị” có nghĩa đen là “cái khiên che đỡ cho người lính” (BDB 171). Nó thường dùng để chỉ các nhà lãnh đạo chính trị, nhưng ở đây nó có thể bao gồm luôn các thầy tế cũng như các tiên tri (xem câu 5).

4:19 “Gió đã lấy cánh cuốn nó” Cụm từ “cánh của gió” là hình ảnh ẩn dụ cho:

1. Các liên minh nước ngoài (xem 12:1)
2. Sự phán xét của Đức Giê-hô-va sắp đến (tham khảo 13:15, Đức Giê-hô-va dùng sức mạnh của người Mê-sô-pô-ta-mi để lưu đày dân sự Ngài, xem Giê-rê-mi 22:22)
3. Các ảnh hưởng của tà linh (chữ “gió” được dịch là “linh,” xem 4:12; 5:4)

Đức Giê-hô-va được mô tả như là cưỡi trên đôi cánh của gió (xem II Sa-mu-ên 22:11; Thi thiên 18:10; 104:3). Sự hiện diện của Đức Giê-hô-va có thể nói lên sự bảo vệ an toàn theo giao ước hoặc có thể chỗ này là sự công chính (theo giao ước) và các hậu quả của việc vi phạm giao ước.

CÂU HỎI THẢO LUẬN CHO ĐOẠN 3 VÀ 4

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Tại sao Đa-vít được nhắc đến trong bối cảnh của miền bắc Y-sơ-ra-ên trong đoạn 3?
2. Giải thích các khía cạnh của đức tin theo Kinh Thánh đề cập đến trong 3:5.
3. Định nghĩa bằng ngôn từ riêng của bạn các ý niệm: lòng trung thành, lòng nhân từ, và tri thức.
4. Con người hiện đại tham gia vào việc thờ thần tượng như thế nào?

Ô-SÊ ĐOẠN 5

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI*

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự phán xét sắp xảy đến cho Y-sơ-ra-ên và Giu-đa 5:1-7	Bởi vì phân loạn không dứt, sự phán xét của Đức Chúa Trời đến trên Y-sơ-ra-ên (4:1-14:9) 5:1-2 5:3-4 5:5-7 5:8-15	Chúa lên án sự thờ lạy ngoại giáo (4:11-5:3) Ô-sê cảnh cáo sự thờ hình tượng 5:4-7 Chiến tranh giữa Giu-đa và Y-sơ-ra-ên 5:8-9 5:10-12 5:13-14 5:15	Chống nghịch cùng các thầy tế lễ và hoàng gia 5:1-2 Những hậu quả của sự ngoan cố 5:3-7 Anh em tranh chiến nghịch cùng nhau 5:8-12 Sự rò rỉ của những liên minh ngoại quốc 5:13-15

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

BẢN NASB 5:1-7

¹ Hỡi các thầy tế lễ, hãy nghe điều này; hỡi nhà Y-sơ-ra-ên, khá để ý; hỡi nhà vua, hãy lắng tai! Sự phán xét có quan hệ với các ngươi, vì các ngươi là bầy ở Mích-ba, và lưới giăng trên Tha-bô. ² Chúng nó là kẻ bạn nghịch đã vào sâu trong sự giết lát, nhưng ta sẽ quở trách chúng nó hết thấy. ³ Ta biết Ép-ra-im, và Y-sơ-ra-ên không giấu với ta. Vả, hỡi Ép-ra-im, ngươi đã phạm tội tà dâm! Y-sơ-ra-ên bị ô ướ! ⁴ Công việc chúng nó làm ngăn trở chúng nó về cùng Đức Chúa Trời mình; vì lòng dâm trong chúng nó, và chúng nó không nhận biết Đức Giê-hô-va. ⁵ Sự kiêu ngạo của Y-sơ-ra-ên làm chúng tận mặt nó, nên Y-sơ-ra-ên và Ép-ra-im sẽ ngã xuống vì có tội lỗi mình; Giu-đa cũng sẽ ngã xuống với chúng nó. ⁶ Chúng nó sẽ đi với các bầy chiên bầy bò mình, đặng tìm kiếm Đức Giê-hô-va; song không thấy Ngài! Ngài đã lia khỏi chúng nó. ⁷ Chúng nó đã phỉnh dối Đức Giê-hô-va, vì đã sanh những con cái ngoại tình. Đến ngày trăng mới, chúng nó sẽ cùng sản nghiệp mình đều bị nuốt đi!

5:1, 2 “Nghe” Xem chú thích trong 4:1. Chương này bắt đầu với ba MỆNH LỆNH liên quan đến việc lắng nghe sứ điệp của Chúa.

1. Nghe, BDB 1033, KB 1570, dạng MỆNH LỆNH Qal, “nghe và vâng lời,” ví dụ, Phục truyền Luật lệ Ký 6:4
2. Chú ý, BDB 904, KB 1151, dạng MỆNH LỆNH Hiphil, “lắng nghe chăm chú,” ví dụ, Ê-sai 10:30, 28:23, 34:1; 49:1; Mi-chê 1:2
3. Nghe, BDB 24, KB 27, dạng MỆNH LỆNH Hiphil, “hướng tai về...” xem Sáng thế Ký 4:23; Dân số Ký 23:18; Ê-sai 32:9

Những động từ khác nhau được đưa ra cho thấy ba nhóm người nghe khác nhau:

1. Hỡi các thầy tế lễ
2. Hỡi nhà Y-sơ-ra-ên
3. Hỡi dòng dõi của nhà vua

▣ **“Mích-ba...Tha-bô...đã vào sâu trong sự giết lát”** Có ba vị trí địa lý khác nhau được đề cập ở đây (tương ứng với ba nhóm người và ba dạng MỆNH LỆNH). “Vào sâu trong sự giết lát” nên được dịch bằng tên địa danh “Si-tim” (bản dịch BHS gợi ý sự chỉnh sửa này, xem Dân số Ký 25:1ff).

▣ **“Mích-ba”** Chữ này (BDB 859) có nghĩa là “tiền đồn” hay “tháp canh.” Có rất nhiều thị trấn cùng tên này rải rác khắp trong vùng Đất Hứa do đó địa điểm chính xác không thể biết chắc. Tuy nhiên, chúng ta biết rằng nó là nơi có một trụ thờ linh thiêng cũng là biểu tượng của thần sinh sản nam giới Ba-anh.

▣ **“Tha-bô”** Chữ này (BDB 1061) có thể ám chỉ đến Phục truyền Luật lệ Ký 33:18-19. Cũng giống như bất kỳ địa điểm thời cổ đại nào khác, địa điểm này đã từng biệt riêng cho Đức Giê-hô-va, nhưng bây giờ nó đã bị pha trộn với đạo thờ thần Ba-anh của dân Ty-ơ.

▣ **“Một cái lưới”** Từ ngữ này (BDB 440) có thể nói đến lưới đánh cá, nhưng vì nằm trong thể song đối với những cái bẫy nên nó là cái lưới dùng để bẫy chim (xem 7:12; Châm-ngôn 1:17). Các thầy tế đã tìm cách gài bẫy tín đồ trung thành thờ phượng Đức Giê-hô-va bằng cách pha trộn

sự thờ phượng cùng với thần sinh sản tại các địa điểm thờ phượng Ngài.

5:2

NASB, NKJV “**Những kẻ nổi loạn**”

NRSV, NJB “**Si-tim**”

TEV “**tại thành phố Acacia**”

Chữ này (BDB 962) có thể có nghĩa là “những kẻ sai lạc” hoặc “những kẻ nổi loạn,” nhưng nhiều học giả cho rằng dòng thơ này có nghĩa là “...và hố sâu của Si-tim mà họ đã đào” (có nghĩa là dòng thơ này nói đến một thành phố khác cũng trùng hợp với ba nhóm người và ba MỆNH LỆNH).

Bản MT có động từ “đào sâu” (BDB 770, KB 847, dạng HOÀN THÀNH Niphil), được sử dụng theo quan điểm xem nhẹ giá trị sự sống con người của Y-sơ-ra-ên (tham khảo 4:2; 6:9). Cùng một từ được sử dụng trong 9:9 để ám chỉ các tội ác và chết chóc tại Gi-bê-a (xem Các Quan Xét 19).

Cũng có thể chuyển ngữ dòng thơ này là “những kẻ nổi loạn đã chìm sâu vào sự giết chóc” (BDB 1006). Nếu điều này đúng thì đây có thể là sự hiến tế các trẻ em (xem Ê-sai 57:5 và Ê-xê-chi-ên 23:39).

5:3 “Ép-ra-im và Y-sơ-ra-ên” Sau khi vương quốc Do Thái chia đôi năm 922 trước Chúa nên các chi phái phía Bắc đã được biết đến với tên gọi sau đây: (1) theo tên gọi thành phố thủ đô của họ là Sa-ma-ri, (2) theo tên chi phái lớn nhất của họ là Ép-ra-im (xem, Ê-sai 7:9,17); và (3) bởi vì tên ông tổ Gia-cóp của họ là Y-sơ-ra-ên để chỉ chung cho cả dân tộc.

☐ **“Ta biết...không giấu với Ta”** Hai động từ này (1. BDB 393, KB 390, dạng HOÀN THÀNH Qal, 2. BDB 470, KB 469, dạng HOÀN THÀNH Niphil) đi song song với nhau để làm nổi bật sự toàn tri của Đức Chúa Trời (theo tầm mức cá nhân nên tham khảo Thi thiên 69:5; 139:15). Ngài biết sự thờ thần tượng của họ (xem câu 3b & c). Việc này càng trở nên tồi tệ hơn bởi vì họ là dân sự theo giao ước của Ngài (xem A-mốt 3:2, “Ta biết chỉ một mình các ngươi” theo bản dịch NRSV).

☐ **“Y-sơ-ra-ên bị ô uế”** ĐỘNG TỪ (BDB 379, KB 375, dạng HOÀN THÀNH Niphil) có nghĩa là “bị ô uế về phương diện nghi lễ” do vi phạm một đòi hỏi hay là một sự cấm đoán theo luật pháp Môi-se (xem 6:10; 9:3-4; Mi-chê 2:10). Ý nghĩa thần học về việc “sạch” và “không sạch” được thấy rõ ràng trong Lê-vi Ký 10:10; Phục truyền Luật lệ Ký 12:15,22; 15:22; Ê-xê-chi-ên 22:26, 44:23).

5:4 “Công việc chúng nó làm ngăn trở chúng nó về cùng Đức Chúa Trời mình” Câu này là điển hình cho sự thờ thần tượng của Y-sơ-ra-ên (xem câu 5). Một số học giả xem chi tiết này kết hợp với 4:12,19 như là ảnh hưởng tội ác cá nhân.

Dân Y-sơ-ra-ên từ lâu đã quen sống với tâm tính tội ác của họ (tức là “lòng dâm dục”) đến nỗi họ đi đến mức độ không còn quay trở lại được nữa (xem 4:17; Thi thiên 81:12; Rô-ma 1:24,26).

☐ **“chúng nó không nhận biết Đức Giê-hô-va”** Thuật ngữ Hê-bơ-ơ “biết” ám chỉ mối quan hệ thân mật (xem Sáng thế Ký 4:1). Họ không có mối quan hệ cá nhân với Đức Chúa Trời mặc dù họ là những người tích cực tham gia các hoạt động lễ nghi tôn giáo và thờ phượng (xem Ê-sai 29:13). Thiếu hiểu biết về giao ước cũng như về phương diện cá nhân là chủ đề thường xuyên

của sách Ô-sê (xem 2:20; 4:1,6; 6:3,6).

5:5

NASB “niềm tự hào của Y-sơ-ra-ên làm chứng nghịch cùng nó”

NKJV “niềm tự hào của Y-sơ-ra-ên làm chứng tận mặt nó”

NRSV “niềm tự hào của Y-sơ-ra-ên làm chứng chống lại nó”

TEV “sự kiêu ngạo của người Y-sơ-ra-ên kêu la nghịch cùng chúng”

NJB “sự kiêu ngạo của Y-sơ-ra-ên chính là người tố cáo nó”

Một số người cho rằng đây là ám chỉ đến Đức Giê-hô-va theo như A-môt 8:7, nhưng trong bối cảnh này nó đề cập đến việc Y-sơ-ra-ên cậy vào vị thế giao ước của mình. Y-sơ-ra-ên rất là sùng đạo và năng nổ trong sự thờ lạy của ngoại giáo. Chính niềm tự hào về nghi lễ, phụng vụ, và hình thức này đã phán xét họ theo hai lĩnh vực: (1) chỉ có hình thức mà không có đức tin thật và (2) niềm tin vào một thần tượng sai trật. “Ai được ban cho nhiều, sẽ bị đòi lại nhiều hơn” (Lu-ca 12:48). Có hiểu biết về giao ước càng khiến cho thái độ và hành động của họ xấu xa hơn.

▣ **“Vấp ngã...Sậy chân” ĐÔNG TỪ (505 BDB, KB 502)** được sử dụng hai lần trong câu 5. Trong Cựu Ước, ý muốn của Đức Chúa Trời cho dân sự Ngài đã được mô tả như là một con đường hay hướng đi. Tách ra khỏi lối đi hay là vấp ngã trên đường là hình ảnh ẩn dụ để chỉ tội lỗi và sự nổi loạn (xem 14:1).

Thường thì “sậy chân” đi đôi với “té ngã” (xem Châm-ngôn 24:17; Ê-sai 3:8; 31:3; Giê-rê-mi 6:15; 8:12; 46:6,16), nhưng cũng được sử dụng theo ý nghĩa bóng.

5:6 “Chúng nó sẽ đi với các bày chiên bày bò mình” Y-sơ-ra-ên tìm cách tiếp cận Đức Giê-hô-va bằng nhiều của tế lễ, nhưng sẽ không thể tìm thấy được Ngài (xem A-môt 5:21-23; Ê-sai 1:10-15; Giê-rê-mi 14:12; cũng không tìm thấy lời của Ngài, A-môt 8:12). Hệ thống dâng tế lễ là phương cách giúp cho con người tội lỗi có thể đến gần Đức Chúa Trời thánh khiết đã bị bãi bỏ rồi. Giao ước đã bị phá vỡ.

5:7 “Chúng nó đã phỉnh dối Đức Giê-hô-va” ĐÔNG TỪ (BDB 93, KB 108, dạng HOÀN THÀNH Qal) thường được sử dụng cho một giao ước hôn nhân (ví dụ, Ma-la-chi 2:14-16). Ở đây nó được dùng cho sự vô tín của Y-sơ-ra-ên đối với Đức Giê-hô-va (xem Giê-rê-mi 3:20).

▣ **“những con cái ngoại tình”** Điều này có thể được hiểu:

1. Theo nghĩa đen: các thầy tế và dân sự tích cực tham gia vào các nghi lễ thờ lạy thần sinh sản.
2. Theo nghĩa ẩn dụ: Y-sơ-ra-ên tìm kiếm các liên minh với nước ngoài để bảo vệ chính mình khỏi bị xâm lược thay vì tìm kiếm Đức Giê-hô-va

▣ **“Đến ngày trăng mới, chúng nó sẽ cùng sản nghiệp mình đều bị nuốt đi”** Cần phải lưu ý đến phép nhân cách hóa trong thủ pháp văn chương. Đức Giê-hô-va khước từ tất cả các ngày lễ của Y-sơ-ra-ên (xem 2:11).

BẢN NASB 5:8-15

⁸ Hãy thổi kèn ở Ghi-bê-a, hãy thổi loa ở Ra-ma! Hãy la lối ở Bết-A-ven! Hỡi Bên-gia-min, nó ở đằng sau ngươi! ⁹ Êp-ra-im sẽ nên hoang vu trong ngày quả trách; ta rao ra cho các chi phái Y-sơ-ra-ên một sự chắc sẽ xảy đến. ¹⁰ Các quan trưởng Giu-đa giống

như kẻ lẩn địa giới; ta sẽ đổ cơn giận ta trên chúng nó như trút nước. ¹¹ Ép-ra-im bị hà hiếp, bị nghiền nát trong sự đoán xét, vì nó đã bằng lòng theo điều răn của loài người. ¹² Vậy nên, ta giống như con mọt cho Ép-ra-im, và như sự mục nát cho nhà Giu-đa. ¹³ Khi Ép-ra-im đã biết bệnh mình, và Giu-đa đã biết vết thương mình, thì Ép-ra-im đi đến cùng người A-si-ri, và sai đến cùng vua Gia-rép. Nhưng nó không thể chữa lành các người, và không buộc vết thương cho các người. ¹⁴ Vì ta sẽ như một con sư tử cho Ép-ra-im, như một sư tử con cho nhà Giu-đa. Thật, chính ta, chính ta sẽ cắn xé rồi đi luôn; ta sẽ bắt đem đi và chẳng ai có thể giải cứu. ¹⁵ Ta sẽ đi, sẽ vào nơi ta, cho đến chừng nào chúng nó nhận biết mình phạm tội và tìm kiếm mặt ta. Trong cơn khốn nạn, chúng nó sẽ cố tìm ta.

5:8-15 Phân đoạn này dường như ám chỉ đến cuộc chiến của liên minh Syro-Israel, trong các năm 735-732 trước Chúa. Y-sơ-ra-ên và Sy-ri nổi dậy chống lại A-sy-ri và muốn Giu-đa cùng tham dự vào cuộc nổi loạn của họ. Giu-đa không tham dự, vì vậy chúng đã tấn công để buộc Giu-đa phải gia nhập (xem II Các vua 16:1 ff. và Ê-sai 7:1).

Giả định này gặp khó khăn khi cho rằng bối cảnh của những bài thơ chiến tranh này là cuộc chiến Syro-Ephraimic có chi tiết trong câu 13, A-sy-ri được nhắc đến là bị Y-sơ-ra-ên truy đuổi. Điều này không phù hợp với trường hợp cuộc tấn công của A-sy-ri bởi vì sự nổi loạn của Sy-ri và Y-sơ-ra-ên.

5:8 Câu này loan báo cuộc xâm lược vào Y-sơ-ra-ên. Sự phán xét của Đức Chúa Trời đã đến theo cách thức một quốc gia ngoại giáo (A-sy-ri) được Ngài dùng làm công cụ để thanh tẩy vùng đất này.

Ba thành phố của câu 8 (Gi-bê-a, Ra-ma, và Bết-A-vên) sẽ bị sáp nhập vào Giu-đa (nghĩa là Bên-gia-min). Điều này có thể ám chỉ đến “những người dời cột mốc biên giới” trong câu 10. Các thành phố này thuộc về Giu-đa đã có thể đã bị Giô-ách vua của Y-sơ-ra-ên chiếm đoạt (xem II Các vua 14:8-14; II Sử ký 25:17-24).

5:8 “thổi kèn” ĐÔNG TỪ này (BDB 1075, KB 1785, dạng MỆNH LỆNH Qal) dùng để chỉ shophar (loại kèn làm bằng sừng trái của con chiên đực, BDB 1051). Không có kết hợp với nhạc cụ khác khi dùng nó. Nó được sử dụng cho:

1. Các sự kiện liên quan đến thờ phượng
 - a. Di dời hòm giao ước
 - b. Những ngày lễ hội
 - c. Các sự kiện lúc tận thế
2. Các sự kiện quân sự
 - a. Kẻ xâm lược đến gần
 - b. Triệu tập quân đội
 - c. Kêu gọi ngừng tấn công

Trong bối cảnh này thì ý nghĩa thứ 2 là phù hợp nhất (ví dụ, Giê-rê-mi 4:5; 6:1; Giô-ên 2:1,15).

▣ **“Loa”** Chữ này (BDB 348) là một cây kèn thẳng bằng đồng. Nó được:

1. Sử dụng với các nhạc cụ khác để thờ phượng
2. Sử dụng để triệu tập hội đồng
3. Sử dụng trong lễ đăng quang của nhà vua
4. Sử dụng để bắt đầu các kỳ lễ hội

5. Sử dụng cho những nhiệm vụ quân sự
Trong bối cảnh tại đây thì ý nghĩa thứ 5 phù hợp nhất.

▣ **“Hãy la lối ở Bết-A-vên”** ĐỘNG TỪ (BDB 929, KB 1206, dạng MỆNH LỆNH Hiphil) được dùng cho tiếng reo hò của chiến trận, của chiến thắng và tiếng kèn thổi. Tại đây thì ý nghĩa tiếng la cảnh báo là phù hợp nhất. Bết-A-vên có nghĩa là “nhà của sự gian ác” (xem 4:15; 5:8; 10:5). Nó ám chỉ đến Bê-tên (“nhà của Đức Chúa Trời”) và Giê-rô-bô-am I dựng lên con bò vàng tại đây để tôn thờ như là ảnh tượng của Đức Giê-hô-va (xem A-môt 5:5).

▣
NASB “Đằng sau ngươi, Bên-gia-min”
NKJV, NRSV “nhìn phía sau ngươi, hỡi Bên-gia-min”
TEV “xung trận, dũng sĩ Bên-gia-min”
NJB “chúng ta đang ở phía sau ngươi, Bên-gia-min”

Ý này không phù hợp với bối cảnh vì vậy nhiều dịch giả dựa theo bản Bảy mươi dịch là “hỡi Bên-gia-min, hãy run rẩy trong sợ hãi.” Cách dịch này nói lên truyền thống khác trong tiếng Hê-bơ-rơ.

5:9
NASB “Giữa vòng các chi phái Y-sơ-ra-ên điều gì Ta tuyên bố thì là chắc chắn”
NKJV, NRSV “Giữa vòng các chi phái Y-sơ-ra-ên, Ta sẽ bày tỏ điều gì là chắc chắn”
TEV “Hỡi dân Y-sơ-ra-ên, điều này chắc chắn sẽ xảy ra”
NJB “trên các chi phái Y-sơ-ra-ên, Ta đã tuyên phán sự hủy diệt chắc chắn”

Câu này nói lên sự phán xét của Đức Chúa Trời chắc chắn xảy đến (xem Ê-sai 14:24,20-27; 25:1; 46:10).

5:10 “Các quan trưởng Giu-đa giống như kẻ lẩn địa giới” Giu-đa đã lợi dụng lúc Y-sơ-ra-ên suy yếu mà chiếm đoạt và sáp nhập một số lãnh thổ miền nam của Y-sơ-ra-ên. Dời cột mốc ranh giới là một việc làm gian ác trong thời cổ đại (xem Phục truyền Luật lệ Ký 19:14; 27:17; Châm-ngôn 22:28; 23:10; Gióp 24:2).

5:11 “bị áp bức, bị nghiền nát” Cả hai là dạng ĐỘNG TÍNH TỪ THỤ ĐỘNG Qal (Qal PASSIVE PARTICIPLES) (#1 BDB 1075, KB 1785; #2 BDB 929, KB 1206). Ở đây chúng được sử dụng chỉ quân nước ngoài xâm lược (xem Ê-sai 52:4; Giê-rê-mi 50:33). Cũng chính hai thuật ngữ này được sử dụng cho sự bóc lột của những kẻ giàu có (ví dụ 12:7; Phục truyền Luật lệ Ký 24:14; Giê-rê-mi 7:6; A-môt 4:1).

▣
NASB “Bởi vì nó đã quyết định làm theo lệnh của con người”
NKJV “Bởi vì nó sẵn sàng đi theo giới luật của con người”
NRSV “bởi vì nó đã quyết định theo đuổi sự hư không”
TEV “bởi vì nó đã nhất quyết tìm sự cứu giúp từ những kẻ không có gì để ban cho”
NJB “vì đã cố ý dựa theo một sự dối trá”

Chữ “mệnh lệnh (điều răn)” khiến cho khó hiểu (BDB 846) và nó chỉ được dùng ở đây và

trong Ê-sai 28:10 (tham khảo câu 13). Bản dịch Kinh thánh NIV xem nó có gốc từ một tiếng Hê-bơ-rơ khác và dịch là “thần tượng” (xem bản dịch TEV, NJB) là dựa theo các phiên bản Targums, bản Bảy mươi, và bản Kinh Thánh tiếng Sy-ri.

Phần nhiều sự sùng đạo trong thời đại của chúng ta chỉ đơn thuần là theo truyền thống chứ không phải từ Lời Chúa (xem Ê-sai 29:13; Cô-lô-se 2:16-23).

5:12

NASB, NKJV “bướm”
NRSV “giòi”
TEV “tiêu hủy”
NJB “sâu vòng”

Chữ này có nghĩa đen là “con sâu cắn phá” hoặc “ấu trùng bướm” (BDB 799, tham khảo Thi thiên 39:11; Ê-sai 50:9; 51:8). Đây là hình ảnh ẩn dụ chỉ sự hủy diệt (xem bản dịch TEV). Đức Chúa Trời sẽ phán xét Y-sơ-ra-ên và Giu-đa bằng sâu bọ và sự hư nát (BDB 955). Có thể là chữ “sâu bướm” (c51 BDB 799) xuất phát từ gốc khác (c55, BDB 799) có nghĩa là “bỏ đi,” nhưng tại đây có nghĩa là thiêu rụi.



NASB, NKJV,
NRSV “sự sa đọa”
TEV “hủy hoại”
NJB “hoại tử”
NAB “giòi”

Thuật ngữ này (BDB 955) có nghĩa là “bị sâu ăn.” Một số học giả cho rằng “sâu bướm” có thể ám chỉ đến “giòi ăn” như thể sẽ hợp với thể song đối. Tuy nhiên, trong tất cả các nơi khác mà từ này xuất hiện thì nó dùng để chỉ sự mục nát tận trong xương tủy (xem Gióp 13:28; Châm-ngôn 12:4; 14:30; Ha-ba-cúc 3:16).

5:13 Cả Y-sơ-ra-ên và Giu-đa đối phó lại sự phán xét của Đức Chúa Trời bằng cách tìm sự giúp đỡ từ liên minh chính trị của các đế quốc ngoại đạo, mà không hề ăn năn hối cải và đặt đức tin vào Đức Chúa Trời lập giao ước với họ.

▣ **“bệnh tật”** Chữ này (BDB 318) có nghĩa là “bệnh” hay “bệnh tật” được dùng làm hình ảnh ẩn dụ để chỉ tình trạng tội lỗi (ví dụ, xem Ê-sai 1:5-6 và 53:4 có cùng một khái niệm như vậy). “Bệnh tật” là điều cảnh báo mà Môi-se đã nói với dân sự nếu họ không vâng giữ giao ước (ví dụ, Phục truyền Luật lệ Ký 7:15; 28:59,61).

▣ **“Vết thương...Vết thương”** Thuật ngữ này (BDB 267) có ý nói đến “đẩy ra ngoài” (nghĩa là tẩy trùng vết thương, đem bụi bẩn và các dị vật ra ngoài). Xem cách dùng của nó trong Giê-rê-mi 30:13. Nếu vết thương không được tẩy trùng và băng bó, tất nhiên bị nhiễm trùng và thường nguy hiểm tính mạng. Y-sơ-ra-ên bị bệnh tật (tội ác) nhiều như thể còn Giu-đa thì quá ô uế nên cái chết và sự lưu đày (tức là sự phán xét của Đức Chúa Trời) chắc chắn xảy đến. Chỉ có Đức Chúa Trời mới có thể phục hồi và thanh tẩy. Ngài sẽ làm điều đó nếu họ ăn năn và tìm kiếm Ngài (xem câu 5).

▣ **“vua Gia-rép”** Chữ này dường như chỉ biệt danh của Tiglathpileser III là vua A-sy-ri. Từ ngữ này có nghĩa là “vua thường hay tranh chấp” hoặc “vua thích gây hấn” (BDB 937, “chiến binh,”

xem 10:6). Nó có thể được nhại lại để có nghĩa là “vị vua vĩ đại” (xem bản dịch NRSV, TEV, NJB). Có thể tóm lược các vị vua A-sy-ri trong thời kỳ này: Tiglath-Pileser III, năm 745-727 trước Chúa; Shalmaneser V, năm 727-722 trước Chúa, Sargon II, năm 722-704 trước Chúa, và Sennacherib, năm 704-681 trước Chúa.

5:14 Đức Chúa Trời mô tả chính mình (“Ta, thậm chí Ta”) giống như là con sư tử hoặc con sư tử tơ hung dữ khi Ngài phán xét (xem 13:6-8; Thi thiên 50:22; A-môt 1:2). Không phải bởi sức mạnh của các quốc gia ngoại giáo, cũng không phải vì Đức Giê-hô-va bất năng nên khiến dân sự của Chúa bị lưu đày, nhưng bởi vì họ tiếp tục phạm tội và nổi loạn. Đức Chúa Trời dùng các quốc gia này (A-sy-ri, Ba-by-lôn, Ba Tư) cho mục đích của Ngài.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SƯ TỬ TRONG CỰU ƯỚC

Thông thường sức mạnh của một cá nhân hay quốc gia được mô tả giống như một con sư tử là vua của những con thú săn mồi.

1. Giu-đa, Sáng thế Ký 49:9; Mi-chê 5:8
2. Đức Giê-hô-va (thay mặt cho Y-sơ-ra-ên), Dân số Ký 24:9; Ê-sai 31:4; 35:9; Ô-sê 11:10
3. Y-sơ-ra-ên như một con sư tử bị đánh bại, Ê-xê-chi-ên 19
4. Chi phái Đan, Phục truyền Luật lệ Ký 33:22
5. Sức mạnh của Đa-vít thắng hơn con sư tử, I Sa-mu-ên 17:34-37
6. Sau-lơ và Giô-na-than, II Sa-mu-ên 1:23
7. Biểu tượng của kẻ bảo vệ ở hai bên cái ngai của vua Sa-lô-môn, I Các vua 10:19-20
8. Đức Chúa Trời dùng sư tử để trừng phạt, I Các vua 13,20; II Các vua 17:25-26; Ê-sai 15:9; ẩn dụ trong Gióp 4:10; Giê-rê-mi 2:30; 49:19,44; Ca thương 3:10; A-môt 3:4,8,12; 5:19; Ô-sê 5:14; 13:7-8; Na-hum 2:11-12
9. Được mô tả kẻ thù của Đa-vít và Đức Chúa Trời sẽ giải cứu ông, Thi thiên 7:2, 10:9, 17:12; 22:13,21
10. Hình ảnh ẩn dụ để chỉ kẻ ác mà không biết rõ, Châm-ngôn 22:13, 26:13, 28:15
11. Được dùng để mô tả quân đội của Ba-by-lôn, Giê-rê-mi 4:7; 49:19-22; 51:38
12. Quân đội của các quốc gia chống lại dân sự của Đức Chúa Trời, Giê-rê-mi 5:6; 25:32-38; 50:17; Giô-ên 1:6
13. Cách thức dân sự của Chúa đối xử với Ngài, Giê-rê-mi 12:8
14. Cách thức các nhà lãnh đạo của Đức Chúa Trời đối xử với dân sự, Ê-xê-chi-ên 22:25; Sô-phô-ni 3:3
15. Hình ảnh ẩn dụ chỉ sự tức giận của nhà vua, Châm-ngôn 19:12, 20:2
16. Hình ảnh ẩn dụ chỉ sự tin kính, Châm-ngôn 28:1;
17. Hình ảnh ẩn dụ chỉ Đấng Mết-si-a, Sáng thế Ký 49:9; Khải huyền 5:5

Xét theo cách sử dụng ý nghĩa của 11 và 12 trong sách Giê-rê-mi thì rõ ràng là hình ảnh ẩn dụ của Đa-ni-ên để chỉ quân đội Ba-by-lôn như một con sư tử di chuyển rất nhanh nhẹn. (Các đế quốc này đều có đồng bằng phì nhiêu được gọi chung bằng tên Fertile Crescent, vùng đất màu mỡ hình lưỡi liềm). Các đế quốc trong vùng này thường dùng hình ảnh con sư tử làm biểu tượng cho quốc gia (sư tử có cánh trên cổng Istar của thành phố Ba-by-lôn).

5:15 Câu này lóe lên một tia hy vọng cho sự hồi cải, phục hồi, nhưng phải có điều kiện (tham khảo 2:7). Nó giải bày tin lành hay tin dữ trong Phục truyền Luật lệ Ký 4:25-31.

▣ **“cho đến chừng nào chúng nó nhận biết mình phạm tội”** ĐÔNG TỪ (BDB 79, KB 95, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal) có nghĩa là “mang tội” (tội lỗi do vi phạm giao ước, bắt buộc phải có sự phán xét, xem 5:15, 10:2, 13:16, Thi thiên 34:21-22; Ê-sai 24:6; Giê-rê-mi 2:3; Ê-xê-chi-ên 6:6; Giô-ên 1:18; Xa-cha-ri 11:5).

▣ **“tìm kiếm mặt ta...chúng nó sẽ cố tìm ta”** Xin xem chú thích ở 3:5. Có hai từ gốc tiếng Hê-bơ-rơ khác nhau.

1. BDB 134, KB 152, dạng HOÀN THÀNH Piel, ví dụ, Xuất Ê-díp-tô Ký 33:7; Phục truyền Luật lệ Ký 4:29, I Sứ ký 16:11; II Sứ ký 7:14; Ô-sê 3:5, 5:6, 7:10; A-mốt 8:12; Sô-phô-ni 1:6, 2:3
2. BDB 1007, KB 1465, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Piel, ví dụ, Châm-ngôn 8:17; Ê-sai 26:9; Ô-sê 5:15

Ô-SÊ ĐOẠN 6

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI*

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Kêu gọi ăn năn	Bởi vì phản loạn không dứt, sự phán xét của Đức Chúa Trời đến trên Y-so-ra-ên (4:1-14:9)	Sự ăn năn không hết lòng của dân sự (6:1-7:2)	Sự đáp lời của dân Y-so-ra-ên
6:1-3	(5:15-6:3)	6:1-3	6:1-6
Lòng không ăn năn của Y-so-ra-ên và Giu-đa (6:4-7:10)			
6:4-11	6:4-6 6:7-11	6:4-6 6:7-10 6:11-7:2	Sự náo loạn trong Y-so-ra-ên 6:7-7:2

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

BẢN NASB 6:1-3

¹ Hãy đến, chúng ta hãy trở về cùng Đức Giê-hô-va; vì Ngài đã xé chúng ta, song Ngài sẽ chữa lành cho; Ngài đã đánh chúng ta, song sẽ buộc vết tích. ² Trong hai ngày, Ngài sẽ khiến chúng ta tỉnh lại; ngày thứ ba, Ngài sẽ dựng chúng ta dậy, chúng ta sẽ sống trước mặt Ngài. ³ Chúng ta khá nhận biết Đức Giê-hô-va; chúng ta khá gắng sức nhận biết Ngài. Sự hiện ra của Ngài là chắc chắn như sự hiện ra của mặt trời sớm mai, Ngài sẽ đến cùng chúng ta như mưa, như mưa cuối mùa tưới đất.

6:1 “Hãy đến” Chữ này là dạng MỆNH LỆNH Qal (Qal IMPERATIVE) (BDB 229, KB 246). Có vẻ như 6:1-3 mô tả sự ăn năn thật được (Chúa) hồi thúc trong 5:14-15, nhưng khi đọc đến 6:4-6 thì rõ ràng nó chỉ là sự hồi cải bề ngoài và không phải là một thay đổi tâm tính hoàn toàn hay là sự khởi đầu của mối quan hệ cá nhân.

▣ **“chúng ta hãy trở về”** Đây là dạng MỆNH LỆNH Qal (COHORTATIVE Qal) (BDB 996, KB 1427). Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Ăn Năn Trong Cựu Ước trong A-môt 1:3.

Các câu 1-3 có thể là những lời của các thầy tế lễ. Toàn bộ mạch văn tại đây là xưng nhận của họ. Vậy nên mạch văn này là lời đáp ứng theo nghi thức của họ đối với sự kêu gọi ăn năn của Đức Giê-hô-va trong 5:15.

▣ **“Ngài đã xé chúng ta”** Thuật ngữ này (BDB 382, KB 380, dạng HOÀN THÀNH Qal (Qal PERFECT)) có thể ám chỉ đến 5:14. Đức Giê-hô-va được mô tả trong sự phán xét như một con sư tử hung tợn (xem Gióp 16:9). Cũng chữ này được sử dụng trong A-môt 1:11, nhưng không rõ là nó đề cập đến sự tức giận của Đức Giê-hô-va hay của Ê-đôm. Cụm từ “đã bị xé” đi song song với cụm từ “đã bị thương” (BDB 645, KB 697, dạng MỆNH LỆNH Hiphil JUSSIVE (Hiphil JUSSIVE) [theo hình thức, chứ không theo chức năng, theo quyển *Old Testament Parsing Guide* của Beall, Banks, và Smith, trang 655]). Theo mạch văn chữ này có thể có nghĩa là, “đánh bằng một cú đánh không đến nỗi làm cho chết” (ví dụ, Xuất Ê-díp-tô Ký 21:15,19) hoặc là “đánh liên tục” (ví dụ, Xuất Ê-díp-tô Ký 2:11,13; 5:16) .

▣ **“Ngài sẽ chữa lành cho”** Chữ “chữa lành” (BDB 950, KB 1272, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH (Qal IMPERFECT)) đi song song với cụm từ “sẽ băng bó” (BDB 289, KB 289, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal (Qal IMPERFECT)). Y-sơ-ra-ên công nhận sự phán xét từ Đức Giê-hô-va mà đến và nếu họ ăn năn thì Ngài sẽ tha thứ và phục hồi họ lại.

6:2 “Ngài sẽ khiến chúng ta tỉnh lại...Ngài sẽ dựng chúng ta dậy” ĐỘNG TỪ đầu tiên (BDB 310, KB 309, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Piel (Piel IMPERFECT)) có từ nguyên là động từ “sống” hay là “hồi sinh” (ví dụ, Thi thiên 119:50,93). Nó song đối với động từ “dựng dậy” trong dòng thơ tiếp theo. Có lẽ đây là thần học chuẩn mực mà họ đã nghe được. Họ đang trông mong nơi bản tính thương xót không đòi hỏi của Đức Chúa Trời sẵn sàng làm hồi sinh, cứu vớt và giải thoát họ. Nhưng họ đã quên và bỏ qua các điều kiện giao ước là đức tin và vâng lời mà chỉ muốn nhận những ích lợi của nó mà thôi.

▣ **“Trong hai ngày”** Cụm từ này có thể là một thành ngữ tiếng Hê-bơ-ơ để chỉ một thời gian ngắn (ví dụ, Các Quan Xét 11:4).

▣ **“Vào ngày thứ ba”** Cụm từ này nói đến (1) câu tục ngữ phổ biến liên quan việc thiết lập một thỏa thuận (xem Giô-suê 9:16-17; II Sa-mu-ên 20:4; Ê-xơ-ra 10:8-9) hay (2) chỉ đơn giản là cách thức văn chương (theo thứ tự hai...ba) dùng diễn tả một thời gian ngắn. Y-sơ-ra-ên đang hy vọng Đức Giê-hô-va sẽ tha thứ họ và phục hồi nhanh chóng. Tuy nhiên cũng có một số nhà giải kinh (tôi nghĩ họ đã sai lầm) đã dùng câu thơ này làm bằng chứng Kinh thánh nói đến việc Đức Chúa Giê-xu ở trong mộ ba ngày (xem I Cô-rinh-tô 15:4).

6:3 “Chúng ta khá nhìn biết Đức Giê-hô-va; chúng ta khá gắng sức nhìn biết Ngài” Cả hai động từ đều là dạng MỆNH LỆNH Qal (COHORTATIVES Qal). Chúng nói đến ước muốn có được sự tương giao thân mật với Đức Giê-hô-va. Điều này là chủ đề của sách Ô-sê (xem 2:8,20;

4:1,6; 5:4; 6:3,6).

☐ **“mặt trời sớm mai...mưa...mưa cuối mùa”** Những chi tiết này mô tả các qui luật đều đặn của thiên nhiên, cũng như những đức tính của Đức Giê-hô-va vẫn luôn luôn như vậy. Ước muốn cơ bản của Chúa là có sự thông công với con người được tạo dựng theo hình ảnh của Ngài. Đây là mục đích của sự sáng tạo. Tình thương của Ngài dành cho cả ngàn đời (xem Phục truyền Luật lệ Ký 7:9). Nhưng Ngài chỉ giận cho đến đời thứ ba và thứ tư mà thôi (xem Phục truyền Luật lệ Ký 5:9). Đức tính tràn đầy ân sủng của Đức Chúa Trời là niềm hy vọng cho nhân loại.

Một trong những tác giả mà tôi yêu thích là F.F. Bruce. Ông có một bài viết hay về những cơn mưa ở Pa-léc-tin trong quyển *Answers to Questions*, trang 13. Cuốn sách này đã rất hữu ích cho tôi nên tôi mạnh dạn giới thiệu nó.

BẢN NASB 6:4-11

⁴ Ta sẽ làm gì cho người, hỡi Ép-ra-im? Ta sẽ làm gì cho người, hỡi Giu-đa? Vì lòng nhân từ của các người giống như mây buổi sáng, như móc tan ra vừa lúc sớm mai. ⁵ Vậy nên ta đã dùng các tiên tri sửa phạt chúng nó; ta đã giết chúng nó bởi lời nói từ miệng ta: những sự phán xét của ta mọc lên như ánh sáng. ⁶ Vì ta ưa sự nhân từ và không ưa của lễ, ưa sự nhận biết Đức Chúa Trời hơn là ưa của lễ thiêu. ⁷ Nhưng, theo cách người ta, chúng nó đã phạm lời giao ước, và ở đó chúng nó đã phỉnh dối ta. ⁸ Ga-la-át là thành của kẻ làm ác, đầy những máu. ⁹ Như bọn trộm cướp rình người đi qua, thì bọn thầy tế lễ cũng giết người trên con đường đi về Si-chem, chúng nó phạm biết bao là tội ác! ¹⁰ Trong nhà Y-sơ-ra-ên, ta đã thấy một việc gớm ghiếc, ở đó Ép-ra-im thì làm sự gian dân, Y-sơ-ra-ên thì bị ô uế! ¹¹ Hỡi Giu-đa, người cũng vậy, có mùa gặt đã định cho người, khi ta đem phu tù của dân ta trở về.

6:4 “Ta sẽ làm gì cho người” Nghĩa đen của cụm từ này “ta có thể làm gì cho người” hoặc “ta có thể làm các người thành cái gì đây”. Đức Giê-hô-va đang phán trực tiếp qua Ô-sê. Đức Chúa Trời ngạc nhiên về sự nông nổi, hời hợt của dân sự Ngài và Ngài cũng xấu hổ về vẻ sùng đạo của họ. Nhưng Ngài cũng tan nát cõi lòng vì sự phán xét thích đáng dành cho họ (xem 11:8-9).

☐ **“Vì lòng nhân từ của các người giống như mây buổi sáng”** Sự hối cải của họ chỉ là bề ngoài, còn lòng trung thành của họ (sự trung tín theo giao ước) vẫn chỉ là trò hề. Từ ngữ “trung thành” (*hesed*, BDB 338) cũng được dịch cùng một chữ “nhân từ” trong 4:2. Xem chủ đề đặc biệt: Sự yêu thương nhân từ trong 2:19.

☐ **“như sương móc tan ra vừa lúc sớm mai”** “Sương” (BDB 378) được dùng trong Cựu Ước theo hai nghĩa:

1. Giúp cho mùa màng (cây trồng) có được độ ẩm trong mùa hè (nghĩa tích cực)
2. Hình ảnh ẩn dụ diễn tả sự biến mất nhanh chóng (nghĩa tiêu cực)

Trong Ô-sê 6:4 không thấy Y-sơ-ra-ên ăn năn thì gặp phải sự phán xét đến nhanh chóng như ở 13:3.

6:5 Hình thức song đôi trong câu này cho thấy có sự linh cảm trong sứ điệp của các tiên tri (từ A-mốt đến Ê-li-sê). Dòng thơ thứ hai có thể là nguồn gốc cho hình ảnh ẩn dụ trong Khải huyền 1:12,16. Lời phán của Đức Chúa Trời có quyền năng mạnh mẽ.



NASB, NKJV “sự phán xét trên các người giống như ánh sáng tràn ra”
NRSV “sự phán xét tràn ra như ánh sáng”
TEV -----
NJB “bản án ta định sẽ tỏa sáng như bình minh tràn đến”

Nếu phân định (sắp xếp) các phụ âm tiếng Hê-bơ-rơ theo cách khác thì có thể dịch là “sự phán xét của ta sẽ tràn đến như ánh sáng” (tham khảo bản Bảy Mươi, Peshitta, và Targums).

Từ ngữ “ánh sáng” (BDB 21) ám chỉ đến “bình minh” (BDB 1007) trong câu 3b. Giống như bình minh phải đến mỗi ngày, thì sự điệp phán xét của Đức Chúa Trời qua các tiên tri của Ngài chắc chắn đến.

6:6 “Vì ta ưa sự nhơn từ và không ưa của lễ” Đức Chúa Trời nhìn vào tấm lòng. Động cơ mới là điều chính yếu (xem Giê-rê-mi 9:24). Đây là một trong những đoạn văn thần học quan trọng trong cuốn sách (xem 8:7; 11:12). Chữ “trung thành” ở đây có cùng nghĩa được dùng trong câu 4, nhưng ở đây nó là yêu thương chân thật, trung thành với giao ước. Chúa Giê-xu đã dùng khái niệm này khi Ngài trả lời những người Pha-ri-si ở Ma-thi-ơ 9:13; 12:7. Khái niệm này không có nghĩa là Đức Chúa Trời không muốn họ dâng tế lễ, nhưng phải chú ý đến động cơ chính đáng khi dâng (xem I Sa-mu-ên 15:22; Ê-sai 1:11-13; Giê-rê-mi 7:21-23; A-mốt 5: 21-24; Mi-chê 6:6-8). Có một giải luận hay về đề tài này trong quyển *Hard Sayings of the Bible*, trang 207-208, 294-295. Hệ thống dâng tế lễ là cách thức chỉ ra mức độ nghiêm trọng của tội lỗi và Đức Chúa Trời sẵn sàng tiếp nhận những người tội lỗi vào mối thông công với Ngài. Tuy nhiên, khi nó thoái hóa chỉ còn là nghi thức mà không có sự hối cải và đức tin thì nó trở thành việc đóng kịch, một rào cản của sự tương giao thực sự với Đức Chúa Trời.

6:7

NASB “Nhưng cũng giống như A-đam họ đã vi phạm giao ước”
NKJV “Nhưng cũng giống như người ta họ đã vi phạm giao ước”
NRSV “Nhưng ngay khi họ bước vào đất tại A-đam, họ đã phá vỡ giao ước”
NJB “Nhưng họ đã phá vỡ giao ước tại A-đam”

Khởi đầu thì dường như chỗ này nói đến A-đam là tổ phụ của tất cả loài người, nhưng khi xem xét kỹ hơn về bối cảnh thì có lẽ là hai thành phố có liên quan với việc vi phạm giao ước (A-đam trong xứ Ga-la-át và Si-chem). Ô-sê thường nhắc đến nhiều thành phố và có những ám chỉ về lịch sử. Có một số những sự kiện cổ đại, một số sự kiện vào thời đó mà chúng ta không biết rõ cũng như những sự kiện tương lai về sự phục hồi và hy vọng. Sự việc này ở tại A-đam trong xứ Ga-la-át nằm trên đường đến Si-chem vẫn là một điều khó hiểu (bí ẩn). Dầu vậy nó có liên quan đến các thầy tế nên có thể nó là sự kiện chính trị hay tôn giáo. Từ khi Si-chem là “thành ẩn náu” nên nó có thể có liên quan đến vấn đề người tị nạn. Những bản dịch cổ xưa cũng như hiện đại vẫn còn nhiều khác biệt trong cách hiểu câu này. Tuy nhiên khi dựa vào ngữ cảnh, tôi nghĩ rằng “A-đam” phải được hiểu là một thành phố được đề cập trong Giô-suê 3:16. Chữ “ở đó” (BDB 1027) trong câu 7b hỗ trợ cho cách giải thích này.

ĐỘNG TỬ (BDB 716, KB 778, dạng HOÀN THÀNH Qal (Qal PERFECT)) có nghĩa là “vượt qua”, “đi qua,” hoặc “vượt khỏi.” Theo bối cảnh ở đây thì chữ này có nghĩa là xâm phạm địa giới, xâm chiếm (ví dụ, 8:1; Dân số Ký 14:41; Phục truyền Luật lệ Ký 17:2; 26:13; Thi thiên 17:3; Ê-sai 24:5). Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Giao ước trong 2:18.



NASB “Ở đó họ đã đối xử cách bội bạc chống nghịch Ta”

NKJV “Ở đó, họ đã đối xử với Ta cách bội bạc”

NRSV “tại đó họ đã đối xử cách vô tín với Ta”

TEV -----

NJB “tại đó họ đã phản bội Ta”

ĐỘNG TỪ (BDB 93, KB 108, dạng HOÀN THÀNH Qal (Qal PERFECT)) có nghĩa là “phản bội lại giao ước” (Đối với Đức Giê-hô-va, hôn nhân được dùng theo cách sự ví sánh, xem Ê-sai 24:16; Giê-rê-mi 3:20; 5:11; Ma-la-chi 2:15). Từ ngữ này được sử dụng nhiều lần trong Ê-sai 33:1. Phải lưu ý đến tính cách cá nhân của hành động lật lọng này (chống lại Ta). Cũng ĐÔNG TỪ này được sử dụng trong 5:7 lại liên quan với những lời hứa nguyện hôn nhân.

6:9 “Nur bọn trộm cướp rình người đi qua, thì bọn thầy tế lễ cũng giết người trên con đường đi về Si-chem” Có thể thành Si-chem vẫn còn trung thành với Đức Giê-hô-va nên những thầy tế lễ dọa sẽ giết những ai đi thờ phượng tại Si-chem để có nhiều người hơn đi đến Bê-tên hay Ghinh-ganh. Cũng có thể các thầy tế tại Si-chem đã ganh tị và họ muốn ngăn cản những người hành hương đi qua thành của họ để đến những địa điểm thờ cúng của ngoại giáo. Rõ ràng đây là thủ phạm có âm mưu nên những thầy tế lễ dù thuộc loại nào cũng đã tách ra khỏi sự kêu gọi ban đầu (để có những thảo luận chi tiết về chữ Hê-bơ-rơ này và liên quan của nó với Mười Điều Răn nên xem quyển *Hard Sayings of the Bible*, trang 114-116 và 148-149).

6:10 “một việc gớm ghiếc” Từ ngữ này được sử dụng nhiều lần trong Giê-rê-mi theo nhiều ý nghĩa khác nhau:

1. Ý nghĩa cơ bản là thối rữa, mục nát (xem Giê-rê-mi 29:17)
2. Sự bại hoại, sa đọa của những người lãnh đạo tôn giáo (xem Giê-rê-mi 5:30-31; 23:14)
3. Sự sa đọa của toàn thể đất nước (xem Giê-rê-mi 18:13)

☐ “**Y-so-ra-ên thì bị ô uế**” ĐÔNG TỪ này (BDB 379, KB 375, dạng HOÀN THÀNH Niphal (Niphal PERFECT)) được sử dụng nhiều lần để nói đến sự thờ lạy thần sinh sản (ví dụ, 5:3).

6:11

NASB “Hỡi Giu-đa, ngươi cũng vậy, có mùa gặt đã định cho ngươi, khi ta đem phu tù của dân ta trở về”

NKJV “Cũng vậy, hỡi Giu-đa, một vụ mùa đã dành cho ngươi, Khi Ta dẫn những kẻ phu tù trong dân sự Ta trở về”

NRSV “Với ngươi cũng vậy, hỡi Giu-đa, một mùa thu hoạch đã dành sẵn. Khi Ta sẽ phục hồi lại cơ nghiệp của dân sự Ta”

TEV “Còn đối với ngươi, dân Giu-đa, Ta cũng đã định một thời điểm để trừng phạt ngươi vì những gì ngươi đã làm”

NJB “Đối với ngươi cũng vậy, Giu-đa, vụ mùa thì trong kho, Khi Ta phục hồi lại cơ nghiệp của dân sự Ta”

Câu này mơ hồ, tối nghĩa. Dường như là nó ám chỉ đến sự phán xét (vụ mùa, xem Giê-rê-mi 51:33; Giô-ên 3:13) sẽ giáng xuống Giu-đa vì sự thờ thần tượng (xem 8:14; 12:2), nhưng dòng tiếp theo thì lại ám chỉ đến hy vọng về sự phục hồi. Có thể phần 6:11b nên đi chung với 7:1 a.

CÂU HỎI THẢO LUẬN CHO ĐOẠN 5 VÀ 6

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh

thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Mô tả bối cảnh lịch sử của cuộc chiến được đề cập trong 5: 8-15.
2. Tại sao 6:1-4 được cho là sự hối cải chỉ ở bề ngoài?
3. Định nghĩa chữ “biết” trong tiếng Hê-bơ-rơ.
4. Tại sao câu 11 rất khó để giải thích?

Ô-SÊ ĐOẠN 7

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI*

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Lòng không ăn năn của Y-sơ-ra-ên và Giu-đa (6:4-7:10)	Bởi vì phản loạn không dứt, sự phán xét của Đức Chúa Trời đến trên Y-sơ-ra-ên (4:1-14:9)	Sự ăn năn không hết lòng của dân sự (6:1-7:2)	Sự náo loạn trong Y-sơ-ra-ên (6:7-7:2)
7:1-3	7:1-7	Âm mưu trong hoàng cung 7:3-6 7:7	Âm mưu: Trình tự thường ngày trong Y-sơ-ra-ên 7:3-7
7:8-10	7:8-10	7:8-12	7:8-12
Sự vô ích của việc nương dựa nơi các nước			Thái độ vô ơn và sự trừng phạt Y-sơ-ra-ên
7:11-12	7:11-13		
7:13-16		7:13-16	7:13-16
	7:14-16		

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

BẢN NASB 7:1-7

¹ Khi ta muốn chữa lành cho Y-sơ-ra-ên, thì tội lỗi của Ép-ra-im và sự gian ác của Sa-ma-ri bày tỏ; vì chúng nó đã làm sự giả dối; kẻ trộm vào trong và bọn cướp đánh giết ở ngoài. ² Chúng nó không nghĩ trong lòng rằng ta nhớ mọi sự gian ác của chúng nó. Bây giờ tội phạm chúng nó ràng rịt lấy mình; chúng nó ở trước mặt ta. ³ Chúng nó lấy sự gian ác mình làm vui lòng vua, lấy sự dối trá mình làm đẹp lòng các quan trưởng. ⁴ Hết thấy chúng nó đều tà dâm, giống như lò của người nướng bánh đốt lửa, thổi chum lửa từ khi nhồi bột cho đến chùng bột dậy men. ⁵ Đến ngày vua chúng ta, các quan trưởng vì sự nóng của rượu mà đau ốm: vua cũng bắt tay những kẻ hay nhạo báng. ⁶ Chúng nó rình rập, lòng cháy như là lửa mà kẻ nướng bánh đã ngủ cả đêm; đến sáng sớm thì lò chánh như lửa phun ra những ngọn. ⁷ Chúng nó thấy đều nóng hừng như lò lửa, nuốt các quan xét mình. Hết thấy các vua chúng nó đều bị úp đở, và trong đám họ chẳng ai kêu với ta.

7:1 “Khi Ta muốn chữa lành cho Y-sơ-ra-ên” Đường như cách tốt nhất là xem nội dung của dòng thơ này với dòng cuối cùng của chương 6 là một cặp đi đôi với nhau (theo bản dịch LXX, Peshitta, Vulgate, NKJV, NASB).

▣ **“Chữa lành”** Từ “chữa lành” (BDB 950, KB 1272, dạng SỞ HỮU CÁCH NGUYÊN MẪU Qal (Qal INFINITIVE CONSTRUCT)) được Ô-sê sử dụng thường xuyên để mô tả Đức Chúa Trời đổi mới tâm linh của dân sự Ngài khỏi căn bệnh nổi loạn (ví dụ, 5:13, 6:1, 7:1, 11:3; 14:4). Trong Cựu Ước tội lỗi được mô tả là một loại bệnh (ví dụ, Thi thiên 103:3; Ê-sai 1:5-6).

▣ **“Tội lỗi”** Tội lỗi của Y-sơ-ra-ên được mô tả là “bất công, trái đạo lý” (thối nát, tham nhũng, 4:8, 5:5, 8:13; 9:7,9; 10:10; 12:8; 13:12; 14:1-2, BDB 730) và “việc làm gian ác” (BDB 949, xem 7:2,3; 9:15; 10:15 [hai lần]).

▣ **“bày tỏ”** ĐỘNG TỪ này (BDB 162, KB 191, dạng HOÀN THÀNH Niphal) có nghĩa là bày tỏ bằng cách phơi bày ra (2:10, I Sa-mu-ên 2:27; 14:8; Ê-sai Isa 53:1). Trong Ê-sai 57:8 cũng như chỗ này nói đến khía cạnh tình dục (nói đến sự thờ lạy thần sinh sản).

▣

NASB, NRSV	“họ đối xử cách gian trá”
NKJV	“họ đã phạm phải sự gian dối”
TEV	“họ lừa gạt”
NJB	“vì sự lừa gạt là thái độ căn bản của họ”

ĐỘNG TỪ (BDB 821, KB 950, dạng HOÀN THÀNH Qal) đề cập đến “sự lừa gạt” và “dối trá” của Y-sơ-ra-ên (xem Giê-rê-mi 6:13; 8:8,10).

▣ **“kẻ trộm vào trong và bọn cướp đánh giết ở ngoài”** Cụm từ “bên trong” và “bên ngoài” có thể là cách nói đến (1) tội lỗi của cả dân tộc hay (2) sự xâm lược (ví dụ, Giê-rê-mi 18:22) và lưu đày. Chữ “kẻ trộm” (nghĩa đen “băng nhóm” BDB 151 I) được sử dụng trước đó trong 6:9 (xem II Sứ ký 25:9, 10, 13).

▣ **“Y-sơ-ra-ên...Ép-ra-im...Sa-ma-ri”** Đây là ba chữ dùng để mô tả mười chi phái phía Bắc sau sự chia đôi của dân sự Đức Chúa Trời trong năm 922 trước Chúa giữa Giê-rô-bô-am I là lãnh tụ của các lao công từ chi phái Ép-ra-im và Rô-bô-am, là con trai của vua Sa-lô-môn.

7:2 “ta nhớ mọi sự gian ác của chúng nó...chúng nó ở trước mặt ta” Chi tiết này nói đến việc Đức Chúa Trời đưa ra chứng cứ về những tội lỗi của dân sự trong giao ước của Ngài. Tha thứ là quên đi (ví dụ, Ê-sai 1:18; 38:17, 43:25, 44:22; Giê-rê-mi 31:34; Ê-xê-chi-ên 18:22; 33:16), nhưng Chúa ghi nhớ (xem 8:13; 9:9) là dấu hiệu không ăn năn của dân sự (“họ không xem xét trong tâm lòng của mình”) cùng với hậu quả của sự phán xét tiếp theo (ví dụ, Giê-rê-mi 14:10; 44:12).

▣ **“tội phạm chúng nó ràng rịt lấy mình”** ĐỘNG TỪ này (BDB 685, KB 738, dạng HOÀN THÀNH Qal) được dùng để chỉ một đạo binh hay là kẻ thù bao vây ai đó (Gióp 16:13; Thi thiên 17:11; 88:11). Chữ này cũng được sử dụng một lần nữa trong 11:12, theo nghĩa Ép-ra-im vây bọc Đức Chúa Trời bằng những sự dối trá.

7:3 “họ” Đã có nhiều bàn cãi về chữ “họ” là muốn nói đến ai trong các câu 3-6. Có hai giả thuyết chính:

1. Chữ này nói đến những người có âm mưu chính trị (xem câu 7 và bản dịch Kinh Thánh NET), là những người vì một lý do nào đó có liên quan tới những tên trộm cướp được đề cập trong câu 1. Bên ngoài thì họ bày tỏ sự trung thành với nhà vua, nhưng họ bí mật lập mưu ám sát nhà vua (xem 8:4). Sau cái chết của Giê-rô-bô-am II là thời kỳ của 6 vị vua nối ngôi nhau nhưng không kéo dài (xem câu 7): Xa-cha-ri cai trị năm 746-745 trước Chúa, sau đó bị ám sát; Sa-lum, cai trị năm 745 trước Chúa, sau đó bị ám sát; Mê-na-hem, cai trị năm 745-738 trước Chúa, là một vua chư hầu của A-sy-ri (xem II Các vua 15:19); Pê-ca-hia, cai trị năm 738-737 trước Chúa, ông bị ám sát; Pê-ca, cai trị năm 737-732 trước Chúa, ông bị ám sát; Ô-sê, cai trị năm 732-724 trước Chúa, ông bị vua A-sy-ri cầm tù (xem II Các vua 17:4).

2. Chữ này nói đến các thầy tế lễ bị Ô-sê khinh miệt kể từ 4:4-6, 7-10, 11-14; 5:1-7. Và bây giờ họ đang tham gia vào bạo động chính trị.

Cũng có thể là cả hai phối hợp với nhau. Chính những thầy tế này hợp tác với các hoàng tử là những người có âm mưu chính trị.

7:4 “Hết thầy chúng nó đều tà dâm” Điều này (1) ám chỉ đến việc thờ lạy thần sinh sản (theo nghĩa đen) hoặc (2) ám chỉ đến sự phản bội giao ước của họ (theo nghĩa bóng, xem Giê-rê-mi 9:2).

▣ **“giống như lò của người nướng bánh đốt lửa”** Đã có ám chỉ những thầy tế lễ hay là những người có mưu đồ chính trị giống như là thợ làm bánh và lò nướng bánh. Có vẻ như hình ảnh ẩn dụ này là (1) họ dậy sớm để lập kế hoạch phản quốc (xem các câu 6-8b) hoặc (2) họ không chú ý đến nhiệm vụ của mình và như người thợ làm bánh làm hư bánh mì.

7:5 “Đến ngày vua chúng ta” Điều này có thể đề cập đến dịp kỷ niệm lễ đăng quang hàng năm, tiệc mừng sinh nhật, hoặc một ngày đặc biệt vinh danh cho chiến thắng quân sự.

▣ **“các quan trưởng”** Chữ này có thể ám chỉ gia đình của nhà vua hay các cận thân. Họ thường được nhắc đến trong Ô-sê (xem 7:5, 16; 8:4, 10; 9:15; 13:10).

▣ **“vì sự nóng của rượu mà đau ốm”** Các nhà lãnh đạo chính trị là kẻ nói dối (câu 3), say sưa (câu 5), và lập mưu gian ác (các câu 5-7). Say rượu là một nan đề lớn của nhân loại sa ngã (xem Châm-ngôn 20:1; 23:29-35; Ê-sai 28:1,7). Nó thường được dùng làm hình ảnh ẩn dụ cho sự phán xét của Đức Chúa Trời.

▣
NASB, NKJV **“những kẻ giễu cợt”**
NRSV **“những kẻ nhạo báng”**
TEV
NJB **“những người cười ngạo với hấn”**

Từ ngữ này chỉ được tìm thấy ở đây. Nó có thể có nghĩa là “nổi loạn” (lập một kế hoạch tạo phản với những người nổi loạn) hoặc có gốc là một từ khác. “Nhạo báng” (lời cổ vắn của các cận thần say rượu).

7:6 “rình rập” Chữ này (BDB 70) đề cập đến một cuộc phục kích (xem Giê-rê-mi 9:8, dạng ĐỘNG TỬ cũng có trong Giê-rê-mi 51:12). Đây là việc giết người có chủ định trước mà Xuất Ê-díp-tô Ký 20:13 và Phục truyền Luật lệ Ký 5:17 ngăn cấm.

7:7 “Hết thầy các vua chúng nó đều bị úp đổ” Xem chú thích trong 7:3.

BẢN NASB 7:8-16

⁸ Êp-ra-im xen lộn với các dân khác; Êp-ra-im khác nào bánh chưa quay. ⁹ Các dân ngoại đã nuốt sức mạnh nó, mà nó không biết! Tóc đầu nó bạc lém đém, mà nó chẳng ngờ! ¹⁰ Sự kiêu ngạo của Y-so-ra-ên làm chứng trước mặt nó; chúng nó dầu gặp sự đó cũng không trở lại cùng Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, và cũng chẳng tìm kiếm Ngài! ¹¹ Êp-ra-im như bò câu ngây dại, không có trí khôn: vì chúng nó kêu Ê-díp-tô, đi đến cùng A-si-ri. ¹² Đang khi chúng nó đi đó, ta sẽ giăng lưới trên chúng nó, ta sẽ làm cho chúng nó ngã xuống như những chim trời; ta sẽ sửa phạt chúng nó y như giữa hội chúng nó đã nghe. ¹³ Khốn cho chúng nó! vì chúng nó lìa xa ta; nguyên sự hư nát đổ trên chúng nó! Vì chúng nó đã phạm tội nghịch cùng ta: dầu ta muốn cứu chuộc chúng nó, nhưng chúng nó nói những điều dối trá nghịch cùng ta. ¹⁴ Chúng nó chẳng lấy lòng kêu cầu ta, song chúng nó kêu van trên giường mình; chúng nó thâu mùa lúa mì và rượu mới của mình, và bặt nghịch cùng ta. ¹⁵ Chính ta đã dạy chúng nó, đã làm cho mạnh cánh tay chúng nó, dầu vậy, chúng nó cũng toan sự dữ nghịch cùng ta. ¹⁶ Chúng nó xây lại, song không hướng về Đấng Rất Cao. Chúng nó giống như cung gỗ trái. Quan trưởng chúng nó sẽ ngã bởi gươm, vì lưới chúng nó nổi giận. Kia, chúng nó sẽ làm trò cười trong đất Ê-díp-tô.

7:8 “Êp-ra-im xen lộn với các dân khác” Chi tiết này nói đến các liên minh nước ngoài của Y-so-ra-ên là A-sy-ri và Ai Cập (xem các câu 11,16). Nghĩa của chữ “trộn lẫn” được dùng trong việc dâng tế lễ (BDB 117, KB 134, dạng Hithpolel, ví dụ, Xuất Ê-díp-tô Ký 29:2, 40; Lê-vi Ký 2:4; 7:10). Liên minh với nước ngoài là tham gia cầu khẩn những thần của họ. Y-so-ra-ên đã hướng đến những thần tượng nước ngoài để tìm cầu giúp đỡ thay vì Đức Giê-hô-va (xem các câu 13-15).

▣ **“Êp-ra-im khác nào bánh chưa quay”** Nướng bánh là hình ảnh ẩn dụ (xem các câu 4,6,7)

để mô tả một cái bánh bị cháy ở một mặt còn mặt kia lại chưa chín. Dường như điều này là áp dụng về sự vô dụng của những người thuộc dân sự theo giao ước của Đức Chúa Trời. Để có một thảo luận chi tiết về cách làm bánh và lò nướng bánh thời cổ đại nên tham khảo quyển *Bible Background Commentary*, phần Cựu Ước, trang 756 hay Thánh Kinh Tự Điển hoặc Bách Khoa Toàn Thư. Tôi cũng giới thiệu thêm là bộ *Zondervan Pictorial Encyclopedia of the Bible* (5 tập).

7:9 Câu này dường như ám chỉ đến các khoản triều cống nặng nề do A-sy-ri áp đặt. Một lần nữa sự thiếu hiểu biết của Y-sơ-ra-ên được nhấn mạnh (“biết” BDB 393, KB 390, dạng HOÀN THÀNH Qal, hai lần, xem 4:1).



NASB, NRSV “Tóc bạc lấm tẩm trên nó”
NKJV “tóc bạc trên nó có chỗ này chỗ kia”
TEV “Số ngày của họ đã định”
NJB “ngay cả tóc của nó cũng bạc”

Đây là hình ảnh ẩn dụ diễn tả sức lực suy giảm và cái chết cận kề.

7:10 “Sự kiêu ngạo của Y-sơ-ra-ên làm chứng trước mặt nó” Điều này ám chỉ rằng bởi vì Y-sơ-ra-ên có sự hiểu biết về Đức Giê-hô-va qua Kinh Thánh (luật pháp Môi-se) cũng như từ các tiên tri và họ càng mắc tội nặng hơn nữa vì chạy theo thần sinh sản cũng như hành động hung bạo trái với giao ước.

Y-sơ-ra-ên đã có được vị thế đến nỗi nó nghĩ rằng sức mạnh quân sự của mình đem lại sự vững chắc (xem 5:5), nhưng sự thờ thần tượng của nó dẫn đến sự bội đạo và yếu đuối tâm linh.

▣ **“chúng nó đầu gối sự đó cũng không trở lại cùng Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình”** Đức Giê-hô-va đau đớn trong lòng bởi vì dân sự của Ngài lại không đến với Ngài (xem câu 7d). Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Ăn Năn Trong Cựu Ước trong A-môt 1:3.

Hai động từ (1. “trở về” BDB 996, KB 1427, dạng HOÀN THÀNH Qal và 2. “tìm kiếm” BDB 134, KB 152, dạng HOÀN THÀNH Qal) ám chỉ sự quay lại khỏi...(ăn năn) và tìm đến...(đức tin, xem Mác 1:15; Công vụ Các sứ đồ 3:16,19; 20:21).

7:11 Câu này cho thấy rõ sự rò rỉ khi trông cậy vào liên minh chính trị thay vì Đức Giê-hô-va (xem câu 16; 8:9-10, 13; 9:3, 6; 11:11; 12:1). Bản dịch NIV Study Bible có một ghi chú thú vị “Mê-na-hem hướng về A-sy-ri (II Các vua 15:19-20) còn Pê-ca thì quay sang Ai Cập. Vua Ô-sê đã lần lượt liên minh với cả hai nước (II Các vua 17:4)” (trang 1330).

7:12 “Đang khi chúng nó đi đó, ta sẽ giăng lưới trên chúng nó” Điều này cho thấy sự kiểm soát của Đức Giê-hô-va trên các đế quốc ngoại bang. Không phải A-sy-ri hay Ai Cập, nhưng chính Chúa mới kiểm soát vận mệnh của Y-sơ-ra-ên.

▣ **“ta sẽ sửa phạt chúng nó y như giữa hội chúng nó đã nghe”** Câu này có thể liên quan đến:

1. Giê-rô-bô-am I tuyên bố dựng lên những con bò con vàng.
2. Những vị vua Y-sơ-ra-ên sau đó đã không vâng phục Chúa.
3. Cả hội đồng cai trị với vua đã tán đồng việc này (sự điên dại của những nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên)

Bản dịch LXX thay thế chữ “hội đồng” bằng cụm từ “tin đồn về những tai ương sắp đến.”

7:13-15 “liạ xa Ta...phạm tội nghịch cùng Ta...dối trá nghịch cùng Ta...chẳng lấy lòng kêu cầu Ta...bạn (bội) nghịch cùng Ta...toan sự dữ nghịch cùng Ta” (chữ “Ta” được dùng 6 lần). Nên lưu ý đến yếu tố cá nhân trong sự phản loạn mà dân sự chống nghịch Đức Chúa Trời. Ba động từ đầu tiên là dạng HOÀN THÀNH Qal nói đến tình trạng đã xác định, hai động từ cuối là dạng KHÔNG HOÀN THÀNH cho thấy sự phản loạn cứ tiếp diễn, lặp đi lặp lại.

7:13 “cứu chuộc” ĐỘNG TỪ này (BDB 804, KB 911, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal) có nghĩa là “mua lại” hoặc “mua sắm.” Nó được dùng rộng rãi trong Cựu Ước: (1) Nó tương tự như chữ go'el, nhưng lại không có sự nhấn mạnh về quan hệ họ hàng; (2) Nó được sử dụng chủ yếu như là sự giải thoát khỏi cảnh nô lệ, cả thuộc thể và tâm linh; (3) Những thí dụ tiêu biểu: Xuất Ê-díp-tô Ký 13:13, 15; 20:30; 21:8; Thi thiên 34:22; 49:7, 8, 15; 130:7, 8; Ê-sai 1:27 và 29:22.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CỨU RỖI, CỨU CHUỘC

I. CỰU ƯỚC

A. Có hai thuật ngữ pháp lý chính trong tiếng Hê-bơ-rơ chuyển tải ý nghĩa này:

1. *Gaal*, có nghĩa chính là “giải phóng” bằng một giá trả. Một dạng của thuật ngữ này là *goel* được thêm vào khái niệm này để chỉ một người mỗi giới cá nhân, thường là một thành viên trong gia đình (tức là người chuộc trong gia tộc). Khía cạnh văn hóa về quyền được mua lại các đồ vật, thú vật, đất đai (Lê-vi-ký 25,27), hay bà con (Ru-tơ 4:15; Ê-sai 29:22) được chuyển qua ý nghĩa thần học rằng Chúa giải cứu dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi xứ Ê-díp-tô (Xuất Ê-díp-tô ký 6:6; 15:13; Thi thiên 74:2; 77:15; Giê-rê-mi 33:11). Ngài trở thành “người cứu chuộc” (Gióp 19:25; Thi thiên 19:14; 78:35; Châm ngôn 23:1; Ê-sai 41:14; 44:6,24; 47:4; 48:17; 49:7,26; 54:5,8; 59:20;60:16; 63:16; Giê-rê-mi 50:34).
2. *Padah*, có nghĩa chính là “giải cứu”
 - a. Giải cứu con đầu lòng, Xuất Ê-díp-tô ký 13:13,14 và Dân-số-ký 18:15-17
 - b. Sự cứu chuộc thuộc thể khác biệt với sự cứu chuộc thuộc linh, Thi thiên 49:7,8,15
 - c. Đức Giê-hô-va sẽ cứu chuộc Y-sơ-ra-ên khỏi tội lỗi và sự nổi loạn, Thi thiên 130:7-8

B. Khái niệm thần học bao gồm ba điều liên hệ

1. Có một sự thiếu thốn, cảnh nô lệ, bị phạt tiền, bị giam cầm
 - a. Thể chất
 - b. Xã hội
 - c. Thuộc linh (Thi thiên 103:8)
2. Một giá phải được trả cho sự tự do, phóng thích, và phục hồi.
 - a. Cho quốc gia Do thái (Phục truyền 7:8)
 - b. Cho cá nhân (Gióp 19:25-27; 33:28)
3. Một ai đó phải đứng ra làm người trung gian và người làm ơn. Trong chữ *gaal* thông thường đây là một thành viên trong gia đình hay bà con gần (tức là chữ *goel*).

4. Đức Giê-hô-va thường mô tả chính Ngài bằng những từ ngữ của gia đình

- a. Cha
- b. Chồng
- c. Bà con gần

Sự cứu chuộc được bảo đảm qua hành động riêng của Đức Giê-hô-va; một giá đã được trả, và sự cứu chuộc được thực hiện!

II. TÂN ƯỚC

A. Một số thuật ngữ được dùng để chuyển tải ý nghĩa thần học này.

1. *Agorazo* (I Cô-rinh-tô 6:20; 7:23; II Phi-e-rơ 2:1; Khải huyền 5:9; 14:34). Đây là thuật ngữ thương mại dùng chỉ một giá trả cho điều gì đó. Là những người được mua bằng huyết, chúng ta không còn điều khiển chính đời sống mình. Chúng ta thuộc về Đấng Christ.

2. *Exagorazo* (Ga-la-ti 3:13; 4:5; Ê-phê-sô 5:16; Cô-lô-se 4:5). Đây cũng là thuật ngữ thương mại. Nó bày tỏ sự chết thế của Chúa Jê-sus thay cho chúng ta. Chúa Jê-sus đã phải gánh chịu “sự rửa sả” mà luật pháp đòi phải thi hành (Luật pháp Môi-se), là điều con người tội lỗi không thể thực hiện được. Ngài đã gánh lấy sự rửa sả đó thay cho hết thảy chúng ta (Phục truyền 21:23). Trong Chúa Jê-sus, sự công bình, tình yêu thương của Đức Chúa Trời hòa hợp với nhau để trở thành sự tha thứ, chấp nhận và mở lối!

3. *Luo*, “giải phóng”

a. *Lutron*, “một giá phải trả” (Ma-thi-ơ 20:28; Mác 10:4-5). Đây là những lời đầy năng quyền từ chính miệng Chúa Jê-sus liên quan đến mục đích của sự Chúa đến để làm Chúa Cứu thế qua sự trả món nợ tội mà Ngài không phạm (Giăng 1:29).

b. *Lutroo*, “tha ra”

- (1) Cứu chuộc Y-sơ-ra-ên, Lu-ca 24:21
- (2) Phó chính Ngài để cứu và tẩy sạch một dân tộc, Tít 2:14
- (3) Làm một người thay thế vô tội, I Phi-e-rơ 1:18-19

c. *Lutrosis*, “cứu chuộc, giải cứu, giải phóng”

- (1) Xa-cha-ri nói tiên tri về Chúa Jê-sus, Lu-ca 1:68
- (2) An-ne ngợi khen Đức Chúa Trời vì Chúa Jê-sus, Lu-ca 2:38
- (3) Tế lễ tốt hơn, một lần đủ cả của Chúa Jê-sus, Hê-bơ-rơ 9:12

4. *Apolytrosis*

a. Sự cứu chuộc trong sự Trở lại lần thứ hai (Công-vụ 3:19-21)

- (1) Lu-ca 21:28
- (2) Rô-ma 8:23
- (3) Ê-phê-sô 1:14;4:30
- (4) Hê-bơ-rơ 9:15

b. Sự cứu chuộc trong sự chết của Chúa Jê-sus

- (1) Rô-ma 3:24
- (2) I Cô-rinh-tô 1:30
- (3) Ê-phê-sô 1:7
- (4) Cô-lô-se 1:14

5. *Antilytron* (I Ti-mô-thê 2:6). Đây là đoạn quan trọng (giống như Tít 2:14) xác nhận sự chết thế của Chúa Jê-sus trên cây thập tự (Ê-sai 53). Ngài chính là của tế lễ

và là của lễ duy nhất có thể được chấp nhận; là Đấng đã chết cho ‘hết thảy’ (mọi người) (Giăng 1:29; 3:16-17; 4:42; I Timôthê 2:4; 4:10; Tít 2:11; I Phi-e-rơ 3:9; I Giăng 2:2; 4:14).

B. Khái niệm thần học trong Tân ước hàm ý:

1. Con người bị nô lệ cho tội lỗi (Giăng 8:34; Rô-ma 3:10-18; 6:23).
2. Sự nô lệ của con người cho tội lỗi được bày tỏ qua luật Môi se trong Cựu ước (Ga-la-ti 3) và Bài giảng trên núi của Chúa Jê-sus (Ma-thi-ơ 5-7). Thành tích (đạo đức) của con người trở thành bản án tử hình (Cô-lô-se 2:14).
3. Chúa Jê-sus là chiên con vô tội của Đức Chúa Trời đã đến và chết thế cho chúng ta (Giăng 1:29; II Cô-rinh-tô 5:21). Chúng ta đã được chuộc ra khỏi tội lỗi để mà phục vụ Chúa (Rô-ma 6).
4. Cả Đức Giê-hô-va và Chúa Jê-sus được ám chỉ là ‘bà con gần’ đã đứng ra đại diện cho chúng ta. Điều này được diễn tả tiếp tục bằng những hình ảnh thân thuộc trong gia đình (như cha, chồng, con, anh em, bà con gần).
5. Sự cứu chuộc không phải là giá trả cho Sa-tan (thần học của thời Trung cổ), nhưng là sự hòa hợp giữa sự công bình và lời của Chúa với tình yêu nhờ sự cung ứng đầy đủ của Chúa Jê-sus. Tại cây thập tự, sự bình an được phục hồi, sự nổi loạn của con người được tha thứ, hình ảnh Đức Chúa Trời trong con người hoạt động lại với đầy đủ chức năng trong mối tương giao mật thiết.
6. Sự cứu chuộc vẫn còn một phương diện hướng về tương lai (Rô-ma 8:23; Ê-phê-sô 1:14; 4:30): Sự giao thông mật thiết với Ba Ngôi Đức Chúa Trời khi còn tại thế và sự sống lại của thân thể.

▣ **“nhưng chúng nó nói những điều dối trá nghịch cùng ta”** Điều này có thể nói về (1) Những phúc lợi mà Đức Giê-hô-va ban cho nhưng lại nói do Ba-anh ban cho, (2) pha trộn sự thờ lạy Ba-anh với Đức Giê-hô-va đến nỗi không ai còn có thể nhận biết mà tìm kiếm Đức Giê-hô-va, (3) sai lầm trong việc mô tả những mỹ đức của Đức Chúa Trời (6: 1-3); hoặc (4) hứa hẹn sự thịnh vượng và giải cứu.

7:14 Dòng đầu tiên của câu 14 cũng là nỗi đau đớn của Đức Giê-hô-va tương tự như trong câu 7. Có nhiều từ và cụm từ sau đó có thể được hiểu trong bối cảnh thờ lạy Ba-anh:

1. “than van,” một nghi lễ than khóc cho cái chết của Ba-anh
2. “những cái giường,” có thể ám chỉ đến những hành vi tính dục trong các đền thờ Ba-anh (xem Ê-sai 57:7)
3. “rượu mới,” được cho là do các vị thần sinh sản ban cho (Ba-anh và A-sê-ra/Át-tạt-tê)
4. “thâu gom” (grr BDB 657), dựa theo bản Bảy mươi (tham khảo bản dịch REV, NEB, JB) có thể là chữ “rạch cho bị thương” (gdd BDB 151), nó cũng là nghi thức thờ lạy Ba-anh (xem I Các vua 18:28; Giê-rê-mi 16:6).

Xem quyển Ô-sê (thuộc bộ giải kinh Cựu Ước của Tyndale) của tác giả David A. Hubbard, trang 141.

▣ **“thâu trừ”** ĐỘNG TỪ Hê-bơ-rơ này (BDB 157, KB 184, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Kithpolel) không rõ nghĩa. Một số bản dịch diễn giải chữ này theo nghĩa thâu trừ vì mục đích xấu (gian ác) (xem bản dịch ASV, NASB, RSV, và KJV, cũng có một ý nghĩa khác của chữ

BDB 151 là “tụ tập lại thành băng đảng”). Tuy nhiên, có một cách dịch khác dựa trên sự chỉnh sửa là chữ (BDB 151) có nghĩa “rạch cho bị thương” hay “tấn công” Bản Bảy mươi, bản Jerusalem Bible, và bản New English Bible dịch theo cách này. Chữ này được dùng để diễn tả cách thờ lạy Ba-anh (xem I Các vua 18:28; Giê-rê-mi 16:6; 41:5; 42:5; 48:37) và việc này bị cấm trong luật pháp Môi-se (tham khảo Phục truyền Luật lệ Ký 14:1 và Lê-vi Ký 19:28; 21:5).



NASB	“Họ quay lưng lại với Ta”
NKJV, NRSV	“họ nổi loạn chống lại Ta”
TEV	“họ thật là những kẻ nổi loạn”
NJB	“họ đang nổi loạn chống lại Ta”

7:15 “chính ta đã dạy chúng nó, đã làm cho mạnh cánh tay chúng nó” Câu này là hình ảnh ẩn dụ về Đức Chúa Trời (1) là cha mẹ yêu thương (xem 11:14) hay (2) là Đấng chuẩn bị cho Y-sơ-ra-ên ra trận bằng cách dạy họ tin cậy nơi Ngài (nghĩa là Thánh Chiến).

▣ **“Chúng nó giống như cung giở trái”** Điều này dường như nói đến khái niệm “không trúng mục tiêu” là một trong các cách thức của tiếng Hê-bơ-rơ dùng để diễn tả “tội lỗi.” Câu này có ý nói không thể tin cậy vào vũ khí chiến tranh.

Ô-SÊ ĐOẠN 8

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI*

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự bội đạo của Y-sơ-ra-ên	Bởi vì phản loạn không dứt, sự phán xét của Đức Chúa Trời đến trên Y-sơ-ra-ên (4:1-14:9)	Chúa lên án Y-sơ-ra-ên vì sự thờ hình tượng	Điềm báo
8:1-10	8:1-6 8:7-10	8:1-3 8:4-10	8:1-7 Y-sơ-ra-ên bị hủy diệt bởi nương dựa nơi những thế lực ngoại quốc 8:8-10 Chống nghịch với sự thờ phượng phò diễn bề ngoài
8:11-14	8:11-14	8:11-13 8:14	8:11-14

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

BẢN NASB 8:1-7

¹ Miệng ngươi khá thổi kèn! Nó như chim ung đến nghịch cùng nhà Đức Giê-hô-va, vì chúng nó đã trái lời giao ước ta, và đã phạm luật pháp ta. ² Chúng nó sẽ kêu đến ta rằng: Hỡi Đức Chúa Trời tôi, chúng tôi là Y-sơ-ra-ên, nhận biết Ngài! ³ Y-sơ-ra-ên đã bỏ điều lành, kẻ nghịch sẽ đuổi theo nó. ⁴ Chúng nó đã lập vua mà không bởi ta, lập quan trưởng mà ta không biết. Chúng nó lấy bạc vàng của mình làm thần tượng cho mình, để chúng nó bị dứt đi. ⁵ Hỡi Sa-ma-ri, bò con của ngươi đã bị bỏ rồi! Con giận của ta đã phùng lên nghịch cùng chúng nó. Chúng nó chẳng được khỏi tội cho đến khi nào? ⁶ Vì bò con đó thật là việc của Y-sơ-ra-ên làm ra; một người thợ đã chế ra, nó không phải là Đức Chúa Trời. Thật, bò con của Sa-ma-ri sẽ bị bẻ nát. ⁷ Vì chúng nó đã gieo gió và sẽ gặt bão lốc. Chúng nó không có lúa đứng; cây lúa sẽ không sanh ra bột; mà dầu có sanh ra nữa, thì dân ngoại sẽ nuốt lấy.

8:1 “các kèn” Chữ này nói đến loại kèn “shophar” hay “sừng của con cừu” (BDB 1051), được sử dụng cho mục đích tôn giáo và để truyền tin cho quân đội. Xem phần ghi chú trong 5:8. Đức Chúa Trời đang gọi A-sy-ri đến để trừng phạt Y-sơ-ra-ên (xem câu 3b; Phục truyền Luật lệ Ký 28:49; Ê-sai 10:5).

▣ **“chim ung”** Chim ở đây ám chỉ đến kèn kèn (BDB 676). Ý nghĩa của biểu tượng này là rõ ràng, loại chim săn mồi bị kể là ô uế nhưng lại được Đức Chúa Trời sai đến. Nó làm biểu tượng cho đội quân xâm lược của A-sy-ri (theo bản Targums) đem theo chết chóc và hủy diệt.

▣ **“nhà Đức Giê-hô-va”** Điều này nói đến dân sự của Đức Chúa Trời, nhưng chỗ này chỉ những chi phái phía Bắc là Y-sơ-ra-ên (xem 9:3-4,15, bản NIV). Dầu vậy, bản Kinh Thánh NET lại dịch là “đền thờ của Chúa.”

▣ **“trái lời giao ước ta”** Chữ này có nghĩa là “vượt qua khỏi giới hạn” (BDB 716, KB 778, dạng HOÀN THÀNH Qal, xem 6:7; Phục truyền Luật lệ Ký 17:2; Giô-suê 7:11,15; Các Quan Xét 2:20; II Các vua 18:12; Giê-rê-mi 34:18).

Ô-sê sử dụng vài lần về khái niệm giao ước (xem 2:18; 6:7; 8:1). Sự điệp đặc biệt của ông đến từ Đức Chúa Trời đã chuyển từ tội lỗi do vi phạm luật pháp sang tội lỗi do vi phạm (xúc phạm) tình yêu (của Chúa) (là phản bội giao ước hôn nhân).

▣ **“đã phạm (chống nghịch) luật pháp ta”** Cụm từ này có nghĩa là “từ chối thẩm quyền hợp pháp” (BDB 833, KB 981, dạng HOÀN THÀNH Qal). Hai cụm từ (“vi phạm” và “nổi loạn”) trong câu này thuộc cấu trúc song đối trong tiếng Hê-bơ-rơ (cả hai đều là dạng HOÀN THÀNH Qal, giống như hai cụm từ “giao ước của Ta” và “luật pháp của Ta”).

Bộ NIDOTTE, quyển 4, trang 712, cung cấp một danh sách khá đầy đủ những tội lỗi của Y-sơ-ra-ên chống nghịch lại Đức Giê-hô-va:

1. “đi theo tình nhân của ta,” 2:5,13
2. “quên Ta,” 2:13; 4:6, 8:14, 13:6
3. “bướng bỉnh,” 4:16, 9:15
4. “đổi đổi cách phỉnh dối chống nghịch lại với Chúa,” 5:7, 6:7
5. “hành xử cách sai trái,” 7:1, 10:2

6. “dối trá” 7:3; 10:13; 11:12
7. “lìa xa khỏi Ta,” 7:13
8. “đã nổi loạn chống nghịch lại Ta,” 7:13, 8:1
9. “nói dối với Ta,” 7:13
10. “không thật lòng kêu cầu Ta” 7:14
11. “quay khỏi Ta,” 7:14

8:2 “Chúng nó sẽ kêu đến ta rằng: Hỡi Đức Chúa Trời tôi, chúng tôi là Y-sơ-ra-ên, nhận biết Ngài!” Họ biết Đức Chúa Trời cách hời hợt qua các lễ nghi và nghi thức thờ phượng (“kêu lớn” BDB 277; KB 277, dạng HOÀN THÀNH Qal), nhưng họ lại không biết (hiểu) Ngài (BDB 393, KB 390, dạng HOÀN THÀNH Qal) trong mối quan hệ riêng tư và đức tin. Thật là một bi kịch khi có hình thức tin kính nhưng lại không biết Đức Chúa Trời (xem 7:14; Ê-sai 29:13; II Timô-thê 3:5).

8:3 “Y-sơ-ra-ên đã bỏ điều lành” ĐÔNG TỪ này (BDB 276, KB 276, dạng HOÀN THÀNH Qal) được lặp đi lặp lại trong câu 5. Y-sơ-ra-ên bỏ giao ước của Đức Chúa Trời nên Ngài loại bỏ sự thờ lạy con bò con vàng của họ. Điều này dường như liên hệ đến sự vi phạm giao ước của Đức Giê-hô-va (xem A-môt 5:14-15; Mi-chê 6:8), nó chứng tỏ một xã hội lành mạnh, sung túc, đầy tình thương.

8:4 “Chúng nó đã lập vua mà không bởi ta” Nên lưu ý sự song đối giữa hai dòng thơ đầu tiên. Hai dòng thơ tiếp theo song đối với hai dòng thơ đầu của câu 5 và hai dòng thơ cuối của câu 6. Tất cả các câu thơ đó đều ám chỉ đến những con bò con bằng vàng. Những hình tượng được dùng làm biểu tượng cho Đức Giê-hô-va (tham khảo Xuất Ê-díp-tô Ký 32), nhưng lại trở nên những thần tượng sinh sản.

Chữ “họ” chò này ám chỉ đến các nhà lãnh đạo (các thầy tế và người cầm quyền) của Y-sơ-ra-ên. Họ đã quay lưng lại với các vị vua thuộc dòng dõi Đa-vít (thuộc chi phái Giu-đa) và bổ nhiệm lãnh đạo cho mình rồi lập ra những địa điểm thờ phượng (hai con bò con vàng được Giê-rô-bô-am I dựng lên tại Bê-tên và Đan). Những vị vua tiếp nối sau Giê-rô-bô-am II minh họa cho thời kỳ đó (xem chú thích trong 7:3). Đức Giê-hô-va mới thật là vị vua của họ và chỉ có Ngài là có thể chỉ định đại diện cho Ngài trên trần gian.

8:5 “bò con” Giê-rô-bô-am I là lãnh đạo mới của các chi phái phía Bắc (từ năm 922 trước Chúa) không muốn người dân của mình tiếp tục thờ phượng tại Giê-ru-sa-lem. Do đó ông dựng hai con bò con vàng như là biểu tượng cho việc tôn thờ Đức Giê-hô-va tại Đan ở phía bắc và Bê-tên ở phía Nam với ý định giữ người dân của mình ở tại nhà (không đến Giê-ru-sa-lem). Việc làm này đã bị lên án triệt để (Xuất Ê-díp-tô Ký 32:4-5; I Các vua 12:28-29; Ô-sê 13:2).

☐ **“...bò con của người đã bị bỏ rồi! Con giận của ta đã phùng lên nghịch cùng chúng nó”** Cảm xúc của Đức Chúa Trời đã biểu lộ rõ ràng về các địa điểm thờ phượng được thay thế này:

1. “Loại bỏ” (BDB 276, KB 276, dạng HOÀN THÀNH Qal) là một chữ có nghĩa mạnh mẽ, cũng từ gốc này trong dạng Hiphil có nghĩa là “có mùi hôi thối” Bản Kinh thánh NIV dịch chữ này là “ném ra ngoài.”
2. “Nổi giận” (BDB 354, KB 351, dạng HOÀN THÀNH Qal) được dùng để mô tả phản ứng của ĐỨC CHÚA TRỜI đối với việc bất tuân giao ước (thường thấy những sách của Môi-se, Phục truyền Luật lệ Ký 6:15, 7:4, 11:17, 29:26, 31: 17; hiếm gặp trong các sách tiên tri, Ê-sai 5:24-25).



NASB, NRSV “họ còn sẽ phạm tội trong bao lâu nữa”
NKJV “còn bao lâu nữa cho đến khi họ đạt được sự trong sạch”
TEV “còn bao lâu nữa cho đến khi họ từ bỏ thần tượng”
NJB “còn bao lâu cho đến khi họ phục hồi sự tinh sạch”

Đây là một câu hỏi có tính hùng biện bắt buộc câu trả lời phải là phủ định. Y-sơ-ra-ên mãi mãi lâm vào tình trạng không còn có thể sống thanh sạch, không vi phạm.

8:6 Câu này có thể là một câu trả lời châm biếm đối với sự thờ thần tượng của tất cả mọi người dân Y-sơ-ra-ên. Họ là những người đã được cảnh cáo không được làm những ảnh tượng của Chúa (tham khảo Xuất Ê-díp-tô Ký 20; Phục truyền Luật lệ Ký 5) nhưng lại có đến hai tượng bò con.

8:7 “**Vì chúng nó đã gieo gió và sẽ gặt bão lốc**” Hai dòng đầu tiên trong câu 7 tạo nên một câu tục ngữ nói về trách nhiệm của tập thể cũng như cá nhân đối với Đức Chúa Trời (nguyên tắc của gieo và gặt tâm linh, xem 10:12-13; 12:2; Gióp 4:8; II Cô-rinh-tô 9:6; Ga-la-ti 6:7).

☐ “**dân ngoại sẽ nuốt lấy**” Chỗ này nói đến việc A-sy-ri bắt dân Y-sơ-ra-ên lưu đày (xem Ê-sai 1:7). Các loại hoa màu (nếu có, tham khảo câu 7 phần c, d) mà Y-sơ-ra-ên đã cảm ơn thần Ba-anh ban cho họ, thì lẽ ra những kẻ khác (người A-sy-ri) không được thừa hưởng.

BẢN NASB 8:8-10

⁸ Y-sơ-ra-ên đã bị nuốt. Bây giờ chúng nó ở giữa các dân, như khí mạnh chẳng ai ưa thích. ⁹ Vì chúng nó đã lên A-si-ri, như con lừa rừng đi một mình; Ép-ra-im đã hôi lộ cho những kẻ yêu nó. ¹⁰ Dầu chúng nó hôi lộ giữa các nước, nay ta sẽ nhóm họp chúng nó; chúng nó bắt đầu giảm bớt đi, vì có sự gánh nặng bởi vua của các quan trưởng.

8:8 “**Y-sơ-ra-ên đã bị nuốt**” ĐỘNG TỪ này được dùng theo cách ẩn dụ cho cái chết (Sheol, xem Châm-ngôn 1:12) và sự hủy diệt bất ngờ xảy đến. Ở đây nó được sử dụng để nói về Y-sơ-ra-ên bị lưu đày (ví dụ, Thi thiên 124:3; Giê-rê-mi 51:34; Ca-thương 2:16).

☐ “**như khí mạnh chẳng ai ưa thích**” Chữ “cái bình, chậu, đồ dùng” (BDB 479) có nhiều nghĩa:

1. một cái gì đó được người ta chế tạo ra bằng nguyên liệu quý (các con bò con bằng vàng)
2. một cái bình chứa một số đồ vật (ví dụ, Giê-rê-mi 25:34d)
3. những đồ vật đem đi khi lưu đày (“hành lý,” xem Giê-rê-mi 46:19; Ê-xê-chi-ên 13:3-4,7)
4. hình ảnh ẩn dụ để chỉ một quốc gia bị đánh bại (ví dụ, Giê-rê-mi 48:38)

Có thể có ý định để có cả hai nghĩa: thứ 4 và thứ 1. Dòng dõi Y-sơ-ra-ên lẽ ra phải như “một của báu đặc biệt giữa mọi dân,” “một vương quốc của các thầy tế lễ” (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 19:5-6), nhưng giờ đây họ cũng giống như mọi quốc gia khác. Mục đích của Đức Chúa Trời dùng họ để bày tỏ chính Ngài cho thế giới (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 19:5c; A-môt 3:2) đã bị cản trở.

8:9 “**Vì chúng nó đã lên A-si-ri**” ĐỘNG TỪ này (BDB 748, KB 828, dạng HOÀN THÀNH Qal) được dùng theo phương hướng của la bàn. Mặc dù A-sy-ri ở phía đông bắc nhưng con

đường duy nhất để đến đó là phải đi thẳng lên hướng bắc. Hướng Bắc đã trở thành hình ảnh ẩn dụ để chỉ cái ác và sự xâm lược. Câu này nói về việc Y-so-ra-ên tìm cách bảo vệ mình bằng một liên minh chính trị với A-sy-ri.

☐ **“như con lừa rừng đi một mình”** Một trong những đặc điểm của những con lừa hoang (BDB 825) trong mùa giao phối (ám chỉ đến các tôn giáo thờ lạy thần sinh sản) là chúng không thể tự kèm hãm được (xem Giê-rê-mi 2:23-24). Y-so-ra-ên đã hành động giống như vậy trong việc thờ thần tượng.

☐ **“Ép-ra-im đã hối lộ cho những kẻ yêu nó”** ĐỘNG TỪ (BDB 1071, KB 1759, dạng HOÀN THÀNH Hiphil) có nghĩa thuê mướn (trả tiền cho) những tình nhân theo ngoại giáo (xem 2:12). Điều này nói đến các liên minh nước ngoài (câu 10; Ê-xê-chi-ên 16:36-37). Dù ở trong lãnh vực nào thì những liên minh chính trị này luôn luôn có liên hệ đến những vị thần của họ. Điều trớ trêu là những tình nhân của Y-so-ra-ên giờ đây trở thành kẻ thù (xem câu 3).

Trong bối cảnh này thì rõ ràng thờ cúng thần sinh sản được dùng theo nghĩa ngoại tình tâm linh. Rất khó để biết ý này là (1) theo nghĩa đen, (2) nghĩa ẩn dụ, hoặc (3) cả hai nghĩa. Có rất ít bằng chứng trực tiếp về việc thờ lạy thần Ba-anh của dân Ca-na-an gồm có tình dục trong đó. Có thể Y-so-ra-ên đã thêm điều này vào khiến cho tội lỗi của họ càng ghê tởm hơn.

8:10 “Dầu chúng nó hối lộ giữa các nước... vì có sự gánh nặng bởi vua của các quan trưởng” Chi tiết này nói đến việc triều cống nặng nề theo đòi hỏi của A-sy-ri (vua của họ được xưng là “vua của các hoàng tử”, danh hiệu này tương đương với danh hiệu “vua của các vua” của Ba-by-lôn).

☐ **“nay ta sẽ nhóm họp chúng nó”** ĐỘNG TỪ (BDB 867, KB 1062, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Piel) thường được dùng theo ý là: sau khi phán xét thì ĐỨC CHÚA TRỜI thấu gom dân sự bị tan lạc của Ngài, nhưng ở đây thì nó có nghĩa thu gom họ lại để phán xét họ (là bị lưu đày).

BẢN NASB 8:11-14

¹¹ Vì Ép-ra-im đã thêm nhiều bàn thờ phạm tội, thì những bàn thờ nó đã khiến nó sa vào tội lỗi. ¹² Ta đã chép lệ luật ta cho nó một vạ điều, nhưng nó coi những chẳng can gì đến mình. ¹³ Còn như của lễ dâng cho ta, thì chúng nó dâng thịt và ăn; nhưng Đức Giê-hô-va chẳng nhận chúng nó đâu. Bây giờ Ngài nhớ lại sự gian ác chúng nó, và sẽ thăm phạt tội lỗi chúng nó; chúng nó sẽ trở về trong Ê-díp-tô! ¹⁴ Y-so-ra-ên đã quên Đấng tạo mình, và dựng những cung đền; Giu-đa đã thêm nhiều các thành bền vững. Nhưng ta sẽ sai lửa trên các thành nó, và lửa ấy sẽ thiêu cháy cung đền nó.

8:11 “Vì Ép-ra-im đã thêm nhiều bàn thờ phạm tội” Điều này nói đến (1) việc thờ bò con vàng ở Đan và Bê-tên hoặc là (2) các đền thờ Ba-anh ở trên đồi cao trong từng ngôi làng. Điều trớ trêu là sự mộ đạo của Y-so-ra-ên đã không đem đến ích lợi, mà lại còn gây ra tai họa cho họ. Cụm từ “bàn thờ tội lỗi” được lặp lại hai lần để nhấn mạnh.

8:12 “Ta đã chép lệ luật ta cho nó một vạ điều” Đức Chúa Trời đã bày tỏ chính Ngài nhiều lần và rõ ràng cho họ (“mười ngàn điều luật”, 11:02 và II Các vua 17:13-15 đối với Giu-đa). Vấn đề của họ không phải là không biết, nhưng là thiếu (1) thành thật, (2) sự trung thành với giao

ước, và (3) đức tin cá nhân (xem 4:1). Họ nổi loạn chống lại sự sáng và lẽ thật của Đức Chúa Trời.



NASB, NRSV “Chúng đã bị xem như là một điều kỳ lạ”
NKJV “Nhưng chúng đã bị kể như là một điều kỳ lạ”
TEV “Nhưng họ đã khước từ chúng như là điều lạ và ngoại lai”
NJB “Ép-ra-im coi đó như xa lạ với nó”

Thuật ngữ “điều lạ” (DBD 266, KB 267, dạng ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG Qal) được sử dụng trong một vài ý nghĩa:

1. người không ở cùng trong một gia đình (Phục truyền Luật lệ Ký 25:5; Ô-sê 5:7)
2. không phù hợp với những quy định riêng.
 - a. hương (lạ), Xuất Ê-díp-tô Ký 30:9
 - b. lửa (lạ), Lê-vi Ký 10:1
3. những kẻ ngoại tình, Châm-ngôn 2:16; 5:3,20; 7:5; 22:14
4. những người nước ngoài (kẻ thù, kẻ xâm lược), 7:9, 8:7; Ê-sai 1:7; 25:2,5; 29:5; 61:5; Giê-rê-mi 51:51; Ê-xê-chi-ên 28:7,10.

Luật pháp của Đức Chúa Trời đối với họ trở nên (xa lạ) như một người nước ngoài không có liên hệ huyết thống.

8:13 “Còn như của lễ dâng cho ta, thì chúng nó dâng thịt và ăn” Chú ý cách sử dụng DANH TỪ (BDB 257) và ĐỘNG TỪ (BDB 256) để nhấn mạnh. Điều này dường như ám chỉ các động cơ ích kỷ muốn mình được ăn ngon trong khi hành lễ tôn giáo và đặc biệt là các bữa ăn cộng đồng (xem Lê-vi Ký 7:15-18).

▣ “nhưng Đức Giê-hô-va chẳng nhận chúng nó đâu” Thuật ngữ “vui thích” (BDB 953, KB 1280, dạng HOÀN THÀNH Qal) có nghĩa là “chấp nhận” (chấp nhận dân sự, xem Giê-rê-mi 14:10; Ê-xê-chi-ên 20:40 và “của lễ,” xem Giê-rê-mi 14:12; Ê-xê-chi-ên 20:41). Câu này và ý của nó tương tự như câu 5:6. Đức Chúa Trời chỉ hài lòng với nghi lễ thờ phượng khi có đức tin chân thành và sự vâng lời đi cùng (xem A-môt 5:21-28; Mi-chê 6:6-8).

▣ “Bây giờ Ngài nhớ lại sự gian ác chúng nó” Xem chú thích trong 7:2.

▣ “chúng nó sẽ trở về trong Ê-díp-tô” Điều này dường như là hình ảnh ẩn dụ ngược lại với việc đi ra khỏi Ê-díp-tô hoặc là cách thức nói đến sự nô lệ (xem 7:16; 9:3). Khi bạn so sánh điều này với 11:5 thì nó dường như có vẻ mâu thuẫn. Tuy nhiên, tôi nghĩ rằng ở đây Ai Cập được dùng làm biểu tượng cho sự nô lệ. Y-sơ-ra-ên sẽ bị làm nô lệ, nhưng lần này nó sẽ làm nô lệ cho đất nước A-sy-ri (bị lưu đày).

Y-sơ-ra-ên không “thay đổi” (ăn năn BDB 996, KB 1427) vì vậy nó sẽ “trở lại” (bị lưu đày, cùng một ĐỘNG TỪ).

8:14 “Y-sơ-ra-ên đã quên” Y-sơ-ra-ên đã “quên” (BDB 1013, KB 1484, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal) Đức Chúa Trời và giao ước của Ngài (xem 2:13; 4:6, 13:6), vì vậy Đức Chúa Trời sẽ “ghi nhớ” (x. câu 13d) tội ác của họ.

▣ “Đấng tạo mình” Đây là BỔ NGỮ TRỰC TIẾP của chữ “quên” và nó là một ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG Qal của động từ “làm” (BDB 793, KB 889). Có điều trớ trêu là khi Y-sơ-ra-ên làm thần tượng (bò con vàng) cho mình (xem câu 6) mà quên đi Đấng tạo dựng nên họ (xem

Sáng thế Ký 1:26; Ê-sai 17:7).

Có thể “Đấng tạo dựng” ở đây có ý nói là ngay lúc đầu Đức Chúa Trời đã tạo ra một dân tộc (việc kêu gọi Áp-ra-ham, Xuất Ê-díp-tô Ký, ban Luật pháp tại Sinai), chứ không phải lúc sáng tạo thế giới.

▣ **“dựng những cung đền...thêm nhiều các thành bền vững”** Y-sơ-ra-ên đã trông cậy vào sự giàu có của mình (xem câu 14c). Giu-đa đã trông cậy vào sức mạnh quân sự của mình. Những công trình của con người chẳng tạo được ấn tượng gì cho Đấng tạo dựng. Chúng sẽ bị phá hủy. San-chê-ríp đã đánh chiếm tất cả các thành phố vững chắc trong xứ Giu-đa (trong II Các vua 18:13).

▣ **“ta sẽ sai lửa trên các thành nó”** Trong bộ NIDOTTE, quyển 1, trang 533, “lời tiên tri về sự trừng phạt dành cho những kẻ thù của Y-sơ-ra-ên thường gồm có việc thiêu đốt các thành phố (Giê-rê-mi 43:12-13; 49:27), được diễn tả với những hậu quả chi tiết riêng biệt trong A-môt 1:4,7,10,12,14; 2:2,5; Ô-sê 8:14, và ở đây có lẽ khái niệm thánh chiến bị lu mờ (bị che khuất), “Ta sẽ sai lửa đến trên...” Như vậy, thay vì Đức Chúa Trời chiến đấu để bảo vệ Y-sơ-ra-ên, thì giờ đây chính Ngài là kẻ thù. Thật là một sự đảo ngược đặc thù, gây sốc trong sứ điệp của nhà tiên tri.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Chữ “họ” trong câu 8:4 ám chỉ đến ai?
2. Tại sao việc thờ lạy “bò con vàng” là gớm ghiếc đối với Đức Giê-hô-va?
3. Câu Kinh Thánh 8:13 có mâu thuẫn với câu 11:5 không?

Ô-SÊ ĐOẠN 9

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI*

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự phán xét tội lỗi của Y-sơ-ra-ên	Bởi vì phản loạn không dứt, sự phán xét của Đức Chúa Trời đến trên Y-sơ-ra-ên (4:1-14:9)	Ô-sê loan báo sự phán xét Y-sơ-ra-ên	Những sự đau khổ khi bị lưu đày
9:1-2	9:1-17	9:1-6	9:1-6
9:3-6			Bị bắt bớ, kết quả cho nhà tiên tri khi tiên báo sự đoán phạt
9:7-9		9:7-9	9:7-9
		Tội lỗi của Y-sơ-ra-ên và những hậu quả của nó	Hình phạt cho những tội ác tại Ba-anh Phê-ô
9:10-16		9:10-12 9:13-14	9:10-14
		Sự phán xét của Chúa trên Y-sơ-ra-ên	Ghinh-ganh
		9:15-16	9:15-17
		Nhà tiên tri phán về Y-sơ-ra-ên	
9:17		9:17-10:8	

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

BẢN NASB 9:1-6

¹ Hội Y-sơ-ra-ên, chớ vui mừng; chớ nức lòng mừng rỡ như các dân; vì người đã phạm tội tà dâm và cách xa Đức Chúa Trời người. Người đã ưa thích tiền công mình trên mọi sân đập lúa. ² Hoặc sân đập lúa, hoặc hầm ép rượu, cũng sẽ chẳng nuôi chúng nó; rượu mới sẽ thiếu thốn cho nó. ³ Chúng nó sẽ không ở trong đất của Đức Giê-hô-va nữa; nhưng Ép-ra-im sẽ trở về Ê-díp-tô, và sẽ ăn đồ ăn ô uế trong A-si-ri. ⁴ Chúng nó sẽ không làm lễ quán bằng rượu cho Đức Giê-hô-va nữa, và các của lễ chúng nó cũng sẽ chẳng đẹp lòng Ngài; song sẽ như bánh kẻ có tang: hễ ai ăn đến thì bị ô uế; vì bánh chúng nó sẽ đổi cho chúng nó, chẳng được vào nhà Đức Giê-hô-va. ⁵ Các người sẽ làm gì trong ngày lễ trọng thể, trong ngày lễ của Đức Giê-hô-va? ⁶ Thật, này, chúng nó đã đi trốn khỏi tai họa. Ê-díp-tô sẽ liếm chúng nó, Mem-phi sẽ chôn chúng nó. Những đồ bằng bạc rất quý của chúng nó sẽ trở nên mồi của chà-chuôm; gai góc sẽ loạn nơi nhà tạm chúng nó.

9:1 “Chớ vui mừng” Câu này có thể diễn tả một lễ hội thu hoạch mùa màng (xem câu 5). Lúc này là cơ hội để tôn thờ và ca ngợi thần Ba-anh (sự khởi đầu ma thuật). Đức Giê-hô-va sẽ biến những lễ hội dâm loạn của họ thành những lời ai ca của tang lễ.

ĐỘNG TỬ này (DBD 970, KB 1333, có ý nghĩa theo dạng MỆNH LỆNH (JUSSIVE) Qal, mặc dù có khác hình thức, tham khảo bộ NIDOTTE, quyển 1, trang 856) có nghĩa là “vui mừng” hay “hớn hờ” (xem 7:3). Y-sơ-ra-ên đã hành động giống như một trong những “quốc gia” (của thể gian) (BDB 766).

Chữ này là chữ đầu tiên trong một loạt nhiều chữ liên quan việc thờ cúng của ngoại giáo:

1. Vui mừng, câu 1
2. Hân hoan, câu 1
3. Lễ dâng rượu, câu 4
4. Của tế lễ, câu 4
5. Định ngày cho lễ hội, câu 5

Nhưng dòng dưới cùng của câu 1b là “vì người đã phạm tội tà dâm và cách xa Đức Chúa Trời người.” Than khóc mới là thích hợp (xem Ê-sai 22:12-14) chứ không phải vui mừng.

Chúng ta cần học hỏi về sự thờ phượng của người Do Thái. Sự thờ phượng của họ vào lúc có các sự kiện vui mừng lớn về sự thiện lành của Đức Chúa Trời và sự sáng tạo của Ngài. Tuy nhiên trong bối cảnh này, Đức Chúa Trời cho họ biết rằng sự vui mừng hớn hờ của họ là không phù hợp vì phán xét của Ngài sắp đến bởi sự thờ thần tượng của họ. Trong Cựu Ước (đặc biệt là Phục truyền Luật lệ Ký) sự thịnh vượng là dấu hiệu của phước lành từ Đức Chúa Trời, nhưng theo bối cảnh lịch sử thì trường hợp của sự thịnh vượng này chỉ gây nhầm lẫn và nó cũng ngăn ngui, chóng qua. Y-sơ-ra-ên đã bị mắc kẹt trong các lễ nghi của việc thờ lạy hình tượng, Đức Giê-hô-va sẽ thi hành kỷ luật với nó (giống như Ngài sẽ làm cho Giu-đa vì có các hành động tương tự, ví dụ, Giê-rê-mi 2; Ê-xê-chi-ên 23).

▣ **“Như các dân (khác)”** Vấn đề ở chỗ này. Họ đã đổi việc thờ phượng Đức Giê-hô-va ra thành một hình thức thờ lạy thần Ba-anh của dân Ca-na-an.

☐ **“ngươi đã phạm tội tà dâm (làm điếm)”** Họ đã làm những việc thờ lạy thần sinh sản trong các đền thờ của dân Ca-na-an. Họ đã mượn danh Đức Giê-hô-va trong khi phạm tội ngoại tình về phương diện thân thể cũng như tâm linh (xem 1:2; 4:10,13-15,18 [hai lần]; 5:3; 9:1).

☐ **“ngươi đã ưa thích tiền công”** Sự yêu thích của Y-sơ-ra-ên (BDB 12, KB 17, dạng HOÀN THÀNH Qal) là nhắm vào tiền trả cho gái điếm (BDB 1071, xem 2:5,12). Cùng một ĐỘNG TỪ này cũng được sử dụng cho các liên minh với nước ngoài trong 8:10. Nên khó để biết chỗ này là theo nghĩa đen hay nghĩa bóng.

☐ **“trên mọi sân đập lúa”** Chử này (BDB 175) chỉ nơi tách hạt lúa ra khỏi trấu (rom). Sân đập lúa thường ở trên đỉnh đồi để khi hạt lúa bị thổi lên thì gió sẽ thổi bay trấu (rom) nhẹ hơn còn hạt lúa nặng hơn thì sẽ rơi xuống thành đống. Bởi vì sự thờ lạy thần sinh sản là một hình thức khởi đầu ma thuật, nên thường tại đây cũng là địa điểm diễn ra những hành vi tính dục (xem 4:11-14). Nhưng hãy chú ý đến phản ứng của Đức Giê-hô-va trong các câu 2,11,14,16.

9:2 Đức Giê-hô-va, chứ không phải Ba-anh mới là nguồn gốc của sự sinh sản (xem 2:16).

9:3 “Chúng nó sẽ không ở trong đất của Đức Giê-hô-va nữa” Đất Hứa (Lê-vi Ký 25:23; Giê-rê-mi 2:7; 16:18; Ê-xê-chi-ên 36:5; 38:16; Giô-ên 1:6) và hiển nhiên toàn cả đất đều thuộc về Đức Giê-hô-va (ví dụ, Xuất Ê-díp-tô Ký 9:29; 19:5). Đức Giê-hô-va đã nói trước về việc thanh tẩy đất của Ngài chỗ dân A-mô-rít đang ở, Sáng thế Ký 15:16. Nếu dân sự của Ngài cũng làm điều gớm ghiếc tương tự thì Ngài sẽ đuổi họ đi khỏi đó (xem Lê-vi Ký 18:24-28). Họ cứ làm, nên Chúa hành động (đuổi họ khỏi chỗ đó).

☐ **“nhưng Ép-ra-im sẽ trở về Ê-díp-tô”** Nếu có ai so sánh các câu 7:8,11,16; 8:13 và đoạn này với 11:5, thì có vẻ như mâu thuẫn. Ai Cập có thể là biểu tượng của sự nô lệ (cũng như sự lưu đày ở A-sy-ri). Tuy nhiên, một số học giả xem chỗ này ám chỉ đến liên minh chính trị. Vị vua cuối cùng của Y-sơ-ra-ên là Ô-sê kêu gọi sự giúp đỡ của Ai Cập để chống lại A-sy-ri.

☐ **“A-sy-ri”** Đây là ghi chú cụ thể về sự đi đày của mười chi phái phía Bắc vào năm 722 trước Chúa và sự sụp đổ của thành Sa-ma-ri (xem 8:9-10).

☐ **“họ sẽ ăn đồ ăn ô uế”** Việc đi đày sẽ làm cho họ không còn theo các nghi thức thờ lạy ngoại giáo. Sự phát triển của nhà hội sẽ giúp bảo tồn truyền thống của họ, nhưng nhiều điều luật trong sách Lê-vi ký sẽ không thể thực hiện vì không có đền thờ để hành lễ (xem các câu 4-5). Ê-xê-chi-ên 4:13 ám chỉ rằng đến bánh mì ăn ở nước ngoài cũng là ô uế.

9:4 “Chúng nó sẽ không làm lễ quán bằng rượu cho Đức Giê-hô-va nữa” Cần phải nhớ rằng rượu nho lên men có dự phần trong hệ thống tế lễ, vì vậy nó không bị xem là vật đồi bại (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 29:40; Dân số Ký 15:1-10; Thi thiên 104:14-15). Lý do mà những của lễ trong hai câu 3 và 4 bị cho là ô uế bởi vì chúng ở trong đất ngoại quốc. Xem Chủ đề Đặc Biệt: Quan điểm của Kinh Thánh đối với rượu (các chất có men) và tệ nghiện rượu trong A-môt 6:6.

☐ **“như bánh kẻ có tang”** Cụm từ này (BDB 536 dạng SỞ HỮU CÁCH 19) là hình ảnh ẩn dụ chỉ sự hư thối. Bánh bị ô uế bởi vì có liên hệ với người chết. Nó được làm từ lúa mạch, thường là thức ăn của người nghèo. Nó cũng bị ô uế bởi vì nó đã được làm và ăn trong xứ A-sy-ri.

9:5 “Các người sẽ làm gì trong ngày lễ trọng thể” Đây là một câu hỏi để lay động họ quay trở lại thực tế. Sự thờ phượng của họ sắp sụp đổ hoàn toàn và dân chúng thì bị lưu đày.

9:6 “Ê-díp-tô sẽ liếm chúng nó, Mem-phi sẽ chôn chúng nó” Mem-phi (BDB 592) là thủ phủ của vùng Hạ Ai Cập và nhờ khám phá của khảo cổ mà chúng ta biết được nơi đây là địa điểm an táng rất rộng lớn (ĐỘNG TỪ BDB 868, KB 1064, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Piel). Ý nghĩa của cụm từ: (1) Những người sống sót cũng sẽ chết rất nhiều trong kiếp nô lệ khi bị lưu đày (giống như ở Ai Cập) hoặc (2) những người sống sót chạy trốn xuống Ai Cập và sẽ chết ở đó.

▣ **“Những đồ bằng bạc rất quý của chúng nó sẽ trở nên môi của chà-chuôm”** Có hai giả thuyết chính liên quan đến “những đồ bằng bạc rất quý”: (1) Cụm từ này nói đến những hình tượng, do đó nó cũng nói đến việc lạm dụng các nơi thánh, (2) nó đề cập đến ngôi nhà xa hoa của họ và vì vậy cũng có nghĩa xã hội giàu có sụp đổ (xem 8:14), hoặc là: (3) do có câu 2 và Ê-sai 7:23 nên nó có thể là hình ảnh ẩn dụ chỉ những vườn nho của họ.

▣ **“gai góc sẽ loạn nơi nhà tạm chúng nó”** Đây là hình ảnh ẩn dụ nói đến những ngôi nhà trống rỗng của họ hoặc nó ám chỉ đến các đền thờ của họ (xem 10:8).

BẢN NASB 9:7-9

⁷ Những ngày thăm phạt đã đến rồi! Những ngày báo trả đã tới rồi! Y-sơ-ra-ên sẽ biết. Kẻ tiên tri là đại dột, người được cảm động bởi thần linh là điên cuồng, vì sự gian ác dư dật của người, và sự hờn ghét lớn lắm. ⁸ Êp-ra-im là kẻ rình nghịch cùng Đức Chúa Trời ta; còn kẻ tiên tri là lưới bắt chim trên mọi đường lối mình, nó là sự ghen ghét trong nhà Đức Chúa Trời mình. ⁹ Chúng nó bại hoại rất sâu như dương những ngày Ghi-bê-a. Đức Chúa Trời sẽ nhớ lại sự gian ác chúng nó, sẽ thăm phạt tội lỗi chúng nó.

9:7 “Những ngày bị trừng phạt” Chữ này có nghĩa là “đến thăm” (BDB 824 dạng SỞ HỮU CÁCH 398). Thuật ngữ này trung lập, nhưng theo văn mạch (song đối với dòng thơ thứ 2) nên nó có nghĩa là đến thăm vì mục đích phán xét và giờ đây là sự phán xét (cụm từ “đã đến” được lặp đi lặp lại).

▣ **“Những ngày thăm phạt đã đến rồi”** Các tiên tri thường sử dụng ẩn dụ từ tòa án để truyền đạt lẽ thật. Điều này liên hệ đến một phán quyết của tòa án (BDB 1024 dạng SỞ HỮU CÁCH 398). Vậy nên nó có thể có nghĩa là có tội hay không có tội. Bởi vì theo văn mạch, nó đề cập đến sự phán xét của Đức Chúa Trời sắp xảy ra.

▣ **“Y-sơ-ra-ên sẽ biết”** Đ ĐỘNG TỪ này (BDB 393, KB 390, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal) được sử dụng theo ý nghĩa mệnh lệnh (JUSSIVE). Y-sơ-ra-ên tuyên bố trong 8:2 rằng họ biết, nhưng rõ ràng họ đã không hề biết Ngài hay lời tiên tri của Ngài.

▣ **“Kẻ tiên tri là đại dột, người được cảm động bởi thần linh là điên cuồng”** Hai dòng thơ song song rất khó dịch. Chỗ này có vẻ như là sự trả lời của dân sự đối với sứ điệp của Ô-sê (cùng một chữ này được sử dụng trong Giê-rê-mi 29:36). Có vẻ như họ đang tìm cách liên kết ông với loại tiên tri xuất thần trước đó (xem I Sa-mu-ên 10:6 ff) rồi từ đó chế giễu sứ điệp của ông. Lời của Đức Chúa Trời là xa lạ đối với họ vì họ lún sâu trong tội lỗi (xem 8:12).

David A. Hubbard, trong quyển Ô-sê (thuộc bộ giải kinh Cựu Ước của Tyndale), trang 159 có một bình luận thú vị về cụm từ “người được linh cảm” có nghĩa đen là “người của (thần) linh.” Ông khẳng định rằng nó được sử dụng theo một ý nghĩa tiêu cực bởi vì cách Ô-sê sử dụng chữ “thần linh” trong cách rất tiêu cực (xem 4:12,19; 5:4).



NASB “Bởi vì sự gian ác thô bỉ của các người”
NKJV “Vì sự nghiêm trọng của tội lỗi các người”
NRSV “Bởi vì tội lỗi lớn của các người”
TEV “tội lỗi của các người thật lớn”
NJB “tội lỗi các người lớn thay”

Hai dòng thơ cuối của câu 7 là một bản tóm tắt về nguyên nhân của sự lưu đày sắp đến của Y-sơ-ra-ên. Họ không biết Đức Chúa Trời và luật pháp của Ngài. Chữ “phi nộn, thô bỉ” (BDB 913) có nghĩa là “quá nhiều” hay là “dư dật.” Nó được dùng cho luật pháp của Chúa trong 8:12, nhưng ở đây để chỉ tội lỗi của Y-sơ-ra-ên.



NASB “Bởi vì sự thù nghịch của người thật là lớn”
NKJV “...và rất hận thù”
NRSV “...sự thù hận của người thật là lớn”
TEV “Các người thù ghét Ta bởi vì tội lỗi của người là rất lớn”
NJB “sự thù địch thật lớn hơn mọi điều”

Danh từ “sự thù địch” (BDB 966) diễn tả sự hận thù và oán giận chống lại Đức Chúa Trời và người phát ngôn của Ngài. Nó chỉ được dùng trong Ô-sê 9 câu 7 và 8.

9:8

NASB “Ép-ra-im là một lính gác với Chúa của tôi, một tiên tri”
NKJV, NJB “lính gác của Ép-ra-im là ở với Chúa của tôi”
NRSV “tiên tri là một người lính gác của Đức Chúa Trời tôi trên Ép-ra-im”
TEV “Chúa đã sai ta như là một vị tiên tri để cảnh báo dân Y-sơ-ra-ên của Ngài”

Cụm từ tiếng Hê-bơ-rơ này là rất mơ hồ. Có ba giả thuyết: (1) Ép-ra-im được dự định để làm đại diện cho Đức Chúa Trời (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 19:5-6); (2) Ép-ra-im đang bắt bớ tiên tri của Đức Chúa Trời; hoặc (3) cũng có thể nó ám chỉ Ép-ra-im đi theo những tiên tri giả. Ô-sê giải bày như thế nào để ông có thể tự cho mình là một vị tiên tri, là một người lính gác, là một người chân thật và vâng phục theo giao ước.

▣ “**còn kẻ tiên tri là lưới bắt chim trên mọi đường lối mình**” Hai dòng thơ tiếp theo dường như mô tả Y-sơ-ra-ên chống đối lại sứ điệp của Chúa bằng cách tấn công sứ giả của Ngài. Dân sự của Chúa cần phải hân hoan đón tiếp sứ điệp của Đức Chúa Trời, nhưng họ lại đầy dẫy sự căm ghét thay vì nồng nhiệt tiếp nhận.

▣ “**trong nhà Đức Chúa Trời mình**” Cụm từ này có thể ám chỉ đến một số đền thờ tương tự như đền thờ của Đức Giê-hô-va (tại Bê-tên và Đan). Nó cũng có thể ám chỉ đến toàn thể vùng đất (xem 8:1; 9:4,15).

9:9

NASB “Họ đã đi sâu vào trong sự trụy lạc”

NKJV “Họ đã tự mình lún sâu vào hư hoại”
NRSV “Họ đã tự mình lún sâu vào hư hoại”
TEV “họ là xấu xa đến vô vọng”
NJB “họ càng trở nên bại hoại hơn”

Hai động từ trong dòng thơ này:

1. Đi sâu vào, lún sâu - BDB 770, KB 847, dạng HOÀN THÀNH Hiphil
2. Làm hư thối, sụp đổ - BDB 1007, KB 1469, dạng HOÀN THÀNH Piel

Hai động từ này ghép lại để bổ sung ý nghĩa cho nhau, ĐỘNG TỪ thứ hai là ý chính còn động từ đứng trước giữ chức năng như một TRẠNG TỪ. Chữ “hư hoại” ở đây được sử dụng để chỉ tình trạng tâm linh của (1) những người thờ lạy bò con vàng do A-rôn làm trong sách Xuất Ê-díp-tô Ký 32:7; Phục truyền Luật lệ Ký 9:12; 32:5; (2) những người Y-sơ-ra-ên thờ lạy những con bò con của Giê-rô-bô-am I, Ô-sê 9:9; (3) của người Giu-đa trong Ê-sai 1:4; Giê-rê-mi 6:28; Ê-xê-chi-ên 20:44, 23:11; Sô-phô-ni 3:7; (4) bản chất con người nói chung trong Thi thiên 14:1; 53:1.

☐ “**những ngày Ghi-bê-a**” Có một danh sách ẩn chứa về lịch sử bắt đầu từ câu 9 và chạy xuyên suốt qua đoạn 10. Những chi tiết này liên hệ đến những thành phố cụ thể và sự thờ lạy hình tượng đã xảy ra nơi đó. Gi-bê-a được đề cập trong 10:9 có thể muốn nói: (1) chỗ này là nhà của Sau-lơ, (2) tội lỗi đầu tiên của Sau-lơ xảy ra nơi đây (xem I Sa-mu-ên 13:8-14), (3) địa điểm này có liên quan các sự kiện trong sách Các Quan Xét 19-21; hoặc (4) theo các nhà giải kinh hiện đại thì không thể có dẫn chứng lịch sử chính xác.

☐ “**Đức Chúa Trời sẽ nhớ**” Khi Đức Chúa Trời “nhớ” là có ý nói đến sự phán xét. Con người cầu xin Đức Chúa Trời quên đi (tha thứ). Chúa kêu gọi con người hãy nhớ đến giao ước (xem 7:2; 8:13; 13:12).

BẢN NASB 9:10-14

¹⁰ Ta đã gặp Y-sơ-ra-ên, như gặp trái nho trong đồng vắng; ta đã thấy tổ phụ các người như trái chín đầu trên cây vả to. Nhưng chúng nó đã vào nơi Ba-anh-Phê-rô; dâng mình cho vật xấu hổ, và cũng trở nên góm ghiec như vật chúng nó đã yêu. ¹¹ Sự vinh hiển của Ép-ra-im sẽ bay đi như chim: sẽ không đẻ, không thai, không nghén nữa! ¹² Vì dầu chúng nó được nuôi con cái, ta cũng cất lấy đi, đến nỗi không một người nam nào còn lại. Thật, khi ta lia bỏ chúng nó, thì khôn nạn thay cho chúng nó! ¹³ Ép-ra-im được trồng trong nơi xinh tốt, như ta đã xem thấy Ty-rơ; dầu vậy, Ép-ra-im sẽ dất các con cái nó đến kẻ giết lát! ¹⁴ Hỡi Đức Giê-hô-va, xin hãy ban cho chúng nó. Ngài sẽ cho chúng nó cái gì? Hãy cho chúng nó cái dạ sút sảo vào vú khô khan!

9:10 “Ta đã gặp Y-sơ-ra-ên, như gặp trái nho trong đồng vắng...như trái chín đầu trên cây vả to” Đức Giê-hô-va thấy tiềm năng và sự kết quả nơi dòng dõi của Áp-ra-ham. Đây là một ví dụ khác về việc những người Do Thái lý tượng hóa giai đoạn lang thang trong đồng vắng như là giai đoạn tán tỉnh và trăng mật của Y-sơ-ra-ên với Đức Chúa Trời (xem 2:14-19; Phục truyền Luật lệ Ký 32:10). Câu này giải thích về việc Đức Chúa Trời lựa chọn Y-sơ-ra-ên không phải bắt đầu với Áp-ra-ham hay các Tổ phụ, nhưng với Môi-se khi đem dân Do Thái ra khỏi xứ Ai-cập.

☐ “**Ba-anh-Phê-ô**” Điều này nói đến Si-tim trên đồng bằng Mô-áp (BDB 128) và nơi đây người Y-sơ-ra-ên đã bỏ đạo đi theo những người phụ nữ Mô-áp để thờ lạy thần sinh sản. Đây là lời của

Ba-la-am chỉ dẫn cho vua dân Mô-áp làm cách nào để đánh bại Y-sơ-ra-ên (xem Dân số Ký 25:1-9). Chi tiết này có thể được đề cập trong 5:2 và trong câu 9a có cùng một thuật ngữ. Nơi này đã trở thành một biểu tượng của sự nổi loạn và thờ thần tượng (ví dụ, Phục truyền Luật lệ Ký 4:3-4; Giô-suê 22:17; Thi thiên 106:28; và tại đây)

☐ **“dâng mình cho vật xấu hổ”** ĐÔNG TỪ này (BDB 634, KB 684, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Niphal) có nghĩa là “thề nguyện” hoặc “đưa ra lời hứa” Sau khi Y-sơ-ra-ên đã tự mình cam kết theo Chúa tại Si-na-i (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 19-20) thì không lâu sau đó cũng chính họ đi theo Ba-anh tại Si-tim.

Chữ “xấu hổ” là một thuật ngữ chung để chỉ thờ thần tượng (BDB 103). Nó được các tiên tri dùng như là một tên khác để chỉ Ba-anh. Y-sơ-ra-ên phá bỏ lòng tôn kính đối với Đức Giê-hô-va (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 19-20) và đi theo Ba-anh. Tuân trướng mật đã chấm dứt.

Chữ này có nghĩa tương đương với chữ “đáng kính tởm” (BDB 1055) cũng để ám chỉ đến việc thờ thần tượng (xem Phục truyền Luật lệ Ký 29:17; II Các vua 23:13,24; Ê-sai 66:3; Giê-rê-mi 4:1; 7:30; 32:34; Ê-xê-chi-ên 5:11; 7:20; 11:18,21; 20:7-8,30; 32:23).

9:11 “Ép-ra-im” Tên này có nghĩa là “kết quả.” Tên này được dùng để chỉ mười chi phái phía Bắc vì nó là tên của chi phái lớn nhất trong nước Y-sơ-ra-ên. Sự “kết quả” đổi thành không kết quả. Các phước lành của Đức Chúa Trời sẽ bị thu hồi vì sự bất tuân giao ước (xem Phục truyền Luật lệ Ký 27-29).

☐ **“Sự vinh hiển của Ép-ra-im sẽ bay đi như chim”** Vinh hiển của họ có liên quan với mối liên hệ giao ước của họ với Đức Giê-hô-va (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 19:5-6; A-môt 3:2). Ô-sê sử dụng hình ảnh các loài chim theo nhiều nghĩa khác nhau.

1. Y-sơ-ra-ên giống như chim bồ câu ngu ngốc (các liên minh chính trị) - 7:11
2. Y-sơ-ra-ên giống như chim bồ câu run rẩy (những người hồi hương bị xúc động) - 11:11
3. chim kèn kèn, đại bàng của sự phán xét - 8:1
4. chim bị mắc bẫy trong lưới (sự phán xét) - 5:1; 7:12
5. chim được giải thoát - 9:11

☐ **“không đẻ, không thai, không nghén nữa”** Thật nực cười, khi họ nghĩ rằng khả năng sinh sản đến từ Ba-anh, nhưng thực ra thì nó đến từ Đức Giê-hô-va và do sự phán xét của Ngài mà việc sinh sản dừng lại (xem các câu 14-16).

9:12 “Thật, khi ta lia bỏ chúng nó, thì khôn nạn thay cho chúng nó” Đức Chúa Trời sẽ lia bỏ họ giống như Ngài đã lia bỏ Giu-đa, Ê-xê-chi-ên 10:18ff. Thật là một sự phán xét tột cùng khùng khiếm (xem 4:17; và Rô-ma 1:23,26,28). Đây là thí dụ điển hình của bài ai ca trong tang lễ (khôn nạn thay!). Nó là hình ảnh ẩn dụ đặc sắc cùng nhịp điệu của thơ ca được các tiên tri sử dụng.

9:13 “được trồng trong nơi xinh tốt, như Ty-ơ” Có một số giả thuyết (theo Hubbard, trong quyển Ô-sê, trang 166) về đoạn này: (1) nó ám chỉ đến sự thịnh vượng (màu mỡ) của Ty-ơ (xem Ê-xê-chi-ên 27:28); (2) Ty-ơ có liên hệ đến nguồn gốc của việc thờ lạy thần Ba-anh (xem I Các vua 18:31), hoặc (3) Ép-ra-im mở rộng đất đai đến tận xứ Ty-ơ.

☐ **“dầu vậy, Ép-ra-im sẽ dất các con cái nó đến kẻ giết lát”** Điều này dường như nói đến (1) đem trẻ em hiến tế cho thần Mô-lóch (xem Lê-vi Ký 18:21; 20:2-5; II Các vua 23:10; Giê-rê-mi 32:35) hoặc (2) niềm tin sai trật vào Ba-anh sẽ dẫn đến sự phán xét của Đức Giê-hô-va về sự

sinh sản của con người (xem các câu 11,12,14,16)

9:14 ĐÔNG TỪ “cho” (BDB 678, KB 733) được sử dụng theo cách chêm biếm ba lần trong câu này.

1. dạng MỆNH LỆNH Qal – ban cho họ.
2. dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal – Ngài sẽ cho điều gì?
3. dạng MỆNH LỆNH Qal - cho họ...!

Dường như câu này là lời cầu nguyện của tiên tri Ô-sê xin Đức Giê-hô-va ban cho Y-sơ-ra-ên những gì mà họ đáng phải chịu (không có khả năng sinh sản là sự trừng phạt tương xứng với tội thờ lạy thần sinh sản).

Trong bộ NIDOTTE, quyển 4, trang 47, có một gợi ý hay về câu này. Tác giả Robert B. Chisholm suy diễn rằng các phước lành xa xưa từ Gia-cốp đến Giô-sép thường dùng cụm từ “vú và tử cung” để biểu thị khả năng sinh sản. Nhưng ở đây lại cố tình cầu xin để không có khả năng sinh sản là một hình phạt vì Y-sơ-ra-ên vì đã tìm cầu những thần tượng sinh sản.

BẢN NASB 9:15-17

¹⁵ **Cả sự hung ác chúng nó đều ở Ghinh-ganh; ấy tại đó mà ta ghét chúng nó. Vì có những việc ác chúng nó, ta sẽ đuổi chúng nó khỏi nhà ta; ta sẽ chẳng thương yêu chúng nó nữa. Hết thấy quan trọng chúng nó là kẻ bạn nghịch.** ¹⁶ **Ép-ra-im bị đánh; rễ nó đã khô. Chúng nó sẽ không ra trái nữa; dầu để ra, ta cũng sẽ giết trái thương yêu của bụng chúng nó.** ¹⁷ **Đức Chúa Trời ta sẽ bỏ chúng nó, vì chúng nó không nghe Ngài; và chúng nó sẽ đi đông dài trong các nước.**

9:15 “Cả sự hung ác chúng nó đều ở Ghinh-ganh” Ghinh-ganh có nghĩa là “một vòng tròn bằng đá” Tại chỗ này (1) Giô-suê cho lấy những hòn đá ở sông Giô-đanh để đặt làm kỷ niệm (2) nó cũng là nơi xúc dầu cho Sau-lơ (xem I Sa-mu-ên 11:14-15). Ô-sê dường như lên án chế độ quân chủ (xem 7:3-7; 8:4, 10, 13; 13:9-11), (3) nơi này là nơi Sau-lơ phạm tội (xem I Sa-mu-ên 13:1-14) và (4) nó có thể là địa điểm thờ lạy thần sinh sản ở miền Bắc.

▣ **“ấy tại đó mà ta ghét chúng nó”** Đây là cách diễn đạt mạnh mẽ (“ghét” BDB 971, KB 1338, dạng HOÀN THÀNH Qal) mô tả phản ứng của Đức Giê-hô-va đối với tội lỗi (ví dụ, Phục truyền Luật lệ Ký 12:31; Ê-sai 63:3-6; Giê-rê-mi 12:8; A-mốt 5:21; 6:8).

▣ **“ta sẽ đuổi chúng nó khỏi nhà ta; ta sẽ chẳng thương yêu chúng nó nữa”** Ôi, thật là một sự phán xét kinh khiếp. Giao ước đã bị đổ vỡ. Đức Chúa Trời đã ly dị Y-sơ-ra-ên vì sự không chung thủy của nó. Nó đã bị đuổi khỏi nhà của Đức Chúa Trời (tức là Đất Hứa). “Ta sẽ chẳng thương yêu chúng nó nữa,” cụm từ cuối này là sự kết hợp của:

1. “làm lại” hoặc “còn làm nữa” (BDB 414, KB 418, theo cấu trúc MỆNH LỆNH JUSSIVE)
2. “yêu” (BDB 12, KB 17, dạng SỞ HỮU CÁCH NGUYÊN MẪU Qal)

Đức Giê-hô-va đã dứt khoát từ bỏ Y-sơ-ra-ên.

▣ **“Hết thấy quan trọng chúng nó là kẻ bạn (bội) nghịch”** Các nhà lãnh đạo của họ lẽ ra là những người đại diện của Đức Chúa Trời, nhưng họ đã phản loạn.

9:17 “Đức Chúa Trời ta sẽ bỏ chúng nó” Nên để ý cách Ô-sê gọi Đức Giê-hô-va là “Đức Chúa

Trời ta” với ngụ ý rằng Ngài không còn là Đức Chúa Trời của giao ước với Y-sơ-ra-ên nữa (xem Phục truyền Luật lệ Ký 31:16-18). ĐÔNG TỬ (BDB 549, KB 540, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal) có thể có nghĩa là “từ bỏ”, “khinh bỉ” hay “tiêu diệt.” Nó được sử dụng ở đây cũng như hai lần trong Ô-sê 4:6. Họ “bỏ” Luật pháp của Ngài (xem 8:12; Ê-sai 5:24; 30:9,12; Giê-rê-mi 6:19; 8:9; Ê-xê-chi-ên 5:6; 20:16; A-môt 2:4) nên Ngài từ bỏ họ (xem Giê-rê-mi 33:24).

▣ **“vì chúng nó không nghe Ngài”** Không phải vì sức mạnh của A-sy-ri và Ba-by-lôn, nhưng bởi vì tội lỗi của Y-sơ-ra-ên khiến họ bị lưu đày. Các vị thần của vùng Mê-sô-pô-ta-mi không mạnh hơn Đức Giê-hô-va. Đức Giê-hô-va dùng các nước đó để phán xét dân sự của Ngài (Ê-sai 10:5; 44:28-45:7).

▣ **“chúng nó sẽ đi đông dài trong các nước”** Đây là thực hiện các lời rủa sả theo giao ước trong Phục truyền Luật lệ Ký 27-29 (xem Phục truyền Luật lệ Ký 28:58-68)!

Ô-SÊ ĐOẠN 10

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Tội lỗi và việc bị bao vây của Y-sơ-ra-ên	Bởi vì phản loạn không dứt, sự phán xét của Đức Chúa Trời đến trên Y-sơ-ra-ên (4:1-14:9)	Nhà tiên tri truyền phán về Y-sơ-ra-ên (9:17-10:2)	Sự hủy diệt những đồ vật thờ cúng của Y-sơ-ra-ên
10:1-2	10:1-2		10:1-10
10:3-8	10:3-10	10:3-4 10:5-8 Chúa công bố sự phán xét trên Y-sơ-ra-ên	
10:9-11		10:9-10	Y-sơ-ra-ên đã làm Đức Giê-hô-va thất vọng
	10:11-12	10:11-13a	10:11-15
10:12-15	10:13-15	10:13b-15	

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

BẢN NASB 10:1-2

¹ Y-sơ-ra-ên là một cây nho tươi tốt, sanh ra trái nó. Trái nó càng sai trĩu chùng nào, nó càng thêm nhiều bàn thờ ra chùng nấy; đất nó càng tốt bao nhiêu, những trụ tượng nó lập lên càng đẹp bấy nhiêu. ² Lòng chúng nó phân hai; bây giờ chúng nó sẽ bị định tội. Đức Chúa Trời sẽ đánh bàn thờ chúng nó; sẽ phá trụ tượng chúng nó.

10:1

NASB, NRSV,

NJB “Y-sơ-ra-ên là một cây nho sum sê”

NKJV “Y-sơ-ra-ên không còn có loại cây nho của nó”

TEV “Dân Y-sơ-ra-ên giống như một cây nho đầy trái”

Chữ “sum sê” (BDB 132 I, dạng ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG Qal) chỉ thấy ở đây. Bản Bảy Mươi (Septuagint) dịch “một cây nho với những nhánh tươi tốt.” Chỗ này dường như ám chỉ đến 9:10 (xem Thi thiên 80:8-13). Đức Chúa Trời đã làm cho Y-sơ-ra-ên được sung túc (điều này có thể là một trong những ý nghĩa của *bqq*). Tuy nhiên, Đức Giê-hô-va càng ban phước thêm cho họ thì họ càng tìm thờ Ba-anh (xem 11:1). Thật là nghịch lý! Cây nho thường là biểu tượng của Y-sơ-ra-ên (xem Phục truyền Luật lệ Ký 32:32; Thi thiên 80:8-19; Ê-sai 5:1-7; Giê-rê-mi 2:21; Ê-xê-chi-ên 15:1-8).

Có thể hiểu nghĩa của ĐỘNG TỪ tại đây “trống rỗng” (BDB 132 I) và theo nghĩa đó thì Y-sơ-ra-ên như thể là một cây nho không sanh ra loại trái như Đức Chúa Trời mong muốn (xem 9:10-17).

▣ “Nó sinh trái cho chính mình” Phần còn lại của câu này là một ám chỉ đến 8:11 (xem BDB 915) hoặc 12:11 (xem Giê-rê-mi 2:28; 11:13).

▣

NASB “Nó càng làm các trụ thờ tốt hơn”

NKJV “Họ càng tô điểm thêm các trụ thờ linh thiêng của mình”

NRSV “Nó tôn tạo thêm các trụ thờ của mình”

TEV “Họ càng làm đẹp hơn những trụ linh thiêng mà họ thờ lạy”

NJB “Nó càng làm phong phú hơn những trụ cột linh thiêng”

NET Bible “Họ tô điểm thêm các trụ thờ thần sinh sản”

Sự thịnh vượng không hướng tâm lòng của họ trở lại với Đức Chúa Trời (theo như dự định, xem Phục truyền Luật lệ Ký 27-29), nhưng làm gia tăng sự thờ phượng và tạ ơn thần Ba-anh. Họ làm cho những địa điểm thờ lạy thần Ba-anh đẹp đẽ hơn mà bỏ mặc đền thờ của Đức Giê-hô-va.

10:2 “Tâm lòng” Trong cách diễn đạt của tiếng Hê-bơ-rơ thì trái tim (tâm lòng) là trung tâm của ý chí và tri thức, chứ không phải cảm xúc.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TIM, TÂM LÒNG

Chữ *kardia* trong tiếng Hy Lạp được dùng trong bản Bảy Mươi và trong Tân Ước diễn tả ý nghĩa chữ *leb* trong tiếng Hê-bơ-rơ. Nó được dùng trong một số cách sau đây (xin xem Bauer, Arndt, Gingrich and Danker, *A Greek-English Lexicon*, trang 403-404):

1. Trung tâm của một cuộc sống thuộc thể, nhưng trong ẩn dụ thì chỉ về một con người (Công vụ 14:17; II Cô-rinh-tô 3:2-3; Gia-cơ 5:5)
2. Trung tâm của một đời sống thuộc linh (đạo đức)
 - a. Đức Chúa Trời nhìn biết tâm lòng (Lu-ca 16:15; Rô-ma 8:27; I Cô-rinh-tô 14:25; I Tê-sa-lô-ni-ca 2:4; Khải huyền 2:23)
 - b. Để chỉ đời sống thuộc linh của con người (Ma-thi-ơ 15:18-19; 18:35; Rô-ma 6:17; I Ti-mô-thê 1:5; II Ti-mô-thê 2:22; I Phi-e-rơ 1:22)
3. Trung tâm của sự sống lý trí (tức là tri thức, Ma-thi-ơ 13:15; 24:48; Công vụ 7:23; 16:14; 28:27; Rô-ma 1:21; 10:6; 16:18; II Cô-rinh-tô 4:6; Ê-phê-sô 1:18; 4:18; Gia-cơ 1:26; II Phi-e-rơ 1:19; Khải huyền 18:7; tâm lòng đồng nghĩa với trí óc trong II Cô-rinh-tô 3:14-15 và Phi-líp 4:7)
4. Trung tâm của ý chí (Công vụ 5:4; 11:23; I Cô-rinh-tô 4:5; 7:37; II Cô-rinh-tô 9:7)
5. Trung tâm của tình cảm (Ma-thi-ơ 5:28; Công vụ 2:26,37; 7:54; 21:13; Rô-ma 1:24; II Cô-rinh-tô 2:4; 7:3; Ê-phê-sô 6:22; Phi-líp 1:7)
6. Nơi đặc biệt để Đức Thánh Linh hành động (Rô-ma 5:5; II Cô-rinh-tô 1:22; Ga-la-ti 4:6 [Đấng Christ sống trong lòng của chúng ta, Ê-phê-sô 3:17])
7. Tâm lòng là cách nói tượng hình để chỉ toàn bộ một con người (Ma-thi-ơ 22:37, lấy từ Phục truyền 6:5). Những tư tưởng, động cơ, và hành động thuộc về tâm lòng cho thấy rõ ràng thuộc loại người nào. Cựu Ước có một số cách sử dụng ẩn tượng về từ ngữ này:
 - a. Sáng thế ký 6:6; 8:21, “Đức Chúa Trời buồn trong lòng” (cũng đề ý xem Ô-sê 11:8-9)
 - b. Phục truyền 4:29; 6:5 “bằng cả tâm lòng, cả linh hồn”
 - c. Phục truyền 10:16, “tâm lòng không cất bị” và Rô-ma 2:29
 - d. Ê-xê-chi-ên 18:31-32, “tâm lòng mới”
 - e. Ê-xê-chi-ên 36:26, “tâm lòng mới” so với “tâm lòng bằng đá”



NASB “vô tín”
NKJV, NJB “phân rẽ”
NRSV “giả trá”
TEV “gian dối”

Chữ Hê-bơ-rơ ở đây (BDB 325 II, KB 322, dạng HOÀN THÀNH Qal) có nghĩa là là “trơn tru.” Nó là cách ẩn dụ để chỉ nền tảng không vững chắc, do đó nó được giải thích theo nghĩa xảo trá hoặc không đáng tin cậy (tham khảo bản dịch New Berkeley “lòng họ thì trơn trượt”). Chỉ duy nhất ở chỗ này trong Cựu Ước mà ĐỘNG TỪ này được dùng với chữ “tâm lòng.” Thông thường nó dùng riêng cho cái lưỡi. Sự vô tín này có thể ám chỉ đến (1) sự đối lập giữa thần Ba-anh với Đức Giê-hô-va hoặc (2) sự tin cậy nơi Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên chống đối việc liên minh chính trị với Ai-cập và A-sy-ri. Hình ảnh ẩn dụ đối lập có nguồn gốc vững chắc từ thuật ngữ đức tin trong Cựu Ước (tham khảo BDB 52-54).

Có thể hiểu nghĩa ĐỘNG TỪ này theo nghĩa “phân chia” (BDB 324) để chỉ lòng tôn kính

của họ (“trái tim”) bị phân đôi, một bên dành cho Đức Giê-hô-va và bên kia là thần Ba-anh. Tuy nhiên, thuật ngữ này chủ yếu được dùng trong hai sách Sử ký chứ không phải trong các sách tiên tri.

▣ **“Họ phải gánh chịu tội lỗi của họ”** Xem 4:15; 5:15; 13:1,16; Mi-chê 5:10-15.

▣ **“Các bàn thờ của họ...các trụ thờ của họ”** Những hiện vật thờ tự này thường gắn liền với những nghi thức thờ lạy khả năng sinh sản của thần Ba-anh (trụ đá dựng đứng là biểu tượng chỉ dương vật, xem 3:4; I Các vua 14:23-24) cũng như của thần A-sê-ra (một bàn thờ đá được đặt trên cao với một chỗ dành cho một thân cây được chạm khắc hoặc là một cây sống).

BẢN NASB 10:3-10

³ Chắc bây giờ chúng nó sẽ nói rằng: Chúng ta không có vua, vì chúng ta không kính sợ Đức Giê-hô-va; và vua, vua có thể làm gì cho chúng ta? ⁴ Chúng nó nói những lời hư không và thề dối khi lập giao ước; cho nên sự đoán phạt sẽ nứt mầm, nhậy như cỏ độc mọc lên trong luống cày nơi ruộng. ⁵ Dân cư Sa-ma-ri sẽ kinh hãi vì những bò con của Bết-A-ven; dân sự sẽ vì nó than khóc, các thầy tế lễ nó vốn ưa thích nó cũng vậy, vì sự vinh hiển nó đã biến mất khỏi nó. ⁶ Nó cũng sẽ bị đời qua A-si-ri làm lễ vật dâng cho vua Gia-rép. Bây giờ Ép-ra-im sẽ mang xấu hổ, Y-sơ-ra-ên sẽ hổ thẹn về mưu kế mình. ⁷ Về phần Sa-ma-ri, vua nó bị trừ đi giống như bọt trên mặt nước. ⁸ Các nơi cao của A-ven, tức là tội lỗi của Y-sơ-ra-ên, sẽ bị phá hủy; gai gộc và chà chuôm sẽ mọc trên các bàn thờ chúng nó. Bây giờ người ta sẽ nói cùng các núi rằng: Hãy bao bọc lấy chúng ta! và nói với các đồi rằng: Hãy đổ xuống trên chúng ta! ⁹ Hỡi Y-sơ-ra-ên, từ ngày Ghi-bê-a, ngươi đã phạm tội rồi! Chúng nó đều đứng đó; sự tranh chiến nghịch cùng con cái sự gian ác chẳng theo kịp chúng nó trong Ghi-bê-a. ¹⁰ Ta sẽ sửa phạt chúng nó khi ta muốn, và các dân sẽ nhóm lại nghịch cùng chúng nó, khi chúng nó bị buộc vào hai tội mình.

10:3 “Chúng tôi không có vua” Điều này có thể liên quan đến I Sa-mu-ên 8:4-9. Ô-sê thường tuyên bố chống lại chế độ quân chủ miền bắc (xem 7:3-7; 8:4, 10, 13; 13:9-11). Triều đại nguyên thủy (Giê-rô-bô-am I) đã không kéo dài. Có nhiều sự thay đổi trong giới lãnh đạo (tức là nhiều triều đại).

10:4 “Chúng nó nói những lời hư không và thề dối khi lập giao ước” Đây là dạng túc từ của động từ có cùng gốc với động từ (COGNATE ACCUSATIVE), nhấn mạnh rằng họ nói (BDB 150, KB 210, dạng HOÀN THÀNH Piel) những lời nói vô nghĩa (tham khảo Ê-sai 58:13). Điều này cho thấy sự tương phản giữa lời thề, lời giao ước của họ đối với Đức Giê-hô-va (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 19-20) và lời thề hay giao ước của họ đối với những thế lực ngoại bang. Những lời thề của Y-sơ-ra-ên thì không thể tin tưởng. Chúng chỉ hoàn toàn dựa trên những lợi ích cá nhân.

Dòng thứ hai của vần thơ có hai dạng NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI (INFINITIVE ABSOLUTE). Cấu trúc này gây sự chú ý vào dòng thứ hai chứ không phải ĐỘNG TỪ ở dòng thứ nhất.

▣ **“Sự đoán phạt sẽ nứt mầm, nhậy như cỏ độc”** Điều này có thể ám chỉ đến sự bất công của các thẩm phán (xem A-mốt 2:6, 5:12, 6:12).

10:5 “Sa-ma-ri” Sa-ma-ri là một pháo đài trên một đỉnh núi được xây dựng bởi Ôm-ri (xem I

Các vua 16:24) và sau đó trở thành thủ đô của Y-sơ-ra-ên. Sau năm 922 trước Chúa, vương quốc bị phân chia thì mười chi phái phía Bắc theo Giê-rô-bô-am I được gọi là Y-sơ-ra-ên, Ép-ra-im hoặc là Sa-ma-ri, còn hai chi phái miền Nam theo Rê-hô-bô-am (là con trai của Sa-lô-môn) được gọi là Giu-đa.



NASB “sẽ sợ hãi”
NKJV “sợ hãi”
NRSV, NJB “run”
TEV “sẽ phải sợ”
NET Bible “sẽ than khóc”

ĐỘNG TỪ Hê-bơ-rơ (BDB 158, KB 185, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal) có nghĩa là “khiếp sợ.” Đ ĐỘNG TỪ này có nghĩa là “kính sợ” (hay thờ phượng) hoặc “sợ hãi” (nó bị đưa đi khỏi, đi đầy, xem câu 5-6). Nhiều học giả cho rằng có sự chỉnh sửa căn cứ vào tính song đối với động từ “than thở” (BDB 626).

▣ “bò con của Bết-A-ven” Điều này nói đến bò con vàng mà Giê-rô-bô-am I thiết lập tại Bê-tên (xem 4:15; 5:8, I Các vua 16:28-29). Những con bò con vàng (tại Bê-tên và Đan) không có ý được dùng như những thần tượng, nhưng dùng làm biểu tượng cho Đức Giê-hô-va (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 32:4-5). Thuật ngữ Bết-Aven (BDB 110) được dịch là “nhà hư mất” là một cách chơi chữ dựa theo chữ Bê-tên (“nhà của Đức Chúa Trời”). Đây là một ví dụ về việc người Do Thái bêu xấu một tên (của một thần hoặc địa danh) bằng cách liên kết nó với sự sùng bái thần tượng.



NASB, NRSV “những thầy tế thờ thần tượng”
NKJV “những thầy tế của nó”
TEV “những thầy tế thờ thần tượng”
NJB “những thầy tế thần tượng của nó”

Điều này nói đến các thầy tế của thần Ba-anh thờ tự tại những địa điểm của hoàng gia tại Bê-tên và Đan (xem II Các vua 23:5; Sô-phô-ni 1:4).

Những phụ âm tiếng Hê-bơ-rơ của cụm từ kmr có nhiều ý nghĩa.

1. được ám (hoặc làm đen) BDB I
2. làm đen (từ tiếng Syriac) BDB II
3. nằm phủ phục, BDB III
4. cái bẫy hoặc lưới

Các phụ âm này là thuật ngữ thường dùng cho chữ “những thầy tế” trong tiếng Ca-na-an và Akkadian. Các thầy tế lễ ở phía Bắc bị Ô-sê xem như là những thầy tế lễ ngoại quốc.



NASB “khóc lớn vì nó”
NKJV “kêu la vì nó”
NRSV “than khóc cho nó”
NRSV (chú thích) “mừng rỡ” (tiếng Hê-bơ-rơ)
TEV “sẽ khóc về nó”
NJB “họ mừng rỡ trong vinh quang của nó”

Bản MT dịch “sẽ vui mừng” (BDB 162, KB 189, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal), nhưng nó có thể được sử dụng theo cách chế nhạo.

▣ **“sự vinh hiển nó”** Chữ này (BDB 458 II) thường được dùng cho Đức Giê-hô-va (xem I Sa-mu-ên 4:21-22), nhưng ở đây nó được dùng theo nghĩa mỉa mai dành cho tượng con bò con mà lúc ban đầu có ý dùng làm biểu tượng cho Đức Giê-hô-va, nhưng lâu dần nó tượng trưng cho Ba-anh.

10:6 “Vua Gia-rép” Dường như ở đây ám chỉ đến Tiglath-Pileser III. Đây là cách ẩn dụ để chỉ “vị vua vĩ đại,” nhưng theo nghĩa đen là “một vị vua hiếu chiến” (BDB 937, xem 5:13).

▣ **“Y-so-ra-ên sẽ hổ thẹn về mưu kế mình”** ĐỘNG TỪ (BDB 202, KB 116, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal) được sử dụng trong 2:5 và 4:19. Thờ hình tượng khiến cho họ “hổ nhục.”

Mưu định sai lạc của họ (BDB 420) đã được đề cập trước đó trong 7:12 (xem Giê-rê-mi 7:24). Có một số cách giải thích khác được đề nghị cho từ “mưu định.”

1. sự không vâng lời của họ
2. thần tượng bằng gỗ của họ (xem 10:5)

Các bản Kinh Thánh NASB, NKJV, NRSV, TEV, và NJB dịch “thần tượng bằng gỗ.”

10:7 “Sa-ma-ri cùng với vua của mình bị phế bỏ” ĐỘNG TỪ (BDB 198, KB 225, dạng HOÀN THÀNH Niphal) có ý định để loại bỏ, tiêu diệt (xem câu 8). Đức Giê-hô-va cho phép lập một vị vua ở miền bắc bởi vì sự kiêu ngạo của Rê-hô-bô-am, nhưng Chúa thấy vị vua này làm điều ác vì đã dựng tượng những con bò con vàng. Giờ đây trong cơn thịnh nộ, Chúa sẽ phế bỏ vị vua này (xem 13:11).

▣

NASB “Giống như một khúc cây trên mặt nước”

NKJV “Giống như một cành lá trên mặt nước”

NRSV, TEV “Giống như một mảnh vỡ trên mặt nước”

NJB “Giống như một cọng rơm trôi trên mặt nước”

Chữ Hê-bơ-rơ ở đây rất là khó hiểu. Nó có thể nói đến một miếng gỗ (cành cây hay mảnh vụn) (BDB 893 II, xem Giô-ên 1:7) hoặc là “bọt” (theo bản Vulgate).

10:8 “Các nơi cao của A-ven” Chữ này có nghĩa là “hư ảo” hoặc “không thật có” (BDB 19). Thuật ngữ này là cách chơi chữ mà những người Do Thái thường dùng để bêu xấu những tên địa danh hoặc là tên của những dân tộc có liên quan đến sự thờ thần tượng.

“Các nơi cao” có thể ám chỉ đến (1) đỉnh của những ngọn đồi (là những sân đập lúa) hoặc (2) các bàn thờ đẽo ra từ đá được dựng cao lên trong những đền thờ thần Ba-anh tại địa phương (x. 4:13).

▣ **“gai gộc và chà chuôm sẽ mọc trên các bàn thờ chúng nó”** Điều này có thể liên quan đến lời nguyện rủa (xem Sáng thế Ký 3:18) hoặc là một dấu hiệu của việc không còn được sử dụng (xem 9:6).

▣ **“nói cùng các núi rằng: Hãy bao bọc lấy chúng ta và nói với các đồi rằng: Hãy đỡ xuống trên chúng ta”** ĐỘNG TỪ đầu tiên (BDB 491, KB 487) là dạng MỆNH LỆNH Piel. ĐỘNG TỪ thứ hai (BDB 656, KB 709) là dạng MỆNH LỆNH Qal. Cách thức này được dùng trong Lu-ca 23:30 và Khải huyền 6:16 để diễn tả sự kinh khiếp lúc Đức Chúa Trời phán xét. Về phương diện thần học thì ở đây có thể có một liên kết “những núi” và “đồi” với sự thờ phượng thần Ba-anh.

10:9 “Từ những ngày Ghi-bê-a các người đã phạm tội” Đây có thể là lời tuyên bố chống lại thể chế quân chủ bởi vì chỗ này là quê hương của Sau-lơ và cũng nơi này ông đã phạm tội đầu tiên chống nghịch Đức Chúa Trời (xem I Sa-mu-ên 13:8-14). Câu này cũng có thể ám chỉ đến những tội được ghi trong Các Quan Xét 19-21.

▣ **“Khi nó là sự mong muốn của ta”** Cụm từ này (BDB 16) không có ĐÔNG TỪ. Dường như nó là cách để diễn tả ý chỉ của Đức Chúa Trời (là sự phán xét).

Ô-sê là sách tiên tri thứ hai mô tả Đức Chúa Trời bằng hình ảnh ẩn dụ theo cảm xúc con người (anthropomorphic).

1. mãnh thú, 5:14; 13:7,8
2. ghét, 9:15
3. ước muốn phán xét mạnh mẽ, 10:10
4. tức giận, 11:9, 13:11

Ngôn ngữ con người luôn luôn mô tả Đức Chúa Trời theo cách ẩn dụ và tương tự. Con người mang tội lỗi, hữu hạn và bị giới hạn trong hành tinh này. Khả năng từ ngữ và tri thức của chúng ta không thể thấu hiểu được một thân vị đời đời, thánh khiết.

▣ **“Ta sẽ sửa phạt họ”** ĐÔNG TỪ (BDB 415, KB 418, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal) thường có nghĩa là “dạy dỗ” hoặc “chỉ dẫn” (về đạo đức) bằng kỷ luật. Ở đây nó nói đến kỷ luật (là phán xét) vì những vi phạm giao ước.

▣ **“Dân sự sẽ được thu gom lại”** Đức Chúa Trời sẽ tập hợp (BDB 62, KB 74, dạng HOÀN THÀNH Pual) các quốc gia (BDB 766) để phán xét dân sự của Ngài.

▣ **“tội lỗi gấp hai”** Nghĩa đen ở đây là “gấp hai của những tội lỗi của họ.” Cụm từ “tội lỗi gấp đôi” xuất phát từ bản Bảy mươi (Septuagint), bản Peshitta, và bản Vulgate. Nó có thể ám chỉ đến (1) một cách chơi chữ dựa theo tên Êp-ra-im (“kết quả gấp đôi”), (2) hai tội lỗi là: đi theo thần Ba-anh và từ bỏ Đức Giê-hô-va (xem Giê-rê-mi 2:13), hoặc (3) hai con bò con vàng dựng tại Bê-tên và Đan.

BẢN NASB 10:11-15

¹¹ Êp-ra-im như bò cái tơ khéo dạy, ưa thích đập lúa; nhưng ta đã qua trên cổ bèo tốt nó. Ta sẽ đặt người cỡi trên Êp-ra-im; Giu-đa sẽ cày, và Gia-cốp sẽ đập vỡ cục đất. ¹² Hãy gieo cho mình trong sự công bình, hãy gặt theo sự nhân từ; hãy vỡ đất mới! Vì là kỳ tìm kiếm Đức Giê-hô-va, cho đến chừng nào Ngài đến và sa mưa công bình trên các người. ¹³ Các người đã cày sự gian ác, gặt sự gian ác, ăn trái của sự nói dối; vì người đã nhờ cậy trong đường lối người, trong muôn vàn người mạnh bạo của người. ¹⁴ Vậy nên sự rối loạn sẽ sanh ra trong dân người: người ta sẽ hủy phá mọi đồn lũy của người, như San-man đã hủy phá Bết-Ăt-bên, trong ngày có trận đánh mà mẹ bị nghiền nát với các con cái. ¹⁵ Bê-tên cũng sẽ làm cho các người như vậy, vì sự gian ác lớn lắm của các người. Vua Y-sơ-ra-ên sẽ bị diệt cả trong khi hùng sáng.

10:11 “Êp-ra-im như bò cái tơ khéo dạy, ưa thích đập lúa” Dòng thơ này đề cập đến công việc dễ dàng hơn là đập lúa để có được hạt lúa. Các dòng thơ tiên tri tiếp theo cho biết nó (Êp-ra-im) sẽ bị sai khiến để làm công việc nặng nhọc hơn, đó là cày bừa (phải mang cái ách trên cổ).

▣ **“Giu-đa sẽ cày”** Điều này đề cập đến một loạt những lần bị lưu đày sang Ba-by-lôn trong tương lai (vào những năm 605, 597, 586, 582 trước Chúa).

▣ **“Gia-cốp sẽ đập vỡ cục đất”** ĐÔNG TỪ (BDB 961, KB 1306, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Piel) là song đối với chữ “cày.” Nó cũng được sử dụng trong Gióp 39:10 và Ê-sai 28:24. Chữ “Gia-cốp” có thể là:

1. tên khác của Y-sơ-ra-ên
2. được dùng để chỉ tất cả các chi phái (Y-sơ-ra-ên và Giu-đa).

10:12 “Hãy gieo cho mình trong sự công bình, hãy gặt theo sự nhân từ.” Đúng là một câu gây ngạc nhiên trong bối cảnh của sự đoán xét tại đây. Có ba MỆNH LỆNH Qal (gieo, gặt, cày [vỡ đất]). Đường như ĐÔNG TỪ này là sự kêu gọi của tiên tri (hay của chính Đức Chúa Trời) để dân sự trở lại cùng Ngài (xem Châm-ngôn 11:18). Ba dòng thơ đầu tiên trình bày một chân lý phổ quát, “chúng ta gieo điều gì, chúng ta sẽ gặt điều đó” (xem 8:7; 12:2; Gióp 4:8; Thi thiên 126:6; Châm-ngôn 11:18, 22:8; Giê-rê-mi 4:3; II Cô-rinh-tô 9:6; Ga-la-ti 6:7).

Thuật ngữ “tốt (bụng)” (BDB 338) là chữ Hê-bơ-rơ “*hesed*”, có nghĩa là “lòng trung thành theo giao ước” đối với Chúa cũng như đối với những người tham dự vào giao ước (xem 4:1; 6:4-6; 12:7; Mi-chê 6:8). Xem chủ đề đặc biệt: *Hesed* trong 2:19.

▣ **“hãy vỡ đất mới”** Đây là hình ảnh ẩn dụ về sự hối cải (xem Giê-rê-mi 4:3).

▣ **“Vì là kỳ tìm kiếm Đức Giê-hô-va”** ĐÔNG TỪ (BDB 205, KB 233) là dạng TỪ GHÉP NGUYÊN MẪU Qal (Qal INFINITIVE CONSTRUCT). Động từ được dùng theo nghĩa của giao ước (xem Phục truyền Luật lệ Ký 4:29). Đức Giê-hô-va có thể tìm được nếu con người thật sự tìm kiếm Ngài (ví dụ, Giê-rê-mi 29:13). Tìm kiếm Đức Giê-hô-va là hy vọng duy nhất cho dân Y-sơ-ra-ên đã phạm tội để họ tránh khỏi sự hủy diệt (xem 10:12; Ê-sai 55:6-7; A-môt 5:4,6). Thời điểm thích hợp để tìm kiếm Chúa là ngay lúc này.

▣ **“cho đến chừng nào Ngài đến và sa mưa công bình trên các người”** Đây là hình ảnh ẩn dụ bất ngờ trong nông nghiệp (mưa xuống đều đặn hàng năm) nhằm nói đến hiện thực tâm linh (là sự công chính). Chủ đề này thường lặp lại trong các sách tiên tri (ví dụ, 2:19-20; 6:3; 14:5; Thi thiên 72:6-7; Ê-sai 44:3-4; 45:8; Giô-ên 2:23; 3:18).

10:13 “Các người đã cày sự gian ác, gặt sự gian ác, ăn trái của sự nói dối” Hình ảnh nông nghiệp làm ẩn dụ (“khai phá đất hoang”) nhằm nói đến lòng mong muốn của Đức Chúa Trời về một dân tộc “công bình” và “trung thành” (câu 12) nhưng chỉ có kết quả đáng tiếc và hoàn toàn ngược lại: là gian ác và bất công.

Họ “tin cậy” (BDB 105, KB 120, dạng HOÀN THÀNH Qal) vào sức mạnh của riêng mình thay vì quyền năng của Đức Giê-hô-va. Hậu quả (các câu 14-15) là sự hủy diệt ghê gớm.

▣ **“vì người đã nhờ cậy trong đường lối người, trong muôn vàn người mạnh bạo của người”** Bối cảnh lịch sử là thời kỳ cực thịnh và chiến thắng quân sự (xem phần Giới thiệu). Y-sơ-ra-ên (cũng như Giu-đa, 8:14) tin cậy vào sức mạnh quân sự của mình (xem Giê-rê-mi 9:23-24).

Cụm từ “trong đường lối người” (BDB 202) được bản Septuagint dịch là “chiến xa” (tham khảo 14:3) tạo thành thể song đối hay, nhưng cần phải có chỉnh sửa. Các phụ âm có thể được đọc

theo gốc từ tiếng Ugaritic cũng có nghĩa giống như chữ “sức mạnh.”

10:14 “Khi San-man đã hủy phá Bết-At-bên” Chỗ này có thể nói đến vua Shalmaneser III trị vì trong khoảng những năm 858-824 trước Chúa. Ông được nhắc đến trong Kinh Thánh, II Các vua 17:3 và 18:9. Nó cũng có thể ám chỉ đến Salamanu là vua Mô-áp đồng thời với vua Tiglath-Pileser III. Không biết Bết-At-bên là ở chỗ nào và dẫn chứng lịch sử thì cũng không chắc chắn.

▣ **“mẹ bị nghiền nát với các con cái”** Đây là hình ảnh ghê rợn khi bị người A-sy-ri bắt đi lưu đày. Quân đội giết tất cả những người già cả và trẻ thơ là những người không thể đi lưu đày. Tất nhiên cũng gồm luôn cả những phụ nữ mang thai. Điều này đã xảy đến để gây sốc và đau khổ tinh thần cho dân chúng (xem 13:16).

CÂU HỎI THẢO LUẬN CHO ĐOẠN 9 VÀ 10

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Liệt kê ra những lần đề cập đến sự thờ lạy thần sinh sản trong Ô-sê đoạn 9 và 10.
2. Liệt kê những thành phố được nhắc đến trong 9:9-10:15.
3. Y-so-ra-ên sẽ bị lưu đày sang Ai Cập hay A-sy-ri? Giải thích 11:5 rồi so sánh với 7:10, 8:13, 9:3.
4. Giải thích cách sử dụng chữ “xấu hổ” trong tiếng Hê-bơ-rơ.

Ô-SÊ ĐOẠN 11

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Tình thương vững bền của Đức Chúa Trời dành cho Y-sơ-ra-ên	Bởi vì phân loạn không dứt, sự phán xét của Đức Chúa Trời đến trên Y-sơ-ra-ên (4:1-14:9)	Tình thương của Đức Chúa Trời cho dân sự phân loạn của Ngài	Tình thương của Đức Chúa Trời bị xem thường: Sự báo trả của Ngài
11:1-4	11:1-7	11:1-4	11:1-6
11:5-7		11:5-9	Tình thương của Đức Chúa Trời lớn hơn sự báo trả của Ngài 11:7-9
11:8-11	11:8-9 11:10-12	11:10-11	Trở về từ lưu đày 11:10-11
Sự tức giận của Đức Chúa Trời đối với tội lỗi của Giu-đa		Y-sơ-ra-ên và Giu-đa bị lên án	
11:12-12:14		11:12-12:6	11:12

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

BẢN NASB 11:1-4

¹ Khi Y-sơ-ra-ên còn thơ ấu, ta yêu dấu nó; ta gọi con trai ta ra khỏi Ê-díp-tô. ² Các tiên tri càng gọi nó chừng nào, nó càng trốn tránh chừng nấy. Chúng nó đã dâng của lễ cho các tượng Ba-anh, và đốt hương cho tượng chạm. ³ Dầu vậy, ta đã dạy Ép-ra-im bước đi, lấy cánh tay mà nâng đỡ nó. Song chúng nó chẳng hiểu biết rằng ta đã chữa lành cho. ⁴ Ta đã dùng dây nhân tình, dùng xích yêu thương kéo chúng nó đến. Ta đã như những kẻ cỡi ách khỏi hàm chúng nó, và để đồ ăn trước mặt chúng nó.

11:1-4 Tính cách riêng biệt của Ô-sê được thấy qua những ẩn dụ mới mẻ và đa dạng để mô tả Đức Chúa Trời và những việc làm của Ngài. Hai trong số các ẩn dụ mạnh mẽ nhất có tính cách cá nhân là: (1) Đức Chúa Trời là người yêu chung thủy, đoạn 1-3 và (2) Đức Chúa Trời như là cha mẹ thương yêu, đoạn 11. Đức Chúa Trời đã tự mặc khải chính mình cho nhân loại sa ngã bằng cách chọn những điều mà con người đã có kinh nghiệm: những việc có tính cá nhân, sâu sa và có tác động mạnh mẽ. Sau đó Ngài nói “Ta muốn làm điều đó cho các ngươi.” Vì vậy mà ẩn dụ về gia đình và tính chất tương tự với nhau được sử dụng thường xuyên trong Kinh Thánh trong sự liên hệ với Đức Chúa Trời. Mọi người đều có kinh nghiệm về những cảm nhận sâu sắc trong tình yêu của loài người và nhiều người đã có kinh nghiệm làm cha mẹ. Loài người đã có những kinh nghiệm này nên từ đó Đức Chúa Trời tự bày tỏ về Ngài cách rõ ràng cùng với chiều sâu của tình yêu và đức thành tín của Ngài (xem 11:8-9).

11:1 “Khi Y-sơ-ra-ên còn thơ ấu, ta yêu dấu nó” Câu này nhằm nhấn mạnh, rất giống với 9:10 và 10:1. Nó tập trung vào tình yêu của Đức Giê-hô-va và sự lựa chọn dòng dõi của Áp-ra-ham (xem Phục truyền Luật lệ Ký 4:32-40) khi còn ở Ai Cập để làm dân sự độc nhất của Ngài (A-mốt 3:2 nhắc lại Xuất Ê-díp-tô Ký 19:5-6). Điều này làm hoàn thành lời tiên tri trong Sáng thế Ký 15:12-21.

Đức Chúa Trời đã chọn một người, một gia đình rồi một dân tộc đại diện cho Ngài trên thế gian (xem Sáng thế Ký 12:3; Xuất Ê-díp-tô Ký 19:5-6). Cũng từ gia đình này mà Đấng Mết-si-a sẽ đến trần gian này (xem cách thức sử dụng khúc kinh văn này trong Ma-thi-ơ 2:15 về cuộc đời của Chúa Giê-xu).

▣ **“ta gọi con trai ta ra khỏi Ê-díp-tô”** Thuật ngữ “con trai” ở số ít trong Cựu Ước có thể ám chỉ (1) quốc gia Y-sơ-ra-ên (ví dụ, 1:10; Xuất Ê-díp-tô Ký 4:22); (2) Vua của Y-sơ-ra-ên (ví dụ, II Sa-mu-ên 7:14; Thi thiên 2:7); hoặc (3) Đấng Mết-si-a (ví dụ, Thi thiên 2:7, được trích dẫn trong Công vụ Các sứ đồ 13:33; Hê-bơ-rơ 1:5; 5:5). Sự trích dẫn được sử dụng khi Chúa Giê-xu còn là một em bé được đưa đến Ai Cập để bảo vệ Ngài khỏi Hê-rốt theo Ma-thi-ơ 2:15. Tuy nhiên, trong bối cảnh tại đây thì nó đề cập đến quốc gia Y-sơ-ra-ên. Chú ý đến sự nhấn mạnh vào sự chọn lựa, “Ta đã gọi” (BDB 894, KB 1128, dạng HOÀN THÀNH Qal). Trong Cựu Ước, sự lựa chọn chủ yếu là để phục vụ (vị thế của Y-sơ-ra-ên trong chương trình cứu chuộc của Đức Giê-hô-va), trong khi ở Tân Ước sự lựa chọn chủ yếu để chỉ sự cứu rỗi (xem Ê-phê-sô 1:3-14).

11:2 “Các tiên tri...gọi nó” Câu này nói đến các vị tiên tri (xem bản dịch LXX và II Các vua 17:13-18; Ê-sai 6:10; Giê-rê-mi 7:25-26). Tuy nhiên, Y-sơ-ra-ên đã hành xử giống như các em thiếu niên. Khi Đức Chúa Trời càng kêu gọi chúng nó (các bản dịch Bảy mươi và bản tiếng Syriac dùng chữ “Chúa” thay vì “các tiên tri (they)”), thì chúng nó càng làm điều ngược lại (xem câu 7b).

David A. Hubbard trong quyển Ô-sê (thuộc bộ giải kinh Tyndale), tái phân chia dòng 2 và

cho rằng chữ “they (họ)” ám chỉ đến những người dụ dỗ giống như trong Dân số Ký đoạn 25 có nói đến “những người phụ nữ thờ thần sinh sản Ba-anh tại Phê-ô.” Khi đó các dòng thơ tại đây sẽ là “khi chúng (kẻ dụ dỗ) càng gọi họ, thì họ càng xa rời Ta” (trang 187). Bộ giải kinh Jerome khẳng định rằng chữ “chúng” là chỉ tất cả các bàn thờ thần Ba-anh tại địa phương (trang 262). Đối với một đứa con ương ngạnh, tội lỗi, đi theo sở thích của mình thì tiếng gọi của thần tượng lớn hơn và mạnh mẽ hơn so với tiếng gọi yêu thương của cha mẹ (giống như đứa con hoang đàng trong Lu-ca 15).

Cho dù lý thuyết nào là đúng thì điểm nhấn mạnh là tính cách ương ngạnh. Những cam kết trong quá khứ đã bị mất hút trong các tham muốn hiện tại.

▣ **“Ba-anh”** Đây là nam thần sinh sản của dân Ca-na-an. Để tham khảo đầy đủ về các vị thần của dân Ca-na-an xem quyển *Archaeology and the Religion of Israel*, của William Foxwell Albright.

▣ **“Chúng nó đã dâng của lễ cho các tượng Ba-anh, và đốt hương cho tượng chạm”** Hai dòng thơ này song đối với nhau. Chúng ta không biết gì về sự dâng sinh tế cho thần Ba-anh, do đó những việc dâng của lễ (BDB 256, KB 261, dạng HOÀN THÀNH Piel) có thể ám chỉ đến dâng hương (BDB 882, KB 1094, dạng HOÀN THÀNH Piel).

Có một số trẻ em bị làm sinh tế dâng cho Mô-lóc là thần lửa và thần sinh sản. Việc này có thể được nói đến ở các đoạn về việc tàn sát trẻ em trong sách Ô-sê.

11:3 “ta đã dạy Ép-ra-im bước đi” Đây là dạng ĐỘNG TỪ hiếm (BDB 920, KB 1183, dạng Tiphel) với nghĩa không được thông dụng do từ gốc của nó (“chân”). Câu 3 và 4 cho thấy tình yêu của Đức Chúa Trời được diễn tả trong ẩn dụ hoặc sự so sánh Đức Giê-hô-va giống như cha mẹ yêu thương, cả cha và mẹ (có chỉnh sửa trong câu 4b, c). Người cha (1) đã đi trước để con mình đi theo hoặc (2) đã đi trước con để con mình bắt chước và bảo vệ con.

▣ **“Song chúng nó chẳng hiểu biết rằng ta đã chữa lành cho”** Bạn có cảm nhận được nỗi đau của Đức Giê-hô-va trong cụm từ này không? Ngài đã cứu dân của Ngài ra khỏi Ai Cập và chỉ bày tỏ chính Ngài cho họ mà thôi, nhưng họ đã cho rằng những quà tặng yêu thương của Ngài dành cho họ là do các vị thần sinh sản của dân Ca-na-an ban cho. Tình yêu bị xúc phạm.

ĐỘNG TỪ “chữa lành” (BDB 950, KB 1272, dạng HOÀN THÀNH Qal) thường được sử dụng để chỉ Đức Chúa Trời tha thứ tội lỗi. Điều này được thấy trong Ô-sê 5:13, 6:1, 7:1; Xuất Ê-díp-tô Ký 15:26; thể song đối của Thi thiên 16:3 và Ê-sai 1:5-6 đều là những thí dụ về các tội lỗi của quốc gia được mô tả theo từ ngữ bệnh tật thân thể (cũng lưu ý Ê-sai 53:5 và I Phi-e-rơ 2:24-25).

11:4 “dùng dây nhơn tình, dùng xích yêu thương” Điều này nói “dây buộc giữ trẻ nhỏ.” Sự kỷ luật của Đức Chúa Trời là biểu hiện cho tình yêu của Ngài cũng như bất kỳ việc làm thương xót nào khác của Ngài (xem Hê-bơ-rơ 12:5-13). Sự kỷ luật bởi yêu thương của cha mẹ là chìa khóa để hiểu việc làm và hướng dẫn của Đức Chúa Trời cho nhân loại tội lỗi. Họ là những người đang tiến đến tự hủy diệt chính mình vì có tự do và hiểu biết từ cây biết điều thiện và điều ác. Ngài sẽ không để chúng ta hành động mà không bị ngăn cản. Ngài sẽ không đứng đó và để cho chúng ta tự hủy diệt chính mình.

▣ **“Ách”** Chữ Hê-bơ-rơ “ách” (BDB 760) có vẻ như không phù hợp với văn mạch tại đây (tuy nhiên, nó có thể ám chỉ đến 10:11). Dầu vậy, bằng cách thay đổi một nguyên âm và lập lại phụ

âm cuối, thì có thể thêm vào chữ Hê-bơ-rơ “sơ sinh” (BDB 760, tham khảo 14:1) tại đây. Việc này có vẻ phù hợp hơn với bối cảnh nói về sự chăm sóc của cha mẹ (tham khảo bộ NIDOTTE, quyển 3, trang 401). Có thể dịch giống như bản New American Bible và The Jerusalem Bible là “như một người nâng ẵm em bé sơ sinh để kê vào má của mình.” Điều này có thể ám chỉ đến Đức Giê-hô-va như là một người mẹ cho con bú.

Đức Chúa Trời không phải là nam hay nữ. Ngài là một thân vị thần linh, đời đời hiện diện qua suốt cả thời gian, không gian và mọi khía cạnh của thực tại. Ngài tạo nên nam và nữ như là một phương tiện sinh sản trên hành tinh này. Ngài hợp nhất điều tốt nhất của cả hai trong chính mình Ngài.

Có nhiều nơi mà đặc điểm nữ tính này thì rõ ràng.

1. Sáng thế Ký 1:2, “ấp ủ trên mặt nước” - đây là một từ dùng cho chim mái.
2. Ô-sê 1:4; Ê-sai 49:15; 66:9-13 - Đức Chúa Trời như một người mẹ cho con bú

BẢN NASB 11:5-7

⁵ Chúng nó sẽ không trở về trong đất Ê-díp-tô nữa, nhưng người A-si-ri sẽ làm vua chúng nó, vì chúng nó chẳng khứng trở lại với ta. ⁶ Grom sẽ rơi trên các thành chúng nó, hủy phá then cửa chúng nó, nuột hết chúng nó, vì có mưu chước chúng nó. ⁷ Thật, dân ta quyết ý trái bỏ ta. Người ta khuyên chúng nó đến cùng Đấng cao; song trong chúng nó chẳng một người nào dấy lên.

11:5 “Chúng nó sẽ không trở về trong đất Ê-díp-tô nữa” Điều này dường như mâu thuẫn với 7:16, 8:13, 9:3. Có hai quan điểm giải thích: (1) Ai Cập là biểu tượng cho chế độ nô lệ hoặc (2) Ai Cập là minh họa về liên minh chính trị. Quan điểm 2 có vẻ phù hợp với bối cảnh của đoạn 11 câu 5 nhất, tuy nhiên quan điểm 1 có vẻ phù hợp hơn cho bối cảnh của các trung dẫn khác.

Có thể dịch chữ “không” là “chắc chắn,” cách dịch này sẽ giải quyết được điều dường như mâu thuẫn.

▣ **“nhưng người A-si-ri sẽ làm vua chúng nó”** Đây là lời tiên tri rõ ràng về sự lưu đày sang A-sy-ri (xem 7:11; 8:9-10; 9:3; 10:6). Có thể là câu này nói đến việc Y-sơ-ra-ên không còn tin tưởng vào liên minh chính trị với cả Ai Cập và A-sy-ri. A-sy-ri làm vua có thể nói đến 10:3. Y-sơ-ra-ên muốn có một vua như mọi quốc gia khác (xem I Sa-mu-ên 8:5); giờ đây thì họ đã có một vua (A-sy-ri).

▣ **“chúng nó chẳng khứng trở lại với Ta”** Chữ “quay lại” (BDB 996, KB 1427, dạng TỪ GHÉP NGUYÊN MẪU Qal (Qal INFINITIVE CONSTRUCT)) là thuật ngữ Cựu Ước chỉ sự hối cải. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Ăn Năn Trong Cựu Ước trong A-môt 1:3.

Nỗi đau đớn trong tâm lòng của Đức Chúa Trời có thể thấy trong ĐỘNG TỪ “từ chối” (BDB 549, KB 540, dạng HOÀN THÀNH Piel). Không phải là sự thiếu hiểu biết của Y-sơ-ra-ên là điều khiến họ đáng bị khiển trách, nhưng là có chủ tâm nổi loạn chống lại Đức Giê-hô-va và luật pháp của Ngài (xem 7:13-15; 8:1,12).

11:6 “Grom sẽ rơi trên các thành chúng nó” ĐỘNG TỪ này (BDB 296, KB 297, dạng HOÀN THÀNH Qal) được sử dụng cho nhảy múa, sự quay cuồng của những cơn bão, hay sự quần quai đau đớn khi sinh nở. Ở đây nó được hình dung thành hành động xoay nhanh như chớp của một thanh kiếm khi nó tàn phá các thành phố của Y-sơ-ra-ên.

☐ **“then cửa”** Chữ này (BDB 94) nói đến (1) các dầm bằng gỗ dùng để giữ chặt cửa thành vào ban đêm (Y-sơ-ra-ên tin cậy vào công sự kiên cố của mình, xem 8:14; 10:14) hoặc (2) sự bói toán (xem Ê-sai 44:25; Giê-rê-mi 50:36) để song đối với chữ “muru định.”

☐ **“vì có muru chước chúng nó”** Chi tiết này có thể ám chỉ đến (1) các chính sách của Giê-rô-bô-am I: dựng lên những con bò con vàng; (2) các chính sách khác nữa của các triều đại tiếp theo hoặc (3) quyết định của các cố vấn chính trị. Điều này được nhắc đến nhiều lần trong Ô-sê (ví dụ, 7:12).

11:7 “Thật, dân ta quyết ý trái bỏ ta” ĐỘNG TỪ này (BDB 1067, KB 1736, dạng ĐỘNG TÍNH TỪ THỤ ĐỘNG Qal (Qal PASSIVE PARTICIPLE)) được dùng theo nghĩa đen trong Phục truyền Luật lệ Ký 28:66, “treo một vật trước một người nào đó.” Hình ảnh ẩn dụ để chỉ một khuynh hướng, nghiêng về phía ai, cái gì đó (nhưng không phải là Đức Giê-hô-va).

Chữ “quay khỏi” (BDB 1000) có nghĩa là “quay lưng” hoặc “bỏ đạo” (xem 14:5; trong Giê-rê-mi 3:6 nói đến Y-sơ-ra-ên; trong Giê-rê-mi 2:18; 3:22; 5:6; 8:5; 14:7 thì chỉ Giu-đa và thường được dịch là “vô tín”). Thay vì hồi cải quay về Đức Chúa Trời thì họ quay lưng lại với Ngài vì bội đạo.

Lời mở đầu “dân sự của Ta” là một ám chỉ đến 1:9 (tức là chữ “Lo-Ammi”), nhưng với tương lai đầy hy vọng trong 2:23 (nghĩa của chữ “Ruhamah,” xem 1:6 và nghĩa của chữ “Ammi”).

☐ **“song trong chúng nó chẳng một người nào tôn kính Ngài”** Đây là nan đề của nhân loại sa ngã, đặc biệt là dân sự giao ước (ví dụ Ê-sai 53:6 a, b, trích dẫn trong Tân Ước bởi Phi-e-rơ trong I Phi-e-rơ 2:25).

BẢN NASB 11:8-11

⁸ Hỡi Êp-ra-im, thế nào ta bỏ được người? Hỡi Y-sơ-ra-ên, thế nào ta lia được người? Thế nào ta sẽ đãi người được như Át-ma, hay là làm cho người như Sê-bô-im? Lòng ta rung động trong ta; lòng thương xót của ta cả đều nóng nảy. ⁹ Ta cảm sự nóng giận lại, và sẽ chẳng lại hủy diệt Êp-ra-im. Vì ta là Đức Chúa Trời, không phải là người; ta là Đấng Thánh ở giữa người, chẳng lấy con giận đến cùng người. ¹⁰ Chúng nó sẽ theo sau Đức Giê-hô-va, Ngài găm thét như sư tử; Ngài sẽ găm thét, các con cái sẽ từ phương tây run rẩy mà đến. ¹¹ Chúng nó sẽ run rẩy mà đến từ Ê-díp-tô như chim bay, và từ đất A-si-ri như bò câu; và ta sẽ khiến chúng nó ở trong các nhà chúng nó, Đức Giê-hô-va phán vậy.

11:8 “Hỡi Êp-ra-im, làm thế nào ta bỏ được người?” Tâm lòng của Đức Giê-hô-va bị tan nát (xem cặp song đối thứ ba trong câu này, 6:4) khi đưa con nổi loạn của Ngài từ bỏ người cha luôn yêu thương nó. Trong Cựu Ước một đứa con như vậy có thể bị ném đá đến chết (xem Phục truyền Luật lệ Ký 21:18-21). Bằng cách nào công bình và yêu thương hòa hợp được và ở đâu?

☐ **“Hỡi Y-sơ-ra-ên, thế nào ta lia được người?”** ĐỘNG TỪ này (BDB 171, KB 545, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Piel) có nghĩa là “từ bỏ” hay là “chấm dứt, thôi.” Chữ này chỉ được dùng ba lần trong Cựu Ước và chỉ ở trong Sáng thế Ký 14:20 mới được dùng với một ý nghĩa tương tự.

▣ **“Át-ma...Sê-bô-im”** Đây là những thành phố ở vùng đồng bằng được xác nhận rõ và bị hủy diệt vì sự gian ác của họ cùng với Sô-đôm và Gô-mô-rơ (xem Sáng thế Ký 10:19; 19:24-25; Phục truyền Luật lệ Ký 29:23). Chúng không còn tồn tại. Đức Chúa Trời phải phán xét Y-sơ-ra-ên, nhưng không đến nỗi tận diệt hoàn toàn.

▣ **“Lòng ta rung động trong ta”** ĐỘNG TỪ này (BDB 245, KB 253, dạng HOÀN THÀNH Niphal) là từ thông dụng để chỉ “đảo lại” hay “lật đổ.” Nó được sử dụng để mô tả Đức Chúa Trời lật đổ của các thành phố ở vùng đồng bằng (ám chỉ trong hai dòng thơ song song trước đó trong câu 8) trong Sáng thế Ký 19:21,25,29; Phục truyền Luật lệ Ký 29:22. Đây không phải là Đức Chúa Trời đã thay đổi con giận của Ngài đối với tội lỗi và sự nổi loạn của Y-sơ-ra-ên, nhưng là tình yêu và lòng thương xót của Ngài sẽ đem đến một sự cứu rỗi trong tương lai. Điều này là cốt yếu của giao ước mới trong Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:22-38. Nó có nền tảng nơi bản tính của Đức Chúa Trời, công tác của Đấng Mê-ti-a, và sự thúc giục của Đức Thánh Linh, chứ không phải là việc làm của con người theo một điều luật bên ngoài. Đức Chúa Trời đã thay đổi cách thức đối xử với nhân loại sa ngã của Ngài (đây có thể là một ý nghĩa thứ hai của ĐỘNG TỪ theo bản dịch TEV, NIV, và NET Bible).

▣ **“lòng thương xót của ta cả đều nóng nảy”** Chữ được dùng chỉ “sự thương xót” tại đây (BDB 637) chỉ được sử dụng ba chỗ trong Cựu Ước: Ê-sai 57:18; Xa-cha-ri 1:13; và ở đây. ĐỘNG TỪ “nhóm lửa” (BDB 485, KB 481, dạng HOÀN THÀNH Niphal) có nghĩa là “làm ấm lại hay là nung ấm,” nhưng nguyên thủy có nghĩa giầu trái cây nơi kín để nó ấm hơn và chín (ví dụ, Sáng thế Ký 43:30, I Các vua 3:26; và ở đây).

11:9 “Ta cảm sự nóng giận lại” DANH TỪ GHÉP “con giận dữ dội” (BDB 354 và 60) cũng được tìm thấy tại 8:5 (cũng có ở Xuất Ê-díp-tô Ký 32:12: những con bò con vàng của A-rôn; Dân số Ký 25:4: việc thờ thần tượng của Y-sơ-ra-ên tại Si-tim; Dân số Ký 32:13-15: sự thiếu đức tin của Y-sơ-ra-ên khi họ tiến vào Đất Hứa; Giô-suê 7:26: tội lỗi của A-can tại thành A-hi; Phục truyền Luật lệ Ký 13:17: thờ thần tượng của một thành phố và còn nhiều chỗ khác nữa).

▣ **“Ta sẽ chẳng lại hủy diệt Ép-ra-im”** Đức Chúa Trời thích (chọn) sự thương xót (xem Giê-rê-mi 26:3). Nhưng điều này không có nghĩa là họ không bị trừng phạt (xem câu 10a; Giê-rê-mi 30:11).

▣ **“Vì ta là Đức Chúa Trời”** Đây là danh xưng El (BDB 42 II). Xem chủ đề đặc biệt: Tên của thần linh trong A-môt 1:2.

▣ **“không phải là người”** Chi tiết này có thể cho qua, không cần nói gì thêm (tham khảo Dân số Ký 23:19; I Sa-mu-ên 15:29; Gióp 9:32), nhưng trong thời đại của chúng ta thì hình thể của Đức Chúa Trời được công nhận theo kiểu mẫu “hình ta, tượng ta” trong Sáng thế Ký 1:26-27. Đức Chúa Trời là thần linh. Đức Chúa Trời thì thánh khiết (mạch văn này là nơi duy nhất trong sách Ô-sê mà đặc tính này được dành cho Đức Giê-hô-va, xem 11:12).

▣ **“Ta là Đấng Thánh ở giữa người”** Chữ này (BDB 899, 872) có nghĩa tương tự với chữ “Em-ma-nu-ên,” “Đức Chúa Trời ở với chúng ta” (BDB 769, xem Ê-sai 6:12; Ê-sai 7:14). Kinh Thánh bắt đầu với Đức Chúa Trời và con người ở trong một khu vườn (xem Sáng thế Ký 1-2) và kết thúc với Đức Chúa Trời và con người trong một khu vườn với nhau (xem Khải huyền 21-22). Bản chất của đức tin theo Kinh Thánh là Đức Chúa Trời và tạo vật cao nhất của Ngài tương giao

với nhau gồm tâm linh và cả thể chất. Con người được tạo ra để tương giao với Đức Chúa Trời (xem Sáng thế Ký 1:26-27). Chưa bao giờ có sự phân biệt là siêu việt hay là nội tại. Chỉ có tội lỗi con người đã tạo nên nhu cầu phân biệt.



NASB “và Ta sẽ không đến trong cơn thịnh nộ”
NKJV “và Ta sẽ không đến với sự khùng khiếp”
NRSV (chú thích) “Ta sẽ không vào thành phố”
TEV, NJB “Ta sẽ không đến với ngươi trong sự giận dữ”

Cụm từ tiếng Hê-bơ-rơ này không rõ ràng nên có thể được hiểu theo nhiều cách tùy thuộc vào từ gốc trong tiếng Hê-bơ-rơ:

1. “đốt cháy” hoặc “thieu nuốt” (BDB 128)
2. “loại bỏ” hoặc “tiêu diệt” (BDB 128)
3. “với” khi kết hợp với chữ “sự kích động” hoặc “cơn giận” (BDB 786)
4. Bản MT, “và Ta sẽ không vào thành phố” (ĐỘNG TỪ BDB 97, BỔ NGỮ BDB 746 II) sẽ liên kết nó với 8:14, 10:14. Sự hiện diện của Đức Giê-hô-va tất nhiên phải có sự phán xét.

11:10 “Ngài gầm thét như sư tử” “Gầm thét” ở đây không ám chỉ đến một hành vi hung dữ của một con thú hoang dã, nhưng là tiếng kêu của bậc cha mẹ gọi những đứa con nhỏ về nhà.

▣ **“các con cái sẽ từ phương tây run rẩy mà đến”** Có thể có một cách chơi chữ dựa trên cách phát âm giữa chữ “sự tức giận dữ dội” của Đức Giê-hô-va (BDB 354) và cụm từ “họ sẽ đến run rẩy” (BDB 353, KB 350, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal, sử dụng hai lần trong 10:11). Chữ này được sử dụng (1) trong Sáng thế Ký 42:28 chỉ nỗi sợ hãi trước hành động của Đức Chúa Trời; (2) trong I Sa-mu-ên 10:4 chỉ sự kính sợ đối với tiên tri của Đức Chúa Trời; và (3) trong I Sa-mu-ên 21:1 chỉ sự sợ hãi trước sự hiện diện của vua Đa-vít. Dạng TÍNH TỪ được sử dụng chỉ sự sợ hãi và tôn kính đối với lời phán của Đức Chúa Trời trong Ê-sai 66:2; E-xơ-ra 9:4; 10:3.

Việc đi về hướng tây (nghĩa đen là “biển”) là việc kỳ lạ bởi vì A-sy-ri là ở về phía đông. Một số học giả xem các câu 10 và 11 là sự trở về từ ba hướng (từ khắp mọi nơi, xem Ê-sai 11:11-12).

1. Các đảo và vùng đất duyên hải ở xứ Pa-léc-tin, câu 10
2. Ai Cập, câu 11
3. A-sy-ri, câu 11

11:11 “Họ sẽ đến...từ đất Ê-díp-tô...từ đất A-sy-ri” Nhiều người Do Thái chạy trốn qua Ai Cập trong cuộc xâm lược của Ba-by-lôn và sống lưu vong. Đức Chúa Trời sẽ đem dân sự Ngài trở về.

▣ **“ta sẽ khiến chúng nó ở trong các nhà chúng nó”** Chỗ này ám chỉ đến một trong những lời hứa của Đức Chúa Trời đã được nhắc lại trong phần những sự rửa sạch và chúc phước trong Phục truyền Luật lệ Ký đoạn 27 và 28.

BẢN NASB 11:12

Ép-ra-im lấy sự nói dối bao bọc ta, còn nhà Y-sơ-ra-ên thì lấy sự lừa phỉnh; Giu-đa cai trị với Đức Chúa Trời, và có lòng trung tín với Đấng Thánh.

11:12 Bản văn Massoretic đặt câu 12 này vào đoạn 12. Mạch văn xác nhận điều này đúng. Cụm từ cuối cùng của câu 12 là một trong những đoạn chính yếu của cả cuốn sách (xem 6:6; 8:7). Nó nhấn mạnh đến sự thành tín của Đức Chúa Trời và sự vô tín của Y-sơ-ra-ên. Đây là sự đối chọi (giăng co) giữa một giao ước vô điều kiện (đức tính của Đức Chúa Trời) và giao ước có điều kiện (sự vâng lời của con người).

▣ **“Ép-ra-im lấy sự nói dối bao bọc ta”** ĐÔNG TỪ này (BDB 685, KB 738, dạng HOÀN THÀNH Qal) được sử dụng trước đó trong 7:2, những việc làm tội lỗi của Y-sơ-ra-ên vây bọc họ. Sự dối trá của Y-sơ-ra-ên có thể là (xem 7:13)

1. Vi phạm giao ước (hủy lời hứa)
2. Mưu đồ chính trị (liên minh với nước ngoài, 7:3)
3. Bói toán trong tôn giáo (pháp sư tà thần)
4. Các lời tiên tri giả dối (thịnh vượng và an ninh)
5. Hiểu biết sai lạc về Đức Giê-hô-va

▣

NASB “Giu-đa cũng ngang bướng chống lại Đức Chúa Trời”

NKJV, NRSV “Giu-đa vẫn đi với Đức Chúa Trời”

TEV “dân Giu-đa vẫn còn nổi loạn chống lại Ta”

NJB “(Nhưng Giu-đa vẫn còn ở về phía Đức Chúa Trời)”

Chữ Hê-bơ-rơ ở đây tối nghĩa. Nghi vấn vẫn còn đó. “Hai dòng thơ cuối cùng là tương tự nhau hay đối nghịch?” Giu-đa được xem là tương phản với Y-sơ-ra-ên tội lỗi hay là cả Giu-đa và Y-sơ-ra-ên đều đối nghịch với Đức Chúa Trời thánh khiết thành tín?

Một số học giả xem ĐÔNG TỪ “đi lang thang” hoặc “đi chơi khắp nơi” theo dạng (BDB 923, dạng Hiphil trong Sáng thế Ký 27:40; dạng Qal trong Giê-rê-mi 2:31), những người khác xem nó theo dạng (BDB 921, dạng Qal xem Ê-sai 14:2; Ê-xê-chi-ên 34:4; dạng Hiphil, Ê-sai 41:2).

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Định nghĩa và giải thích sự lựa chọn trong Cựu Ước.
2. Tại sao Đức Chúa Trời được mô tả như là người chồng và cha mẹ?
3. Tại sao các liên minh chính trị bị lên án trong tất cả các tiên tri Cựu Ước?

Ô-SÊ ĐOẠN 12

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Con giận của Đức Chúa Trời đối với tội lỗi của Giu-đa		Y-sơ-ra-ên và Giu-đa bị lên án	
11:12-12:8	Sự phân loạn và sự phục hồi (12:1-14:9)	11:12-12:6	Sự đòi bại về chính trị và tôn giáo của Y-sơ-ra-ên
	12:1		12:1-2
	12:2-6		Chống nghịch lại Gia-cốp và Ép-ra-im
		Những lời phán xét tiếp theo	12:3-9
	12:7-9	12:7-9	
12:9-14			Sự hòa giải
	12:10-14	12:10-11	12:10-11
			Những hiểm họa mới
		12:12-14	12:12-14

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

BẢN NASB 12:2-12

² Ép-ra-im ăn gió, chạy theo sau gió đông. Mỗi ngày, nó thêm nhiều sự dối trá và sự hoang vu; nó lập giao ước với A-si-ri, và đem dầu vào Ê-díp-tô. ³ Đức Giê-hô-va cũng có sự kiện cáo với Giu-đa, và Ngài sẽ phạt Gia-cốp theo đường lối nó; Ngài sẽ báo trả nó theo việc nó làm. ⁴ Vừa lúc ở trong lòng mẹ, Gia-cốp nắm gót chân anh mình; và đến tuổi trưởng thành, có quyền noi Đức Chúa Trời. ⁵ Người có quyền hơn thiên sứ, và được thắng; khóc lóc và khẩn cầu người. Ngài đã gặp người tại Bê-tên, và ấy đó là nơi Ngài phán cùng chúng ta, ⁶ tức là Giê-hô-va Đức Chúa Trời vạn quân; danh kỷ niệm Ngài là Đức Giê-hô-va. ⁷ Vậy người khá trở lại cùng Đức Chúa Trời người; giữ sự nhân từ và sự công bình, luôn luôn trông đợi Đức Chúa Trời người. ⁸ Nó là người buôn bán cầm những cân dối trá trong tay mình; nó ưa gian lận. ⁹ Phải, Ép-ra-im nói rằng: Thật, ta đã trở nên giàu; ta đã được của cải. Trong mọi việc ta làm chẳng hề thấy một việc gian ác gì là tội lỗi. ¹⁰ Ta là Đức Giê-hô-va, làm Đức Chúa Trời người từ khi người ra khỏi đất Ê-díp-tô, Ta sẽ còn làm cho người dưới các trại như trong những ngày lễ trọng thể. ¹¹ Ta cũng đã phán cho các kẻ tiên tri; đã thêm nhiều sự hiện thấy và đã cậy chức vụ các kẻ tiên tri mà dùng thí dụ. ¹² Ga-la-át là gian ác, chúng nó chỉ là giả dối. Chúng nó dâng những bò đực trong Ghinh-ganh; nên những bàn thờ chúng nó giống như những đồng trong luống cày nơi ruộng.

12:2 “ăn...chạy theo” Cả hai ĐỘNG TỪ này là dạng ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG Qal (Qal ACTIVE PARTICIPLE) diễn tả hành động liên tục.

▣ **“Gió”** Chữ “gió” (BDB 924) trong tiếng Hy Lạp và tiếng Hê-bơ-rơ đều nhấn mạnh đến sự “trông không” hay “hu ảo” (ví dụ, Gióp 7:7; Truyền Đạo 1:14,17; Ê-sai 41:29) cũng như “linh”, hay “hoi thờ.” Cụm từ nói đến những toan tính của Y-sơ-ra-ên để tự bảo vệ mình bằng cách liên minh với nước ngoài (Ai Cập trong II Các vua 17:4).

▣ **“Gió đông”** Đây có thể là hình thức ẩn dụ ám chỉ liên minh chính trị liên tục của Y-sơ-ra-ên với A-sy-ri (xem 5:13; 7:11, 8:9, 13:15; II Các vua 17:3). Nhưng nó cũng có thể ám chỉ đến các cơn gió sa mạc Sirocco làm cháy khô các loại cây cỏ, do đó nó có thể là hình bóng để chỉ cuộc xâm lược (xem Ê-sai 27:8). Nó ám chỉ cuộc xâm lược của Ba-by-lôn ở trong Giê-rê-mi 18:17 và Ê-xê-chi-ên 17:10, 19:12, 27:26.

▣ **“nó thêm nhiều dối trá và bạo lực”** Sự dối trá của Y-sơ-ra-ên là một chủ đề lặp lại thường xuyên (xem 12:12). Xem chú thích trong 7:3.

Chữ “làm tăng thêm” ở trong dạng Hiphil, được sử dụng nhiều lần trong sách Ô-sê.

1. hoang phí (gấp nhiều lần) bạc và vàng, 2:8
2. thêm gấp nhiều lần những bàn thờ cho tội lỗi, 8:11
3. thêm nhiều các pháo đài, 8:14
4. thêm nhiều bàn thờ, 10:1
5. thêm nhiều sự dối trá và bạo lực, 12:1
6. thêm nhiều khái tượng 12:10

Ấn tứ, tặng phẩm của Đức Chúa Trời được ban cho nhiều (điều 1 và 6) thì tội lỗi của Y-sơ-ra-ên cũng tăng thêm nhiều.

▣ **“nó lập giao ước”** ĐỘNG TỪ “làm” tại đây có nghĩa “cắt ra” (BDB 503, KB 500, dạng

KHÔNG HOÀN THÀNH Qal). Các giao ước lúc ban đầu được thiết lập bằng cách cắt một con vật thành hai phần và các bên tham dự giao ước đi qua giữa chúng (xem Sáng thế Ký 15:17). Cũng có thể từ nguyên của chữ “giao ước” trong tiếng Hê-bơ-rơ (BDB 136) có nghĩa là “cắt.”

▣ **“với A-sy-ri”** Y-sơ-ra-ên lúc đầu ra sức chống lại A-sy-ri, nhưng sau đó lại tìm cách thiết lập liên minh chính trị với nó (xem II Các vua 17:3-6).

▣ **“Dầu được mang đến Ai Cập”** Y-sơ-ra-ên đã gửi “dầu” (thông thường trong xứ Y-sơ-ra-ên, xem Phục truyền Luật lệ Ký 8:8, nhưng không phổ biến ở Ai Cập) đến Ai Cập như một món quà để cố gắng lôi cuốn Ai Cập vào một liên minh chính trị chống lại A-sy-ri (xem II Các vua 17:4).

12:3 Chữ “tranh chấp” (BDB 936) có nghĩa là một vụ kiện về pháp lý (xem 2:2; 4:14; Phục truyền Luật lệ Ký 25:1; II Sa-mu-ên 15:2,4; Mi-chê 6:2; 7:9). Giu-đa và Gia-cốp cả hai đều phạm tội (xem 4:9b). Đừng tự lừa dối mình, Đức Chúa Trời không chịu để bị khinh dễ đâu; vì hề ai gieo giống chi thì sẽ gặt giống nấy (xem 8:7; 10:12-13; Gióp 4:8; Thi thiên 126:5; Châm-ngôn 11:18; 22:8-9; II Cô-rinh-tô 9:6; Ga-la-ti 6:7). Lời tuyên bố tiêu cực này dành cho Giu-đa có thể dựa theo ngữ cảnh liên quan đến việc “tiêu cực” (?) được ghi trong 11:12c.

12:4-5 Đây là một cách chơi chữ theo tên Gia-cốp và Y-sơ-ra-ên. “Gia-cốp” được định nghĩa trong Sáng thế Ký 25:26 là “người nắm gót chân anh mình” Chữ này cũng còn có nghĩa là “kẻ chiếm chỗ”, “người cướp ngôi”, hoặc “tên lừa gạt” (BDB 784). Chữ “Y-sơ-ra-ên” được định nghĩa trong Sáng thế Ký 32:28 là “một người tranh đấu (vật lộn) với Đức Chúa Trời.”

Bê-tên đã từng là một nơi thánh đặc biệt mà Gia-cốp (Y-sơ-ra-ên) đã gặp Đức Chúa Trời. Giờ đây, Y-sơ-ra-ên đã biến nó thành một nơi đòi bại dành riêng để thờ thần tượng.

▣ **“có quyền nơi Đức Chúa Trời... có quyền hơn thiên sứ”** Hai dòng thơ này song đối với nhau. Thiên sứ của Chúa được thấy có nhân cách, hình thể là đại diện cho Đức Chúa Trời (xem Sáng thế Ký 16:7-13; 22:11-15; 24:7,40; 31:11,13; 48:15 -16; Xuất Ê-díp-tô Ký 3:2,4; 13:21; 14:19; Các Quan Xét 2:1; 6:22-23; 13:3-32; Xa-cha-ri 3:1-2).

12:6 “Đức Chúa Trời vạn quân” Câu này có ba tên gọi để chỉ Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. Câu này nói đến Đức Chúa Trời Vạn Quân, có nghĩa là (1) là “Đấng chỉ huy các đạo thiên binh”; (2) là “Đấng đứng đầu trên thiên đình” (BDB 838, xem II Sa-mu-ên 5:10); hoặc (3) trong bối cảnh thờ lạy các vì sao của người Ba-by-lôn thì chi tiết này có thể nói đến các ngôi sao trên trời, được xem là các hữu thể siêu nhiên (ông thần) có ảnh hưởng đến đời sống của họ. Đây là danh hiệu phổ biến nhất của Đức Chúa Trời có trong các sách sau thời kỳ lưu đày (xem A-môt 3:13; 6:14 và 9:5). Xem chủ đề đặc biệt: Tên của thần linh trong A-môt 1:2.

▣ **“danh kỷ niệm Ngài là Đức Giê-hô-va”** Chữ này có nghĩa đen là “cái đáng ghi nhớ của Ngài” (BDB 271). Danh xưng bày tỏ và phản ánh những những cá tính của nhân vật (ví dụ, Thi thiên 135:13). Điều này có liên quan đến danh của Đức Giê-hô-va, được tiết lộ cho Môi-se trong Xuất Ê-díp-tô Ký 3:14. Trước thời điểm này, các tổ phụ xưng Đức Chúa Trời là *El Shaddai* (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 6:2-3). Xem chủ đề đặc biệt: Tên của thần linh trong A-môt 1:2.

12:7 Đây là lời kêu gọi ăn năn (“trở về” BDB 996, KB 1427, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal, nhưng giữ chức năng như một MỆNH LỆNH (JUSSIVE)). Và một lần nữa những chữ đặc biệt này lại tái xuất hiện (xem 2:19; 4:1, 6:6, 10:12, A-môt 5:24; Mi-chê 6:8). Nhận biết Đức

Chúa Trời phải dẫn đến sự thay đổi lối sống, phải phản ánh đức tính của Ngài.

▣ **“Giữ...trông đợi”** Hai động từ này đều ở dạng MỆNH LỆNH (IMPERATIVES):

1. Tuân giữ BDB 1036, KB 1501, dạng MỆNH LỆNH Qal
2. Chờ đợi, BDB 875, KB 1082, dạng MỆNH LỆNH Piel (xem Ca-thương 3:25; Mi-chê 7:7).

12:8 “người buôn bán” Đây là cách dùng từ thay thế cho chữ “dân Ca-na-an” (BDB 488 II, xem Ê-sai 23:8; Ê-xê-chi-ên 16:29; 17:4). Dường như ở đây có liên hệ đến việc châm biếm. Chữ này còn có thể có nghĩa là một nhóm sắc tộc hoặc thương gia. Người Y-sơ-ra-ên làm những việc giống như người Ca-na-an đã làm (“cân đong giả dối”, xem Châm-ngôn 11:1; 20:23; A-môt 8:5).

▣ **“nó ưa gian lận”** ĐỘNG TỪ này (BDB 798, KB 897, dạng TỪ GHÉP NGUYÊN MẪU Qal (Qal INFINITIVE CONSTRUCT)) được sử dụng trong Phục truyền Luật lệ Ký 24:14. Không được phép áp bức người nghèo trong dân sự của Đức Chúa Trời (xem Châm-ngôn 14:31; 22:16; A-môt 4:1; Giê-rê-mi 7:6; Ê-xê-chi-ên 22:29; Xa-cha-ri 7:10). Câu này đối nghịch với câu 6. Động từ này thường được sử dụng trong một ý nghĩa tiêu cực về việc Y-sơ-ra-ên yêu thích những điều sai trái (xem 4:17-18; 10:11; 12:7; A-môt 4:4-5; Mi-chê 3:1-2).

12:9 Y-sơ-ra-ên nghĩ rằng sự giàu có do kiếm được theo cách gian dối có thể cứu giúp mình (xem 8:14).

▣

NASB “Không có sự gian ác gì là tội lỗi”

NKJV “Họ sẽ tìm thấy trong ta không có sự sai trái, tội lỗi gì”

NRSV “Không có một sai phạm nào tìm thấy trong ta là tội”

TEV “Và không ai có thể buộc tội chúng ta về việc làm giàu gian dối”

NJB “Nhưng tất cả của cải của nó thì sẽ không giữ được gì bởi do tội lỗi mà nó phạm”

Bản Septuagint dịch lại câu này theo một số bản Hê-bơ-rơ MSS, “Không có công lao nào của nó sẽ còn lại bởi vì những tội lỗi mà nó đã phạm”, cách dịch này dường như là bản cáo trạng của vị tiên tri hoặc công tố viên tòa án. Nếu bản MT còn giữ nguyên thì có nghĩa Y-sơ-ra-ên khẳng định là nó sẽ không bao giờ phải gánh chịu tội lỗi của mình.

12:10 “Ta là Đức Giê-hô-va, làm Đức Chúa Trời người” Đây là danh hiệu giao ước đầy đủ để chỉ Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên (xem câu 5; Xuất Ê-díp-tô Ký 20:2).

▣ **“Ta sẽ còn làm cho người dưới các trại như trong những ngày lễ trọng thể”** Điều này có thể dẫn đến hai cách giải thích ngược nhau: (1) Thời gian trong đồng vắng được coi là khoảng thời gian lý tưởng giữa Đức Chúa Trời và Y-sơ-ra-ên, (xem 2:14; 9:10; 11:1-4; Giê-rê-mi 2:2; A-môt 2:10) hoặc là (2) theo ý nghĩa tiêu cực giống như những người Do Thái đã sống trong những ngôi nhà tạm trong kỳ Lễ Lều Trại (xem Lê-vi Ký 23:42-44), nên lúc Đức Chúa Trời phán xét, Ngài sẽ khiến cho họ sống trong những nhà tạm cách lâu dài (đối nghịch với 8:14). Do mạch văn trực tiếp ở đây (câu 8) bắt buộc phải giải thích theo ý thứ 2.

12:11 “Ta cũng đã phán” Câu này khẳng định rằng Đức Giê-hô-va đã dùng các tiên tri để bày tỏ đầy đủ về chính Ngài và ý chỉ của Ngài cho Y-sơ-ra-ên (xem 6:5). Ngài đã làm điều này bằng những khái tượng và dụ ngôn. Trước đây Chúa đã bày tỏ chính Ngài qua luật pháp của Ngài (các

sách của Môi-se, xem 4:6; 8:1,11).

Các tiên tri là các trung gian của giao ước. Họ đã không gán thêm những đòi hỏi khác, nhưng xoay chuyển suy nghĩ của dân chúng quay trở lại với những cam kết của họ với các giao ước từ xưa (giao ước của Áp-ra-ham, các tổ phụ, Môi-se, và Đa-vít). Họ xem xét lại những động cơ cũng như việc thực hiện các quy định trong những giao ước này. Họ đề ra áp dụng cho hiện tại và ý nghĩa của các đường lối mà Đức Chúa Trời đã ban từ xưa.



NASB, NJB “dụ ngôn”
NKJV “biểu tượng”
NRSV “tiêu hủy”
TEV “cảnh cáo”

Có lẽ đây là nền tảng của Cựu Ước để Đức Chúa Giê-xu sử dụng những dụ ngôn (BDB 197 I). Bối cảnh cùng trọng tâm là dựa theo sự mặc khải chủ động của Đức Chúa Trời trong cuộc sống của Y-sơ-ra-ên, nhưng họ không nghe (xem Ê-sai 6:9-13). Các dụ ngôn vừa soi sáng cho những người tin vừa gây khó hiểu cho những người không tin (xem Mác 4:10-12).

Một số học giả cho rằng chữ Hê-bơ-rơ tại đây có nghĩa là “tiên báo sự hủy diệt” (BDB 198 II, cf 4:5,6; 10:7,15 [hai lần]; xem bản NRSV, TEV).

12:12

NASB, NRSV,
NJB “tội ác”
NKJV, TEV “thần tượng”

Chữ *awen* này có thể có nghĩa là “phiền muộn”, “nỗi buồn”, “điều ác” hay là “thờ thần tượng.” Đi song song trong dòng tiếp theo là “vô giá trị” (BDB 996) để ám chỉ rằng cả hai đều nói đến sự thờ thần tượng (sự thờ lạy thần sinh sản của dân Ca-na-an).

▣ “**Ga-la-át**” Nên xem 6:8-9.



NASB, NKJV,
NRSV, TEV “họ dâng những con bò”
NJB “họ dâng tế lễ cho những con bò”

Cách hiểu rõ hơn có thể là “dâng cho những con bò” (các bản sao ở trên tường của những con bò con vàng).

▣ “**Ghinh-ganh...đồng đá**” Đây là cách chơi chữ, dùng chữ khác để đổi lại chữ “Ghinh-ganh” có nghĩa là “vòng tròn bằng đá” (BDB 166). Có thể có chủ ý dùng chữ để đối với nhau giữa các chữ “Ga-la-át,” “Ghinh-ganh” và “những đồng đá.” Bởi vì sự nổi loạn của Y-sơ-ra-ên nên địa điểm linh thiêng này là nơi tưởng nhớ Đức Chúa Trời trở thành một đồng đá (những mảnh vụn của các trụ cột thờ thần Ba-anh) và ruộng cày.

BẢN NASB 12:13-15

¹³ Gia-cóp trốn đến ruộng A-ram; Y-sơ-ra-ên làm tôi để được vợ, và vì được vợ mà người chăn các bầy. ¹⁴ Đoạn, Đức Giê-hô-va nhờ một đấng tiên tri đem Y-sơ-ra-ên khỏi Ê-díp-tô; và nhờ đấng tiên tri gìn giữ nó. ¹⁵ Ép-ra-im chọc cho ta phát cơn giận đấng cay; nên máu nó sẽ đổ lại trên nó, và Chúa sẽ trả sự sỉ nhục cho nó nữa.

12:13 “Bấy giờ Gia-cốp” Điều này có vẻ liên quan đến các câu 4-6, nhắc lại lịch sử đời sống Gia-cốp (là Y-sơ-ra-ên, xem Sáng thế Ký 28-30).

12:14 “Đức Giê-hô-va nhờ một đấng tiên tri đem Y-sơ-ra-ên khỏi Ê-díp-tô” Chắc chắn điều này nói đến Môi-se (xem Phục truyền Luật lệ Ký 18:15; 34:10).

12:15 Quốc gia Y-sơ-ra-ên không hành động như Y-sơ-ra-ên, nhưng lại làm giống như Gia-cốp nên sẽ phải gánh tội lỗi của chính mình. Tội đổ máu có thể ám chỉ đến việc giết người hoặc là dùng trẻ em dâng tế lễ (cho thần Mô-lôc).

Ô-SÊ ĐOẠN 13

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự phán xét không thương xót trên Y-sơ-ra-ên	Sự phân loạn và sự phục hồi (12:1-14:4)	Sự phán xét cuối cùng trên Y-sơ-ra-ên	Sự thờ hình tượng bị trừng phạt
13:1-3	13:1-3	13:1-3	13:1-3
13:4-8	13:4-13	13:4-8	Sự trừng phạt vì thái độ vô ơn 13:4-8
13:9-11		13:9-11	Hội kết của chế độ quân chủ 13:9-11
13:12-14		13:12-16	Sự hủy diệt không thể tránh 13:12-14:1
13:15-16	13:14-16		

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

BẢN NASB 13:1-3

¹ Vừa khi Ép-ra-im nói ra, người ta run rẩy. Nó đã lên mình trong Y-sơ-ra-ên. Nhưng sau khi vì cố Ba-anh mà phạm tội thì nó chết mất. ² Và, bây giờ chúng nó cứ phạm tội càng ngày càng thêm; dùng bạc làm những tượng đúc cho mình, những hình tượng theo trí khôn mình; cả sự đó là công việc của thợ khéo! Người ta nói về chúng nó rằng: Để mặc kẻ dâng của lễ hôn bò con. ³ Vậy nên, chúng nó sẽ giống như mây ban mai, như móc buổi sáng tan đi lúc sớm, như rơm rác bị gió lốc đưa khỏi sân đập lúa, như khói bởi ống khói thoát ra!

13:1 “Vừa khi Ép-ra-im nói ra, người ta run rẩy” Có thể có hai cách để hiểu câu này. Đây là cách dùng khác thường của chữ “Ép-ra-im” bởi vì nó có vẻ như không phải chỉ đến toàn bộ người chi phái miền Bắc, nhưng nói đến sự kiêu ngạo (“Nó tự tôn cao,” BDB 669, KB 724, dạng HOÀN THÀNH Qal) của chỉ một chi phái (ví dụ, Các Quan Xét 8:1; 12:1). Sự sợ hãi có thể được thấy là khi nó nói thì các chi phái khác “run rẩy” (BDB 958). Nên nhớ rằng Ép-ra-im và Ma-na-se là hai nửa chi phái bởi vì họ là những con cháu của Giô-sép (xem Sáng thế Ký 48), nhưng họ lại đại diện cho chi phái lớn nhất về địa lý cũng như số lượng.

Cách hiểu thứ hai là Ép-ra-im đại diện cho các nhà lãnh đạo và vua của kinh thành Sa-ma-ri. Đó là vị vua đầu tiên dựng các con bò con vàng để cạnh tranh với đền thờ tại Giê-ru-sa-lem (xem I Các vua 16:31). Cũng chính A-háp và Giê-sa-bên đã đem việc thờ lạy thần Ba-anh vào Y-sơ-ra-ên (xem I Các vua 16:31).

▣ **“Ba-anh”** Tên này nói đến nam thần sinh sản trong đền thờ của dân Ca-na-an. Để có bài tham khảo hay nên đọc sách của William Foxwell Albright, *Archaeology and the Religion of Israel*, trang 72ff.

▣ **“mà phạm tội thì nó chết mất”** Điều này nói đến sự nổi trội và quyền lực của chi phái chằm dút (“chết” BDB 559, KB 562, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal, được sử dụng theo cách ẩn dụ cho sự phán xét của Đức Chúa Trời đối với Mô-áp trong A-môt 2:2; đối với Y-sơ-ra-ên trong Ê-xê-chi-ên 18:31).

13:2 “những tượng đúc...hình tượng” Chi tiết này có thể ám chỉ đến các con bò con vàng tại Bê-tên và Đan (xem dòng 5). Tuy nhiên, những mô tả này không hoàn toàn thích hợp. Chúng được làm bằng gỗ và phết vàng lên trên. Do đó, nó có thể ám chỉ đến những hình tượng tại các đền thờ thần Ba-anh tại địa phương (xem 2:8; Ê-sai 46:6; Giê-rê-mi 10:4).

▣ **“Để mặc kẻ dâng của lễ hôn bò con”** Chúng ta đã học được từ trong sách I Các vua 19:18 và Gióp 31:27 là khi hôn thần tượng là tham dự thờ thần Ba-anh (các ĐỘNG TỬ có thể là dạng KHÔNG HOÀN THÀNH hoặc dạng mệnh lệnh (JUSSIVE) theo như cách dịch của bản NASB). Đây là bằng chứng cho thấy cách dùng tượng những con bò con để thờ phượng Đức Giê-hô-va đã trở nên bại hoại thành sự thờ phượng thần Ba-anh. Những thứ họ đã làm ra là không thể thấy, nghe, hay hành động, nhưng họ lại tôn thờ những thứ đó.

13:3 Có bốn thứ được nói đến nhằm mô tả Y-sơ-ra-ên đã nổi loạn và trá trở nên sẽ bị phán xét và bị loại bỏ nhanh chóng: như đám mây buổi sáng, như sương, như rơm rạ và như khói.

▣ **“Ống khói”** Nghĩa đen là “cửa sổ” (BDB 70). Trong thế giới cổ đại không có ống khói.

Nhưng các tòa nhà có cửa sổ nhỏ sát với trần nhà nhằm mục đích để xả khói. Nhiều nhà đặt bếp lửa ở giữa phòng và để cho khói thoát ra có thể qua bất kỳ cửa sổ nào.

BẢN NASB 13:4-8

⁴ Nhưng mà, ấy chính ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngự từ khi ngự ra khỏi đất Ê-díp-tô, và ngoài ta, ngự chớ nên nhận biết thần nào khác: ngoài ta không có đấng cứu nào khác! ⁵ Ta đã biết ngự trong đồng vắng, trong đất khô khan. ⁶ Chúng nó đã được no nê theo đồng cỏ; và được no nê rồi, thì chúng nó sanh lòng kiêu ngạo; vậy nên chúng nó đã quên ta. ⁷ Vì thế, ta đối với chúng nó sẽ như là sư tử. Ta sẽ như con beo rình chúng nó trên đường. ⁸ Ta sẽ vồ trên chúng nó như con gấu cái bị cướp mất con nó. Ta sẽ xé cái bọc lòng chúng nó, và sẽ nuốt chúng nó ở đó như sư tử cái. Thú rừng sẽ xé chúng nó.

13:4 “Nhưng mà, ấy chính ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngự từ khi ngự ra khỏi đất Ê-díp-tô” Đây là cách Đức Giê-hô-va mở đầu để ban Mười điều răn của Ngài (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 20:2; Phục truyền Luật lệ Ký 5:6). Một lần nữa câu này ám chỉ đến Xuất Ê-díp-tô Ký như là một thời gian làm quen và kết hôn giữa Đức Chúa Trời và Y-sơ-ra-ên (xem câu 5; 2:14, 9:10, 12:9).

☐ “**và ngoài ta, ngự chớ nên nhận biết thần nào khác**” Cụm từ này nằm trong Mười điều răn (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 20:3; Phục truyền Luật lệ Ký 5:7). ĐỘNG TỪ (BDB 393, KB 390, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal) ám chỉ mối liên hệ riêng tư, thân mật (BDB 446, KB 448, dạng ĐỘNG TÍNH TỪ Hiphil, ví dụ, Ê-sai 43:3; 11:14; 45:15,21-22; 63:8).

☐ “**ngoài ta không có đấng cứu nào khác**” Đức Giê-hô-va là Đấng duy nhất và chỉ một mình Ngài là Đấng Cứu Chuộc (BDB 446, KB 448, dạng ĐỘNG TÍNH TỪ Hiphil, ví dụ, Ê-sai 43:3,11,14; 45:15,21-22; 63:8).

13:5 “**Ta đã biết ngự trong đồng vắng**” ĐỘNG TỪ (BDB 393, KB 390, dạng HOÀN THÀNH Qal) có nghĩa là “biết” (nghĩa là được chọn và được ban cho sự hiểu biết đặc biệt về Đức Giê-hô-va). Sự chăm sóc đặc biệt của Đức Chúa Trời dành cho Y-sơ-ra-ên bày tỏ tình yêu của Ngài (xem Phục truyền Luật lệ Ký 32:10).

Các bản dịch cổ tiếng Hy Lạp và tiếng Syriac dùng chữ “nuôi ăn” (BDB 944) thay vì “chăm nom.”

☐
NASB, NRSV “**Trong vùng đất của hạn hán**”
NKJV “**trong đất của sự khô hạn lớn**”
TEV “**đất sa mạc**”
NJB “**trong một vùng đất hạn hán khủng khiếp**”

DANH TỪ GHÉP này có nghĩa là “cực kỳ nóng và khô hạn.” Đây là cách nói bóng gió nhằm chỉ sự cung cấp nước cách siêu nhiên của Đức Giê-hô-va trong thời gian lang thang trong đồng vắng (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 15:22-26; 17:1-7; Dân số Ký 20:2-13; 21:16).

13:6 Thật là một bi kịch. Các phước lành của Đức Chúa Trời (“thỏa lòng” [hai lần] BDB 959, KB 1302, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal đầu tiên và dạng HOÀN THÀNH Qal thứ hai) đã

trở thành sự kiêu ngạo tự tôn và tinh thần phô trương (xem Phục truyền Luật lệ Ký 6:10-12; 8:11-20; 32:13-15).

☐ **“vậy nên chúng nó đã quên Ta”** Đây là thảm kịch. Họ đã lấy được vật chất, nhưng để mất điều thật sự có giá trị là mối quan hệ cá nhân với Đấng Tạo Hóa độc nhất, Đức Chúa Trời Cứu Chuộc (xem 2:13; 4:6; 8:14; Phục truyền Luật lệ Ký 8:14; 31:16,20; 32:15,18; Các Quan Xét 10:6).

13:7-8 Chỗ này nói đến các động vật hoang dã là hình ảnh ẩn dụ về sự phán xét của Đức Chúa Trời: sư tử, báo, gấu, và sư tử cái (xem Giê-rê-mi 2:15, 4:7, 5:6, Thi thiên 7:2; 50:22). Hình ảnh những con thú thích tấn công này tương phản lại hình ảnh của sự chẵn dất trong câu 6.

BẢN NASB 13:9-11

⁹ Hỡi Y-sơ-ra-ên, sự bại hoại của ngươi, ấy là tại ngươi dấy loạn nghịch cùng ta, tức là Đấng giúp ngươi. ¹⁰ Vậy vua ngươi ở đâu? Hỡi cho người giải cứu ngươi trong hết thảy các thành! Nào những quan xét ngươi là những người mà ngươi nói với rằng: Hỡi cho tôi một vua và các quan trưởng! ¹¹ Ta đã nhân cơn giận mà ban cho ngươi một vua, và đã nhân cơn giận mà cất đi.

13:9 “Ấy là tại ngươi dấy loạn nghịch cùng ta, tức là Đấng giúp ngươi” Thật là một sự mỉa mai. Y-sơ-ra-ên đã bỏ đi sự giúp đỡ duy nhất của mình (xem Giê-rê-mi 2:17,19). Các bản dịch tiếng Hy Lạp và Syriac dịch là “Vậy ai sẽ giúp các ngươi?”

13:10-11 Dường như đây là một chỉ dẫn khác có liên quan đến thái độ tiêu cực của Ô-sê đối với chế độ quân chủ (xem 7:3-7; 8:4,10,13; 10:3), nhưng nó cũng có thể nhắc lại Phục truyền Luật lệ Ký 28 (đặc biệt là câu 36,52). Câu 11a, “Ta đã ban cho ngươi một vị vua trong cơn thịnh nộ của Ta” nói đến II Sa-mu-ên 8:4-9. Dòng 11b sau đó cho thấy họ bị A-sy-ri bắt đi đày (xem II Các vua 17:1-6).

13:10 “Vậy vua ngươi ở đâu?” Bản MT có câu “Ta muốn làm vua các ngươi,” nhưng các bản dịch cổ (tiếng Hy Lạp, Syriac, và Vulgate) chỉnh sửa bản văn để đọc giống như bản NASB.

BẢN NASB 13:12-14

¹² Sự gian ác của Ép-ra-im đã ràng buộc, tội lỗi nó đã giấu để. ¹³ Sự đau đớn của đàn bà đẻ sẽ đến trên nó. Nhưng nó là con trai không khôn ngoan; vì, đến kỳ rồi, nó không nên chậm trễ ở trong dạ con. ¹⁴ Ta sẽ cứu chúng nó khỏi quyền lực của Âm phủ, và chuộc chúng nó ra khỏi sự chết. Hỡi sự chết, nào tai vạ mầy ở đâu? Hỡi Âm phủ, nào sự hủy hoại mầy ở đâu? Ôi! sự ăn năn sẽ bị giấu khỏi mắt ta.

13:12 “ràng buộc” ĐỘNG TỪ (BDB 864, KB 1058, dạng ĐỘNG TÍNH TỪ THỤ ĐỘNG Qal (Qal PASSIVE PARTICIPLE)) có nghĩa là cầm giữ tội.

☐ **“tội lỗi nó đã giấu để”** ĐỘNG TỪ (BDB 860, KB 1049, dạng ĐỘNG TÍNH TỪ THỤ ĐỘNG Qal (Qal PASSIVE PARTICIPLE)) được dùng ẩn dụ cho “nhớ” hoặc “ghi vào ca-ta-lót” (xem 7:2; 8:13, 9:9).

13:13 Hình ảnh ẩn dụ này (“con đầu sinh nở” BDB 408, KB 411, ĐỘNG TÍNH TỪ Qal) dường như ám chỉ đến: (1) Y-sơ-ra-ên như một đứa con còn trong bụng nhưng không muốn chui ra khỏi bụng mẹ và do đó chết về tâm linh (xem II Các vua 19:3; Ê-sai 37:3) hoặc (2) con đầu sinh nở như là một biểu tượng của sự phán xét (xem Mi-chê 4:9-10). Y-sơ-ra-ên cần phải chấp nhận những đau đớn và ăn năn (xem Ê-sai 21:3; 26:17).

13:14 “Ta sẽ cứu... Ta sẽ chuộc” Hai cụm từ song song có thể được hiểu là dạng NGHI VẤN (INTERROGATIVE) (câu hỏi, xem bản NASB) hoặc như dạng CHỈ ĐỊNH (INDICATIVE) (lời tuyên bố, xem bản NIV). Bản Septuagint dịch chúng như các chỉ định (INDICATIVES) và được Phao-lô trích dẫn trong I Cô-rinh-tô 15:55. Tuy nhiên, cũng mạch văn này nhưng bản Masoretic dường như ngụ ý rằng chúng là những câu hỏi (NASB) và chúng ám chỉ đến sự phán xét (câu 14e bản NET Bible).

ĐỘNG TỪ đầu tiên (BDB 804, KB 911) là dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal và ĐỘNG TỪ thứ hai (BDB 145, KB 169) là dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Cứu Rỗi, Cứu Chuộc trong 7:13.

☐ “**Âm phủ**” Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Người Chết Ở Đâu? trong A-môt 9:2

☐ “**Cái gai... nọc độc**” Những cái này là hình ảnh ẩn dụ (“bệnh dịch” BDB 184 và “sự hủy diệt” BDB 881) về phương cách và sự sợ hãi trước cái chết.

☐ “**sự ăn năn sẽ bị giấu khỏi mắt ta**” Bản dịch NIV gộp chung cách dùng này với các câu 15-16.

BẢN NASB 13:15-16

¹⁵ Ví dầu Ép-ra-im có đậu trái giữa anh em nó, nhưng gió đông sẽ dậy; tức là hơi thở của Đức Giê-hô-va lên từ đồng vắng, sẽ đến làm khô các suối và cạn mạch nước. Kẻ nghịch sẽ cướp những kho tàng chứa mọi khí mạnh quý báu. ¹⁶ Sa-ma-ri sẽ mang tội nó, vì nó đã đẩy loạn nghịch cùng Đức Chúa Trời mình! Chúng nó sẽ ngã bởi gươm; các con trẻ chúng nó sẽ bị đập nát, và những đàn bà của chúng nó có chửa sẽ bị mổ bụng.

13:15

NASB “Mặc dù nó đang lớn mạnh trong những đám lau sậy”

NKJV “Mặc dù nó kết quả giữa các anh em mình”

NRSV “Mặc dù nó có thể lớn mạnh giữa những cây cỏ”

TEV “Mặc dù Y-sơ-ra-ên lớn mạnh như cỏ dại”

NJB “Mặc dù Ép-ra-im kết nhiều quả hơn anh em mình”

Bản MT dịch “dù nó là con trai của người anh em mình vẫn có thể kết quả.” Các bản dịch cổ (tiếng Hy Lạp, Syriac, và Latin) có cụm từ “nó gây chia rẽ giữa các anh em.” Những bản dịch hiện đại như bản NASB giả định có sự chỉnh sửa, có thay thế chữ “lau sậy” bằng chữ “người anh em.”

ĐỘNG TỪ “kết quả” (BDB 826, KB 903, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Hiphil) là cách chơi chữ để đổi lại chữ “Ép-ra-im.” Tuy nhiên, ngọn gió từ phương đông của Chúa là A-sy-ri sắp tới nên nó sẽ không còn kết quả nữa (là nước sẽ bị khô hạn). Chiến tranh sẽ tàn hại dân sự là những người dễ bị tổn thương nhất (xem câu 16).

▣ **“hoi thờ của Đức Giê-hô-va”** Cụm từ này nói đến A-sy-ri như là một công cụ được Đức Chúa Trời lựa chọn để sửa phạt dân sự của Ngài là Y-sơ-ra-ên (xem 12:1; Ê-sai 10:5).

13:16 “Chúng nó sẽ ngã bởi gươm” Cụm từ này nói đến sự sụp đổ của kinh thành Sa-ma-ri bởi quân A-sy-ri vào năm 722 trước Chúa. Câu này mô tả cách sống động sự ghê rợn của chiến tranh cổ đại (xem ghi chú trong 10:14). Toàn bộ dân chúng phải chịu đau khổ (xem Ê-sai 10:24-27).

Ô-SÊ ĐOẠN 14

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI*

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Y-sơ-ra-ên được phục hồi lúc tận chung 14:1-3	Sự phân loạn và sự phục hồi (12:1-14:9) 14:1-3	Lời kêu gọi khẩn thiết của Ô-sê đối với Y-sơ-ra-ên 14:1-3	Sự hủy diệt không thể tránh (13:12-14:1) Sự thay đổi thực sự đối với Đức Giê-hô-va của Y-sơ-ra-ên 14:2-9
14:4-7	14:4-7	Chúa hướng ban cuộc đời mới cho Y-sơ-ra-ên 14:4-8	
14:8	14:8-9	Kết luận	
14:9		14:9	Lời kết và khích lệ 14:10

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phần đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phần đoạn 1
2. Phần đoạn 2
3. Phần đoạn 3
4. Vân vân...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

BẢN NASB 14:1-3

¹ Hỡi Y-sơ-ra-ên, hãy trở lại cùng Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi, vì ấy là tại tội lỗi ngươi làm cho ngươi sa ngã. ² Các ngươi khá lấy lời nói trở lại cùng Đức Giê-hô-va. Khá thưa cùng Ngài rằng: Xin cất mọi sự gian ác đi, và nhậm sự tốt lành, vậy chúng tôi sẽ dâng lời ngợi khen ở môi chúng tôi thay vì con bò đực. ³ A-si-ri sẽ không giải cứu chúng tôi, chúng tôi sẽ không cỡi ngựa chiến nữa, không nói với đờ bởi tay chúng tôi làm ra mà rằng: Các ngài là thần của chúng tôi! Vì ấy là trong Ngài mà kẻ mồ côi tìm thấy sự thương xót!

14:1 “Trở lại” ĐỘNG TỪ này (BDB 996, KB 1428) là một MỆNH LỆNH Qal. “Trở lại” là một đề tài thường xuyên ở trong sách Ô-sê (ví dụ, 3:5, 5:4, 6:1; 7:10,16; 11:5; 12:6; 14:1-2). Sự hối cải thật sự mang lại những ích lợi về cả vật chất và tâm linh. Hãy nhớ rằng sự hối cải có liên quan đến mỗi quan hệ cá nhân (“trở về với Chúa, Đức Chúa Trời của ngươi” ví dụ, 2:13; 4:6, 8:14, 13:6, A-môt 4:6,9,10,11) nó giống như là qui luật.

▣ **“sa ngã”** Hình ảnh bước chân đi dùm làm ẩn dụ trong Cựu Ước để mô tả đời sống tâm linh. Bước đi vững vàng là một dấu hiệu của một đời sống tâm linh khỏe mạnh, trong khi đó vấp ngã (BDB 505, KB 502, dạng HOÀN THÀNH Qal) là dấu hiệu của tội lỗi (xem 5:5b; Ê-sai 3:8; 59:10,14; Giê-rê-mi 46:6).

14:2 “Các ngươi khá lấy lời nói trở lại cùng Ngài” Câu này (là câu 14:1 theo bản MT) có bốn MỆNH LỆNH Qal và một dạng KHÍCH LỆ Piel (Piel COHORTATIVE). Đức Chúa Trời đòi họ phải đáp ứng lại cách thích hợp.

1. “lấy” - BDB 542, KB 534
2. “trở lại” - BDB 996, KB 1427
3. “nói” - BDB 55, KB 65
4. “trình dâng” - BDB 1022, KB 1522 (dạng KHÍCH LỆ Piel (Piel COHORTATIVE))

Chú ý sự lặp lại của chữ “lấy.” Nếu Y-sơ-ra-ên thực sự hối cải thì Đức Chúa Trời sẽ hoàn toàn tiếp nhận và phục hồi họ lại.

Điều này nói đến hệ thống tế lễ (bản MT dịch là “môi miệng của chúng tôi như những con bò đực”). Để hiểu rõ hơn cụm từ này chúng ta thêm vào câu “lấy lời nói chứ không phải những con chiên (sinh tế)” Điều này xác định việc lập lại đúng cách của dâng tế lễ theo luật pháp Môi-se.

▣ **“Xin cất mọi sự gian ác đi”** ĐỘNG TỪ (BDB 669, KB 724, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal) nằm trong các MỆNH LỆNH. Cụm từ này xuất hiện nhiều lần (7 lần) trong Cựu Ước mà Đức Chúa Trời là chủ ngữ (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 34:7; Dân số Ký 14:18; Thi thiên 32:5; 85:2; Ê-sai 33:24; Ô-sê 14:2; Mi-chê 7:18). Nó luôn luôn có nghĩa là “loại bỏ sự gian ác” (xem bản NIDOTTE, tập 3, trang 162). Nó là một lời kêu gọi dân sự giao ước thật sự ăn năn.

▣

NASB, NKJV	“và rộng lượng tiếp nhận chúng tôi”
NRSV	“và chấp nhận điều tốt lành”
TEV	“chấp nhận lời cầu nguyện của chúng tôi”
NJB	“chấp nhận sự giàu có của chúng tôi.”

Sự khác nhau của các bản dịch là do ý nghĩa của chữ “*tob*” không rõ ràng (BDB 373).

1. tốt, KB 371 I (LXX, NASB, NRSV, NJB)
2. lời nói, KB 372 IV (là “lấy lời” trong dòng 1; TEV, NET)



NASB	“Để chúng tôi có thể trình dâng những hoa quả môi miệng mình”
NKJV	“Để chúng tôi sẽ dâng những của lễ môi miệng chúng tôi”
NKJV (chú thích)	“Để chúng tôi sẽ dâng những bò con của môi miệng chúng tôi”
NRSV	“và chúng tôi sẽ dâng những bông trái của môi miệng chúng tôi”
TEV	“và chúng tôi sẽ khen ngợi Ngài như chúng tôi đã hứa”
PESHITTA	“sau đó Ngài sẽ ban lại cho người theo lời cầu xin của môi miệng người”
NJB	“thay vì bò chúng tôi sẽ dâng cho Ngài môi miệng chúng tôi”
REB	“chúng tôi sẽ trả lời hứa nguyện với gia súc từ chuồng của chúng tôi”
NET Bible	“rồi chúng tôi có thể dâng những lời khen ngợi của môi miệng chúng tôi như những con bò tế lễ”

ĐỘNG TỪ căn bản có nghĩa là “hoàn thành,” ở đây là trả nợ (hoàn tất, làm xong) sự hứa nguyện (ví dụ, II Sa-mu-ên 15:7; Thi thiên 50:14; 66:13; 116:14,18; Ê-sai 19:21). Điều này nói đến xưng tội, cầu nguyện, và ngợi khen. Đoạn này được người Do Thái hiện đại dùng để hợp lý hóa các nơi cầu nguyện như là sự thay thế cho của lễ (xem Thi thiên 50, 69:30-31). Cách dịch và giải thích trên phản ánh bản Bảy mươi và rất phổ biến trong các tài liệu Do Thái Giáo. Bản MT đọc “dâng những con bò.” Chỗ này chữ Hê-bơ-rơ không rõ nghĩa nên phải dùng bối cảnh để bổ sung những chỗ tất nhiên còn thiếu.

14:3 “A-si-ri sẽ không giải cứu chúng tôi” Câu này có ám chỉ đến các liên minh chính trị và những điều mà các nhà lãnh đạo có xu hướng tin cậy: (1) liên minh với nước ngoài (hòa ước với A-sy-ri, xem 5:13); (2) sức mạnh quân sự (ngựa Ai Cập, xem Thi thiên 20:7); và (3) những thần tượng (“công việc của tay chúng tôi,” là các thần sinh sản của dân Ca-na-an).

▣ **“không nói với đồ bởi tay chúng tôi làm ra”** Ô-sê chế giễu việc thờ thần tượng trong 4:12, 14:3, Ê-sai chế giễu trong 2:18,20; 17:7-9; 31:7; và Giê-rê-mi trong 10:3-5,8-9,14-15. Thái độ này phản ánh Xuất Ê-díp-tô Ký 20:4-5; 34:17; Lê-vi Ký 19:4; 26:1; Phục truyền Luật lệ Ký 4:15-19,25; 5:8.

▣ **“Vì ấy là trong Ngài mà kẻ mồ côi tìm thấy sự thương xót”** Đức Chúa Trời một lần nữa được miêu tả như là cha mẹ nhân từ như trong 11:1-4 (xem Thi thiên 68:5; Ca-thương 5:3). Trẻ mồ côi đại diện cho những người bất lực và dễ bị tổn thương trong xã hội. Dân sự của Đức Chúa Trời nên chăm nom những loại người này (ví dụ, Xuất Ê-díp-tô Ký 22:21-24; Phục truyền Luật lệ Ký 10:18-19; 14:29; 16:11-12; 24:17,19; 26:12-13; 27:19).

ĐỘNG TỪ “tìm thấy lòng thương xót” (BDB 933, KB 1216, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Pual) tương tự như tên của một trong những đứa con của Ô-sê (bị phủ nhận) tại 1:6, 2:4, nhưng ở đây lòng thương xót được phục hồi cũng như ở 2:1,19,23. Đây là một thuật ngữ giao ước giống như “dân sự của Ta” (xem 1:9 so với 2:1).

BẢN NASB 14:4-7

⁴ Ta sẽ chữa lành sự bội nghịch của chúng nó. Ta sẽ lấy lòng tốt yêu chúng nó; vì cơn giận của ta đã xây khỏi nó rồi. ⁵ Ta sẽ như là sương móc cho Y-sơ-ra-ên; nó trở hoa như bông huệ, và đậm rễ như Li-ban. ⁶ Những nhánh nó giang ra tận xa; sự xinh tốt của nó sẽ giống như sự xinh tốt của cây ô-li-ve, mùi thơm của nó như mùi thơm của Li-ban. ⁷ Những kẻ ngồi dưới bóng nó sẽ trở về; chúng nó sẽ tỉnh lại như cây lúa. Chúng nó sẽ trở hoa như cây nho, và mùi thơm chúng nó sẽ như rượu Li-ban.

14:4 “Ta sẽ chữa lành sự bội nghịch của chúng nó” Đức Chúa Trời phán qua các câu 4-8. ĐỘNG TỪ (BDB 950, KB 1272) là dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal. Chữa lành là hình ảnh ẩn dụ trong Cựu Ước để chỉ sự tha thứ (xem 5:13; 6:1, 7:1, 11:3; Thi thiên 103:3; Ê-sai 57:18; Giê-rê-mi 3:22).

Thuật ngữ “bội đạo” (BDB 1000) có nghĩa là “quay lưng lại” (xem 11:7). Nó được sử dụng trong Giê-rê-mi để nói việc quay khỏi Đức Giê-hô-va (xem Giê-rê-mi 2:19; 3:22, 5:6, 8:5, 14:7; Giu-đa bị gọi là vô tín trong 3:6,8,11,14; cũng lưu ý 7:24). Nếu Y-sơ-ra-ên “quay lại” (là ăn năn) khỏi tội lỗi (xem 14:1) thì Đức Giê-hô-va sẽ “chữa lành (tha thứ) xu hướng quay lưng lại của họ” (bội nghịch). Sự nổi giận của Ngài đã “quay khỏi họ” (xem Phục truyền Luật lệ Ký 30:1-10). Nên để ý một chuỗi cách chơi chữ ứng đối với chữ *shub* (BDB 996).

▣ **“Ta sẽ lấy lòng tốt yêu chúng nó”** ĐỘNG TỪ này (BDB 12, KB 17, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal) là đi song song với chữa lành trong hàng thứ 1. Không phải sự xứng đáng của con người (tâm lòng và động cơ của con người luôn thay đổi) nhưng chỉ ân điển (đức tính không thay đổi của Đức Chúa Trời) là chìa khóa cho giao ước mới (xem Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:22-38). Tuy nhiên, cần phải có một sự đáp ứng lúc ban đầu và liên tục. Không chỉ là sự hối cải và đức tin lúc ban đầu (xem Phục truyền Luật lệ Ký 30; Mác 1:15; Công vụ Các sứ đồ 2:21), nhưng cũng phải có sự vâng lời (xem Lu-ca 6:46) và sự kiên trì (xem Khải huyền 2-3).

▣ **“con giận của ta đã xây khỏi nó rồi”** Chữ “giận dữ” (BDB 60) là do từ “mũi” hoặc “mặt” Tức giận có thể được nhìn thấy trên một khuôn mặt đỏ bừng và thờ đốc. Ở đây diễn tả tình cảm sâu đậm của Đức Chúa Trời theo cách giống như của loài người.

Có một cách chơi chữ với chữ “quay lưng lại” hay “trở về” (BDB 996) trong bối cảnh này:

1. trở về, câu 1
2. trở về, câu 2
3. quay lưng lại, câu 4
4. cũng như trong câu 7

14:5 “sương” Sương (ở đây theo nghĩa đen, không giống như 6:4; 13:3) là nguồn hơi ẩm ở Y-sơ-ra-ên giữa hai mùa mưa và rất cần thiết để cho cây trồng tăng trưởng. Các câu 5-7 mô tả các phước lành của Đức Chúa Trời ban cho trong nông nghiệp (xem Phục truyền Luật lệ Ký 27-28). Có một loạt các MỆNH LỆNH (JUSSIVES) trong các câu 5-6:

1. “Nở hoa”, câu 5 - BDB 827, KB 965, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal - mang ý nghĩa MỆNH LỆNH (JUSSIVE)
2. “sẽ đậm rễ”, câu 5 - BDB 645, KB 697, dạng MỆNH LỆNH Qal
3. “đâm chồi” (nghĩa đen là “đi”), v. 6 - BDB , KB 246, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal - mang ý nghĩa MỆNH LỆNH (JUSSIVE)
4. “sẽ được” - BDB 224, KB 243, dạng MỆNH LỆNH Qal

▣ **“Li-ban”** Đây là vùng đất phía bắc của Y-sơ-ra-ên gọi là Phê-ni-xi, có thủ đô là Ty-rơ. Nó nổi tiếng với các cây cối của nó. Trong bối cảnh này:

1. cây, câu 5 (đi song song với thành phố)
2. cây, câu 6 (đi song song với cây ô liu)
3. rượu, câu 7 (đi song song với dây nho)

Trong bối cảnh tại đây thì điều này có thể liên quan đến thần Ba-anh mà Giê-sa-bên người Ty-rơ đã đem vào Y-sơ-ra-ên. Khả năng sinh sản của Li-bang đến từ Đức Giê-hô-va, chứ không phải từ thần Ba-anh (xem câu 8).

14:6-7 “cây ô liu...lúa thóc...nho” Ba loại cây trồng chính của xứ Pa-léc-tin là dâu ô liu, lúa thóc và nho. Đức Giê-hô-va đã ban cho họ mảnh đất màu mỡ này (Phục truyền Luật lệ Ký 8:7-9; 11:9-12). Đây là những thứ đến từ Đức Giê-hô-va, chứ không phải từ thần Ba-anh. Sự phục hồi dân sự của Đức Chúa Trời trở lại vùng đất tuôn tràn sữa và mật ong được mô tả như là sự dồi dào sản vật nông nghiệp (xem A-mốt 9:13-15), nhưng thực ra đó là sự thân mật trong mối quan hệ cá nhân với nhau mà niềm vui lớn nhất là dân tộc, gia đình được phục hồi và đổi mới.

14:7 “Những kẻ ngồi dưới bóng nó” ĐỘNG TỪ (BDB 442, KB 444, dạng HOÀN THÀNH Qal) có nghĩa là ngồi hoặc trú ngụ. Đây là ẩn dụ về (1) Đức Chúa Trời giống như con chim mẹ bảo vệ đàn con dưới đôi cánh của mình (xem Thi thiên 17:8; 36:7; 57:1; 63:7; Ma-thi-ơ 23:27) hoặc (2) do bối cảnh nông nghiệp của câu 5-7 và 8 nên điều này có lẽ ám chỉ đến Đức Chúa Trời ban cho cây trồng được kết quả (xem câu 8; Ê-xê-chi-ên 17:22-24).

Không phải Ba-anh nhưng chính Đức Giê-hô-va là nguồn gốc của sự sinh sản và sự bền vững (xem câu 8).

BẢN NASB 14:8-9

⁸ Ép-ra-im sẽ nói: Ta với những thần tượng có sự thông đồng gì được nữa sao? Ta đã trả lời và sẽ đoái xem nó. Ta như là một cây tùng xanh; bởi ta mà sanh ra hoa trái người. ⁹ Ai là khôn ngoan mà hiểu những sự này? Ai là giỏi giang mà biết những sự đó? Vì các đường lối của Đức Giê-hô-va là ngay thẳng; những kẻ công bình sẽ bước đi trong đó, còn những kẻ phạm phép thì vấp ngã trong đó.

14:8 “Ta với những thần tượng có sự thông đồng gì được nữa sao?” Đây là một thành ngữ tiếng Hê-bơ-rơ để chỉ sự cự tuyệt, không chấp thuận (ví dụ Các Quan Xét 11:12; II Sa-mu-ên 16:10; 19:22, I Các vua 17:18; II Các vua 3:13; II Sử ký 35:21; Giăng 2:4).

▣ **“Ta đã trả lời”** Thần tượng không thể trả lời, nhưng Đức Giê-hô-va thì có thể. Cũng ĐỘNG TỪ này (BDB 772, KB 851) được dùng nhiều lần trong 2:21-22 để chuẩn bị cho lời hứa quan trọng trong 2:23.

▣ **“và đoái xem người”** ĐỘNG TỪ này (BDB 1003 II, KB 1449, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal) có hàm ý “thức luôn để chăm sóc cẩn thận” (từ gốc là “cúi xuống để nhìn”). Cũng ĐỘNG TỪ này được sử dụng ở 13:7 với hàm ý “nằm phục kích, rình rập” (xem Giê-rê-mi 5:26). Bối cảnh xác định ý nghĩa.

Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên luôn sống động và chăm lo chu đáo, trong khi các vị thần của Ca-na-an là những thần tượng bằng gỗ và kim loại không có sự sống nên không thể thấy, nghe, nói, di chuyển, hoặc giúp đỡ kẻ khác.

▣ **“Ta như là một cây tùng xanh”** Đây là nơi duy nhất trong Cựu Ước dùng cây cối (cây tùng) để diễn tả về Đức Chúa Trời.

▣ **“bởi ta mà sanh ra hoa trái người”** Không phải thần Ba-anh, nhưng chính Đức Giê-hô-va là cội nguồn của phước hạnh. Thật là một thảm kịch khi dân sự của Đức Chúa Trời lại không biết lẽ thật này.

14:9 Đây là châm ngôn về khôn ngoan giống như trong sách Khải Huyền “Ai có tai hãy nghe” Các ĐỘNG TỪ “hiều” (BDB 106, KB 619) và “phân biệt” (BDB 106, KB 122) là hai MỆNH LỆNH (JUSSIVE) (động từ thứ hai được dùng theo đúng nghĩa của nó, chứ không theo hình thức của câu). Sách Ô-sê cần phải được đọc nhiều lần và thực hành.

▣ **“(Bất cứ) Ai”** Câu châm ngôn khôn ngoan ở phần kết thúc này tập trung vào đáp ứng của cá nhân (không phải tập thể) đối với sự giảng dạy của Ô-sê. Có thể quốc gia không hồi cải, nhưng cá nhân có thể đáp lại thích ứng với tình yêu của Đức Chúa Trời. Sự lựa chọn là khái niệm giao ước của cá nhân (xem Ê-xê-chi-ên 18). Chúng ta có trách nhiệm cá nhân vì chúng ta phải đáp ứng lại cách cá nhân với Đức Chúa Trời.

▣ **“đường lối...bước đi...vấp ngã”** Đây là ba thuật ngữ của việc đi bộ làm hình ảnh ẩn dụ để mô tả đời sống đức tin (xem Châm-ngôn 23:19). Chỗ này phản ánh văn chương khôn ngoan của Cựu Ước về “hai con đường”: chọn Đức Chúa Trời, bước đi theo Ngài và sống hoặc là chọn tội lỗi và bước đi trong tội lỗi (xem Phục truyền Luật lệ Ký 30:15-20; Rô-ma 8:4-5). Hội thánh lúc ban đầu được gọi là nhóm “đường lối” trong sách Công vụ Các sứ đồ. Đức tin theo Kinh Thánh là một lối sống. Sự sống đời đời có những đặc điểm có thể nhận thấy được.

▣ **“ngay thẳng...công chính”** Chữ này có gốc trong tiếng Hê-bơ-rơ nghĩa là cái “cạnh thẳng” Ngày nay chúng ta gọi là “cây thước.” Vì vậy, tất cả các từ trong tiếng Hê-bơ-rơ dùng để chỉ “tội lỗi” đều nói đến sự sai lệch khỏi tiêu chuẩn và tiêu chuẩn này là chính Đức Chúa Trời. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Công Bình trong Ô-sê 2:19.

CÂU HỎI THẢO LUẬN ĐOẠN 13 VÀ 14

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Ô-sê có chống lại khái niệm về chế độ quân chủ không?
2. Tại sao Phao-lô trích dẫn 13:14 trong I Cô-rinh-tô 15?
3. Mô tả hình ảnh văn chương được dùng làm ẩn dụ trong câu 9.
4. Ô-sê sử dụng hai ẩn dụ gì để mô tả Đức Chúa Trời?
5. Chủ đề trung tâm của cuốn sách là gì?

GIỚI THIỆU SÁCH GIÔ-NA

I. TÊN SÁCH

- A. Quyển sách được đặt tên theo nhân vật chính, nhưng tôi cho rằng tác giả là một nhà hiền triết trong cung đình hoàng gia Y-sơ-ra-ên đã nghe Giô-na trình bày cho vua Giê-rô-bô-am II chuyện truyền giảng của ông và hiểu được những ý nghĩa thần học trong đó.
- B. Tên của Giô-na có nghĩa là “chim bồ câu” (BDB 402). Đây là một biểu tượng quốc gia của Y-sơ-ra-ên:
1. Được Đa-vít dùng để ám chỉ đến Đức Chúa Trời, Thi thiên 68:13
 2. Được Đa-vít dùng để ám chỉ đến Y-sơ-ra-ên, Thi Thiên 74:19 (cũng như trong Ô-sê 11:11)
 3. Được dùng trong Nhã-ca làm hình ảnh ẩn dụ trong tình cảm, 2:14, 5:2, 6:9
 4. Được Ô-sê sử dụng để ám chỉ cách tiêu cực về Y-sơ-ra-ên (những chi phái phía Bắc), Ô-sê 7:11
 5. Được Ê-sai dùng để nói đến các nước khác đang tìm kiếm Đức Giê-hô-va, Ê-sai 60:8

II. QUÁ TRÌNH CÔNG NHẬN KINH ĐIỂN

- A. Quyển sách này là một phần của bộ “các tiên tri sau” theo sách ngụ kinh Ecclesiasticus 49:10.
- B. “Bộ Mười Hai Tiểu Tiên Tri” là tập hợp các sách tiên tri ngắn (Baba Bathra 14b):
1. Chúng vừa đủ cho một cuộn sách bằng da giống như cuộn sách da của sách Ê-sai, Giê-rê-mi, và Ê-xê-chi-ên
 2. Chúng đại diện cho mười hai chi phái hoặc là con số biểu tượng của tổ chức.
 3. Chúng phản ánh quan điểm truyền thống về niên đại của sách
- C. Các học giả đã sắp xếp thứ tự của mười hai Tiểu Tiên Tri theo trình tự thời gian. Tuy nhiên, quan điểm này cũng gặp những vấn đề:
1. Sáu sách đầu tiên thì khác nhau giữa bản MT và bản LXX:

MT	LXX
Ô-sê	Ô-sê
Giô-ên	A-môt
A-môt	Mi-chê
Áp-đi-a	Giô-ên
Giô-na	Áp-đi-a
Mi-chê	Giô-na
 2. Bằng chứng nội tại cho thấy nên đặt A-môt trước Ô-sê theo thứ tự thời gian.
 3. Thời điểm của sách Giô-ên gây rất nhiều tranh cãi. Tôi liệt kê ông trong số tiên tri sớm sau thời kỳ lưu đày cùng với Áp-đi-a
- D. Sách Giô-na được đọc hàng năm vào ngày lễ kiêng ăn Yom Kippur (Đại Lễ Chuộc Tội) của Do Thái Giáo khiến cho cuốn sách trở nên nổi tiếng.

III. THỂ LOẠI

- A. Sách Giô-na khác biệt với phần còn lại của các sách Tiểu Tiên Tri (văn tường thuật chiếm đa số). Sách thuộc loại văn xuôi, ngoại trừ khúc 2:2-9 là một lời cầu nguyện ở dạng thơ ca và một lời tiên tri ngắn gọn trong 3:4.
- B. Thể loại của sách Giô-na đã được tranh luận nhiều. Nhiều học giả không hài lòng về các khía cạnh phép lạ, tiên đoán và thần học của cuốn sách. Vì vậy, đã có nhiều suy đoán về thể loại của nó. Nhiều người khác bị bất ngờ bởi liên tiếp các sự kiện lạ thường và đảo ngược lại cách trở trêu
1. Ngu ngôn (Allegory)
 2. Midrash của Do Thái Giáo
 3. Dụ ngôn
 4. Kiểu thức
 5. Chủ đích cường điệu (xem ghi chú tại 1:2, cũng như trong quyển Dictionary of Biblical Imagery, trang 458-459)
 6. Tường thuật lịch sử tương tự như những ghi chép về cuộc đời của Ê-li và Ê-li-sê trong sách Các vua I & II
- C. Tên Giô-na hiếm thấy trong tiếng Hê-bơ-rơ cũng như tên của cha ông (A-mi-tai, BDB 54). Có một người cùng với người cha mà tên của họ được đề cập trong sách II Các vua 14:25. Ông sống trong triều đại của Giê-rô-bô-am II (783-743 trước Chúa). Người Do Thái đã luôn luôn khẳng định giá trị lịch sử của sách Giô-na (xem III Mạc-ca-bê 6:8; Tô-bít 14:4,8; Josephus 'Antiq. 9.10.2). Chúa Giê-xu nói về Giô-na là nhân vật lịch sử Ma-thi-ơ 12:39-40; 16:4 và Lu-ca 11:29.
- D. Có thể giống như sách Gióp, sách Giô-na được viết hoặc triển khai thêm bởi một nhà hiền triết để dạy một chân lý thần học (Tình thương của Đức Chúa Trời dành cho tất cả mọi người, kể cả người ngoại bang). Phần lớn các sách tiên tri ghi lại những thông điệp của các tiên tri, nhưng sách Giô-na duy nhất chỉ có một sứ điệp tiên tri gồm có năm chữ trong 3:4.
- E. Giô-na là cuốn sách đậm chất truyền giáo nhất trong Cựu Ước. Chủ đề về tình yêu phổ quát của Đức Chúa Trời dành cho tất cả nhân loại là một quan điểm cấp tiến, mới mẻ (xem Ê-sai và Mi-chê).

IV. QUYỀN TÁC GIẢ

- A. Tác giả có thể là nhân vật chính. Ông được giới thiệu trong 1:1, giống như các sách Tiểu Tiên Tri khác. Đây là quan điểm truyền thống.
- B. Giô-na và A-mi-tai (cha của ông) là những tên Hê-bơ-rơ hiếm thấy, cả hai tên cùng xuất hiện trong II Các vua 14:25. Ông là một vị tiên tri từ vùng Gát-Hê-phe trong thời vua Giê-rô-bô-am II (xem Giô-suê 19:13), thuộc vùng đất của chi phái Sa-bu-lôn, ba dặm về phía đông bắc Na-xa-rét.

- C. Có thể do một nhà hiền triết Do Thái trong cung đình hoàng gia Y-sơ-ra-ên dùng cuộc đời của một người có thật trong lịch sử và triển khai ra để trình bày một chân lý thần học (tương tự như sách Gióp). Có thể vua của Y-sơ-ra-ên (Giê-rô-bô-am II) gọi Giô-na đến và ông tự biện hộ cho mình bởi vì ông đã đi rao giảng cho kẻ thù của Y-sơ-ra-ên. Giô-na là một vị tiên tri hoàng gia phía bắc (xem II Các vua 14:25). Có thể giải thích được điều này vì trong sách Giô-na cho thấy ông thù nghịch với dân Ni-ni-ve. Một vị hiền triết có thể đã nghe lời biện hộ của ông, thấy những ý niệm thần học tiềm tàng trong đó nên triển khai cũng như ghi lại những trải nghiệm của Giô-na (ghi lại từ cuộc trò chuyện với Tiến sĩ John Harris, ETBU, 1998).

V. THỜI ĐIỂM

- A. Nếu tác giả là Giô-na trong II Các vua 14:25, thì phải chấp nhận thời điểm viết sách vào triều đại của Giê-rô-bô-am II (783-743 trước Chúa, xem phần Phụ lục về các niên đại).
- B. Giô-na thường được cho là đã được viết trễ hơn, nhưng điều này thường dựa theo (quan điểm):
1. Loại bỏ lời tiên tri nói về việc sẽ xảy ra.
 2. Loại bỏ các yếu tố siêu nhiên của cuốn sách như là có tính cách lịch sử
 3. Giả định rằng quyển sách nhắm vào chủ nghĩa tách biệt và sự tự hào quốc gia sau thời kỳ lưu đày.

VI. HOÀN CẢNH LỊCH SỬ

- A. Có hai thời điểm trong lịch sử của A-sy-ri có thể là cơ hội cho sự hồi cải của Ni-ni-ve:
1. Có khuynh hướng tôn giáo độc thần (Nê-bô) vào triều đại của Adad-Nirari III (805-782 trước Chúa) là người cai trị hùng mạnh cuối cùng trước khi Tiglath-Pileser III lên ngôi năm 745 trước Chúa.
 2. Có cơn dịch lớn xảy ra ở A-sy-ri vào triều đại của Assurdan III (771-754 trước Chúa)
- B. Có hai giai đoạn trong lịch sử Do Thái đặc biệt cần sự điệp của Giô-na:
1. Trong khoảng thế kỷ thứ tám, Y-sơ-ra-ên cần lời kêu gọi ăn năn của Giô-na
 2. Sau thời kỳ lưu đày, Y-sơ-ra-ên phải thú nhận họ đã có hãnh diện về quốc gia mình và sự kiêu ngạo của họ

VII. CÁC ĐƠN VỊ VĂN HỌC

- A. Việc phân đoạn trong sách đã trình bày diễn tiến của cốt truyện.
- B. Dàn ý tóm tắt (về cơ bản có hai phần, đoạn 1,2 và 3,4)
1. Đoạn 1 - Ý chỉ của Đức Chúa Trời bị từ chối và thay thế vào đó là ý muốn của Giô-na. Nhưng Đức Chúa Trời đã thắng.
 2. Đoạn 2 - Giô-na ăn năn (bài thơ được viết bằng thì quá khứ và mô tả sự thờ phượng trong đền thờ ở Giê-ru-sa-lem).
 3. Đoạn 3 - Ý chỉ của Đức Chúa Trời được tiếp nhận: Ni-ni-ve ăn năn.
 4. Đoạn 4 - Bản tính của Đức Chúa Trời được bày tỏ ra và tương phản với thái độ và

hành động của Giô-na.

VIII. CÁC LỄ THẬT CHÍNH YẾU

- A. Cuốn sách này chứng tỏ rõ ràng quyền năng và sự tể trị của Đức Chúa Trời trên thiên nhiên, các quốc gia và sự mặc khải. Đức Chúa Trời có quyền tự do hành động thậm chí vượt khỏi giao ước của Ngài đối với Y-sơ-ra-ên.
- B. Trong cuốn sách này cho thấy dân ngoại (các thủy thủ, dân Ni-ni-ve) có thái độ sùng đạo và tìm kiếm Đức Chúa Trời, trong khi vị tiên tri Do Thái lại nổi loạn và bỏ trốn khỏi Đức Chúa Trời.
- C. Đức Chúa Trời (nhân vật chính của cuốn sách, cũng như trong tất cả các sách Cựu Ước) bày tỏ tình yêu của Ngài dành cho tất cả nhân loại được thấy rõ trong 3:10 và 4:2,11. Đức Chúa Trời không chỉ yêu thương con người, mà còn cả thú vật nữa, 4:1. Điều này cũng chứng minh năng lực của sự hồi cải và đức tin nơi Đức Giê-hô-va (cũng như Lời phán của Ngài và tiên tri).
- D. Những người A-sy-ri gian ác và bị khinh ghét lại được Đức Giê-hô-va tiếp nhận nhờ vào sự hồi cải và niềm tin của họ nơi Ngài, 3:5-9. Họ không bị đòi hỏi phải trở thành người Do Thái (xem Công vụ Các sứ đồ 15).
- E. Sách Giô-na ám chỉ về việc Đức Chúa Trời kêu gọi Y-sơ-ra-ên là vương quốc của thầy tế lễ cho thế giới (xem Sáng thế Ký 12:3; Xuất Ê-díp-tô Ký 19:4-6). Nhưng Y-sơ-ra-ên đã trở nên nhóm người theo chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, tách biệt và ngạo mạn thay vì lo truyền giáo và cứu chuộc (tham khảo câu chuyện người Sa-ma-ri nhân lành; Lu-ca 10:25-37).
- F. Có những khía cạnh cho thấy cuốn sách này có các đề tài tương đương với câu chuyện của Đức Chúa Giê-xu kể về hai người con trai trong Lu-ca 15:11-32 mà trong đó Giô-na (Y-sơ-ra-ên) là người anh cả.
- G. Những quan điểm khác về chủ đích của quyển sách là:
 - 1. Năng lực của sự hồi cải (được đọc trong ngày lễ Yom Kippur, và trong Ma-thi-ơ 12:41)
 - 2. Làm thế nào công lý (nhiệm vụ của các tiên tri) và lòng thương xót (bản tính của Đức Chúa Trời) hòa hợp với nhau (gặp nhau)
 - 3. Sự tự do của một Đức Chúa Trời công chính hành động theo lòng thương xót
 - 4. Tình yêu của Đức Chúa Trời tương phản lại chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi của người Do Thái
 - 5. Sự tha thứ của Đức Chúa Trời dành cho một thế hệ không bảo đảm cho các thế hệ tiếp theo

GIÔ-NA ĐOẠN 1

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI*

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự không vâng lời của Giô-na	Sự kêu gọi Giô-na rao giảng cho Ni-ni-ve lần thứ nhất	Giô-na không vâng lời Chúa	Giô-na nổi loạn chống nghịch lại sứ mạng của mình
1:1-3	1:1-3	1:1-3	1:1-16
Cơn bão ngoài khơi			
1:4-9	1:4-6	1:4-5	
		1:6	
	1:7-10	1:7-8	
Giô-na bị quăng xuống biển		1:9-10a	
1:10-16		1:10b-11	
	1:11-16		
		1:12	
Lời cầu nguyện và sự giải cứu Giô-na	Giô-na được cứu thoát cách kỳ diệu	1:13-16	
1:17-2:9	1:17-2:10	1:17	

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

* Mặc dù không được linh cảm, việc phân đoạn và câu là chìa khóa để hiểu và theo dõi ý tưởng nguyên thủy của tác giả. Mỗi bản dịch hiện đại đều có phần phân đoạn và tóm tắt đoạn. Mỗi đoạn có một chủ đề, một lẽ thật, một ý tưởng trọng tâm. Mỗi bản dịch có cách chia đoạn đặc biệt riêng của nó để cô đọng lại các chủ đề này. Khi đọc một bản văn, hãy tự hỏi chính mình bản dịch nào giúp bạn nắm được chủ đề qua lối chia đoạn và câu của nó.

Ở mỗi đoạn, chúng ta phải đọc Kinh thánh trước và tìm cách xác định các chủ đề (phân đoạn) của nó, sau đó so sánh sự hiểu biết này với các bản dịch hiện đại. Chỉ khi nào chúng ta hiểu được ý định của tác giả nguyên thủy bằng cách theo dõi lý luận và cách trình bày của họ, thì chúng ta mới thật sự hiểu được Kinh thánh. Chỉ có tác giả nguyên thủy được linh cảm- người đọc không có quyền thay đổi hay bổ sung vào sứ điệp. Tuy nhiên, những người đọc Kinh thánh có trách nhiệm áp dụng những lẽ thật được linh cảm này vào cuộc sống hằng ngày của họ.

Lưu ý rằng tất cả các thuật ngữ và những chữ viết tắt đều được giải thích rõ ràng trong Phụ lục một, hai, và ba.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

BẢN NASB 1:1-3

¹ Có lời Đức Giê-hô-va phán cho Giô-na con trai A-mi-tai như vậy: ² Người khá chỗi dậy! Hãy đi đến thành lớn Ni-ni-ve, và kêu la nghịch cùng nó; vì tội ác chúng nó đã lên thâu trước mặt ta. ³ Nhưng Giô-na chỗi dậy đặng trốn qua Ta-rê-si, để lánh khỏi mặt Đức Giê-hô-va. Người xuống đến Gia-phô, gặp một chiếc tàu đi qua Ta-rê-si. Người trả tiền quá giang, và xuống tàu đặng đi Ta-rê-si với họ, để khỏi mặt Đức Giê-hô-va.

1:1

NASB

NKJV, NRSV

“bây giờ”

TEV

“một ngày”

NJB

Có một tiền tố (wa) đi trước ĐỘNG TỪ nhưng không có dịch trong bản NASB và NJB. Đây là dấu hiệu riêng dành cho văn bản thuộc loại câu chuyện lịch sử (ví dụ, Các Quan Xét 1:1; I Sa-mu-ên 1:1; Ru-tơ 1:1). Điều này ám chỉ tác giả muốn sách của ông được xem như là lịch sử.

☐ **“Lời của Chúa đến”** Đây là kiểu mẫu thường dùng của lời tiên tri (ví dụ, Giê-rê-mi 1:2,4; Ô-sê 1:1; Giô-ên 1:1; Mi-chê 1:1; A-ghê 1:1; Xa-cha-ri 1:1), nhưng ở đây nó dùng để chỉ sự sai phái của Chúa.

☐ **“Giô-na”** Tên của ông có nghĩa là “chim bồ câu”(BDB 402). Xem phần Giới thiệu I. B.

☐ **“A-mi-tai”** Tên của ông có nghĩa là “vững chắc”, “trung tín”, hoặc “chân thật” (BDB 54). Cả hai tên Giô-na và A-mi-tai (của con trai và cha) hiếm thấy và chỉ xuất hiện ở một chỗ khác trong Cựu Ước: II Các vua 14:25. Điều này cho thấy tính chất lịch sử của cuốn sách này.

1:2 “Hãy đứng dậy...đi...khóc” Tất cả những động từ đều ở dạng MỆNH LỆNH Qal. Chúng biểu thị sự khẩn cấp. Cũng giống như câu 1, đây là đặc trưng cho sự kêu gọi đi nói tiên tri (xem 3:3-4; Giê-rê-mi 13:04, 6). Sự kêu gọi Giô-na trong đoạn 1 được lặp lại trong đoạn 3.

▣ **“Ni-ni-ve”** Thành này được Sennacherib chọn làm thủ đô của đế quốc A-sy-ri nằm bên sông Tigris thuộc nước I-rắc hiện nay, nhưng rất lâu trước đó thì đã có nó rồi (xem Sáng thế Ký 10:11). Nó đã bị Ba-by-lôn phá hủy năm 612 trước Chúa. Chính tên của nó (BDB 644) có liên quan đến *Ishtar*.

▣ **“Thành phố lớn”** Bộ ABD quyển 3, trang 938 có trình bày cái hay của cách dùng tính từ “lớn” được lập đi lập lại (BDB 152):

1. thành phố lớn, 1:2; 3:2,3; 4:11
2. gió lớn, 1:4
3. bão lớn, 1:4,12
4. vô cùng hoảng sợ, 1:10
5. rất kính sợ Chúa, 1:16
6. con cá lớn, 1:17
7. “từ những người lớn nhất,” 3:5
8. những người quý tộc, 3:7
9. “Giô-na rất không hài lòng,” 4:1
10. “Giô-na đã vô cùng vui”, 4:6

Tiếng Hê-bơ-rơ cổ ít dùng tính từ, do đó sự lặp lại cách bất thường của tính từ “lớn, vĩ đại” này (lưu ý 4:10, cũng là một cách dùng khác của cùng một gốc BDB 152) khiến người ta nghĩ là nó có thể làm dấu hiệu đặc biệt trong văn bản để biểu thị loại văn chương tường thuật có tính cường điệu. Các độc giả ban đầu sẽ nhanh chóng nhận ra rõ ràng cách sử dụng quá mức của tính từ “lớn, vĩ đại” này. Để tham khảo một phân tích ngắn gọn về các chi tiết cường điệu nên xem quyển Dictionary of Biblical Imagery, trang 329.

▣ **“Kêu la”** Cùng một chữ này (BDB 894, KB 1128, dạng MỆNH LỆNH Qal) được sử dụng trong câu 2 và 6. Nó hàm ý đi “rao giảng” hay “công bố” (là ý chỉ của Đức Giê-hô-va, ví dụ, Ê-sai 40:2,6; 58:1; Giê-rê-mi 2:2; 3:12; 7:2; 11:6, 19:2; 20:8; 49:29). Sự phán xét Ni-ni-ve có thể đã khiến cho những người cùng thời với Giô-na hoan nghênh (xem Na-hum 3:19).

▣ **“Tội ác của nó”** Dạng DANH TỪ, TÍNH TỪ, và ĐỘNG TỪ của chữ “ác” này (BDB 947 & 949), (đổi nghịch lại thiện lành và sự sống) cũng được sử dụng như có mục đích khi lập đi lập lại:

1. “sự gian ác” của người Ni-ni-ve, 1:2
2. “tai họa” của cơn bão, 1:7,8
3. yêu cầu của nhà vua với dân sự của mình “mỗi người xây khối đường lối xấu xa của mình,” 3:8,10
4. Đức Chúa Trời nhìn thấy sự hối cải của họ (xem 3:10) và từ bỏ kế hoạch “giáng họa” của Ngài 3:10
5. Cơn giận lớn của Giô-na, 4:1 (sử dụng từ gốc hai lần)

Tiêu điểm là điều ác đã chuyển từ Ni-ni-ve sang vị tiên tri. Thật là một sự đảo lộn đầy chất hài hước (buồn cười).

Đế quốc A-sy-ri có thể là đế quốc tàn ác (xem Na-hum 3:1,10,19) và kiêu ngạo nhất (xem Ê-sai 10:12-14) mà Y-sơ-ra-ên đã từng phải đối phó. Chúng ta biết được cách họ đối xử với những tù nhân từ các văn bản loại chữ hình nêm của tiếng A-sy-ri và chữ tượng hình trên tường. Điều này có thể diễn đạt cho phần trở trêu của cuốn sách. Ni-ni-ve cũng như Y-sơ-ra-ên là xấu xa (xem Na-hum), nhưng Đức Chúa Trời sẽ sẵn lòng tha thứ nếu họ ăn năn (điều kiện tâm linh). Điều chính yếu đối với Đức Giê-hô-va không phải thuộc quốc gia, chủng tộc nào, nhưng là sự

hồi cải (xem A-mốt 9:7).

☐ **“Đã đến trước mặt ta”** Đây là khái niệm thần học về việc Đức Chúa Trời ở trên trời nhưng biết hết mọi việc làm trên đất (xem Ô-sê 7:2). Đức Chúa Trời không chỉ là Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, nhưng là của cả trái đất (xem A-mốt 9:7). Tội lỗi luôn luôn gặp phải phản ứng của Chúa.

1:3 “Chối dậy để chạy trốn” Điều này thật bất ngờ và gây sốc vì nó hoàn toàn trái ngược với những điều được mong đợi là đáp ứng lại sự kêu gọi thiêng liêng. Lý do chính xác cho việc không sẵn lòng của ông không được trình bày ở đây (xem 4:2). Giô-na căm ghét người A-sy-ri.

☐ **“Ta-rê-si”** Tên này (BDB 1077) có thể nói đến (1) những viên đá quý hoặc (2) một bên cảng xa xôi. Theo truyền thống, nó đã được xác định là một thành phố của dân Phê-ni-xi (là Tartessos) ở miền nam Tây Ban Nha trên bờ biển Đại Tây Dương, nhưng một số bằng chứng khảo cổ học lại chỉ đến đảo Sardinia (xem Sáng thế Ký 10:4). Cũng có thể đây là cách ẩn dụ để chỉ nơi xa nhất của thế giới. Giô-na muốn trốn khỏi sự kêu gọi của Chúa và ông đã suy nghĩ cách dặt dặt rằng ông có thể làm được (xem Thi thiên 139:7-12). Có thể ông nghĩ Đức Giê-hô-va bị giới hạn trong miền Đất Hứa.

☐ **“Ông đã đi xuống”** ĐỘNG TỪ “đi xuống” được dùng thường xuyên (BDB 432, 434 KB, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal) trong 1:3 (hai lần), câu 5 (và một âm thêm vào dùng cho cụm từ “nằm và ngủ mê”) cũng như 2:7. Cụm từ “đi xuống” này có thể tượng trưng cho sự “sa sút” của Giô-na đến mức phản loạn (tham khảo bộ ABD, quyển 3, trang 938).

Có thể lúc đó ông đang ở tại đền thờ Giê-ru-sa-lem nên cụm từ này nói đến sứ mạng ra đi và rao giảng cho Ni-ni-ve. Những người viết Kinh Thánh luôn luôn nói là “từ đền thờ đi xuống” hoặc “đi lên đền thờ” Đền thờ được đặt trên một ngọn đồi cao (là đỉnh Mô-ri-a, một trong bảy ngọn đồi ở Giê-ru-sa-lem), nhưng cụm từ cũng có một ẩn ý thần học. Không có nơi nào trên trái đất ngang bằng với sự hiện diện của Đức Giê-hô-va trong đền thờ Giê-ru-sa-lem.

☐ **“Gia-phô”** Đây là thành phố Tel-Aviv hiện nay. Nó là cảng biển tự nhiên duy nhất trên bờ biển xứ Pa-léc-tin. Trong giai đoạn lịch sử này, nó chưa thuộc về Y-sơ-ra-ên.

☐ **“Tìm thấy một con tàu”** Dân Do Thái không phải là những người quen đi biển. Đối với Giô-na khi thực hiện chuyến hải hành cho thấy sự liều mạng của ông. Con tàu này có lẽ là của người Phê-ni-xi. Chiếc tàu đi biển này có hai tầng chứa hàng hóa với tầng thứ ba ngắn hơn bằng phân nửa chiều dài. Nó cần khoảng 30 đến 50 người chèo thuyền.

☐ **“Tiền vé”** Bản MT dùng cụm từ “giá vé” (BDB 969). Hầu hết các nhà giảng nghĩa người Do Thái cho rằng Giô-na giàu có vì ông đã thuê cả chiếc tàu (xem Nedarim 38a), nhưng bản Bảy Mươi (LXX) thì dùng cụm từ “tiền vé của mình.”

BẢN NASB 1:4-6

⁴ Nhưng Đức Giê-hô-va khiến gió lớn thổi trên biển; trên biển có trận bão lớn, chiếc tàu hầu vỡ. ⁵ Những thủy thủ đều sợ hãi, ai nấy kêu cầu thần của mình. Đoạn, họ quăng những đồ đạc trong tàu xuống biển, để cho nhẹ tàu. Giô-na đã xuống dưới lòng tàu, nằm và ngủ mê. ⁶ Chủ tàu bèn đến gần người và bảo rằng: Hỡi người ngủ kia, làm sao vậy? Khá chờ dậy! Hãy kêu cầu Đức Chúa Trời ngươi. Có lẽ Đức Chúa Trời sẽ tương đến chúng ta, thì chúng ta khỏi chết.

1:4 “CHỨA làm nổi lên (tung ra) cơn gió lớn” Cần cẩn thận chú ý đến các cách sử dụng tên thần linh khác nhau. Thường thì dân ngoại sử dụng Elohim, nhưng có liên quan với Giô-na thì dùng chữ Đức Giê-hô-va. Xem chủ đề đặc biệt: Tên của thần linh trong A-mốt 1:2.

ĐỘNG TỪ (BDB 376, KB 373, dạng Hiphil HOÀN THÀNH) có nghĩa là đem đến một cơn bão (là ném, xem Giê-rê-mi 16:13; 22:26). Cũng chữ này được dịch là “quãng” trong 1:5,15. Đức Chúa Trời kiểm soát cả lịch sử và thiên nhiên.

▣ **“Gió lớn...cơn bão lớn”** Xem chú thích trong câu 2.

▣ **“chiếc tàu hầu vỡ”** Thật ngạc nhiên (và độc đáo tại đây) **ĐỘNG TỪ** (BDB 990, KB 1402, dạng TỪ GHÉP NGUYÊN MẪU Niphal (INFINITIVE CONSTRUCT Niphal) nhân cách hóa con tàu là nó “tự nghĩ rằng mình sẽ bị vỡ”.

1:5 “Những thủy thủ đều sợ hãi, ai nấy kêu cầu thần của mình” Hai **ĐỘNG TỪ** “trở nên sợ hãi” (431 BDB, KB 432) và “khóc” (BDB 277, KB 277) là dạng **KHÔNG HOÀN THÀNH Qal**, ngụ ý hành động liên tục.

Chữ “các vị thần” trong câu 5 và 6 là Elohim (xem Chủ đề đặc biệt trong A-mốt 1:2). Nó là chữ Hê-bơ-rơ ở **SỐ NHIỀU (PLURAL)**, vì vậy nó có thể được dịch là “các vị thần” trong câu 5 và “thần” ở câu 6. Các thủy thủ được mô tả là kêu cầu các vị thần khác nhau, như vậy họ là những dân ngoại bang khác nhau (không phải là dân Do Thái). Trong một nghĩa nào đó thì họ đại diện cho tất cả các nước ngoại bang.

Các nhà xã hội học và nhân chủng học cho chúng ta biết rằng tất cả mọi xã hội đều có tính chất tôn giáo. Con người là những sinh vật tôn giáo. Tôi nghĩ rằng điều này nhắc lại Sáng thế Ký 1:26-27 là tất cả con người đều được tạo dựng theo ảnh tượng giống như Chúa, mặc dù đã bị hoen ố (xem Sáng thế Ký 3).

▣ **“nằm và ngủ mê”** Điều này thật khôi hài (trớ trêu). Trong khi các thủy thủ cầu nguyện và làm nhẹ thuyền, thì Giô-na lại đi ngủ. Không thể nói rõ là ở đây ám chỉ điều gì. Dường như ông chẳng băn khoăn về việc ông trốn chạy khỏi ý chỉ của Đức Chúa Trời hay sự nguy hiểm tính mạng của các thủy thủ. Bởi vì từ ngữ này hiếm thấy (BDB 922, KB 1191, dạng **KHÔNG HOÀN THÀNH Niphal**) nên nó dường như ám chỉ sự tàn nhẫn (chai lì) trong tâm linh hoặc cũng có thể ám chỉ đến sự sống sờ hoặc mê muội tâm linh (có một chữ liên quan đến chữ này, xem trong Sáng thế Ký 15:12; I Sa-mu-ên 26:12).

1:6 “chủ tàu...hãy kêu cầu Đức Chúa Trời ngời” Thật khôi hài (trớ trêu). Ở đây một người ngoại giáo lại yêu cầu người phát ngôn cho giao ước của Đức Giê-hô-va cầu nguyện. Đức Chúa Trời đã yêu cầu Giô-na “chờ dậy” và “kêu la” (cả hai đều là **MỆNH LỆNH Qal**, xem câu 2) nghịch cùng Ni-ni-ve. Giờ đây người chủ tàu ngoại giáo cũng dùng những từ ngữ này để nói với Giô-na.

▣ **“Có lẽ Đức Chúa Trời ngời”** Loại thần học “bao gồm tất cả mọi tôn giáo” này đã tạo nên hiện tượng hiện đại của các tôn giáo “trung dung (chấp nhận mọi thứ khác nhau)” như đạo Bahai. Lời phát biểu này bắt đầu dẫn đến chủ đề chính của sách Giô-na: “Những người không phải là Do Thái cần phải biết về một Đức Chúa Trời chân thật (Giê-hô-va)”. Họ khao khát tìm biết Ngài (Augustine nói: “Trong lòng mỗi người đều có một khoảng trống về Đức Chúa Trời vì vậy họ đều cần đến Ngài”) (Chú thích người dịch “...nghĩa là chỉ có Đức Chúa Trời mới lấp đầy sự trống rỗng đó”).

BẢN NASB 1:7-9

⁷ **Kể đó, chúng nói cùng nhau rằng: Hãy đến, chúng ta hãy bắt thăm, để cho biết tai vạ này đến cho chúng ta là vì có ai. Vậy họ bắt thăm, và thăm trúng nhằm Giô-na.**
⁸ **Bây giờ họ nói cùng người rằng: Khá cho chúng ta biết vì điều chi mà tai vạ này đến trên chúng ta. Người làm nghề gì, và từ đâu đến? Xứ người ở đâu, người thuộc về dân nào?** ⁹ **Người trả lời rằng: Ta là người Hê-bơ-ơ, và ta kính sợ, Đức Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời trên trời, Ngài đã làm nên biển và đất khô.**

1:7 “Hãy đến” ĐỘNG TỪ này (BDB 229, KB 246) là một MỆNH LỆNH Qal. Theo sau nó là hai MỆNH LỆNH (COHORTATIVES):

1. Bắt thăm, BDB 656, KB 709
2. Học (“biết”), BDB 393, KB 390

☐ **“Chúng ta hãy bắt thăm”** Đây là cách phổ biến để tìm biết ý muốn thần linh ở Phương đông thời cổ. Ngay cả Y-sơ-ra-ên cũng đã sử dụng Urim và Thummim (xem Xuất Ê-đíp-tô Ký 28:30) theo cách tương tự (xem Giô-suê 7:14; I Sa-mu-ên 14:40-42; Công vụ Các sứ đồ 1:26). Cũng nên lưu ý là Đức Chúa Trời có bày tỏ ý muốn của Ngài theo cách này. Câu này cho thấy thủy thủ đoàn tin vào quan hệ nhân quả siêu nhiên do thần linh (xem câu 14).

1:8 “cho chúng ta biết” ĐỘNG TỪ này (BDB 616, KB 665, dạng MỆNH LỆNH Hiphil) hàm chứa một lời cầu nguyện (nói cho chúng ta biết phải kêu cầu như thế nào...). Nó bắt đầu cho một loạt các câu hỏi tìm hiểu về Giô-na.

1:9 “Ta là người Hê-bơ-ơ” Đây là từ phổ biến được các con trai Gia-cóp dùng để nói về chính họ (BDB 720). Nó có từ gốc là *habiru* trong tiếng Akkadian, có nghĩa là “người đã vượt qua.” Người Hê-bơ-ơ cũng là những người trong cuộc di cư lớn của các dân tộc Semitic đi (vượt) ngang qua vùng Cận Đông vào thiên niên kỷ thứ hai trước Chúa.

☐ **“và ta kính sợ”** ĐỘNG TỪ (BDB 431, KB 432, dạng MỆNH LỆNH Qal) dường như không thực sự phản ánh thái độ của Giô-na đối với Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời (Elohim ở đây được mô tả như là Đấng Tạo Hóa).

☐ **“Đức Chúa Trời trên trời”** Đây là danh hiệu của Đức Giê-hô-va phổ biến sau thời kỳ lưu đày (ví dụ, II Sử ký 36:23; E-xơ-ra 1:2; Nê-hê-mi 1:4,5; 2:4,20), nhưng nếu chỉ bởi chữ này thì cũng không thể xác định sách Giô-na viết sau thời kỳ lưu đày. Chữ này cũng được Áp-ra-ham dùng nữa (xem Sáng thế Ký 14:19,22; 24:3,7). Cũng có thể những thủy thủ người Phê-ni-xi này thờ một vị thần sinh sản được gọi là “chúa của thiên đàng” (tham khảo bài viết “Baalshamem and the Date of Jonah,” của B. Porten, trang 240-241, trong tập sách do M. Carrez, J. Dore, và P. Grelot biên tập). Xem chủ đề đặc biệt: Tên của thần linh trong A-môt 1:2.

☐ **“Ngài đã làm nên biển và đất khô”** Điều này nói đến một Đức Chúa Trời là Đấng Sáng Tạo Cứu vớt (là Elohim, xem Sáng thế Ký 1:1-2:3). Cần lưu ý rằng Ngài là Chúa (là Chủ) của những cái gây ra nan đề (ở đây là biển).

BẢN NASB 1:10-14

¹⁰ Những người ấy cả sợ, và bảo người rằng: Người đã làm việc gì đó? Bấy giờ họ đã biết rằng người trốn khỏi mặt Đức Giê-hô-va; vì người đã khai ra cho họ. ¹¹ Vậy họ nói rằng: Chúng ta sẽ làm gì về người, hầu cho biển yên lặng cho chúng ta? Vì biển càng động thêm mãi. ¹² Người trả lời rằng: Hãy bắt lấy ta; hãy ném ta xuống biển, thì biển yên lặng cho các anh; vì ta biết rằng ấy là vì có ta mà các anh đã gặp phải trận bão lớn này. ¹³ Những người ấy bắt tay chèo vào bờ; song không được, vì biển càng nổi lên nghịch cùng họ mãi. ¹⁴ Họ bèn kêu cầu Đức Giê-hô-va mà rằng: Hỡi Đức Giê-hô-va, chúng tôi nài xin Ngài, chúng tôi nài xin Ngài chớ làm cho chúng tôi chết vì có mạng sống của người này, và chớ khiến máu vô tội đổ lại trên chúng tôi! Hỡi Đức Giê-hô-va, vì chính Ngài là Đấng đã làm điều mình muốn.

1:10 Điều này thật là khôi hài: Những người ngoại giáo rất ngạc nhiên và càng sợ hãi (là dạng ĐỐI CÁCH CHUNG GỐC với cụm từ, “trở nên vô cùng sợ hãi”), bởi vì một người chạy trốn khỏi Đức Chúa Trời mà lại tuyên bố “kính sợ” Chúa (xem câu 9), nhưng anh ta hành động theo cách nổi loạn trắng trợn.

1:11

NASB	“vì biển càng động thêm mãi”
NKJV, NRSV	“vì biển càng giông bão thêm”
TEV	“cơn bão đã trở nên tệ hơn”
NJB	“vì biển càng động mạnh thêm”

Cụm từ này là một thành ngữ tiếng Hê-bơ-rơ (xem câu 13) được tạo thành bởi hai ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG (ACTIVE PARTICIPLE) dạng Qal.

1. đi (BDB 229, KB 246)
2. nổi lên dữ dội (BDB 704, KB 762)

1:12 “Hãy bắt lấy ta; hãy ném ta xuống biển” Cả hai ĐỘNG TỪ này là MỆNH LỆNH (ĐỘNG TỪ đầu tiên là BDB 669, KB 724, dạng MỆNH LỆNH Qal và ĐỘNG TỪ thứ hai là BDB 376, KB 373, dạng MỆNH LỆNH Hiphil). Có một số quan điểm về ý nghĩa của hành động này: (1) sự hy sinh bản thân mình để các thủy thủ được sống (nhưng điều này không phù hợp với ý nghĩa chung của cốt truyện), (2) cách trốn chạy cuối cùng để thoát khỏi sứ mệnh của Đức Chúa Trời hoặc (3) hình phạt riêng dành cho sự nổi loạn của ông. Đức Chúa Trời ngăn cản nỗ lực trốn thoát cuối cùng của Giô-na. Con cá lớn là phương cách giải cứu khỏi chết trên biển và để ông làm theo ý chỉ của Đức Chúa Trời (nhưng Giô-na không biết điều này cho đến khi con cá nhả ông ra trên đất khô).

1:13 “Những người ấy bắt tay chèo vào bờ” Một lần nữa chúng ta thấy điều trớ trêu: những thủy thủ ngoại đạo đang cố gắng hết sức để cứu sống một Giô-na nổi loạn, còn ông thì không hề quan tâm gì đến tất cả những người ngoại đạo trong thành phố. Từ “chèo” có nghĩa đen là “đào” (BDB 369, KB 365, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal). Nó diễn tả sự cố gắng hết sức.

1:14 “Họ bèn kêu cầu CHÚA” Chữ “Chúa” ở đây nói đến Đức Giê-hô-va. Những người Phê-ni-xi ngoại đạo này kêu cầu Đức Giê-hô-va (Đức Chúa Trời của Giô-na) đến ba lần trong lời cầu xin của họ. Đây lại là một điều trớ trêu nữa. So sánh với Giô-na thì những người ngoại đạo này

sẵn sàng để cầu nguyện hơn ông và họ có ý thức về tội lỗi và giá trị của đời sống con người.

▣ “**máu vô tội**” Đây là một thành ngữ tiếng Hê-bơ-rơ (xem Phục truyền Luật lệ Ký 21:8 và Ma-thi-ơ 27:24-25).

▣ “**vì chính Ngài là Đấng đã làm điều mình muốn**” ĐỘNG TỪ “vừa ý” (BDB 342, KB 339, dạng HOÀN THÀNH Qal) ám chỉ khả năng của Đức Chúa Trời thực hiện mục đích và chương trình của Ngài (ví dụ, Thi thiên 115:3; 135:6 và so sánh với Ê-sai 46:10; 55:8-10; Đa-ni-ên 4:35). Không thể nào khởi đầu thảo luận thần học về Đức Chúa Trời mà không ý thức được sự tể trị của Ngài. Sự huyền nhiệm xảy đến tại giao điểm giữa sự tể trị của Đức Chúa Trời và hành động đạo đức của con người có ý chí tự do. Sách Giô-na cho thấy Đức Chúa Trời hành động như thế nào ngay cả khi sử dụng một người không sẵn lòng.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: THUYẾT TIỀN ĐỊNH (CALVINISM) VỚI Ý CHÍ TỰ DO CON NGƯỜI (ARMINIANISM)

Khúc Kinh Thánh này là sự quân bình với những khúc Kinh Thánh trong Tân Ước về sự lựa chọn. Tôi nghĩ là nó có thể hữu ích về phương diện thần học khi cung cấp các ghi chú giải nghĩa của tôi ở Rô-ma 8:29 và đoạn 9, cũng như Ê-phê-sô đoạn 1.

I. Rô-ma 8:29 – Phao-lô sử dụng chữ “biết trước” (*proginōskō*) hai lần, ở đây và 11:2.

Trong câu 11:2 nó chỉ tình yêu giao ước của Đức Chúa Trời đối với dân Y-sơ-ra-ên trước khi có thời gian. Nên nhớ chữ “biết” trong tiếng Hê-bơ-rơ chỉ mối quan hệ khẳng khái, cá nhân, chứ không phải chỉ là những dữ kiện về một người nào (Sáng-thế-ký 4:1; Giê-rê-mi 1:5). Ở đây nó được đặt vào một loạt các sự kiện (xem Rô-ma 8:29-30). Chữ này liên kết với sự tiền định. Tuy nhiên, cần phải nói rằng sự biết trước của Đức Chúa Trời không phải là căn bản dựa vào đó để chọn lựa vì nếu như vậy sự chọn lựa sẽ dựa vào sự đáp ứng trong tương lai của con người sa ngã, mà như vậy là căn cứ trên việc làm của con người. Chữ này cũng được tìm thấy trong Công vụ Các sứ đồ 26:5; I Phi-e-rơ 1:2,20 và II Phi-e-rơ 3:17, “biết trước” (*proginōskō*).

Chữ “biết trước” hay “định sẵn” đều là các từ kép với giới từ “trước” (*pro*) và vì vậy nên dịch là “biết trước,” “định sẵn trước,” hay “giới hạn trước.”

Những phân đoạn quyết định về chủ đề thuyết tiền định trong Tân Ước là Rô-ma 8:28-30; Ê-phê-sô 1:3-14 và Rô-ma 9. Những khúc kinh văn này rõ ràng nhấn mạnh Đức Chúa Trời toàn quyền. Ngài cầm quyền trên mọi sự. Có một chương trình thiên thượng đã được định trước vận hành theo dòng thời gian. Tuy nhiên, chương trình này không độc đoán hay là phân biệt lựa chọn. Nó không chỉ dựa vào chủ quyền tối cao và sự biết trước của Đức Chúa Trời, nhưng nó cũng dựa vào bản chất yêu thương, thương xót, ân điển cho những người không xứng đáng của Ngài.

Chúng ta cần phải cẩn trọng với chủ nghĩa cá nhân tây phương (Hoa kỳ) của chúng ta hay là lòng truyền giáo nhiệt thành tô vẽ chân lý sâu nhiệm này. Chúng ta cũng phải xem chừng để không bị rơi vào thái cực mâu thuẫn về thần học trong quá khứ giữa Augustine và Pelegius hay thuyết Calvin và Arminian.

A. “tiền định” (*proorizō*, “hạn chế từ trước (chỉ một số người được cứu)”)

Sự tiền định không phải là một giáo lý để giới hạn tình thương, ân sủng và sự thương xót của Đức Chúa Trời hay là để loại trừ cá nhân hay tập thể nào đó ra khỏi Phúc âm. Nó nhằm làm cho người tin Chúa trở nên mạnh mẽ hơn bằng cách nào nặn thể giới quan của họ. Đức Chúa Trời là cho tất cả mọi người (I Ti-mô-thê 2:4; II Phi-e-rơ 3:9). Đức Chúa Trời đang nắm quyền kiểm soát tất cả mọi sự. Ai hay là điều gì có thể tách biệt chúng ta khỏi Ngài (xem Rô-ma 8:31-39)? Đức Chúa Trời xem tất cả lịch sử đều như là hiện tại. Con người bị giới hạn bởi thời gian. Tâm nhìn và khả năng hiểu biết của chúng ta bị giới hạn. Không có sự mâu thuẫn nào giữa quyền tối thượng của Đức Chúa Trời và ý chí tự do của con người. Nó là một cấu trúc giao ước. Đây là một ví dụ khác về lẽ thật Kinh thánh trình bày trong sự căng thẳng biện chứng. Các giáo lý Kinh thánh được trình bày trong những khía cạnh khác nhau. Chúng thường thấy có vẻ như là nghịch lý. Chân lý là sự quân bình giữa những cặp có vẻ như đối nghịch này. Chúng ta không nên loại bỏ sự căng thẳng này bằng cách chọn một phía của những lẽ thật. Chúng ta không nên tách riêng ra bất cứ lẽ thật Kinh thánh nào và cô lập nó.

Có điều quan trọng cần phải bỏ túc ở đây: mục đích của sự chọn lựa không phải chỉ có được lên thiên đàng sau khi chúng ta qua đời, nhưng còn phải có một đời sống giống-như-Đấng-Christ khi còn ở trần gian này (xem Rô-ma 8:29; Ê-phê-sô 1:4; 2:10). Chúng ta được chọn lựa để trở nên “thánh khiết và không chỗ trách được”. Đức Chúa Trời chọn chúng ta để biến đổi đời sống chúng ta hầu cho bởi sự biến đổi này mà những người khác nhận biết và đáp ứng bằng đức tin vào Đức Chúa Trời trong Đấng Christ. Sự tiền định không phải là một đặc ân cá nhân, nhưng là một trách nhiệm giao ước. Đây là lẽ thật chính trong phân đoạn này. Đây là mục đích của Cơ Đốc Giáo. Sự thánh khiết là điều Chúa muốn cho mọi người tin Chúa. Chúa chọn chúng ta để trở nên giống với Đấng Christ (Ê-phê-sô 1:4) chứ không phải có một địa vị đặc biệt. Hình ảnh của Đức Chúa Trời đã ban cho con người trong sự sáng tạo (Sáng-thế-ký 1:26; 5:1, 3; 9:6) sẽ được phục hồi.

B. “phù hợp với hình ảnh của Con Ngài”. Mục đích tối hậu của Đức Chúa Trời là khôi phục lại hình ảnh (của Chúa trong con người) đã bị mất trong sự sa ngã phạm tội. Những tín hữu đã được định từ trước để trở nên giống-như-Đấng-Christ (Ê-phê-sô 1:4).

II. Rô-ma 9

A. Chương 9 là một trong những chương trình bày mạnh mẽ nhất quyền chủ tể của Đức Chúa Trời (chương còn lại là Ê-phê-sô 1:3-14), trong khi chương 10 trình bày rõ ràng và lặp đi lặp lại về ý chí tự do của con người (“mọi người” câu 4; “kẻ nào” câu 11,13; “tất cả” câu 12 [hai lần]). Phao-lô chưa bao giờ tìm cách giải hòa mối liên hệ thần học căng thẳng này. Cả hai điểm thần học này đều đúng. Hầu hết các tín lý trong Kinh thánh đều được trình bày theo dạng từng cặp biện chứng hay nghịch nhau. Hầu hết các hệ thống thần học chỉ hợp lý cho một nửa của những lẽ thật. Cả thuyết của Augustine và Calvin đối lại với thuyết của Pelagian và Arminian đều có những yếu tố đúng và sai. Sự căng thẳng giữa các quan điểm tín lý về Kinh Thánh lại là điều tốt hơn là một hệ thống thần học tìm cách trung dẫn Kinh thánh, có tính cách giáo điều và duy lý, rồi bắt ép Kinh thánh vào một khuôn giải nghĩa đã định sẵn.

B. Lẽ thật này cũng được thấy trong Rô-ma 8:29-30 và Ê-phê-sô 1:4, 11. Chương này diễn tả mạnh mẽ nhất tính chủ tể của Đức Chúa Trời trong cả Tân ước. Không thể chối cãi được

rằng Đức Chúa Trời hoàn toàn nắm quyền điều khiển trên tạo vật và sự cứu rỗi. Lễ thật quan trọng này không bao giờ bị thu hẹp lại hoặc bị mềm yếu.

Tuy vậy, nó phải được xem xét quân bình với sự lựa chọn của Đức Chúa Trời về giao ước như một phương tiện liên hệ với con người, được dựng nên theo hình ảnh của Ngài. Chắc chắn rằng một số giao ước thời Cựu ước, như Sáng-thế-ký 15, là giao ước vô điều kiện và không liên hệ gì đến sự đáp ứng của con người, nhưng những giao ước khác có điều kiện đòi hỏi con người đáp ứng lại (như là Ê-đen, Nô-ê, Môi-se, Đa-vít).

Đức Chúa Trời có một chương trình cứu rỗi cho tạo vật của Ngài, không ai có thể chi phối được kế hoạch của Ngài. Ngài muốn con người cùng tham gia trong kế hoạch này.

Cơ hội tham gia này là sự giằng co thần học giữa quyền tối thượng (Chúa) (Rô-ma 9) và ý chí tự do của con người (Rô-ma 10).

(Chúng ta) sai lầm khi chỉ chọn một điều chính yếu của Kinh thánh mà bỏ qua điều khác. Có sự giằng co giữa các tín lý bởi vì người Đông phương trình bày lễ thật theo cặp biện chứng hay cặp đầy căng thẳng. Các tín lý phải được xem xét trong mối liên hệ với các tín lý khác. Chân lý là một bức tranh khảm được ghép bằng nhiều (viên đá) lễ thật.

III. Ê-phê-sô 1

A. Sự lựa chọn là một tín lý tuyệt diệu. Tuy nhiên, nó không thúc đẩy hướng về sự thiên vị, nhưng hướng đến việc trở thành một kênh dẫn, một công cụ hay phương tiện để đem sự cứu rỗi đến cho người khác. Trong Cựu ước từ ngữ này chủ yếu được dùng để chỉ sự phục vụ; trong Tân ước nó được dùng chủ yếu cho sự cứu rỗi dẫn đến sự phục vụ. Kinh thánh chưa bao giờ hòa giải điều dường như mâu thuẫn giữa quyền tối thượng của Đức Chúa Trời và ý chí tự do của con người, nhưng nó đều khẳng định cả hai điều này. Một ví dụ rõ ràng về sự căng thẳng trong Kinh thánh là trong Rô-ma 9 về quyền lựa chọn tối thượng của Đức Chúa Trời và Rô-ma 10 về sự đáp ứng thích hợp của con người (10:11,13).

Chìa khóa giải quyết mâu thuẫn thần học này có thể được tìm thấy trong Ê-phê-sô 1:4. Chúa Giê-su là người được Đức Chúa Trời chọn và cả nhân loại đều có tiềm năng được chọn qua Ngài (Karl Barth). Chúa Giê-xu là câu trả lời “chấp nhận” của Đức Chúa Trời cho nhu cầu thiết yếu của con người sa ngã (Karl Barth). Ê-phê-sô 1:4 cũng giúp làm rõ vấn đề này bằng cách khẳng định rằng mục đích của sự tiền định không chỉ là vào thiên đàng, nhưng còn là sự thánh khiết (sự giống với Đấng Christ). Chúng ta thường bị cuốn hút bởi những ích lợi của Phúc âm mà bỏ đi những trách nhiệm từ chính Phúc âm. Sự kêu gọi (lựa chọn) của Đức Chúa Trời là cho lúc (đời) này cũng như cho cõi đời đời.

Các tín lý hiện diện trong mối liên hệ với các lễ thật khác, chứ không đơn độc, hay là những lễ thật không liên hệ với nhau. Một hình ảnh khá lý thú đó là sự so sánh giữa một dãy ngân hà và một vì sao. Đức Chúa Trời trình bày lễ thật theo lối văn chương Đông phương, chứ không phải Tây phương. Chúng ta không được loại bỏ sự căng thẳng gây ra bởi những cặp tín lý biện chứng (nghịch lý) (Đức Chúa Trời siêu việt so với Đức Chúa Trời nội tại; chắc chắn được cứu rỗi ngược lại việc tiếp tục bền đỗ; Đức Chúa Giê-xu bình đẳng với Đức Chúa Cha và Đức Chúa Giê-xu vâng phục Đức Chúa Cha; Sự tự do của Cơ Đốc Nhân và trách nhiệm của Cơ Đốc Nhân đối với người dự phần trong giao ước, v.v...).

Khái niệm thần học về “sự giao ước” làm thống nhất quyền chủ tể của Đức Chúa Trời (là Đấng luôn khởi đầu và hoạch định) với sự đáp ứng bắt buộc phải có lúc ban đầu và được tiếp tục từ con người bằng đức tin và sự ăn năn. Nên cẩn thận khi dùng Kinh thánh để chứng minh chỉ một mặt của nghịch lý này mà xem thường mặt còn lại. Phải cảnh giác việc

công nhận những tín lý hoặc hệ thống thần học mà bạn ưa thích.

B. “Ngài đã chọn chúng ta” trong Ê-phê-sô 1:4 là thể CHỈ ĐỊNH TRUNG CẤP THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST MIDDLE INDICATIVE), nó nhấn mạnh chủ ngữ. Điều này chú trọng vào sự lựa chọn của Đức Chúa Cha từ trước khi có thời gian. Sự chọn lựa của Đức Chúa Trời phải được hiểu theo nghĩa giao ước, chứ không theo nghĩa của thuyết định mệnh (determinism) của Hồi giáo và cũng không phải theo nghĩa của thuyết Calvin quá trớn (ultra-Calvinism) một số người được chọn và số khác bị bỏ. Đức Chúa Trời hứa sẽ cứu chuộc loài người sa ngã (Sáng-thế-ký 3:15). Đức Chúa Trời đã chọn và gọi Áp-ra-ham để chọn tất cả mọi người (xem Sáng thế Ký 12:3; Xuất Ê-díp-tô Ký 19:5-6). Chính Đức Chúa Trời đã chọn tất cả mọi người đặt đức tin nơi Đấng Christ. Đức Chúa Trời luôn chủ động trong kế hoạch cứu rỗi (Giăng 6:44, 65). Khúc Kinh Thánh này và Rô-ma là nền tảng Kinh Thánh cho thuyết tiền định được Augustine và Calvin nhấn mạnh.

Chúa chọn các tín nhân không phải chỉ để cho họ nhận được sự cứu rỗi (xung công bình), nhưng cũng làm cho họ được nên thánh (xem Cô-lô-se 1:12). Điều này có thể liên quan đến (1) địa vị của chúng ta trong Đấng Christ (xem II Cô-rinh-tô 5:21) hoặc (2) Đức Chúa Trời mong muốn làm tái hiện đức tính (tốt) của Ngài trong các con cái của Ngài (xem 2:10; Rô-ma 8:28-29; Ga-la-ti 4:19). Ý chỉ của Đức Chúa Trời là ban cho con cái Ngài bản tính giống với Đấng Christ trong đời này và thiên đàng vào ngày sau.

“Trong Ngài” là một khái niệm cốt yếu của Ê-phê-sô 1:4. Các phước lành, ân sủng, và sự cứu rỗi của Đức Chúa Cha tuôn chảy qua Đức Chúa Giê-xu (xem Giăng 14:6). Nên chú ý vào sự lặp lại của hình thức ngữ pháp (TRƯỜNG SỞ CÁCH (LOCATIVE of SPHERE)) trong câu 3, “trong Đấng Christ”; câu 4, “trong Ngài”; câu 7, “trong Ngài”; câu 9, “trong Ngài”; câu 10, “trong Đấng Christ”, “trong Ngài”; câu 12, “trong Đấng Christ”, và câu 13, “trong Ngài” (hai lần). Chúa Giê-xu là câu trả lời “chấp nhận” của Đức Chúa Trời đối với loài người sa ngã (Karl Barth). Chúa Jê-sus là Người Được Chọn của Đức Chúa Cha và mọi người đều có tiềm năng được lựa chọn trong Ngài. Tất cả các phước lành từ Đức Chúa Cha tuôn chảy qua Đấng Christ.

Cụm từ “trước khi lập nên thế gian” cũng được sử dụng trong Ma-thi-ơ 25:34; Giăng 17:24; I Phi-e-rơ 1:19-20 và Khải huyền 13:8. Nó cho thấy chương trình cứu rỗi của Đức Chúa Trời Ba Ngôi có từ trước khi có Sáng thế Ký 1:1. Con người bị giới hạn bởi cảm nhận của chúng ta về thời gian, đối với chúng ta mọi thứ là trong quá khứ, hiện tại và tương lai, nhưng đối với Đức Chúa Trời thì không phải như vậy.

Mục đích của sự định trước là sự nên thánh, chứ không phải là đặc ân. Đức Chúa Trời kêu gọi không chỉ một số người được lựa chọn của con cháu A-đam nhưng là tất cả. Đó là một sự kêu gọi mà Đức Chúa Trời dự định cho nhân loại, là trở nên giống như Ngài (xem I Tê-sa-lô-ni-ca 5:23; II Tê-sa-lô-ni-ca 2:13), theo hình ảnh của Ngài (xem Sáng thế Ký 1:26-27). Biến đổi sự định trước thành một nguyên tắc thần học thay vì một lối sống thánh khiết sẽ là một thảm họa. Thường thì thần học của chúng ta “nói thêm, nói nhiều” hơn bản văn Thánh Kinh.

Chữ “không chỗ trách được” (amōmos) hoặc “không tì vết” được sử dụng cho (1) Đức Chúa Giê-xu (xem Hê-bơ-rơ 9:14; I Phi-e-rơ 1:19); (2) Xa-cha-ri và Ê-li-sa-bét (xem Lu-ca 1:6), (3) Phao-lô (xem Phi-líp 3:6), và (4) tất cả các Cơ Đốc Nhân đích thực (xem Phi-líp 2:15; I Tê-sa-lô-ni-ca 3:13; 5:23). Ý chỉ không đời đời của Đức Chúa Trời cho mọi

Cơ Đốc Nhân không chỉ là thiên đàng trong đời sau nhưng là trở nên giống như Đấng Christ trong hiện tại (xem Rô-ma 8:29-30; Ga-la-ti 4:19; I Phi-e-rơ 1:2). Các tín hữu bày tỏ những đức tính của Đức Chúa Trời cho thế giới hư mất chính là chủ đích của truyền giảng Phúc Âm.

Về phương diện ngữ pháp, cụm từ “trong tình yêu” trong câu này có thể đi với cả câu 4 hay câu 5. Tuy nhiên, khi cụm từ này được sử dụng ở những nơi khác trong Ê-phê-sô, nó luôn luôn đề cập đến tình yêu của con người đối với Đức Chúa Trời (xem 3:17; 4:2,15,16).

C. Trong Ê-phê-sô 1:5 cụm từ “Ngài đã định trước cho chúng ta” ở dạng ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE PARTICIPLE). Chữ Hy Lạp này là một từ ghép của “trước” và “tách riêng ra, lựa chọn” Nó đề cập đến kế hoạch cứu rỗi mà Đức Chúa Trời đã định từ trước (xem Lu-ca 22:22; Công vụ Các sứ đồ 2:23; 4:28; 17:31; Rô-ma 8:29-30). Tiên định là một trong nhiều lẽ thật liên quan đến sự cứu rỗi nhân loại. Nó là một bộ phận trong kiểu mẫu thần học hay trong số nhiều lẽ thật có liên quan. Nó không bao giờ có ý định đặt trọng tâm vào sự tách biệt. Lẽ thật Kinh Thánh đã được trình bày trong một loạt các cặp đối nghịch đầy căng thẳng. Khuynh hướng đề cao hệ phái (Denominationalism) có xu hướng loại bỏ sự căng thẳng trong Kinh Thánh bằng cách quan trọng hóa chỉ một tín lý trong các cặp biện chứng này (sự tiên định ngược với ý chí tự do của con người, an tâm (vì chắc chắn được cứu) của tín hữu với sự bèn đỗ của các thánh đồ; tội nguyên thủy với tội phạm chủ ý; bản chất không phạm tội với càng ít phạm tội; sự xung công bình ngay lập tức với sự thánh hóa tiệm tiến, đức tin với việc làm; sự tự do của Cơ Đốc Nhân với trách nhiệm của Cơ Đốc Nhân; siêu việt và nội tại).

Sự lựa chọn của Đức Chúa Trời không dựa trên sự biết trước về thành tích sẽ đạt được của con người, nhưng dựa trên đức tính nhân từ của Ngài (xem các câu 9 & 11). Ngài muốn tất cả sẽ được cứu (không phải chỉ là một số người đặc biệt như những người tin Trí Huệ Giáo (Gnostics) hoặc những người tin theo chủ thuyết Calvin hiện đại cực đoan (modern day ultra-Calvinists)) (xem Ê-xê-chi-ên 18:21-23,32; Giăng 3:16-17; I Ti-mô-thê 2:4; 4:10; Tít 2:11; II Phi-e-rơ 3:9). Ân sủng của Đức Chúa Trời (đức tính của Chúa) là chìa khóa thần học cho đoạn văn này (xem các câu 6a, 7c, 9b), cũng như lòng thương xót của Đức Chúa Trời là chìa khóa của phân đoạn khác về tiên định trong Rô-ma 9-11.

Hy vọng duy nhất của nhân loại sa ngã là ân sủng và lòng thương xót của Đức Chúa Trời (xem Ê-sai 53:6 và một số đoạn Kinh Thánh khác trong Cựu Ước được trích dẫn trong Rô-ma 3:9-18). Nó thiết yếu cho việc giải thích ý nghĩa thần học của những chương đầu tiên này để công nhận rằng Phao-lô nhấn mạnh vào tiên định (trong đoạn 1), ân điển (trong chương 2), và kế hoạch cứu chuộc đời đời của Đức Chúa Trời (sự huyền nhiệm, 2:11-3:13) và những điều đó hoàn toàn không có liên quan gì với thành tích của con người. Làm điều này là để đối trọng (chống) lại sự nhấn mạnh thái quá của các giáo sư giả cậy vào thành tích và kiêu hãnh của con người.

BẢN NASB 1:15-16

¹⁵ **Đoạn họ bắt Giô-na, quăng xuống biển, thì sự giận dữ của biển yên lặng.** ¹⁶ **Vì vậy mà những người ấy rất kính sợ Đức Giê-hô-va. Họ dâng của lễ cho Đức Giê-hô-va, và hứa nguyện cùng Ngài.**

1:16 “Vì vậy mà những người ấy rất kính sợ Đức Giê-hô-va” Một số sự kiện như cơn bão, những lời của Giô-na và cơn bão tan khiến cho họ khiếp sợ (một dạng ĐỐI CÁCH CHUNG GỐC (a COGNATE ACCUSATIVE)). Nhờ hiểu biết thêm mà những người ngoại đạo này kính sợ, nhưng Giô-na thì không giống như thế, mặc dù ông là người hiểu biết hơn họ (xem 4:2).

▣ **“dâng một cửa lễ”** Đây là một dạng ĐỐI CÁCH CHUNG GỐC khác.

▣ **“và hứa nguyện”** Đây lại là một dạng ĐỐI CÁCH CHUNG GỐC cho thấy cảm xúc mạnh mẽ. Đáp ứng của họ theo cách Do Thái (xem Thi thiên 116:17-18). Có lẽ họ đã nói chuyện thêm về Giô-na.

BẢN NASB 1:17 (bản Kinh Thánh tiếng Việt là Giô-na 2:1)

¹⁷ Đức Giê-hô-va sắm sửa một con cá lớn đặng nuốt Giô-na; Giô-na ở trong bụng cá ba ngày ba đêm.

1:17 “Đức Giê-hô-va sắm sửa một con cá lớn” ĐỘNG TỪ “sắp đặt” (BDB 584, KB 599 dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Piel) được sử dụng bốn lần xảy ra cách kỳ diệu.

1. Con cá lớn, 1:17
2. Dây nho, 4:6
3. Con sâu, 4:7
4. Con gió nóng từ phương đông, 4:8

Cụm từ này nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời không sáng tạo thêm (con cá, con sâu v.v.) ở đây, nhưng giao công việc cho một sinh vật hiện có để thay mặt Ngài hành động (giống như con lừa trong Dân số Ký 25). Đức Chúa Trời đã tạo ra Giô-na cũng kiểm soát trên lịch sử và thiên nhiên. Tôi tin vào một Đức Chúa Trời siêu nhiên, có thân vị, yêu thương, và luôn hiện hữu. Tuy nhiên, phép lạ không phải là trọng tâm chính về thần học của toàn thể sứ điệp của quyền sách (tình yêu của Đức Chúa Trời dành cho tất cả mọi người, kể cả người ngoại giáo, còn người Do thái thì kiêu căng, ngạo mạn).

▣ **“ba ngày và ba đêm”** Cụm từ này có thể có nghĩa là trọn ba ngày, nhưng bởi vì nó được sử dụng chỉ sự chôn cất của Đức Chúa Giê-xu và thời gian Ngài ở nơi âm phủ (xem Ma-thi-ơ 12:39-40; Lu-ca 11:29-32) nên nó có thể có nghĩa là một phần của ngày đầu, trọn cả ngày hôm sau, và sau đó một phần của ngày thứ ba. Nó không có ý chỉ một khoảng thời gian rõ ràng.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Tại sao Giô-na không muốn đi đến Ni-ni-ve?
2. Làm sao mà những người thủy thủ trong câu chuyện này lại đạt được trình độ tâm linh

cao hơn Giô-na?

3. Tại sao “con cá lớn” khiến nhiều người khó chịu?
4. Chủ đích của quyển sách này là gì?

GIÔ-NA ĐOẠN 2

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Lời cầu nguyện và sự giải cứu Giô-na	Giô-na được giải cứu cách kỳ diệu		
1:17-2:9	1:17-2:10	Lời cầu nguyện của Giô-na 2:1-9	Giô-na được cứu 2:1-10
2:10	2:10		

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH

- A. Lời cầu nguyện này (các câu 1-9) là vần thơ tuyệt đẹp về phương diện thần học. Nó trông giống như một tác phẩm văn chương trau chuốt chứ không phải là một lời kêu khóc bộc phát tình cảm với Chúa. Tuy nhiên, nó có nhiều từ chỉ về “nước” (câu 3,5) thực sự thể hiện trải nghiệm của Giô-na.
- B. Lời cầu nguyện này có nhiều điểm giống với những Thi thiên tạ ơn. Giô-na thông thuộc văn phong lễ nghi đền thờ.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

BẢN NASB 2:1-9 (bản Kinh Thánh tiếng Việt Giô-na 2:2-10)

¹ Giô-na từ trong bụng cá cầu nguyện Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, ² mà rằng:

Tôi gặp hoạn nạn, kêu cầu Đức Giê-hô-va,
Thì Ngài đã trả lời cho tôi.

Từ trong bụng âm phủ, tôi kêu la,
Thì Ngài đã nghe tiếng tôi.

³ Ngài đã quăng tôi trong vực sâu, nơi đáy biển,
Và dòng nước lớn bao bọc lấy tôi.

Hết thấy những sóng lượn và những ba đào của Ngài đều trải qua trên tôi.

⁴ Tôi đã nói rằng: Tôi đã bị ném khỏi trước mắt Ngài;

Đầu vậy, tôi còn nhìn lên đền thánh của Ngài.

⁵ Nước bao phủ lấy tôi, cho đến linh hồn tôi;

Vực sâu vây lấy tôi tư bề;

Rong rêu vẫn vít đầu tôi.

⁶ Tôi đã xuống đến chơn nền các núi;

Đất đã đóng then nó trên tôi đời đời.

Hỡi Giê-hô-va Đức Chúa Trời tôi, nhưng Ngài đã đem mạng sống tôi lên khỏi hầm hổ!

⁷ Khi linh hồn tôi mòn mỏi trong tôi, thì tôi nhớ đến Đức Giê-hô-va,

Và lời cầu nguyện của tôi đạt đến Ngài, vào đền thánh Ngài.

⁸ Những kẻ chăm sự hư không giả dối,

Thì lia bỏ sự thương xót của mình.

⁹ Nhưng tôi, tôi sẽ dùng tiếng cảm tạ mà dâng của lễ cho Ngài;

Tôi sẽ trả sự tôi đã hứa nguyện.

Sự cứu đến từ Đức Giê-hô-va!

2:1 Đức Chúa Trời với chủ đích đã có cho phép và thậm chí đã sắp đặt hoàn cảnh khó khăn để Giô-na đối diện (xem 1:4, 17; 2:3).

▣ **“Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình”** Đây là hai danh xưng thần linh phổ biến nhất của Y-sơ-ra-ên: Đức Giê-hô-va và Elohim. Xem chủ đề đặc biệt: Tên của thần linh trong A-mốt 1:2.

2:2 “Tôi kêu cầu” ĐỘNG TỪ này (BDB 894, KB 1128, dạng HOÀN THÀNH Qal) được sử dụng thường xuyên trong sách Giô-na (8 lần) theo hai ý nghĩa:

1. Đề công bố, 1:2; 3:2,4,5
2. Cầu nguyện, 1:6,14; 2:2; 3:8

Nó tương đương với “Tôi kêu cầu” giúp đỡ (BDB 1002, KB 1443, dạng HOÀN THÀNH Piel) (ví dụ, Thi thiên 30:2-3; 119:146; Ê-sai 58:9).

▣

NASB, NRSV, NJB “từ sự đau khổ của tôi”

NKJV “vì sự đau đớn của tôi”

TEV “trong cơn hoạn nạn của tôi”

DANH TỪ này (BDB 865) đến từ khái niệm “bị hạn chế hoặc bị giam hãm”, nghĩa là để bắt ép (dùng chân đè nát trái nho, xem Thi thiên 18:4-6; 22:11; 25:17; 118:5,120:1).

▣ **“tù trong bụng (cá) âm phủ”** Có thể là cách dùng chữ để đổi lại chữ “chiều sâu” mà nghĩa đen là “bụng” (BDB 105) và vị trí cụ thể của Giô-na là “bên trong con cá lớn” (BDB 588). Chữ *Sheol* (âm phủ) dùng để chỉ nơi dành cho người chết vẫn còn ý thức (tương đương với chữ “hầm, hố”, xem Thi thiên 30:3). Sau khi chết, ngôi mộ là nơi an nghỉ cho phần xác của chúng ta, còn *Sheol* là chỗ dành cho chúng ta nhưng vẫn còn nhân cách (personhood). Cựu Ước không cung cấp nhiều chi tiết về cuộc sống sau khi chết. Từ những gì ít ỏi được trình bày chúng ta biết được:

1. Có một cuộc sống có ý thức sau cái chết của thể xác
2. Người chết ở với gia đình, tổ tiên
3. Không có sự giao tiếp hoặc niềm vui
4. Có cả người thiện và ác ở đó
5. Chúa cũng hiện diện ở đó, nhưng không tôn thờ (xem Thi thiên 6:5; 88:10-12; 115:17; 139:8).

Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Người Chết Ở Đâu? trong A-môt 9:2

▣ **“Ngài đã nghe tiếng tôi”** Đây là một thành ngữ Hê-bơ-rơ chỉ sự lắng nghe và đáp ứng của Đức Chúa Trời đối với lời cầu nguyện của dân sự giao ước của Ngài.

2:3 Có rất nhiều chữ trong các câu 3 và 5 có liên quan đến biển. Điều này có thể là một ám chỉ đến các vùng nước hỗn loạn của sự sáng tạo (xem Sáng thế Ký 1:1). Cũng như Đức Chúa Trời đã đem trật tự vào các tạo vật khỏi cảnh hỗn loạn, thì Ngài cũng làm như vậy trong cuộc đời Giô-na. Nước biển đã tách biệt Giô-na ra xa khỏi Đức Chúa Trời (xem câu 4; Thi thiên 69:1,2,14,15; 88:6,7,17), nhưng thực ra thì chúng (biển, con cá) trở thành phương tiện để thi hành ý chỉ của Đức Chúa Trời.

Có nhiều cặp song đối.

1. vực sâu, câu 3 (BDB 846)
2. vực sâu thăm, câu 5 (BDB 1062)
3. nhấn chìm, câu 3 (BDB 685, KB 738, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Poel)
4. bao trùm, câu 5 (BDB 67, KB 79, dạng HOÀN THÀNH Qal)
5. nhấn chìm, câu 5 (BDB 685, KB 738, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Poel)
6. dòng nước câu 3 (BDB 625)
7. sóng lượn, câu 3 (BDB 991)
8. ba đảo, câu 3 (BDB 164)
9. các dòng nước, câu 3 (BDB 565)

▣ **“Ngài đã quăng tôi trong vực sâu”** ĐỘNG TỪ này (BDB 1020, KB 1527, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Hiphil) cho thấy Giô-na thừa nhận ông xứng đáng để chịu số phận như thế và Chúa đã dùng cơn bão (xem 1:4) và các thủy thủ (xem 1:15) để thực hiện sự phán xét của Ngài.

2:4

NASB “Tôi đã bị ném khỏi trước mắt Ngài”

NKJV “Tôi đã bị ném ra ngoài”

NRSV “Tôi đã bị dẫn đi”

TEV “Tôi đã bị trục xuất”

NJB “Tôi bị trục xuất”

ĐỘNG TỪ này (BDB 173, KB 204, dạng HOÀN THÀNH Niphal) có nghĩa là bị dẫn đi bằng vũ lực. Nó chỉ xuất hiện duy nhất tại đây trong cả Cựu Ước. Trong tiếng Aram nó đã được sử dụng chỉ sự ly hôn (BDB 176). Giô-na biết đây là hậu quả tội lỗi và sự nổi loạn của ông do từ

chối sự sai phái của Đức Chúa Trời. Đến thời điểm này ông vẫn chưa biết con cá là phương tiện giải cứu cho mình (xem Thi thiên 31:22).

Giô-na (hoặc là nhà hiền triết) có thể đã chọn từ này vì nó cũng có nghĩa là sự xô đẩy của sóng biển (đây lại là một từ khác về biên, ví dụ như, A-mốt 8:8; Ê-sai 57:20).



NASB, NRSV, NJB “khỏi trước mắt Ngài”
NKJV “của mắt Ngài”
TEV “khỏi sự hiện diện của Ngài”

Ấn ý của cụm từ này là “khỏi sự hiện diện của Ngài trong đền thờ” (xem sự song đối trong dòng tiếp theo).



NASB “Tuy nhiên”
NKJV “Dù vậy”
NRSV, NJB “làm sao”
TEV “và”

Câu hỏi tại đây là, “Liệu dòng thơ này có khẳng định rằng Giô-na tin rằng ông sẽ được thấy lại đền thờ (NASB, NKJV) hay sẽ không còn được thấy (NRSV, TEV, NJB)?” Chữ tại đây là TRẠNG TỬ (ADVERB) (BDB 32) hay là dạng ĐỐI LẬP (ADVERSATIVE) (BDB 36)? Liệu dòng này diễn tả cảm nhận cái chết sắp đến của Giô-na (dạng TRẠNG TỬ) hay cảm nhận của Giô-na rằng Đức Chúa Trời sẽ giải cứu ông (dạng ĐỐI LẬP)? Bởi vì hoàn cảnh khốn khổ của Giô-na được mô tả trong câu 3-6 và sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời được mô tả trong câu 7-9, nên theo bối cảnh câu 4 nên được dịch là “như thế nào” (ở dạng TRẠNG TỬ, BDB 32). Tuy nhiên, câu 6c có vẻ mang giọng điệu của sự hy vọng, vậy thì tại sao câu 4b lại không thể có hy vọng?

▣ “Đền thánh của Ngài” Đền thờ ở Giê-ru-sa-lem là nơi đặt Hòm Giao Ước. Người Do Thái tin rằng Đức Chúa Trời ngự giữa những cánh cửa của các Chê-ru-bim phía trên Hòm Giao Ước (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 25:22; Dân số Ký 7:89; I Sa-mu-ên 4:4; II Sa-mu-ên 6:2; Thi thiên 80:1; 99:1). Đây là nơi gặp gỡ của trên trời và dưới đất, thần linh và xác thịt. Giô-na tin rằng ông sẽ lại được thờ phượng Đức Chúa Trời tại Giê-ru-sa-lem một lần nữa (xem câu 9).

2:5

NASB “Nước bao phủ tôi đến chết”
NKJV “Nước bao phủ cho đến linh hồn tôi”
NRSV “Nước bao phủ trên tôi”
TEV “Nước đến trên tôi và tôi bị nghẹt thở”
NJB “Nước bao phủ tôi dâng lên đến cổ tôi”

ĐỘNG TỬ (BDB 67, KB 79, dạng HOÀN THÀNH Qal) thường được sử dụng trong các Thi thiên chỉ một cuộc đời bị đe dọa bởi những khốn khổ nặng nề mà Đức Giê-hô-va đem đến (ví dụ, II Sa-mu-ên 22:5; Thi thiên 18:4; 116:3). Chữ nephesh là từ gốc được dịch thành “tôi”, “linh hồn của tôi”, “cổ tôi” (BDB 723), nó có nghĩa là “hơi thở” hoặc “sự sống” (ví dụ, Sáng thế Ký 2:7). Chỗ này cũng như trong Thi thiên 69:1; 105:18 và Ê-sai 5:14 nó có nghĩa là cổ họng (hoặc cổ) bị ngập nước (một người sắp chết).

▣ “Rong rêu” Chữ này (BDB 693) có thể có nghĩa là nước mặn, rong biển, hoặc các cây lau sậy

nước ngọt. Ở đây rõ ràng là chữ này theo nghĩa thứ nhất. Ở đây nó có nghĩa là Giô-na đang bị chết đuối, bị ngộp bởi nước và rong biển. Ông đang rơi dần vào cõi chết.

2:6 “Tôi đã xuống đến chân nền của các núi” Cựu Ước sử dụng hướng đi “xuống” theo cách hữu hình để mô tả *Sheol* (âm phủ) (BDB 432, KB 434, dạng HOÀN THÀNH Qal, xem Dân số Ký 16:30,33; Thi thiên 55:15; Ê-sai 5:14; 14:19). Chữ *Sheol* và “hố sâu” (BDB 1001) có nghĩa tương đương với nhau (xem Thi thiên 30:3)..Chính ý nghĩa ẩn dụ của việc Giô-na đi đến âm phủ đã khiến trải nghiệm này của ông trở thành đề tài trong lời phán của Đức Chúa Giê-xu (xem Ma-thi-ơ 12:40-41; Lu-ca 11:30). Giô-na tin rằng mình sắp chết, nhưng Đức Chúa Trời đã thương xót ông. Sự phán xét của Đức Chúa Trời không phải là lời cuối cùng của Ngài. Có mục đích trong sự sửa phạt.



**NASB, NRSV, TEV, NJB “chân nền của các núi”
NKJV “các neo của núi”**

Chữ này (BDB 891) thường có nghĩa là để “cắt đứt” hoặc “định hình”, nhưng nó không thể có nghĩa này trong bối cảnh tại đây. Trong sách ngụ kinh Ecclesiasticus 16:19 (viết khoảng năm 180 trước Chúa) thì chữ này có nghĩa là “cái nền của thế giới”. Bộ BDB gợi ý dịch là “tận cùng, thái cực”. Có thể người Do Thái cổ đại tin rằng cửa âm phủ (*Sheol*) ở đáy biển, ở dưới cả những ngọn núi. Giô-na đang chờ chết và vào âm phủ (*Sheol*), vực thẳm. Chữ này được định để làm song đối trong thơ với chữ “then” và “hầm hố”.

▣ **“Đất đóng then”** Chữ “then” (BDB 138) thường dùng chỉ những then chắn cửa. Đây là hình ảnh ẩn dụ mô tả *Sheol* như một ngục tù giam giữ người chết, mà hễ ai đã vào thì không thể thoát ra được (xem II Sa-mu-ên 12:23; Gióp 7:9-10; 10:21).

▣ **“nhưng Ngài đã đem mạng sống tôi lên”** Động từ này (BDB 748, KB 828, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Hiphil) hoàn toàn ngược lại với “đi xuống” (hoặc “đem xuống”).

2:7

**NASB “Tôi đã ngất đi”
NKJV “linh hồn tôi ngất lịm”
NRSV “sự sống tôi cạn tắt dần”
TEV “Tôi cảm thấy cuộc sống tôi bị cuốn trôi đi”
NJB “linh hồn tôi càng lúc càng mòn mỏi dần”**

ĐỘNG TỪ này (BDB 742, KB 814, quyển Owen’s Analytical Key xác định nó như là dạng HOÀN THÀNH Hithpael; quyển OT Parsing Guide xác định nó như là dạng TỪ GHÉP NGUYÊN MẪU Hithpael; và quyển NIV Interlinear của Kohlenberger cũng xác định nó là dạng NGUYÊN MẪU).

Chữ này tự nó có nghĩa yếu dần hoặc ngất xỉu, ở đây là theo nghĩa nói sự chết (ví dụ, Ê-sai 57:16).

▣ **“Tôi nhớ đến Đức Giê-hô-va”** Trong Cựu Ước, con người được nhắc đi nhắc lại phải nhớ (BDB 269, KB 269, dạng HOÀN THÀNH Qal) đến Chúa và lòng tốt của Ngài (ví dụ, Phục truyền Luật lệ Ký 8:11-20; Thi thiên 77:11-12). Trái lại, Đức Chúa Trời được cầu xin để quên tội lỗi và sự nổi loạn của loài người (nên lưu ý tất cả các ẩn dụ nói về sự quên, xem Thi thiên 103:3,11-13; Ê-sai 1:18; 38:17, 43:25; 44:22; Mi-chê 7:19). Xem ghi chú tại Ô-sê 7:2 và 8:13.

2:8 Câu này có vẻ nằm ngoài văn mạch. Nó có thể ám chỉ đến Thi-thiên 31:6. Cũng có thể nó nói đến sự thờ hình tượng của Ni-ni-ve. Giô-na có thể đang cố gắng giải thích tại sao ông không muốn rao giảng cho thủ đô A-sy-ri.



NASB, NRSV “những thần tượng”
NASB, NRSV “những thần tượng vô dụng”
NJB “các thần linh giả dối”

Có hai chữ trong cụm từ này có nghĩa liên quan chặt chẽ với nhau nhằm làm cho ý tưởng mạnh thêm.

1. “vô ích” (BDB 996) có nghĩa là “trống rỗng”, “không có gì” hoặc “hư không” (ví dụ, Thi thiên 31:6; Giê-rê-mi 18:15)
2. “thần tượng” (BDB 210) có nghĩa là “hoi nước” “hoi thờ” là hình ảnh ẩn dụ để chỉ “hư không” (ví dụ, Phục truyền Luật lệ Ký 32:21, I Các vua 16:13,26; Thi thiên 31:6; Ê-sai 57:13; Giê-rê-mi 8:19; 10:8,14-15; 14:22; 51:17-18).



NASB “từ bỏ lòng trung thành của họ”
NKJV “từ bỏ nguồn thương xót của họ”
NRSV “từ bỏ sự trung thành thực sự của họ”
TEV “bỏ lòng trung thành của họ với Ngài”
NJB “từ bỏ tình yêu chung thủy của họ”

ĐỘNG TỪ (BDB 736, KB 806, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal) có nghĩa là “rời khỏi” (ví dụ, Sáng thế Ký 2:24), “từ bỏ” (ví dụ, Phục truyền Luật lệ Ký 28:20; 31:16; Các Quan Xét 10:10; Ê-sai 55:7; Giê-rê-mi 1:16), “mất.”

Các câu hỏi từ văn mạch này là, “Có phải cụm từ này đề cập đến

1. Điều yêu thương nhân từ dành cho con người là nhận được từ Đức Chúa Trời (theo bối cảnh của cuốn sách, xem 4:2)
2. Lòng trung thành của con người sẽ bày tỏ với Đức Chúa Trời của họ (theo mạch văn trực tiếp, xem câu 7,9)?

2:9 “Nhưng tôi, tôi sẽ dùng tiếng cảm tạ mà dâng của lễ cho Ngài” Điều này cho thấy của lễ của Giô-na có thể là bằng lời nói, chứ không phải là sinh tế. Xem ghi chú trong Ô-sê 14:3.

ĐỘNG TỪ này (BDB 256, KB 261, dạng KHÍCH LỆ Qal (Qal COHORTATIVE)) và cụm từ “Tôi sẽ trả” (BDB 1022, KB 1532, dạng KHÍCH LỆ Piel (Piel COHORTATIVE)) cả hai đều là những lời hứa mạnh mẽ về những gì Giô-na sẽ làm gì khi ông trở về đền thờ tại Giê-ru-sa-lem (BDB 623, nghĩa là dâng của lễ tạ ơn), giống như những gì các thủy thủ đã làm cho Đức Giê-hô-va trong 1:16.

▣ **“Sự cứu rỗi đến từ Đức Giê-hô-va”** Chữ “cứu rỗi” trong tiếng Hê-bơ-rơ (BDB 447) chủ yếu nói đến sự giải cứu thể xác (ví dụ, Thi thiên 3:8; nhưng lưu ý Ê-sai 45:17) chứ không phải sự cứu rỗi tâm linh (theo như khái niệm trong Tân Ước)..Giô-na muốn được thoát ra khỏi bụng cá. Đức Giê-hô-va muốn dân thành Ni-ni-ve nhận biết Ngài (theo nghĩa của Tân Ước).

Giô-na biết thần học đúng đắn và nói những lời phải lẽ, nhưng ông đã từ chối hành động theo đó.

BẢN NASB 2:10 (bản Kinh Thánh tiếng Việt 2:11)

Đức Giê-hô-va bèn phán cùng con cá, và nó mưa Giô-na ra trên đất khô.

2:10 “Đức Giê-hô-va bèn phán cùng con cá” (Chúng ta thấy) trong sách Giô-na: Đức Giê-hô-va ra lệnh và sử dụng (1) gió và bão, (2) một con cá lớn, (3) một dây leo, (4) một con sâu và (5) cơn gió sa mạc. Đức Chúa Trời sử dụng những thứ này để bày tỏ (1) sự tể trị của Ngài, (2) tình yêu Của Ngài dành cho dân ngoại và (3) sự tức giận của Ngài đối với chủ nghĩa biệt riêng cực đoan của người Do Thái.

▣ **“nhả”** Đây là một chữ có nghĩa rất tiêu cực trong tiếng Hê-bơ-rơ (BDB 893, KB 1096, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Hiphil, xem Ê-sai 19:14; 28:8). Có thể ở đây Đức Giê-hô-va đáp lại lời cầu nguyện chầy chểnh mảng của Giô-na.

GIÔ-NA ĐOẠN 3

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Giô-na giảng tại Ni-ni-ve	Lời kêu gọi Giô-na giảng cho Ni-ni-ve lần thứ hai (3:1-4:11)	Giô-na vâng lời Đức Chúa Trời	Sự quy đạo của Ni-ni-ve và sự tha thứ của Đức Chúa Trời
3:1-4	3:1-5	3:1-4	3:1-10
Người Ni-ni-ve tin nhận			
3:5-9		3:5	
	3:6-9	3:6-9	
3:10	3:10	3:10	

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phần đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

BẢN NASB 3:1-4

¹ Lại có lời Đức Giê-hô-va phán cùng Giô-na lần thứ hai mà rằng: ² Người khá chờ dậy! Hãy đi đến thành lớn Ni-ni-ve, và rao cho nó lời ta đã dạy cho người. ³ Vậy Giô-na chờ dậy và đi đến Ni-ni-ve, theo lệnh của Đức Giê-hô-va. Và, Ni-ni-ve là một thành rất lớn, đi mất ba ngày đường. ⁴ Giô-na khởi đầu vào trong thành đi một ngày, thì rao giảng và nói rằng: Còn bốn mươi ngày nữa, Ni-ni-ve sẽ bị đổ xuống!

3:1 “Lại có lời Đức Giê-hô-va phán cùng Giô-na” Câu này nói theo ý của câu 1:1. Sách Giô-na được sắp xếp theo cấu trúc gồm có sự sai phái Giô-na trước tiên (đoạn 1-2) tương phản lại sự sai phái lần thứ hai (đoạn 3-4).

▣ **“lần thứ hai”** Ôi, ân sủng của Đức Chúa Trời ban cho cả Giô-na và Ni-ni-ve!

3:2 “Chờ dậy, đi” Đây là hai MỆNH LỆNH Qal tương tự với 1:2. Đức Chúa Trời lặp lại mệnh lệnh của Ngài.

▣ **“thành phố lớn”** Xem ghi chú về tính từ “lớn” (BDB 152) trong 1:2.

▣ **“công bố”** MỆNH LỆNH Qal (BDB 894, KB 1128) tương tự với 1:2. Nội dung của lời công bố không được trình bày ở đây. Trong 1:2, chủ đề của sự mặc khải là sự gian ác của Ni-ni-ve đã lên đến trước mặt Đức Chúa Trời.

▣ **“(phán) cùng”** Ở đây có một chút khác biệt với câu 1:2 nhưng lại quan trọng về mặt thần học. GIỚI TỪ “nghịch lại” (BDB 752) trong câu 1:2 được thay thế bằng giới từ “cùng” (phán cùng) (BDB 39) trong câu này. Đức Chúa Trời đang mở ra khả năng là Ni-ni-ve có thể đáp ứng cách thích hợp, phải lẽ với lời phán xét của Ngài.

3:3 Lời mở đầu này hoàn toàn tương phản lại những hành động của Giô-na trong câu 1:3. Việc ở trong bụng cá đã tạo nên sự khác biệt.

▣ **“thành phố rất lớn”** Các bản văn Masoretic có thêm cụm từ “tới trước Chúa” (xem ghi chú dưới đây). Điều này cho thấy sự quan tâm của Đức Chúa Trời cho tất cả mọi người (xem Sáng thế Ký 12:3; 22:18; 26:4; Xuất Ê-díp-tô Ký 19:5; Ê-xê-chi-ên 18:23,32; Giăng 1:29; 3:16-17, 4:42; I Ti-mô-thê 2:4; 4:10; II Phi-e-rơ 3:9; I Giăng 2:2; 4:14). Tác giả của sách Giô-na thường sử dụng tính từ “vĩ đại, lớn”. Xem chú thích trong 1:2.

▣

NASB -----

NKJV -----

NRSV -----

TEV -----

NJB -----

JB (chú thích) “to lớn trước Chúa”

ABPS “trước Chúa”

Peshitta “trong sự hiện diện của Chúa”

Rotherham “trước mặt Chúa”

Literal Young “trước mặt Chúa”

JPSOA (chú thích) “theo nghĩa đen, 'một thành phố lớn của Chúa”

Không thể biết chính xác tại sao các bản dịch tiếng Anh loại bỏ cụm từ “trước mặt Chúa”. Cũng không rõ cụm từ này có nghĩa gì hay là ám chỉ điều gì. Tội lỗi của Ni-ni-ve và những thành tựu của nó đã lên đến Đức Chúa Trời.

Còn có một lựa chọn (quan điểm) khác là xem cụm từ có nghĩa “với các thần” để nói về tội lỗi và sự thờ hình tượng của Ni-ni-ve. Tuy nhiên, GIỚI TỪ “nghịch lại” trong câu 1:2 được thay thế bởi “(phán) với” trong câu 3:2 làm cho quan điểm (lựa chọn) này không còn giá trị bao

nhiều.

▣ **“đi mất ba ngày đường”** Đã có một số tranh cãi về kích thước thực tế của Ni-ni-ve. Nhà văn La tinh thời xưa (không có liên hệ với Kinh Thánh) mô tả thành này có chu vi là sáu mươi dặm với 1.500 tòa tháp được xây trên các tường thành. Các bức tường cao 100 bộ và đủ rộng cho ba xe ngựa chạy cạnh nhau (Diodurus Sicucus trong thế kỷ thứ 4). Khảo cổ học hiện đại đã xác định kích thước chu vi thành chưa đến tám dặm. Nên cụm từ này bao gồm thành phố và các vùng phụ cận của nó. Ba ngày có thể (1) có nghĩa là trọn một ngày và một phần của hai ngày, (2) ám chỉ Giô-na đi xung quanh thành phố và rao giảng ở nhiều chỗ, hoặc (3) bao gồm thành phố và các cộng đồng xung quanh.

3:4 “ông rao giảng” ĐỘNG TỪ này (BDB 894) là dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal. Có người cho rằng ông nói bằng tiếng Aram. Ông chỉ nói năm chữ. Đây không phải là một bài giảng “phải thay đổi hoặc bị trừng phạt (thieu cháy)”. Đây là chỉ là lời công bố “sự trừng phạt”.

▣ **“bốn mươi ngày”** Đây là một con số rất phổ biến trong Kinh Thánh để chỉ một khoảng thời gian dài không xác định (dài hơn một chu kỳ mặt trăng, nhưng ngắn hơn một vụ mùa, xem Xuất Ê-díp-tô Ký 24:18; 34:28; Dân số Ký 13:25; Phục truyền Luật lệ Ký 9:9,11; I Sa-mu-ên 17:16; I Các vua 19:8).

Nó thường được gắn liền với một thời gian thử nghiệm hoặc phán xét:

1. Con lụt thời Nô-ê, Sáng thế Ký 7:4
2. Giai đoạn lang thang trong đồng vắng của Y-sơ-ra-ên, Xuất Ê-díp-tô Ký 16:35; Thi thiên 95:10
3. Sự kiêng ăn của Môi-se, Xuất Ê-díp-tô Ký 24:8; Phục truyền Luật lệ Ký 9:9,11
4. Thời gian Phi-li-tin thống trị trên Y-sơ-ra-ên, Các Quan Xét 13:1
5. Sự kiêng ăn của Ê-li, I Các vua 19:8
6. Các hành động tượng trưng của Ê-xê-chi-ên, Ê-xê-chi-ên 4:6
7. Sự phán xét của Đức Chúa Trời trên Ni-ni-ve, Giô-na 3:4
8. Sự kiêng ăn của Đức Chúa Giê-xu, Ma-thi-ơ 4:2

Thật kỳ lạ (khó hiểu) khi bản Bảy Mươi lại dịch “còn ba ngày”

▣ **“bị đổ xuống”** Cũng ĐỘNG TỪ này (BDB 245, 253 KB, dạng ĐỘNG TÍNH TỪ Niphal) được sử dụng khi Đức Chúa Trời phá hủy Sô-đôm trong Sáng thế Ký 19:29 (DANH TỪ trong BDB 246). Có thể nó có hàm ý:

1. Tích cực (“thay đổi”, nhiều lần sử dụng, xem Ô-sê 11:8-9)
2. Tiêu cực (“lật úp” hay “lật đổ”, là điều đã xảy ra trong năm 621 BC)

Cũng có thể do sự bày tỏ về đức tính của Đức Chúa Trời (xem 4:2), mà Giô-na rao sứ điệp của Đức Chúa Trời đã có một gợi ý về một kết cuộc tốt đẹp, mà ngay cả Giô-na cũng phải thừa nhận (xem câu 2; 4:1-4).

BẢN NASB 3:5-9

⁵ Dân thành Ni-ni-ve tin Đức Chúa Trời. Họ rao ra sự kiêng ăn và mặc bao gai, từ những người rất lớn trong đám họ cho đến những kẻ rất nhỏ. ⁶ Tin ấy đồn đến vua Ni-ni-ve, vua đứng dậy khỏi ngai, lột áo bào mình ra, quần bao gai và ngồi trong tro. ⁷ Đoạn vua truyền lệnh nầy ra trong thành Ni-ni-ve, như là lời dụ của vua cùng của các kẻ tôn trưởng: Không luận người ta hay là thú vật, không luận bầy bò hay bầy chiên,

đều chó nếm chi hết. Không được để cho nó ăn, cũng không uống nước; ⁸ nhưng người ta và thú vật đều phải quần bao gai. Mọi người khá ra sức kêu cùng Đức Chúa Trời; phải, ai nấy khá bỏ đường lối xấu mình và việc hung dữ của tay mình. ⁹ Ai biết rằng hoặc Đức Chúa Trời sẽ không xây lại và ăn năn, xây khối cơ nóng giận mình, hầu cho chúng ta khỏi chết, hay sao?

3:5 “những người dân thành Ni-ni-ve tin Đức Chúa Trời” Đây là một câu gây sốc. Người dân Ni-ni-ve hiểu biết rất ít về Đức Chúa Trời (Elohim). Họ đã hiểu biết ít hơn các thủy thủ trong đoạn 1. Dầu vậy, Đức Chúa Trời vẫn tiếp nhận đức tin của họ rồi từ bỏ sự phán xét của Ngài (xem 4:11).

ĐỘNG TỪ (BDB 52, KB 63) “tin” này có nghĩa gì?. Ban đầu nó chỉ về một cái gì đó vững chắc, ổn định, mạnh mẽ. Nó tiếp tục mở rộng theo nghĩa ẩn dụ để chỉ một điều hay một người là thành tín, trung thành, đáng tin cậy.

Chú ý cách sử dụng của chữ này trong các sách của Môi-se (mà Phao-lô sử dụng làm dẫn chứng từ Cựu Ước về sự xưng công bình bởi ân điển qua đức tin trong Rô-ma 4 và Ga-la-ti 3).

1. Áp-ra-ham tin YHWH sẽ ban cho ông một đứa con (Sáng 15:6).
2. Y-sơ-ra-ên tin vào sứ điệp và sứ giả của Đức Chúa Trời (Xuất Ê-díp-tô Ký 19:9).
3. Môi-se thì trung tín (Dân số Ký 12:7).
4. Đức Chúa Trời là thành tín (Phục truyền Luật lệ Ký 7:9).
5. Tin cậy
 - a. Tiêu cực
 - (1) Y-sơ-ra-ên không tin Đức Chúa Trời và lời phán của Ngài (Dân số Ký 14:11; Phục truyền Luật lệ Ký 1:32, 9:23).
 - (2) Môi-se và A-rôn đã không tin vào Đức Chúa Trời và lời phán của Ngài (Dân số Ký 20:12).
 - (3) Gia-cốp đã không tin rằng Giô-sép còn sống (Sáng thế Ký 45:26).
 - (4) Y-sơ-ra-ên không tin Môi-se (Xuất Ê-díp-tô Ký 4:1,5,8,9,31).
 - (5) Y-sơ-ra-ên không có sự chắc chắn (Phục truyền Luật lệ Ký 28:66).
 - b. Tích cực
 - (1) Y-sơ-ra-ên tin vào Chúa và sứ giả của Ngài (Xuất Ê-díp-tô Ký 14:31).

Danh sách ngắn gọn này cho thấy sự đa dạng và tầm quan trọng của chữ này trong tiếng Hê-bơ-rơ. Nên xem một bài viết ngắn trong bộ NIDOTTE, quyển 1, trang 427-433. Tiếng Hy Lạp Koine ở trong Tân Ước cũng đi theo cách thức đa dạng giống như vậy (xem chủ đề đặc biệt dưới đây).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỨC TIN (*PISTIS* [danh từ], *PISTEUŌ*, [động từ], *PISTOS* [tính từ])

- A. Đây là chữ rất quan trọng của Kinh Thánh (xem Hê-bơ-rơ 11:1,6). Nó là chủ đề cho những bài giảng lúc ban đầu của Đức Chúa Giê-xu (xem Mác 1:15). Có ít nhất hai đòi hỏi của giao ước mới: sự ăn năn và đức tin (xem 1:15; Công-vụ 3:16,19; 20:21).
- B. Từ nguyên (nguồn gốc của từ ngữ)
 1. Chữ “đức tin” trong Cựu ước có nghĩa là trung thành, trung thực hay là đáng tin cậy

là sự mô tả bản tính của Đức Chúa Trời, chứ không phải con người chúng ta.

2. Nó phát xuất từ chữ Do thái (*emun, emunah*) có nghĩa là “chắc chắn” hay là “ổn định”. Đức tin cứu rỗi là sự tán thành trong tâm trí (những chân lý, lẽ thật), đời sống đạo đức (lối sống) và hơn nữa là sự cam kết liên hệ (sẵn sàng tiếp đón) với một người nào đó, một cam kết tự nguyện (một quyết định) dành cho một người nào đó.

C. Cách sử dụng trong Cựu ước

Cần phải nhấn mạnh rằng đức tin của Áp-ra-ham không đặt nơi Đấng Mết-si-a sẽ đến trong tương lai, nhưng là nơi những lời hứa của Đức Chúa Trời rằng ông sẽ có một đứa con và dòng dõi (xem Sáng-thế Ký 12:2; 15:2-5; 17:4-8; 18:14). Áp-ra-ham đáp ứng với lời hứa này bằng cách tin cậy nơi Đức Chúa Trời. Ông vẫn có những nghi vấn và trở ngại về lời hứa này, phải chờ đợi mười ba năm để hoàn thành. Đức tin của ông không trọn vẹn, tuy vậy vẫn được Đức Chúa Trời chấp nhận. Đức Chúa Trời sẵn sàng đồng công với con người sa ngã đáp ứng với Ngài và những lời hứa của Ngài bởi đức tin, ngay cả khi đức tin chỉ bằng hột cải (xem Ma-thi-ơ 17:20).

D. Cách sử dụng trong Tân ước

Chữ “tin” phát xuất từ chữ Hy Lạp (*pisteuō*) được dịch là “tin”, “đức tin” hay là “tin cậy”. Ví dụ, dạng danh từ không xuất hiện trong Phúc âm Giăng, nhưng dạng động từ lại được thường sử dụng. Trong Giăng 2:23-25 có sự mơ hồ về tính chân thật của đám đông xác nhận Giê-xu người Na-xa-rét là đấng Mết-si-a. Những ví dụ khác về cách sử dụng chữ “tin hời hợt” là Giăng 8:31-59 và Công-vụ 8:13,18-24. Đức tin chân thật theo như Kinh Thánh thì nhiều hơn chỉ là đáp ứng ban đầu. Nó cần phải được tiếp tục bằng một quá trình môn đệ hóa sau đó (xem Ma-thi-ơ 13:20-22,31-32).

E. Cách sử dụng như là GIỚI TỬ (PREPOSITIONS)

1. *eis* có nghĩa là “vào trong”. Cấu trúc độc đáo này nhấn mạnh những tín hữu đặt sự tin cậy/đức tin trong Đức Chúa Giê-xu
 - a. vào trong danh Ngài (Giăng 1:12; 2:23; 3:18; I Giăng 5:13)
 - b. vào trong Ngài (Giăng 2:11; 3:15,18; 4:39; 6:40; 7:5,31,39,48; 8:30; 9:36; 10:42; 11:45,48; 17:37,42; Ma-thi-ơ 18:6; Công-vụ 10:43; Phi-líp 1:29; I Phi-e-rơ 1:8)
 - c. vào trong Ta (Giăng 6:35; 7:38; 11:25,26; 12:44,46; 14:1,12; 16:9; 17:20)
 - d. vào trong Đức Chúa Con (Giăng 3:36; 9:35; I Giăng 5:10)
 - e. vào trong Đức Chúa Giê-xu (Giăng 12:11; Công-vụ 19:4; Ga-la-ti 2:16)
 - f. vào trong Sự sáng (Giăng 12:36)
 - g. vào trong Đức Chúa Trời (Giăng 14:1)
2. *en* có nghĩa là “trong” giống như tại Giăng 3:15; Mác 1:15; Công-vụ 5:14
3. *epi* có nghĩa là “trong” hay là ở trên, giống như tại Ma-thi-ơ 27:42; Công-vụ 9:42; 11:17; 16:31; 22:19; Rô-ma 4:5,24; 9:33; 10:11; I Ti-mô-thê 1:16; I Phi-e-rơ 2:6
4. dạng TẶNG CÁCH không có GIỚI TỬ (DATIVE CASE with no PREPOSITION) giống như trong Ga-la-ti 3:6; Công-vụ 18:8; 27:25; I Giăng 3:23; 5:10
5. *hoti*, có nghĩa là “tin rằng”, cho biết điều tin cậy.
 - a. Đức Chúa Giê-xu là Đấng Thánh của Đức Chúa Trời (Giăng 6:69)
 - b. Đức Chúa Giê-xu là Ta Là (Giăng 8:24)
 - c. Đức Chúa Giê-xu ở trong Đức Chúa Cha và Đức Chúa Cha ở trong Ngài (Giăng 10:38)
 - d. Đức Chúa Giê-xu là Đấng Mết-si-a (Giăng 11:27; 20:31)

- e. Đức Chúa Giê-xu Con của Đức Chúa Trời (Giăng 11:27; 20:31)
- f. Đức Chúa Giê-xu được Đức Chúa Cha sai đến (Giăng 11:42; 17:8,21)
- g. Đức Chúa Giê-xu là một với Đức Chúa Cha (Giăng 14:10-11)
- h. Đức Chúa Giê-xu đến từ Đức Chúa Cha (Giăng 16:27,30)
- i. Đức Chúa Giê-xu xác nhận chính Ngài trong danh hiệu giao ước của Đức Chúa Cha, “Ta Là” (Giăng 8:24; 13:19)
- j. Chúng ta sẽ sống với Ngài (Rô-ma 6:8)
- k. ĐỨC CHÚA GIÊ-XU ĐÃ CHẾT VÀ ĐÃ SỐNG LẠI (I Tê-sa-lô-ni-ca 4:14)

▣ **“kiêng ăn...đồ tang...ngồi trong tro”** Đây là những dấu hiệu của sự than khóc (ví dụ, II Sa-mu-ên 3:31; I Các vua 21:27; II Các vua 6:30; Nê-hê-mi 9:1) và là một dấu hiệu ăn năn công khai (ví dụ, Phục truyền Luật lệ Ký 9:9,18,25; I Sa-mu-ên 6:7; E-xơ-ra 10:6; Nê-hê-mi 9:1; Giê-rê-mi 36:6-9; Giô-ên 2:12). Xem quyển Zondervan Pictorial Encyclopedia of the Bible, quyển 4, trang 302-307.

▣ **“từ những người rất lớn trong đám họ cho đến những kẻ rất nhỏ”** Điều này bao gồm tất cả mọi người và cả những gia súc nữa (xem các câu 7-8).

Cụm từ này cũng góp thêm chứng cứ cho thấy tính cách thậm xưng của sách Giô-na. Trong lịch sử của những cuộc phục hưng chưa bao giờ có trường hợp tất cả mọi người trong xã hội cùng ăn năn và tin đạo.

3:7 “Không luận người ta hay là thú vật, không luận bầy bò hay bầy chiên, đều chớ nếm chi hết...cũng không uống nước” Đây là một sự kiêng ăn nghiêm túc hoàn toàn. Không có giới hạn thời gian nhất định, nhưng quá ba bốn ngày mà không có nước thì sự sống không thể kéo dài.

3:8

NASB, NKJV

“con thú”

NRSV

“động vật”

TEV

“bò và chiên”

NJB

“tất cả” (ngụ ý con người và động vật)

Rõ ràng động vật có một mối quan hệ với con người (Sáng thế Ký 1-2), nhưng sự sa ngã (Sáng thế Ký 3) đã ảnh hưởng đến mối quan hệ này và sự thân thiện bị thay thế bằng nỗi sợ hãi. Sự thân thiện này sẽ được phục hồi (ví dụ, Ê-sai 11:6-9; 65:15, Ô-sê 2:18). Đức Chúa Trời đã tạo ra các con vật (xem Gióp 38:39-40:34) và yêu thương chúng (xem 4:11). Nếu sự mô tả của Sáng thế Ký 1-2 theo nghĩa đen và sự hoàn tất trong Khải Huyền 21-22 cũng theo nghĩa đen, thì thiên đàng chính là một vườn Ê-đen được phục hồi (có mối liên hệ thân mật giữa các thiên sứ, con người và thú vật)

▣ **“Mọi người khá ra sức kêu cùng Đức Chúa Trời...ai nấy khá bỏ đường lối xấu mình”**

Cụm từ này bày tỏ sự ăn năn của cá nhân và cả tập thể. Hai phương diện của sự cứu rỗi là đức tin và sự ăn năn (xem Chủ đề đặc biệt trong A-môt 1:3, xem Mác 1:15; 3:16,19; Công vụ Các sứ đồ 20:21). Đức Chúa Giê-xu quả quyết cần phải có sự ăn năn thật (Ma-thi-ơ 12:41 và Lu-ca 11:32). Cũng chính dân Y-sơ-ra-ên đã từ chối thực hiện điều này (xem Giê-rê-mi 18:8). Nên chú ý đến tên thông dụng của Đức Chúa Trời (Elohim) được dùng tại đây.

3:9

NASB, NRSV, NJB “Ai biết”

NKJV “ai có thể nói”

TEV “có lẽ”

Đây là ĐẠI TỪ NGHI VẤN (INTERROGATIVE PRONOUN) “ai” (BDB 566) và ĐỘNG TỪ “biết” (BDB 393, KB 390, ĐỘNG TÍNH TỪ Qal), nó là thành ngữ diễn tả một sự việc có thể xảy ra (ví dụ, II Sa-mu-ên 12:22; Ê-xơ-tê 4:14; Giô-ên 2:14).

▣ **“khá bỏ (quay khỏi)”** Thuật ngữ này được dùng cho người Ni-ni-ve và Đức Chúa Trời (nó đã được sử dụng trong sắc lệnh của nhà vua trong câu 8, hai lần trong câu 9, và một lần nữa trong câu 10). Đây là một thuật ngữ thông dụng trong Cựu Ước để chỉ sự ăn năn (BDB 996, KB 1427). Đức Chúa Trời chịu tác động do (1) sự đáp ứng của con người đối với Lời của Ngài và (2) những lời cầu nguyện của các tín hữu. Theo Kinh Thánh, sự ăn năn liên hệ đến sự thay đổi của tâm trí (theo nghĩa của tiếng Hy Lạp) và tiếp theo là sự thay đổi hành động (theo nghĩa của tiếng Hê-bơ-ơ). Xem chủ đề đặc biệt: Ăn năn trong Cựu Ước trong A-môt 1:3.

▣ **“xiêu lòng, mềm lòng”** Từ gốc này (BDB 636, KB 688, dạng HOÀN THÀNH Niphal) có nghĩa đen là “thờ dài.” Nó nói đến việc thờ nặng nề. Chữ này có cùng từ gốc với tên của vị tiên tri, Na-hum. Đây là cụm từ mô tả Đức Chúa Trời theo cách giống như loài người (ví dụ, Xuất Ê-díp-tô Ký 32:14; Thi thiên 106:45; Giê-rê-mi 18:8, A-môt 7:3,6 và lưu ý Ô-sê 11:8-11).

Đây là một ví dụ rõ ràng về

(1) sự tự do của Đức Chúa Trời và

(2) giao ước có điều kiện đòi hỏi phải có sự đáp ứng thích hợp của con người.

Tiền định cần phải được quân bình với những lựa chọn theo ý chí tự do của con người. Chắc chắn Đức Chúa Trời biết, nhưng Ngài cũng đã tạo dựng loài người như những người hành động có tự do về đạo đức. Theo một nghĩa nào đó thì những hành động tiếp nối sau này của Đức Chúa Trời được căn cứ theo những động cơ hiện tại, sự lựa chọn và hành động của con người. Đây là lý do tại sao lời tiên tri (không bao gồm những lời tiên tri về Đấng Mết-si-a) luôn luôn có điều kiện. Lời tiên tri của Giô-na sẽ không ứng nghiệm. Tất cả các lời tiên tri đều có một yếu tố điều kiện (xem quyển Answers to Questions, của F. F. Bruce, trang 129-130 và quyển Hard Sayings of the Bible, trang 70-75).

▣ **“hầu cho chúng ta khỏi chết”** Câu này giống hệt với lời tuyên bố của chủ tàu trong 1:6.

BẢN NASB 3:10

¹⁰ Bấy giờ Đức Chúa Trời thấy việc họ làm đều đã xây bỏ đường lối xấu của mình; Đức Chúa Trời bèn ăn năn sự họa mà Ngài đã phán sẽ làm cho họ, và Ngài không làm sự đó.

3:10 “Đức Chúa Trời (xiêu lòng) ăn năn” Câu này diễn tả theo cách giống như loài người là Đức Chúa Trời sẵn sàng đáp ứng lại với con người là tạo vật cao nhất của Ngài, được dựng nên theo hình ảnh Ngài. Hầu hết các mối quan hệ của Đức Chúa Trời (nhưng không phải tất cả vì Ngài có một kế hoạch cứu chuộc đời đời mà không bị ảnh hưởng bởi sự lựa chọn của con người) với nhân loại là có điều kiện và điều đó tùy thuộc nơi đức tin và sự ăn năn của họ (ví dụ, Xuất Ê-díp-tô Ký 32:14, I Sa-mu-ên 15:11; Giê-rê-mi 26:3,13).

GIÔ-NA ĐOẠN 4

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự giận dữ của Giô-na và sự nhân từ của Đức Chúa Trời	Lời kêu gọi Giô-na giảng cho Ni-ni-ve lần thứ hai (3:1-4:11)	Cơn giận của Giô-na và sự thương xót của Đức Chúa Trời	Sự oán hận của vị tiên tri và câu trả lời của Đức Chúa Trời
4:1-4	4:1-5	4:1-3 4:4	4:1-4
4:5-8	4:6-8	4:5-8	4:5-11
4:9-11	4:9-11	4:9 4:10-11	

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phần đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

BẢN NASB 4:1-4

¹ Bấy giờ Giô-na rất không đẹp lòng, và giận dữ. ² Người cầu nguyện Đức Giê-hô-va rằng: **Hãy Đức Giê-hô-va, tôi cầu xin Ngài, ấy há chẳng phải là điều tôi đã nói khi tôi còn ở trong xứ tôi sao? Vì đó nên tôi lật đật trốn qua Ta-rê-si vậy. Bởi tôi biết rằng**

Ngài là Đức Chúa Trời nhơn từ, thương xót, chậm giận, giàu ơn, và đỗi ý không xuống tai vạ. ³ **Hỡi Đức Giê-hô-va, vậy bây giờ, tôi nài xin Ngài hãy cất lấy sự sống tôi; vì về phần tôi, chết còn hơn sống!** ⁴ **Đức Giê-hô-va trả lời cùng người rằng: Người giận có nên không?**

4:1 “Bây giờ Giô-na rất không đẹp lòng” Tại đây TÍNH TỪ (BDB 949) và ĐỘNG TỪ (BDB 949, KB 1269, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal) là NHỮNG TỪ CHUNG GỐC (COGNATES) làm ý nghĩa càng mạnh thêm nữa (xem Nê-hê-mi 2:10). Giô-na đã nổi giận bởi vì Đức Chúa Trời đang tha cho Ni-ni-ve.

Sách Giô-na sử dụng chữ נָפַח thường xuyên và theo nhiều ý nghĩa.

1. gian ác, 1:2
2. tai vạ, 1:7,8; 3:10; 4:2
3. không hài lòng, 4:1
4. khó chịu, 4:6

Chữ này được sử dụng cho Ni-ni-ve thì bây giờ được sử dụng cho Giô-na (xem The Expositors Bible Commentary, quyển 7, trang 385). Đây đúng là một sự đảo ngược!. Phạm tội vì không có sự hiểu biết (không được soi sáng) là một chuyện, nhưng phạm tội với sự hiểu biết (được soi sáng) thì nghiêm trọng hơn và đáng bị kết tội (xem Lu-ca 12:48).

▣ **“(ông) giận dữ”** ĐỘNG TỪ Hê-bơ-rơ này có nghĩa là “bùng cháy” (BDB 354, KB 351, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal, xem các câu 1,4,9 [hai lần]). Giô-na đã tức giận ngay cả trước khi thời hạn bốn mươi ngày chấm dứt. Giô-na sợ nhất việc có thật xảy đến là dân thành Ni-ni-ve sẽ ăn năn và Đức Giê-hô-va sẽ tha cho họ. Giô-na chỉ đứng trong quan điểm thần học của ông (xem 1:9; 4:2), nhưng sai trật về phương diện yêu thương (xem I Cô-rinh-tô 13:1-8).

4:2 “Ông cầu nguyện” Với thái độ giận dữ bằng lời cầu nguyện theo kiểu “con đã nói trước rồi”, Giô-na đang cố gắng để biện minh cho hành động nổi loạn trước đó của mình (“để ngăn chặn điều này nên con đã chạy trốn sang Ta-rê-si”).

▣ **“Ngài là Đức Chúa Trời nhơn từ, thương xót”** Giô-na đang tức giận về điều này (Đức Chúa Trời không trừng phạt tội lỗi của A-sy-ri). Chính lòng thương xót là bản tính của Đức Chúa Trời đã cứu Giô-na từ biển. Lời tuyên bố thần học này có nguồn gốc từ trong Xuất Ê-díp-tô Ký 34:6, sau đó lặp lại trong Dân số Ký 14:18-19; Nê-hê-mi 9:17,31,32; Thi thiên 86:5, 15; 103:8,11-13; 145:8; Giê-rê-mi 32:18-19; và Giô-ên 2:13. Giô-na sử dụng những từ này tương tự như những từ của Giô-ên dùng. Có thể ông bị ảnh hưởng bởi lời tiên tri của Giô-ên.

TÍNH TỪ “nhân từ” (BDB 337) được sử dụng duy nhất cho Đức Chúa Trời.

TÍNH TỪ “thương xót” (BDB 933) xuất phát từ DANH TỪ “từ cung” để diễn tả tình yêu mãnh liệt của cha mẹ (xem Ô-sê 1:6, 2:4, so sánh với 2:19,23 [hai lần]).

TỪ GHÉP “chậm giận” (BDB 74 và 60) là một thành ngữ theo nghĩa đen là “lâu nóng mũi” (chậm nổi nóng, xem Dân số Ký 14:18; Nê-hê-mi 1:3). Không phải sự thịnh nộ, nhưng tình yêu mới là bản tính chính yếu của Đức Chúa Trời (xem Ê-sai 28:21; Ca-thương 3:33).

Để biết thêm CẤU TRÚC TỪ GHÉP “đur dật trong sự nhân từ” (BDB 912 và 338) nên xem chủ đề đặc biệt: Sự yêu thương nhân từ trong Ô-sê 2:19.

▣ **“đỗi ý không xuống tai vạ”** Xem chú thích trong 3:9 và 10.

4:3 “tôi nài xin Ngài hãy cất lấy sự sống tôi” Ước muốn chết (BDB 542, KB 534, dạng MỆNH LỆNH Qal, xem Dân số Ký 11:15; Giê-rê-mi 20:14-18; I Các vua 19:4) được phơi bày qua câu này (tham khảo 4:8) thì hoàn toàn khác với thái độ của Giô-na khi còn ở trong bụng cá.

BẢN NASB 4:5-8

⁵ **Bấy giờ Giô-na ra khỏi thành Ni-ni-ve, ngồi phía đông thành ấy. Tại đó, người làm một cái chòi, ngồi dưới bóng chòi ấy mà đợi xem điều sẽ xảy đến cho thành ấy.**

⁶ **Vả, Đức Giê-hô-va sắm sẵn một dây giữa cao lên bên trên Giô-na, đặt phủ bóng trên đầu người, và cứu người khỏi sự khổ cực. Giô-na rất vui vì có dây ấy.** ⁷ **Nhưng bữa sau, vừa lúc hùng đông, Đức Chúa Trời sắm một con sâu, sâu chích dây ấy đến nổi héo.**

⁸ **Đoạn, đến khi mặt trời mọc, Đức Chúa Trời sắm gió cháy thổi từ phương đông, và mặt trời giọt xuống trên đầu Giô-na, đến nổi ngất đi, và cầu chết mà rằng: Về phần tôi, chết còn hơn sống!**

4:5 “người làm một cái chòi” Đây là chữ “lều” (BDB 697), nó đề cập đến một nơi trú ẩn tạm thời như đã được sử dụng trong kỳ lễ LỄU TẠM (xem Lê-vi Ký 23:40-42). Đức Chúa Trời dùng một cái cây để tạo ra bóng mát (có thể là cây thầu dầu, nhưng từ này chỉ xuất hiện duy nhất trong bối cảnh tại đây, xem câu 6). Trong sa mạc, khu vực có bóng mát có thể tạo ra nhiệt độ khác xa với cái nóng đến sáu mươi độ. Một lần nữa điều này cho thấy tình yêu của Đức Chúa Trời đối lại sự tức giận của Giô-na.

4:6 “sắm sẵn” Ở đây không có ý nói Đức Chúa Trời sáng tạo, nhưng Ngài chỉ định (BDB 584, KB 599, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Piel, xem các câu 6,7,8) một tạo vật hiện có để thực hiện một nhiệm vụ (xem 1:17). Đức Chúa Trời tể trị trên thiên nhiên (ví dụ, một cái cây, 4:6, một con sâu, 4:7, cơn gió nóng từ phương đông [xem Sáng thế Ký 41:6], 4:8, cũng như một con cá lớn, 1:17).

▣ **“Giô-na rất vui vì có dây ấy”** Đây là ĐỐI CÁCH CHUNG GỐC (COGNATE ACCUSATIVE) (BDB 970, ĐỘNG TỪ và DANH TỪ), như câu 1, “rất không hài lòng” hoặc 1:16, “lo sợ rất nhiều.”

4:8 “gió cháy thổi từ phương đông” Điều này nói đến sirocco, là loại gió mạnh ở hướng đông, nóng, khô, bụi, thổi từ sa mạc (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 10:13), có thể dễ dàng phá hại (làm cháy khô) lá cây. Nó thường được sử dụng trong bối cảnh của sự phán xét (ví dụ, Thi thiên 48:7; Giê-rê-mi 18:17; Ê-xê-chi-ên 17:10, Ô-sê 13:15).

Chữ “thieu cháy” (BDB 362) chỉ được sử dụng duy nhất ở đây trong cả Cựu Ước. Bộ BDB chú thích, “chúng tôi không giải thích thêm”. Tuy nhiên, trong KB 353, có cung cấp các bản dịch cổ:

1. Bản Bảy Mươi, Peshitta, và Vulgate dịch “thieu cháy” hay “oi bức”

2. Bản Targums tiếng Aram dịch “im lặng” (xem bản dịch NRSV)

Cuối cùng KB (thay đổi một chút khác với bản MT một phụ âm) dịch (gió) “thieu cháy” hoặc “gay gắt”, có nghĩa là “nóng.” Thuật ngữ này xuất hiện một lần trong bộ DSS có nghĩa là “gió đông.”

▣

NASB “ông đã trở nên bất tỉnh”

NKJV “ông trở nên bất tỉnh”
NRSV “ông bất tỉnh”
TEV “sấp bất tỉnh”
NJB “ông đã bị kiệt sức”

Lúc này bị bất tỉnh (ngất đi, xem A-môt 8:13) tương tự như trải nghiệm của ông khi ở trong bụng cá (xem 2:7). Nguyên nhân ở đây là do say nắng (xem Ê-sai 49:10).

BẢN NASB 4:9-11

⁹ Đức Chúa Trời bèn phán cùng Giô-na rằng: Người nổi giận vì có dây này có nên không? Người thưa rằng: Tôi giận cho đến chết cũng phải lắm. ¹⁰ Đức Giê-hô-va lại phán: Người đoái tiếc một dây mà người chưa hề khó nhọc vì nó, người không làm cho nó mọc, một đêm thấy nó sanh ra và một đêm thấy nó chết. ¹¹ Còn ta, há không đoái tiếc thành lớn Ni-ni-ve, trong đó có hơn mười hai vạn người không biết phân biệt tay hữu và tay tả, lại với một số thú vật rất nhiều hay sao?

4:9-11 Những câu này cho thấy tình yêu của Đức Chúa Trời trái ngược với tính ích kỷ và niềm tự hào chủng tộc của Giô-na. Tình yêu của Đức Chúa Trời thậm chí còn mở rộng ra đến các loài thú vật (xem 3:8; 4:11).

4:10,11

NASB “thương tiếc...thương tiếc”
NKJV “tiếc...tiếc”
NRSV, NJB “quan tâm...quan tâm”
TEV “cảm thấy tiếc...tiếc”

ĐỘNG TỪ này (BDB 299, 298 KB dạng HOÀN THÀNH Qal câu 10 và dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal câu 11) có nghĩa là “tiếc thương” hoặc “nhìn đến với lòng thương xót.” Nó được dùng theo nghĩa tiêu cực trong Ê-sai 13:18; Giê-rê-mi 13:14; 21:7; Ê-xê-chi-ên 5:11; 7:4,9; 8:18; 9:5,10; 16:5; 24:14. Chữ này không phải là chữ “thương xót” mà Ô-sê đã dùng (BDB 933, KB 216, xem 1:6; 2:4,19,23).

Một số chữ và cụm từ trong Giô-na dường như phát xuất từ Giô-ên đoạn 2, trong số đó có thuật ngữ này (xem Giô-ên 2:17, “tha, bỏ qua”).

4:10 “**một đêm thấy nó sanh ra và một đêm thấy nó chết**” Cụm từ này là một thành ngữ chỉ sự tạm thời của những thứ thuộc về trần gian (xem Ê-sai 40:6-8). Giô-na chỉ có tầm nhìn tức thời trước mắt; còn Đức Giê-hô-va thì có tầm nhìn vĩnh cửu. Giô-na thuộc loại tự kỷ trung tâm, còn Đức Giê-hô-va thì quan tâm đến phúc lợi của cả loài người được tạo dựng theo hình ảnh của Ngài (xem Sáng thế Ký 1:26-27), nhưng hiện giờ lại xa lạ với Ngài (xem Sáng thế Ký 3, đặc biệt câu 15).

4:11 “**120.000 người**” Một số người xem chỗ này nói đến tổng cộng dân số, những người khác dựa theo cụm từ “không biết” nên nghĩ rằng nó chỉ đề cập đến trẻ em (ví dụ, Ê-sai 7:15). Sự nhấn mạnh theo ngữ cảnh có vẻ như là những người ngoại giáo độc ác này (công dân của Ni-ni-ve và các thành phố nhỏ xung quanh) không biết gì về Chúa, nhưng họ lại có sự đáp ứng về tâm linh nhiều hơn so với vị tiên tri giao ước có hiểu biết của Chúa.

CÁC LỄ THẬT THẦN HỌC CỦA SÁCH GIÔ-NA

- A. Con cái Chúa thường nổi loạn chống lại Ngài và có thái độ không đúng.
- B. Những người không tin thường thể hiện lòng thương xót và quan tâm nhiều hơn so với các tín hữu.
- C. Đức Chúa Trời yêu thương tất cả mọi người và sẵn sàng can dự vào việc cứu vớt họ (Sáng thế Ký 12:3, 22:18, 26:4; Xuất Ê-díp-tô Ký 19:5; Ê-xê-chi-ên 18:23, 33:11, Giảng 1:29; 3:16; I Ti-mô-thê 2:4; 4:10; II Phi-e-rơ 3:9).
- D. Đức tin và ăn năn là tất cả những gì cần thiết cho sự cứu rỗi, chứ không phải là kiến thức thần học đầy đủ hoặc là nghi lễ (xem Công vụ Các sứ đồ 16:31).
- E. Bản tính của Đức Chúa Trời được bày tỏ chính xác trong 1:9 và 4:2.
- F. Đức Chúa Trời điều khiển lịch sử, thiên nhiên và thậm chí còn can dự vào các sự kiện nhỏ của đời sống.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Chúng ta có đầy đủ chi tiết về sự rao giảng của Giô-na hay không?
2. Những người Ni-ni-ve có thực sự được cứu hay không?
3. Quyển sách này có sứ điệp gì cho Y-sơ-ra-ên? (và cho cuộc sống của bạn?)
4. Giải thích ăn năn bằng lời của bạn. Định nghĩa khái niệm ăn năn theo tiếng Hy Lạp và Hê-bơ-rơ.
5. Nêu ra sự tương phản giữa sự hiểu biết về Đức Chúa Trời của Giô-na và Y-sơ-ra-ên với sự hiểu biết và đức tin hướng về Đức Chúa Trời của những thủy thủ ngoại bang và người Ni-ni-ve.
6. Ý nghĩa của việc Chúa Giê-xu sử dụng câu chuyện này trong Ma-thi-ơ 12:38-45 là gì?

GIỚI THIỆU SÁCH MI-CHÊ

I. TÊN SÁCH

- A. Cuốn sách này được đặt theo tên của vị tiên tri.
- B. Tên của ông là hình thức rút gọn của tên Mi-cai-a (Micaiah) (Các Quan Xét 17:1,4; I Các vua 22:13), có nghĩa là “người giống như Đức Giê-hô-va” (BDB 567). Trong bản văn tiếng Hê-bơ-rơ ở sách Giê-rê-mi 26:18 có tên đầy đủ Micaiah (Mi-chê). Vì không có nói đến ông thuộc gia tộc nào nên điều này ám chỉ ông xuất thân từ gia đình nghèo ở nông thôn.

II. QUÁ TRÌNH CÔNG NHẬN KINH ĐIỂN - Quyển sách này là một phần của bộ “các tiên tri sau” theo sách ngụ kinh Ecclesiasticus 49:10, bao gồm từ Ê-sai cho đến Ma-la-chi ngoại trừ Đa-ni-ên và Ca-thương. Mi-chê được đề cập cụ thể trong sách ngụ kinh Ecclesiasticus 48:10.

- A. Nó là một trong mười hai Tiểu Tiên Tri (tức là những sách tiên tri ngắn) (Baba Bathra 14b).
1. Giống như những sách Ê-sai, Giê-rê-mi và Ê-xê-chi-ên, mười hai tập sách nhỏ này vừa đủ trong một cuộn sách da.
 2. Chúng phản ánh quan điểm truyền thống của Do Thái Giáo (theo Baba Bathra) về niên đại của từng sách

- B. Thứ tự của mười hai Tiểu Tiên Tri đã được các học giả liên kết theo trình tự thời gian. Tuy nhiên, có một số vấn đề với quan điểm này:
Thứ tự của sáu sách đầu tiên thì khác nhau giữa các bản MT (bản văn Masoretic trong tiếng Hê-bơ-rơ) và bản LXX (bản Bảy Mươi tiếng Hy Lạp):

MT	LXX
Ô-sê	Ô-sê
Giô-ên	A-môt
A-môt	Mi-chê
Áp-đi-a	Giô-ên
Giô-na	Áp-đi-a
Mi-chê	Giô-na

- a. Bằng chứng nội tại đặt A-môt trước Ô-sê theo thứ tự thời gian.
- b. Thời điểm của sách Giô-ên gây rất nhiều tranh cãi. Tôi liệt kê ông trong số tiên tri sớm sau thời kỳ lưu đày cùng với Áp-đi-a.

III. THỂ LOẠI

- A. Mặc dù giống với A-môt về phương diện thần học nhưng quyển sách này lại có văn phong khác biệt. Mi-chê không có những vần thơ bóng bẩy giống như A-môt, nhưng nó có những lời tuyên bố mạnh mẽ về lẽ thật.

- B. Đặc trưng riêng của sách là những sứ điệp về sự phán xét và sự phục hồi được đặt bên cạnh nhau mà không có một chuyển tiếp nào (chuyển ý)(cũng giống như Ô-sê và A-mốt, nó phản ánh loại thơ song đối được phát triển từ thơ ca tiếng Hê-bơ-rơ). Lẽ thật được vẽ ra bằng hai màu, đen và trắng (tương tự như văn phong của sứ đồ Giăng trong sách Khải huyền).
- C. Vị tiên tri này mang đến sứ điệp mạnh mẽ, cảm động và sâu sắc từ Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Giao Ước cho dân sự của Ngài (Giu-đa và Y-sơ-ra-ên).
- D. Mi-chê là một vị tiên tri của sự tiên báo:
1. Sự sụp đổ của Sa-ma-ri do A-sy-ri, 1:5-7; 6:9-16
 2. Sự sụp đổ của Giê-ru-sa-lem do Ba-by-lôn, 1:9-16; 3:12; 4:10-12; 6:9-16
 3. Sự trở về của những người Do Thái bị lưu đày, 2:12-13; 5:5b-9; 7:7-20
 4. Nơi sinh của Đấng Mết-si-a, 5:2 cùng với vương quốc toàn cầu của Ngài 5:4
 5. Đức tin xảy ra nơi các nước ngoại bang, 4:1-5

IV. QUYỀN TÁC GIẢ

- A. Theo truyền thống Mi-chê vị là vị tiên tri từ Mô-rê-sét (1:1), có lẽ là Mô-rê-sét-Gát (“sở hữu của Gát”, xem 1:14; Giô-suê 15:44; II Sử ký 11:8, 14:9,10; 20:37), (cách Giê-ru-sa-lem khoảng 20 dặm về phía tây nam), được xem là tác giả của cả sách tiên tri hoặc ít nhất là cội nguồn của các sứ điệp (mà sau đó được chỉnh sửa hoặc biên soạn lại).
- B. Một số học giả hiện đại đã toan tính phân chia sách Mi-chê để cho thấy có nhiều người viết như họ đã làm với các tác phẩm của Môi-se. Tuy nhiên, có bằng chứng nội tại cho thấy cuốn sách này có sự nhất quán .
1. Một số chương bắt đầu với chữ Hê-bơ-rơ “hãy nghe” (shema, BDB 1033, KB 1570, xem Phục truyền Luật lệ Ký 6:4), 1:2; 3:1; 6:1. Việc sử dụng chữ này có thể phản ánh dàn ý của tác giả về những lời tiên tri của mình (hoặc có thể là của người biên tập sau đó).
 2. Các hình ảnh ẩn dụ về “chiên, người chăn” được dùng trong suốt cả sách 2:12, 3:2-3; 4:6; 5:4; 7:14.
 3. Thủ thuật văn chương được gọi là “xen vào làm ngắt lời - trả lời” là đặc trưng của tất cả các phần của cuốn sách (xem 2:5,12; 3:1; 6:6-8; 7:14-15).
 4. Có 24 đoạn văn trong suốt cuốn sách ám chỉ đến những lời của các tiên tri khác thuộc thế kỷ thứ tám (ví dụ, 4:1-3 chỉ về Ê-sai 1:2-4, xem Zondervan’s Pictorial Encyclopedia of the Bible, quyền 4, trang 214).
- C. Trong nhiều phương cách thì Mi-chê giống với tính cách và sứ điệp của A-mốt. Quê quán của họ chỉ cách nhau có hai mươi dặm. Cả hai đều là những người từ miền thôn dã, không có tham gia vào các cuộc tranh giành chính trị và quyền lực trong hoàng cung giống như Ê-sai. Cả hai đều hòa đồng với người nghèo, yếu thế, và bị xã hội ruồng bỏ. Cả hai cũng không xuất thân từ các trường tiên tri (xem 3:5-8).
- D. Mi-chê sống tại các vùng đồng bằng ven biển chắc hẳn đã trải qua tất cả các cuộc xâm lược của A-sy-ri vào Giu-đa.

V. THỜI ĐIỂM

- A. Thời điểm và khoảng thời gian của chức vụ Mi-chê được ghi trong 1:1, “trong ngày của Giô-tham, A-cha và Ê-xê chia” (về thời điểm vương triều của những vị vua này nên xem phần Phụ lục). Ông nói tiên tri trong khoảng năm 735-700 trước Chúa. Lúc đó là sau A-mốt và Ô-sê, nhưng cùng thời với giai đoạn cuối của chức vụ tiên tri Ê-sai.
- B. Giê-rê-mi 26:18 nói cụ thể rằng ông đã nói tiên tri vào triều đại của Ê-xê chia.
- C. Bởi vì 1:1 đề cập đến Sa-ma-ri cũng như Giê-ru-sa-lem và 6:1-16 là một phiên xử của tòa án có tiên đoán sự sụp đổ của Y-sơ-ra-ên, nên ông chắc phải bắt đầu nói tiên tri trước khi Sa-ma-ri sụp đổ vào năm 722 trước Chúa. Bruce Waltke (trong bộ Tyndale OT Commentary) khẳng định rằng chức vụ của Mi-chê ở vào khoảng giữa A-mốt và Ô-sê (trang 138).
- D. Chức vụ của ông còn tiếp tục sau khi Sa-ma-ri sụp đổ. Cuốn sách này dường như thu thập các sứ điệp trong suốt cả chức vụ của ông.

VI. BỐI CẢNH LỊCH SỬ

- A. Mi-chê là một vị tiên tri vào thế kỷ thứ tám, ông rao giảng trong vương quốc phía Nam (Giu-đa) cùng với thời với Ê-sai.
- B. Đó là thời kỳ thịnh vượng và bành trướng quân sự (xem phần Giới thiệu sách A-mốt). Có nhiều sinh hoạt tôn giáo, nhưng thật ra là các tà giáo thờ lạy thần sinh sản của dân Ca-na-an nhưng mượn danh Đức Giê-hô-va.
- C. Đế chế A-sy-ri phục hồi và phát triển dưới sự lãnh đạo năng động của Tiglath-Pileser III (xem phần phụ lục về những ngày tháng, thời điểm) đã sẵn sàng để tấn công.
- D. Jewish Study Bible có một bình luận thú vị, “tên Sennacherib không hề xuất hiện, thậm họa không có sự gắn kết đặc biệt với tên của bất kỳ vị vua Giu-đa nào, cũng như bối cảnh của lời văn không hề có liên hệ trực tiếp với các trình tự thời gian. Những đặc tính này không phải là kết quả của sự tình cờ. Sách Mi-chê không thiết lập bất kỳ đơn vị văn chương nào theo một giai đoạn lịch sử xác định. Kết cuộc là tác phẩm văn học này có thể được đọc theo cách thức thông thường bởi vì không xem trọng các hoàn cảnh lịch sử cụ thể” (trang 1207).

VII. CÁC ĐƠN VỊ VĂN HỌC

- A. Đặc trưng của cuốn sách này là những thay đổi đột ngột: 2:5,12; 3:1; 6:6-8; 7:14-15. Tác giả chuyển đổi từ các tiên báo về sự phán xét sang các tiên báo về sự cứu rỗi, so sánh 2:10-11 với 2:12-13. Điều này chứng tỏ thủ thuật văn chương (có thể là thể loại song đối trong tiếng Ê-bơ-ơ vay mượn từ thơ ca Ê-bơ-ơ) và không theo một trình tự thời gian.
- B. Dàn ý cơ bản

1. Sự phán xét sắp đến trên dân sự của Đức Chúa Trời, 1:1-16
 - a. Sự đi đày của miền Bắc, 1:5-7
 - b. Sự đi đày của miền Nam, 1:9-16 (3:12)
2. Sự sửa phạt và phục hồi dân sự Đức Chúa Trời, 2:1-13
 - a. Tội ác xã hội của những người giàu có, 1-11
 - b. Hy vọng trong tương lai, 12-13
3. Những lãnh đạo của dân sự Đức Chúa Trời bị lên án, 3:1-12
 - a. Lãnh đạo xã hội, 1-4, 9, 11
 - b. Các tiên tri, 5-7, (tiên tri thật, câu 8), 11
 - c. Các thầy tế lễ, 11
 - d. Các hậu quả, 12 (4:10)
4. Vinh quang được phục hồi trong tương lai của dân sự Đức Chúa Trời, 4-5
 - a. Lời mời gọi phổ quát cho tất cả các dân tộc, 4:1-5
 - b. Lời mời gọi người tàn tật, bị bỏ rơi, và cô thế, 4:6-8
 - c. Cộng đồng có đức tin bị tấn công nhưng được đắc thắng, 4:9-13
 - d. Sự hiện đến của Đấng Mê-si, 5:1-5a
 - e. Trong tương lai sẽ chiến thắng A-sy-ri, 5:5b-9
 - f. Sự phán xét hiện thời trên dân sự Đức Chúa Trời, 5:1, 10-15
5. Đức Chúa Trời đưa dân sự của Ngài ra tòa án, 6
 - a. Vị tiên tri tuyên bố thay cho Đức Chúa Trời, 1-5
 - b. Dân sự của Đức Chúa Trời trả lời, 6-7
 - c. Vị tiên tri trả lời thay cho Đức Chúa Trời, 8
 - d. Sự phán xét của Đức Chúa Trời đến trên thành phố của dân sự Ngài: Cả Giê-ru-sa-lem cùng với (hoặc) Sa-ma-ri, 9-16
6. Lời kết án và lời hứa chúc phước của Đức Chúa Trời trên dân sự Ngài (tiếp tục), 7
 - a. Những tội ác trong xã hội của dân sự Đức Chúa Trời cứ tiếp tục, 1-6
 - b. Những người lãnh đạo tương lai của dân sự Đức Chúa Trời sẽ giống như Ngài, 14-20

(Tham khảo Introduction to the Old Testament, của R. L. Harrison, trang 919)

C. Dàn ý khác theo J. T. Willis, được trích dẫn bởi Bruce Waltke trong bộ Tyndale OT Commentaries, trang 144-145

1. Ba phần song song theo cùng một khuôn mẫu về sự phán xét và hy vọng
 - a. Mỗi phần bắt đầu với “hãy nghe” (xem 1:2; 3:1; 6:1)
 - b. Mỗi phần sử dụng thuật ngữ về “chăn chiên” (xem 2:12; 4:8; 5:4; 7:14)
2. Các phần là
 - a. 1:2 - 2:13
 - b. 3:1 - 5:15
 - c. 6:1 - 7:20

Bruce Waltke trong bộ Tyndale OT Commentaries, quyển 23a, dựa theo dàn ý cơ bản của J. T. Willis và bổ túc các chủ đề nhỏ (trang 150).

3. Tựa đề
 - a. Phán xét và giải cứu (1:2-2:13)
 - (1) Sa-ma-ri bị san bằng (1:2-7)
 - (2) Than khóc về các thành của Giu-đa (1:8-16)

- (3) Địa chủ tham lam bị kết án lưu đày (2:1-5)
- (4) Cuộc tranh luận chống lại các tiên tri giả (2:6-11)
- (5) Dân còn sót lại trong Si-ôn (2:12-13)
- b. Các nhà lãnh đạo giả dối bị lên án, lời hứa về một vị vua công chính (3:1-5:15)
 - (1) Người chần chừ thành kẻ sẵn bắt chiên (3:1-4)
 - (2) Các tiên tri rao giảng vì tư lợi (3:5-8)
 - (3) Giê-ru-sa-lem bị san bằng (3:9-12)
 - (4) Si-ôn được tôn cao (4:1-5)
 - (5) Kẻ bại trở nên mạnh mẽ (4:6-7)
 - (6) Sự thống trị của Giê-ru-sa-lem được phục hồi (4:8)
 - (7) Chiến lược bí mật của Đức Chúa Trời (4:9-13)
 - (8) Một vị vua duy nhất cho tương lai (5:1-6)
 - (9) Hương thơm sự sống, mùi hôi thối sự chết (5:7-9)
 - (10) Đức Chúa Trời bảo vệ vương quốc của Ngài (5:10-15)
- c. Hy vọng trong bóng tối (6:1-7:20)
 - (1) Làm thế nào để sống sót (6:1-8)
 - (2) Những sự rửa sạch được làm trọn (6:9-16)
 - (3) Con thuyền quốc gia vỡ nát (7:1-7)
 - (4) Ca khúc chiến thắng (7:8-20)

VIII. CÁC LỄ THẬT CHÍNH YẾU

- A. Giống như A-mốt, Mi-chê lên án những tội lỗi xã hội của những người giàu có và quyền lực (xem chương 2-3).
- B. Giống như Ô-sê, Mi-chê lên án sự bội đạo của các tiên tri và thầy tế lễ (3:11).
- C. Mi-chê tiên báo sự sụp đổ và lưu đày của cả Y-sơ-ra-ên (xem 1:5-7; 6:9-16) và Giu-đa (xem 1:9-16; 3:12; 4:10-12; 6:9-16) vì sự thờ lạy hình tượng và phản bội giao ước của họ.
- D. Đức Chúa Trời là công chính nên dân sự của Ngài sẽ bị trừng phạt. Nhưng Đức Chúa Trời cũng nhân từ và thành tín trong giao ước của Ngài, vì vậy dân sự của Ngài (số còn sót lại) sẽ được chuộc lại và phục hồi (xem 2:12-13; 5:5b-9; 7:7-20).
- E. Đức Chúa Trời muốn dân sự Ngài phản ánh đức tính của Ngài (6:8), chứ không phải chỉ là những nghi lễ mà không có đức tin (6:6-7).
- F. Y-sơ-ra-ên, Giu-đa, và dân ngoại có niềm tin sẽ được ban phước qua Đấng Mết-si-a được sinh ra ở Bết-lê-hem (5:2). Nhà lãnh đạo mới này sẽ giống như Đức Giê-hô-va (7:18-20).

MI-CHÊ ĐOẠN 1

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI*

NKJV	NRSV	TEV	NJB
	Lời tựa		
1:1	1:1	1:1	1:1
Sự phán xét sắp đến trên Y-so-ra-ên	Những đe dọa trực tiếp với Sa-ma-ri và Giê-ru-sa-lem (1:2-3:12)	Lời than khóc cho Sa-ma-ri và Giê-ru-sa-lem	Sự phán xét Sa-ma-ri
1:2	1:2-7	1:2-4	1:2-4
1:3-5		1:5-7	1:5-7
1:6-7			
Than khóc cho Y-so-ra-ên và Giu-đa			Than khóc cho Giê-ru-sa-lem và những thành vùng đất thấp
1:8-9	1:8-9	1:8-9	1:8-15
		Kê thù tiến đến Giê-ru-sa-lem	
1:10-11	1:10-16	1:10-14	
1:12-13			
1:14-16		1:15-16	
			1:16

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

* Mặc dù không được linh cảm, việc phân đoạn và câu là chìa khóa để hiểu và theo dõi ý tưởng nguyên thủy của tác giả. Mỗi bản dịch hiện đại đều có phần phân đoạn và tóm tắt đoạn. Mỗi đoạn có một chủ đề, một lẽ thật, một ý tưởng trọng tâm. Mỗi bản dịch có cách chia đoạn đặc biệt riêng của nó để cô đọng lại các chủ đề này. Khi đọc một bản văn, hãy tự hỏi chính mình bản dịch nào giúp bạn nắm được chủ đề qua lối chia đoạn và câu của nó.

Ở mỗi đoạn, chúng ta phải đọc Kinh thánh trước và tìm cách xác định các chủ đề (phân đoạn) của nó, sau đó so sánh sự hiểu biết này với các bản dịch hiện đại. Chỉ khi nào chúng ta hiểu được ý định của tác giả nguyên thủy bằng cách theo dõi lý luận và cách trình bày của họ, thì chúng ta mới thật sự hiểu được Kinh thánh. Chỉ có tác giả nguyên thủy được linh cảm- người đọc không có quyền thay đổi hay bổ sung vào sứ điệp. Tuy nhiên, những người đọc Kinh thánh có trách nhiệm áp dụng những lẽ thật được linh cảm này vào cuộc sống hằng ngày của họ.

Lưu ý rằng tất cả các thuật ngữ và những chữ viết tắt đều được giải thích rõ ràng trong Phụ lục một, hai, và ba.

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

BẢN NASB 1:1-7

¹ Lời của Đức Giê-hô-va phán cho Mi-chê, người Mô-rê-sét, trong ngày Giô-tham, A-cha, và Ê-xê-chia, các vua của Giu-đa, là lời người thấy về Sa-ma-ri và Giê-ru-sa-lem. ² Hỡi hết thảy các dân, hãy nghe! Hỡi đất và mọi vật chứa trên đất, hãy lắng tai! Nguyên xin Chúa Giê-hô-va từ đền thành Ngài, nguyên xin Chúa làm chứng nghịch cùng các ngươi! ³ Vì này, Đức Giê-hô-va ra từ chỗ Ngài, xuống và đập trên các nơi cao của đất. ⁴ Các núi sẽ tan chảy dưới Ngài, các trũng sẽ chia xé; như sáp ở trước lửa, như nước chảy xuống dốc. ⁵ Cả sự đó là vì có sự phạm pháp của Gia-cốp, và vì có tội lỗi của nhà Y-sơ-ra-ên. Sự phạm pháp của Gia-cốp là gì? Há chẳng phải là Sa-ma-ri sao? Các nơi cao của Giu-đa là gì? Há chẳng phải là Giê-ru-sa-lem sao? ⁶ Vậy nên ta sẽ khiến Sa-ma-ri nên như một đồng đố nát ngoài đồng, như chỗ trông nho; và sẽ làm cho những đá của nó lăn xuống trũng, và những nền ra trần trụi. ⁷ Hết thảy tượng chạm nó sẽ bị đập bể, hết thảy của hồi lộ nó sẽ đốt trong lửa. Ta sẽ làm cho hết thảy thần tượng nó nên hoang vu; vì những đồ mà nó đã dồn chứa bởi tiền công của nghề điếm dĩ, thì nó sẽ dùng những đồ ấy làm tiền công cho đứa điếm dĩ.

1:1 “Lời của Đức Giê-hô-va” Những lời tiên tri này là không phải là lời nói, tư tưởng hay là cảm xúc của Mi-chê nhưng là của Đức Giê-hô-va (xem Ô-sê 1:1). Đây là sự mặc khải, chứ không phải là phỏng đoán thần học hay chính trị.

☐ **“Mi-chê”** Đây là dạng rút ngắn của tên *Micaiah* trong tiếng Hê-bơ-rơ, có nghĩa là “người giống như Đức Giê-hô-va” (xem Giê-rê-mi 26:18). Tiên tri này là một “người giảng đạo quê mùa” (không có nhắc đến cha, tổ tiên của ông) giống như A-mốt, cũng không gia nhập vào hội của những người theo nghề tiên tri hay các tiên tri trong hoàng cung (như Ê-sai).

☐ **“Mô-rê-sét”** Chữ này có liên quan đến thành phố được nhắc đến trong 1:14 (Mô-rê-sét-Gát). Nó là một ngôi làng nhỏ giữa La-kít và Gát trong vùng đất Pa-léc-tin khoảng 20 dặm về phía tây

nam thành Giê-ru-sa-lem.

▣ **“Trong những ngày Giô-tham, A-cha và Ê-xê-chia”** Xem biểu đồ “Những vị vua của thời kỳ vương quốc chia đôi” trong phần Phụ lục. Ngày tháng chính xác trên các triều đại thì vẫn còn bàn cãi bởi vì (1) có nhiều cách khác nhau để tính năm đăng quang và (2) những thời điểm đồng trị. Xem quyển *The Mysterious Numbers of the Hebrew Kings* của Edwin R. Thiele.

▣ **“là lời người thấy”** Chữ (BDB 302) được sử dụng cho các vị tiên tri ở trong trạng thái xuất thần (lúc thấy Khải tượng) khi nhận một sứ điệp từ Đức Chúa Trời (ví dụ, Ê-sai 1:1, 2:1, 13:1, A-môt 1:1; Ha-ba-cúc 1:1). Thường thì nó liên hệ đến những lời tiên tri hay Khải tượng về sự phán xét (ví dụ, Ê-sai 2:1, 28:7; 30:10, A-môt 1:1). Thuật ngữ này thường được sử dụng để mô tả một vị tiên tri như là một “tiên kiến” (ví dụ, A-môt 7:12; Mi-chê 3:7; Ê-sai 29:10; 30:10). Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Các Chữ Hê-bơ-rơ Khác Nhau Có Nghĩa Tiên Tri trong A-môt 7:12.

▣ **“Sa-ma-ri”** Các thủ đô thường đại diện cho mỗi quốc gia. Hầu hết các lời tiên tri của Mi-chê là cho vương quốc Giu-đa ở miền nam. Tuy nhiên, lời tiên tri của ông được mở đầu bởi một lời công bố phán xét chống nghịch lại thủ đô của mười bộ tộc phía Bắc là Sa-ma-ri (xem 1:2-9). Có thể đây là thủ thuật văn chương để thu hút sự chú ý của những người Giu-đa và nó có thể cho thấy Mi-chê chịu ảnh hưởng của sứ điệp và chức vụ của A-môt như thế nào. A-môt là vị tiên tri cho vương quốc miền bắc nhưng cũng có những điểm liên quan đến Giu-đa.

1:2 “Hãy nghe” Cả đoạn 1 và 6 đều sử dụng từ ngữ chuyên môn trong tòa án để trình bày sự kiện tụng của Đức Chúa Trời chống nghịch với dân sự của Ngài. Cả hai đoạn đều bắt đầu bằng từ “hãy nghe” (BDB 1033, KB 1570, dạng MỆNH LỆNH Qal), đoạn 3 cũng giống như vậy. Xem ghi chú ở A-môt 3:1 và Ô-sê 4:1. Cách dùng chữ “shema” 3 lần (nghĩa là nghe để làm, xem Phục truyền Luật lệ Ký 6:4) có thể phơi bày dàn ý của tác giả (xem phần Giới thiệu, VII. C.). Tuy nhiên, Mi-chê sử dụng từ này thường xuyên (xem 1:2; 3:1,9; 5:15; 6:1 [hai lần], 2,9; 7:7). Giống như tại đây, bảy lần của chúng là dạng MỆNH LỆNH Qal (xem 3:1,9; 6:1,2,9).

▣ **“Lắng nghe” Đ ĐỘNG TỪ** (BDB 904, KB 1151, dạng MỆNH LỆNH Hiphil) có nghĩa là “chú ý đến”, song đối với “hãy nghe”. Cũng khuôn mẫu này cũng có trong Ê-sai 28:23, Ô-sê 5:1, và Xa-cha-ri 1: và tương tự trong Giê-rê-mi 34:1; 49:1.

▣ **“nguyên xin Chúa làm chứng nghịch cùng các người” Đ ĐỘNG TỪ** (BDB 224, KB 243, dạng MỆNH LỆNH Qal) phù hợp với hai mệnh lệnh trước đó (nghe, lắng nghe) và giờ đây Đức Chúa Trời là một nhân chứng. Đây rõ ràng là một phiên tòa. Đức Chúa Trời chứng kiến sự gian ác (ví dụ, Giê-rê-mi 29:33) và sau đó Ngài trở thành một người làm chứng tại tòa án (ví dụ, I Sa-mu-ên 12:5; Ma-la-chi 3:5). Ngài là (1) thẩm phán (2) nhân chứng, và (3) là người thi hành phán quyết tòa án.

▣ **“Hỡi các dân...hỡi đất”** Theo luật Do Thái thì cần có hai hoặc ba nhân chứng để xác nhận sự việc trong tòa án (xem Dân số Ký 35:30; Phục truyền Luật lệ Ký 17:6; 19:15). Vì vậy, chính Đức Chúa Trời của cả trái đất và mọi người ở trên đất làm nhân chứng cho vụ án này (xem Phục truyền Luật lệ Ký 4:26; Ê-sai 1:2). Chính Đức Giê-hô-va hành động như một nhân chứng chống lại dân sự của Ngài (xem Phục truyền Luật lệ Ký 31:19-21,26).

▣ **“Chúa Giê-hô-va”** Đây là dịch đúng theo nghĩa từ chữ Adon - YHWH (ví dụ, Ê-sai 56:7).

Xem chủ đề đặc biệt: Tên của thần linh trong A-môt 1:2.

▣ **“Đức Giê-hô-va từ đền thánh của Ngài”** Đức Giê-hô-va (theo tính cách biểu tượng) ngự ở trên và giữa hai cánh cửa Chê-ru-bim và trên nắp Hòm Giao Ước. Hòm Giao Ước được đặt trong nơi Chí Thánh tại Giê-ru-sa-lem (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 25:22). Đây là nơi mà trời và đất, tinh thần và thể chất, siêu việt và nội tại gặp nhau. Dòng thơ trong câu 2d là song đối với câu 3a (cũng là một thành ngữ phán xét, xem Ê-sai 26:21). Đối với chữ “thánh” nên xem chủ đề đặc biệt trong A-môt 2:7.

1:3 “đạp trên các nơi cao của đất” ĐỘNG TỪ này (BDB 201, KB 231, dạng HOÀN THÀNH Qal) cũng có trong A-môt 4:13, nói về sự hiện diện gần gũi của Đức Chúa Trời với tạo vật hữu hình của Ngài (xem Gióp 9:8). Thuật ngữ “trái đất” (BDB 75) có thể có nghĩa là “đất” (nghĩa là đất của Chúa, Đất Hứa), nhưng ở đây cũng có thể là tất cả tạo vật.

“Đạp trên” có thể ám chỉ (1) sự hiện diện gần gũi của Chúa hoặc (2) sự phán xét của Ngài qua biểu tượng Ngài dùng chân đạp (ép) nho (ví dụ như, Ê-sai 63:3; Ca-thương 1:15).

Chữ “nơi cao” (BDB 119) có thể ám chỉ đến những ngọn núi. Bởi vì cũng từ này được sử dụng trong câu 5 để chỉ những bàn thờ cho thần sinh sản tại địa phương nên nó có thể nói đến việc Đức Giê-hô-va phá hủy những nơi thờ phượng này (xem câu 7).

1:4 Việc Đức Chúa Trời sắp thi hành (phước lành hay phán xét, nhưng trong bối cảnh này là phán xét) thường gắn liền với biến động trong thiên nhiên (ví dụ, Xuất Ê-díp-tô Ký 19:16-20; Thi thiên 18:7-15; 97:1-6; Ê-sai 40:4; 64:1-2; Giô-ên 2:30-31; A-môt 9:5). Câu 4 có một mẫu thơ theo thể song đối (dòng 1 với dòng 3 và dòng 2 với dòng 4). Đây là hình ảnh khởi đầu của ngày tận thế. Tội lỗi của con người đã ảnh hưởng đến thế giới tự nhiên (xem Sáng thế Ký 3; Rô-ma 8:19-22).

▣ **“lửa”** Xem Chủ đề đặc biệt: Lửa trong A-môt 7:4.

▣ **“chảy xuống”** ĐỘNG TỪ này (BDB 620, KB 669) và “đạp vỡ” (BDB 510, KB 507) cả hai đều là dạng Hophal, ở thể THỤ ĐỘNG và ĐỐI CÁCH.

1:5 “Cả sự đó là vì có sự phạm pháp của Gia-cốp...Y-sơ-ra-ên” Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Thơ Ca Hê-bơ-rơ trong A-môt 1:2. Dòng 1 và 2 của câu 5 là một ví dụ điển hình về thể song đối đồng nghĩa. Không có động từ trong câu 5.

▣ **“Sa-ma-ri”** Đây là thủ đô của mười bộ tộc phía Bắc gọi là Y-sơ-ra-ên, được xây dựng bởi Ôm-ri, có con trai là A-háp, đã cưới Giê-sa-bên và do đó đem sự thờ lạy thần sinh sản của người Ca-na-an vào vương quốc phía bắc (xem I Các vua 16:29-33, 17-18). Đây là một thành phố phòng thủ kiên cố đã khiến quân A-sy-ri mất ba năm để chinh phục (cuối cùng Sargon II đã chinh phục vào năm 722 trước Chúa). Nói tên thủ đô cũng là cách nói đến toàn bộ quốc gia. Các nhà lãnh đạo (các vị vua, các tiên tri, và các thầy tế lễ) của cả Y-sơ-ra-ên và Giu-đa phải chịu trách nhiệm về sự thờ lạy thần tượng và sụp đổ quốc gia sau đó.

▣ **“Các nơi cao của Giu-đa là gì?”** Chữ “nơi” là số nhiều trong bản văn Masoretic, do đó nó có thể ám chỉ đến các nơi cao thờ thần Ba-anh lan tràn khắp trong xứ (xem II Sử ký 34:3-4,7). Theo thể song đối thì nó phải nói đến thủ đô của Giu-đa là Giê-ru-sa-lem.

1:6-7 Đức Giê-hô-va là người nói cũng như (có thể) trong các câu 8-16.

1:6 “Sa-ma-ri một đồng đồ nát” Chỗ này nói đến sự sụp đổ của thành phố vào năm 722 trước Chúa dưới triều của vua A-sy-ri Sargon II.

▣ **“như chỗ trồng nho”** Sa-ma-ri sẽ bị tàn phá đến mức giống như đồng trống có thể chuyển thành nơi trồng nho. Hình ảnh này tương tự với hình ảnh Giê-ru-sa-lem sẽ bị cây xói như đồng ruộng (xem 3:12; Giê-rê-mi 26:18).

▣ **“Ta sẽ làm cho những đá của nó lăn xuống trũng”** Điều này nói đến đến các công sự bằng đá của Sa-ma-ri bị kéo sập từ trên núi xuống trũng.

1:7 Câu này nói đến sự thờ phượng nữ thần sinh sản A-sê-ra lên đến mức ngoại tình tâm linh, chống nghịch lại Đức Giê-hô-va, rồi đến tòa ly hôn.

▣ **“của hồi lộ”** Chữ này (BDB 1072-1073) được sử dụng ba lần và đề cập đến sự thờ lạy hình tượng của Y-sơ-ra-ên (TEV, xem Phục truyền Luật lệ Ký 23:18; Ê-sai 23:17). Trong một số văn mạch nó đề cập đến liên minh nước ngoài (ví dụ, Ê-xê-chi-ên 16:23-29) ở đây có thể là một ám chỉ đến những liên minh đó (xem bản dịch NRSV). Bộ NIDOTTE, quyển 3, trang 1281, gợi ý ba ý nghĩa có thể là:

1. Tiền kiếm được của các gái mại dâm ngoại giáo (đã được sử dụng để làm đẹp các đền miếu)
2. Thổ sản của đất được coi là tặng phẩm của Ba-anh
3. Các cửa cúng tại các đền thờ thần tượng được sử dụng để làm đẹp đền miếu
4. Các tượng vàng và bạc được bán tại các đền miếu (NIDOTTE, quyển 3, trang 207)

BẢN NASB 1:8-16

⁸ Vậy nên ta sẽ khóc lóc và thở than, cởi áo và đi trần truồng. Ta sẽ kêu gào như chó rừng, và rên siết như chim đà. ⁹ Vì vết thương của nó không thể chữa được; nó cũng lan ra đến Giu-đa, kịp đến cửa dân ta, tức là đền Giê-ru-sa-lem. ¹⁰ Chớ rao tai nạn này ra trong Gát! Chớ khóc lóc chi hết! Tại Bết-Lê-Áp-ra, ta lăn-lóc trong bụi đất. ¹¹ Hỡi dân cư Sa-phi-rơ, hãy ở trần truồng, chịu xấu hổ mà qua đi! Dân cư Xa-a-nan không bước ra. Người Bết-Hê-xen khóc than, làm cho các người mất chỗ đứng chân. ¹² Dân cư Ma-rốt lo lắng mà trông đợi phước lành, bởi tai vạ từ Đức Giê-hô-va sai xuống đã tới cửa Giê-ru-sa-lem. ¹³ Hỡi dân cư La-ki, hãy lấy ngựa chạy mau thẳng vào xe! Ấy chính người đã bắt đầu cho con gái Si-ôn phạm tội; vì tội ác của Y-sơ-ra-ên thấy trong người. ¹⁴ Vậy nên, người sẽ ban lễ vật đưa đường cho Mô-rê-sét-Gát! Các nhà của Ạc-xíp sẽ lừa dối các vua Y-sơ-ra-ên. ¹⁵ Hỡi dân cư Ma-rê-sa, ta sẽ đem một kẻ hưởng nghiệp người đến cho người; sự vinh hiển của Y-sơ-ra-ên sẽ đến A-đu-lam. ¹⁶ Người khá làm sói đầu, cạo tóc, vì cơ con cái ưa thích của người; phải, hãy làm cho người sói như chim ưng, vì chúng nó hết thấy đều bị bắt làm phu tù khỏi người!

1:8-9 Chỗ này có thể nói về (1) sự than khóc của cá nhân Mi-chê (tham khảo Ibn Ezra trong phần chú thích của bản Kinh Thánh NET, trang 1622) (2) các câu 8-16 có thể tiếp tục phân sử điệp Đức Giê-hô-va (tham khảo The Jewish Study Bible, trang 1207) phán bằng những ẩn dụ của con người (xem Ô-sê 11:8) và cách dùng đồng âm trong tiếng Hê-bơ-rơ (xem Ê-sai 10:24-32);

hoặc là (3) bộ Targums thay thế chữ “tôi” bằng “họ” và đặt người nói là cả tập thể của Y-sơ-ra-ên.

1:8 “Vậy nên (bởi điều này)” “Điều này” trong câu 5 nói đến tội lỗi của Sa-ma-ri, nhưng trong câu 8 nó ám chỉ đến sự phán xét của Đức Chúa Trời (theo phương cách là ngoại xâm) trên dân sự của Ngài, cho cả Sa-ma-ri (năm 722 trước Chúa) và sau đó là Giê-ru-sa-lem (605, 597, 586, 582 trước Chúa).

▣ **“khóc lóc...thở than...cởi áo...đi trần truồng...kêu gào...rên siết”** Tất cả các ĐỘNG TỪ trong câu 8 ở dạng KHÍCH LỆ (COHORTATIVE) trong hình thức hoặc theo ý nghĩa.

1. NASB, NRSV - than thở
NKJV - than thở
TEV - than khóc
NJB - kêu gào
(BDB 704, KB 763, dạng KHÍCH LỆ Qal (Qal COHORTATIVE))
2. NASB, NRSV
NJB - than van
NKJV - tru
TEV - than thở
(BDB 410, KB 413, dạng KHÍCH LỆ (COHORTATIVE) Hiphil)
3. NASB - “Ta phải đi chân không và ở trần”
NKJV - “Ta sẽ lột đồ và đi trần truồng”
NRSV, NJB - “Ta sẽ đi chân không và ở trần”
TEV - “Ta sẽ đi quanh chân không và ở trần”
(BDB 229, KB 246, dạng KHÍCH LỆ (COHORTATIVE) Qal)
4. NASB - “Ta phải than khóc”
NKJV - “Ta sẽ kêu khóc”
NRSV - “Ta sẽ than thở”
TEV, NJB - “Ta sẽ kêu gào”
(BDB 793, KB 889, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal, nhưng có ý nghĩa dạng khích lệ (COHORTATIVE) bởi vì thể song đối)

Những dấu hiệu này là của sự than khóc. Có thể vị tiên tri đã mặc đồ tang khi ông rao giảng. Cảnh này được tiếp tục trong câu 16 (xem A-mốt 8:10). Các thú vật được nhắc đến để thay thế sự vắng mặt của con người và có mặt của ma quỷ (tham khảo bản NEB).

“Trần truồng” không có nghĩa là hoàn toàn khoả thân, nhưng chỉ mặc đồ lót bên trong mà không có áo choàng bên ngoài (xem Sa-mu-ên 19:24; II Sa-mu-ên 6:20; Ê-sai 20:2-4; Giảng 21:7). Tuy nhiên, A-sy-ri bắt khoả thân hoàn toàn là cách thức làm sỉ nhục kẻ bị tù đầy và khiến họ trở thành đờn bại (xem câu 11, Ê-sai 47:2-3; Giê-rê-mi 13:26, Ô-sê 2:3,10).

▣ **“đà điểu”** Chữ này (BDB 419 nghĩa là “tham lam” thì thích hợp hơn chữ KB 421 dịch là “đà điểu” theo Bản Bảy Mươi và Vulgate, NKJV, NRSV, TEV) ám chỉ đến một loài động vật có tiếng kêu giống như tiếng con người than khóc. Tiếng chim đà điểu kêu rất nhỏ, do đó, một số người cho rằng đây là “chim cú” (tham khảo bản dịch Peshitta, NJV, NJB, NEB, NIV, REB dùng chữ “chim cú sa mạc”). Và lại nó là một trong các sinh vật sống nơi hoang địa của các thành phố bị phá hủy (xem Ê-sai 13:21; 34:13; 43:20; Giê-rê-mi 50:39). Dù sao thì chữ Hê-bơ-rơ này không rõ nghĩa.

1:9 Các tội lỗi gây xấu hổ trong mười bộ tộc phía Bắc đã lây nhiễm đến bộ tộc Giu-đa (“vết thương” xem Ê-sai 1:56; Giê-rê-mi 10:19, 14:17, 15:18, 30:12-17). Tại điểm này thì sứ điệp của vị tiên tri chắc đã khiến những thánh giả người Giu-đa ngạc nhiên khi nghe ông tố cáo họ cùng với mười bộ lạc phía Bắc (xem Ê-xê-chi-ên 23). Đối với Đức Chúa Trời, sự phán xét là lựa chọn duy nhất để những đứa con thờ thần tượng có thể quay trở lại với Ngài.

☐ **“Vết thương của nó không thể chữa được”** Thuật ngữ “vết thương” (BDB 646) được dùng làm hình ảnh ẩn dụ cho tội lỗi. Có một vài chữ khác được sử dụng:

1. ở đây, *mkh* (BDB 646) - Ê-sai 1:6; Giê-rê-mi 6:7; 30:12,17
2. *mzr* (BDB 267) - Ô-sê 05:13
3. *hbrh* (BDB 289) - Thi thiên 38:5; Ê-sai 53:5
4. *mhll* (BDB 319) - Ê-sai 53:5

Tội lỗi cũng được miêu tả như là một căn bệnh trong Phục truyền Luật lệ Ký 32:29; II Sử ký 7:14; Thi thiên 30:2; 41:4; 103:3; 107:20; Ê-sai 6:10; 30:26; 57:18-19; Giê-rê-mi 3:22, 17:14, 33:6; Ô-sê 6:1, 7:1, 11:3, 14:4, mà Đức Giê-hô-va chữa lành.

☐ **“cửa”** Cổng thành là trung tâm đời sống xã hội, thương mại, tư pháp của một thành phố (ví dụ, A-mốt 5:10,12,15).

1:10-16 Ê-sai sử dụng cách ứng đối để so sánh các thành phố phù hợp với sự phán xét trên chúng (Ê-sai 10:24-32) Mi-chê lặp lại theo mô hình này. Những câu 10-16 chứa một loạt các phép ứng đối trong tiếng Hê-bơ-rơ giữa các thành phố trong vùng Shephelah hoặc các thành phố trong vùng đồng bằng ven biển Giu-đa. Chúng sẽ bị tác động bởi cuộc xâm lược của Sennacherib vua A-sy-ri vào năm 701 trước Chúa (mặc dù có những cuộc xâm lược trước đó, của vua Sargon II vào năm 711 trước Chúa).

1:10 “Chớ rao tai nạn này ra trong Gát” ĐỘNG TỪ này (BDB 616, KB 665) là dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Hiphil, nhưng có ý nghĩa MỆNH LỆNH (JUSSIVE). Điều này có thể là một ám chỉ tới II Sa-mu-ên 1:20, (Gát) là nơi mà Đa-vít nói đến khi than khóc cho cái chết của Sau-lơ và Giô-na-than. Điều này có nghĩa “Đừng nói với kẻ thù của Giu-đa là dân Phi-li-tin sống ở Gát”. Người Phi-li-tin xâm chiếm Giu-đa trong năm 735 trước Chúa để giành lãnh thổ.

☐ **“Chớ khóc lóc chi hết”** ĐỘNG TỪ này là sự kết hợp giữa thể NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI của “khóc” (BDB 113, KB 129) và dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal, nhưng mang ý nghĩa MỆNH LỆNH (JUSSIVE).

☐ **“Bết-Lê-Áp-ra”** Có sự chơi chữ trên từ *aphrah*, phát âm rất gần với chữ “bụi” (BDB 779), do đó có nghĩa là “nhà của bụi” (Bết-Lê-Áp-ra).

ĐỘNG TỪ “lăn tròn, lăn lóc” (BDB 814, KB 935, ví dụ như, Giê-rê-mi 6:26; Ê-xê-chi-ên 27:30) được lặp đi lặp lại là một dạng HOÀN THÀNH Hithpael và dạng MỆNH LỆNH Hithpael. Nó phát âm tương tự như những người sống ở Gát trong tiếng Phi-li-tin.

Có một bài viết thú vị về cách diễn tả cử chỉ trong Kinh Thánh thuộc quyển *Dictionary of Biblical Imagery*, trang 326-328. Nó kê ra một vài cách sử dụng chữ bụi trong sự than khóc:

1. Ngồi trong bụi, Ê-sai 47:1
2. Lăn trong bụi, Mi-chê 1:10
3. Cúi xuống trong bụi, Thi thiên 44:25; 119:25
4. Bụi (tro) trên đầu, II Sa-mu-ên 1:2; Nê-hê-mi 9:1; Ê-xơ-tê 4:1, Gióp 2:12; Ê-sai 58:5;

Giê-rê-mi 6:26

1:11 “Hãy đi” ĐÔNG TỪ này (BDB 716, KB 778) là một MỆNH LỆNH Qal. Những cư dân của thành phố này đi diễu hành trong sự xấu hổ khi họ bị người A-sy-ri bắt đi đày.

▣ **“Sa-phi-ro”** Đây là cách ứng đối tên “thành phố xinh đẹp” hoặc “thành phố vui thú” (BDB 1051, xem Giô-suê 15:48), thì giờ đây chịu sỉ nhục (BDB 102) và bị lột trần (BDB 289) là sự trừng phạt dành cho gái điếm (xem Ê-xê-chi-ên 23:29).

▣ **“Xa-a-nan”** Đây là cách dùng đồng âm giữa tên thành phố và ĐÔNG TỪ “bước ra” hoặc “đi ra” (có thể là נָצַח BDB 838 hoặc BDB 422, KB 425, dạng HOÀN THÀNH Qal). Thành phố này sẽ không thể thoát khỏi sự phán xét sắp đến của Đức Chúa Trời (bị lưu đày). Họ không thể ra khỏi thành phố bị bao vây của họ, nhưng sẽ rời khỏi quê hương của họ mãi mãi.

▣ **“Bết-Hê-xen: Nó sẽ rút lại sự hỗ trợ các người”** Có lẽ đây là một cách dùng chữ đồng âm “nhà bị loại bỏ” hoặc “nhà của sự gât gũ”. Đức Chúa Trời sẽ lấy đi nền móng của thành phố này (nâng đỡ, BDB 765, đây là cách sử dụng duy nhất của thuật ngữ theo ý nghĩa này) hoặc đưa nó đi đày. Ý nghĩa tên của thành phố là không rõ (BDB 111) cũng như là toàn bộ câu tiếp theo sau.

1:12 “Ma-rôt lo lắng mà trông đợi phước lành” Tên của thành phố này (BDB 598, xem Giô-suê 15:59) phát âm nghe như là “cay đắng” (BDB 600, xem Ru-tơ 1:20) và là cách ứng đối với chữ Hê-bơ-rơ “chờ đợi sự tốt lành” (bản văn MT “quặn đau”) và chữ “tốt lành” ở đây mang ý nghĩa sự giải cứu thuộc thể.

▣ **“tai vạ từ Đức Giê-hô-va sai xuống”** Chữ “tai vạ” có gốc từ tiếng Hê-bơ-rơ có nghĩa là “độc ác” (BDB 948 II). Những loại câu này trong Cựu Ước không mô tả bản tính của Đức Chúa Trời nhiều (đầy đủ) bằng sự bày tỏ thuyết độc thần (chỉ có một quan hệ nhân quả duy nhất trong vũ trụ). Nguyên Nhân Độc nhất (Đức Giê-hô-va Elohim) có tính cách giao ước và đạo đức. Bất tuân thì gánh lấy hậu quả.

▣ **“Giê-ru-sa-lem”** Đây là cách chơi chữ giữa khái niệm “tai họa” (BDB 948 II) và phần sau của từ “Giê-ru-sa-lem” (BDB 436) (salem) có nghĩa là “hòa bình và an toàn” (BDB 1022).

1:13 “thăng ngựa” ĐÔNG TỪ này (BDB 958, KB 1299) là một MỆNH LỆNH Qal. Nghĩa của nó không rõ, nhưng có liên hệ đến việc buộc lại hoặc gắn vào cái gì đó, vì vậy trong một bối cảnh về ngựa và xe ngựa thì nó nói đến việc lắp ráp (thăng ngựa vào xe).

▣ **“La-ki”** Đây là cách dùng từ đồng âm với chữ “La-ki” (BDB 540) là một căn cứ quân sự (xem II Sử ký 32:9; Giê-rê-mi 34:7) chủ yếu cho chiến xa, mà phát âm giống như chữ chiến mã trong tiếng Hê-bơ-rơ (gồm có GIỚI TỪ tiếng Hê-bơ-rơ và BDB 940, xem I Các vua 4:28). La-ki chắc phải là thành phố mạnh nhất, được phòng thủ tốt nhất trong số những thành phố được liệt kê.

▣ **“Con gái của Si-ôn”** Đây là một thành ngữ chỉ Giê-ru-sa-lem; Si-ôn là một trong các ngọn đồi bên trong các bức tường thành.

1:14 “Mô-rê-sét” Đây là quê hương của Mi-chê. Tên của nó phát âm rất giống với chữ Hê-bơ-rơ có nghĩa “giá chuộc một người vợ” (BDB 555, ví dụ I Các vua 9:16). Nơi đây dựa theo những tập tục cưới hỏi có thể thấy trong câu 14a. Với sự lưu đày sắp đến sẽ không còn việc cưới hỏi. Những món quà cưới (xem I Các vua 9:16) bây giờ sẽ là những món quà chia tay hoặc là quà cưới dành cho cô dâu rời nhà cha mình (tức là, sống lưu vong).

▣ **“Ạc-xíp”** Tên của thành phố này trong tiếng Hê-bơ-rơ (BDB 469, xem Giô-suê 15:44) thì rất gần với chữ “lừa gạt” trong tiếng Hê-bơ-rơ (BDB 469).

1:15 “Ma-rê-sa” (Ý nghĩa) của tên thành phố này trong tiếng Hê-bơ-rơ thì không rõ (BDB 601). Có một cách sử dụng đồng âm giữa ĐỘNG TỪ (BDB 439, KB 441, dạng ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG (ACTIVE PARTICIPLE) Qal) có nghĩa là “người chiếm hữu” và tên của thành phố.

▣ **“A-đu-lam”** Tại hang đá này (BDB 726), Đa-vít trốn thoát khỏi Sau-lơ (xem I Sa-mu-ên 22:1-2). Cụm từ này có thể có nghĩa là (1) các nhà lãnh đạo của Y-sơ-ra-ên (nghĩa là “vinh quang của Y-sơ-ra-ên”) (tham khảo bản TEV) sẽ vào âm phủ; (2) nơi trú ẩn trước đây của Đa-vít, hoặc (3) chính Đức Giê-hô-va sẽ gửi một người thừa kế (NKJV) hoặc vị tướng chinh phục (NRSV) đến Ma-rê-sa và sau đó A-đu-lam. Chính Đức Chúa Trời (vinh quang của Y-sơ-ra-ên, xem I Sa-mu-ên 15:29) sẽ phán xét và phá hủy các thành phố này. Bản NJB xem các thành phố này chính là “vinh quang của Y-sơ-ra-ên”. Rõ ràng là ý thơ thì mơ hồ, nhưng bối cảnh là một sự phán xét, chứ không phải giải cứu.

1:16 “Người khá làm sói đầu, cạo tóc” Ba động từ đầu tiên đều là dạng MỆNH LỆNH:

1. “làm sói (đầu)” - BDB 901, KB 1140, dạng MỆNH LỆNH Qal
2. “cắt đứt” (cắt) - BDB 159, KB 186, dạng MỆNH LỆNH Qal
3. “mở rộng” - BDB 931, KB 1210, dạng MỆNH LỆNH Hiphil

Đây là những dấu hiệu của sự than khóc (xem Ê-sai 15:2; Giê-rê-mi 16:6, A-mốt 8:10), nhưng chúng thường kết hợp với sự thờ lạy thần tượng (Lê-vi Ký 21:5; Phục truyền Luật lệ Ký 14:1).

▣ **“con cái ưa thích của người”** Điều này có nghĩa (1) sự thờ lạy thần tượng của các người (thờ lạy thần sinh sản của dân Ca-na-an) bị phán xét và những con cái ngoại tình này phải trả giá (2) nên các người than khóc sự mất con của mình. Người A-sy-ri giết những người già và trẻ nhỏ rồi sau đó dẫn phần còn lại đi lưu đày (xem A-mốt 7:17), hoặc (3) chữ “trẻ em” là cách ẩn dụ để chỉ các thành phố nhỏ xung quanh Giê-ru-sa-lem.

▣ **“đại bàng”** Từ này có thể nói đến các con kền kền đầu trắng (griffin), nhìn từ xa giống như hói đầu. Sự có mặt của chúng là dấu hiệu của sự chém giết (chiến tranh, xem Giê-rê-mi 48:40; 49:22, Ô-sê 8:1).

▣ **“vì chúng nó hết thấy đều bị bắt làm phu tù khỏi người”** Mi-chê là vị tiên tri đầu tiên khẳng định hai chi phái miền Nam bị đi đày. Điều này chắc hẳn phải khiến họ thất kinh khiếp đảm bởi vì họ dựa vào lời hứa của Đức Chúa Trời về ngôi vua theo dòng Đa-vít trong II Sa-mu-ên 7. Có người thắc mắc rằng liệu tiên tri Mi-chê có bị mất tín nhiệm không vì điều này đã không xảy ra trong năm 701 trước Chúa.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Trong số ba tiên tri đồng thời với Mi-chê là Ê-sai, Ô-sê, và A-mốt, thì ông giống ai nhất?
2. Tại sao Mi-chê bắt đầu lời tiên tri của mình với Sa-ma-ri?
3. Tại sao câu 9 và 16 lại gây nhiều sững sốt?

MI-CHÊ ĐOẠN 2

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Khốn khổ đến trên những kẻ làm việc ác	Những đe dọa trực tiếp với Sa-ma-ri và Giê-ru-sa-lem	Số phận của những kẻ ức hiếp người nghèo	Chống nghịch những kẻ cướp đất
2:1-2	2:1-5	2:1-2	2:2-4
2:3-4		2:3-4	
2:5		2:5	2:5
Các tiên tri giả			Tiên tri của hoạn nạn
2:6-9	2:6-11	2:6-7 2:8-10	2:6-11
2:10-11			
Y-sơ-ra-ên được phục hồi		2:11	Những lời hứa sự phục hồi
2:12-13	2:12-13	2:12 2:13	2:12-13

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

NHỮNG KIẾN GIẢI SÁU SẮC VỀ BỐI CẢNH

- A. Đoạn 1 và 2 hình thành một đơn vị văn học. Sự phán xét của Đức Chúa Trời trên Sa-ma-ri (thủ đô của Y-sơ-ra-ên) lẽ ra phải là một cảnh cáo cho Giu-đa.
- B. Khi đoạn 1 trong hình thức văn học của một cảnh tòa án, thì đoạn 2 là trong hình thức văn học của một bài ai ca tang lễ.
- C. Đoạn này có nhiều điểm tương đồng với sách A-môt là vị tiên tri cho mười chi phái miền Bắc trong thế kỷ thứ tám đồng thời với Mi-chê.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

BẢN NASB 2:1-5

¹ **Khôn** thay cho những kẻ mưu sự gian ác và toan sự tội lỗi trên giường mình, và làm ra vừa lúc sáng ngày; vì chúng nó có quyền về sự đó ở trong tay! ² Chúng nó tham đất ruộng và cướp đi, tham nhà cửa và lấy đi. Chúng nó ức hiếp người ta và nhà họ, tức là người và sản nghiệp họ nữa. ³ Vậy nên, Đức Giê-hô-va phán như vậy: Này, ta toan tính nghịch cùng họ hàng này một tai vạ mà các ngươi không thể thoát khỏi cổ, và các ngươi sẽ không ngược đầu lên mà đi; vì ấy là kỳ hoạn nạn. ⁴ Trong ngày đó, người ta sẽ lập lại một câu thí dụ về các ngươi; sẽ hát một bài ca thương sầu thảm mà nói rằng: Chúng ta bị hủy diệt cả rồi! Ngài đời sản nghiệp của dân ta, khiến cho lìa khỏi ta, lấy đất ruộng của ta mà chia cho kẻ bạn nghịch. ⁵ Cho nên trong hội của Đức Giê-hô-va, người sẽ không có một người nào dặng bắt thăm giăng dây.

2:1 “Khôn” Tán thán từ này “ah”, “ha”, có nghĩa là “than ôi” (BDB 222, ví dụ như, Ê-sai 1:4,24; 10:5; 17:12; 28:1; 55:1; Giê-rê-mi 22:18; 34:5; A-môt 5:16; 6:1). Từ này làm dấu hiệu đặc trưng cho văn phong của một bài ai ca tang lễ (ví dụ, nhíp 3-2). Như đoạn 1 tràn đầy những lời than thở và kêu khóc (xem các câu 8,10,11,16), do đó đoạn 2 tiếp tục chủ đề này (xem câu 4).

☐ **“những kẻ mưu sự gian ác và toan sự tội lỗi trên giường mình”** Đây là những dòng song đối. **ĐỘNG TỪ** đầu tiên “mưu” (BDB 362, KB 359) và **ĐỘNG TỪ** thứ hai, “toan” (BDB 821, KB 950) cả hai đều là dạng **ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG (PARTICIPLE ACTIVE)** Qal. Điều này phơi bày những mưu toan tội ác đã định trước của người dân Y-sơ-ra-ên (xem Thi thiên 36:1-4; Châm-ngôn 23:7; Ê-sai 32:7). Theo mạch văn này, nó đề cập đến những cách thức để lấy thêm đất từ những người nông dân nghèo.

☐ **“và làm ra vừa lúc sáng ngày”** **ĐỘNG TỪ** trong dòng thứ hai được lặp lại, nhưng ở đây nó là dạng **HOÀN THÀNH** Qal diễn tả một hành động tiếp diễn. Tội lỗi khởi đầu từ trong tư tưởng (xem Ô-sê 7:6). Các tu sĩ Do Thái Giáo cho biết tâm trí của chúng ta giống như một mảnh đất đã cày xới sẵn sàng gieo giống. Những gì mắt chúng ta thấy, tai chúng ta nghe, và suy nghĩ của chúng ta hướng đến thì sẽ biến thành hành động của chúng ta!

☐ **“vì chúng nó có quyền về sự đó ở trong tay”** Cụm từ này trong Cựu Ước có nghĩa tương đương với câu “kẻ mạnh có quyền”. Không phải hề điều nào chúng ta có thể làm cũng là điều chúng ta nên làm. Có một Đức Chúa Trời đạo đức. Ngài đã dựng nên một thế giới đạo đức. Tất cả nhân loại sẽ phải khai trình với Ngài về cách họ sử dụng quà tặng sự sống.

2:2 “Chúng nó tham đất ruộng và cướp đi, tham nhà cửa và lấy đi. Chúng nó ức hiếp người

ta và nhà họ, tức là người và sản nghiệp họ nữa” Đây là bốn dòng song đối (theo cấu trúc chiasitic) với hai ĐỘNG TỪ có hàm ý mạnh mẽ.

1. “thèm muốn” - BDB 326, KB 325, dạng HOÀN THÀNH Qal
2. “cướp” - BDB 159, KB 186, dạng HOÀN THÀNH Qal
3. “lấy đi” - BDB 669, KB 724, dạng HOÀN THÀNH Qal
4. “áp bức” - BDB 798, KB 897, dạng HOÀN THÀNH Qal

Cần phải nhớ rằng vùng đất sản nghiệp trong vùng Đất Hứa đối với người Do Thái rất là quan trọng (xem Lê-vi Ký 25:23; Dân số Ký 33:54; 36:1-12; Giô-suê 12-21). Quà tặng của Đức Chúa Trời dành cho tất cả con cháu của Áp-ra-ham giờ đây ở trong tay của những người giàu có tham lam, bóc lột. Mi-chê lớn lên và sống trong một cộng đồng nông thôn nhỏ nên đã thấy điều này lập đi lập lại.

Từ ngữ “nhà” có thể ám chỉ đến một nơi ở hoặc gia đình của một người (cũng như chữ “vật thừa hưởng”). Những kẻ bóc lột này tham muốn tất cả mọi thứ: đất đai, trẻ nhỏ, người lớn cùng với tất cả tài sản của họ.

2:3 “Vậy nên, Đức Giê-hô-va phán như vậy: Này, ta toan tính” Tán thán từ “xem này” (בֹּהֵן, BDB 243 II) diễn tả một lời tuyên bố đầy bất ngờ về hậu quả sau này. Bộ Helps For Translators của UBS về sách Mi-chê có nói: “Đây là cách thức cho thấy rằng một cái gì đó mới và bất ngờ sắp xảy ra” (trang 82).

Thật là trở trêu, khi con người gian ác lên kế hoạch (cùng ĐỘNG TỪ này đã được sử dụng trong câu 1, “mưu”) thì Đức Chúa Trời cũng lập kế hoạch (“chúng ta gạt những gì chúng ta gieo, như trong Ga-la-ti 6:7).

☐ **“ngịch cùng họ hàng”** Chữ “gia đình, họ hàng” có nghĩa là gia tộc (BDB 1046). Nên lưu ý điều này: những tội ác ngang ngược của một số ít người khiến cho đa số tự mãn, im lặng làm ngo và cả dân tộc bị phán xét (xem A-môt 3:2)

☐

NASB	“tai vạ”
NKJV, TEV, NJB	“thảm họa”
NRSV	“điều dữ”

Chữ Hê-bơ-rơ này (BDB 949) có nghĩa là “điều dữ”, “đau khổ” hay “độc ác.” Cũng như trong Xuất Ê-díp-tô Ký 32:12,14, ở đây nó nói đến sự phán xét của Đức Chúa Trời (xem Phục truyền Luật lệ Ký 29:1-12; A-môt 9:4). Nó được sử dụng hai lần ở câu 3 cũng như trong 3:2,11.

☐ **“các người không thể thoát khỏi cổ”** ĐỘNG TỪ này (BDB 559, KB 561) là dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Hiphil. Thành ngữ này về sự khuất phục (chế ngự được) cũng được sử dụng trong Ca-thương 1:14; 5:5. Nó nói đến cái ách ở trên cổ của một con bò và nhờ nó mới sai khiến con bò làm việc.

☐ **“ngược đầu lên mà đi”** Y-sơ-ra-ên đã trở nên tự cao và ngạo mạn (tham khảo bối cảnh lịch sử của thế kỷ thứ tám). Đức Chúa Trời sẽ thay đổi bước đi và tâm trí của họ về điều này (xem Ê-sai 2:11,12).

2:4 “Trong ngày đó” Điều này đề cập đến thời điểm cho sự phán xét của Đức Chúa Trời, mà đôi khi giống như ở đây chỉ là tạm thời, nhưng vào thời điểm khác thì lại là đời đời (chung kết) (Ngày của Đức Giê-hô-va).

▣ **“ché nhạo”** Chữ này có liên quan đến một bài hát hoặc câu tục ngữ (*mashal*, BDB 605 II), mà những người khác nói để ám chỉ đến tình trạng, hoàn cảnh hiện tại của một người hoặc một nhóm người. Nó trở thành một công cụ dạy dỗ để cảnh cáo những người khác không nên làm điều giống như vậy.

▣ **“bài ca thương”** Chữ này chỉ về một bài ai ca tang lễ (BDB 624, KB 675, dạng HOÀN THÀNH Qal). Lời chế nhạo là từ câu 4c đến 4f (bốn dòng thơ).

Chữ này (BDB 624, KB 675) được lặp đi lặp lại ba lần trong các bản văn Masoretic tiếng Hê-bơ-rơ:

1. ĐỘNG TỪ (dạng HOÀN THÀNH Qal)
2. DANH TỪ (SỐ ÍT GIỐNG ĐỰC)
3. DANH TỪ (SỐ ÍT GIỐNG CÁI)

Sự lặp lại này bày tỏ một sự than khóc đau đớn (than van).

▣ **“Chúng ta bị hủy diệt cả rồi”** Đây là cấu trúc TỪ CÙNG GỐC được sử dụng để nhấn mạnh:

1. BDB 994, KB 1418, dạng NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI Qal
2. BDB 994, KB 1418, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Niphal

2:4 “Ngài đòi sản nghiệp của dân ta” Chữ “đòi (chuyển đổi)” (BDB 558, KB 560, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Hiphil) là một từ ngữ pháp lý chỉ việc chuyển giao quyền sở hữu đất. Câu 4 và 5 là những tiếng than khóc của những người Y-sơ-ra-ên có quyền, có thể lực và giàu có (đã cướp của cải người nghèo) về sự lưu đày sắp đến. Nhưng cần lưu ý, ở đây họ không đau buồn về những hành động (gian ác) của họ, nhưng là đau khổ vì gánh những hậu quả của những việc làm đó. Họ đang gặt những gì họ đã gieo (cùng cách, cùng loại).

▣ **“lấy đất ruộng của ta mà chia cho kẻ bạn nghịch”** Điều này có thể nói đến (1) kẻ bội đạo (người quay lưng lại, BDB 1000, NKJV) hoặc (2) JPSOA dùng chữ “kẻ nổi loạn” từ chữ “kẻ tàn phá, cướp bóc” để ám chỉ những người A-sy-ri xâm lược (có từ gốc tương tự trong tiếng Hê-bơ-rơ, BDB 1000 NRSV, TEV, NJB). Điều khôi hài là những người Do Thái giàu có, quyền thế cướp đoạt đất (của người nghèo) lại gọi những người khác (những kẻ xâm lược) là kẻ cướp đoạt đất đai.

2:5 “ngươi sẽ không có một người nào đặt bắt thăm giăng dây” Bản LXX thay ĐỘNG TỪ “chuyển đổi” trong câu trước thành “đo đạc” để phù hợp với dòng thơ này.

▣ **“...cho các ngươi...trong hội của Đức Giê-hô-va”** Cụm từ này nói về việc phân chia các phần đất thánh trong vùng Đất Hứa (Giô-suê 12-21). Đối với những kẻ có quyền, thế lực, giàu có thì lời tuyên bố này là tương đương với việc rút phép thông công với vùng đất hứa (bị trục xuất) theo nghĩa tạm thời cũng như vĩnh viễn (xem câu 10). Đoạn này ám chỉ sự phán xét của Đức Chúa Trời đối với những kẻ bóc lột này còn nghiêm khắc hơn với sự phán xét trong Xuất Ê-díp-tô Ký 20:5 và Phục truyền Luật lệ Ký 5:9 (“nhân tội tổ phụ phạt đến con cháu”). Sự trục xuất này là lâu dài và trải qua nhiều thế hệ.

▣ **“bắt thăm”** Chữ “bắt thăm” (BDB 174) lúc ban đầu ám chỉ đến Urim và Thummim được thầy tế lễ cả mang trên ngực phía sau mười hai viên đá. Không thể biết rõ cách thức này để tìm biết ý chỉ của Đức Giê-hô-va sẽ tiến hành như thế nào:

1. Những viên đá khác màu

2. Những viên đá có viết những chữ “có” hoặc “không” trên chúng
3. Những viên đá có viết những ký tự trên chúng
4. Những cách thức khác (không biết).

Chữ “tăng lữ” trong Tân Ước ra từ khái niệm của tiếng Hê-bơ-rơ này.

▣ **“hội của Đức Giê-hô-va”** Đây là một cụm từ trong giao ước. Bản Bảy Mươi dịch chữ *qahal* bằng chữ *ecclesia* (có nghĩa là nhóm người tụ họp hoặc hội họp, mà sau này những tín hữu Tân Ước dùng chữ này làm danh hiệu cho chính họ, là Hội thánh).

BẢN NASB 2:6-11

⁶ **Chúng nó nói tiên tri rằng: Các ngươi đừng nói tiên tri. Chúng nó sẽ không nói tiên tri cùng các ngươi này: sự sỉ nhục sẽ chẳng cất khỏi.** ⁷ **Hỡi nhà Gia-cóp! há phải rằng Thần của Đức Giê-hô-va là kém sút sao? Đó há phải là việc Ngài làm sao? Nhưng lời của ta há chẳng có ích cho kẻ bước theo sự ngay thẳng sao?** ⁸ **Song mới đây dân ta dấy lên như kẻ thù. Những kẻ đi qua cách yên ổn, chẳng ưa chiến đấu, thì các ngươi bóc lột áo ngoài của họ, chỉ để lại áo trong.** ⁹ **Các ngươi đuổi những đòn bà của dân ta khỏi nhà vui vẻ chúng nó; và cất sự vinh hiển ta khỏi con trẻ nó đời đời.** ¹⁰ **Các ngươi hãy đứng dậy! Đi đi! Vì đây không phải là nơi an nghỉ của các ngươi, vì cơ sự ô uế làm bại hoại, tức là sự bại hoại nặng lắm.** ¹¹ **Nếu có người theo sự hư không, và nói dối, mà rằng: Ta sẽ nói tiên tri cho ngươi về rượu và rượu mạnh, ấy sẽ là đáng tiên tri của dân này.**

2:6-7 Các câu 6-7 là lời đối thoại. Mi-chê lên tiếng. Thật khó để xác định Mi-chê bắt đầu chỗ nào và kết thúc chỗ nào cũng như chỗ nào thì người giàu lên tiếng (như một nhóm người) khởi đầu và kết thúc.

Leslie Allen trong bộ New International Commentary on the Old Testament, trang 292, có một bản dịch hay cho câu 6 và 7:

“... ngừng sự rao giảng của ngươi, họ nói. Họ nên ngừng rao giảng theo cách này: sự sỉ nhục sẽ không đến với ta: cộng đồng của Gia-cóp là thành viên giao ước. Chúa Giê-hô-va có nổi giận không?. Đây có phải là cách Ngài hành xử? Không phải những lời hứa của Ngài hứa sự thịnh vượng sao? Không phải chúng ta vẫn liên lạc với Đấng giữ lời phán của Ngài hay sao?”.

Trong một mức độ nào đó, câu 6 và 7 dường như để bày tỏ thần học giao ước truyền thống về sự giàu có, nhưng nó thiếu sót trong việc tìm hiểu thấu đáo đòi hỏi của giao ước (xem Phục truyền Luật lệ Ký 27-28).

2:6 “Chúng nó nói rằng: Các ngươi đừng nói” Tại đây có sự ứng đối (ĐỘNG TỪ được lặp lại ba lần) trên chữ “nói ra” hoặc “nói tiên tri” (BDB 642, KB 694, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Hiphil được sử dụng theo ý nghĩa MỆNH LỆNH (JUSSIVE), tức là “gửi một sứ điệp cho một ai đó”, xem câu 6 [3 lần, tất cả đều là dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Hiphil]; câu 11 [hai lần, cũng như trong A-môt 7:16). Chữ “nói ra” có nghĩa đen là “nhổ giọt” (xem Phục truyền Luật lệ Ký 32:2; Ê-xê-chi-ên 20:46; 21:2).

2:7 Câu này có ba câu hỏi (theo bản NASB, NKJV) hoặc bốn câu hỏi (theo bản NRSV, TEV, NJB). Ai nói thì không rõ. Một số bản dịch cho rằng (1) những người giàu bị lên án; (2) các tiên tri giả (NKJV), hoặc (3) chính Đức Giê-hô-va.



NASB “Hỡi nhà Gia-cốp! há phải rằng”

NKJV “Người kẻ được đặt tên là nhà của Gia-cốp”

NRSV “Điều này cần phải nói, hỡi nhà Gia-cốp”

TEV “Người có nghĩ rằng dân Y-sơ-ra-ên đang ở dưới một lời nguyện rửa không”

NJB “Có thể nào nhà Gia-cốp bị nguyện rửa”

Sự khác biệt là bởi vì có một chữ loại *hapox legommenon* (chỉ xuất hiện một lần) có nghĩa “cần phải nói” (BDB 55, KB 65, dạng ĐỘNG TÍNH TỪ THỤ ĐỘNG (PASSIVE PARTICIPLE) Qal). Bản Kinh Thánh NET chỉnh sửa nó thành dạng NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI (INFINITIVE ABSOLUTE) cùng gốc nên dịch là “Không phải đồng đội Gia-cốp nói rằng...?”

Từ “đáng nguyện rửa” (trong bản NJB) hoặc “bị rửa sả” (trong bản TEV) là kết quả của việc chỉnh sửa chữ “nói.”

▣ **“Thần của Đức Giê-hô-va”** Văn mạch này không nói về Đức Thánh Linh, nhưng là thân vị của Đức Giê-hô-va (Thần của Đức Giê-hô-va, xem 3:8). Tại đây ĐỘNG TỪ (BDB 894, KB 1126, dạng HOÀN THÀNH Qal), đề cập đến sự kiên nhẫn của Chúa (tham khảo bản NRSV, TEV, NJB) hoặc không có giận.

2:8 “Song mới đây dân ta dấy lên như kẻ thù” ĐỘNG TỪ (BDB 877, KB 1086) là dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Polel. Dân sự giao ước đã nhiều lần vi phạm những điều ràng buộc theo giao ước Môi-se. Đây lại chính là điều mà những kẻ bóc lột không chịu thừa nhận. Dân sự của Đức Chúa Trời hành động giống như một kẻ thù xâm lược chống lại chính anh chị em cùng trong giao ước của mình.

Khi dịch cụm từ này, có vấn đề nảy sinh: trong bản văn MT dùng cụm từ “dân sự Ta” cho cả những kẻ tấn công và bóc lột, trong khi các dòng sau thì cụm từ đó lại chỉ những người bị bóc lột. Một số bản dịch chỉnh sửa lời của văn bản MT thành “nhưng các người nổi dậy chống nghịch dân Ta như kẻ thù” (xem bản Kinh Thánh NRSV, TEV, NJB, NET).

▣ **“các người bóc lột áo ngoài của họ”** ĐỘNG TỪ (BDB 832, KB 980) là dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Hiphil. Cụm từ này mô tả hành động của những người giàu bóc lột người nghèo. Đoạn này nói lên sự nhẫn tâm và tham lam của những người Y-sơ-ra-ên có thể lực, giàu có đã cướp đất bằng cách trục xuất người nghèo ra khỏi nhà của họ và lấy quần áo của họ (thậm chí cả con cái họ), là của thế thân cho món tiền họ cho vay (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 22:26,27).

Nên lưu ý những nhóm người bị ảnh hưởng bởi sự bóc lột này:

1. Các anh em trong giao ước, v. 8b-c
2. Cựu chiến binh, v. 8d
3. Phụ nữ trong giao ước, v. 9a-b
4. Trẻ em trong giao ước, v. 9c



NASB “Những kẻ đi qua cách yên ổn”

NKJV “Từ những người trở về từ chiến trận”

NRSV “Từ những người tin tưởng người, khi họ đi qua”

TEV “Đàn ông trở về từ trận chiến, nghĩ rằng họ được an toàn ở nhà, nhưng các người ở đó đang chờ đợi để cướp bóc”

NJB “trên những người cảm thấy an toàn, các người gây tổn hại”

Có những bản dịch khác nhau như vậy rõ ràng là do nguyên tác trong tiếng Hê-bơ-ơ tới nghĩa hoặc thiếu sót. Từ trong văn mạch có chữ chiếc áo choàng khiến phải có ý nói đến những người lạ không nghi ngờ. Cụm từ “trở về từ chiến tranh” chính là điều gây ra khó khăn.

Cách giải nghĩa tốt nhất của cụm từ tối nghĩa này là khi các binh sĩ Do Thái trở từ chiến cuộc chống kẻ thù nước ngoài (có thể là những kẻ xâm lược và xâm chiếm đất đai) trở về, họ nghĩ rằng họ được an toàn, nhưng không phải như vậy. Chính những anh em cùng trong giao ước của họ tấn công họ cách bất ngờ và chiếm đoạt đất và tài sản của họ.

2:9 “Các người đuổi những đàn bà của dân ta” ĐỘNG TỪ (BDB 176, KB 204, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Piel) có nghĩa là “đẩy ra, đuổi đi” (xem Ô-sê 9:15). Điều này ám chỉ người chồng đã bị bán làm nô dịch theo giao kèo.

▣ **“cất sự vinh hiển ta khỏi con trẻ nó đòi đòi”** Những đứa trẻ này trở thành nô lệ và tội tệ hơn (cha của chúng). Họ bị mất quyền thừa kế hợp pháp là dân giao ước của Đức Chúa Trời trong vùng Đất Hứa bởi sự tham lam và bóc lột. Họ cũng sẽ bị ảnh hưởng (theo phương diện tập thể) bởi sự phán xét của Đức Chúa Trời (bị lưu đày) sẽ đến trên Giu-đa, giống như Y-sơ-ra-ên. Nhưng trong tương lai, họ sẽ nhận lại sản nghiệp thừa kế (xem câu 5). Vì vậy chữ “mãi mãi” tại đây là cho nghĩa mạnh thêm, chứ không phải theo thời gian.

Điều này có thể diễn tả theo cách ẩn dụ chính sách của quân đội A-sy-ri giết chết các trẻ nhỏ (và người già yếu) trước khi đày các bậc cha mẹ.

2:10 “Các người hãy đứng dậy! Đi đi!” Hai ĐỘNG TỪ (BDB 877, KB 1086, “đứng dậy”; và BDB 229, KB 246, “đi”) đều là MỆNH LỆNH Qal. Câu này có thể ám chỉ (1) sự cảnh báo cho một số ít người tin kính (thành phần còn sót lại) hoặc (2) có thể là sự phán xét của Đức Chúa Trời trên cả quốc gia (bị lưu đày).

▣ **“Vì đây không phải là nơi an nghỉ của các người”** Thuật ngữ này được sử dụng cho vùng Đất Hứa trong Phục truyền Luật lệ Ký 12:9; Thi thiên 95:11. Đây là một thành ngữ chỉ sự xâm lăng và bị lưu đày.

▣ **“vì có sự ô uế làm bại hoại”** Chữ này (BDB 380) được sử dụng trong Cựu Ước để mô tả những sự gớm ghiếc của dân Ca-na-an. Mi-chê sử dụng chữ này để tố cáo dân sự của Đức Chúa Trời đã làm những việc tương tự như dân Ca-na-an (xem Lê-vi Ký 18:24ff) đã khiến Đức Chúa Trời xô đuổi họ (xem Sáng thế Ký 15:6). Bây giờ Ngài cũng đuổi dân Y-sơ-ra-ên.

Tại đây có một cấu trúc TỪ CÙNG GỐC:

1. ĐỘNG TỪ, BDB 287 II, KB 285, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Piel (“đem đến sự hủy diệt”)
2. DANH TỪ, BDB 287, KB 285 (“sự hủy diệt rất đau khổ”)

▣

NASB “sự hủy diệt rất đau khổ”

NKJV “phá hủy hoàn toàn”

NRSV “tàn phá đau đớn”

TEV “nơi này bất hạnh đến mức bị hủy diệt”

NJB “giao kèo khắc nghiệt”

ĐỘNG TÍNH TỪ Niphal (BDB 599, KB 637) có nghĩa đen là “khiến ngã bệnh” (ví dụ,

Giê-rê-mi 14:17). Bệnh tật thể xác được dùng làm hình ảnh ẩn dụ cho tội lỗi và sự nổi loạn (ví dụ, Ê-sai 1:5-6).

2:11 “Nếu có người theo sự hư không, và nói dối” Chỗ này dường như nói đến thông điệp của các tiên tri giả có thể dễ dàng chấp nhận, trong khi các tiên tri thật thì bị từ chối (xem câu 6). Những giáo sư giả luôn rao giảng về sức khỏe, sự giàu có, thịnh vượng theo giao ước (xem 3:5; dựa trên bản văn để làm bằng chứng trong Phục truyền Luật lệ Ký 27-29). Họ luôn luôn phớt lờ các trách nhiệm giao ước (xem quyển *The Disease of the Health, Wealth Gospels* của Gordon Fee). Hầu hết các giao ước Cựu Ước đều có điều kiện. Cụm từ này dùng cách ứng đối giữa chữ “linh” và “gió” (BDB 924, xem Ô-sê 8: 12:1).

☐ **“Ta sẽ nói tiên tri cho người về rượu và rượu mạnh”** Câu này có ý nói sự dư dật nông sản mà Đức Chúa Trời hứa trong Phục truyền Luật lệ Ký 28. Ở đây nó có thể ám chỉ đến những hậu quả tâm linh của sự thịnh vượng (xem Ê-sai 5:11,12,22; 28:7). Say rượu thường được dùng làm ẩn dụ về sự phán xét trong Cựu Ước.

Xem Chủ đề Đặc Biệt: Quan điểm của Kinh Thánh đối với rượu (các chất có men) và tệ nghiện rượu trong A-môt 6:6.

☐ **“sẽ là đáng tiên tri của dân này”** Thông điệp về sự thịnh vượng được hứa với dân tộc có giao ước (Phục truyền Luật lệ Ký 28) mà tách rời khỏi những trách nhiệm theo giao ước (Phục truyền Luật lệ Ký 27,29) là một đề tài được ưa chuộng từ thời xưa (cũng như thời nay). Những giáo sư giả này hứa hòa bình (xem 3:5) và sự thịnh vượng, nhưng trong thực tế thì không phải phước lành, nhưng sự phán xét của Đức Chúa Trời đang đến nhanh chóng.

BẢN NASB 2:12-13

¹² Hỡi Gia-cốp! ta chắc sẽ nhóm cả ngươi lại, Ta chắc sẽ thu góp phần còn lại của Y-sơ-ra-ên, và đặt nó chung cả như những con chiên của Bốt-ra, như một bầy ở giữa đồng cỏ chúng nó; đó sẽ có tiếng ồn lớn vì đám đông người. ¹³ Kẻ mở đường lên trước chúng nó. Chúng nó xông đến cửa thành mà ra; vua chúng nó đi qua trước mặt chúng nó, và Đức Giê-hô-va đi đầu chúng nó.

2:12-13 Những câu này là một thay đổi hoàn toàn từ sự phán xét chuyển sang hy vọng, đó chính là đặc điểm cuốn sách này. Đã có một số giả thuyết liên quan đến sự thay đổi triệt để này: (1) John Calvin và Kimchi xem các câu 12 và 13 như đề cập đến việc bị trục xuất để đi đày; (2) Có thể nó là một trích dẫn từ các giáo sư giả (phản hồi lại với câu 10); (3) Đây có thể là niềm hy vọng của cá nhân Mi-chê vào sự bảo vệ của Đức Giê-hô-va; hoặc là (4) Chi tiết bổ sung của những người biên tập về sau. Tôi xem sự thay đổi đột ngột là hình thức song đối thơ ca được gọi là song đối phản đề (tương phản, đối chọi), rất phổ biến trong thể loại văn chương khôn ngoan Hê-bơ-rơ và thơ ca tiên tri.

2:12 “Hỡi Gia-cốp! ta chắc sẽ nhóm cả ngươi lại” Đây là lời hứa phục hồi trong tương lai của chính Đức Giê-hô-va cho vùng Đất Hứa bởi quyền năng của Ngài (xem Phục truyền Luật lệ Ký 30:4; Giê-rê-mi 23:3, 31:8). Mặc dù Y-sơ-ra-ên đã bị phán xét vì có những kẻ gian ác và tất cả dân chúng đã phải trả giá bởi cuộc xâm lược và bị lưu đày. Đức Chúa Trời sẽ xét lẽ phải cho những người (và con cháu của họ) thực sự tin cậy và vâng lời Ngài.

Câu 12 là ở ngôi thứ nhất (“Ta”), nhưng câu 13 là ở ngôi thứ ba. Điều này là thông

thường trong tiếng Hê-bơ-rơ, nhưng ở đây có thể câu 12 là Đức Giê-hô-va nói và câu 13 là nhận định và được mở rộng thêm của Mi-chê.

▣ **“phần còn lại của Y-sơ-ra-ên”** Khái niệm thần học này trở thành niềm hy vọng được lập đi lập lại trong các sách Tiên tri. Nó nói đến một nhóm nhỏ người Y-sơ-ra-ên trong giao ước, họ tin kính, trung thành, vâng phục và từ những người đó Đức Giê-hô-va sẽ xây dựng vương quốc của Ngài (xem 4:6-7). Phần lớn dân sự giao ước (tức là con cháu của Áp-ra-ham) không phải là những người tin cậy, không vâng lời và không xứng đáng với Đức Chúa Trời. Họ đáng để bị phán xét tạm thời và đời đời.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: BA Ý NGHĨA CỦA “DÂN CÒN SÓT LẠI”

Khái niệm Cựu Ước “dân trung tín còn sót lại” là một chủ đề lập đi lập lại trong các sách Tiên tri (chủ yếu là trong các tiên tri thế kỷ thứ tám và Giê-rê-mi). Nó được dùng theo ba ý nghĩa:

1. Những người sống sót sau sự lưu đày (ví dụ, Ê-sai 10:20-23, 17:4-6; 37:31-32; Giê-rê-mi 42:15,19; 44:12,14,28, A-mốt 1:8)
2. Những người vẫn còn trung thành với Đức Giê-hô-va (ví dụ, Ê-sai 4:1-5; 11:11,16; 28:5, Giô-ên 2:32, A-mốt 5:14-15, Mi-chê 2:12-13; 4:6 -7; 5:7-9; 7:18-20)
3. Những người dự phần trong sự tái tạo và làm mới đời đời (ví dụ, A-mốt 9:11-15)

Theo bối cảnh này, Đức Chúa Trời chỉ chọn một số người (người hết lòng trung tín) trong số dân còn sót lại (những người sống sót sau sự lưu đày) để được trở về xứ Giu-đa. Như chúng ta đã thấy trước đây trong đoạn này, những chủ đề xuất phát từ việc tái lập lại quá khứ của Y-sơ-ra-ên (câu 6). Đức Chúa Trời giảm bớt số (người) để qua đó Ngài bày tỏ quyền năng, sự chu cấp, và chăm sóc của Ngài (ví dụ như Ghê-đê-ôn, Các Quan Xét 6-7).

▣ **“như những con chiên (của Bôt-ra), như một bầy ở giữa đồng cỏ”** Có thể đây là cách ứng đối (1) một địa danh là Bôt-ra (MT, JPSOA) được biết đến do nó có chiên mập mạnh hoặc (2) tương đương với đồng cỏ, là mảnh đất có hàng rào bảo vệ (chữ “chuồng chiên” cần phải có chỉnh sửa với bản văn MT).

Những ám chỉ đến chiên và chăn chiên là hình ảnh ẩn dụ giao ước về sự chăm sóc và quan phòng của Đức Giê-hô-va (xem Thi thiên 23). Chiên được bảo vệ và chăm sóc. Dòng cuối cùng của câu 12 dường như ngụ ý (1) một nhóm vui vẻ hoặc (2) theo NKJV và NIV, số lượng lớn về người (nhiều người).

2:13 Mi-chê dường như nói một lần nữa (vì ngôi thứ ba liên quan với Đức Giê-hô-va). Câu này là ngữ cảnh về Đấng Mết-si-a. Vương quyền của dòng dõi Đa-vít sẽ được khôi phục (xem II Sa-mu-ên 7).

Có một sự ứng đối giữa chữ “kẻ mở đường” (câu 13a, BDB 829, KB 971, dạng ĐỘNG TÍNH TỪ Qal) và “xông ra” (câu 13b, BDB 829, KB 971, dạng HOÀN THÀNH Qal). Vị vua sẽ dẫn dắt dân của mình ra khỏi chỗ giam nhốt khi bị lưu đày để vào một đồng cỏ lớn, nơi đó họ vui mừng chạy và nhảy. Chú ý khái niệm của mảnh đất có rào để giữ súc vật được dùng theo hai nghĩa: trong câu 12 là một nơi bảo vệ, nhưng ở câu 13 là một chỗ giam cầm.

Nên lưu ý là vua thuộc dòng Đa-vít (xem câu 13c) được đặt song song với Đức Giê-hô-va (xem câu 13d). Điều này ám chỉ một vị vua Trời (xem 5:2-4). Tuy nhiên, trong văn mạch này có thể thấy Đức Giê-hô-va khiến có việc đi lưu đày thì cũng chính Ngài đem dân sự trở về (đạo

ngược lại). Có thể “vua” ở đây là một cách nói về Đức Chúa Trời (xem 4:7; I Sa-mu-ên 8:7).

▣ **“cửa”** Đây là hình ảnh ẩn dụ Cựu Ước để chỉ sức mạnh của một thành phố, hay một thành-bang. Ở đây dùng cách chơi chữ giữa “cửa chuồng chiên và sức mạnh quốc gia” (tức là nói đến A-sy-ri) đã lưu đầy mười chi phái phía Bắc (vào năm 722 trước Chúa).

MI-CHÊ ĐOẠN 3

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Các tiên tri và những người cai trị độc ác	Những đe dọa trực tiếp với Sa-ma-ri và Giê-ru-sa-lem (1:2-3:12)	Mi-chê tố cáo những người lãnh đạo Y-sơ-ra-ên	Chống nghịch lại những người cai trị đàn áp dân chúng
3:1-3	3:1-3	3:1-4	3:1-4
3:4	3:4		
3:5-7	3:5-8	3:5-7	3:5-8
3:8-12		3:8-11	Gợi tới những nhà lãnh đạo: Lời tiên tri về sự hủy phá Si-ôn
	3:9-12		3:9-12
		3:12	

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phần đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

DÀN Ý TÓM TẮT CỦA ĐOẠN

Đức Chúa Trời gọi những lãnh đạo của Giu-đa đến khai trình.

- A. Những nhà cầm quyền chính trị, 3:1-4
- B. Các tiên tri, 3:5-8
 1. Tiên tri giả, các câu 5-7

- 2. Tiên tri thật, câu 8
- C. Những người cai trị, các thầy tế lễ, và các tiên tri, 3:9-12
- D. Có sự tương tự rõ ràng giữa A. và C. (ví dụ, “nghe,” *shema*, dạng MỆNH LỆNH Qal)

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

BẢN NASB 3:1-4

¹ **Vậy nên ta nói rằng: Các trưởng của Gia-cốp và các người là kẻ cai trị nhà Y-sơ-ra-ên, hãy nghe! Há chẳng phải các người nên biết sự công nghĩa sao?** ² **Vả, các người ghét điều lành, ưa điều dữ; lột da của những kẻ này và róc thịt trên xương chúng nó.** ³ **Các người ăn thịt của dân ta, lột lấy da và bẻ lấy xương, xé ra từng mảnh như sấm cho nòi, như là thịt ở trong chảo.** ⁴ **Bấy giờ chúng nó sẽ kêu cùng Đức Giê-hô-va, nhưng Ngài không trả lời. Phải, Ngài sẽ giấu mặt khỏi chúng nó trong lúc ấy theo như những việc dữ chúng ta làm.**

3:1 Đây là sự tương phản mạnh mẽ với 2:12-13. Việc chuyển đổi đột ngột từ sự phán xét sang sự phục hồi là đặc điểm của cuốn sách này. Thủ thuật văn chương này có thể mặc nhiên liên hệ đến cách thức song đối phản đề của thơ ca tiếng Hê-bơ-rơ. Đoạn 3 một lần nữa tiếp tục với chủ đề về sự phán xét của Đức Chúa Trời.

▣ **“Hãy nghe”** Đây là chữ Hê-bơ-rơ *shema* (BDB 1033, KB 1570, dạng MỆNH LỆNH Qal) có nghĩa lắng nghe để thi hành (xem 1:2; 3:1; 6:1). Từ này dường như tóm lược cả cuốn sách. Xem chú thích trong 1:2.

▣ **“Các trưởng của Gia-cốp và các người là kẻ cai trị nhà Y-sơ-ra-ên, hãy nghe! Há chẳng phải các người nên biết sự công nghĩa sao?”** Tất cả ba dòng thơ đề cập đến các nhà lãnh đạo chính trị của Giu-đa (xem các câu 9-10) là những người đã được dạy dỗ trong luật pháp Môi-se (xem Phục truyền Luật lệ Ký 12:17), nhưng lại theo đuổi một chính sách tham lam và lợi ích cho chính mình (xem A-mốt 5:15; Ê-sai 1:16,17). Sự kêu gọi Giu-đa, Y-sơ-ra-ên có thể cho thấy (1) điều này được nói sau sự sụp đổ của mười chi phái phía Bắc do A-si-ri vào năm 722 trước Chúa hoặc (2) nó là cách bày tỏ sự kết án (ví dụ, Ê-xê-chi-ên 23).

▣ **“sự công nghĩa”** Chữ Hê-bơ-rơ này (BDB 1048) có phạm vi rộng dành cho nghĩa của nó:

1. Hành động phán xét (ví dụ, Ê-sai 41:1, 59:11, Ô-sê 5:1,11; 10:4, Mi-chê 7:9)
2. Sự công chính
 - a. Một đức tính của Đức Chúa Trời (ví dụ, Ô-sê 2:19)
 - b. Một đặc tính của con người (xem trong Mi-chê 3:1, 6:8, Ê-sai 1:17)
3. Pháp lệnh
 - a. Của Đức Chúa Trời (ví dụ, Giê-rê-mi 8:7)
 - b. Của vua (ví dụ, I Sa-mu-ên 8:9,11)
4. Quyết định của thẩm phán (ví dụ, Xuất Ê-díp-tô Ký 21:1,31, 24:3)
5. Quyền pháp lý của một người (ví dụ, Ê-sai 10:2, 49:4; Giê-rê-mi 5:8)
6. Tục lệ (ví dụ, I Các vua 18:28; II Các vua 11:14, 17:34)

Thuật ngữ này được tìm thấy nhiều lần trong Mi-chê (xem 3:1,8,9; 6:8; 7:9) cũng như các tiên tri thể kỷ thứ tám khác.

1. Ê-sai, 41 lần

2. A-môt, 4 lần
3. Ô-sê, 6 lần

3:2-3 Thay vì hành xử như những người chần chừ thì các nhà lãnh đạo chính trị này (xem Ê-xê-chi-ên 34) đã cư xử như người hàng thịt (nghĩa là, “xé”, “lột”, “bẻ gãy”, “cắt nhỏ”). Cụm từ “ăn thịt dân Ta” được sử dụng theo nghĩa ẩn dụ giống như vậy ở trong Thi thiên 14:4, 27:2 và Châm-ngôn 30:14.

3:2 “các người ghét điều lành, ưa điều dữ” Cả hai ĐỘNG TỪ (BDB 12, KB 17) đều là dạng ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG (ACTIVE PARTICIPLE) Qal. Phản ứng của những nhà lãnh đạo này hoàn toàn ngược lại ý chỉ của Đức Chúa Trời (xem Ê-sai 1:16-17,21-23,26; 5:7,8,20, A-môt 5:15).

3:4 “Bấy giờ chúng nó sẽ kêu cùng Đức Giê-hô-va, nhưng Ngài không trả lời” ĐỘNG TỪ “kêu la” (BDB 227, KB 277, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal) là từ ngữ pháp lý về việc kêu nài với tòa án để được giúp đỡ. Vì các thẩm phán độc ác đã không chịu nghe tiếng kêu la của người khách lạ, trẻ mồ côi và góa phụ nghèo khổ, nên Đức Chúa Trời cũng sẽ không nghe tiếng kêu cứu của họ (xem Phục truyền Luật lệ Ký 31:17,18; 32:20; Châm-ngôn 21:13; Ê-sai 1:15; 59:2; 64:7, Giê-rê-mi 33:5, Gia-cơ 2:13).

☐ **“Ngài sẽ giấu mặt khỏi chúng nó trong lúc ấy”** ĐỘNG TỪ (BDB 711, KB 771) chỉ có dạng MỆNH LỆNH (JUSSIVE) về hình thức, chứ không phải trong ý nghĩa. Chữ “họ” dùng để chỉ các nhà lãnh đạo vô tín. Đây là sự khước từ hoàn toàn và tương tự với “Ngài sẽ không trả lời họ” cũng như “Ngài sẽ giấu mặt của Ngài khỏi họ.”

☐ **“theo như những việc dữ chúng đã làm”** Vấn đề ở chỗ này: Dân sự của Đức Chúa Trời đã nhiều lần nổi loạn và từ bỏ các bổn phận trong giao ước của họ. Giờ đây họ đang gặt những gì họ đã gieo (xem 7:13; Ê-sai 3:10,11; Ga-la-ti 6:7).

BẢN NASB 3:5-12

⁵ Đây là lời Đức Giê-hô-va phán ra về các kẻ tiên tri làm lầm lạc dân ta, là kẻ cần bằng răng mình, và rao rằng: Bình an! và nếu ai không cho vật gì vào miệng chúng nó thì sửa soạn sự chiến tranh nghịch cùng nó. ⁶ Vì có đó, ban đêm sẽ ở trên các người mà không có sự hiện thấy; các người sẽ ở trong tối tăm mà không nói tiên tri; mặt trời sẽ lặn trên các tiên tri đó, và ban ngày sẽ tối đi chung quanh họ. ⁷ Những kẻ tiên kiến sẽ phải xấu hổ, và những kẻ tiên tri sẽ bị nhục nhã. Hết thấy điều che môi lại, vì chẳng được lời đáp nào của Đức Chúa Trời. ⁸ Nhưng ta, ta được đầy dẫy sức mạnh, sự xét đoán, và lòng bạo dạn, bởi Thần của Đức Giê-hô-va, để rao ra cho Gia-cốp về sự phạm pháp nó, cho Y-sơ-ra-ên về tội lỗi nó. ⁹ Hỡi các trưởng của nhà Gia-cốp, và các người là kẻ cai trị nhà Y-sơ-ra-ên, hãy nghe điều này, các người gồm sự chánh trực, và làm bại hoại sự bằng phẳng. ¹⁰ Các người lấy huyết xây thành Si-ôn, và lấy sự gian ác xây thành Giê-ru-sa-lem. ¹¹ Các quan trưởng xét đoán vì của hối lộ, các thầy tế lễ dạy dỗ vì tiền công, còn các kẻ tiên tri nói tiên tri vì bạc; rồi chúng nó nương cậy Đức Giê-hô-va mà rằng: Đức Giê-hô-va há chẳng ở giữa chúng ta sao? Tại vậy sẽ chẳng đến trên chúng ta! ¹² Vậy nên, vì có các người, Si-ôn sẽ bị cày như ruộng; Giê-ru-sa-lem sẽ trở nên đồng cỏ nát, và núi của nhà sẽ trở nên như nơi cao trong rừng!

3:5 “Này là lời Đức Giê-hô-va phán ra về các kẻ tiên tri làm lầm lạc dân ta” Các tiên tri là một trong vài phương cách để tìm biết ý muốn của Đức Giê-hô-va. Chính những người này lẽ ra phải bày tỏ Đức Chúa Trời thì lại không biết về Ngài (xem Ô-sê 4:1). I Sa-mu-ên 28:6 đề cập đến ba cách Sau-lơ cầu hỏi Đức Giê-hô-va:

1. Những giấc mơ
2. Urim và Thummim (tức là nhờ thầy tế lễ cả)
3. Tiên tri (tức là, Sa-mu-ên)

▣ **“kẻ tiên tri làm lầm lạc dân ta”** ĐỘNG TỪ này (BDB 1073, KB 1766, ĐỘNG TÍNH TỪ Hiphil) có nghĩa là “khiến cho sai lầm” (xem A-môt 2:4, Ô-sê 4:12; II Các vua 21:9; Ê-sai 3:12; 9:16; Giê-rê-mi 50:6). Chỗ này đề cập đến các tiên tri giả đã được nói đến ở 2:6-7; 3:10-11.

▣ **“là kẻ cần bằng răng mình”** Cụm từ này ám chỉ việc ăn thực phẩm (quà tặng từ những người mà họ nói tiên tri cho, xem 3:5, dòng 4 và 5). Họ nói tiên tri do được thuê mướn, chứ không phải do Đức Chúa Trời (xem Ê-sai 59:9-11). Họ nói với các khách hàng dư tiền bạc những gì mà những người này muốn nghe (ví dụ, hòa bình và thịnh vượng), họ nói những nan đề khó khăn và sự thiếu thốn cho người nghèo.

Chữ “cần” (BDB 675, KB 729, dạng ĐỘNG TÍNH TỪ Qal) thường dùng để chỉ rắn cắn.

▣ **“rao rằng: Bình an!”** Nghĩa đen chữ Hê-bơ-rơ *shalom* (BDB 1022) là “sự trọn vẹn”. Rõ ràng là nếu các tiên tri đã được nuôi ăn đầy đủ (được trả công bằng thực phẩm, xem I Sa-mu-ên 9:7-8) thì họ sẽ rao báo tin tốt lành (ví dụ, Giê-rê-mi 5:12; 6:13-14; 8:10-11; 13:14; 23:17; Ê-xê-chi-ên 13:10); nếu họ không được nuôi ăn đầy đủ họ sẽ rao báo “thánh chiến” (BDB 536). Sự điệp của họ đi theo ích kỷ riêng chứ không phải là ý chỉ của Đức Giê-hô-va. Các tiên tri này sẵn sàng làm tư vấn cho cá nhân cũng như cho hoàng gia.

Tuy nhiên, hiến một tặng phẩm cho vị tiên tri là cách thức thông thường (ví dụ, I Các vua 14:3; II Các vua 4:42, 8:8-9). Dùng sự điệp như thủ đoạn mới là vấn đề.

▣ **“Họ tuyên bố thánh chiến”** Chữ “thánh” ở đây không có trong bản văn MT, nhưng xuất phát từ ĐỘNG TỪ (BDB 872, KB 1073, dạng HOÀN THÀNH Piel), nó có từ gốc trong tiếng Hê-bơ-rơ là “thánh khiết.” Nó được sử dụng để mô tả việc để riêng ra một số người cho chiến tranh như trong Giê-rê-mi 51:27; Giô-ên 3:9 và ở đây (xem quyển Synonyms of the Old Testament, của Robert Girdlestone, trang 177). Điều này có nghĩa Đức Chúa Trời sẽ đem đến những điều tội tệ, khó khăn, các xung đột chống nghịch với những người không rời rộng với các tiên tri (là phát ngôn viên của Đức Chúa Trời). Tôi nhận thấy hiện nay ở nước Mỹ cũng có cách thức như vậy trong những bài giảng về phần mười nhằm công bố thảm họa nếu không dâng theo một tỷ lệ tương xứng cho hội thánh (khi không nộp phần mười vào kho)

3:6 “ban đêm...tối tăm...mặt trời sẽ lặn...ban ngày sẽ tối” Đây là bốn hình ảnh ẩn dụ khủng khiếp (không có ánh sáng mặt trời được sử dụng bởi Ê-sai) để chỉ Thần của Đức Chúa Trời và sự khôn sáng đi ra khỏi những nhà cai trị và các tiên tri. Bóng tối được dùng làm hình ảnh ẩn dụ cho việc không có mặc khải (là ánh sáng, ví dụ như Thi thiên 82:5; Châm-ngôn 2:13; 4:19, Ê-sai 59:9; II Phi-e-rơ 1:19; I Giăng 1:6; 2:11). Tối tăm sẽ dẫn đến sự phán xét (xem A-môt 5:18-20). Một ẩn dụ khác trong A-môt 8:11-12 là sự đói khát lời Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời sẽ không đáp lại lời cầu nguyện của họ hay của các tiên tri.

▣ **“sự hiện thấy”** Sự hiện thấy (BDB 302) và những giấc mơ (BDB 321) thường đi chung với nhau (xem Gióp 33:15; Ê-sai 29:7; Đa-ni-ên 7:1) là cách thức nhận lãnh sứ điệp của Đức Chúa Trời. Thông thường (nhưng không phải hoàn toàn) sự hiện thấy xảy ra trong ban ngày và giấc mơ trong ban đêm.

▣ **“tiên đoán”** Chữ này (BDB 890; KB 1115) chỉ một phương cách thời cổ xưa dùng để tìm biết ý chỉ của Chúa qua một số phương tiện vật chất và “máy móc” (theo ý tiêu cực, Phục truyền Luật lệ Ký 18:9-22; theo ý tích cực, I Sa-mu-ên 28:6 và Sáng thế Ký 44:5,15).

3:7 “kẻ tiên kiến” Đây là danh xưng sớm nhất của các tiên tri (BDB 302, ví dụ, I Sa-mu-ên 9:9; II Sa-mu-ên 24:11, I Sứ ký 9:22, 25:5; Ê-sai 30:1, A-mốt 7:12).

▣
NASB, NKJV “xấu hổ”
NRSV, TEV “hỗ thẹn”
NJB “đầy xấu hổ”

ĐỘNG TỪ (BDB 101, KB 116, dạng HOÀN THÀNH Qal) có nghĩa là bị xấu hổ (ví dụ như, 7:16, Ô-sê 4:19; 10:6; 13:15 và nhiều lần trong Ê-sai).

▣
NASB “xấu hổ”
NKJV “nhục nhã”
NRSV “hỗ thẹn”
TEV “sỉ nhục”
NJB “đầy bối rối”

ĐỘNG TỪ này (BDB 344, KB 340, dạng HOÀN THÀNH Qal) là tương đương với chữ “xấu hổ” và cũng có nghĩa là xấu hổ. Cả hai chữ này được sử dụng chung với nhau trong Ê-sai 24:23 và được dùng để chỉ:

1. Những kẻ thờ hình tượng trong Ê-sai 1:29
2. Ở đây chỉ những kẻ tiên đoán (bói)
3. Ba-by-lôn trong Giê-rê-mi 50:12

▣ **“miệng”** Nghĩa đen chữ này là “ria mép” (BDB 974). Biểu tượng của việc che ria mép lại có nghĩa là (1) đau buồn (xem Ê-xê-chi-ên 24:17,22) hoặc (2) xấu hổ (như những người phung cùi trong Lê-vi Ký 13:45).

▣ **“vì chẳng được lời đáp nào của Đức Chúa Trời”** Những nhà lãnh đạo này thiếu mất sự tương giao với Đức Chúa Trời giống như các nhà lãnh đạo được mô tả trong câu 4 (xem I Sa-mu-ên 28:6). Trên trời vẫn im lặng.

3:8 Câu 5-7 là những nhận xét về các tiên tri giả còn câu 8 là mô tả về vị tiên tri thật ở trong mối tương giao đầy trọn với Đức Chúa Trời (xem Thi thiên 89:13-14, tiên tri bày tỏ hoặc phản ảnh đức tính của Đức Chúa Trời). Chú ý vị tiên tri thật được đầy dẫy (BDB 569, KB 583, dạng HOÀN THÀNH Qal) (1) quyền năng (BDB 470); (2) Thần của Đức Giê-hô-va (xem Ê-sai 11:2; Ê-xê-chi-ên 2:2); (3) công bình (BDB 1048 “phán xét”) và (4) can đảm (BDB 150 “mạnh mẽ”) để chỉ ra tội lỗi (xem Ê-sai 58:1). Thật là một sự tương phản với sự xấu hổ, đau buồn và bất năng của các nhà lãnh đạo này. Mặc dù tín lý đầy đủ về việc ngự vào (ở trong con người) của ngôi thứ

ba của Ba Ngôi Đức Chúa Trời là Đức Thánh Linh vẫn chưa được rõ ràng trong Cựu Ước, nhưng sự hiện diện cá nhân của Đức Chúa Trời ở với và ở trong con người được bày tỏ qua:

1. Bết-sa-lê-ên, Xuất Ê-díp-tô Ký 31:3; 35:31
2. Giô-suê, Phục truyền Luật lệ Ký 34:9
3. Sau-lơ, I Sa-mu-ên 19:23-24
4. Ê-li, I Các vua 18:46
5. Ê-xê-chi-ên, Ê-xê-chi-ên 1:3; 37:1; 40:1
6. Mi-chê, Mi-chê 3:8
7. Đấng Mết-si-a, Ê-sai 11:2; 48:16; 61:1 (Lu-ca 4:18-19)

Vậy cũng nên lưu ý đến sự gắn bó giữa các tiên tri và Đức Thánh Linh trong Ô-sê 9:7.



NASB “mặt khác”
NKJV “nhưng thực sự”
NRSV, TEV “nhưng đối với Ta”
NJB “đối với Ta không phải như vậy”

Theo nghĩa đen bản văn MT dùng cụm từ “nhưng thực sự là Ta”. PHÓ TỪ tiếng Hê-bơ-rơ (BDB 19) là một PHẦN ĐỀ mạnh (được sử dụng thường xuyên trong sách Gióp, xem 1:11; 11:5; 12:7, 13:4, 14:18, 17:10, 33:1).

▣ “**Gia-cốp...Y-sơ-ra-ên**” Hai dòng cuối cùng của câu 8 cho thấy Mi-chê nói ra cả tội lỗi của Giu-đa và Y-sơ-ra-ên cũng giống như dòng 1 và 2 của câu 9.

3:9

NASB, NKJV “Bây giờ nghe điều này”
NRSV “nghe”
TEV “lắng nghe ta”
NJB “lắng nghe điều này”

Cụm từ này có nghĩa đen là “nghe ta cầu nguyện điều này.” ĐỘNG TỪ (BDB 1033, KB 1570) là một MỆNH LỆNH Qal, theo sau bởi một ĐỘNG TÍNH TỪ (קט) được dùng cho sự khẩn cầu rồi sau đó TÍNH TỪ giải bày “này.”

▣ “**các người góm sự chánh trực**” ĐỘNG TỪ này (BDB 1073, KB 1765, dạng ĐỘNG TÍNH TỪ Piel) có nghĩa là xem như việc ghé tởm (ví dụ, A-mốt 5:10; 6:8; Ê-sai 14:19, 49:7). Những nhà lãnh đạo không hoàn toàn sai, nhưng ghét sự chính trực, sự tốt lành và sự tin kính mới sai (xem Ê-sai 5:20; A-mốt 6:12). Chữ “công lý” (BDB 1048) được lặp lại trong câu 8 và 9.

▣ “**và làm bại hoại sự bằng phẳng**” ĐỘNG TỪ “làm bại hoại” (BDB 786, KB 875, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Piel) có nghĩa là “làm hư hỏng” hoặc “làm cong queo” (xem Châm-ngôn 10:9, 28:18, Ê-sai 59:8).

Chữ “thẳng” có từ nguyên trong Cựu Ước của chữ để chỉ “công lý” hoặc “sự công chính”, nó có nghĩa là một cạnh thẳng hoặc cây sậy dùng để đo (xem Ê-sai 5:20). Hầu hết các chữ chỉ về tội lỗi trong tiếng Hê-bơ-rơ đều nói đến việc đi lệch ra khỏi tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Công Bình trong Ô-sê 2:19.

3:10 “Si-ôn...Giê-ru-sa-lem” Si-ôn là tên của một trong bảy ngọn đồi và Giê-ru-sa-lem được xây dựng trên đó. Nó thường được dùng để ám chỉ cả thành phố hay quốc gia.

▣ **“lấy huyết...lấy sự gian ác”** Hai danh từ này là tương tự nhau (xem Giê-rê-mi 22:13,17; Ha-ba-cúc 2:12).

3:11 Tất cả ba nhóm lãnh đạo bị kể ra trong câu này đều bị kết án về thái độ tham lam của cải của họ (xem 7:3; Ê-sai 56:9-12; Giê-rê-mi 5:30-31; 6:13-14; 8:8-12; 14:13-18,22-23; 26:10-15,16; Ê-xê-chi-ên 13; 22:23-31).

▣ **“xét đoán vì của hối lộ”** Điều này cho thấy sự đồi bại của hệ thống tư pháp (xem 7:3; II Sử ký 19:7; Ê-sai 1:23; 5:23). Sự giàu có kiểm soát mọi khía cạnh của cuộc sống của người Do Thái.

▣ **“các thầy tế lễ dạy dỗ vì tiền công”** Nhiệm vụ của các thầy tế lễ và người Lê-vi là dạy dỗ dân chúng về những giới luật trong luật pháp Môi-se (ví dụ, Phục truyền Luật lệ Ký 33:10; II Sử ký 15:3; 17:9). Hiểu biết và dạy dỗ rồi sống theo luật pháp Môi-se của những thầy tế lễ rất là quan trọng cho đời sống tâm linh mạnh mẽ của dân Y-sơ-ra-ên (xem Ô-sê 4:6).

▣ **“rồi chúng nó nương cậy Đức Giê-hô-va mà rằng”** Chữ “nương dựa” được sử dụng chỉ việc dựa trên một cây gậy (BDB 1043, KB 1612, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Niphal, xem Thi thiên 23:4). Những nhà lãnh đạo này che đậy cả đất nước và những việc làm gian ác của họ bằng vỏ bọc tôn giáo. Miệng họ nói điều này, nhưng khi hành động thì làm điều khác (xem Ê-sai 29:13). Họ đòi hỏi sự bảo vệ của Đức Giê-hô-va (lợi ích từ giao ước) do mối quan hệ giao ước của họ với Ngài, nhưng lại hoàn toàn bỏ qua các ràng buộc của giao ước (xem Phục truyền Luật lệ Ký 27-29; Lê-vi Ký 26; Ê-sai 6:9-10; 29:13).

▣ **“Tai vạ sẽ chẳng đến trên chúng ta”** Cụm từ này là đề tài quen thuộc của các tiên tri giả, đến nỗi nó đã trở thành một câu tục ngữ (xem Giê-rê-mi 5:12; 23:17, A-mốt 9:10), nhưng họ đã sai lầm (xem 2:3).

3:12 Câu này chắc chắn là một tuyên bố gây sững sốt cực kỳ cho người dân Giu-đa. Họ tin vào lời hứa của Đức Chúa Trời rằng Giê-ru-sa-lem và Đền Thờ sẽ không bao giờ bị sụp đổ (ví dụ như lời hứa của Ê-sai với Ê-xê-chia, có thể dựa trên II Sa-mu-ên 7) nhưng bởi vì họ trắng trợn bỏ qua khía cạnh đạo đức trong giao ước nên Đức Chúa Trời sẽ đưa họ vào chốn lưu đày (xem Giê-rê-mi 26:18). Giê-ru-sa-lem sẽ giống như Sa-ma-ri (xem 1:6). Đây là lời tiên tri đầu tiên nói về sự sụp đổ của Giê-ru-sa-lem (“bị cày như đồng ruộng”) và Đền Thờ (cỏ dại mọc tràn lan, nghĩa đen là “một nơi cao như rừng rậm”). Về phương diện thần học thì câu này tương tự với Ê-sai 5. Tôi tin chắc rằng Mi-chê không được người ta tin tưởng vào năm 701 trước Chúa khi điều này không xảy ra (vì quân đội của Sennacherib bị Đức Chúa Trời tiêu diệt, xem II Các vua 19:35-37). Tuy nhiên, vị tiên tri đã được công nhận vào năm 586 trước Chúa vì lời tiên tri của ông đã được ứng nghiệm theo nghĩa đen do sự bao vây của Nebuchadnezzar II vua Ba-by-lôn. F. F. Bruce trong quyển Answers to Questions, khẳng định rằng nhà vua (tức là, Ê-xê-chia, xem 1:1) và những người Giu-đa đáp ứng lại sứ điệp của Mi-chê, và do đó Đức Chúa Trời đã thay đổi sự phán xét của Ngài (trang 36).

▣ **“vì có các người”** Họ (các nhà lãnh đạo chính trị và tôn giáo) không chỉ sẽ chứng kiến sự phán xét của Đức Chúa Trời (giống như những người giàu có bóc lột) mà các việc làm của họ chính là lý do của sự phán xét từ Đức Chúa Trời.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Nội dung sứ điệp của các tiên tri giả trong 2:6-11 là gì?
2. Tại sao 2:12-13 là một sự cắt đứt hoàn toàn khỏi văn mạch?
3. Làm thế nào để biết sự khác biệt giữa một vị tiên tri giả và tiên tri thật?
4. Làm thế nào Đức Chúa Trời có thể hứa sẽ luôn luôn có một người trên ngai Đa-vít (II Sa-mu-ên 7), và lại tiên báo sự tàn phá thành Giê-ru-sa-lem và chế độ quân chủ?

MI-CHÊ ĐOẠN 4

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Đức Chúa Trời ngự tại Si-ôn	Những lời tiên tri về tương lai huy hoàng của Y-sơ-ra-ên và sự khôi phục vương quốc Đa-vít (4:1-5:15)	Sự cai trị toàn vũ của Đức Chúa Trời	Sự cai trị của Đức Giê-hô-va trong tương lai tại Si-ôn
4:1-3	4:1-4	4:1-2 4:3-4	4:1-4
4:4-5	4:5	4:5	4:5
Sự đắc thắng trong tương lai của Si-ôn		Y-sơ-ra-ên sẽ quay về từ sự lưu đày	Bầy (chiên) tản lạc được gom về tại Si-ôn
4:6-8	4:6-7 4:8	4:6-7 4:8-12	4:6-7 4:8 Sự bao vây, lưu đày và giải phóng Si-ôn
4:9-10	4:9-10		4:9-10 Những kẻ thù sẽ bị đánh tan trong sân đập lúa
4:11-12	4:11-13		4:11-13
4:13			Sự khốn khổ của dòng dõi Đa-vít
4:14		4:13-5:1	4:14-5:1

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1

2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

NGHIÊN CỨU BỐI CẢNH

Mi-chê 4:1-3 là rất giống với Ê-sai 2:2-4. Rõ ràng là có sự vay mượn lời văn của một trong hai tác giả hoặc là cả hai đều trích dẫn từ một nguồn thứ ba.

Sách Mi-chê dường như bày tỏ hai thời điểm lịch sử, cũng như một quan điểm về sự tận thế. Bối cảnh trong suốt cuốn sách là (1) Chiến tranh Syro-Ephramatic năm 735 trước Chúa hoặc (2) cuộc xâm lược Giu-đa của người A-sy-ri do Sennacherib vào năm 701 trước Chúa. Tuy nhiên, từ đầu của đoạn 4 chúng ta nhận ra rằng có hai cuộc khủng hoảng lịch sử được tiên báo (1) cuộc xâm lược của Ba-by-lôn (câu 10) và (2) biến cố cuối cùng của lịch sử, Vương quốc của Đức Chúa Trời. Còn một số câu hỏi vẫn chưa được trả lời

1. Có phải mọi tiên tri Cựu Ước đều thấy trước hai lần đến của Đấng Mết-si-a?
2. Điều này đề cập đến một thiên niên kỷ hướng theo Do Thái giáo hay một cõi đời đời định hướng cho Hội thánh?
3. Các dân trở nên những người tin nhận và đi theo Đức Giê-hô-va và Đấng Mết-si-a (các câu 1-4) hay họ là những kẻ thù cho đến cuối cùng (các câu 11-13)?

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

BẢN NASB 4:1-5

¹ Xảy ra trong những ngày sau rốt, núi của nhà Đức Giê-hô-va sẽ lập lên trên chót các núi, và sẽ được nhắc cao lên hơn các đồi. Các dân sẽ chạy về đó; ² và nhiều nước sẽ đi đến đó, mà rằng: Hãy đến, chúng ta hãy lên núi của Đức Giê-hô-va, nơi nhà của Đức Chúa Trời Gia-cóp! Ngài sẽ dạy chúng ta về đường lối Ngài, và chúng ta sẽ đi trong các nẻo Ngài. Vì luật pháp sẽ ra từ Si-ôn, lời của Đức Giê-hô-va từ Giê-ru-sa-lem. ³ Ngài sẽ làm ra sự phán xét giữa nhiều dân, đoán định các nước mạnh nơi phương xa; và họ sẽ lấy gươm rên lưỡi cày, lấy giáo rên lưỡi liềm; nước này chẳng giá gươm lên nghịch cùng nước khác, và cùng không tập sự chiến tranh nữa. ⁴ Ai nấy sẽ ngồi dưới cây nho mình và dưới cây vả mình, không ai làm cho lo sợ; vì miệng Đức Giê-hô-va vạn quân đã phán. ⁵ Mọi dân tộc ai nấy bước theo danh của thần mình; và chúng ta sẽ bước theo danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta đời đời vô cùng!

4:1,3-5 Những câu 4:1, 3-5 và 9-13 là những lời nói của Mi-chê, các dân tộc nói ở câu 2 và Đức Giê-hô-va phán trong các câu 6-8. Toàn bộ phần này cũng tương tự như Ê-sai 2:2-4.

4:1 “trong những ngày sau rốt” Cụm từ này (BDB 31 trong CẤU TRÚC TỪ GHÉP với BDB 398) được lặp lại thường xuyên trong Cựu Ước (xem Sáng thế Ký 49:1; Dân số Ký 24:14; Phục truyền Luật lệ Ký 4:30; 31:29; Ê-sai 2:2; Giê-rê-mi 23:20; 30:24, 48:47, 49:39; Ê-xê-chi-ên 38:16; Đa-ni-ên 10:14, Ô-sê 3:5, Mi-chê 4:1). BDB (p. 31) nên diễn tả nó theo cách này: “Do quan điểm của người nói mà giai đoạn cuối cùng của lịch sử có ý nghĩa khác nhau tùy theo ngữ cảnh, nhưng nó thường có nghĩa chung là một thời đại lý tưởng hoặc thời đại của Đấng Mết-si-a

trong tương lai.”

Cụm từ có một số khác biệt:

1. Đa-ni-ên 2:28 - BDB 1079 trong CẤU TRÚC TỪ GHÉP với BDB 1095 (“những ngày sau rốt”)
2. Ê-xê-chi-ên 38:8 - BDB 31 trong CẤU TRÚC TỪ GHÉP với BDB 1040 (“những năm sau này”)

Trong Ê-xê-chi-ên 38 cụm từ này tương tự với cụm từ tiên báo nổi tiếng “(vào) ngày đó” (xem Ê-xê-chi-ên 30:2-3; 38:10,14,18; 39:11; cũng như Ê-sai 2:12; 10:3, 13:6,9; 34:2,8; 61:2; Giê-rê-mi 30:7,8; Giô-ên 1:15; 2:11,31, A-mốt 5:18; Sô-phô-ni 1:14,15,16,18).

Người Do Thái trong thời kỳ giữa hai giao ước phát triển một khái niệm về hai thời kỳ: thời đại tội ác hiện thời (bắt đầu trong Sáng thế Ký 3) và một thời đại của sự công chính bắt đầu với Đấng Mết-si-a (xem Mi-chê 3:12-13; 5:1-5a). Tuy nhiên, từ sự mặc khải của Tân Ước (sự mặc khải tiệm tiến) mà chúng ta biết rằng Đấng Mết-si-a đến không phải chỉ một lần, mà là hai lần. Khoảng thời gian từ sự Giáng Sinh của Đức Chúa Giê-xu tại Bết-lê-hem cho đến sự Tái Lâm có thể gọi là “những ngày sau rốt.” Vấn đề của việc giải nghĩa ở đây là khi nào thì sự Tái Lâm xảy ra? (1) vào một thời điểm trong tương lai chưa biết (2) trước triều đại một ngàn năm trên đất; (3) trước khi bắt đầu cõi đời đời? Phần việc của câu hỏi này là giải quyết: chúng ta nhìn xem tương lai như thế nào. Nó có giống như trên trái đất này (vườn Ê-đên được phục hồi) hoặc là hoàn toàn khác biệt (xem I Cô-rinh-tô 15:35-49)? Kinh Thánh được hiểu theo nghĩa đen (thuyết tiền thiên hy niên theo từng thời kỳ (dispensational premillennial)) hay theo nghĩa văn chương (xem quyển Plowshares and Pruninghooks của D. Brent Sandy)? Xem chủ đề đặc biệt: Hai thời kỳ trong Ô-sê 3:5

▣ **“núi của nhà Đức Giê-hô-va”** Giê-ru-sa-lem được xây dựng trên bảy ngọn đồi. Hai ngọn đồi lớn là đỉnh Mô-ri-a, nơi xây Đền Thờ, và đỉnh Si-ôn (vị trí pháo đài của dân Giê-bu-sít và cung điện của Đa-vít) đã trở thành hình ảnh ẩn dụ trong văn chương để chỉ toàn thành phố (xem câu 2).

Ngọn núi tượng trưng cho chỗ ở của thần linh là rất quen thuộc trong văn chương của Mê-sô-pô-ta-mi, Ca-na-an, Hê-bơ-rơ (ví dụ, Thi thiên 48:2, 87; Ê-sai 14:13; Ê-xê-chi-ên 28:14), và Hy Lạp-La Mã .

Có một bài khảo luận hay, “Divine Assembly” trong quyển Dictionary of Biblical Imagery, trang 50-53 và cũng như “Mountain” (trang 572-574).

1. đối với người vùng Mê-sô-pô-ta-mi - ziggurats (những núi sinh ra người)
2. đối với dân Ca-na-an - Núi Zaphon
3. đối với người Do Thái - Núi Si-ôn (Mô-ri-a) hoặc một ngọn núi ở phía bắc
4. đối với người Hy Lạp - Núi Olympus

Mi-chê đã nói trước sự phá hủy hoàn toàn của Giê-ru-sa-lem và đền thờ (xem 3:12). Giờ đây, ông khẳng định rằng vương quốc cả hoàn vũ của Đức Chúa Trời sẽ thành hiện thực tại Giê-ru-sa-lem. Đức Chúa Trời sẽ thiết lập sự cai trị của Ngài tại một nơi được đổi tên là Si-ôn (là”Giê-ru-sa-lem mới, xem Khải Huyền 21). Ngọn đồi đổ nát sẽ trở thành ngọn núi quan trọng nhất trên trái đất (lưu ý sự song đối giữa 2 dòng 3, 4). Về sự khác biệt giữa các lời tiên tri về tương lai trong Cựu Ước và Tân Ước thì nên xem ghi chú đầy đủ trong 4:7.

▣ **“sẽ được nhắc cao lên hơn các đồi”** Đây là ngôn ngữ tượng hình tượng trưng cho sự ưu việt của đền thờ tại Giê-ru-sa-lem. Người Do Thái luôn luôn nói rằng “Chúng ta hãy đi lên Giê-ru-sa-lem.” Khái niệm này được mở rộng theo nghĩa gồm cả thế giới. Đỉnh Mô-ri-a được xem là đỉnh cao nhất, quan trọng nhất trên cả trái đất và là nơi gần Đức Chúa Trời nhất.

▣ **“Các dân sẽ chảy về đó”** Lưu ý yếu tố phổ quát tuyệt vời này trong 4:1-3. Đây là một chủ đề thường xuyên trong Cựu Ước (xem Thi thiên 22:27; 66:4; 86:9; Ê-sai 19:21,23; 27:13; 45:20-25; 50:6-8; 66:23; Giê-rê-mi 3:17; 4:2; 12:14-16; Xa-cha-ri 2:11; 8:20-23; 14:16).

Lưu ý trong Cựu Ước, dân sự đi lên đền thờ trên núi của Đức Chúa Trời, nhưng trong Tân Ước thì dân sự của Ngài được sai phái ra (Ma-thi-ơ 28:18-20; Lu-ca 24:47, Công vụ Các sứ đồ 1:8). Có một đền thờ mới đó chính là Đức Chúa Giê-xu và bởi đức tin nơi Ngài mà mỗi tín hữu trở thành một đền thờ (nơi thờ phượng Đức Chúa Trời). Thay vì đến đền thờ tại Giê-ru-sa-lem thì các đền thờ trong Tân Ước lại đến với mọi dân, mọi nước. Chương trình cứu rỗi, đòi đời và cho mọi người, đòi đời của Đức Chúa Trời giờ đây đang vận hành.

Đề thấy sự khác biệt về vương quốc tương lai giữa những lời tiên tri Cựu Ước và Tân Ước xin tham khảo đầy đủ ghi chú trong phần Chủ đề đặc biệt tại 4:7.

Nên chú ý sự tương phản lạ thường giữa 3:12 (sống lưu vong) và 4:1 (được phục hồi và vinh hiển). Cũng phải chú ý đặc tính phổ quát trong sự cai trị sắp đến của Đấng Mết-si-a (xem 2:13; 5:2-5a). Khía cạnh phổ quát này là đặc trưng của Ê-sai và Mi-chê (Đa-ni-ên 7:9-10,13-14). Điều không biết rõ đó là họ sẽ đi (đến núi Đức Chúa Trời) một lần rồi trở về hay đi giống như lễ hội hằng năm của Do Thái Giáo.

Có điểm cần phải lưu ý đó là trong bối cảnh lưu đày tại Ba-by-lôn (xem câu 10) ĐỘNG TỪ “sẽ chảy” (BDB 625, KB 676, dạng HOÀN THÀNH Qal) là cùng một ĐỘNG TỪ được dùng để mô tả những quốc gia bị giam cầm chảy khỏi Ba-by-lôn trong Giê-rê-mi 51:44 (ở dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal). Si-ru (xem Ê-sai 44:28-45:3) như là dụng cụ được Chúa chọn để cho phép tất cả những người đang sống lưu vong trở về quê hương.

4:2 “và nhiều nước sẽ đi đến đó, mà rằng” Câu 2 ghi lại lời nhận xét giả định của các quốc gia. Tất cả mọi dân tộc đều được chào đón (ví dụ, Ê-sai 11:10; 49:22). Nếu có một Đức Chúa Trời (theo thuyết độc thần, xem I Các vua 8:43,60), và tất cả mọi người được tạo dựng theo hình ảnh của Ngài (xem Sáng thế Ký 1:26-27), và Ngài hứa sẽ chuộc lại tất cả nhân loại (xem Sáng thế Ký 3:15), thì việc (trở thành nên) “một dân” là mục tiêu tối hậu (xem Ga-la-ti 3:23-29; Ê-phê-sô 2:11-3:13). Đức Giê-hô-va đã chọn dân Y-sơ-ra-ên để tự mặc khải về chính mình, nhưng cuối cùng là qua người Y-sơ-ra-ên toàn hảo nhất, đầy tớ của Ngài (xem Ê-sai 52:13-53:12), chính Con của Ngài (xem Thi thiên 2; II Sa-mu-ên 7).

Câu 2 có một số MỆNH LỆNH:

1. “đến” - BDB 229, KB 246, dạng MỆNH LỆNH Qal
2. “đi” - BDB 748, KB 828, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal
3. “dạy” - BDB 434, KB 436, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Hiphil, nhưng có ý nghĩa MỆNH LỆNH (JUSSIVE)
4. “bước đi” - BDB 229, KB 246, dạng KHÍCH LỆ (COHORTATIVE) Qal

▣ **“Ngài sẽ dạy chúng ta về đường lối Ngài, và chúng ta sẽ đi trong các nẻo Ngài”** Có ba khía cạnh đức tin theo Kinh Thánh: đầu tiên là biết Chúa (có mối quan hệ cá nhân), thứ hai là biết ý muốn Chúa (qua Kinh Thánh, xem Thi thiên 19:7-14; 119:1-176), và sống theo ý muốn Chúa (vâng phục Kinh Thánh, xem Ê-sai 51:4-8). Đức Chúa Trời muốn một dân tộc phản ánh thánh đức của Ngài. Mục tiêu của Đức Chúa Trời đã luôn luôn là để tiếp cận với tất cả mọi người (xem dòng 6 & 7). Con người được tạo dựng cho được tương giao với Đức Chúa Trời.

4:3 “Ngài sẽ làm ra sự phán xét giữa nhiều dân” Đây là sự tương phản hoàn toàn giữa những việc xét xử của (người cai trị) Giu-đa và của Đức Giê-hô-va (xem 3:1,9,11). Sự phán xét của

Đức Giê-hô-va (nghĩa là sự phán xét của Đấng Mết-si-a [so Ibn Ezra], Ê-sai 11:3-5; Micah 5:04) sẽ đem đến hòa bình xã hội, không còn bóc lột (xem Ê-sai 2:2-4).

▣ **“và họ sẽ lấy grom rên lưỡi cày, lấy giáo rên lưỡi liềm”** Đây là hình ảnh ẩn dụ tuyệt đẹp để mô tả sự bình yên của thời đại Đấng Mết-si-a (xem Thi thiên 46:9, 76:3; Ô-sê 2:18, ngược lại với Giô-ên 3:10).

Đặc tính chính xác của những dụng cụ nông nghiệp này là không được rỗ (BDB 88 III). Chúng được làm bằng kim loại, không giống cái cày bằng gỗ để cày lật đất lại và được dùng để đào thành luống. Thông thường nó là một mảnh kim loại được gắn vào đầu thanh gỗ (có thể là cái len, cái cuốc).

▣ **“cùng không tập sự chiến tranh nữa”** ĐÔNG TỪ “huấn luyện” (BDB 540, KB 531, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal) có nghĩa là học hỏi (ví dụ, Phục truyền Luật lệ Ký 4:10; 17:19; Thi thiên 119:73). Nó có thể chỉ về chiến tranh (xem I Sử ký 5:18; Nhã-ca 3:8). Sự phục hồi sắp đến không chỉ là phổ quát mà còn là mãi mãi (xem các câu 5 dòng 3, câu 7 dòng 4).

4:4 “Ai nấy sẽ ngồi dưới cây nho mình và dưới cây vả mình” Y-sơ-ra-ên và Giu-đa là những xã hội nông nghiệp. Thành ngữ này mô tả một cuộc sống nông nghiệp yên bình và hạnh phúc. Những cụm từ này diễn tả sự phục hồi của tất cả các con cháu của Áp-ra-ham khi trở lại miền đất hứa và nơi đó mỗi người có sản nghiệp được phục hồi (xem I Các vua 4:25; Ê-sai 36:16; Xa-cha-ri 3:10).

▣ **“không ai làm cho lo sợ”** Trong Cựu Ước, nếu dân sự của Chúa sống theo giao ước và những lời hứa của Chúa thì Ngài sẽ bảo vệ họ (xem Lê-vi Ký 26:3-6). Văn mạch này trong sách Mi-chê nói về sự hiện diện và cai trị của Đấng Mết-si-a (nó nói lên một bối cảnh lúc chung kết).

▣ **“vì miệng Đức Giê-hô-va vạn quân đã phán”** Điều này nói đến quyền năng và sự đáng tin cậy trong Lời của Đức Chúa Trời (xem Ê-sai 40:5,8; 45:23; 55:11). Những lời hứa và sự đáng tin của Chúa là nền tảng cho đức tin của con người (xem I Các vua 8:56).

Danh hiệu của Đức Chúa Trời là “Đức Giê-hô-va vạn quân” trong bối cảnh liên quan đến Y-sơ-ra-ên và Giu-đa nhằm diễn tả Đức Chúa Trời là Đấng chỉ huy và lãnh đạo đạo binh của các thiên sứ. Trong một số mạch văn (nói về thờ tinh tú của người Mê-sô-pô-ta-mi) thì nó có đề cập đến lý thuyết của ngoại giáo về các thần linh ở đằng sau những vì sáng trên trời (các hành tinh, ngôi sao, chòm sao, sao chổi, vv...). Xem chủ đề đặc biệt: Tên của thần linh trong A-môt 1:2.

4:5 Câu này dường như nằm ngoài văn mạch. Đây là một câu kỳ lạ trong một bối cảnh đang nói về sự cai trị phổ quát và đòi hỏi của một Đức Chúa Trời chân thật là Đức Giê-hô-va của Y-sơ-ra-ên. Một số người xem nó như là:

1. Tương lai vinh quang này vẫn chưa có ngay bây giờ bởi vì hiện thời mỗi quốc gia đều có thần riêng của mình (xem II Các vua 17:29).
2. Không phải tất cả mọi người của tất cả các quốc gia sẽ nhìn nhận Đức Giê-hô-va ngay cả trong một thời kỳ lý tưởng trong tương lai (ví dụ, Khải huyền 22:15).
3. Đây là một lời khẳng định của những người đã đi đến Giê-ru-sa-lem (xem các câu 1e, 2a, 3a, b) và bây giờ khẳng định Đức Giê-hô-va cai trị họ và làm Chúa của họ đời đời.

Sự đối nghịch trong đoạn này giữa “những quốc gia tin” và “những quốc gia không tin” được nhìn thấy trong sự tương phản giữa các câu 1-4 và câu 5.

BẢN NASB 4:6-8

⁶ Đức Giê-hô-va phán: Trong ngày đó, ta sẽ nhóm kẻ què lại, và thâu kẻ đã bị đuổi, kẻ mà ta đã làm cho buồn rầu. ⁷ Rồi ta sẽ đặt kẻ què làm dân sót, và kẻ bị bỏ làm nước mạnh: Đức Giê-hô-va sẽ trị vì trên chúng nó trong núi Si-ôn, từ bây giờ đến đời đời. ⁸ Còn ngơoi, là tháp của bày, đồi của con gái Si-ôn, quyền thế cũ của ngơoi, tức là nước của con gái Giê-ru-sa-lem, sẽ đến cùng ngơoi.

4:6-8 Những câu này tiếp tục chủ đề của các đoạn trước trong sách Mi-chê, Đức Chúa Trời là người chăn (xem 2:12-13, Thi thiên 23; Ê-sai 40:11; Ê-xê-chi-ên 34) là Đáng quan tâm đến những người đã bị xã hội ruồng bỏ (xem Ê-sai 35:5-6; 61:1-2; Giê-rê-mi 31:8; Sô-phô-ni 3:19). Không ai bị bỏ ra ngoài hoặc bỏ lại

4:6 “Trong ngày đó” Xem ghi chú trong 4:1.

☐ **“kẻ què”** Từ này có nghĩa là “chiên đi khắp khiêng” hay “con chiên bị thương” (BDB 854 II, xem Xa-cha-ri 3:19).

☐ **“nhóm lại”** “Người què” và “kẻ đã bị đuổi” cùng song song với nhau thì những ĐỘNG TỪ cũng vậy:

1. “nhóm lại” - BDB 62, KB 74, dạng KHÍCH LỆ (COHORTATIVE) Qal
2. “thâu lại” - BDB 867, KB 1062, dạng KHÍCH LỆ (COHORTATIVE) Piel

☐ **“những kẻ đã bị đuổi”** Theo nghĩa đen chữ này chỉ những con chiên đã tách xa khỏi đàn (là những người bị trục xuất (lưu đày), BDB 621, xem Xa-cha-ri 3:14).

☐ **“kẻ mà ta đã làm cho buồn rầu”** Chính Đức Chúa Trời đã đem sự phán xét đến trên dân sự của Ngài (ở đây những người lưu vong là “kẻ què” và “bị bỏ rơi”) để đưa họ quay lại vào đức tin cá nhân. Chúa thi hành kỷ luật trên những người là thành viên trong gia đình của Ngài (xem Hê-bơ-rơ 12:5ff).

4:7 “dân sót...nước mạnh” Đức Chúa Trời luôn luôn bắt đầu với một nhóm nhỏ (ví dụ như A-đam và Ê-va, Nô-ê, Áp-ra-ham, Môi-se, vv...), nhưng nhóm nhỏ của những người tin kính này được dự định để trở nên nhiều hơn các vì sao trên trời, cát của biển, và bụi của đất (lời hứa trong Sáng thế ký dành cho các tổ phụ). Họ (những người tin nơi Đức Giê-hô-va) được dự định để làm đầy trái đất.

Chính Đức Chúa Trời hoặc Đáng Mết-si-a (tùy thuộc vào thứ nhất là bạn xưng nhận giao ước nào và thứ hai thế giới quan về Kinh Thánh của bạn) sẽ gom lại và thực hiện công việc phổ quát này (Ê-xê-chi-ên 36:22-38). Kế hoạch của Đức Chúa Trời luôn luôn là bao gồm tất cả nhân loại (xem Sáng thế Ký 1:26-27; 3:15; 12:3; Xuất Ê-díp-tô Ký 19:5-6). Trong Sáng thế ký vườn Ê-đen là nơi đặc biệt, từ Xuất Ê-díp-tô Ký đến Giô-suê thì vùng Đất Hứa là nơi đặc biệt, trong các sách tiên tri Giê-ru-sa-lem là nơi đặc biệt, trong Tân Ước thì nó chính là Giê-ru-sa-lem mới trên trời giáng xuống.

Đối với ý nghĩa thần học về chữ “dân sót” nên xem chủ đề đặc biệt trong Mi-chê 2:12.



NASB, NKJV, REB	“những kẻ bị ruồng bỏ”
NRSV	“những người bị đuổi đi”
TEV	“những người còn lại”
NJB	“xa xôi”
JPSOA	“trục xuất”
NIV	“những người bị xua đuổi”
NAB	“những người bị đuổi đi”

Bản văn trong tiếng Hê-bơ-rơ thì không rõ nghĩa. Có một số điểm chỉnh sửa đã được đề nghị:

1. “Xa xôi” - BDB 229, KB 245
2. “Những người yếu đuối”
3. “Những người bệnh”
4. “Những người mệt mỏi” (JB)

▣ **“Đức Giê-hô-va sẽ trị vì trên chúng nó trong núi Si-ôn”** Có một sự tương tự trong văn chương giữa chữ “cai trị” và “chăn chiên” trong Cựu Ước (ví dụ chữ “người chăn” trong 5:4,6 và chữ “cai trị” trong 4:7; 5:12).

▣ **“từ bây giờ đến đời đời”** Cụm từ này tương tự với câu 5d. Lời hứa của Đức Chúa Trời là chắc chắn. Kế hoạch của Đức Chúa Trời là vĩnh viễn. Tuy nhiên, có một sự mặc khải tiệm tiến. Cựu Ước đã trở thành Tân Ước. Đức Chúa Trời bày tỏ chính Ngài trong những phạm trù và cách thức đầy đủ hơn, nhưng mục tiêu luôn luôn vẫn là sống với Ngài. Xem chủ đề đặc biệt: 'Olam (đời đời) trong Ô-sê 2:19.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHỮNG LỜI TIÊN BÁO VỀ TƯƠNG LAI TRONG CỰU ƯỚC VÀ TÂN ƯỚC (Điều này được trích từ tập giải kinh của tôi về sách Khải huyền, “Phần Giới Thiệu Tội Quan Trọng”)

ĐỐI NGHỊCH ĐẦU TIÊN (Các khái niệm chủng tộc, quốc gia, và địa lý của Cựu Ước so với tất cả các tín hữu trên thế giới)

Các tiên tri Cựu ước tiên báo một sự phục hồi vương quốc Do thái ở Pa-léc-tin có trung tâm là Giê-ru-sa-lem là nơi mà mọi nước trên đất họp lại để tôn vinh và phục vụ một nhân vật thuộc dòng dõi Đa-vít cầm quyền, nhưng Chúa Giê-xu cũng như các sứ đồ trong Tân ước không bao giờ tập trung vào chương trình này. Có phải Cựu ước cũng được linh cảm (Ma-thi-ơ 5:17-19)? Có phải các tác giả Tân ước đã bỏ qua những sự kiện quan trọng trong thời kỳ cuối cùng?

Các tài liệu cho biết về thời kỳ cuối cùng của thế giới gồm có:

1. Các tiên tri Cựu Ước (Ê-sai, Mi-chê, Ma-la-chi)
2. Các tác giả thể loại văn chương tận thế trong Cựu Ước (xem Ê-xê-chi-ên 37-39; Đa-ni-ên 7-12; Xa-cha-ri)
3. Các tác giả Do thái thuộc thể loại văn chương tận thế thời kỳ giữa hai giao ước (intertestament), không được kể là Kinh thánh (non-canonical) như sách I Hê-nóc được nhắc đến trong sách Giu-đe

4. Chính Chúa Giê-xu (Ma-thi-ơ 24; Mác 13; Lu-ca 21)
5. Các thư tín của Phao-lô (xem I Cô-rinh-tô 15; II Cô-rinh-tô 5; I Tê-sa-lô-ni-ca 4-5; II Tê-sa-lô-ni-ca 2)
6. Các sách của Giăng (sách I Giăng và Khải huyền)

Có phải tất cả các tài liệu này đều dạy rõ ràng về thời kỳ cuối cùng (các sự kiện liên quan, mốc thời gian, các nhân vật)? Nếu không thì tại sao không? Có phải tất cả đều được linh cảm (ngoại trừ các sách viết ở thời kỳ giữa hai giao ước của người Do thái)?

Thánh Linh bày tỏ lẽ thật cho các tác giả Cựu ước bằng các từ ngữ và thể loại mà họ có thể hiểu được. Tuy vậy, qua sự mặc khải diễn tiến (progressive revelation), Thánh Linh đã mở rộng các khái niệm lai thế học trong Cựu ước đến một mức độ phổ quát hơn (“sự mâu nhiệm của Đấng Christ, xem Ê-phê-sô 2:11-3:13. Xem Chủ Đề Đặc Biệt trong 10:7).

Sau đây là các ví dụ có liên quan:

1. Thành Giê-ru-sa-lem trong Cựu Ước được dùng làm biểu tượng cho dân sự của Đức Chúa Trời (thành Si-ôn) nhưng được hiện lên trong Tân Ước như một thuật ngữ chỉ việc Đức Chúa Trời đón nhận tất cả những người ăn năn, tin nhận Ngài (thành Giê-ru-sa-lem mới trong Khải huyền 21-22).
2. Sự mở rộng thần học từ một cái thành thuộc vật chất, theo nghĩa đen trở nên một dân của Đức Chúa Trời (gồm cả người ngoại bang và những tín hữu Do Thái) ám chỉ lời hứa của Đức Chúa Trời muốn cứu nhân loại sa ngã trong Sáng thế ký 3:15, ngay cả trước khi có một người Do thái hay một cái thành nào của người Do thái. Ngay đến sự kêu gọi Áp-ra-ham (xem Sáng thế Ký 12:1-3) cũng bao gồm dân ngoại trong đó (Sáng thế ký 12:3; Xuất Ê-díp-tô Ký 19:5).
3. Trong Cựu ước, các kẻ thù của dân sự Đức Chúa Trời là các nước lân bang trong vùng Cận đông cổ đại, nhưng trong Tân ước, nó được mở rộng ra để chỉ tất cả những người vô tín, chống nghịch Đức Chúa Trời, và bị Sa-tan xui khiến. Cuộc chiến đã chuyển từ một sự xung đột địa phận, địa lý đến một sự xung đột trên khắp thế giới, vũ trụ (xem Cô-lô-se).
4. Lời hứa về một vùng đất nguyên vẹn trong Cựu ước (lời hứa cho Các tổ phụ trong Sáng thế Ký 12:7; 13:15; 15:7-15; 17:8) giờ đây đã trở thành lời hứa cho cả trái đất. Giê-ru-sa-lem mới từ trời giáng xuống trái đất được tái tạo, không phải chỉ dành riêng cho vùng Cận đông (Khải huyền 20-22).
5. Một số khái niệm tiên tri khác trong Cựu ước cũng được mở rộng, ví dụ như: (1) Dòng dõi Áp-ra-ham giờ đây những người được cắt bì thuộc linh (Rô-ma 2:28-29); (2) dân sự giao ước hiện nay bao gồm cả dân ngoại bang (xem Ô-sê 1:10; 2:23, trích dẫn trong Rô-ma 9:24-26; cũng như Lê-vi Ký 26:12; Xuất Ê-díp-tô Ký 29:45, trích dẫn trong II Cô-rinh-tô 6:16-18 và Xuất Ê-díp-tô Ký 19:5; Phục truyền Luật lệ Ký 14:2 được trích dẫn trong Tít 2:14); (3) đền thờ bây giờ là Chúa Giê-xu (xem Ma-thi-ơ 26:61; 27:40; Giăng 2:19-21) và qua Ngài mà Hội thánh địa phương (xem I Cô-rinh-tô 3:16) và cá nhân tín hữu cũng là đền thờ (xem I Cô-rinh-tô 6:19) và (4) ngay cả dân Y-sơ-ra-ên và các cụm từ mô tả các đặc tính của họ giờ đây cũng để chỉ toàn thể dân sự của Đức Chúa Trời (“Y-sơ-ra-ên” trong Rô-ma 9:6; Ga-la-ti 6:16; “nước thầy tế lễ” trong I Phi-e-rơ 2:5, 9-10; Khải huyền 1:6)

Kiểu mẫu chung cho lời tiên tri đã được ứng nghiệm, mở rộng và giờ đây bao gồm nhiều hơn. Chúa Giê-xu và các sứ đồ viết Kinh thánh không trình bày thời kỳ cuối cùng như cách các tiên tri Cựu ước đã làm (xem sách của Martin Wyngaarden, *The Future of the Kingdom*

in Prophecy and Fulfillment). Khi tìm cách giải nghĩa cái kiểu mẫu Cựu ước theo nghĩa đen hay khệp nó vào một tiêu chuẩn, một số nhà giải kinh hiện đại đã làm méo mó sách Khải huyền, khiến nó trở nên một quyển sách thuộc về Do thái và gượng ép ý nghĩa trong một số câu nói mơ hồ, phân tán của Phao-lô và Chúa Giê-xu. Các tác giả Tân ước không bỏ qua các lời tiên tri Cựu ước, nhưng cho thấy hàm ý phổ quát cuối cùng của nó. Không có một hệ thống sắp xếp hợp lý về quan điểm tận thế của Chúa Giê-xu và Phao-lô. Chủ đích chính của cả hai là cứu rỗi hay là mục vụ.

Tuy nhiên, ngay cả trong Tân Ước vẫn có sự đối nghịch. Không có việc hệ thống hóa rõ ràng về những sự kiện lai thế. Có nhiều cách thức nhưng điều kỳ lạ (ngạc nhiên) là sách Khải huyền lại sử dụng những biểu tượng Cựu Ước thay vì những lời dạy của Chúa Giê-xu bày tỏ về sự tận thế (xem Ma-thi-ơ 24; Mác 13). Nó đi theo một thể loại văn học bắt đầu từ Ê-xê-chi-ên, Đa-ni-ên, và Xa-cha-ri, nhưng phát triển trong thời kỳ giữa hai giao ước (thể loại văn học khải thị của người Do Thái). Có thể đây là cách của Giăng để liên kết Giao Ước cũ và mới. Nó cho thấy khuôn mẫu lâu đời giữa sự nổi loạn của con người và lời bảo đảm cứu chuộc của Đức Chúa Trời. Nhưng cần phải lưu ý rằng mặc dù sách Khải huyền sử dụng ngôn ngữ, nhân vật và sự kiện từ Cựu Ước, nhưng nó giải thích lại theo khung cảnh là đế quốc Rô-ma trong thế kỷ thứ nhất (xem Khải huyền 1:7).

ĐỐI NGHỊCH THỨ HAI (thuyết độc thần với một tuyền dân)

Sự nhấn mạnh của Kinh thánh là có một Đức Chúa Trời thần linh, có thân vị là Đấng sáng tạo và cứu chuộc (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 8:10; Ê-sai 44:24; 45:5-7,14,18,21-22; 46:9; Giê-rê-mi 10:6-7). Sự độc đáo của Cựu Ước trong thời điểm của nó là thuyết độc thần. Tất cả các quốc gia lân cận đều theo đa thần. Tính độc nhất của Đức Chúa Trời là tâm điểm của sự mặc khải trong Cựu Ước (xem Phục truyền Luật lệ Ký 6:4). Sự sáng tạo là một giai đoạn cho mục đích hình thành sự tương giao giữa Đức Chúa Trời và nhân loại, được dựng nên theo hình ảnh của Đức Chúa Trời (xem Sáng thế Ký 1:26-27). Tuy nhiên, con người nổi loạn, phạm tội chống lại tình thương, chủ đích và quyền lãnh đạo của Đức Chúa Trời (xem Sáng thế Ký 3). Tình thương và chủ đích của Đức Chúa Trời dành cho con người thật mạnh mẽ và vững bền khiến Ngài hứa cứu chuộc con người sa ngã (xem Sáng thế Ký 3:15).

Sự căng thẳng nảy sinh khi Chúa chọn để sử dụng một người, một gia đình, một quốc gia để tiếp cận với phần còn lại của nhân loại. Việc Chúa chọn lựa Áp-ra-ham và dân Do Thái như một vương quốc của các thầy tế lễ (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 19:4-6) gây ra sự kiêu ngạo, thay vì sự phục vụ, tách biệt ra thay vì gồm chung lại. Sự kêu gọi Áp-ra-ham của Chúa có cả chủ định chúc phước cho cả nhân loại (xem Sáng thế Ký 12:3). Cần phải nhớ và nhấn mạnh rằng sự chọn lựa trong Cựu Ước là cho sự phục vụ chứ không phải cho sự cứu rỗi. Tất cả Y-sơ-ra-ên chưa bao giờ được xứng đáng trước Chúa, không bao giờ được cứu rỗi đời đời chỉ dựa vào quyền thừa kế của mình (xem Giăng 8:31-59; Ma-thi-ơ 3:9), nhưng bởi đức tin cá nhân và sự vâng lời (xem Sáng thế Ký 15:6, được trích dẫn trong Rô-ma 4). Y-sơ-ra-ên đã để vuột mất sứ mạng của mình (giờ đây Hội thánh chính là nước thầy tế lễ, xem Khải huyền 1:6; II Phi-e-rơ 2:59) biến sự ủy nhiệm thành đặc quyền, biến sự phục vụ thành một địa vị đặc biệt. Đức Chúa Trời đã chọn một người để lựa chọn tất cả mọi người!

ĐỐI NGHỊCH THỨ BA (giao ước có điều kiện so với giao ước vô điều kiện)

Có một sự căng thẳng, đối nghịch trong thần học giữa giao ước có điều kiện và giao ước không điều kiện. Điều chắc chắn đúng đó là mục đích và kế hoạch cứu rỗi của Đức Chúa

Trời là vô điều kiện (xem Sáng thế Ký 15:12-21). Tuy nhiên, đáp ứng bắt buộc nơi con người thì luôn luôn là có điều kiện.

Cái mẫu “nếu...thì” xuất hiện trong cả Cựu Ước và Tân Ước. Đức Chúa Trời là thành tín, nhân loại thì thất tín. Sự đối nghịch này đã gây ra nhiều nhầm lẫn. Các nhà giải kinh có xu hướng chỉ tập trung vào một phương diện của sự đối nghịch này: sự thành tín của Đức Chúa Trời hay cố gắng của con người, hoặc quyền tể trị của Chúa hay ý chí tự do của con người. Cả hai phương diện đều là cần thiết và dựa từ Kinh Thánh.

Điều này liên quan đến thuyết lai thế, về lời hứa của Đức Chúa Trời trong Cựu Ước với Y-sơ-ra-ên. Nếu Chúa đã hứa thì điều đó là chắc chắn, đúng không? Chúa thì chắc chắn thì hành lời hứa của Ngài; vì có liên quan đến danh của Ngài (xem Ê-xê-chi-ên 36:22-38). Các giao ước có điều kiện và vô điều kiện được đáp ứng trong Đấng Christ (xem Ê-sai 53), chứ không phải trong Y-sơ-ra-ên. Sự thành tín tuyệt đối của Đức Chúa Trời ở chỗ sự cứu chuộc cho tất cả những người sẽ ăn năn và tin cậy, chứ không phải cha mẹ của bạn là ai. Đấng Christ, chứ không phải Y-sơ-ra-ên, là chìa khóa cho tất cả các giao ước và những lời hứa của Chúa. Về phương diện thần học trong Kinh Thánh nếu có cái gì xen vào (kế hoạch), thì đó là Y-sơ-ra-ên chứ không phải Hội thánh (xem Công vụ 7 và Ga-la-ti 3).

Sứ mạng công bố Phúc âm khắp toàn cầu đã truyền lại cho Hội Thánh (xem Ma-thi-ơ 28:19-20; Lu-ca 24:47; Công vụ 1:8). Nhưng nó vẫn là một giao ước có điều kiện. Điều này không có nghĩa là Chúa đã hoàn toàn từ bỏ người Do Thái (xem Rô-ma 9-11). Có thể có một vị trí và mục đích cho cho dân Y-sơ-ra-ên trở lại tin (Chúa Giê-xu) lúc tận thế (xem Xa-cha-ri 12:10).

ĐỐI NGHỊCH THỨ TU’ (khuôn mẫu văn học vùng Cận Đông so với khuôn mẫu văn học Tây Phương)

Thể loại (văn chương) là một yếu tố quan trọng trong việc giải thích chính xác Kinh Thánh. Hội thánh được phát triển trong một môi trường văn hóa phương Tây (Hy Lạp). Văn học Đông phương thì dùng nhiều hình ảnh, tính ẩn dụ, và tượng trưng hơn so với hình thức (mẫu) văn học, văn hóa hiện đại Tây phương. Nó tập trung vào con người, những cuộc gặp gỡ và sự kiện hơn là những sự thật được đặt định cho xã hội. Các Cơ đốc Nhân thường sai phạm khi sử dụng theo kiểu mẫu lịch sử và các văn học của họ để giải thích các lời tiên tri trong Kinh Thánh (cả Cựu Ước và Tân Ước). Mỗi thời đại và khu vực địa lý đã sử dụng văn hóa, lịch sử của họ và suy đoán theo nghĩa đen để giải nghĩa sách Khải Huyền. Tất cả họ đều đã sai lầm. Thật là kiêu ngạo khi nghĩ rằng văn hóa phương Tây hiện đại là trọng tâm của lời tiên tri trong Kinh Thánh.

Thể loại trong nguyên tác mà tác giả được linh cảm chọn để viết là một quy ước văn học với người đọc. Sách Khải Huyền không phải là câu chuyện lịch sử. Nó là sự kết hợp của các lá thư (chương 1-3), lời tiên tri và chủ yếu là thể loại văn chương khái thị. Thật là sai trật khi khiến cho Kinh Thánh nói nhiều hơn hay ít hơn những gì tác giả ban đầu dự định. Sự kiêu ngạo và chủ nghĩa giáo điều của các nhà giải kinh càng không thích hợp cho một cuốn sách như sách Khải Huyền.

Hội thánh chưa bao giờ đồng ý về một giải nghĩa hợp lý. Quan tâm của tôi là để lắng nghe và đối diện với toàn bộ Kinh Thánh chứ không phải một số phần được chọn lọc. Lối suy nghĩ đông phương của Kinh Thánh trình bày sự thật trong những cặp đôi đầy đối nghịch. Xu hướng (suy nghĩ theo Tây phương) của chúng ta hướng về sự thật theo định đề có sẵn không phải là không có giá trị, nhưng là không được quân bình. Tôi nghĩ rằng có thể loại bỏ ít nhất

là một số bé tắc trong việc giải nghĩa Khải Huyền bằng cách lưu ý đến chủ đích đang thay đổi của các thể hệ tín hữu kế tiếp nhau. Rất rõ ràng cho đa số các nhà giải kinh là sách Khải Huyền phải được giải thích căn cứ vào thời đại và thể loại riêng của nó. Tiếp cận sách Khải Huyền theo phương diện lịch sử cần phải lý giải những gì độc giả đầu tiên hiểu và có thể hiểu. Trong nhiều phương diện, các nhà giải kinh hiện đại đã làm mất ý nghĩa của nhiều biểu tượng trong cuốn sách. Sự quan tâm chính ban đầu của sách Khải Huyền là để khích lệ các tín hữu bị bắt bớ. Nó cho thấy sự kiểm soát của Đức Chúa Trời trên lịch sử (cũng như các tiên tri Cựu Ước đã làm), nó khẳng định rằng lịch sử đang hướng tới một thời điểm chung kết: sự phán xét hay là sự ban phước lành (cũng giống như các tiên tri Cựu Ước nói). Bằng những từ ngữ của thể loại văn chương Khải thị của người Do thái trong thế kỷ đầu tiên, nó khẳng định tình yêu thương, sự hiện diện, quyền năng, và sự tể trị của Đức Chúa Trời.

Nó giữ chức năng (theo phương diện thần học) này đối với mọi thế hệ tín hữu. Nó mô tả sự tranh chiến trong vũ trụ giữa thiện và ác. Dù cho nhiều chi tiết trong thế kỷ đầu tiên có thể không còn lại cho chúng ta, nhưng các lẽ thật mạnh mẽ, an ủi thì vẫn còn. Khi các nhà giải kinh phương tây hiện đại cố gắng ép buộc các chi tiết của sách Khải Huyền phù hợp với lịch sử đương đại của mình, thì kiểu loại cho những giải thích sai lầm lại tiếp tục.

Vẫn có thể là các chi tiết của sách sẽ ứng nghiệm thấy được theo nghĩa đen một lần nữa (giống như khi Cựu Ước nói đến sự ra đời, đời sống và sự chết của Đấng Christ) cho thế hệ các tín hữu cuối cùng khi họ phải đối mặt với sự tấn công của văn hóa và lãnh tụ chống nghịch với Chúa (xem II Tê-sa-lô-ni-ca 2). Không ai có thể biết những sự ứng nghiệm theo nghĩa đen của sách Khải Huyền cho đến khi những lời của Chúa Giê-xu (xem Ma-thi-ơ 24; Mác 13; và Lu-ca 21) cũng như Phao-lô (xem I Cô-rinh-tô 5, I Tê-sa-lô-ni-ca 4-5; và II Tê-sa-lô-ni-ca 2) trở thành những chứng cứ lịch sử. Phỏng đoán, suy diễn và chủ nghĩa giáo điều đều không phù hợp. Văn chương Khải thị cho phép có sự linh hoạt này. Tạ ơn Chúa vì những hình ảnh và biểu tượng vượt khỏi tường thuật lịch sử. Đức Chúa Trời đang kiểm soát, Ngài cai trị, Ngài sẽ đến.

Hầu hết các sách giải kinh hiện đại để mất đi điểm chính yếu của thể loại này. Các nhà giải kinh phương Tây hiện đại thường tìm kiếm một hệ thống thần học rõ ràng, hợp lý hơn là bằng lòng với cách tượng trưng không rõ ràng, có tính kịch nghệ trong thể loại văn chương Khải thị của người Do Thái. Sự thật này được trình bày rõ ràng do Ralph P. Martin trong bài viết của mình, “Approaches to New Testament Exegesis,” trong quyển New Testament Interpretation được I. Howard Marshall ấn hành:

“Trừ khi chúng ta công nhận phẩm chất kịch nghệ của tác phẩm này và thay đổi lối suy nghĩ mà theo cách đó ngôn ngữ được sử dụng như một phương tiện để phơi bày lẽ thật tôn giáo, chúng ta sẽ sai lầm trầm trọng trong sự hiểu biết về sách Khải Huyền và sai lầm trong cố gắng để giải thích những khái tượng của nó như thể đó là một cuốn sách văn xuôi theo nghĩa đen và có liên quan đến việc mô tả các sự kiện của lịch sử chứng nghiệm được và xác định được niên đại. Cố gắng theo chiều hướng thứ hai là khiến mình rơi vào mọi nan đề của việc giải kinh. Nghiêm trọng hơn nó dẫn đến chỗ làm méo mó ý nghĩa chính yếu về sự tận thế và để vuột mất giá trị tuyệt vời trong phần này của Tân Ước như là một sự khẳng định kịch tính trong ngôn ngữ thơ ca huyền nhiệm về sự tể trị của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ và nghịch lý của việc cầm quyền của Ngài, nó hòa hợp quyền năng và tình yêu (xem 5:5-6; Sự tử chính lại là Chiên con)” (trang 235).

W. Randolph Tate trong quyển *Biblical Interpretations* của mình nói rằng:

“Không có thể loại (văn chương) nào khác của Kinh Thánh đã được đọc cách nhiệt thành nhưng kết quả lại thảm hại như là thể loại văn chương khai thị, đặc biệt là sách Đa-ni-nê và sách Khải Huyền. Thể loại này đã phải gánh chịu một lịch sử bất hạnh do việc giải nghĩa sai bởi sự hiểu lầm chính yếu về hình thức, cấu trúc và chủ đích văn học của nó. Bởi vì có lời tuyên bố là bày tỏ những gì sắp xảy ra nên thể loại văn chương khai thị đã bị xem như là bản chỉ dẫn đường, một bản chương trình chi tiết cho tương lai. Sự sai lầm bi thảm của quan điểm này là dám quả quyết rằng cốt truyện của sách là tương ứng cho thời đương đại của độc giả chứ không phải là thời đại của tác giả. Cách tiếp cận sai lầm về ngày tận thế này (đặc biệt là đối với Khải Huyền) xem tác phẩm như thể nó là một mật mã mà qua đó các sự kiện đương đại có thể được dùng để giải thích các biểu tượng trong bản văn... Trước tiên, người giải kinh phải thừa nhận rằng thể loại văn chương khai thị truyền đạt những sứ điệp của nó thông qua các biểu tượng. Giải nghĩa một biểu tượng theo nghĩa đen trong khi nó mang nghĩa ẩn dụ, đó là giải nghĩa sai. Vấn đề không phải là liệu các sự kiện trong văn chương khai thị là có phải là lịch sử hay không. Những sự kiện có thể là lịch sử thật, chúng có thể đã thực sự xảy ra hoặc có thể xảy ra, nhưng tác giả trình bày các sự kiện và truyền đạt ý nghĩa thông qua các hình ảnh và nguyên mẫu” (trang 137).

Theo quyển *Dictionary of Biblical Imagery*, do Ryken, Wilhost, và Longman III biên tập:

“Độc giả ngày nay thường bị bối rối và khó xử bởi thể loại này. Các hình ảnh gây kinh ngạc cũng với những cảm nghiệm về các thứ không thuộc về thế giới này có vẻ quái dị và không đồng bộ với đa phần của Kinh Thánh. Chấp nhận thể loại văn chương này đúng theo như bề ngoài khiến nhiều độc giả làm xáo trộn mọi thứ để xác định những gì sẽ xảy ra và xảy ra khi nào, do đó đánh mất đi ý định của sứ điệp khai thị” (trang 35).

4:8 “tháp của bày” Đây có thể là (1) tên của địa điểm đặc biệt gần Bết-lê-hem, nơi đây những con chiên sinh tế hoặc của lễ hằng ngày được dâng lên (có thể là tháp Ê-đe xem Sáng thế Ký 35:21 hoặc Migdal-Eder). Chỗ này sẽ trở thành tâm điểm của lời tiên tri trong 5:2, liên quan đến nơi sinh của Đấng Mết-si-a (là Chiên Con vô tội của Đức Chúa Trời, xem Giăng 1:29) hoặc (2) đề cập đến vị vua, người chăn trông chừng dân sự mình từ thủ đô (hình ảnh này nói đến chính Đức Chúa Trời hoặc Đấng Mết-si-a).

Từ cách sử dụng thể thơ song đối đồng nghĩa, chúng ta cũng có thể hiểu:

1. “Trên núi Si-ôn, câu 7 dòng 3
2. “Tháp của bày”, câu 8 dòng 1
3. “Đồi của con gái của Si-ôn”, câu 8, dòng 2 (xem các câu 10,13)
4. “Con gái của Giê-ru-sa-lem”, câu 8 dòng 5

như là cách nói đến thủ đô của miền Nam (Giê-ru-sa-lem, xem Ê-sai 24:23).

☐ **“Đồi của con gái Si-ôn”** Đây có lẽ là một địa danh khác, Ophel (BDB 779 I). Ophel thuộc khu vực của Giê-ru-sa-lem có cung điện của Đa-vít. Nó có thể là ám chỉ đến sự phục hồi triều đại Đa-vít (xem II Sa-mu-ên 7).

☐ **“quyền thế cũ của người...sẽ đến cùng người”** Phân đoạn này có thể phản ánh Ê-sai 1:24-

26. Sau khi Y-so-ra-ên bị phán xét, thì nó sẽ được phục hồi lại sự vĩ đại của nó trước đây. Tất nhiên đây là ẩn dụ cho việc phục hồi, bởi vì trong thực tế tương lai của nó thì mở rộng hơn (ở tầm mức phổ quát cả thế giới) so với quá khứ (là vương quốc của Đa-vít và Sa-lô-môn).

BẢN NASB 4:9-13

⁹ Nhưng bây giờ làm sao ngươi trỗi tiếng kỳ lạ như vậy? Giữa ngươi há không có vua sao? Hay là mưu sĩ ngươi đã chết, nên ngươi bị quặn thắt như đòn bà sanh đẻ?

¹⁰ Hỡi con gái Si-ôn, hãy đau đớn khó nhọc để đẻ ra như đòn bà đẻ! Vì ngươi sẽ đi ra khỏi thành và ở trong đồng ruộng, và ngươi sẽ đến Ba-by-lôn. Nhưng ở đó, ngươi sẽ được giải cứu; ấy là tại đó mà Đức Giê-hô-va sẽ chuộc ngươi ra khỏi tay kẻ thù nghịch ngươi. ¹¹ Bây giờ có nhiều nước nhóm lại nghịch cùng ngươi, nói rằng: Nguyên cho nó bị ứ ứ, và nguyên cho con mắt chúng ta xem thấy sự ước ao mình xảy đến trên Si-ôn!

¹² Song chúng nó không biết ý tưởng Đức Giê-hô-va, không hiểu mưu của Ngài; vì Ngài đã nhóm chúng nó lại như những bó lúa đến nơi sân đập lúa. ¹³ Vậy, hỡi con gái Si-ôn, hãy chỗi dậy, khá giày đập! Vì ta sẽ làm cho sừng ngươi nên sắt, vó ngươi nên đồng; ngươi sẽ nghiền nát nhiều dân, và ta sẽ dâng lợi của chúng nó cho Đức Giê-hô-va, của cải chúng nó cho Chúa trên khắp đất.

4:9-13 Một lần nữa, bối cảnh lịch sử ở đây không rõ ràng nhưng nhờ câu 10 có vẻ như là phản ánh sự tàn phá của thành Giê-ru-sa-lem vào năm 586 trước Chúa do Nebuchadnezzar II vua Ba-by-lôn.

4:9 “làm sao ngươi trỗi tiếng kêu la như vậy” Cụm từ này đề cập đến thời gian sống lưu đày. Xem Giê-rê-mi 8:19.

☐ **“Giữa ngươi há không có vua sao?”** Câu này dường như là một lời bình luận mỉa mai về đoạn 3. Nhà vua là đại diện của Đức Chúa Trời, vậy nếu nhà vua gian ác thì dân sự sẽ tìm đến ai?

☐ **“Hay là mưu sĩ ngươi đã chết”** Vua và mưu sĩ cùng đi song song với nhau và ám chỉ đến người đứng đầu của hoàng gia. Trong Ê-sai 9:6 nó là một trong những danh hiệu của Đấng Mê-ti-a là vua sắp đến. Xem Ê-sai 3:1-3.

☐ **“như đòn bà sanh đẻ”** Sinh đẻ (xem câu 10 dòng 1-3) là hình ảnh ẩn dụ Cựu Ước để chỉ sự phán xét và đau đớn (Ê-sai 42:14; Giê-rê-mi 4:31; 6:24). Trong Mác 13:8 và Rô-ma 8:22, nó được sử dụng chỉ cơn đau (đẻ) của thời đại mới (đời đời vĩnh viễn).

4:10

NASB “Quặn thắt và nặng nhọc để sinh nở”
NKJV “trong cơn đau đớn và nặng nhọc để sinh ra”
NRSV “quặn thắt và rên rĩ”
TEV “quặn quại và rên rĩ”
NJB “quặn thắt trong đau đớn và kêu khóc”

Cả hai động từ này (“quặn thắt” BDB 296, KB 297, và “sinh nở” BDB 161, KB 189) đều là những MỆNH LỆNH Qal.

☐ **“Vì người sẽ đi ra khỏi thành và ở trong đồng ruộng”** Câu này đặc biệt nói đến cuộc sống lưu đày sau khi Giê-ru-sa-lem bị chiếm giữ. Những người này sẽ bị buộc phải sống ngoài trời trong khi họ đang bị dẫn đi đến những nơi ở và đồng ruộng xa xôi.

☐ **“và đi đến Ba-by-lôn”** Cụm từ này chỉ ra cụ thể đến quốc gia hùng cường Mê-sô-pô-ta-mi đã chinh phục A-sy-ri và cả vùng đất màu mỡ hình lưỡi liềm (Fertile Crescent). A-sy-ri đã đánh chiếm mười chi phái phía Bắc (Y-sơ-ra-ên) trong năm 722 trước Chúa (xem đoạn 1-2). Ba-by-lôn đã đánh chiếm hai chi phái phía Nam (Giu-đa) năm 586 trước Chúa (xem 3:12).

Nhiều học giả ngạc nhiên với một chỉ dẫn cụ thể đến như vậy về Ba-by-lôn. Tính cách không đúng trình tự thời gian này còn có thể được thấy trong Ê-sai 13-14. Tuy nhiên, cũng cần phải lưu ý rằng Ba-by-lôn có thể là một cách để nói đến cả vùng Mê-sô-pô-ta-mi, bởi vì đã có một đế quốc Ba-by-lôn trước cả A-sy-ri và thậm chí rất lâu trước đó (xem Sáng thế Ký 10:10). Cũng giống Sáng thế Ký 11:4-9, có thể nó ám chỉ đến những cường quốc thế giới chống Đức Chúa Trời (như Đa-ni-ên). Cách dùng này còn tiếp tục trong cách dùng của sứ đồ Giăng ở sách Khải huyền (xem 14:8; 16:19; 17:5; 18:2,10,21).

☐ **“Nhưng ở đó, người sẽ được giải cứu; ấy là tại đó mà Đức Giê-hô-va sẽ chuộc người ra khỏi tay kẻ thù nghịch người”** Ở đây là một cái thoáng nhìn của hy vọng (dòng 7-9) giữa bóng tối của sự phán xét (dòng 1-6). Có một sự cắt đứt (thay đổi) chủ đề hoàn toàn sau câu 10. Một chủ đề mới được giới thiệu trong các câu 11-12. Lời văn chuyển từ sự giải thoát đến một cuộc tấn công khác trong tương lai sau khi họ trở về từ Ba-by-lôn.

4:11 “bây giờ có nhiều nước nhóm lại nghịch cùng người” Chỗ này dường như ám chỉ đến binh lính đánh thuê có trong cả quân đội A-sy-ri (Sennacherib, năm 701 trước Chúa) và quân đội Ba-by-lôn (Nebuchadnezzar, năm 586 trước Chúa). Tuy nhiên, những người chú tâm đi theo quan điểm tiên thiên hy niên thường tìm thấy đáng tin cho quan điểm của họ trong những phân đoạn giống như tại đây trong các sách tiên tri.

☐
NASB “Nguyên cho nó bị ướm tọc”
NKJV “Hãy để nó bị như bản”
NRSV “Hãy để nó bị xúc phạm”
TEV “phải bị tiêu diệt”
NJB “chúng ta hãy là cho nó phạm tọc”

ĐỘNG TỪ (BDB 337, KB 335, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal, nhưng có ý nghĩa MỆNH LỆNH (JUSSIVE)) có nghĩa là “bị ô ướm hay phạm tọc” (xem Thi thiên 106:38; Giê-rê-mi 3:1,9). Cùng một từ gốc này được sử dụng trong Ê-sai 9:16; 10:6.

☐
NASB, NJB “và nguyện cho con mắt chúng ta xem thấy sự ước ao mình trên Si-ôn”
NKJV “cho mắt chúng ta nhìn trên”
NRSV “cho mắt chúng ta chăm chú trên”
TEV “chúng ta sẽ thấy”

ĐỘNG TỪ này song đối với động từ bên trên. Động từ này (BDB 302, 301, dạng MỆNH LỆNH (JUSSIVE) Qal) là một chữ thông dụng “xem, nhìn”. Trong quyển Translator’s Handbook của USB gợi ý rằng hai động từ này có một ý nghĩa tình dục và đây là lý do tại sao hình ảnh ẩn dụ “con gái” được sử dụng trong các câu 8, 10, 13 (trang 129). Cũng có thể quân đội

nước ngoài làm ô uế (hãm hiếp) vùng Đất Hứa là ân ý của hai động từ song đối này (trang 129).

4:12 Khi những người không biết Đức Giê-hô-va hoặc Lời của Ngài xem xét lịch sử thì họ chỉ thấy sự phán xét của Chúa trên dân sự của Ngài. Họ không biết được mục đích dành cho một dân tộc đặc biệt theo giao ước là phương cách cho tất cả mọi người biết đến Đức Chúa Trời. Con cháu của Áp-ra-ham đã không giữ giao ước, không bày tỏ Đức Chúa Trời, nên Chúa đã quyết định tự bày tỏ chính mình Ngài (xem Ê-xê-chi-ên 36:22-38).

Trong đoạn này, sự đối nghịch giữa (1) quốc gia tin kính với (2) các quốc gia không tin đang đánh chiếm là trọng tâm. Lời thơ ngắn gọn và mơ hồ. Thật khó (hầu như là không thể) để sắp xếp lại có hệ thống. Đây là những tia sáng của sự thật, của các sự kiện trong tương lai hoặc các ẩn dụ văn học lóe lên. Có hai chân lý vĩ đại được dạy:

1. Ý chỉ của Chúa về sự phục hồi một dân tin kính sẽ hiện thực.
2. Một số sẽ không tin và sẽ xúc phạm Đức Chúa Trời bằng cách tấn công dân sự của Ngài.
3. Một nhóm sẽ được ở với Chúa đời đời, một nhóm sẽ bị hủy diệt.

▣ **“Ngài đã nhóm chúng nó lại”** Cụm từ này dường như ngụ ý rằng Đức Chúa Trời đã tập hợp kẻ thù của Y-sơ-ra-ên và Giu-đa lại để họ tiêu diệt chùng nó (xem câu 13; Ê-sai 13-14; Ê-xê-chi-ên 38-39; Giô-ên 4; Xa-cha-ri 14).

4:13 Các câu 12-13 phải được xem xét chung với nhau để hiểu lời nhận xét của Chúa. Chúa kêu gọi dân sự giao ước đã được phục hồi của Ngài để hủy phá những quốc gia ngoại giáo mà Chúa đã dùng để trừng phạt dân sự của Ngài vì tội lỗi của họ (xem câu 12; Ê-sai 41:15-16; Giê-rê-mi 51:20-23; Ha-ba-cúc).

Hai ĐỘNG TỪ đầu tiên (“chỗi dậy” BDB 877, KB 1086 và “giày đạp” BDB 190, KB 218) đều là MỆNH LỆNH Qal.

Nhưng trong câu 13, Chúa đang phán với dân tộc giao ước được phục hồi của Ngài (là Giao Ước mới, xem Giê-rê-mi 31:31-34). Một ngày kia, dân sự của Chúa sẽ được đắc thắng. Chúa muốn sử dụng con cháu của Áp-ra-ham. Ngài muốn cả thế giới biết Ngài và đến với Ngài, nhưng dòng dõi của Áp-ra-ham đã không biết Ngài và thế giới không đến với Ngài.

▣ **“Chúa trên khắp đất”** Một lần nữa nên lưu ý sự nhấn mạnh phổ quát này. Văn mạch của đoạn này liên quan đến dân tộc theo giao ước đầu tiên của Đức Chúa Trời, nhưng theo sự chỉ dạy của Chúa Giê-xu thì nó ám chỉ dân giao ước mới.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gọi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Tại sao sách Ê-sai và Mi-chê lại rất giống nhau?
2. Có bất thường không khi những lời tiên tri Cựu Ước bao hàm ý nghĩa phổ quát?
3. Tại sao câu 5 thì không nằm trong văn mạch?

MI-CHÊ ĐOẠN 5

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
	Những lời tiên tri về tương lai huy hoàng của Y-sơ-ra-ên và sự khôi phục vương quốc Đa-vít (4:1-5:15)		Sự khốn khổ và vinh quang của dòng dõi Đa-vít (4:1-5:3)
Đấng Mê-ti-si-a sắp đến	5:1	Đức Chúa Trời hứa ban một Đấng cai trị từ Bết-lê-hem	
5:2	5:2-5a	5:2-5a	
5:3-5a			Kẻ chinh phạt trong tương lai đến từ A-sy-ri 5:4-5
Sự phán xét trên những kẻ thù Y-sơ-ra-ên		Sự giải cứu và trừng phạt	
5:5b-6	5:5b-6	5:5b-6	Địa vị trong tương lai của dân còn sót lại 5:6
5:7-9	5:7-9	5:7-9	5:7 Đức Giê-hô-va sẽ cất đi mọi sự căm dỗ 5:8-14
5:10-15	5:10-15	5:10-15	5:15

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2

3. Phân đoạn 3
4. Văn vân...

NHỮNG KIẾN GIẢI SÁU SẮC VỀ BỐI CẢNH

- A. Sách Mi-chê có chứa nhiều tài liệu tiên tri. Xem phần Giới thiệu III. Thể loại mục D.
- B. Một số bản dịch gộp 5:1 (là 4:14 trong bản văn tiếng Hê-bơ-rơ) với đoạn 4 (xem bản TEV). Nếu vậy thì nó liên quan đến 4:9-10 (Giê-ru-sa-lem bị tấn công và bị lưu đày).
Tuy nhiên, các bản dịch khác thì gộp nó chung với 5:1-5a (NASB, NJB, NIV) tạo ra một sự tương phản giữa Giê-ru-sa-lem có một vị vua vô tín và các nhà lãnh đạo độc ác trái ngược với Bết-lê-hem có một người lãnh đạo, vị vua vĩ đại, tin kính sắp đến.
- C. Đoạn này nói rất cụ thể về nơi sinh ra của Đấng Mết-si-a. Mi-chê đã viết trong khoảng thế kỷ thứ tám trước Chúa và dự đoán chính xác ngôi làng là nơi sinh của Đức Chúa Giê-xu. Một số người sẽ từ chối định ngày tháng của sách Mi-chê, nhưng nếu bạn không chấp nhận thời điểm khoảng năm 750 thì Mi-chê đã được dịch sang tiếng Hy Lạp trong bản Bảy Mươi khoảng năm 250-150 trước Chúa. Thời điểm này vẫn sớm hơn Đức Chúa Giê-xu sinh ra khoảng một trăm năm.
Yếu tố tiên báo độc đáo của Kinh Thánh cho thấy:
 1. Sự linh cảm của Kinh Thánh
 2. Quyền tể trị của Đức Giê-hô-va trên lịch sử
 3. Sự thực hữu về thẩm quyền Đấng Mết-si-a của Đức Chúa Giê-xu.
- D. Đoạn này cũng tiên báo sự hiện hữu từ trước của Đấng Mết-si-a (câu 2, dòng 4,5) cũng như cách Ngài cai trị (các câu 4-5, dòng 1). Đây là lời tiên tri cụ thể đáng kinh ngạc. Chúng ta đã được Đức Chúa Trời ban cho quyền Kinh Thánh thật tuyệt vời và chính xác.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

BẢN NASB 5:1-5a (bản Kinh Thánh tiếng Việt 4:14-5:4)

¹ (4:14) **Vậy, hỡi nữ đội, bây giờ hãy nhóm đội ngũ người! Người đã vây hãm chúng ta. Người ta lấy roi đánh trên má quan xét của Y-sơ-ra-ên.** ² (5:1) **Hỡi Bết-lê-hem Ép-ra-ta, người ở trong hàng ngàn Giu-đa là nhỏ lắm, song từ nơi người sẽ ra cho ta một Đấng cai trị trong Y-sơ-ra-ên; gốc tích của Ngài bởi từ đời xưa, từ trước vô cùng.** ³ (5:2) **Vậy nên Ngài sẽ phó chúng nó cho đến lúc người đàn bà phải sanh để đã sanh đẻ, và kẻ sót lại của anh em Ngài sẽ trở về với con cái Y-sơ-ra-ên.** ⁴ (5:3) **Ngài sẽ đứng vững, và sẽ cậy sức mạnh của Đức Giê-hô-va với oai vọng của danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình mà chặn bầy của mình; và chúng nó sẽ ở yên, vì nay Ngài sẽ làm lớn cho đến các đầu cùng đất.** ⁵ (5:4) **Ấy chính Ngài sẽ làm sự bình an của chúng ta.**

5:1

**NASB
NKJV**

**“Vậy, hỡi nữ đội, bây giờ hãy nhóm đội ngũ người!”
“bây giờ hãy tập hợp lại nữ binh”**

NRSV “bây giờ người đang bị bao vây với tường thành”

TEV “dân Giê-ru-sa-lem, tập hợp quân của người”

NJB “bây giờ hãy trông chừng đồn lũy, pháo đài của người”

Câu này là 4:14 trong văn bản tiếng Hê-bơ-rơ. Có một số cách dịch:

1. Bản NASB, NKJV, và TEV dựa theo bản văn MT (BDB 151 I, xem Giê-rê-mi 5:7; và dịch ĐỘNG TỬ theo cùng một cách).
2. Bản Bảy Mươi dịch “bây giờ người đang bị bao vây với tường thành” (xem bản NRSV, REB). Nó thay đổi ĐỘNG TỬ tiếng Hê-bơ-rơ “hợp lại” (BDB 151, KB 177, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Hithpoel) bằng một chữ trong tiếng Hê-bơ-rơ tương tự có nghĩa là “xây một bức tường” (BDB 154, củng cố sức mạnh chống lại một cuộc bao vây, xem Ê-xê-chi-ên 13:5, NJB).
3. Một cách dịch khác có thể là “hỡi các con gái, các người đang tự cắt bỏ chính mình”(BDB 151, nhưng nó sẽ đòi hỏi cần phải tái cấu trúc chữ Hê-bơ-rơ với những nguyên âm khác với nguyên bản, xem bộ JPSOA, bản dịch Moffatt, NET). Cách dịch cuối cùng này có thể chính xác do sự liên hệ giữa “tự cắt chính mình” và
 - a. thờ hình tượng (xem Lê-vi Ký 19:28; 21:5; Phục truyền Luật lệ Ký 14:1; I Các vua 18:28; Giê-rê-mi 47:5, Ô-sê 7:14) hoặc
 - b. sự đau buồn (xem Phục truyền Luật lệ Ký 14:1, Giê-rê-mi 16:6; 41:5; 47:5; 48:37)

Câu 1 mô tả hoàn cảnh như thể nó đã xảy ra (Giê-ru-sa-lem sắp bị bao vây), các câu 2-5 mô tả hoàn cảnh sẽ xảy đến trong thời kỳ cuối cùng (Giê-ru-sa-lem là nhà của vị vua lớn). Quá trình chuyển đổi về thời gian này có thể thấy trong các câu 5-9 trong sự tương phản với các câu 10-14.

Trong đoạn 4, các câu 9-13, bàn về Giê-ru-sa-lem. Có thể là 5:1 (4:14 trong bản văn MT) là một trong những phân đoạn liên quan hình ảnh thủ đô bị bao vây (Giê-ru-sa-lem).

Nếu 5:1 đi theo 5:2-5a, thì có một sự tương phản giữa một Giê-ru-sa-lem yếu đuối, không được bảo vệ với nhà lãnh đạo mới của Đức Chúa Trời từ Bết-lê-hem (quê hương của Đa-vít). Chế độ quân chủ Giu-đa đắm chìm cách vô vọng trong tội lỗi và sự vô tín (ngoại trừ một vài vị vua tin kính như Ê-xê-chia, Giô-si-a). Đức Chúa Trời sẽ dấy lên một vị vua tin kính thuộc dòng dõi Đa-vít, người sẽ đi theo Đức Giê-hô-va cách trọn vẹn (xem Sáng thế Ký 49:9-10; II Sa-mu-ên 7)

☐ “**Người đã vây hãm chúng ta**” ĐỘNG TỬ tại đây (BDB 962 KB 1321) là dạng HOÀN THÀNH Qal. Cần phải nhớ việc xác định thời gian không dựa vào động từ, nhưng dựa vào bối cảnh. Rõ ràng ở đây liên quan đến một cuộc bao vây, nhưng là cái nào? Có một số giả thuyết.

1. Theo bối cảnh lịch sử có thể là cuộc xâm lược Giu-đa và bao vây Giê-ru-sa-lem không thành công của Sennacherib vào năm 701 trước Chúa (xem II Các vua 19:35-36).
2. Nebechadnezzar II cũng xâm lược và bao vây thành Giê-ru-sa-lem trong năm 586 trước Chúa (xem II Các vua 24-25).
3. Nhiều học giả tin rằng điều này cũng có thể bày tỏ cuộc xâm lược và phá hủy đền thờ Giê-ru-sa-lem trong tương lai của Titus vào năm 70 sau Chúa (xem Ma-thi-ơ 24; Mác 13, Lu-ca 21)

Quan điểm 1 phù hợp với thời điểm của tác giả nhất, trong khi quan điểm 3 thích hợp nhất cho thời điểm của Đấng Mê-ti-a.

☐ “**Người ta lấy roi**” Chữ “roi” (BDB 986) có nghĩa là một nhánh cây được lột vỏ (ngắn hơn so với một khúc cây) được sử dụng như một phương cách để thi hành kỷ luật

1. Cho trẻ em, Châm-ngôn 10:13; 13:24; 22:8,15; 23:13,14; 26:3; 29:15
2. Sự phán xét của Đức Chúa Trời trên các quốc gia, Thi thiên 2:9 (xem 110:5-6); Ê-sai 9:4,

Rev 2:27; 19:15

3. Phán xét trên chính dân sự của Ngài, Ê-sai 10:5,24; 14:29

A-si-ri được gọi là “cái roi giận dữ của Đức Chúa Trời” trong Ê-sai 10:5,24. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời cũng sẽ đánh phạt A-si-ri vì tội lỗi của nó (xem Ê-sai 30:31). “Roi” là một thành ngữ tiếng Hê-bơ-rơ chỉ sự cai trị của vua (BDB 986, xem 7:14; Khải huyền 2:27; 12:5; 19:15).

▣ **“họ sẽ đánh trên má quan xét của Y-sơ-ra-ên”** Quan xét là một danh hiệu dành cho Vua của Y-sơ-ra-ên. Tát má ai đó là một dấu hiệu chỉ sự lạng nhục rất lớn (xem I Các vua 22:24; Gióp 16:10; Ca-thương 3:30, Công vụ Các sứ đồ 23:2), qua đó cho thấy sự khinh miệt của A-sy-ri và sự yếu hèn của Y-sơ-ra-ên. Những gì Đức Giê-hô-va đã làm cho kẻ thù của dân sự giao ước của Ngài (xem Thi thiên 3:7), thì giờ đây Ngài cho phép điều đó xảy đến cho họ.

Bản Kinh Thánh Rotherham’s Emphasized Bible khẳng định rằng vị quan xét này chính là Đấng Mết-si-a (trang 887).

5:2-5a Cả đoạn văn này đánh dấu một quá trình chuyển đổi hoàn toàn từ sự phán xét của Đức Chúa Trời (bị bao vây, sống lưu đày) đối với Giê-ru-sa-lem và Giu-đa sang sự phục hồi kỳ diệu của Ngài (xem 4:6-8,12-13). Sự chuyển đổi qua lại này là thông thường trong thể loại văn chương tiên tri và có lẽ là (1) việc làm của những người biên tập sau đó hoặc (2) lỗi suy nghĩ của các tiên tri Hê-bơ-rơ (theo cách song đối phản đề).

5:2 “Bết-lê-hem Ép-ra-ta” Ép-ra-ta (là một gia tộc thuộc chi phái Giu-đa, xem I Sa-mu-ên 17:12, Ru-tơ 1:2, 4:11, lưu ý I Sử ký 2:19,24,50) được thêm vào (để phân biệt) bởi vì có một địa danh “nhà bánh” (Beth-lehem) khác trong địa phận của chi phái Sa-bu-lôn ở phía bắc (xem Giô-suê 19:15). Bết-lê-hem còn được biết đến là Ê-phơ-rát (xem Sáng thế Ký 38:19; 48:7). Đó là một ngôi làng rất nhỏ, chỉ được biết đến bởi vì nó là nơi sinh của vua Đa-vít (xem I Sa-mu-ên 16:1) và do đó, là một cách để ám chỉ vị vua Mết-si-a thuộc dòng Đa-vít trong tương lai, (xem II Sa-mu-ên 7; Thi thiên 89). Câu này được trích dẫn trong Ma-thi-ơ 2:6 và nhắc đến trong Luca 2:4 và Giăng 7:42.

▣ **“nhỏ”** Chữ này (BDB 859 I) thường được dùng để nói cái nhỏ, thấp kém theo ý miệt thị.

1. Gia tộc, I Sa-mu-ên 9:21
2. Bộ tộc, Thi thiên 68:27
3. Sùng, Đa-ni-ên 8:9
4. Thành, Mi-chê 5:2

(Danh sách dựa theo NIDOTTE, quyển 3, trang 830)

▣ **“(gia tộc) hàng ngàn”** Chữ “gia tộc” là do chữ “hàng ngàn” trong tiếng Hê-bơ-rơ (BDB 48 II). Chữ Hê-bơ-rơ chỉ hàng ngàn là *eleph* có thể được sử dụng như:

1. Một đơn vị gia đình hoặc gia tộc, Dân số Ký 10:4; Giô-suê 22:14; Các Quan Xét 6:15; I Sa-mu-ên 10:19, 23:23; Mi-chê 5:2; Xa-cha-ri 9:7
2. Một đơn vị quân đội, Xuất Ê-díp-tô Ký 18:21,25; Phục truyền Luật lệ Ký 1:15
3. Chữ một ngàn (theo nghĩa đen), Sáng thế Ký 20:16; Xuất Ê-díp-tô Ký 32:28
4. Một biểu tượng, Sáng thế Ký 24:60; Xuất Ê-díp-tô Ký 20:6 (Phục truyền Luật lệ Ký 7:9); 34:7; Giê-rê-mi 32:18

Bết-lê-hem thì quá nhỏ đến nỗi nó thậm chí không được nhắc đến trong Giô-suê 15 chỉ như toán quân tiếp tế cho quân đội Giu-đa, hoặc trong Nê-hê-mi là nhân công tiếp tế cho việc xây dựng lại tường thành Giê-ru-sa-lem.

▣ **“trong Giu-đa”** Bởi vì sự tiên báo của Mô-i-se về dòng dõi của những người con của Gia-cốp, riêng về Giu-đa (BDB 397) trong Sáng thế Ký 49:8-12, đặc biệt là câu 10 thì nó đã trở thành lời tiên tri được chấp nhận rằng Đấng Cứu Thế sẽ từ dòng dõi Giu-đa, gia tộc Y-sai (xem II Sa-mu-ên 7).

▣ **“cho Ta”** Cụm từ này được nhấn mạnh trong bản văn MT. Đấng Mết-si-a đến theo mệnh lệnh của Đức Giê-hô-va. Ngài là người lãnh đạo công chính, hoàn hảo, trọn vẹn của Đức Giê-hô-va và là Đấng phản ảnh đầy đủ và chính xác về Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. Khi học Cựu Ước, các ra-bi (của Do thái giáo) không trông đợi một sự nhập thể (Đức Chúa Trời trở thành người) nhưng trông đợi việc ban năng quyền cho...(ai đó) (giống như Các Quan Xét). Chính Đức Chúa Trời mới là vị vua thật sự (xem I Sa-mu-ên 8:7).

▣

NASB “gốc tích của Ngài bởi từ đời xưa, từ trước vô cùng”

NKJV “gốc tích Ngài đã có từ đời xưa, từ đời đời”

NRSV “nguồn gốc Ngài là từ đời xưa, từ thượng cổ”

TEV “gốc tích Ngài có từ thời cổ đại”

NJB “nguồn gốc Ngài từ quá khứ xa xôi, từ những ngày xưa”

Hai dòng này là tương tự nhau. ĐỘNG TỪ *đi ra* (BDB 422, KB 425, dạng MỆNH LỆNH Qal) là một động từ thông dụng. Nó được sử dụng trong Mi-chê tám lần (ví dụ [1] Chúa ra từ 1:3, [2] luật pháp của Chúa sẽ ra từ 4:2, và [3] dân Y-sơ-ra-ên hồi cải sẽ được phục hồi trong 7:9 [một chuyến xuất hành mới, 7:15]). Nó có thể ám chỉ đến nguồn gốc của Đấng Mết-si-a (Genenius, theo bản Kinh Thánh NRSV, NJB) hoặc các việc làm của Ngài (xem các câu 4 và 5a).

Hai dòng này có thể ám chỉ đến: (1) Sự hiện hữu từ trước của Đấng Mết-si-a (xem Châm-ngôn 8:22-31; Giăng 1:1,14-15; 8:56-59; 16:28; 17:5; I Cô-rinh-tô 8:9; Phi-líp 2:6-7; Cô-lô-se 1:17; Hê-bơ-rơ 1:3, 10:5-8) hoặc (2) là cách để đề cập đến những danh nhân nổi tiếng trong quá khứ (Áp-ra-ham, Nô-ê, hoặc có thể là Đa-vít). Cả câu này ám chỉ đến một vị vua thuộc dòng Đa-vít, từ quê hương của Đa-vít. Đa-vít đã được xem là vị vua lý tưởng.

Chữ “vĩnh viễn” (BDB 761) là *'olam*. Xem chủ đề đặc biệt: Đời đời (*'Olam*) trong Ô-sê 2:19.

Bộ NIDOTTE, quyển 3, trang 347, phân tích về chữ *'olam* có nhận xét như sau: “Có sự thu hút để xem chỗ này là dẫn chứng cho sự hiện hữu từ trước đời đời của Đấng Mết-si-a, nhưng ý tưởng này không hề có trong kinh văn của người Do Thái cũng như trong những tác phẩm văn chương sau đó cho đến tác phẩm 'Similitudes of Enoch' (có khoảng trong thế kỷ thứ nhất trước Chúa - thế kỷ thứ nhất sau Chúa, tham khảo I Ê-nôch 48:2-6”

Tôi nghĩ rằng, mặc dù có những gợi ý trong Cựu Ước về sự nhập thể, nhưng các nhà lãnh đạo Do Thái thời Đức Chúa Giê-xu rất kinh ngạc vì lời tuyên bố Ngài bình đẳng với Đức Chúa Trời (Mác 2:5-7, Giăng 1:1-14; 8:58 và, Phao-lô trong II Cô-rinh-tô 4:4; Cô-lô-se 1:15; Phi-líp 2:6; Tít 2:13). Một phần danh sách các bản văn Cựu Ước đã được sử dụng để khẳng định thần tính của Đức Chúa Giê-xu như sau:

1. Thi thiên 2:7, được trích dẫn trong Hê-bơ-rơ 1:5 (đặc biệt 1:2-3)
2. Thi thiên 45:6-7 được trích dẫn trong Hê-bơ-rơ 1:8-9
3. Thi thiên 110:1 được trích dẫn trong Hê-bơ-rơ 1:13
4. Ê-sai 9:6; Giê-rê-mi 23:5-6; Mi-chê 5:2 ám chỉ trong Luca 1:32
5. Đa-ni-ên 7:13 trích dẫn trong Ma-thi-ơ 26:64; Mác 14:62
6. Xa-cha-ri 13:7 trích dẫn trong Ma-thi-ơ 26:31, Mác 14:27

7. Ma-la-chi 3:1 trích dẫn trong Mác 1:1-3, Lu-ca 2:26-27
Xem chủ đề đặc biệt: Đức Chúa Trời Ba Ngôi theo sau.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: BA NGÔI ĐỨC CHÚA TRỜI

Cần phải chú ý vào công tác của cả Ba Ngôi Đức Chúa Trời. Tertullian là người đầu tiên dùng chữ “Ba ngôi” rồi tiếp tục được phổ biến, mặc dù Kinh Thánh không có dùng từ này.

1. Các sách Phúc âm
 - a. Ma-thi-ơ 3:16-17; 20:19 (và những câu tương ứng)
 - b. Giăng 14:26
2. Công-vụ 2:32-33, 38-39
3. Phao-lô
 - a. Rô-ma 1:4-5; 5:1,5; 8:1-4,8-10
 - b. I Cô-rinh-tô 2:8-10; 12:4-6
 - c. II Cô-rinh-tô 1:21; 13:14
 - d. Ga-la-ti 4:4-6
 - e. Ê-phê-sô 1:3-14,17; 2:18; 3:14-17; 4:4-6
 - f. I Tê-sa-lô-ni-ca 1:2-5
 - g. II Tê-sa-lô-ni-ca 2:13
 - h. Tít 3:4-6
4. Phi-e-rơ trong I Phi-e-rơ 1:2
5. Giu-đe trong câu 20,21

Cựu ước cũng có gợi ý về Ba Ngôi

1. Sử dụng số nhiều để chỉ Đức Chúa Trời
 - a. Danh hiệu *Elohim* là số nhiều, nhưng khi dùng cho Đức Chúa Trời nó luôn luôn có động từ ở số ít đi theo.
 - b. Chữ “chúng ta” trong Sáng-thế-ký 1:26-27; 3:22; 11:7
 - c. Chữ “Một” trong kinh *Shema* trong Phục truyền 6:4 ở số nhiều (cũng như trong Sáng-thế-ký 2:24; Ê-xê-chi-ên 37:17)
2. Thiên sứ của Chúa là đại diện thấy được của thần linh
 - a. Sáng-thế-ký 16:7-13; 22:11-15; 31:11,13; 48:15-16
 - b. Xuất Ê-díp-tô ký 3:2,4; 13:21; 14:19
 - c. Các quan xét 2:1; 6:22-23; 13:3-22
 - d. Xa-cha-ri 3:1-2
3. Đức Chúa Trời và Thánh Linh riêng biệt nhau, Sáng-thế-ký 1:1-2; Thi thiên 104:30; Ê-sai 63:9-11; Ê-xê-chi-ên 37:13-14
4. Đức Giê-hô-va (YHWH) và Đấng Mết-si-a (*Adon*) riêng biệt nhau, Thi thiên 45:6-7; 110:1; Xa-cha-ri 2:8-11; 10:9-12
5. Đấng Mết-si-a và Thánh Linh phân biệt với nhau, Xa-cha-ri 12:10
6. Cả ba đều được nói đến trong Ê-sai 48:16; 61:1

Thần tánh của Chúa Jêsus và thân vị Đức Thánh Linh đã gây ra nhiều vấn đề cho những tín hữu nghiêm khắc sống ở thời kỳ đầu vẫn còn theo chủ nghĩa độc thần:

1. Tertullian cho rằng Đức Chúa Con ở dưới Đức Chúa Cha
2. Origen hạ thấp bản chất thần linh của Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh
3. Arius không chấp nhận thần tính của Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh

4. Monarchianism tin vào sự bày tỏ lần lượt của Đức Chúa Trời

Khái niệm Ba Ngôi là một mô thức được phát triển qua lịch sử dưới sự soi sáng của dữ liệu Kinh thánh

1. Thần tính đầy đủ của Chúa Jê-sus, ngang bằng với Đức Chúa Cha, được xác nhận trong Giáo hội nghị Nicea vào năm 325.
 2. Thân vị và thần tính đầy đủ của Đức Thánh Linh bằng với Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con được xác nhận trong Giáo hội nghị Constantinople năm 381.
 3. Giáo lý Ba Ngôi được trình bày đầy đủ trong tác phẩm *De Trinitate* của Augustine
- Đúng! Đây là một sự mâu nhiệm. Dường như Tân Ước xác nhận một bản thể thần linh với sự thể hiện ba ngôi vị đời đời.

5:3 “Vậy nên Ngài sẽ phó chúng nó cho đến lúc” Trong văn mạch ĐẠI TỪ (Ngài) có thể ám chỉ đến (1) Đức Giê-hô-va hoặc (2) Đấng Mết-si-a. Tôi nghĩ rằng nó đề cập đến Đức Giê-hô-va trong câu 3, dòng 1 và nói đến Đấng Mết-si-a trong câu 3, dòng 3. Nó có chủ đích dùng cho cả hai (mơ hồ). ĐỘNG TỪ (BDB 678, KB 733, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal) là một ĐỘNG TỪ thông dụng khác, có thể có nghĩa là “cho”, “đặt”, hoặc “thiết lập”. Ở đây nó nghĩa là “giao nộp”, thường là trong một bối cảnh phán xét (xem Dân số Ký 21:3; Các Quan Xét 20:13; I Sa-mu-ên 11:12, II Sa-mu-ên 14:7, 20:21; I Các vua 14:16; Ô-sê 11:8).

▣ **“người đờn bà phải sanh để đã sanh để”** Có thể có vài trường hợp trước đó trong Kinh thánh:

1. Nó quay lại lời hứa đầu tiên của Đức Giê-hô-va về sự cứu chuộc bởi một người nam được sinh ra từ dòng dõi người nữ trong Sáng thế Ký 3:15.
2. Nó liên quan đến Ê-sai (đồng thời với Mi-chê) mà vài năm trước đó đã nói đến một việc sinh con cách đặc biệt (xem Ê-sai 7:14; 9:6; 11:1-16).
3. Nó quay trở lại 4:9-10, ở đó cũng dùng cùng cách ẩn dụ cho Giê-ru-sa-lem.
4. Nó liên quan đến cộng đồng Mết-si-a (là số người trung tín còn lại) sinh ra Đấng Mết-si-a, giống như trong Khải huyền 12.

Toàn bộ ý chính của câu 3 là Chúa đã cho phép một sự phán xét có giới hạn để không chế dân sự của Ngài trong giao ước mà lại vô tín để rồi phục hồi họ lại cách vinh hiển.

▣ **“và kẻ sót lại của anh em Ngài sẽ trở về với con cái Y-sơ-ra-ên”** Câu này có thể ám chỉ đến một hoặc hai nhóm: (1) “người còn sót lại” và (2) “các con trai của Y-sơ-ra-ên” (xem Ê-sai 10:20-27). Theo phương diện lịch sử điếm này đề cập đến những người Do Thái đã bị dẫn đi lưu đày đoàn tụ với những người Do Thái vẫn ở trong Đất Hứa, nhưng theo phương diện lai thế thì nó đề cập đến “tất cả Y-sơ-ra-ên” (xem Rô-ma 9-11, đặc biệt 9:6). Expositor’s Bible Commentary, quyển 7, trang 428, nói rằng chỗ này đề cập đến “những anh em” của người cai trị (xem câu 2). Cũng như mọi khi, lời tiên tri bằng thơ thì ngắn, không rõ ràng và khó để giải thích. Hầu như không thể giải thích nó nếu không có (1) một bối cảnh lịch sử cụ thể, (2) một mạch văn và (3) những khúc Kinh Thánh Cựu Ước và Tân Ước tương tự. Nên xem quyển *Plowshares and Pruning Hooks: Rethinking the Language of Biblical Prophecy and Apocalyptic* của D. Brent Sandy (đây là một cuốn sách rất hữu ích cho tôi trong việc giải nghĩa sách tiên tri).

▣ **“trở về”** Có một cách chơi chữ ở từ *shub* (BDB 996, KB 1427, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal), nó có nghĩa:

1. Sự trở về theo nghĩa đen (từ lưu đày)
2. Ăn năn hối cải trong tâm linh (không thờ hình tượng và nổi loạn)

Điều này ám chỉ đến 2:12-13 và 4:6-8.

5:4 Đây là mô tả các đặc điểm cai trị của Đấng Mết-si-a (xem Ê-sai 9:6-7; 11:1-5,6-9,11-16):

1. Ngài sẽ đứng (còn mãi hoặc y nguyên, Thi thiên 102:26; 111:3,10; 112:3,9; Truyền Đạo 1:4; Ê-sai 14:26; 66:22; A-ghê 2:5)
2. Ngài sẽ sẽ chặn dất dân sự của Ngài (Đa-vít là một người chặn chiên. Đức Giê-hô-va được ông mô tả bằng các chữ này trong Thi thiên 23)
3. Ngài sẽ đến trong sức mạnh của Chúa
4. Ngài sẽ đến trong sự oai nghi của danh Chúa là Đức Chúa Trời của mình.
5. Ngài sẽ là vĩ đại
6. Ngài sẽ cai trị đến tận cùng của trái đất (BDB 75, ví dụ như Thi thiên 2:8, 22:27-28, 59:13, 72:8)
7. Trong câu 5, dòng 1 (nó nên đi với câu 4), Ngài sẽ cai trị trong hòa bình (xem câu 4, dòng 4)

Chú ý cách thức 5:4 mô tả về khoảng thời gian đó cũng giống như 4:1-4 (mô tả).

5:5a “Ấy chính Ngài sẽ làm sự bình an của chúng ta” Sự bình an là chữ *shalom* trong tiếng Hê-bơ-rơ (BDB 1022). Nó nói về sự trọn vẹn. Người Do Thái dùng nó như một lời chào và tạm biệt. Cách sử dụng theo ý nghĩa lai thể của nó ở đây là có thể là ngược lại với thông điệp về sự hòa bình của các tiên tri giả đương thời (xem 3:5 và 5:5, dòng 2, câu 6).

Câu này nói về một người cai trị sẽ mang lại hòa bình (xem câu 4) và chính Ngài sẽ được gọi là sự bình an (xem Ê-sai 9:6; Ê-phê-sô 2:14)

BẢN NASB 5:5b-9

Khi người A-si-ri sẽ đến trong đất chúng ta và giày đạp trong cung đền chúng ta, thì chúng ta sẽ dấy lên bảy kẻ chặn và tám quan trưởng của dân mà nghịch lại nó. ⁶ (5-5) Họ sẽ dùng gươm hủy phá đất A-si-ri, và các cửa của đất Nim-rốt; và Ngài sẽ giải cứu chúng ta khỏi người A-si-ri, khi nó sẽ vào đất chúng ta, và giày đạp trong bờ cõi chúng ta. ⁷ (5-6) Phần sót lại của Gia-cốp sẽ ở giữa nhiều dân, như giọt móc đến từ Đức Giê-hô-va, như mưa nhỏ sa xuống trên cỏ, chẳng đợi người ta và không mong gì ở con trai loài người. ⁸ (5-7) Phần sót lại của Gia-cốp cũng sẽ ở giữa các nước và ở giữa nhiều dân, như sư tử ở giữa những thú rừng, và như sư tử con ở giữa các bầy chiên: khi nó đi qua thì chà đạp và cắn xé, không ai cứu được hết. ⁹ (5-8) Nguyên tay Chúa dấy lên trên những kẻ cừ địch Ngài, và những kẻ thù Ngài bị trừ diệt!

5:5 dòng 2 đến câu 9 A-si-ri là công cụ lựa chọn của Chúa để trừng phạt Y-sơ-ra-ên (xem Ê-sai 10:5). Dân giao ước của Chúa đã đi xa đến mức thờ Ba-anh và họ đã không còn biết Đức Giê-hô-va (xem Ô-sê 11:1-4). Chúa phá bỏ Giao Ước của Ngài để Ngài có thể thiết lập lại nó. A-sy-ri là một sự phán xét giới hạn (xem câu 3).

Khoảng thời gian của khúc Kinh Thánh này thì không biết rõ. A-si-ri có thể là một cách nói đến tất cả các quốc gia chống nghịch Đức Giê-hô-va (xem Xa-cha-ri 10:10-11), tương tự như tên Ba-by-lôn (được sử dụng trong sách Khải Huyền).

5:5 “thì chúng ta sẽ dấy lên bảy kẻ chặn và tám quan trưởng của dân mà nghịch lại” Những

con số nối tiếp nhau theo thứ tự là thông thường trong tiếng Ugaritic và văn chương Cựu Ước (Châm-ngôn 6:16; 30:15,18,21,29, A-môt 1:3,6,9,11,13; 2:1,4,6, và một ví dụ khác là trong sách ngụy kinh Ecclesiasticus 11:25). Điều quan trọng là có một số lượng đầy đủ các nhà lãnh đạo tin kính để thực hiện ý chỉ của Đức Giê-hô-va trong ngày đó. A-si-ri sẽ bị Đức Giê-hô-va phán xét lúc cuối cùng (xem Ê-sai 10:24-27).

Có một câu hỏi là tại sao bản văn có cụm từ “chúng ta sẽ dấy lên (nổi dậy)” (BDB 877, KB 1086, dạng HOÀN THÀNH Hiphil). Có phải cụm từ này ám chỉ rằng Y-sơ-ra-ên tản lạc sẽ là khởi nguồn cho sự giải cứu của Đức Chúa Trời hay đây chỉ là một cách đề cập đến những việc làm của Đức Chúa Trời (xem câu 3 dòng 1) hoặc của Đấng Mết-si-a của Ngài (câu 3 dòng 3; vv 4-5 dòng 1)? Sự căng thẳng tương tự được thấy rõ khi so sánh, “chúng ta sẽ dấy lên”, câu 5 dòng 4 và “họ sẽ chặn”, câu 6 dòng 1 và “Ngài sẽ giải cứu” (BDB 664, KB 717, dạng HOÀN THÀNH Hiphil) câu 6 dòng 3.

Sự mơ hồ của bản văn này và không có bất kỳ cơ sở lịch sử nào về việc các binh sĩ Do Thái đánh bại A-sy-ri khiến nhiều người (để cho hợp lý) cho rằng (1) A-sy-ri là đại diện cho bất kỳ cường quốc thế giới nào chống nghịch với dân sự của Đức Chúa Trời và (2) người chiến thắng không phải là “họ” nhưng là “Ngài” (người cai trị lý tưởng của các câu 2-5a) sẽ đánh bại tất cả các phe chống đối vào thời kỳ cuối cùng (tương tự như Thi thiên 2 hoặc Ê-xê-chi-ên 38-39 hoặc Đa-ni-ên 11:36-45).

5:6 “Nim-rôt” Tên này (BDB 650) liên quan đến việc thành lập nước Ba-bên (là Ba-by-lôn) và Ni-ni-ve (là A-si-ri trong Sáng thế Ký 10:8-12). Nim-rôt được gọi là một thợ săn hùng mạnh, người thành lập vương quốc đầu tiên của vùng Mê-sô-pô-ta-mi (“vùng đất giữa các con sông” sông Tigris và Euphrates). Vì vậy, hai chữ A-sy-ri và Nim-rôt (1) chỉ đơn giản là từ đồng nghĩa hoặc (2) là nói đến Ba-by-lôn hiện thời dưới triều Nebopolassar và Nebuchadnezzar.

▣ **“Ngài sẽ giải cứu chúng ta khỏi người A-si-ri, khi nó sẽ vào đất chúng ta”** Đây không phải là những gì đã xảy ra trong lịch sử. Vì vậy, câu này là:

1. Sự tương ứng trong tương lai, đó là Si-ru (Ba-by-lôn sụp đổ năm 539 trước Chúa, xem Ê-sai 44-45)
2. Điều liên quan đến lai thế trong tương lai (là thời đại của Đấng Mết-si-a)
3. Nhắc lại sứ điệp của các tiên tri giả đương thời (ý này có thể đúng hơn)

5:7-9 Trong sách Mi-chê (và các tiên tri khác) thường có lời hứa rằng Chúa sẽ đem dân còn sót lại của Ngài trở về Giê-ru-sa-lem (xem chủ đề đặc biệt trong 2:12). Xem chủ đề cũng đặc biệt: Những Lời Tiên Báo Về Tương Lai Trong Cựu Ước Và Tân Ước trong 4:7. Tuy nhiên theo bối cảnh này thì Chúa sẽ phân tán phần còn lại của những người tin cậy trung tín trên khắp đất để họ có thể là một phước lành (là “sương móc từ Đức Giê-hô-va”), câu 7 và người lãnh đạo bảo vệ công lý và sự tin kính, câu 8. Nếu điều này là chính xác thì Đức Giê-hô-va dùng sự lưu đày để làm tản lạc dân Ngài (mục đích trong sách Sáng thế Ký “sinh sôi và nẩy nở”, nhưng nhân loại sa ngã đã không chịu thực hiện, xem Sáng thế Ký 10-11). Dân sự tan lạc của Chúa là những chứng nhân của Ngài cho mọi quốc gia là thực hiện Sáng thế Ký 12:2-3; 22:18; 26:4, Công vụ Các sứ đồ 3:25; Ga-la-ti 3:8.

Tuy nhiên, tôi phải chấp nhận rằng có thể xem cả hai cụm từ (các câu 7-8) liên hệ đến sự phán xét (xem câu 9; II Sa-mu-ên 17:12). Có nhiều cuộc thảo luận về việc câu này đề cập đến ai. Một số người xem như nó nói về dân Y-sơ-ra-ên tản lạc, một số khác xem là nó nói đến dân sự của Đức Chúa Trời vào thời kỳ cuối cùng (xem Rô-ma 9-11; 2:28-29; Ga-la-ti 3).

Có thể đúng là nên dựa theo toàn thể bối cảnh này (là 5b-9) thì nó phản ánh những hy

vọng và tiên báo sai lầm của các tiên tri giả (xem 3:5). Tính cách đặc trưng của Mi-chê là sự chuyển đổi dứt khoát từ sự phán xét sang sự cứu rỗi. Nếu vậy thì 5:1-5a là lời tiên báo của vị tiên tri chân thật, trong khi 5:5b-9 liên quan đến hy vọng sai lầm của các tiên tri giả.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHỮNG THIÊN LỆCH THEO QUAN ĐIỂM TIN LÀNH CỦA BOB.

Tôi phải thừa nhận với bạn đọc rằng tôi thiên lệch tại điểm này. Thần học hệ thống của tôi không phải là Calvinism hay Dispensationalism, nhưng nó theo Đại Mạng Lệnh. Tôi tin rằng Đức Chúa Trời đã có một kế hoạch vĩnh cửu để cứu chuộc tất cả nhân loại (ví dụ, Sáng thế Ký 3:15; 12:3; Xuất Ê-díp-tô Ký 19:5-6; Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 18; 36:22-39; Công vụ Các sứ đồ 2:23; 3:18; 4:28; 13:29; Rô-ma 3:9-18,19-20,21-32), tất cả những người được tạo ra theo hình ảnh của Ngài (xem Sáng thế Ký 1:26-27). Những giao ước đều hiệp nhất trong Đấng Christ (xem Ga-la-ti 3:28-29; Cô-lô-se 3:11). Đức Chúa Giê-xu là sự mâu nhiệm của Đức Chúa Trời, đã bị che dấu nhưng bây giờ được giải bày (xem Ê-phê-sô 2:11-3:13)!

Quan điểm có trước này tác động tất cả mọi sự giải nghĩa Kinh Thánh của tôi (ví dụ như Giô-na). Tôi đọc tất cả các bản văn đều thông qua quan điểm này. Chắc chắn đó là một sự thiên lệch (tất cả các nhà giải kinh đều có), nhưng nó là một tiền giả định được lấy ra từ Kinh Thánh.

5:7 “giọt móc” “Sương móc” trong Cự Ước có nhiều ý nghĩa:

1. Phước lành của Chúa, Sáng thế Ký 27:28; Dân số Ký 11:9; Phục truyền Luật lệ Ký 33:13,28; Châm-ngôn 19:12, Ô-sê 14:5; Xa-cha-ri 8:12
2. Thiếu nó có nghĩa là sự rửa sạch của Chúa, II Sa-mu-ên 1:21; Các vua 17:1; A-ghe 1:10
3. Nó bốc hơi nhanh dưới ánh mặt trời, vì vậy nó là hình ảnh ẩn dụ cho những gì ngắn ngủi, chóng qua, Xuất Ê-díp-tô Ký 16:13-14; Ê-sai 18:4; Ô-sê 6:4; 13:3 (tương tự như sương mù, hơi, khói)
4. Hình ảnh ẩn dụ cho cuộc sống hoặc tuổi trẻ, Ê-sai 26:19
5. Hình ảnh ẩn dụ chỉ sự lan ra khắp nơi, II Sa-mu-ên 17:12 (tham khảo quyển *Dictionary of Biblical Imagery*, trang 206-207)



NASB	“chờ đợi”
NKJV	“trì hoãn”
NRSV	“phụ thuộc vào”
TEV	-----
NJB	“phụ thuộc vào”

ĐỘNG TỬ này (BDB 875 I, KB 1082, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Piel) ở dạng Piel có ba ý nghĩa chính:

1. Háo hức tìm kiếm, Gióp 3:9; 6:19; Ê-sai 5:2,4,7; 59:9,11; Giê-rê-mi 8:15; 13:16; 14:19,22; Ô-sê 12:6
2. Nằm chờ đợi, Thi thiên 56:6; 119:95
3. Chờ đợi (lâu dài), Mi-chê 5:7

Con người kiên nhẫn chờ đợi hơi âm bởi vì họ không có thể làm gì để tạo ra nó. Nó phải đến từ Chúa. “

▣	
NASB	“chậm trễ”
NKJV, NRSV	“chờ đợi”
TEV	-----
NJB	-----

ĐỘNG TỬ này (BDB 403, KB 407, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Piel) trong dạng Piel có hai ý nghĩa:

1. chờ đợi, Mi-chê 5:7
2. hy vọng, Mi-chê 7:7

Con người biết rằng có một phần trong sự sống (là sức sống tâm linh) mà họ không thể tự mình tạo ra, chế biến, hoặc bổ sung.

▣ Rõ ràng là các câu 7 và 8 là đi song song với nhau trong cấu trúc. Vấn đề giải nghĩa tại đây là chúng có song song (tương đương) trong việc nhấn mạnh (ý nghĩa) không? Câu 7 dường như nhấn mạnh ý tích cực, nhưng câu 8 có vẻ như tiêu cực (so sánh với câu 9).

Chúng có thể là một ví dụ về thể loại song đối phản đề (ví dụ như, Châm-ngôn 19:12 sử dụng cả hai chữ “sự tử” và “sương móc”). Dân Y-sơ-ra-ên tản lạc sẽ gồm có cả phước lành và rửa sả. Qua họ Đức Chúa Trời sẽ đem chân lý đến cho các quốc gia khác nhưng cũng có cả sự phán xét. Sự hiểu biết gánh lấy trách nhiệm đối với nó (xem Lu-ca 12:48).

▣ “**sự tử**” Sự tử là hình ảnh ẩn dụ phổ biến cho sức mạnh và quyền lực trong vùng Cận Đông cổ đại. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Tử Trong Cựu Ước Trong Ô-sê 5:14.

▣ “**không ai cứu được hết**” Đây là một thành ngữ chỉ quyền năng của Đức Chúa Trời (xem Phục truyền Luật lệ Ký 32:39; Gióp 10:7; Thi thiên 50:22; Ô-sê 5:14 và những cụm từ có liên quan trong Gióp 9:12; 23:13; và Ê-sai 42:44).

5:9 Khổ thơ trong các câu 7-9 là mơ hồ nên có một số giả thuyết đã được đặt ra từ những dịch giả và nhà giải kinh. Câu 9 có thể là một bản tóm tắt rõ ràng về câu 7-8 và đề cập trực tiếp đến dân còn sót lại chiến thắng lúc tận thế.

Chữ “cắt bỏ” (BDB 503, KB 500, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Niphal, có thể có nghĩa MỆNH LỆNH (JUSSIVE)) dường như báo trước các câu 10-13, những câu này là mạch văn rõ ràng về sự phán xét có liên quan đến xã hội người Ca-na-an tin cậy vào”

1. Quân đội của họ
2. Đồn lũy, pháo đài của họ
3. Những nghi lễ tôn giáo và thân tượng của họ

Niềm hy vọng và sự thờ phượng sai lạc này ảnh hưởng đến nhiều quốc gia trong và xung quanh xứ Ca-na-an (xem Sáng thế Ký 15:16), gồm có cả Y-sơ-ra-ên và Giu-đa.

BẢN NASB 5:10-15

¹⁰ (5 -9) Đức Giê-hô-va phán: Xảy ra trong ngày đó, ta sẽ cắt hết những ngựa người khỏi giữa người, và diệt hết xe người. ¹¹ (5-10) Ta sẽ trừ hết các thành của đất người, và sẽ phá đổ mọi đồn lũy người. ¹² (5-11) Ta sẽ cắt bỏ đồng bóng khỏi tay người, và người sẽ không có những thầy bói nữa. ¹³ (5-12) Ta sẽ làm cho tiệt những tượng chạm và trụ tượng khỏi giữa người, người sẽ không còn quỳ lạy trước công việc của tay mình làm ra. ¹⁴ (5-13) Ta sẽ nhổ tượng Át-tạt-tê khỏi giữa người, và hủy diệt các thành người. ¹⁵ (5-14) Ta sẽ làm sự báo thù ra trên những nước không nghe theo ta, trong cơn ta nổi giận và căm tức.

5:10-15 Dân sự của Chúa đã không tin cậy vào Chúa, nhưng tin cậy (1) vào sức mạnh quân sự của họ, câu 10, (2) thành trì kiên cố của họ, câu 11 (3) các trò đồng bóng, phù phép của họ, câu 12, và (4) sự thờ lạy thần tượng của họ, các câu 13-14 (ví dụ, Ê-sai 2:8). Đức Giê-hô-va phải ngăn chặn điều này bằng cách khẳng định quyền năng và ý muốn của Ngài. Việc sử dụng chữ “Ta” được lặp đi lặp lại làm cho tôi nhớ lại Ê-xê-chi-ên 36:22-38 (mô tả của Giao Ước Mới).

5:10 “trong ngày đó” Cụm từ này ám chỉ đến ngày phán xét của Chúa (xem 4:1, 6).



NASB, NKJV	“cắt đứt”
NRSV	“phá hủy”
TEV	“lấy đi”
NJB	“xé đi...xé bỏ”

ĐỘNG TỪ này (BDB 503, KB 500, dạng HOÀN THÀNH Hiphil) ở dạng Hiphil được dùng trong ẩn dụ thông thường (“cắt đứt”) để chỉ sự hủy diệt và loại bỏ hoàn toàn (ví dụ, các câu 9-13; Ê-sai 9:14; 10:7; 14:22, A-mốt 1:5,8; 2:3; Xa-cha-ri 9:10).

▣ **“ngựa”** Dân sự của Chúa (là các vua) chống lại mạng lệnh trực tiếp từ Chúa (xem Phục truyền Luật lệ Ký 17:16), đã xuống Ai Cập để tăng cường sức mạnh quân sự (chiến xa do ngựa kéo). Điều này không cần phải đúng theo nghĩa đen, nhưng là tượng trưng cho sức mạnh quân sự của mọi thời đại.

▣ **“xe ngựa”** Những xe ngựa cũng là vũ khí tối quan trọng của thời đại đó. Chúng dường như đã được đem vào vùng này (có nguồn gốc từ Hyksos ở Ai Cập) do những người Phê-ni-xi hoặc người Phi-li-tin, họ bọc quanh chúng bằng sắt và biến chúng thành vũ khí đáng gờm nhất.

5:11 “và sẽ phá đổ mọi đồn lũy người” Từ các tài liệu của người A-sy-ri mà chúng ta biết được vào năm 701 trước Chúa, Sennacherib chiếm giữ 46 thành phố có tường bao quanh của Giu-đa (xem câu 14b).

5:12 “đồng bóng...thầy bói” Các câu 12 đến 14 nói lên các việc làm của các thầy phù thủy (BDB 506, cố gắng tìm hiểu và kiểm soát tương lai) giữa vòng dân sự của Đức Chúa Trời. Họ bị lên án trong Lê-vi Ký 19:26 và Phục truyền Luật lệ Ký 18:9-22. Nhiều người đã được Giê-sa-bên đưa vào Y-sơ-ra-ên (xem II Các vua 9:22).

5:13 “tượng chạm...trụ tượng...công việc của tay mình” Những thứ này đều có liên quan đến các thần tượng khác nhau mà dân sự của Chúa thờ lạy (xem Sáng thế Ký 28:18,22; Phục truyền Luật lệ Ký 16:22).

5:14

NASB	“Át-tạt-tê”
NKJV	“tượng gỗ”
NRSV, NJB	“trụ thờ”
TEV	“những hình tượng của nữ thần A-sê-ra”

Chữ này nói đến một số loại cột gỗ (BDB 81, khúc gỗ có chạm khắc hoặc cây còn sống tượng trưng cho cây sự sống) được đặt kế bên những hòn đá dựng đứng trên bàn thờ Ba-anh (những nơi cao). Nó làm biểu tượng cho nữ thần sinh sản của Ca-na-an (ví dụ, Phục truyền Luật

lệ Ký 7:5, 12:3, 16:21; Các Quan Xét 3:7; 6:25,26, I Các vua 14:23; II Các vua 18:4 ; II Sử ký 31:1), còn những trụ tượng của câu 13 chỉ về nam thần sinh sản (là Ba-anh). Những nam và nữ thần sinh sản ngoại quốc này đã được đem vào từ Phê-ni-xi (bởi Giê-sa-bên) và rất phổ biến trong dân sự của Đức Chúa Trời (xem I Các vua 18-19).



NASB, NKJV, TEV, NJB “các thành của người”
NRSV “thành của người”

Một số học giả suy đoán rằng bởi vì “những thành phố” được giới thiệu trước đó (câu 11, BDB 746) nên chữ có cùng một gốc ở đây chắc phải đi song song với chữ “Át-tạt-tê “ của câu 14 dòng 1. Để làm như vậy họ đã phỏng đoán một từ gốc Ugaritic hoặc có thể là gốc tiếng Ả Rập (xem bản REB, “những bàn thờ vung vãi máu”). Phân ghi chú của Jewish Study Bible và NET Bible gợi ý sự chỉnh sửa dẫn đến có chữ “những thần tượng.”

5:15 “Ta sẽ làm sự báo thù ra...trong cơn ta nổi giận và căm tức” Các chữ (có GIỚI TỪ “trong” cặp theo) “tức giận” (BDB 60 I) và “cơn thịnh nộ” (BDB 404) là những chữ nhấn mạnh để tăng cường ý nghĩa (trong cơn thịnh nộ dữ dội).

Có quan điểm khác xem câu 15 là một ý tưởng riêng biệt. Đức Giê-hô-va sẽ thanh tẩy và khôi phục lại dân sự giao ước bị lưu đày của Ngài, nhưng đối với những quốc gia không đáp ứng (xem câu 7) Ngài sẽ tiêu diệt tất cả các kẻ thờ hình tượng.

▣ **“trên những nước không nghe theo ta” ĐÔNG TỪ** (BDB 1033, 1570 KB, dạng HOÀN THÀNH Qal) có nghĩa nghe để tuân theo. Xem ghi chú trong 4:1. Cùng một chữ, nhưng trong hình thức MỆNH LỆNH, được lặp đi lặp lại trong 6:1.

Các quốc gia đã nghe nói về Đức Giê-hô-va nhờ dân tộc giao ước tản lạc vì đi đày, nên họ phải đáp ứng với lễ thật mà họ đã nghe (xem câu 7).

Điều này dường như hoàn toàn nằm ngoài bối cảnh so với những đoạn văn trước đó, tuy nhiên, nó nhấn mạnh lễ thật rằng Đức Chúa Trời không có sự thiên vị đối với các quốc gia, thậm chí ngay cả Y-sơ-ra-ên và Giu-đa. Ngài là Đức Chúa Trời của trái đất, nhưng chỉ có dân sự giao ước có Lời Ngài qua các vị tiên tri đích thực của Ngài.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Tại sao rất quan trọng khi Mi-chê, người đã sống 750 năm trước khi Đức Chúa Giê-xu sinh ra, đã có thể xác định được chính xác nơi giáng sinh của Ngài?
2. Tại sao các câu 7-9 rất khác thường trong bối cảnh của các tiên tri thế kỷ thứ 8?
3. Đất nước của chúng ta giống như thế nào với Y-sơ-ra-ên trong liên hệ các câu 10-14?
4. Bạn giải thích như thế nào về sự giống nhau của Ê-sai 2:6-8 với Mi-chê 5:10-14?

MI-CHÊ ĐOẠN 6

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Đức Chúa Trời khuyên nài Y-sơ-ra-ên	Một loạt những lời than trách, ngăn dọ và tố cáo chống nghịch mọi tầng lớp dân Y-sơ-ra-ên (6:1-7:7)	Vụ án Đức Chúa Trời kiện Y- sơ-ra-ên	Vụ án Đức Giê-hô-va kiện Y-sơ-ra-ên
6:1-2	6:1-2	6:1 6:2	6:1-5
6:3-5	6:3-5	6:3-5 Những điều Đức Chúa Trời đòi hỏi	
6:6-7 6:8	6:6-8	6:6-8	6:6-8
Trừng phạt sự bất công của Y-sơ-ra-ên			Chống nghịch lại những kẻ lừa đảo trong thành phố
6:9-12	6:9-16	6:9-16	6:9-15
6:13-16			Ví dụ về Sa-ma-ri 6:16

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phần đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

DÀN Ý TÓM TẮT CỦA ĐOẠN 6

- A. Đức Giê-hô-va đưa dân sự của Ngài ra tòa trong các câu 1-5. Ngài dẫn chứng sự thành tín của Ngài dành cho họ trong các câu 3-5. Đây là phương cách phổ biến trong văn chương các sách tiên tri (ví dụ, Ê-sai 1; Giê-rê-mi 2; Ô-sê 4).
- B. Dân sự trả lời những cáo buộc của Đức Chúa Trời trong các câu 6-7.
- C. Vị tiên tri đại diện cho Đức Giê-hô-va tóm tắt lại ý chỉ của Chúa cho dân sự Ngài trong câu 8.
- D. Vị tiên tri đại diện cho Đức Giê-hô-va vạch trần những tội lỗi của những người giàu có, quyền thế của Y-sơ-ra-ên trong các câu 9-16. Bởi vì họ mà những lời rủa sả của giao ước trong Lê-vi Ký 26 và Phục truyền Luật lệ Ký 28 được đem ra dẫn chứng cho lúc này (ví dụ, Lê-vi Ký 26:26; Phục truyền Luật lệ Ký 28:15,18,40,51).

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

BẢN NASB 6:1-5

¹ Bây giờ hãy nghe lời Đức Giê-hô-va phán: Ngươi hãy chỗi dậy; khá đối nại cùng các núi, và làm cho các đồi nghe tiếng ngươi! ² Hỡi các núi, và các nền tảng vững chắc của đất, hãy nghe lời đối nại của Đức Giê-hô-va! Vì Đức Giê-hô-va có sự đối nại với dân Ngài, và Ngài sẽ đối nại với Y-sơ-ra-ên. ³ Hỡi dân ta, ta đã làm gì cho ngươi? Ta đã làm một nhọc ngươi nổi gì? Hãy làm chứng nghịch cùng ta. ⁴ Ta đã đem ngươi lên khỏi đất Ê-díp-tô, đã chuộc ngươi ra khỏi nhà tôi mọi, và đã sai Môi-se, A-rôn, Mi-ri-am đến trước mặt ngươi. ⁵ Hỡi dân ta, khá nhớ lại mưu của Ba-lác là vua Mô-áp đã mưu và lời của Ba-la-am con trai Bê-ô đáp cùng nó; và nhớ lại sự ta đã làm từ Si-tim đến Ghinh-ganh, hầu cho ngươi biết việc công bình của Đức Giê-hô-va!

6:1-2 “Hãy nghe” Có vài MỆNH LỆNH trong các câu 1-2:

1. “Nghe” (BDB 1033, KB 1570, trong ý nghĩa của một lời cầu nguyện nài xin) - dạng MỆNH LỆNH Qal
2. “Trỗi dậy” (BDB 877, KB 1086) - dạng MỆNH LỆNH Qal
3. “Bào chữa cho ngươi” (BDB 936, KB 1224) - dạng MỆNH LỆNH Qal
4. “Nghe” (BDB 1033, KB 1570) - dạng MỆNH LỆNH Qal được sử dụng theo ý nghĩa JUSSIVE
5. “Nghe” (BDB 1033, KB 1570) - dạng MỆNH LỆNH Qal

“Nghe” là một cách để Mi-chê bắt đầu một phân đoạn mới (xem 1:1; 3:1; 6:1). MỆNH LỆNH thứ hai “trỗi dậy” ở SỐ ÍT GIỐNG ĐỰC. Nó có thể ám chỉ Mi-chê như là phát ngôn viên của Đức Chúa Trời hoặc đại diện chung cho quốc gia. Quan điểm 1 là phù hợp nhất.

Đoạn này là một quan cảnh tại tòa án, như đoạn 1. Lưu ý con số những từ ngữ với ý nghĩa pháp lý:

1. “Trỗi dậy” (là để làm chứng, ví dụ như, Phục truyền Luật lệ Ký 19:15-16 và các nhân chứng giả trong Thi thiên 27:12; 35:11), câu 1
2. “Bào chữa” (là biện luận tại tòa án theo phương diện tiêu cực, ví dụ như, Ê-sai 1:17, 3:13, 97:16; tích cực 7:9, Thi thiên 103:8-14, đặc biệt câu 9; Giê-rê-mi 50:34)

3. “Nghe” (theo nghĩa của bồi thẩm đoàn hoặc thẩm phán, ví dụ như, 1:2)
4. “Lắng nghe” (cùng một chữ số 3)
5. “Bản cáo trạng” (cùng một chữ như số 2)
6. “Một vụ án” (cùng một chữ như số 3 và số 5)
7. “Tranh luận” (BDB 406, KB 410, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Hithpael, là việc kết án của thẩm phán, ví dụ như, Ê-sai 2:4; Mi-chê 4:3)

Đức Giê-hô-va đang ly dị dân sự giao ước của Ngài vì họ cứ tái diễn việc không chung thủy (theo Ô-sê) và phạm tội (theo A-mốt). Quang cảnh tòa án này có thể tiếp tục xuyên suốt đến đoạn 7.

▣ **“cùng các núi...đồi”** Trong Cựu Ước cần có hai nhân chứng để xác nhận sự thật (xem Dân số Ký 35:30; Phục truyền Luật lệ Ký 17:6; 19:5). Đức Giê-hô-va gọi “các núi” và “đồi” để làm chứng chống lại Y-sơ-ra-ên và Giu-đa như Ngài đã làm với “trời và đất” (xem Phục truyền Luật lệ Ký 4:26; 31:28; 32:1; Thi thiên 50:4 và Ê-sai 1:2). Nhiều lần trong Cựu Ước các ngọn núi được nhân cách hóa (ví dụ, II Sa-mu-ên 1:21; Thi thiên 68:15-16; Ê-sai 35:1). Những nơi này là những chỗ (tức là “các nơi cao”) mà thần Ba-anh và A-sê-ra được thờ cúng.

6:2 Câu này là ẩn dụ cho pháp lý. Đức Giê-hô-va thay vì nói với toàn thể dân sự của Ngài là Giu-đa lại chuyển sang nói với các nhân chứng lâu bền, vững chắc, được nhân cách hóa là những núi và đồi.

▣ **“dân sự của Ngài”** Có đặc quyền (dân giao ước, xem câu 3; Rô-ma 9:4-5) nên phải có trách nhiệm.

▣ **“Ngài sẽ đối nại với Y-sơ-ra-ên”** Cụm từ này không nói đến mười bộ tộc phía Bắc (nước Y-sơ-ra-ên) (xem câu 16), nhưng tại đây nói đến tất cả các bộ tộc là hậu duệ của Gia-cốp (cả dân Y-sơ-ra-ên).

6:3-5 Đức Giê-hô-va hỏi dân sự của Ngài: Trong khi Ngài vẫn luôn thành tín, thì tại sao họ cứ tiếp tục nổi loạn. Đức Giê-hô-va đang sử dụng theo mẫu hợp đồng giao ước (dựa theo Hittite Suzerein Treaties của thiên niên kỷ thứ hai, cũng là cái mẫu tạo nên dàn ý của sách Phục truyền Luật lệ Ký và Giô-suê 24) để nhắc lại những việc làm đáng tin cậy của Ngài.

6:3 “ta đã làm gì cho ngươi” Đức Giê-hô-va yêu cầu họ đưa ra những kêu ca, kiện cáo chống lại Ngài (xem Giê-rê-mi 2:5). Như thế nào, ở đâu, khi nào mà Ngài lại không thực hiện trách nhiệm giữ giao ước của Ngài?

▣ **“Trả lời Ta”** Đây là từ ngữ pháp lý (BDB 772, KB 851, dạng MỆNH LỆNH Qal), có nghĩa là “đưa ra bằng chứng chống lại” (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 20:16; Phục truyền Luật lệ Ký 5:20; II Sa-mu-ên 1:16). Đức Giê-hô-va cư xử như là một bên trong vụ kiện ly hôn.

6:4 “Ta đã đem ngươi lên khỏi đất Ê-díp-tô” Câu này nói đến lời hứa của Đức Giê-hô-va dành cho Áp-ra-ham trong Sáng thế Ký 15:6 và liên quan đến các sự kiện của cuộc di cư ra khỏi xứ Ai-cập của dân Do Thái. Cuộc di cư này là giai đoạn quyết định cho lịch sử của quốc gia Y-sơ-ra-ên (Xuất Ê-díp-tô Ký 20:2; Phục truyền Luật lệ Ký 5:6, 7:8). Sự kiện này cho thấy rõ ràng lời cam kết đáng tin của Đức Giê-hô-va với những trách nhiệm trong giao ước của Ngài (ví dụ, A-mốt 2:10; 3:1; 9:7). Ân sủng của Chúa có trước pháp luật Môi-se.

▣ “**đã chuộc**” Từ này có nghĩa đen là “mua lại” (BDB 804, KB 911, dạng HOÀN THÀNH Qal). Nó được dùng theo nghĩa mua lại một người nào đó khỏi thân phận nô lệ hoặc tù nhân chiến tranh. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Cứu Rỗi, Cứu Chuộc trong Ô-sê 7:13.

▣ “**đã sai Môi-se, A-rôn, Mi-ri-am đến trước mặt người**” Đức Chúa Trời đã đem đến những sự mặc khải cần thiết và lãnh đạo tin kính, nhưng dân sự của Ngài đã nổi loạn ngay cả trong cuộc di cư ra khỏi xứ Ai-cập. Dân sự của Chúa đã có một thành tích nổi loạn trong quá khứ (xem bài giảng của Ê-tiên trong Công vụ 7).

Lưu ý Mi-ri-am cũng được đề cập một cách song song với Môi-se và A-rôn.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: PHỤ NỮ TRONG KINH THÁNH

I. Cựu ước

- A. Xét về mặt văn hóa, phụ nữ được xem như các vật sở hữu
 - 1. Nằm trong danh sách những vật sở hữu (Xuất Ê-díp-tô ký 20:17)
 - 2. Luật đối đãi với các nữ nô lệ (Xuất Ê-díp-tô ký 21:7-11)
 - 3. Lời thề hứa của các phụ nữ có thể bị hủy bỏ bởi một người đàn ông có trách nhiệm về mặt xã hội (Dân số ký 30)
 - 4. Phụ nữ như các chiến lợi phẩm trong chiến tranh (Phục truyền luật lệ ký 20:10-14; 21:10-14)
- B. Xét trên thực tế, có một sự hỗ tương giữa nam và nữ
 - 1. Người nam và người nữ được dựng nên theo ảnh tượng của Đức Chúa Trời (Sáng thế ký 1:26-27)
 - 2. Tôn trọng cha mẹ (Xuất Ê-díp-tô ký 20:12 [Phục truyền luật lệ ký 5:16])
 - 3. Kính sợ mẹ cha (Lê-vi-ký 19:3; 20:9)
 - 4. Cả nam và nữ đều có thể làm người Na-xi-rê (Dân số ký 6:1-2)
 - 5. Người con gái cũng có quyền hưởng tài sản (Dân số ký 27:1-11)
 - 6. Cả hai đều thuộc về dân giao ước (Phục truyền luật lệ ký 29:10-12)
- C. Phụ nữ ở địa vị lãnh đạo:
 - 1. Mi-ri-am, chị của Môi-se, được gọi là nữ tiên tri (Xuất Ê-díp-tô ký 15:20-21)
 - 2. Những phụ nữ được Chúa ban cho tài đàn các vật liệu dùng trong đền tạm (Xuất Ê-díp-tô ký 35:25-26)
 - 3. Ê-bô-ra, một phụ nữ, cũng là một tiên tri (Các quan xét 4:4), là người lãnh đạo tất cả các chi phái (Các quan xét 4:4-5; 5:7)
 - 4. Nữ tiên tri Hun-đa, là người vua Giô-si-a chỉ định để đọc và giải nghĩa “Sách Luật pháp” vừa được tìm thấy (II Các Vua 22:14; II Sử ký 34:22-27)
 - 5. Hoàng hậu Ê-xơ-tê, một người nữ yêu mến Chúa, đã cứu dân tộc Do thái ở Ba-tư

II. Tân ước

- A. Về mặt văn hóa phụ nữ trong Do thái giáo và trong thế giới Hy-la đều là các công dân hạng hai, chỉ có một ít quyền lợi và đặc ân (ngoại trừ Ma-xê-đoan)
- B. Các phụ nữ ở vai trò lãnh đạo:
 - 1. Ê-li-sa-bét và Ma-ri là những phụ nữ kính sợ Chúa, để cho Chúa sử dụng đời sống mình (Lu-ca 1-2)

2. An-ne, một người yêu mến Chúa, phục vụ Chúa tại đền thờ (Lu-ca 2:36)
3. Ly-đi, một tín hữu và là lãnh đạo một hội thánh tư gia (Công vụ 16:14, 40)
4. Bốn con gái của Phi-líp là các nữ tiên tri (Công vụ 21:8-9)
5. Phê-bê, nữ chấp sự trong hội thánh tại Xyn-chi-cơ (Rô-ma 16:1)
6. Bê-rít-sin, bạn đồng làm việc với Phao-lô và là người dạy đạo cho A-bô-lô (Công vụ 18:26; Rô-ma 16:3)
7. Ma-ri, Tri-phe-nơ, Tri-phô-sơ, Bết-si-đơ, Giu-li, chị của Nê-rê, và một số các phụ nữ khác cùng làm việc với Phao-lô (Rô-ma 16:6-16)
8. Giu-ni-a, có lẽ là nữ sứ đồ (Rô-ma 16:7)
9. Ê-yô-đi và Syn-ti-cơ, bạn đồng lao với Phao-lô (Phi-líp 4:2-3)

III. Làm thế nào để tín hữu ngày nay có sự quân bình khi xem xét các trường hợp khác biệt trong Kinh thánh?

- A. Làm thế nào phân biệt được các lẽ thật thuộc về lịch sử hay thuộc về văn hóa là điều chỉ áp dụng trong bối cảnh nguyên thủy mà thôi, với các lẽ thật trường tồn là điều thích hợp cho tất cả các hội thánh, mọi tín hữu ở mọi thời đại?
1. Chúng ta phải xem xét một cách rất nghiêm túc ý định nguyên thủy của các trước giả đã được Đức Chúa Trời hà hơi. Kinh thánh là Lời Đức Chúa Trời và là nguồn thông tin duy nhất hướng dẫn đức tin và lối sống của chúng ta.
 2. Chúng ta cũng phải cân nhắc các điều kiện lịch sử hiển nhiên trong các bản văn được hà hơi
 - a. Hệ thống luật pháp của người La-mã ngoại giáo (I Cô-rinh-tô 6)
 - b. Duy trì nô lệ (I Cô-rinh-tô 7:20-24)
 - c. Sống độc thân (I Cô-rinh-tô 7:1-35)
 - d. Trinh nữ (I Cô-rinh-tô 7:36-38)
 - e. Thức ăn tế thần (I Cô-rinh-tô 10:23-33)
 - f. Các hành vi không xứng đáng trong Lễ tiệc thánh (I Cô-rinh-tô 11)
 3. Đức Chúa Trời bày tỏ chính Ngài một cách rõ ràng cho một văn hóa nhất định trong một thời đại nhất định. Chúng ta phải xem xét nghiêm túc sự mặc khải này, nhưng không nhất thiết phải cân nhắc mọi khía cạnh lịch sử mà nó chứa đựng. Lời của Đức Chúa Trời được viết ra bằng chữ của con người, đề cập đến một văn hóa nhất định trong một thời điểm nhất định.
- B. Sự giải nghĩa Kinh thánh phải nhắm vào ý định của tác giả nguyên thủy. Họ truyền đạt điều gì cho những người thời đó? Đây là nền tảng quan trọng để có được một sự giải nghĩa đúng đắn. Nhưng chúng ta cũng phải áp dụng nó cho thời nay. Đây là vấn nạn về chủ đề phụ nữ trong vai trò lãnh đạo (Vấn nạn giải kinh có lẽ là sự định nghĩa từ ngữ. Có phải các mục vụ nhiều hơn các mục sư lãnh đạo hay không? Nữ chấp sự và nữ tiên tri có được xem là các lãnh đạo hay không?) Điều khá rõ ràng là trong I Cô-rinh-tô 14:34-35, I Ti-mô-thê 2:9-15, Phao-lô khẳng định phụ nữ không nên hướng dẫn trong sự thờ phượng công cộng! Nhưng tôi sẽ áp dụng điều này ngày nay ra sao? Tôi không muốn văn hóa thời Phao-lô cũng như văn hóa của tôi thời nay làm im bật lời của Chúa và ý muốn của Ngài. Có lẽ thời Phao-lô bị quá giới hạn, nhưng thời của tôi cũng có lẽ quá cởi mở. Tôi thấy không an tâm khi cho rằng lời lẽ và sự dạy dỗ của Phao-lô là những lẽ thật có điều kiện, chỉ cho thế kỷ thứ nhất, và chỉ dành cho những trường hợp địa phương mà thôi. Tôi là ai mà dám lấy suy nghĩ riêng của mình hay là văn hóa của mình để bác bỏ một trước giả được linh cảm?!

Tuy nhiên, tôi phải làm thế nào khi Kinh thánh liệt kê những trường hợp phụ nữ lãnh đạo (ngay cả trong các thư tín của Phao-lô, xem Rô-ma 16)? Một ví dụ điển hình là trường hợp Phao-lô bàn về sự thờ phượng công cộng trong I Cô-rinh-tô 11-14. Trong câu 11:5, dường như Phao-lô cho phép phụ nữ giảng và cầu nguyện nơi công cộng khi họ trùm khăn trên đầu, tuy nhiên trong các câu 14:34-35 ông muốn họ phải yên lặng! Kinh thánh có nói đến các nữ chấp sự (Rô-ma 16:1) và nữ tiên tri (Công vụ 21:9). Chính sự đa dạng này cho tôi sự tự do để cho rằng những lời bàn của Phao-lô (liên quan đến những cấm cản đối với phụ nữ) chỉ giới hạn cho những người ở thế kỷ đầu tiên tại Cô-rinh-tô và Ê-phê-sô. Ở cả hai hội thánh này, có một số vấn đề xảy ra đối với các phụ nữ mới được ban cho quyền tự do (xem sách của Bruce Winter, *Corinth After Paul Left*), là điều có lẽ đã gây khó khăn cho hội thánh khi đi ra làm chứng về Chúa cho xã hội bên ngoài. Quyền tự do của họ đã bị hạn chế bởi Phúc âm trở nên hiệu quả hơn.

Thời đại của tôi thì khác hẳn thời Phao-lô. Trong thời nay nếu những phụ nữ nói năng lưu loát, đã được huấn luyện không được cho phép để đi ra chia sẻ Phúc âm, hoặc không cho cơ hội lãnh đạo, thì Phúc âm có lẽ đã bị hạn chế! Mục tiêu tối hậu của sự thờ phượng công cộng là gì? Không phải để truyền giảng và đạo tạo môn đệ hay sao? Đức Chúa Trời có được tôn cao và hài lòng đối với những nữ lãnh đạo hay không? Cả Kinh thánh dường như trả lời rằng, “Vâng, có”!

Tôi muốn nhường cho Phao-lô; thần học của tôi chủ yếu là lấy từ Phao-lô. Tôi không muốn bị ảnh hưởng thái quá hay bị điều khiển bởi chủ nghĩa quyền phụ nữ hiện đại! Tuy nhiên, tôi cảm thấy hội thánh đã phản ứng quá chậm trước những lẽ thật Kinh thánh hiển nhiên này, như vấn đề không đúng đắn của chế độ nô lệ, tề phân biệt chủng tộc, thái độ tin theo mù quáng không biết gì đến người khác, và sự chủ nghĩa phân biệt giới tính. Hội thánh cũng đã phản ứng quá chậm trước sự lạm dụng phụ nữ của thế giới hiện đại ngày nay. Đức Chúa Trời trong Đấng Christ đã giải phóng nô lệ và phụ nữ. Tôi không dám để một bản văn bị ràng buộc bởi văn hóa xiềng xích họ lại một lần nữa.

Một điểm nữa: là một nhà giải kinh, tôi biết Cô-rinh-tô là một hội thánh rất tề. Các ân tứ được đánh giá cao và khoe khoang. Một số phụ nữ có lẽ bị rơi vào điều này. Tôi cũng tin rằng hội thánh ở Ê-phê-sô đã bị ảnh hưởng của các giáo sư giả, những người lợi dụng phụ nữ và dùng họ như những phát ngôn nhân thay thế mục sư trong các hội thánh tư gia ở Ê-phê-sô.

C. Các sách đề nghị để nghiên cứu thêm

How to Read the Bible for All Its Worth của Gordon Fee và Doug Stuart (trang 61-77)

Gospel and Spirit: Issues in New Testament Hermeneutics của Gordon Fee

Hard Sayings of the Bible của Walter C. Kaiser, Peter H. Davids, F.F. Bruce và Manfred T. Branch (trang 613-616; 665-667).

6:5 “khá nhớ lại” ĐÔNG TỪ này (BDB 269, KB 269) là một MỆNH LỆNH Qal. Đức Giê-hô-va muốn dân sự giao ước của Ngài nhớ lại khoảng thời gian thử nghiệm và mặc khải trước đó (Dân số Ký 22:5-6).

▣ **“Ba-lác...Ba-la-am”** Sự kiện này được ghi lại trong Dân số Ký 22-25.

☐ **“Si-tim”** Nơi đây là địa điểm cắm trại cuối cùng của Y-so-ra-ên trước khi vào Đất Hứa. Nó cũng là hiện trường của hành vi tội lỗi của dân Y-so-ra-ên với những phụ nữ Mô-áp (là thờ lạy thần sinh sản, xem Dân số Ký 33:49 và Giô-suê 3:1).

☐ **“Ghinh-ganh”** Địa điểm này là chỗ cắm trại đầu tiên trong miền Đất Hứa (xem Giô-suê 4:19). Ngay cả trong khi họ phạm tội và nổi loạn tại Si-tim, Đức Chúa Trời đã tha thứ cho họ và đưa họ an toàn qua con sông tràn bờ, hung dữ là Giô-đanh để vào Đất Hứa.

Nhắc lại hai địa điểm này nhằm ám chỉ sự vượt qua sông diệu kỳ lúc sông Giô-đanh ở trong mùa lũ.

BẢN NASB 6:6-8

⁶ Ta sẽ đem vật gì chầu trước mặt Đức Giê-hô-va và quì lạy trước mặt Đức Chúa Trời rất cao? Ta sẽ đến trước mặt Ngài với những của lễ thiêu và với những bò con giáp niên sao? ⁷ Đức Giê-hô-va há có thích những hàng ngàn chiên đực hay là hàng vạn sông dầu sao? Ta há nên dâng con đầu lòng của ta vì sự phạm pháp ta, và trái của thân thể ta vì tội lỗi linh hồn ta sao? ⁸ Hỡi người! Ngài đã tỏ cho người điều gì là thiện; cái điều mà Đức Giê-hô-va đòi người há chẳng phải là làm sự công bình, ưa sự nhơn từ và bước đi cách khiêm nhường với Đức Chúa Trời người sao?

6:6-7 Hình thức văn học chỉ trích (gia đình là có một người phản đối) được sử dụng trong câu 6 và 7. Vị tiên tri dùng một nhân vật giả tưởng đại diện cho cả tập thể nói lên quan điểm sai lầm thường có trong dân Giu-đa. Họ nghĩ rằng Đức Chúa Trời không công bằng với họ và Ngài chỉ muốn đòi thêm những của lễ.

6:6

NASB “Đức Chúa Trời rất cao”

NKJV “Đức Chúa Trời cao cả”

NRSV “Đức Chúa Trời cao cả”

TEV “Chúa của trên trời”

NJB “Đức Chúa Trời tối thượng”

Chữ này (BDB 43, DẠNG TỬ GHÉP BDB 928) là ẩn dụ cho Đức Chúa Trời Tối Cao hay Đức Chúa Trời được tôn cao (xem Thi thiên 99:2; 113:4; 38:6; Ê-sai 57:15).

☐ **“những bò con giáp niên”** Những bò con này không có tí vết có tuổi khoảng từ tám ngày cho đến một năm được dùng làm của lễ (xem Lê-vi Ký 9:3 và 22:27).

6:7 “trong hàng ngàn chiên đực...sông dầu” Dân chúng đang (1) cáo buộc Đức Chúa Trời là vô lý trong các yêu cầu của Ngài. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời không bao giờ đòi hỏi những điều này. Chúng cho thấy những nghi thức thờ phượng ngoại giáo. Hoặc (2) những của tế lễ được dâng lên với số lượng nhiều vào dịp có lễ lớn của cả nước (lễ cung hiến đền thờ Sa-lô-môn, trong I Các vua 8:63). Liệu người đại diện tại đây có đang nói về sự kiện ăn năn của cả quốc gia không (nói đến nghi thức tế lễ)?

☐ **“con đầu lòng...trái của thân thể ta”** Đây có phải là ý định xuyên tạc (cường điệu) hay là thật sự hiểu lầm sách Sáng thế Ký 22 hoặc Xuất Ê-díp-tô Ký 13:2-12? Có vài chỗ trong luật pháp Mô-i-se nói việc dùng người để làm sinh tế bị lên án (xem Lê-vi Ký 18:21; 20:2-5; Phục truyền Luật lệ Ký 12:31, 18:10, Thi thiên 106:37; Giê-rê-mi 7:31).

Có thể dân sự Đức Chúa Trời đã trở nên quá mù quáng về mặt tâm linh đến nỗi họ đã toan tính tôn thờ Đức Giê-hô-va theo cách thức thờ thần Mô-lôc, là thần lửa, thần sinh sản của dân Am-môn (xem Lê-vi Ký 18:21; 20:2-5, I Các vua 11:7; II Các vua 3:27, 16:3, 17:17, 21:6, 23:10, Giê-rê-mi 32:35, A-môt 5:26, Công vụ Các sứ đồ 7:43).

Dân sự của Đức Chúa Trời đã tìm cách cứu vãn quốc gia bằng cách dâng tế lễ bằng một người vô tội (“một em bé”). Theo cách đó, họ đã phát triển chặt chẽ hệ thống tế lễ (xem Lê-vi Ký 1-7) theo chiều hướng sai trật. Tuy nhiên, đây cũng chính là khái niệm nằm phía sau Sáng thế Ký 22 và ngọn đồi thập tự giá (xem Mác 10:45; II Cô-rinh-tô 5:21).

6:8 “Ngài đã tỏ cho người” ĐÔNG TỪ (BDB 616, KB 665) là dạng HOÀN THÀNH Hiphil và có thể phản ánh câu 4. Đức Chúa Trời đã đem đến sự mặc khải về đức tính và ý chỉ của Ngài (đặc biệt là khi nó liên quan đến sự tế lễ, xem I Sa-mu-ên 15:22; Thi thiên 51:16-17; Ê-sai 1:11-17; Ô-sê 6:5-6). Câu này dường như nói lên nhận xét của Mi-chê.

▣ **“Hỡi người”** Cách XUNG HỒ này nhắm vào dân sự giao ước thờ hình tượng của Giu-đa. Câu này không nói làm thế nào dân ngoại có thể được cứu (làm việc công bình), nhưng dân sự giao ước phải sống như thế nào trong thái độ biết ơn để đáp lại ơn tha thứ của Đức Chúa Trời (mà trong Cựu Ước được biểu tượng bằng việc hiến tế một con vật vô tội xem Giăng 1:29; II Cô-rinh-tô 5:21). Có một bình luận cặn kẽ về chủ đề này trong quyển Hard Sayings of the Bible, trang 336-337.

▣ **“điều gì là thiện”** Câu này là lời nói nổi tiếng nhất của Mi-chê. Nó đề cập đến thứ tự ưu tiên của những mối liên hệ yêu thương giữa các cá nhân theo tầm mức cao của sự quan tâm, yêu mến (xem Thi thiên 14:1,3; 37:3; 51:17; Ô-sê 12:6 và được mô tả trong Thi thiên 15:2-5), chứ không chỉ là thực hiện những nghi lễ (tức là, dâng tế lễ) (xem Ê-sai 1:13; A-môt 5:21-23). Câu này là một định nghĩa tuyệt vời của những gì là tốt lành (BDB 373 II) trong mắt của Đức Chúa Trời (xem 3:2; Ê-sai 1:17, 5:20; A-môt 5:14-15).

▣ **“đòi” ĐÔNG TỪ** này (BDB 205, KB 233) là dạng ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG (ACTIVE PARTICIPLE) chỉ hành động liên tục. Chữ này có nghĩa là “đòi hỏi” hoặc “yêu cầu” (ví dụ, Phục truyền Luật lệ Ký 18:19; 23:21).

▣ **“sự công bình”** Trong bối cảnh này “công bình” (BDB 1048) nói về sự công bằng xã hội, được bàn luận trong các câu 9-11. Cựu Ước không có sự phân biệt giữa thế tục và thiêng liêng. Mọi sự trong đời sống đều là thiêng liêng. Xem ghi chú trong 3:1.

Có một loạt ba TỪ GHÉP NGUYÊN MẪU (INFINITIVE CONSTRUCT) Qal:

1. “Làm sự công bình” (BDB 793, KB 889)
2. “Ưu sự nhân từ” (BDB 12, KB 17)
3. “Bước đi cách khiêm nhường” (BDB 229, KB 246)

Từ “khiêm nhường” (BDB 857, KB 1039) là dạng NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI (INFINITIVE ABSOLUTE).

Theo Kinh Thánh đức tin tác động lên mọi khía cạnh của cuộc sống hàng ngày. Đức tin là một lối sống, chứ không phải chỉ là thần học hoặc tín điều. Sự sống đời đời là tặng phẩm giao ước thiêng liêng (là phục hồi lại hình ảnh của Đức Chúa Trời đã bị mất trong sự sa ngã) có những đặc tính có thể thấy được (cả trong mối quan hệ với Chúa và những người khác).

Câu này là một trong những những câu hay nhất trong Cựu Ước mô tả những đặc điểm này.

▣ **“ura sự nhờn từ”** Đây là chữ *hesed* trong giao ước có ảnh hưởng mạnh (BDB 338). Nó liên hệ đến sự thành thật trong giao ước của Đức Chúa Trời. Nó bày tỏ tình yêu thương hy sinh, không điều kiện của Đức Chúa Trời. Tôi nghĩ rằng về nhiều mặt thì thuật ngữ này có nghĩa tương tự với chữ *agape* trong Tân Ước. Xem chủ đề đặc biệt: *Hesed* trong Ô-sê 2:19.

▣ **“bước đi cách khiêm nhường”** Đây là thừa nhận sự thiếu hụt của con người (chữ hiếm thấy này có thể có nghĩa “khiêm nhường” BDB 557, có thể tham khảo Châm-ngôn 11:2) và Đức Chúa Trời chu cấp (những đòi hỏi theo giao ước của Môi-se). Có nghi lễ mà không biết hành xử đúng đắn (xem Ê-sai 29:13 so với 57:15 và 66:2d) là một việc ghê tởm (xem I Sa-mu-ên 15:22; Ma-thi-ơ 23:23). “Bước đi” trong Kinh Thánh (1) là hình ảnh ẩn dụ chỉ tính chất đặc biệt của một người nào đó (ví dụ, Sáng thế Ký 5:24, 6:9; Gióp 34:8, Thi thiên 1:1; Ma-la-chi 2:6) hoặc (2) hình ảnh ẩn dụ cho nếp sống hàng ngày (xem Ê-phê-sô 4:1,17, 5:2,15). Đức tin theo Kinh Thánh là sự tương giao cá nhân trực tiếp với Chúa và những người khác hàng ngày, chứ không phải hàng tuần hoặc hàng năm.

BẢN NASB 6:9-16

⁹ Tiếng của Đức Giê-hô-va kêu lên nghịch cùng thành này, người khôn phải kính sợ danh Ngài. Hãy nghe gậy, mà biết là ai đã định. ¹⁰ Trong nhà kẻ ác há chẳng phải còn có của báu gian ác và lờng non đáng gớm ghiếc sao? ¹¹ Ta có những cân gian và trái cân giả dối trong bao, thì ta sao được tinh sạch? ¹² Vì những kẻ giàu của thành này đầy sự cường bạo, dân cư nó dùng sự nói dối, và trong miệng chúng nó có lưỡi hay phỉnh phờ. ¹³ Vậy nên ta đánh người, làm cho người bị thương nặng, và khiến người hoang vu vì có tội lỗi người. ¹⁴ Người sẽ ăn, song không được no đâu; sự sỉ nhục sẽ ở giữa người. Người sẽ chuyên của người, song không cứu được; còn cái gì người cứu được, thì ta sẽ phó nó cho gươm. ¹⁵ Người sẽ gieo, nhưng không được gặt; sẽ ép ô-li-ve, nhưng không được xúc dầu; sẽ đập nho, nhưng không được uống rượu. ¹⁶ Vì người ta còn giữ những lệ luật của Ôm-ri, và cả việc làm của nhà A-háp; các người bước đi trong mưu chúng nó, hầu cho ta khiến người trở nên hoang vu, dân cư nó sẽ bị xuyt, và các người sẽ mang lấy sự sỉ nhục của dân ta.

6:9 “Tiếng của Đức Giê-hô-va” Sứ điệp này bắt đầu trong dòng 3 và tiếp tục đến câu 16. Chữ “tiếng” này (BDB 876) được sử dụng nhiều lần để chỉ Đức Chúa Trời nói (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 19:19, I Các vua 19:13; Ê-sai 6:8; Ê-xê-chi-ên 10:5). Bản NJB dịch là “Ngài phán ra âm âm đến thành phố”, ám chỉ đến Xuất Ê-díp-tô Ký 19:13,16.

▣ **“thành phố”** Chữ này chỉ về Giê-ru-sa-lem, là vị trí đặc biệt (đền thờ) mà danh của Đức Giê-hô-va ngự (xem Phục truyền Luật lệ Ký 12:5,11).

▣ **“là lời khôn ngoan để kính sợ danh Ngài”** Cụm từ này là lời bình luận của Mi-chê hoặc lời bổ sung sau này lúc biên tập (bị lược bỏ trong JB và NJB). Đó là một lời nói khôn ngoan. Bản NRSV đặt nó trong dấu ngoặc đơn.

Chữ Hê-bơ-rơ (BDB 444) trong nguyên ngữ được dịch là “lời khôn ngoan” là một thuật ngữ được sử dụng trong văn chương khôn ngoan (xem Gióp 11:6; 12:16; 26:3; Châm-ngôn 2:7, 3:21, 8:14; 18:1; Ê-sai 28:29).

Chữ “sợ hãi” là chỉnh sửa từ chữ Hê-bơ-rơ “xem thấy” (BDB 906, tham khảo bản NKJV) theo Bản Bảy Mươi (BDB 431), nó thích hợp với bối cảnh hơn và được tìm thấy trong các bản

dịch NASB, RSV, NRSV, TEV, NEB, REB, và NIV.

Chữ “danh” đại diện cho thân vị của Đức Chúa Trời (BDB 1027, xem Sáng thế Ký 4:26, 12:8, 13:4, 21:33; Công vụ Các sứ đồ 7:59; 9:14,21; 22:16; Rô-ma 10:9-13; I Cô-rinh-tô 1:2; II Ti-mô-thê 2:22).

▣ **“Hãy nghe”** ĐỘNG TỪ này (BDB 1033, KB 1570) là một MỆNH LỆNH Qal. Bản NKJV dịch “Hãy nghe gậy!”; bản NIV dịch “Chú ý đến cây gậy.”

▣ **“Hỡi chi phái”** Chữ này dựa theo Bản Bảy Mươi. Bản Masoretic Text dịch “cây gậy” (BDB 641, là “gậy của người chăn,” xem Xuất Ê-díp-tô Ký 4:17; Ê-sai 10:5). Từ gốc tiếng Hê-bơ-rơ có thể có nghĩa là (1) que; (2) gậy; (3) nhánh; hoặc là (4) bộ lạc. Đức Chúa Trời nói về sự bóc lột trong xã hội của dân sự Ngài đối với những người nghèo và thiếu thốn là những anh chị em theo giao ước (xem câu 12).

▣

NASB “là Đấng định thời gian”

NKJV “là Đấng đã chỉ định nó”

NRSV “... một hội đồng của thành phố”

TEV “dân sự người là người tập hợp trong thành phố”

NJB “...tập hợp những công dân”

Bản NASB và NKJV dựa theo các văn bản tiếng Hê-bơ-rơ, trong khi các bản NRS, TEV, và NJB chọn theo sự chỉnh sửa (không có trong bản LXX). Nếu dựa theo bản MT thì nó nói đến sự thiết lập quyền tối cao của Đức Chúa Trời trên Giê-ru-sa-lem và phán xét của Ngài trên nó.

6:10

NASB “Còn có người trong nhà gian ác”

NKJV “Có những kho tàng của sự gian ác”

NRSV “Ta có thể quên những kho tàng của sự gian ác”

TEV “Trong các ngôi nhà của những kẻ ác và của cải”

NJB “Ta có thể bỏ qua những sự sai lầm”

Từ đầu tiên trong bản MT là không rõ nghĩa:

1. Có không? (MT, NKJV)
2. Ta có thể quên (NRSV)
3. Ta có thể chịu đựng (NJB)

Mạch văn “những cân giả dối” (các câu 10-11) dường như đòi hỏi phải có sự thay đổi phát âm (thay đổi các nguyên âm nhưng không phải phụ âm) của bản văn Masoretic thành ẩn dụ về thương mại (xem câu 11). Trong bản MT là dạng một câu hỏi và mong đợi một câu trả lời “có”.

6:10-11 “lường non...những cân gian...trái cân giả dối” Câu 11 trong bản MT là hình thức của một câu hỏi, nhưng trông đợi một câu trả lời “không”. Đây là những ví dụ về gian lận trong thương mại (xem Ô-sê 12:7; A-môt 8:5). Để có một tham khảo đầy đủ về những đơn vị trọng lượng và đo lường trong tiếng Hê-bơ-rơ xem Chủ Đề Đặc Biệt trong A-môt 8:5.

6:12 “người giàu” Cũng giống với A-môt, sứ điệp của Mi-chê là dành cho các công dân giao ước có đặc quyền, có thể lực và giàu có. Nên chú ý thể nào mà dòng 2 và dòng 3 đi song song với nhau. Tất cả ba dòng là một bản tóm tắt của các câu 9-10 và trái ngược lại với câu 8.

6:13-15 Chúa sẽ phán xét người dân Giê-ru-sa-lem bằng sự bao vây và đi lưu đày. Người khác sẽ hưởng tất cả các lợi nhuận bất chính của họ. Cần lưu ý đến lý do của những việc này, không phải là sự yếu đuối của Đức Giê-hô-va nên không thể bảo vệ dân sự của Ngài khỏi cách vị thần ngoại quốc, nhưng là vì tội lỗi của họ (xem các câu 13b, 16)

6:13

NASB, NKJV “Ta sẽ làm cho người bị thương nặng”

NRSV, TEV, NJB “Ta đã bắt đầu đánh hạ người”

Bản NASB và NKJV dựa theo MT; những bản khác dựa theo Bản Bảy Mươi, Peshitta, và Vulgate.

▣ “ **khiến người hoang vu**” Chữ này (BDB 1030, KB 1563, dạng NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI (INFINITIVE ABSOLUTE) Hiphil) được tìm thấy trong nhiều văn bản y khoa tiếng Akkadian được dịch là “liệt”, “tê cóng” và “què”. Vì vậy, hai dòng thơ đầu của câu 13 là hình ảnh ẩn dụ về y khoa có liên quan đến dân sự giao ước phạm tội.

6:14

NASB “sự sỉ nhục sẽ ở giữa người”

NKJV “sự đói kém sẽ ở giữa người”

NRSV “sẽ có cơn đói còn cào ở giữa vòng các người”

TEV “người vẫn sẽ bị đói”

NJB -----

Vấn đề là ở chữ “hèn hạ” hoặc trống rỗng (là đói, BDB 445). Ý nghĩa của nó là không rõ. KB (446) dịch là “bị bần” Bản Peshitta dịch nó như là “rác rưởi” (là bệnh lý). Cũng không rõ là nó nói đến (1) một cá nhân hay (2) xã hội phạm tội.

▣

NASB “Người sẽ dòi đi để giữ an toàn”

NKJV “Người có thể đem đi một số”

NRSV “Người sẽ đem đi”

TEV “Người sẽ mang đồ đạc đi”

NJB “Người sẽ chất chứa”

ĐỘNG TỪ “dòi đi” (BDB 690 I, KB 744, dạng Hiphil [dạng thức này được sử dụng ở nhiều chỗ trong Cựu Ước để chỉ việc di dời một hòn đá ranh giới] dạng MỆNH LỆNH JUSSIVE) được hiểu như là một cố gắng để che giấu tài sản hoặc vật có giá trị nhằm bảo vệ an toàn, nhưng nó sẽ không thành công.

Dòng thơ tiếp theo sử dụng ĐỘNG TỪ “gìn giữ” hoặc “bảo quản” (BDB 812), được dùng trong Ê-sai 5:29 để chỉ sự từ chối cái liếm thức ăn để giữ lại. Bản NKJV cũng như bản NET Bible dường như dựa theo hình ảnh ẩn dụ con vật ăn xác này.

6:15 “gieo nhưng...không gặt” Đây là một phần của lời rủa sả khi phá vỡ giao ước (xem Phục truyền Luật lệ Ký 28:30 ff).

▣ “**nhưng sẽ không được xúc dầu**” Dầu ô-liu có nhiều công dụng trong thế giới Cận Đông cổ đại. Một trong số đó là thoa lên da để chuẩn bị một sự kiện xã hội. Nó là một biểu tượng của hạnh phúc và niềm vui. Việc thiếu dầu được xem là một phán xét thiêng liêng (xem Phục truyền Luật lệ Ký 28:40).



NASB, NRSV, NJB “nho”
NKJV “rượu ngọt”
TEV “rượu”

Đây là chữ Hê-bơ-rơ chỉ “rượu mới” (BDB 440). Xem Chủ Đề Đặc Biệt trong A-môt 6:6.

6:16 “Ôm-ri” Ông là vị vua giành được quyền lực chính trị (xem I Các vua 16:21-28, về những thời điểm của sự cai trị xem phần Phụ lục). Tên của ông đã trở thành tên gọi chung cho mười chi phái phía Bắc trong các hồ sơ lưu trữ của người A-sy-ri (nhà Ôm-ri). Danh hiệu này đã trở thành biểu tượng cho lối sống vô tín của mười bộ tộc phía bắc. Nó được dùng mô tả đặc điểm của Giu-đa (ví dụ, II Các vua 17:19,22)!

▣ **“A-háp”** Đây là con trai của Ôm-ri, ông đã kết hôn với Giê-sa-bên là người đã đem nhiều tiên tri của Ba-anh và A-sê-ra vào trong xã hội người Sa-ma-ri (xem I Các vua 16:29-34; 18; 21:25, về ngày tháng trị vì xem phần Phụ lục).



NASB “ché nhạo”
NKJV, NRSV “huýt sáo chê bai”
TEV “khinh thường”
NJB “trò cười”

Đây là chữ “huýt sáo chê bai” trong tiếng Hê-bơ-rơ (BDB 1056), nó là cách bày tỏ sự ghê tởm và bài bác (trong văn hóa thời đó) (xem II Sử ký 29:8; Giê-rê-mi 19:8; 25:9,18; 29:18; 51:37).



NASB, NKJV “người sẽ mang lấy sự quở trách của dân Ta”
NRSV “để người sẽ phải chịu sự khinh bỉ của dân Ta”
TEV “khắp nơi người ta sẽ đối xử người với sự khinh miệt”
NJB “do đó người sẽ phải chịu đựng sự khinh bỉ của các dân tộc khác”

Các cách dịch khác nhau dựa trên:

1. Bản MT - NASB, NKJV, NRSV
2. Bản Septuagint - TEV, NJB

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Tại sao Chúa kiện dân Ngài ra tòa?
2. Tại sao các câu 6-7 đảo lộn lại như vậy?
3. Chúa có quan tâm đến cách làm ăn, sinh sống của chúng ta không?

MI-CHÊ ĐOẠN 7

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NKJV	NRSV	TEV	NJB
Đau đớn về tội lỗi của Y-sơ-ra-ên	Một loạt những lời than trách, ngăm dọa và tố cáo chống nghịch mọi tầng lớp dân Y-sơ-ra-ên (6:1-7:7)	Tình trạng băng hoại của Y-sơ-ra-ên	Sự bất công xã hội
7:1-2 7:3-4 7:5-7	7:1-7	7:1-4a 7:4b-6 7:7	7:1-6 7:7
Sự xưng tội và an ủi của Y-sơ-ra-ên	Đức Chúa Trời sẽ bày tỏ tình yêu vững bền của Ngài đối với Y-sơ-ra-ên và sự hổ nhục sẽ vây phủ kẻ thù Y-sơ-ra-ên	Chúa đem đến sự cứu rỗi	Si-ôn bị sỉ nhục bởi những kẻ thù
7:8-10 7:11-13 Đức Chúa Trời sẽ tha thứ Y-sơ-ra-ên	7:8-10 7:11-13	7:8-10 7:11-13 Sự thương xót của Đức Chúa Trời trên Y-sơ-ra-ên	7:8-10 Lời tiên tri về sự phục hồi 7:11-13 Lời cầu xin sự hỗn loạn trong những kẻ thù của Si-ôn
7:14 7:15 7:16-17	7:14-17	7:14 7:15-17	7:14-17 Lời khẩn cầu xin sự tha thứ của Đức Chúa Trời
7:18a-c 7:18d-19d 7:19c-20	7:18-20	7:18-20	7:18-20

NHỮNG KIẾN GIẢI SÁU SẮC VỀ BỐI CẢNH

- A. Đoạn này có thể được phân tích theo cách: người nói và người được nói đến.
- B. Bản Kinh Thánh NIV phác thảo những người nói là:
 1. Mi-chê, các câu 1-7, 11-13, 16-20
 2. Si-ôn, các câu 8-10, 14
 3. Đức Chúa Trời, câu 15
- C. Nó là rất khó
 1. để phân biệt giữa lời của vị tiên tri và lời Chúa phán
 2. bởi vì thơ tiếng Hê-bơ-ơ thường thay đổi chủ ngữ để tạo hiệu ứng văn chương

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

BẢN NASB 7:1-6

¹ **Khôn nản cho ta!** Vì ta như khi đã hái trái mùa hạ rồi, và như nho đã mót lại, không có một buồng nho để ăn, trái vả đầu mùa mà linh hồn ta vẫn ước ao cũng không có. ² Người tin kính đã mất đi khỏi đất; không còn có kẻ ngay thẳng trong loài người. Chúng nó thấy đều rình rập để làm đổ máu; ai nấy đều lấy lưới sẵn anh em mình. ³ Tay chúng nó chúng nó chăm làm sự dữ. Quan trưởng thì đòi của, quan xét thì tham hối lộ, còn người lớn thì nói sự ưa muốn dữ của lòng mình; vậy thì cùng nhau đan dệt. ⁴ Người lành hơn hết trong chúng nó giống như chà chuôm, còn kẻ rất ngay thẳng lại xấu hơn hàng rào gai gốc. Ngày của kẻ canh giữ người, tức là ngày thăm phạt người, đã đến rồi, nay chúng nó sẽ bối rối. ⁵ Chớ tin người lân cận của các người, và chớ để lòng tin cậy nơi bạn hữu mình; hãy giữ đưng mở miệng ra cùng người đòn bà ngủ trong lòng người. ⁶ Vì con trai sỉ nhục cha, con gái dấy lên nghịch cùng mẹ, dâu nghịch cùng bà gia, và kẻ thù nghịch của người tức là người nhà mình.

7:1 “Khôn nản cho ta” Đây là lời than thở cá nhân (BDB 47). Mặc dù có nhiều lúc nó xen vào phạm vi của lời cầu xin tập thể. Đây là một thủ thuật văn chương thông thường trong các Thi thiên (xem Thi thiên 5,13,22,55,71).

Không thể biết chắc người đang nói là ai:

1. Chính vị tiên tri
2. Vị tiên tri như là người phát ngôn của Đức Giê-hô-va
3. Vị tiên tri thay mặt cho số dân tin kính còn sót lại



NASB “Ta giống như người nhặt (mót) trái cây”

NKJV “Vì ta giống như người gom góp trái cây mùa hè”

NRSV “Vì ta đã trở thành một người giống như sau khi trái cây mùa hè bị hái đi”

TEV “Ta như một người đói không tìm được trái nào còn lại”

NJB “Người gặt hái trong mùa hè”

Bản NASB đã loại bỏ chữ “mùa hè” (BDB 884) có nghĩa “sức nóng”. Sự gom hái này không phải là thu hoạch lần đầu, nhưng hái lần cuối. Đức Giê-hô-va đã chờ đợi và chờ đợi kết quả, nhưng không bao giờ có được một vụ mùa thu hoạch.

▣ **“như khi đã hái trái mùa hạ rồi, và như nho đã mót lại”** Mi-chê khao khát sự công chính (một dân tộc công chính hay lãnh đạo công chính, câu 3) như một người đói thèm thức ăn (xem Ma-thi-ơ 5:6). Khái niệm xem sự công chính như thức ăn được tìm thấy xuyên suốt trong Kinh Thánh (xem A-mốt 6:12, Giăng 15:1-8; Phi-líp 1:11; Ga-la-ti 5:23).

Jewish Publication Society of America (JPSOA) nói rằng câu 1 đề cập đến Sa-ma-ri. Họ tìm kiếm thức ăn nhưng không thể tìm được (bởi vì [1] bị bao vây hoặc [2] nạn đói do Chúa, tham khảo Phục truyền Luật lệ Ký 27-28). JPSOA tiếp tục quan điểm qua câu 7.

Tuy nhiên, tôi nghĩ bối cảnh này liên quan đến Giê-ru-sa-lem. Theo một nghĩa thì họ đã quá muộn (mùa gặt hái [hậu quả] của những sự bất chính đã xảy đến tức là sự lưu đày) và theo nghĩa khác, họ đã quá sớm (lời hứa phục hồi trong tương lai vẫn chưa đến).

▣ **“trái vả đầu mùa mà linh hồn ta vẫn ước ao”** Những trái vả đầu mùa rất ngọt và thường

được săn tìm. Chúng xuất hiện lần đầu tiên vào tháng sáu, mặc dù đến tháng tám mới đến vụ thu hoạch chính. Mi-chê (là người phát ngôn của Chúa) đang tìm kiếm sự công chính như một người ước mong những trái và đầu mùa này.

7:2 “người tin kính” Đây là hình thức TÍNH TỪ của chữ giao ước, *hesed* (xem Chủ Đề Đặc Biệt trong Ô-sê 2:19), có nghĩa là thành tín trong giao ước không bị ràng buộc, vô điều kiện của Đức Chúa Trời (ví dụ, câu 18; 6:8; 7:18; Giê-rê-mi 5:1). Nó đi song song với “người ngay thẳng.” Điều này nói đến một người trung tín giữ giao ước, nhưng không hề có người nào thuộc loại đó (ví dụ, Thi thiên 12:1; Ê-sai 57:1)!

▣ **“Chúng nó thấy đều rình rập để làm đổ máu”** ĐỘNG TỪ (BDB 79, KB 83) là dạng HOÀN THÀNH Qal thường được dùng trong sách Giô-suê và Các Quan Xét và được dịch là “phục kích.” Đây là hình ảnh ẩn dụ từ việc săn bắt để mô tả mưu đồ hung bạo của tầng lớp đứng đầu trong dân sự Đức Chúa Trời (những người lãnh đạo tham lam, giàu có, quyền thế).

▣
NASB “đổ máu”
NKJV, NRSV, NJB “máu”
TEV “giết người”

Chữ này (BDB 196) có nghĩa là “máu”. Nó được dùng thường xuyên trong các tiên tri thể kỷ thứ tám (hầu hết trong Ê-xê-chi-ên, tham khảo Ô-sê 1:4; 4:2, 6:8, 12:14, Giô-na 1:14, Mi-chê 3:10) để mô tả bạo lực và chết chóc.

▣ **“ai nấy đều lấy lưới săn anh em mình”** Họ tìm mọi cơ hội để bóc lột lẫn nhau. Khẩu hiệu của họ sẽ là “Đối với tôi bằng mọi giá phải kiếm được càng nhiều càng tốt”. Ở đây những con người được tạo dựng theo hình ảnh của Đức Chúa Trời, những người dự phần trong giao ước, không còn giá trị gì nữa!

7:3 “Tay chúng nó chằm làm sự dữ” Đây là ẩn dụ khác rất ấn tượng để chỉ việc phạm tội ác với cả hai tay. ĐỘNG TỪ (BDB 405, KB 408, dạng TỪ GHÉP NGUYÊN MẪU (INFINITIVE CONSTRUCT) Hiphil) có nghĩa là làm một cái gì cách khéo léo hoặc nhuần nhuyễn. Đây là một từ thường được sử dụng chỉ khéo léo (giỏi) khi làm một cái gì đó để dùng cho mục đích độc ác.

▣ **“Quan trưởng thì đòi của, quan xét thì tham hối lộ”** Các nhà lãnh đạo đang tìm kiếm tư lợi (của hối lộ, xem 3:11; Xuất Ê-díp-tô Ký 23:8; Phục truyền Luật lệ Ký 10:17, 16:19, 27:25) thay vì công lý.

▣ **“còn người lớn thì nói sự ưa muốn dữ của lòng mình; vậy thì cùng nhau đan dệt”** Câu này mô tả tình hình chính trị và tư pháp sa đọa (xem 3:1-12; Ê-sai 59:9-12; Giê-rê-mi 8:8-12; 22; 23; 26:12-15). Người giàu có nói với các thẩm phán và quan chức chính phủ những gì ông muốn rồi họ tìm cách để cho ông chiếm được nó, không cần biết hệ quả ra sao. Dân sự giao ước của Chúa đã trở nên sa đọa. Họ nhìn và hành động giống như tất cả các quốc gia sa ngã khác.

ĐỘNG TỪ “dệt” (BDB 721, KB 783, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Piel) chỉ được tìm thấy ở đây. Hình thức có liên quan với nó được tìm thấy trong Giô-ên 2:7 như “đi lạc” hoặc “đi chệch hướng”. Chữ này có thể là một cách dùng từ dựa trên khái niệm tội lỗi như là một sự sai lệch khỏi tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời (là sự công chính).

7:4 Câu này dường như là châm biếm (tham khảo bản dịch JPSOA), nhưng nó có thể liên quan đến ý tưởng rằng tất cả những gì họ đã cố gắng làm để chuẩn bị trước cuộc xâm lược đã không đạt được (xem Ê-sai 22:5). Dường như có một sự thay đổi chủ ngữ trong câu 4. Hai dòng đầu tiên mô tả sự bội đạo, bất kính được mô tả trong các câu 2-3. Tuy nhiên, ba dòng tiếp theo có thể ám chỉ đến (1) các tiên tri (những người canh gác, tham khảo Giê-rê-mi 6:17; Ê-xê-chi-ên 3:17; Ô-sê 9:8) hoặc (2) Giu-đa chuẩn bị cho việc bị bao vây.

▣ **“bối rối”** Thuật ngữ này (BDB 100) được sử dụng để mô tả sự phán xét của Chúa (ví dụ, Ê-sai 22:5).

7:5-6 Những câu này cho thấy (1) mức độ bại hoại đã xảy ra trong xã hội Giu-đa hoặc (2) nhấn mạnh sự khủng hoảng gây ra bởi cuộc bao vây. Mọi người đều lo cho lợi ích cá nhân (xem các câu 2-3; Giê-rê-mi 9:4; 12:6). Không có người nào thật sự là bạn (xem Châm-ngôn 17:17; 27:6,9).

Câu này có hai dạng KHÔNG HOÀN THÀNH được sử dụng như một mệnh lệnh (JUSSIVES) và một mệnh lệnh (IMPERATIVE):

1. “Đừng tin cậy” - BDB 52, KB 63, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Hiphil được sử dụng như một JUSSIVE
2. “Đừng có tin” - BDB 105, KB 120, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal được sử dụng như một JUSSIVE
3. “giữ (lời), đề phòng” - BDB 1036, KB 1581, dạng MỆNH LỆNH Qal

7:6 “con trai sỉ nhục cha” ĐÔNG TỪ (BDB 614, KB 663, dạng ĐÔNG TÍNH TỪ Piel) có nghĩa là “đổi xử với sự khinh miệt”, “làm nhục”, hoặc “ché giấu” (ví dụ, Phục truyền Luật lệ Ký 32:15; Giê-rê-mi 14:21; Na-hum 3:6). Hình ảnh ẩn dụ này cũng được sử dụng trong Tân Ước trong một ý nghĩa tận thế (xem Ma-thi-ơ 10:35-36; Mác 13:12, Lu-ca 12:53). Đức Chúa Trời biết cảm nhận thế nào điều này (xem 2:18).

BẢN NASB 7:7-8

⁷ Nhưng ta, ta sẽ nhìn xem Đức Giê-hô-va, chờ đợi Đức Chúa Trời của sự cứu rỗi ta; Đức Chúa Trời ta sẽ nghe ta. ⁸ Hỡi kẻ thù ta, chớ vui mừng vì có ta. Ta dầu bị ngã, sẽ lại dậy; dầu ngồi trong nơi tối tăm, Đức Giê-hô-va sẽ làm sự sáng cho ta.

7:7 “ta sẽ nhìn xem Đức Giê-hô-va” Chú ý sự tương phản sâu sắc giữa câu 7 và các câu 1-6. ĐÔNG TỪ (BDB 859, KB 1044, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Piel) được sử dụng trong một ý nghĩa theo hình thức KHÍCH LỆ (COHORTATIVE). Bền lòng tin cậy vào những việc làm của Đức Chúa Trời là bằng chứng của đức tin (ví dụ, Thi thiên 38:15; 39:7; 42:5; 130:5; Ê-sai 8:17; Ca-thương 3:25).

▣ **“chờ đợi Đức Chúa Trời của sự cứu rỗi ta”** Chú ý các yếu tố cá nhân trong đức tin, sự cứu chuộc. ĐÔNG TỪ (BDB 403, KB 407) là dạng KHÍCH LỆ (COHORTATIVE) Hiphil. Đây là hai (hoặc ba) dòng thơ đi song song và mô tả một người trong giao ước đi theo Đức Giê-hô-va cách trung thành, tin cậy.

▣ **“Đức Chúa Trời ta sẽ nghe ta”** Mi-chê đã công bố trước đó rằng YHWH sẽ không nghe và không trả lời cầu nguyện của người Y-sơ-ra-ên hoặc Giu-đa gian ác (xem 3:4), nhưng Ngài chắc

chấn sẽ nghe và trả lời cho những người có đức tin vâng giữ giao ước của Ngài (xem 6:8).

7:8-13 Có câu hỏi về việc giải kinh là “Câu 8 đi chung với câu 7 hay là bắt đầu một khổ thơ mới?” Hầu hết các bản dịch tiếng Anh cho câu 8 bắt đầu một ý tưởng mới (NKJV, NRSV, TeV, NJB, nhưng không có trong bản NASB).

Có vẻ như các câu 8-10 có thể tách ra khỏi các câu 11-13 vì hai câu cuối cùng bày tỏ ý chỉ của Đức Giê-hô-va về sự phục hồi trong tương lai và tác động phổ quát.

7:8 “chớ vui mừng vì có ta” ĐÔNG TỪ (BDB 403, KB 407) là dạng KHÍCH LỆ (COHORTATIVE) Hiphil.

▣ **“Hỡi kẻ thù của Ta”** Kẻ thù ở đây có thể là các quốc gia xâm lược, nhưng đúng ra kẻ thù là bản chất tội lỗi của dân sự giao ước (tất cả mọi người). Điều này nhắc tôi nhớ tới lời cầu nguyện trong Thi thiên 19:12-13.

▣ **“Ta đầu bị ngã, sẽ lại dậy” ĐÔNG TỪ** tại đây (BDB 877, KB 1086) là dạng HOÀN THÀNH Qal. Câu này có thể nói về sự phục hồi của cá nhân hoặc tập thể từ chỗ lưu đày trở về (có thể có mục đích không rõ ràng, tham khảo 4:13).

▣ **“dầu ngòi trong nơi tối tăm” ĐÔNG TỪ (BDB 442, KB 444, dạng HOÀN THÀNH Qal)** có nghĩa là ngòi hoặc ổ, cư trú.

Bóng tối thường được dùng trong Cựu Ước như là đối nghịch với “ánh sáng”. Thuật ngữ này có thể ám chỉ đến một trường hợp lúc tận thế (ví dụ, Ê-sai 9:1; 29:18). Tác giả cảm nhận bị cắt đứt (quan hệ) với Đức Giê-hô-va vì tội lỗi của cả tập thể và hậu quả của sự phán xét. Khía cạnh tối tệ nhất của sự phán xét là không còn sự hiện diện của Đức Chúa Trời

▣ **“Đức Giê-hô-va sẽ làm sự sáng cho ta”** Đây là hình ảnh rất ấn tượng của ẩn dụ trong Kinh Thánh có nghĩa: (1) sự thật chống lại giả dối, (2) lành mạnh trái với mục nát, hư hoại; (3) thiện lành chống lại gian ác, hoặc (4) niềm vui ngược lại với buồn rầu. Nên để ý câu này nhân cách hóa ánh sáng như là Chúa (xem Thi thiên 27:1; Ê-sai 60:20; I Ti-mô-thê 6:16; I Giăng 1:5). Biết Chúa, vâng lời Ngài, phục vụ Ngài hình thành mối quan hệ cá nhân của tín hữu với Đức Chúa Trời (cũng có sự nhân cách hóa tương tự trong Giăng 14:6).

Trong Ê-sai 9:2 dân sự sẽ nhìn thấy sự sáng lớn và sự sáng sẽ chiếu trên họ. Sự sáng Mê-ti-a này chính là Đức Chúa Giê-xu (xem Giăng 8:12; 12:35-36,46). Ý chính nổi bật lên trong câu 8 là Đức Chúa Trời hiện diện với người có đức tin trong những thời kỳ đau buồn, trong khi câu 9 hứa hẹn một ngày tương lai của cuộc gặp mặt cá nhân.

BẢN NASB 7:9-13

⁹ Ta chịu lấy sự thạnh nộ của Đức Giê-hô-va vì ta đã phạm tội nghịch cùng Ngài, cho đến chừng Ngài đã bình vực lẽ ta và phán xét cho ta, thì Ngài sẽ dắt ta đến sự sáng và ta sẽ thấy sự công bình của Ngài. ¹⁰ Kẻ thù ta sẽ thấy sự ấy và sẽ bị xấu hổ. Nó là kẻ đã bảo ta rằng: Chớ nào Giê-hô-va Đức Chúa Trời người ở đâu? Mắt ta sẽ thấy sự ta ước ao xuống trên nó; nay nó sẽ bị giày đạp như bùn ngoài đường. ¹¹ Ngày đến, là khi các tường thành của người sẽ được xây đắp, trong ngày đó luật lệnh sẽ bị dời xa. ¹² Trong ngày đó người ta sẽ đến cùng người, từ A-si-ri và từ các thành Ê-díp-tô, từ Ê-díp-tô cho đến Sông cái, từ biển này cho đến biển kia, từ núi này cho đến núi khác. ¹³ Nhưng đất này sẽ trở nên hoang vu vì có sự báo trả về việc làm của dân cư nó.

7:9 “vì ta đã phạm tội nghịch cùng Ngài” Mi-chê (giống như Mô-i-se, Ê-sai, và Đa-ni-ên) đã ứng xử như người đại diện cho cả dân sự. Tai họa dành cho cá nhân cũng như tập thể đều trực tiếp liên quan đến những nổi loạn của cá nhân và tập thể chống nghịch lại Đức Chúa Trời (xem Phục truyền luật lệ ký 27-28). Nhiều người Giu-đa tin kính sẽ khốn khổ bởi vì xã hội nổi loạn của họ..

Một lần nữa ở đây có sự chuyển đổi giữa “Ta” (NASB) và “chúng tôi” (TEV). Vị tiên tri này đang thú nhận tội lỗi của xã hội mình (xem Ê-sai 6). Tội lỗi là nan đề, hậu quả là lưu đày, nhưng phục hồi là niềm hy vọng chắc chắn và là lời hứa của Đức Chúa Trời.

▣ **“cho đến chừng Ngài đã bình vực lẽ ta”** Hình ảnh ẩn dụ pháp lý này cũng được thấy trong 6:1-5. Trong những đoạn khác, Đức Chúa Trời đã hành động như một luật sư tố tụng (ví dụ như, 6:2), một luật sư bào chữa (7:9), cũng như thẩm phán.

▣ **“thì Ngài sẽ dắt ta đến sự sáng”** Đây là một cách ứng đối với Chúa là ánh sáng trong dòng 3 câu 8. Đức Chúa Trời là ánh sáng và Ngài mang sự thật ra ánh sáng. Chữ “nhìn thấy” được dùng nhiều lần trong bối cảnh này (xem câu 9 dòng 5, câu 10 dòng 3, câu 16 dòng 1, xem Thi thiên 17:15; Ma-thi-ơ 5:8, Hê-bơ-rơ 12:14; I Giăng 3:2; Khải huyền 22:4).

▣ **“ta sẽ thấy sự công bình của Ngài”** Đức tính của Đức Chúa Trời như là một Thẩm phán công bình được nhìn thấy qua các hành động xét xử của Ngài. Đức tính của Đức Chúa Trời như là người cha đầy lòng thương xót cũng được thấy trong sự tha thứ và phục hồi của Ngài (sự xưng công bình bởi ân điển qua đức tin). Ngài sẽ giữ lời hứa của Ngài cho phần dân tin kính còn sót lại và cho cả nhân loại. Điểm này tương tự như lời tuyên bố của Gióp trong Gióp 19:25-27. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Công Bình trong Ô-sê 2:19.

7:10 “Kẻ thù ta sẽ thấy sự ấy” ĐỘNG TỪ (BDB 906, KB 1157) có dạng MỆNH LỆNH (JUSSIVE) về hình thức, nhưng có dạng KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT) theo ý nghĩa.

▣ **“Chớ nào Giê-hô-va Đức Chúa Trời nơi ở đâu”** Tất cả các cuộc chiến tranh thời cổ đại đều có sự tham gia của các vị thần quốc gia. Người Do Thái bị lúng túng trong thần học của họ có liên quan đến việc Đức Giê-hô-va hỗ trợ cho “các nước” xét đoán dân sự của Ngài (xem Ha-ba-cúc). Đức Giê-hô-va dùng các quốc gia vô tín để đem dân sự nổi loạn của Ngài trở lại với Ngài. Tuy nhiên, Ngài cũng sẽ phán xét các quốc gia mà Ngài đã sử dụng (A-sy-ri, Ba-by-lôn). Lúc đầu, người Do Thái có thể nghĩ rằng các vị thần của các quốc gia ngoại giáo mạnh mẽ hơn Đức Giê-hô-va, nhưng thực ra thì đó là do tội lỗi của họ (xem câu 9), chứ không phải sự bất năng của Đức Giê-hô-va mà gây ra sự thất bại của họ. Đức Giê-hô-va sẽ biện minh danh Ngài (xem Ê-xê-chi-ên 36:22-38) bằng sự phán xét những quốc gia xâm lược (xem câu 13).

▣ **“nay nó sẽ bị giày đạp như bùn ngoài đường”** TỪ GHÉP “bùn ngoài đường” (BDB 376 và 299) thường được sử dụng như ẩn dụ cho sự thất bại (ví dụ, II Sa-mu-ên 22:43; Thi thiên 18:42; Xa-cha-ri 10:5), giống như “liếm bụi” trong câu 17 (xem Ê-sai 49:23).

7:11 Câu này dường như nói đến thành phố Giê-ru-sa-lem. Tuy nhiên, cụm từ “xây tường thành” (BDB 124 và 154 ở dạng TỪ GHÉP) không thường được sử dụng cho những bức tường thành phố (xem A-mốt 9:11), nhưng là đánh dấu ranh giới (ví dụ, Ê-sai 54:11). Như vậy thì thủ đô có thể là ẩn dụ chỉ tất cả dân sự của Đức Chúa Trời.

“Những bức tường thành” là cách ám chỉ đến sự an ninh của nó. Đức Giê-hô-va sẽ khôi

phục lại đất đai của dân sự Ngài và lòng tin cậy nơi Ngài.

7:12 “người ta sẽ đến cùng người” Có ba giả thuyết chính tìm xem như thế nào để giải thích câu này: (1) Người Do Thái từ chôn lưu đày trở về nhà, (2) tất cả các quốc gia bằng sự nể phục đến với dân sự của Đức Chúa Trời được phục hồi, (3) ranh giới lý tưởng của Y-sơ-ra-ên.

7:13 “về việc làm của dân cư nó” Bên ngoài của miền Đất Hứa, sẽ có sự phán xét và tai vạ vì tội lỗi của quốc gia (cũng như trong xứ Ca-na-an bởi vì tội lỗi của Y-sơ-ra-ên, xem câu 9). Tội lỗi có những hậu quả (xem Rô-ma 8:19-22).

BẢN NASB 7:14-20

¹⁴ Hãy dùng gậy chặn dân người, tức là bầy của sản nghiệp người, ở một mình trong rừng giữa Cạt-mên; hãy cho nó ăn cỏ trong Ba-san và Ga-la-át, như trong những ngày xưa. ¹⁵ Ta sẽ tỏ ra cho chúng nó những sự lạ, như trong những ngày mà người ra khỏi đất Ê-díp-tô. ¹⁶ Các nước thấy sự đó, sẽ bị xấu hổ về cả sức mạnh mình; chúng nó sẽ đặt tay trên miệng, và tai chúng nó sẽ điếc. ¹⁷ Chúng nó sẽ liếm bụi như con rắn, và run rẩy mà ra khỏi hang mình như loài bò trên đất; sẽ kinh hãi mà đến cùng Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta, và vì Ngài mà khiếp sợ. ¹⁸ Ai là Đức Chúa Trời giống như Ngài, tha thứ sự gian ác, và bỏ qua sự phạm pháp của dân sót của sản nghiệp Ngài? Ngài không cru giận đời đời, vì Ngài lấy sự nhân từ làm vui thích. ¹⁹ Ngài sẽ còn thương xót chúng tôi, giập sự gian ác chúng tôi dưới chân Ngài; và ném hết thảy tội lỗi chúng nó xuống đáy biển. ²⁰ Ngài sẽ làm ra sự chân thật cho Gia-cốp, và sự nhân từ cho Áp-ra-ham, là điều Ngài đã thề hứa cùng tổ phụ chúng tôi từ những ngày xưa.

7:14 “Hãy dùng gậy chặn dân người” ĐỘNG TỪ (BDB 944 I, KB 1258) là một MỆNH LỆNH Qal. Phần cuối của cuốn sách này là một lời cầu nguyện hướng đến Đức Chúa Trời giao ước. Hy vọng trong câu 7 được mở rộng thêm. Ở đây có sự kết hợp ẩn dụ về người chặn và ẩn dụ về vị vua (xem Thi thiên 23 cũng như Ê-sai 40:11; Mi-chê 2:12; 4:6-7; 5:4; Xa-cha-ri 9:16). Đức Chúa Trời vừa là người chặn, cũng là vị vua. Từ “vương trượng” (BDB 986) có thể ám chỉ đến một vương trượng hoàng gia hoặc cây gậy của người chặn.



NASB “ở một mình”

NKJV “ở đơn độc”

NRSV “sống một mình”

TEV “mặc dù họ sống biệt lập”

NJB “sống trong giới hạn”

Phải chăng đây là ẩn dụ của:

1. giam cầm, NJB
2. hiệp nhất, NKJV
3. dư dật
4. tinh sạch



NASB “một vùng đất màu mỡ”

NKJV “Cạt-mên”

NRSV “đất vườn”

TEV “đồng cỏ phì nhiêu”

NJB “đồng cỏ”

Chữ này (BDB 502) có thể ám chỉ đến (1) một vùng đất nhiều cỏ tốt tươi (tương tự như đất Ba-san và Ga-la-át), (2) một khu rừng (ví dụ, Ê-sai 10:18; 29:17; 32:15); (3) núi Cạt-mên (được biết đến do sự sinh sôi của nó) được tìm thấy trong Bản Bảy Mươi, Peshitta và bản Vulgate.

▣ **“Hãy cho chúng nó ăn”** ĐỘNG TỪ này (BDB 944 I, KB 1258, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal, nhưng JUSSIVE trong ý nghĩa) là cùng một gốc với chữ “người chăn” (câu 1 dòng 1). Ý nghĩa của kế hoạch trong câu 14 là dân sự bị giam cầm, nhưng bây giờ được giải thoát cũng giống như việc đi ra khỏi xứ Ai-cập nhờ quyền năng của Đức Giê-hô-va.

▣ **“Ba-san và Ga-la-át”** Đây là vùng có đồng cỏ tốt tươi ở phía bắc của vùng đất nằm phía bên kia sông Giô-đanh được biết đến là màu mỡ và trù phú.

▣ **“như trong những ngày xưa”** Cụm từ này là thành ngữ để nhắc lại giao ước (xem Ê-sai 63:11; A-mốt 9:11). Nó nói đến lúc khởi đầu của quốc gia khi đi ra khỏi xứ Ai-cập.

7:15 Chúa nhắc lại cho họ nhớ những việc làm của Ngài dành cho họ trong lịch sử (xem Nê-hê-mi 9:9-14 [Xuất Ê-díp-tô Ký]; 15-21 [lưu lạc trong đồng vắng]; 22-25 [đánh chiếm đất Ca-na-an]). Ngài khuyên giục họ phải nhớ lại các sự chu cấp kỳ diệu của Ngài trong thời gian lưu lạc trong đồng vắng (xem Xuất Ê-díp-tô Ký-Dân số Ký), đó cũng là một khoảng thời gian của sự phán xét.

7:16 Các quốc gia đối nghịch với dân sự của Đức Chúa Trời phải bị hạ nhục (“lấy tay che miệng,” ví dụ như, Các Quan Xét 18:19; Gióp 21:5; 29:9; 40:4). Điều này sẽ xảy ra lần nữa khi dân sự Ngài được tái lập giao ước đi ra trong quyền năng và sự hiện diện của Chúa (xem Thi thiên 2).

7:17-18 Bộ giải kinh Tyndale, quyển 23A, có một so sánh thú vị giữa sự giải cứu của Chúa ở Biển Đỏ (được diễn tả trong bài hát của Môi-se) và bài ca chiến thắng của Mi-chê (trang 203):

1. “Run sợ” (BDB 919), Xuất Ê-díp-tô Ký 15:14 và Mi-chê 7:17
2. “Sợ hãi” (BDB 808), Xuất Ê-díp-tô Ký 15:16 và Mi-chê 7:17
3. Bất động bởi sự sợ hãi tạo ra, Xuất Ê-díp-tô Ký 15:16 và Mi-chê 7:16 (dùng chữ khác nhau)
4. Những việc làm quyền năng của Chúa, Xuất Ê-díp-tô Ký 15:11 và Mi-chê 7:15 (dùng chữ khác nhau)
5. Y-so-ra-ên là phần thừa kế của Chúa (BDB 635), Xuất Ê-díp-tô Ký 15:17 và Mi-chê 7:14,18
6. Cùng một câu hỏi để thuyết phục, Xuất Ê-díp-tô Ký 15:11, “ai giống như Ngài” và Mi-chê 7:18, “ai giống như Ngài”
7. Kẻ thù bị ném xuống biển, Xuất Ê-díp-tô Ký 15:1,4-5 và Mi-chê 7:19

Bruce Waltke cho biết thêm, “bài hát của Môi-se nhìn lại chiến thắng của Chúa, bài hát của Mi-chê nhìn về phía trước trong niềm tin đến một việc rất kỳ diệu” (trang 203).

7:17 “Chúng nó sẽ liếm bụi như con rắn, giống như loài bò sát trên đất” Có thể có hai trường hợp đơn giản (cơ bản): (1) hôn chân của người thắng trận (xem Thi thiên 72:9; Ê-sai

49:23) hoặc (2) những thú vật ô uế (xem Sáng thế Ký 3:14; Lê-vi Ký 11). Đây là một thành ngữ tiếng Hê-bơ-rơ chỉ sự thất bại quân sự.

Câu hỏi đặt ra là liệu câu này (1) chỉ đơn giản là ghi lại sự sợ hãi của các quốc gia vì họ thấy quyền năng của Đức Giê-hô-va và tình yêu của Ngài đối với Y-sơ-ra-ên hay là (2) mô tả sự cải đạo của các quốc gia. Theo bối cảnh này thì quan điểm thứ nhất thích hợp nhất, nhưng theo sự soi sáng của Tân Ước thì lựa chọn thứ 2 phù hợp nhất. Về điểm này, xin vui lòng xem Chủ Đề Đặc Biệt: Những Thiên Lệnh Theo Quan Điểm Tin Lành Của Bob trong Mi-chê 5:7-9.

7:18 “Ai là Đức Chúa Trời giống như Ngài” Câu này nói về sự nhân từ của Chúa và là một cách chơi chữ dựa trên tên của vị tiên tri, có nghĩa là “người giống như Đức Giê-hô-va” (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 34:6-7; Phục truyền Luật lệ Ký 7:9; Nê-hê-mi 9:17; Thi thiên 103:8-10; Giô-ên 2:13).

☐ **“tha thứ”** ĐỘNG TỪ thông dụng trong tiếng Hê-bơ-rơ này (BDB 669, KB 724, dạng ĐỘNG TÍNH TỪ Qal) có nhiều nghĩa (1) nâng lên (ví dụ, 4:1), (2) mang, gánh (ví dụ, 6:16; 7:9); (3) đem đi (ví dụ, 2:2), và (4) tha thứ (ví dụ, Ô-sê 1:6; 14:2). Có một loạt các cụm từ trong câu 18 mô tả sự nhân từ và tha thứ của Chúa (xem Thi thiên 103:12; Ê-sai 1:18; 38:17; 43:25; 44:22). Khi Chúa tha thứ, thì Ngài cũng quên đi (sự phạm tội của con người).

ĐỘNG TỪ tương tự “đi qua” (BDB 716, KB 778, dạng ĐỘNG TÍNH TỪ Qal) có nghĩa là “vượt qua”, (ví dụ, 2:13; A-môt 5:17) trong ý nghĩa “bỏ qua” (nghĩa là không cần nhìn, ra khỏi tâm trí, xem câu 19). Cũng động từ này được sử dụng trong A-môt 7:8 và 8:2 theo nghĩa phán xét. Chỉ có ở đây và trong Châm-ngôn 19:22 thì nó mới có nghĩa tha thứ.

☐ Trong quyển *Translator’s Handbook on the Books of Obadiah and Micah* của UBS có chỉ ra vài chữ trong tiếng Hê-bơ-rơ chỉ tội lỗi được sử dụng trong các câu 18-19:

1. Tội lỗi (BDB 730, là quanh quẹo)
2. Vi phạm (BDB 833, là nổi loạn)
3. Tội lỗi (BDB 308, là thiếu hụt so với tiêu chuẩn)

Điều đang được nói đến, đó là tất cả các sự vi phạm giao ước của dân sự giao ước đều được tha thứ (trang 191).

☐ **“dân còn sót lại”** là một chủ đề thường xuyên (xem 2:12; 4:7; 5:7,8).

☐ **“Ngài không cru giận đòi đòi”** ĐỘNG TỪ (BDB 304, KB 302, dạng HOÀN THÀNH Hiphil) có nghĩa là “nắm giữ cũng như giữ lại, ghi nhớ” (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 9:2). Qua cụm từ này Chúa được mô tả theo cách giống như loài người, như cha mẹ sửa trị con cái của Ngài, nhưng không từ bỏ chúng và mong chờ phục hồi lại mối liên hệ (xem Thi thiên 103:8).

7:18

NASB “Ngài vui thích trong tình thương không đổi”

NKJV “Ngài vui thích trong sự thương xót”

NRSV “Ngài vui thích tỏ bày sự khoan hồng”

TEV “Ngài vui mừng bày tỏ tình thương vững bền”

NJB “Ngài vui thích bày tỏ tình thương chân thành”

ĐỘNG TỪ (BDB 342, KB 339, dạng HOÀN THÀNH Qal) cũng được dùng trong Giê-rê-mi 9:24 và Ô-sê 6:6. Điều quan trọng là nên biết Chúa “vui thích” về điều gì (và không “vui thích” điều gì, xem Ê-xê-chi-ên 18:23,32; 33:11).

Thuật ngữ “tình thương không thay đổi” (BDB 338 I) là chữ *hesed*, cũng được tìm thấy trong 6:8; 7:18,20, Ô-sê 2:19; 4:1; 6:4,6; 10:12, 12:6; và Giô-na 2:8; 4:2.

Chữ *hesed* là chữ trong giao ước của tiếng Hê-bơ-rơ. Nó có nghĩa là sự thành tín theo giao ước không điều kiện của Đức Chúa Trời. Xem Chủ Đề Đặc Biệt trong Ô-sê 2:19.

7:19 Đây là một loạt những ẩn dụ chỉ sự tha thứ được tiếp nối bằng việc quên đi. Khi Chúa tha thứ, Ngài quên đi (tội lỗi) (xem Ê-sai 1:18; 38:17; 43:25; 44:22; Thi thiên 103:8-14). Ra khỏi cái nhìn, ra khỏi tâm trí! Thật là một lời hứa tuyệt vời. Nhiều tín hữu đã có kinh nghiệm sự tha thứ của Thiên Chúa, nhưng không kinh nghiệm Ngài quên đi tội lỗi của họ.



NASB, NRSV

“giập sự gian ác chúng tôi dưới chân Ngài”

NKJV

“Và sẽ đè nén tội lỗi của chúng tôi”

TEV

“Ngài sẽ chà đạp những gian ác của chúng tôi dưới chân”

NJB

“dẫm lên những lỗi lầm của chúng tôi”

ĐỘNG TỬ này (BDB 461, KB 460, dạng KHÔNG HOÀN THÀNH Qal) thông thường có nghĩa là “khuất phục” (ví dụ, Sáng thế Ký 1:25) hay “bắt làm nô lệ” (ví dụ, Giê-rê-mi 34:11,16; Nê-hê-mi 5:5). Chỗ này nó được dùng theo nghĩa bóng cho việc đánh bại và chế ngự tội lỗi của những người có đức tin.

7:20 “sự chân thật...tình thương không đòi đổi” Hai đức tính của Đức Giê-hô-va được thể hiện lại trong dân sự của Ngài. “Lẽ thật” (BDB 54) trong Cựu Ước ngụ ý sự đáng tin hoặc thành tín (xem Chủ Đề Đặc Biệt trong Giô-na 3:5). Thứ hai là *hesed* (BDB 338 I) hay sự thành tín trong giao ước (xem Chủ Đề Đặc Biệt trong Ô-sê 2:19). Đức Chúa Trời sẽ làm ra một dân công chính (không phải do công đức của con người, xem Giê-rê-mi 31:31-34, như trong Cựu Ước, nhưng bởi lòng thương xót và ân điển của Ngài, tham khảo Ê-xê-chi-ên 36:22-38, như trong Tân Ước).

▣ **“Gia-cốp...Áp-ra-ham...tổ tiên chúng tôi”** Mỗi liên hệ giữa Đức Chúa Trời và dân sự của Ngài là điều độc đáo nhất trong những lời hứa và ràng buộc của nó. Sách Giô-na cùng với những câu 18-20 này đã được đọc trong Ngày Đại Lễ Chuộc Tội trong các nhà hội của người Do thái. Vào buổi chiều ngày đầu năm mới, người Do Thái Chính Thống đi đến một nơi có nước chảy, dốc túi mình ra trong khi đọc các câu 18-20. Việc này được gọi là Tashlich hoặc “Ngài sẽ ném bỏ”. Nó không chỉ nhấn mạnh trách nhiệm giao ước (loại bỏ mọi tội), mà còn lòng thương xót của Chúa.

Vấn đề thần học trong kết luận này không phải là đức tính nhân từ của Đức Chúa Trời, nhưng là giao ước mới trong Đấng Christ sẽ gây sốc khi được thêm vào (xem Giăng 14:6). Y-sơ-ra-ên có được cứu không, do họ vâng giữ giao ước hay bởi sự phục hồi lại cho nước Giu-đa? Vấn đề thực sự là hiệu lực (giá trị) của sứ điệp mới của Đức Chúa Giê-xu (xem Rô-ma 2:28-29; 9-11; Ga-la-ti 3; 6:16).

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Đoạn này được viết cho một cá nhân hay cho thành viên của một tập thể?
2. Định nghĩa chữ hesed trong tiếng Hê-bơ-rơ.
3. Giải thích sự tương phản giữa các câu 7-8 và các câu 1-6.
4. Tại sao là câu hỏi trong câu 10 rất quan trọng dựa theo tình trạng của dân sự của Đức Chúa Trời?
5. Kể ra những đặc tính nhân từ của Đức Chúa Trời trong các câu 18 và 19.

PHỤ LỤC MỘT

NHỮNG VỊ VUA CÙNG NHỮNG BIẾN CỐ CỦA CÁC TRIỀU ĐẠI BA-BY-LÔN, BA TƯ, VÀ HY LẠP

- Năm 612 trước Chúa Thành Ni-ni-ve sụp đổ trước quân đội nước Tân Ba-by-lôn của Nê-bu-cát-nết-sa
- 608 Pha-ra-ôn Necho II hành quân đến Carchemesh để ngăn chặn sự bành trướng sức mạnh của đế quốc Tân Ba-by-lôn
- Giô-si-a là vua Giu-đa cố gắng ngăn chặn ông
- Giô-si-a chết và con trai ông là Giô-a-cha lên ngôi.
- Cai trị được 3 tháng thì Pha-ra-ôn Necho II đưa một con trai khác của Giô-si-a là Giê-hô-gia-kim lên thay ông.
- Pa-léc-tin và Sy-ri-a đều ở dưới sự cai trị của Ai Cập
- Những cải cách của Giô-si-a bị tiêu tan
- 605 Nabopolassar gửi quân sang đánh quân đội còn sót lại của A-sy-ri và Ai Cập tại Carchemesh
- Nê-bu-cát-nết-sa đã đánh đuổi cho đến vùng đồng bằng của xứ Pa-léc-tin
- Nê-bu-cát-nết-sa được tin cha mình (Nabopolassar) chết vì vậy ông trở về Ba-by-lôn để lên ngôi vua
- Trên đường trở về, ông bắt Đa-ni-ên cùng với những thành viên khác trong hoàng tộc đi lưu đày
- 605 - 538 Ba-by-lôn cai trị xứ Pa-léc-tin, năm 597 có 10.000 người bị lưu đày đến Ba-by-lôn
- 586 Giê-ru-sa-lem và đền thờ bị phá hủy và rất đông người bị lưu đày.
- 582 Bởi vì những chiến binh du kích người Do Thái giết Ghê-đa-lia nên có thêm một cuộc lưu đày có rất nhiều người nữa.

NHỮNG NGƯỜI KẾ VỊ NÊ-BU-CÁT-NẾT-SA

- 562 - 560 Ê-vinh-mê-rô-đác thả Giê-hô-gia-kim (thuộc dòng dõi Đấng Mết-si-a) khỏi nhà giam

560 - 556	Neriglissar
556	Labaski-Marduk trị vì
556 - 539	Nabonidus: Dành phần lớn thời gian xây dựng một ngôi đền cho thần mặt trăng, Sin. Điều này gây ra sự thù địch với các thầy tế của thần Marduk. Ông dành thời gian còn lại của mình để cố gắng dập tắt cuộc nổi dậy và ổn định vương quốc. Ông đã dọn đến Tema và giao công việc triều chính cho con trai của mình là Bên-xát-sa. Bên-xát-sa: Ông dành phần lớn thời gian của mình để cố gắng khôi phục trật tự. Mối đe dọa lớn đối với Ba-by-lôn là Mê-đi.
	Sự trôi dạt của Si-ru
585 - 550	Astyages là vua nước Mê-đi (Si-ru II là cháu (ngoại) trai của ông, con của bà Mandane)
550	Si-ru II là vua chư hầu nổi dậy Để tạo lại sự cân bằng quyền lực, Nabonidus đã liên minh với: 1. Ai Cập 2. Crecus là vua của Lydia
547	Si-ru đem quân đánh Sardis (kinh đô của Lydia) và chiếm giữ tất cả vùng Tiểu Á
539	Gobiyas chiếm Ba-by-lôn mà không gặp kháng cự nào (Đa-ni-ên 5; Bên-xát-sa và Nabonidus đồng nhiếp chính; cũng có thể Gobiyas là Đa-ri-út người Mê-đi, Đa-ni-ên 5:31).
Ngày 11 tháng 10 năm 539	Si-ru tiến vào như người giải phóng khỏi nữ thần mặt trăng Sin của Nabonidus
	Những vua kế vị Si-ru
530	Cambyses là con của Si-ru kế vị ông

530 - 522	Triều đại của Cambyses (theo bản giấy cói Elephantine Papyri) Sáp nhập Ai Cập vào đế quốc Mê-đi - Ba Tư năm 525
522 - 486	Đa-ri-út I lên ngôi cai trị Ông đã tổ chức đế quốc Ba Tư gồm nhiều tỉnh (có tổng đốc [tỉnh trưởng] cai trị) theo kế hoạch của Si-ru. Ông đã đúc tiền giống như đồng tiền của Lydia
486 - 465	Xét-xe I (Ê-xơ-tê) Dập tắt cuộc nổi dậy của người Ai Cập Có ý định xâm chiếm Hy Lạp, nhưng đã bị đánh bại trong trận chiến Thermoply năm 480 Xét-xe I bị ám sát năm 465
480	Trận chiến tại Thermoply
465 - 424	Ật-ta-xét-xe I Longimanus (E-xơ-ra 7-10, Nê-hê-mi, và Ma-la-chi) Nước Hy Lạp tiếp tục phát triển cho đến khi phải đối mặt với cuộc chiến người Peloponisian Chiến tranh kéo dài khoảng 20 năm Trong thời gian này, cộng đồng người Do Thái được lập lại
423 - 404	Đa-ri-út II Cho phép tổ chức lễ bánh không men trong Đền Thờ Elephantine
404 - 358	Ật-ta-xét-xe II
358 - 338	Ật-ta-xét-xe III
338 - 336	Arses
336 - 331	Đa-ri-út III

HY LẠP

359 - 336	Phi-líp II người Ma-xê-đoan thành lập nước Hy Lạp
-----------	---

	Ông bị ám sát năm 336
336 - 323	A-léc-xăn-đơ Đại đế (con trai của Phi-líp) Đánh đuổi Đa-ri-út II trong trận chiến tại ISUS Ông chết vào năm 323 trong xứ Ba-by-lôn do một cơn sốt sau khi chinh phục phía đông Địa Trung Hải và vùng Cận Đông Sau khi A-léc-xăn-đơ chết những tướng lãnh chia đế chế của ông để cai trị: 1. Cassander – Ma-xê-đoan và Hy Lạp 2. Lysimicus - Thrace 3. Seleucus I - Sy-ri và Ba-by-lôn 4. Ptolemy - Ai Cập và Pa-léc-tin 5. Antigonus - một phần nhỏ của Tiểu Á
	Seleucids đối đầu với Ptolemies
301	Pa-léc-tin ở dưới sự cai trị của Ptolemy trong khoảng 100 năm
175 - 163	Antiochus Epiphanes Muốn Hy Lạp hóa người Do Thái cho xây dựng vận động trường Xây dựng những bàn thờ ngoại giáo và những thầy tế lễ bị ngược đãi
Ngày 13 tháng 12, năm 168	Một con heo đã bị giết đặt trên bàn thờ theo lệnh của Epiphanies Antiochus. Một số người xem việc này là sự phá hoại kinh tởm.
167	Mattathias và các con trai nổi loạn. Mattathias bị giết. Giu-đa giữ quyền lãnh đạo. Giu-đa Ma-ca-bê thắng lợi bằng cuộc chiến tranh du kích
Ngày 25 tháng 12 năm 165	Đền Thờ được tái cung hiến.

NHỮNG NHÀ CAI TRỊ

BA-BI-LÔN

MÊ-ĐI

626 - 605	Nabopolassar (“Nabu, Kẻ hộ vệ thần Mặt trời”) chết 625 - 585 Cyrzares
-----------	---

605 - 562	Nê-bu-cát-nét-sa II (“Nebo, Người bảo vệ biên cương”) 585 - 550 Astyages
562 - 560	Evil Merodack 550 Si-ru II
556	Labaski Marduk
556 - 539	Nabonidus Bên-xát-sa
539 -	Gobiyas

MÊ-ĐI - BA TƯ

550 - 530	Si-ru II (538 Mê-đi-Ba Tư hùng mạnh thống trị đế quốc có tên Achaemenian)
530 - 522	Cambyses II (sáp nhập Ai Cập và Cyprus vào đế quốc)
522	Gaumata hoặc Pseudo, Smerdis (trị vì 6 tháng)
522 - 486	Đa-ri-út I (Hystaspes)
486 - 465	Xét-xe I (chồng của Ê-xơ-tê)
465 - 424	Ật-ta-xét-xe I (E-xơ-ra và Nê-hê-mi về ở trong xứ Pa-léc-tin)
423 -	Ật-ta-xét-xe II
424 - 404	Đa-ri-út II Nothus
404 - 359	Ật-ta-xét-xe II Mnemon
359 - 338	Ật-ta-xét-xe III Ochus
338 - 336	Arses
336 - 331	Đa-ri-út III Codomannus

HY LẠP

359 - 336	Phi-líp II người Ma-xê-đoan
-----------	-----------------------------

336 - 323 A-léc-xan-đơ Đại đế
323 - Những tướng chia xé đế quốc

1. Cassandea – Ma-xê-đoan
2. Lysimicus – Sy-ri
3. Seleucus I - Sy-ri và Ba-by-lôn
4. Ptolemy - Ai Cập
5. Antigonus - Tiểu Á (bị giết năm 301 trước Chúa)

Các vua dòng Ptolemies cai trị xứ Pa-léc-tin, nhưng đến năm 175 - 163 quyền cai trị chuyển sang cho các vua dòng Seleucids

175 - 163 Antiochus IV Epiphanes, vị vua thứ tám thuộc dòng họ Seleucid

* Hầu hết những tên và thời điểm được lấy ra từ quyển *A History of Israel* của John Bright, trang 461-471.

PHỤ LỤC HAI

LƯỢC KHẢO VĂN TẮT LỊCH SỬ CỦA NHỮNG ĐẾ QUỐC VÙNG MÊ-SÔ-PÔ-TA-MI

(Ngày tháng đều dựa theo quyển *A History of Israel* của John Bright, trang 462ff.)

I. Đế quốc A-si-ri (Sáng thế Ký 10: 11)

A. Tôn giáo và văn hóa chịu ảnh hưởng nhiều từ Đế chế của người Su-me, Ba-by-lôn.

B. Danh sách giả định về những người lãnh đạo và những thời điểm ước đoán:

1. 1354-1318 - Asshur-Uballit I:
 - a. Chinh phục thành phố Carchemish của người Hittite
 - b. Bắt đầu loại bỏ ảnh hưởng Hittite và cho phép A-si-ri phát triển
2. 1297-1266 - Adad-Nirari I (vị vua hùng mạnh)
3. 1265-1235 - Sanh-ma-na-sa I (vị vua hùng mạnh)
4. 1234-1197 - Tukulti-Ninurta I
 - Người đầu tiên chinh phục đế quốc Ba-by-lôn ở phía nam
5. 1118-1078 - Tiếc-la-Phi-lê-se I
 - A-si-ri trở thành một cường quốc ở vùng Mê-sô-pô-ta-mi
6. 1012 - 972 - Ashur-Rabi II
7. 972 - 967 - Ashur-resh-Isui II
8. 966 - 934 - Tiếc-la-Phi-lê-se II
9. 934 - 912 - Ashur-Dan II
10. 912 - 890 - Adad-Nirari II
11. 890 - 884 - Tukulti-Ninurta II
12. 883 - 859 - Asshur-Nasir-Apal II
13. 859 - 824 - Sanh-ma-na-sa III
 - Trận chiến Qarqar năm 853
14. 824-811 - Shamashi-Adad V
15. 811-783 - Adad-Nirari III
16. 781-772 - Sanh-ma-na-sa IV
17. 772-754 - Ashur-Dan III
18. 754-745 - Ashur-Nirari V
19. 745-727 - Tiếc-la-Phi-lê-se III:
 - a. Được gọi là Phun theo tước hiệu triều đại Ba-by-lôn, trong II Các Vua 15:19
 - b. Vị vua rất hùng mạnh
 - c. Bắt đầu chính sách lưu đày các dân tộc bị chinh phục
 - d. Vào năm 735 trước Chúa, liên minh “Syro-Ephramatic” được thành lập nhằm thống nhất tất cả các lực lượng quân sự sẵn có của các quốc gia trong vùng lưu vực sông Giô đanh (transjordan) từ sông Ô-phơ-rát cho đến Ai Cập với mục đích cân bằng lại với sức mạnh quân sự đang nổi lên của A-sy-ri. A-cha, vua của Giu-đa đã từ chối tham gia và bị Y-sơ-ra-ên và Sy-ri xâm lược. Ông làm ngược lại lời khuyên của Ê-sai (xem II Các vua 16; Ê-sai 7-12) mà viết thơ nhờ Tiếc-la-Phi-lê-se III cứu giúp.

- e. Năm 732 Tiếc-la-Phi-lê-se III xâm chiếm và chinh phục Sy-ri cũng như Y-so-ra-ên và đặt Ô-sê làm một vị vua chư hầu trên ngai Y-so-ra-ên (732-722). Hàng ngàn người Do Thái thuộc vương quốc miền Bắc bị đày sang Mê-đi (xem II Các vua 15).
- 20. 727-722 - Sanh-ma-na-sa V
 - a. Vua Ô-sê liên minh với Ai Cập và bị A-sy-ri xâm lược (xem II Các vua 17)
 - b. Sa-ma-ri bị bao vây năm 724 trước Chúa
- 21. 722-705 - Sargon II:
 - a. Sau ba năm bao vây lúc đầu là do Sanh-ma-na-sa V nhưng người kế vị của ông là Sargon II đã chinh phục Sa-ma-ri, kinh đô của Y-so-ra-ên. Hơn 27.000 người bị lưu đày đến nước Mê-đi.
 - b. Đế chế Hittite cũng bị chinh phục.
 - c. Trong khoảng 714-711, một liên minh khác của các quốc gia vùng lưu vực sông Giô-đanh (transjordan) với Ai Cập nổi dậy chống lại A-sy-ri. Liên minh này được biết đến là “cuộc nổi loạn Ashdad.” Ngay lúc đầu vua Ê-xê-chia của Giu-đa cũng có tham gia. A-sy-ri xâm chiếm và phá hủy một số thành phố của người Phi-li-tin.
- 22. 705-681 - San-chê-ríp:
 - a. Năm 705, một liên minh của các quốc gia vùng lưu vực sông Giô-đanh (transjordan) với Ai Cập nổi dậy sau khi Sargon II chết. Ê-xê-chia hoàn toàn hỗ trợ cuộc nổi dậy này. San-chê-ríp xâm chiếm năm 701. Cuộc nổi loạn đã bị nghiền nát nhưng Giê-ru-sa-lem đã được cứu thoát qua cách làm của Đức Chúa Trời (xem Ê-sai 36-39 và II Các vua 18-19).
 - b. San-chê-ríp cũng dập tắt các cuộc nổi loạn trong xứ Ê-lam và Ba-by-lôn.
- 23. 681-669 - Esarhaddon:
 - a. Vị vua người A-sy-ri đầu tiên tấn công và chinh phục Ai Cập
 - b. Có nhiều thiện cảm với Ba-by-lôn và xây dựng lại thủ đô của nó
- 24. 669-633 - Ashurbanipal:
 - a. Còn được gọi là Ô-náp-ba trong E-xơ-ra 4:10
 - b. Anh trai của ông Shamash-shum-ukin đã được phong làm vua Ba-by-lôn (sau đó bị giáng chức phó vương). Điều này mang lại nhiều năm hòa bình giữa A-sy-ri và Ba-by-lôn, nhưng có một mầm mống độc lập nở ra vào năm 652 dưới sự lãnh đạo của anh trai ông (người đã bị giáng chức làm phó vương).
 - c. Sụp đổ của Thebes, năm 663 trước Chúa
 - d. Đánh bại Ê-lam, 653, 645 trước Chúa
- 25. 633-629 - Asshur-Etil-Ilani
- 26. 629-612 - Sin-Shar-Ishkun
- 27. 612-609 - Asshur-Uballit II:
 - a. Lên ngôi vua trong khi bị lưu đày tại Haran
 - b. Sự sụp đổ của Asshur năm 614 trước Chúa và Ni-ni-ve năm 612 trước Chúa

II. Đế quốc Tân Ba-by-lôn:

- A. 703 - Merodach-Baladan
 - Bắt đầu các cuộc nổi dậy chống lại sự cai trị của A-sy-ri
- B. 652 Shamash-shum-ukin:
 - 1. Con của Esarhaddon và anh của Asshurbanipal
 - 2. Ông bắt đầu một cuộc nổi dậy chống lại A-sy-ri nhưng đã bị đánh bại

C. 626-605 Nabopolassar:

1. Là vị vua đầu tiên của đế quốc Tân-Ba-by-lôn
2. Ông tấn công A-si-ri từ phía nam trong khi Cyaxares người Mê-đi tấn công từ phía đông bắc
3. Thủ đô cũ của A-si-ri Asshur sụp đổ năm 614 và thủ đô hùng mạnh mới là Ni-ni-ve sụp đổ năm 612 trước Chúa
4. Phần còn lại của quân đội A-si-ri rút lui về Haran. Họ còn lập ra một vị vua nữa.
5. Năm 608, Pha-ra-ôn Nê-cô II (xem II Các vua 23:29) tiến quân về phía bắc để giúp phần còn lại của quân đội A-si-ri với mục đích tạo ra một vùng đệm chống lại cường quốc Ba-by-lôn đang nổi lên. Vị vua Giu-đa tin kính là Giô-si-a (xem II Các vua 23) chống lại cuộc hành quân của quân đội Ai Cập ngang qua xứ Pa-léc-tin. Có một cuộc giao tranh nhỏ ở Megiddo. Giô-si-a đã bị thương và chết (II Các vua 23:29-30). Con trai ông là Giô-a-cha được phong làm vua. Pha-ra-ôn Nê-cô II đến quá trễ nên không ngăn cản được quân đội A-sy-ri bị tiêu diệt tại Haran. Ông đã tiến đánh quân Ba-by-lôn do thái tử Nê-bu-cát-nết-sa II chỉ huy và bị bại trận thảm hại năm 605 (trước Chúa) tại Carchemesh trên sông Ô-phơ-rát.

Trên đường trở về Ai Cập, Pha-ra-ôn Nê-cô dùng lại đánh chiếm thành phố Giê-ru-sa-lem. Ông bắt lưu đày Giô-a-cha (chỉ lên ngôi có ba tháng). Ông đưa một con trai khác của Giô-si-a là Giê-hô-gia-kim lên ngôi (xem II Các vua 23:31-35).

6. Nê-bu-cát-nết-sa II đuổi theo quân đội Ai Cập về phía nam ngang qua xứ Pa-léc-tin, nhưng ông nhận được tin cha mình chết và trở về Ba-by-lôn để lên ngôi. Cũng trong năm đó ông quay trở lại xứ Pa-léc-tin. Ông vẫn để Giê-hô-gia-kim trên ngôi vua Giu-đa, nhưng lưu đày hàng ngàn người ưu tú trong dân chúng và một số thành viên hoàng tộc. Đa-ni-ên và những người bạn ở trong số những người đi lưu đày lần này.

D. 605-562 - Nê-bu-cát-nết-sa II:

1. Từ 597-538, Ba-by-lôn hoàn toàn kiểm soát xứ Pa-léc-tin.
2. Năm 597, Vua Giê-hô-gia-kim liên minh với Ai cập nên ở Giê-ru-sa-lem có thêm một cuộc đi đày nữa (II Các vua 24). Ông chết trước khi Nê-bu-cát-nết-sa II tiến vào. Giê-hô-gia-kin con trai của ông chỉ làm vua được ba tháng rồi bị đi lưu đày sang Ba-by-lôn. Tiên tri Ê-xê-chi-ên thuộc trong số mười nghìn người bị đưa đến ở gần các thành phố Ba-by-lôn bên bờ kênh Kê-ba.
3. Sau một thời gian thân thiện với Ai Cập, đến năm 586 thành phố Giê-ru-sa-lem bị Nê-bu-cát-nết-sa phá hủy hoàn toàn (II Các vua 25) và rất nhiều người bị đưa đi lưu đày. Sê-đê-kia được đưa lên làm vua thay cho Giê-hô-gia-kin cũng bị đi lưu đày và Ghê-đa-lia được bổ nhiệm làm tổng đốc.
4. Ghê-đa-lia đã bị quân nổi loạn của người Do Thái giết. Quân nổi loạn này trốn sang Ai Cập và bắt Giê-rê-mi đi theo với họ. Nê-bu-cát-nết-sa xâm lược lần thứ tư (605, 596, 586, 582) và tìm bắt tất cả những người Do Thái còn lại đưa đi lưu đày.

E. 562-560 - Ê-vinh-mê-rô-đác, con trai của Nê-bu-cát-nết-sa, cũng được gọi là Amel-Marduk (trong tiếng Akkadian, “người của thần Marduk”)
- Ông tha cho Giê-hô-gia-kin ra khỏi ngục, nhưng vẫn phải ở lại Ba-by-lôn (xem II Các vua 25:27-30; Giăng 52:31).

F. 560-556 - Neriglissar (Nê-gan-Sa-rê-t-sê?)

- Ông ám sát Ê-vin-mê-rô-đác, là anh rể của mình
- Trước đây ông là tướng của Nê-bu-cát-nét-sa đã phá hủy Giê-ru-sa-lem (xem Giê-rê-mi 39:3,13)

G. 556 - Labaski-Marduk

- Ông là con của Neriglissar nắm giữ vương quyền khi còn là một cậu bé, nhưng đã bị ám sát chỉ chín tháng sau đó (Berossos).

H. 556-539 - Nabonidus (trong tiếng Akkadian là “Nê-bô được tôn quý”):

1. Nabonidus không có liên hệ với dòng dõi hoàng gia nên ông kết hôn với một người con gái của Nê-bu-cát-nét-sa
2. Ông đã dành hầu hết thời gian xây dựng một ngôi đền cho “Sin” là thần mặt trăng ở Tema. Ông là con trai của nữ thượng tế của nữ thần này. Điều này khiến ông trở thành kẻ thù của các thầy tế của thần Marduk, là vị thần chính của Ba-by-lôn.
3. Ông đã dành phần lớn thời gian của mình để cố gắng dập tắt các cuộc nổi dậy (ở Sy-ri và Bắc Phi) và ổn định vương quốc.
4. Ông đã chuyển đến ở Tema và giao công việc triều chính tại thủ đô Ba-by-lôn cho con trai của mình là Bê-n-xát-sa (xem Đa-ni-ên 5).

I. ? - 539 – Bê-n-xát-sa (đồng trị vì)

- Thành phố Ba-by-lôn đã thất thủ nhanh chóng trước quân đội Ba Tư dưới sự chỉ huy của Gobryas of Gutium làm đổi dòng chảy nên nước của sông Ô-phơ-rát chảy vào thành phố và họ tiến vào mà không bị kháng cự. Các thầy tế và dân trong thành phố đã xem người Ba Tư là những người giải phóng và phục hồi lại thần Marduk. Gobryas đã được Si-ru II lập làm tổng đốc Ba-by-lôn. Có thể Gobryas là Đa-ri-út Mê-đi trong Đa-ni-ên 5:31; 6:1 “Đa-ri-út” có nghĩa là “người thuộc hoàng tộc.”

III. Đế quốc Mê-đi-Ba Tư: Sơ lược về việc nổi dậy của Si-ru II (Ê-sai 41:2,25; 44:28-45:7; 46:11; 48:15):

- A. 625-585 - Cyaxares là vua của Mê-đi đã giúp Ba-by-lôn đánh bại A-sy-ri.
- B. 585-550 - Astyages là vua của Mê-đi (thủ đô là Ecbatana). Si-ru II là cháu trai của ông, con của Cambyses I (600-559, Ba Tư) và Mandane (con gái của Astyages, Mê-đi).
- C. 550-530 – Si-ru II of Ansham (phía đông Ê-lam) là một vị vua chư hầu nổi dậy:
 1. Nabonidus vua Ba-by-lôn hỗ trợ Si-ru.
 2. Tướng của Astyages là Harpagus dẫn quân đội của ông tham gia cuộc nổi dậy của Si-ru.
 3. Si-ru II hạ bệ Astyages.
 4. Để lập lại sự cân bằng thế lực, Nabonidus đã liên minh với:
 - a. Ai Cập
 - b. Croesus, vua của Lydia (Tiểu Á)
 5. 547 - Si-ru II đưa quân đánh Sardis (thủ đô của Lydia) và nó đã sụp đổ năm 546 trước Chúa
 6. 539 - Vào giữa tháng mười, cả hai tướng Ugbaru và Gobryas ở Gutium đem đội quân của Si-ru chiếm Ba-by-lôn mà không gặp kháng cự. Ugbaru đã được lập làm

- tổng đốc nhưng vài tuần sau chết vì bị thương lúc chiến tranh. Sau đó Gobryas đã được lập làm tổng đốc của Ba-by-lôn.
7. 539 - người
Vào cuối tháng mười, Si-ru II Đại đế đích thân tiến vào Ba-by-lôn như một giải phóng. Chính sách thân thiện của ông đối với các nước đã đảo ngược lại chính sách bắt đi lưu đày đã có trong nhiều năm và nó trở thành chính sách quốc gia.
 8. 538 - phép
Người Do Thái và các dân tộc khác (tham khảo Cylinder Cyrus) đã được trở về quê hương và xây dựng lại ngôi đền trong địa phương của họ (xem II Sử ký 36:22,23, E-xơ-ra 1:1-4). Ông cũng đã trả lại những đồ dùng trong Đền thờ của Đức Giê-hô-va mà Nê-bu-cát-nét-sa đã lấy đem vào đền thờ của thần Marduk tại Ba-by-lôn (xem E-xơ-ra 1:7-11; 6:5).
 9. 530 - nhưng
Con của Si-ru là Cambyses II đã đồng nhiếp chính một thời gian ngắn, cũng trong năm đó Si-ru đã chết trong một chiến dịch quân sự.
- D. 530-522 - Triều đại của Cambyses II
1. Sáp nhập nước Ai Cập vào đế quốc Mê-đi-Ba Tư vào năm 525 trước Chúa;
 2. Ông cai trị không được lâu:
 - a. Một số người nói ông tự sát;
 - b. Heroditus cho biết ông dùng kiếm của ông để tự làm mình bị thương trong lúc cưỡi ngựa và chết vì bị nhiễm trùng.
 3. Pseudo-Smerdis (Gaumata) - 522 có chiếm đoạt ngai vàng trong một thời gian ngắn
- E. 522-486 - Đa-ri-út I (Hystapes) cai trị
1. Ông không thuộc dòng dõi hoàng tộc nhưng là một tướng lĩnh quân đội.
 2. Ông đã tổ chức đế quốc Ba Tư gồm nhiều tỉnh giống như kế hoạch của Si-ru (xem E-xơ-ra 5-6, cũng như trong suốt giai đoạn của A-gê và Xa-cha-ri).
 3. Ông đã đúc tiền giống như Lydia
 4. Ông đã tìm cách xâm lược Hy Lạp nhưng bị đẩy lui.
- F. 486-465 - Triều đại của Xét-xe I:
1. Dập tắt cuộc nổi dậy của người Ai Cập
 2. Dự tính xâm lược Hy Lạp nhằm thực hiện ước mơ của người Ba Tư, nhưng đã bị đánh bại trong cuộc chiến tại Thermoply năm 480 trước Chúa và tại Salamis năm 479 trước Chúa
 3. Ông là chồng của Ê-xơ-tê cũng được gọi là A-suê-ru trong Kinh Thánh. Ông bị ám sát năm 465 trước Chúa
- G. 465-424 - A-t-ta-xét-xe I (Longimanus) trị vì (xem E-xơ-ra 7-10; Nê-hê-mi; Ma-la-chi):
1. Hy Lạp tiếp tục phát triển cho đến khi gặp phải cuộc nội chiến với người Peloponisian
 2. Hy Lạp phân chia (Athens - Peloponisian)
 3. Cuộc nội chiến tại Hy Lạp kéo dài khoảng 20 năm
 4. Trong thời gian này, cộng đồng người Do Thái được vững mạnh
 5. Triều đại ngắn ngủi của Xét-xe II và Sekydianos - 423
- H. 423-404 - Đa-ri-út II (Nothos) trị vì
- I. 404-358 - A-t-ta-xét-xe II (Mnemon) trị vì
- J. 358-338 - A-t-ta-xét-xe III (Ochos) trị vì
- K. 338-336 - Arses trị vì

- L. 336-331 - Đa-ri-út III (Codomannus) trị vì cho đến trận chiến Issus năm 331 và bị người Hy-lạp đánh bại

IV. Lược khảo nước Ai Cập:

- A. Hyksos (Các vị vua “mục tử” - những nhà cai trị Semitic) -1720/10-1550

B. Triều đại thứ 18 (1570-1310):

1. 1570-1546 - Amosis
 - a. Lập thủ đô Thebes
 - b. Xâm lược miền nam Ca-na-an
2. 1546-1525 - Amenophis I (Amenhotep I)
3. 1525-1494 - Thutmosis I
4. 1494-1490 - Thutmosis II - kết hôn với con gái của Thutmosis I, Hatshepsut
5. 1490-1435 - Thutmosis III (cháu trai của Hatshepsut)
6. 1435-1414 - Amenophis II (Amenhotep II)
7. 1414-1406 - Thutmosis IV
8. 1406-1370 - Amenophis III (Amenhotep III)
9. 1370-1353 - Amenophis IV (Akhenaten)
 - a. Thờ thần mặt trời, Aten
 - b. Thiết lập một hình thức thờ lạy thần tối cao (thuyết độc thần)
 - c. Những lá thư Tel-El-Amarna có trong giai đoạn này
10. ? Smenkhare
11. ? Tutankhamun (Tutankhaten)
12. ? Ay (Aye-Eye)
13. 1340-1310 Haremhab

C. Triều đại thứ 19 (1310-1200):

1. ? Rameses I (Ramses)
2. 1309-1290 - Seti I (Sethos)
3. 1290-1224 - Ramesses II (Ramses II)
 - a. Theo những bằng chứng khảo cổ học, dường như Pha-ra-ôn này trị vì khi dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai-cập
 - b. Xây dựng các thành phố Avaris, Pithom và Ramses bởi Habaru (có thể các nô lệ người Semites hoặc Hê-bơ-rơ)
4. 1224-1216 - Marniptah (Merenptah)
5. ? Amenmesses
6. ? Seti II
7. ? Siptah
8. ? Tewosret
- 9.

D. Triều đại thứ 20 (1180-1065)

1. 1175-1144 - Rameses III
2. 1144-1065 - Rameses IV – XI

E. Triều đại thứ 21 (1065-935):

1. ? Smendes

2. ? Herihor

F. Triều đại thứ 22 (935-725 – Libyan [người Li-bi]):

1. 935-914 - Shishak (Shosenk I hoặc Sheshong I)
 - a. Bảo vệ Giê-rô-bô-am I cho đến khi Sa-lô-môn qua đời
 - b. Chinh phục xứ Pa-léc-tin khoảng năm 925 (xem Các vua I 14-25; II Sử ký 12)
2. 914-874 - Osorkon I
3. ? Osorkon II
4. ? Shoshnek II

G. Triều đại thứ 23 (759-715 – Libyan [người Li-bi])

H. Triều đại thứ 24 (725-709)

I. Triều đại thứ 25 (716/15-663 [người Ê-thi-ô-bi] Ethiopian, Nubian):

1. 710/09-696/95 - Shabako Shabaku
2. 696/95-685/84 - Shebteko Shebitku
3. 690/689, 685/84-664 - Tirhakah (Taharqa)
4. ? Tantamun

J. Triều đại thứ 26 (663-525 - Saitic):

1. 663-609 - Psammetichus I (Psamtik)
2. 609-593 - Neco II (Necho)
3. 593-588 - Psammetichus II (Psamtik)
4. 588-569 - Apries (Hophra)
5. 569-525 - Amasis
6. ? - Psammetichus III (Psamtik)

K. Triều đại thứ 27 (525-401 - Ba Tư):

1. 530-522 - Cambyses II (con trai của Si-ru II)
2. 522-486 – Đa-ri-út I
3. 486-465 – Xét-xe I
4. 465-424 - A-t-ta-xét-xe I
5. 423-404 – Đa-ri-út II

L. Một số triều đại ngắn (404-332)

1. 404-359 - A-t-ta-xét-xe II
2. 359/8 - 338/7 - A-t-ta-xét-xe III
3. 338/7 - 336/7 - Arses
4. 336/5 - 331 – Đa-ri-út III

* Để biết niên đại khác nên tham khảo quyển Zondervan's Pictorial Bible Encyclopedia, quyển 2 trang 231.

V. Lược khảo Hy Lạp:

A. 359-336 - Philip II người Ma-xê-đoan:

1. Lập ra nước Hy Lạp
 2. Bị ám sát năm 336 trước Chúa
- B. 336-323 – A-léc-xăn-đơ II Đại đế (con trai của Phi-líp):
1. Đánh bại Đa-ri-út III là vua Ba Tư tại trận chiến Isus
 2. Chết vào năm 323 (trước Chúa) ở Ba-by-lôn do một cơn sốt khi 32 hoặc 33 tuổi.
 3. Các vị tướng của A-léc-xăn-đơ chia xé đế chế của ông sau khi ông chết:
 - a. Cassander – Ma-xê-đoan và Hy Lạp
 - b. Lysimicus - Thrace
 - c. Seleucus I - Sy-ri và Ba-by-lôn
 - d. Ptolemy - Ai Cập và Pa-léc-tin
 - e. Antigonus - Tiểu Á (không kéo dài lâu)
- C. Seleucids và Ptolemies tranh giành quyền kiểm soát xứ Pa-léc-tin:
1. Sy-ri (những nhà cai trị của dòng họ Seleucid):
 - a. 312-280 - Seleucus I
 - b. 280-261 - Antiochus I Soter
 - c. 261-146 - Antiochus II Theus
 - d. 246-226 - Seleucus II Callinicus
 - e. 226-223 - Seleucus III Ceraunus
 - f. 223-187 - Antiochus III Đại đế
 - g. 187-175 - Seleucus IV Philopator
 - h. 175-163 - Antiochus IV Epiphanes
 - i. 163-162 - Antiochus V
 - j. 162-150 - Demetrius I
 2. Ai Cập (những nhà cai trị thuộc dòng họ Ptolemaic):
 - a. 327-285 - Ptolemy I Soter
 - b. 285-246 - Ptolemy II Philadelphus
 - c. 246-221 - Ptolemy III Euegetes
 - d. 221-203 - Ptolemy IV Philopator
 - e. 203-181 - Ptolemy V Epiphanes
 - f. 181-146 - Ptolemy VI Philometor
 3. Lược khảo vắn tắt:
 - a. 301 - xứ Pa-léc-tin ở dưới sự cai trị của nhà Ptolemy trong 181 năm.
 - b. 175-163 - Antiochus IV Epiphanes là vua thứ tám dòng họ Seleucid muốn Hy Lạp hóa (Hellenize) người Do Thái bằng thậm chí bằng vũ lực nếu cần thiết:
 - (1) Xây dựng vận động trường
 - (2) Xây dựng bàn thờ ngoại giáo của thần Zeus Olympius trong Đền thờ
 - c. 168 - ngày 13 tháng 12 Antiochus IV Epiphanes cho đặt con heo bị giết trên bàn thờ ở Giê-ru-sa-lem. Một số người xem việc này là sự “phá hoại ghê tởm” được đề cập trong Đa-ni-ên 8.
 - d. 167 - Mattathias là thầy tế lễ tại Modin cùng với những người con trai nổi loạn. Người nổi tiếng nhất trong những con trai của ông là Giu-đa Mác-ca-bê, biệt danh là “Giu-đa đao búa.”
 - e. 165 - ngày 25 tháng 12 - Đền thờ được tái cung hiến. Sự kiện này được gọi là lễ Hanukkah hay là “Lễ hội đốt đèn.”

Để có thảo luận hay về những vấn đề của việc định ngày tháng, quy trình thực hiện và những phỏng định nên xem quyển The Expositors Bible Commentary, quyển 4, trang 10-17.

PHỤ LỤC BA
BIỂU ĐỒ CỦA TOÀN BỘ CỰU ƯỚC
(xem trang sau)

